

**ĐẢNG ỦY – BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI**

**LỊCH SỬ  
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG  
TỈNH ĐỒNG NAI  
1945 - 1995**

**NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**

**Ban chỉ đạo:**

**- TRẦN THỊ MINH HOÀNG**

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai – trưởng ban.

**- NGUYỄN TRÍ THỨC**

Chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh Đồng Nai – phó ban thường trực

**- NGUYỄN TRÙNG PHƯƠNG**

Phó chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai – phó ban

**- NGUYỄN NAM NGŨ**

Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin – Thể thao tỉnh Đồng Nai

**- VÕ MINH QUANG**

Giám đốc sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Đồng Nai

**- TẠ ĐIỀN**

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Đồng Nai

**- TRẦN ĐÌNH THÀNH**

Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

**- ĐINH VĂN TUỆ**

Nguyên Trưởng phòng KHCMNT Quân khu 7

**- PHAN VĂN TRANG**

Nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

**- LÂM HIẾU TRUNG**

Nguyên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai

**- TRẦN CÔNG AN**

Nguyên Tỉnh đội trưởng Biên Hòa

**Tổ chức thực hiện:**

**ĐẢNG ỦY BỘ - CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI**

**Cơ quan quản lý khoa học:**

**SỞ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI**

**Ban chủ nhiệm đề tài:**

**Đại tá NGUYỄN TRÍ THỨC**

Chỉ huy trưởng BCHQS, chủ nhiệm

**Thượng tá NGUYỄN TRỌNG TIẾT**

Phó Chỉ huy trưởng BCHQS, phó chủ nhiệm thường trực

**Chủ biên:**

**LÂM HIẾU TRUNG** (chương kết luận)

**Người viết:**

**Thượng tá TS HỒ SƠN ĐÀI** (chương một, hai, ba)

**TS TRẦN TOẢN** (chương bốn, năm, sáu)

**Th.S TRẦN QUANG TOẠI** (chương mở đầu, bảy, tám)

**CN PHẠM THANH QUANG** (chương chín, mười, mười một)

**Tư liệu phụ lục:**

**Trung tá PHẠM HỮU DÔ**

## LỜI NÓI ĐẦU

*Lực lượng vũ trang cách mạng tỉnh Đồng Nai từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.*

*Hình thức đấu tranh vũ trang ở Đồng Nai ra đời khá sớm: từ đội Xích vệ trong cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng (1930), đến đội vũ trang trong Nam Kỳ khởi nghĩa (1940). Thế nhưng phải đến khi Cách mạng Tháng Tám thành công, từ yêu cầu phải bảo vệ nền độc lập dân tộc, lực lượng vũ trang cách mạng của tỉnh Đồng Nai mới chính thức được thành lập.*

*Trải qua 30 năm kháng chiến vì độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và trên 20 năm chiến đấu, xây dựng và bảo vệ đất nước xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang Đồng Nai do Đảng lãnh đạo luôn là đội quân tiên phong, là lực lượng nòng cốt để xây dựng thế trận nhân dân đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, an ninh chính trị, trật tự xã hội để phát triển kinh tế xã hội.*

*Bản chất cách mạng, bản lĩnh của anh “Bộ đội cụ Hồ” tỉnh Đồng Nai thể hiện rất rõ qua những chiến công tiêu biểu: Gia Huỳnh, Trảng Táo, Bảo Chánh, Bàu Cá, La Ngà (trong chống Pháp), sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Thành Tuy Hạ, Xuân Lộc ... (trong chống Mỹ). Lực lượng vũ trang Đồng Nai là đơn vị sáng tạo nên cách đánh đặc công và thực hiện có hiệu quả cách đánh này để tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực, phương tiện chiến tranh của thực dân, đế quốc, phối hợp nhịp nhàng với phong trào chiến tranh nhân dân toàn miền Nam.*

*55 năm chiến đấu và xây dựng, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã tạo lập nên truyền thống vẻ vang, bất khuất, kiên trung, son sắc với Đảng, với dân với nước. 45 đơn vị và trên 30 đồng chí được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân – điều ấy phản ánh một phần những đóng góp và hi sinh to lớn của lực lượng vũ trang Đồng Nai.*

*Nhằm phát huy truyền thống chiến đấu, chiến thắng vẻ vang, giáo dục và đào tạo các thế hệ cán bộ, chiến sĩ “Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, Tỉnh ủy Đồng Nai chủ trương biên soạn công trình: “Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 – 1995)” đưa công trình này vào kế hoạch đề tài nghiên cứu cấp tỉnh để triển khai.*

*Hai năm qua, Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban biên soạn đề tài đã làm việc nghiêm túc, khẩn trương, khai thác và xử lý một khối lượng lớn tài liệu lưu trữ; tổ chức nhiều cuộc hội nghị, tọa đàm nhân chứng; đi điền dã để bổ sung tư liệu lịch sử. Đến nay công trình đã hoàn thành và thông qua Hội đồng Khoa học của tỉnh.*

*Tỉnh ủy, Đảng ủy – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai quyết định cho xuất bản cuốn sách “Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 – 1995)” để phổ*

*biển rộng rãi trong cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân tỉnh nhà, phục vụ yêu cầu tuyên truyền, giáo dục, học tập và phát huy truyền thống “Miền Đông gian lao mà anh dũng” trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, xây dựng tỉnh Đồng Nai giàu đẹp, công bằng văn minh.*

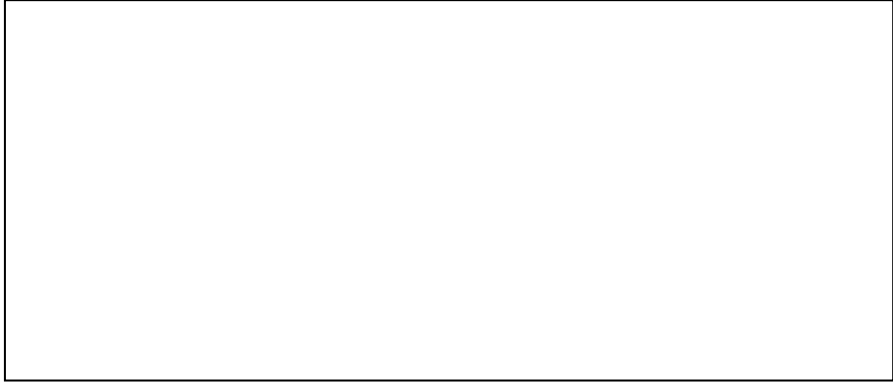
*Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, tôi chân thành cảm ơn các vị giáo sư, các nhà khoa học trong hội đồng, các đồng chí nguyên là lãnh đạo, chỉ huy, các cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và đồng bào qua các thời kỳ kháng chiến, thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình khoa học này. Cảm ơn Nhà xuất bản Quân đội nhân dân đã tạo thuận lợi để cuốn sách được xuất bản ra mắt bạn đọc.*

*Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách này và mong nhận được những ý kiến đóng góp phê bình của đồng bào, đồng chí.*

**TRẦN THỊ MINH HOÀNG**

*Ủy viên Trung ương Đảng*

*Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai*



*Chương mở đầu*  
**ĐỒNG NAI – CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG TIỀN THÂN**

**1. VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA NHÂN DÂN ĐỒNG NAI.**

Đồng Nai là một tỉnh của miền Đông Nam Bộ, vùng đất chuyển tiếp giữa Nam Bộ - cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, được Trung ương xác định là tỉnh nằm trong khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam bao gồm thành phố Hồ Chí Minh – Biên Hòa – Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đồng Nai phía bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía tây giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh; đông giáp tỉnh Bình Thuận; nam giáp biển Đông và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, diện tích 5.866,4 ki lô mét vuông.

Tỉnh Đồng Nai có tám huyện, một thành phố: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh, Nhơn Trạch, Long Thành, Thống Nhất, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa, gồm 163 xã, phường, thị trấn; dân số 1.982.000<sup>(1)</sup> người với khoảng 40 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 92,8 %. Dân theo đạo Thiên chúa khoảng 700.000 người. Thành phố Biên Hòa là đô thị loại II, nằm ở tả ngạn sông Đồng Nai, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh và miền Đông Nam Bộ.

Đồng Nai nằm ở 10°22'33" – 10°36'00" vĩ độ bắc, khí hậu thuộc loại nhiệt đới gió mùa, nóng đều quanh năm; nhiệt độ giữa các tháng không chênh lệch quá lớn, bình quân từ 25,4 đến 27,2 (nóng nhất vào tháng 4, tháng 5); trung bình hàng năm có 2.000 đến 5.000 giờ nắng.

Khí hậu Đồng Nai chia làm hai mùa: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11; mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau; lượng mưa trung bình cả năm từ 1.800 đến 1.860 mm (mùa mưa chiếm tới 90 %). Do địa hình khác nhau, nên khu vực phía bắc tỉnh như các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh... mùa mưa thường đến sớm và chấm dứt muộn với lượng mưa trung bình 1.500 mm. Đồng Nai là tỉnh ít có gió lốc và bão.

Qua quá trình kiến tạo địa chất lâu dài, Đồng Nai là vùng trung du chuyển tiếp giữa cao nguyên Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, có độ dốc trung bình dưới 100 mét so mặt nước biển; độ cao giảm dần từ đông bắc sang tây nam. Địa hình Đồng Nai gồm các dạng tiêu biểu như sau:

+ *Dạng địa hình đồng bằng* cấu tạo bởi phù sa trẻ gồm hai loại: khu vực hạ lưu sông Đồng Nai thuộc đồng bằng thấp, độ cao trung bình 0,5 đến 5 mét như Long Thành, Nhơn Trạch, thường bị ngập úng. Khu vực nằm dọc các sông Đồng Nai, La Ngà, Sông Ray thuộc loại đồng bằng cao, độ cao trung bình từ 5 đến 10

---

<sup>1</sup>. Số liệu qua điều tra dân số tháng 1 năm 1999.

mét, độ dốc nhỏ hơn 1 mét/ki-lô-mét như huyện Vĩnh Cửu, Định Quán... thường bị mưa lũ rửa trôi màu.

+ *Dạng địa hình bậc thềm* cấu tạo bởi phù sa cổ, có độ cao trung bình từ 10 đến 45 mét, độ nghiêng 1,5 đến 3,0 mét/ki-lô-mét phân bố chủ yếu ở huyện Vĩnh Cửu, tây huyện Thống Nhất, đông huyện Long Thành và huyện Xuân Lộc.

+ *Dạng địa hình đồi núi thấp* có độ cao trung bình từ 45 đến 200 mét; đồi thường có đỉnh tròn, dốc thoải, lượn sóng, xen kẽ là những thung lũng tương đối rộng như ở huyện Xuân Lộc, Long Khánh.

+ *Dạng địa hình đồi núi thấp*, độ cao trên 300 mét, độ dốc trên 70, sắp xếp không theo quy luật, có dạng bát úp, xen kẽ là những thung lũng dài và hẹp như ở các huyện Tân Phú, Long Khánh, Xuân Lộc; thỉnh thoảng có những ngọn núi cao như Chứa Chan (837 mét) và Mây Tàu (700 mét).

Về thổ nhưỡng, Đồng Nai có ba loại nhóm đất chính:

+ *Đất hình thành trên đá basalt* chiếm 229.416 ha (39,1 %), phân bố chủ yếu ở các huyện Tân Phú, Định Quán, Long Khánh, nam Xuân Lộc, đông Long Thành, đông Thống Nhất. Đất có nền hạ tương đối vững, nhiều điểm cao, thuận lợi cho việc cơ động, triển khai các phương tiện, thiết bị quân sự.

+ *Đất hình thành trên phù sa cổ và đá phiến sét* chiếm diện tích 246.380 ha (41,9 %), phân bố ở các huyện Xuân Lộc, Long Thành, Thống Nhất, đông Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch, thành phố Biên Hòa. Đất có nền hạ vững, hệ thống giao thông thuận lợi, thuận lợi cho việc cơ động, xây dựng các căn cứ, kho tàng quân sự.

+ *Đất hình thành trên các tràm tích sông, tràm tích biển*, đầm lầy, diện tích 58.400 ha (9,9 %), phân bố chủ yếu ở tây huyện Vĩnh Cửu, Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch, một phần diện tích bị nhiễm mặn như tây nam huyện Nhơn Trạch. Đất nhiều kênh rạch, sông ngòi.

Rừng Đồng Nai trước đây chiếm tới 45 % diện tích đất đai, hiện còn khoảng 19,2 %<sup>(1)</sup>; rừng tự nhiên chiếm 130.789 ha. Các huyện có diện tích rừng tương đối lớn là Vĩnh Cửu 54.862 ha, Tân Phú 42.179 ha, Định Quán 27.952 ha. Rừng Đồng Nai có trữ lượng gỗ trên 4 triệu mét khối, có nhiều loại gỗ quý hiếm như cẩm lai, gỗ mật, gụ, giáng hương, sao, trắc, mun... trên 55 triệu cây tre, nứa; có nhiều loại thú quý hiếm như voi, bò tót, hươu, nai, sơn dương, khỉ, vọc... và nhiều loại cây dược liệu quý. Đặc biệt Đồng Nai có khu rừng nguyên sinh nam Cát Tiên nối liền với rừng của hai tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước rộng trên 35 ngàn héc-ta đã được quy hoạch thành khu rừng quốc gia.<sup>(2)</sup>

Ngoài ra Đồng Nai còn có hàng chục ngàn ha rừng sác (rừng ngập mặn) ven sông Thị Vải, sông Lòng Tàu thuộc hai huyện Long Thành, Nhơn Trạch, giáp liền Rừng Sác thuộc huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, huyện Cần Giờ thành

<sup>1</sup> Theo thống kê đất đai đến ngày 1 tháng 10 năm 1995.

<sup>2</sup> Rừng Nam Cát Tiên có 185 loài thực vật thuộc 73 họ, 133 giống, trong đó 50 loại gỗ quý, 24 loại cây thuốc (8 loại cây chứa viatmine), 11 loại cây cho dầu và quả. Thú rừng có 62 loại thuộc 25 họ, 22 loại bó sát thuộc 12 họ, 121 loài chim thuộc 43 họ.

phố Hồ Chí Minh. Trong hơn 40.632 ha rừng trồng ở Đồng Nai, cao su chiếm trên 30.000 ha được trồng và phát triển từ những năm đầu thế kỷ 20 dọc các quốc lộ 1, 15, 20 và liên tỉnh lộ số 2. Rừng Đồng Nai trong kháng chiến là một hệ thống liên hoàn, ở đó ta xây dựng những căn cứ địa, chiến khu nổi tiếng như chiến khu D, chiến khu Rừng Sác, các căn cứ du kích như Vĩnh Cửu, Bình Đa, Tân Phong, Bình Sơn, Phước Thái... tạo điều kiện áp sát địch để tiến công các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự của địch trong thị trấn, thị xã, thành phố.

Đồng Nai có hệ thống sông ngòi, hồ ao, đầm dày đặc, phân bố tương đối đều ở các vùng. Sông Đồng Nai là một trong hai con sông lớn ở Nam Bộ - con sông duy nhất phát tích trong nội địa bắt nguồn từ cao nguyên Di Linh, dài 450 ki-lô-mét. Sông Đồng Nai đoạn chảy qua tỉnh dài 290 ki-lô-mét với lưu lượng 485 mét khối/giây. Sông có hai phụ lưu, là sông La Ngà và sông Bé. Sông La Ngà đoạn chảy qua tỉnh dài 90 ki-lô-mét, lưu lượng 100 mét khối/giây. Sông Bé chảy qua tỉnh Đồng Nai dài 22 ki-lô-mét, lưu lượng 133 mét khối/giây.

Ngoài hệ thống sông Đồng Nai còn các sông lớn khác như sông Ray, sông Thị Vải, Lòng Tàu. Hệ thống sông ở Đồng Nai không chỉ thuận lợi cho giao thông, mà còn là nguồn năng lượng lớn<sup>(1)</sup>, đồng thời với độ mớm nước sâu có đủ điều kiện cải tạo xây dựng thành những bến cảng thuận tiện cho tàu nhiều ngàn tấn ra vào.

Tuy chưa điều tra hết, nhưng bước đầu cho thấy Đồng Nai có tiềm năng nhất định về khoáng sản: Vàng có ở Hiếu Liêm; thiếc, chì, kẽm ở dạng hợp chất sulfur và carbonade ở núi Chứa Chan. Các mỏ đá như Trảng Bom, Vĩnh Tân, Hóa An, Bình Hóa, Tân Bản, Tân An, Sóc Lu... cao lanh ở Tân Phong, than bùn ở Phú Bình, đất sét ở Thiện Tân, Hóa An; cát trên sông Đồng Nai...

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, luật đầu tư của Nhà nước, các chính sách hợp tác đầu tư, sự năng động của Đảng bộ cộng với những điều kiện thuận lợi về giao thông, hạ tầng, lao động... Đồng Nai đã quy hoạch 17 khu công nghiệp, trong đó có 10 khu công nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt và đi vào hoạt động có hiệu quả<sup>(2)</sup>

\* \*

\*

Cách đây hơn 300 năm, Đồng Nai là vùng đất mới, người Việt có mặt để khai khẩn sinh sống ít ra từ đầu thế kỷ 17. Những năm 30 của thế kỷ 17, ngày càng nhiều những người Việt chống đối cuộc chiến tranh giành quyền lực của hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn tìm vào vùng đất phương Nam. Năm 1679, chúa Nguyễn Phúc Tần cho một số bộ phận người Hoa chống triều đình Mãn Thanh vào định cư ở xứ Bàn Lân. Người Hoa, người Việt và các dân tộc bản địa đã xây dựng nên một cù lao Phố sầm uất. Tên Đồng Nai bây giờ là tên gọi chung của cả vùng đất Nam Bộ mệnh mông mà nhà sử học Lê Quý Đôn mô tả trong Phủ Biên tạp

<sup>1</sup> Nguồn thủy năng Đồng Nai với công suất lý thuyết ước khoảng 581,5 ngàn kw; trong đó sông Đồng Nai 508.572 kw; sông Buông 765 kw, sông La Ngà 114 kw; sông Ray 40 kw

<sup>2</sup> Tính đến tháng 8 năm 1999 đã có 231 giấy phép còn hiệu lực với vốn đăng ký là 4,2 tỷ USD



lục:... Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai từ cửa biển Cần Giờ, Soài Rạp, cửa Đại, cửa Tiểu trở vào toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm.

Năm 1698, Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào xây dựng thiết chế hành chính ở vùng đất mới. Ông lấy xứ Đồng Nai lập phủ Gia Định, gồm có hai huyện, trong đó huyện Phước Long có dinh Trấn Biên, chính là vùng đất Đồng Nai ngày nay.<sup>(1)</sup>

Sau năm 1698, người Việt từ Ngũ Quảng<sup>(2)</sup> vào Đồng Nai lập nghiệp ngày càng đông, cùng với các dân tộc anh em, mà dân tộc bản địa là người Chơ Ro, Mạ, S'tiêng đoàn kết đấu tranh khắc phục thiên nhiên, xây dựng nên một nền văn hóa dung hợp phong phú, kết hợp với truyền thống 4.000 năm văn hiến của dân tộc, tạo nên tính cách người Đồng Nai bộc trực, chân thật, ghét cái ác, nghĩa khí và hào phóng.

Đội ngũ giai cấp công nhân Đồng Nai ra đời cùng với chính sách bóc lột tài nguyên thiên nhiên, lao động thuộc địa của tư bản thực dân Pháp từ những năm đầu thế kỷ 20 (nhất là từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 – 1918). Vốn xuất thân từ giai cấp nông dân chân lấm tay bùn bị đại chủ phong kiến bóc lột, áp bức nặng nề, giai cấp công nhân ở Đồng Nai luôn gắn bó đoàn kết với giai cấp nông dân, đi cùng dân tộc trong suốt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

\* \*

\*

Ba trăm năm (1698 – 1998), vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai qua tiến trình lịch sử nhiều lần thay đổi với địa giới hành chính, thay đổi tên gọi:

+ Từ 1698 – 1945:

- Năm 1698 đến 1808, lần lượt với tên huyện Phước Long, phủ Phước Long.
- Năm 1808 đến 1832, trấn Biên Hòa.
- Năm 1832 đến 1861, tỉnh Biên Hòa.

Địa giới hành chính rất rộng bao gồm tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh ngày nay diện tích trên 17.000 ki - lô - mét vuông.

+ Từ 1861 – 1954:

Đối với chính quyền thực dân Pháp, cơ bản gồm hai tỉnh Biên Hòa và Phước Tuy. Tỉnh Biên Hòa gồm tỉnh Đồng Nai hiện tại và tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với cách mạng, từ sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công đến tháng 5 năm 1951, là tỉnh Biên Hòa, gồm cả phần đất ngày nay thuộc tỉnh Bình

---

<sup>1</sup> Huyện Phước Long khi đó bao gồm cả tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Bình Phước và một phần tỉnh Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup> Ngũ Quảng gồm có Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (tức Thừa Thiên Huế).

Phước, một phần tỉnh Bình Dương. Từ tháng 5 năm 1951 đến tháng 7 năm 1954, hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Địa giới tỉnh Thủ Biên bao gồm tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Dương, Bình Phước, quận Thủ Đức, quận 2, quận 9 (thành phố Hồ Chí Minh), nhưng không có huyện Long Thành (vì chuyển giao về tỉnh Bà Rịa – Chợ Lớn).

+ Từ 1954 – 1975:

Từ năm 1957, ngụy quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Long Khánh (gồm các huyện Xuân Lộc, Long Khánh, Định Quán, Tân Phú và một phần phía bắc huyện Thống Nhất ngày nay). Năm 1959, ngụy quyền lại chia cắt thành lập tỉnh Phước Thành, bao gồm cả vùng căn cứ chiến khu Đ (tức có một phần đất huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai). Tỉnh Biên Hòa có các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Tân Uyên.

Đối với cách mạng, do yêu cầu nhiệm vụ của kháng chiến, đây là thời kỳ có nhiều biến đổi về địa lý hành chính và chiến trường. Tỉnh Biên Hòa nhiều lần tách nhập cùng các tỉnh Thủ Dầu Một, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Các tên gọi của tỉnh và các chiến trường có liên quan đến địa giới của tỉnh thời kỳ này là: Biên Hòa, Long Khánh, Thủ Biên, Bà Biên, Bà Rịa – Long Khánh, U1 (một đơn vị chiến trường ngang cấp tỉnh, thành lập tháng 9 năm 1965 gồm thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu; tháng 10 năm 1967 có thêm huyện Trảng Bom), phân khu 4, phân khu Thủ Biên, tỉnh Tân Phú. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, tháng giêng năm 1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập.<sup>(1)</sup>Năm 1978, đưa huyện Duyên Hải về thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1991, tách ba huyện ven biển là Xuyên Mộc, Châu Thành, Long Đất về thành lập tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai còn địa lý hành chính như ngày nay.

Do việc tách nhập cùng các chiến trường khác, nên lực lượng vũ trang của tỉnh nhiều lần phải sắp xếp, xây dựng, củng cố cả về Ban chỉ huy (tỉnh đội), về bố trí lực lượng, địa bàn đứng chân tác chiến...

Vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quân sự của Đồng Nai thể hiện khá rõ trong cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn vào thế kỷ 17. Một thời gian dài, các chúa Nguyễn đã lấy vùng đất Trấn Biên làm bàn đạp để mở rộng việc khai mở về hướng đông bằng sông Cửu Long đồng thời thực hiện chính sách khẩn hoang rộng rãi, rút nhân tài, vật lực tăng cường quốc phòng để chống lại chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Cửa biển Cần Giờ, sông Lòng Tàu đã từng chứng kiến nhiều trận chiến đầu, chiến công oai hùng của nghĩa quân Tây Sơn do người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ chỉ huy những lần tiến vào Gia Định. Mùa xuân Nhâm Dần 1782, nghĩa quân Tây Sơn đánh bại đoàn quân của Nguyễn Ánh, nhấn chìm nhiều tàu giặc ở cửa sông Cần Giờ, trong đó có tàu chỉ huy của tên Manuel người Bồ Đào Nha, cố vấn huấn luyện thủy quân cho Nguyễn Ánh.

Tháng 2 năm Quý Mão 1783, một lần nữa nghĩa quân Tây Sơn lại đánh bại đoàn thuyền chiến của Nguyễn Ánh trên sông Lòng Tàu, tiến chiếm Gia Định.

---

<sup>1</sup> Năm 1979, cắt Vũng Tàu lập Đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo

Năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy lại theo sông Lòng Tàu tiến quân về Rạch Gầm – Xoài Mút đánh tan 5 vạn quân Xiêm do Nguyễn Ánh cầu viện.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ I, không dễ dàng đầu hàng giặc như triều đình nhà Nguyễn một lần nữa nhân dân vùng Nhơn Trạch với địa thế sông rạch hiểm trở, đã là chỗ dựa quan trọng để “Bình Tây đại nguyên soái Trương Định” tụ tập nghĩa quân, xây dựng căn cứ chống giặc xâm lược (1861-1864).

Đặc biệt trong hai cuộc kháng chiến giành độc lập dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đồng Nai càng thể hiện là nơi có vị trí chiến lược quan trọng đối với cả ta và địch. Là đại bản nối liền Nam Bộ - cực Nam Trung Bộ - Nam tây Nguyên, Đồng Nai có một hệ thống giao thông thuận lợi cho vận chuyển kinh tế, quân sự: quốc lộ số 1 nối liền Nam – Bắc đi ngang qua tỉnh; quốc lộ 15 (nay là quốc lộ 51) nối liền Đồng Nai với tuyến biển Bà Rịa – Vũng Tàu, quốc lộ 2 từ ngã ba Dầu Giây đi Lâm Đồng lên Tây Nguyên; liên tỉnh lộ 2 nối Long Khánh, với Bà Rịa ra Vũng Tàu. Đường sắt Bắc – Nam chạy ngang qua tỉnh dài 90 ki-lô-mét. Đường sông Đồng Nai, Lòng Tàu nối thông sông Sài Gòn, Nhà Bè ra biển Đông là tuyến đường thủy quan trọng, trong chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đã triển khai xây dựng nhiều bến cảng, kho tàng quân sự. Đồng Nai còn có sân bay quân sự Biên Hòa, từ một xưởng sửa chữa máy bay của Pháp, Nhật, được Mỹ mở rộng nâng cấp thành sân bay quân sự chiến lược thuộc loại lớn ở Đông Nam Á (từ 1965-1975).

Trong hai cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ đều chọn Đồng Nai làm trung tâm chỉ huy ở miền Đông Nam Bộ, là vành đai phía đông để bảo vệ thủ phủ nguy quyền ở Sài Gòn. Chúng ưu tiên bố trí tại đây một lực lượng lớn quân nguy, quân viễn chinh Mỹ và các loại quân chư hầu; xây dựng nhiều cơ quan, căn cứ, kho tàng quân sự lớn để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam và miền Đông Nam Bộ. Tiêu biểu như: bộ tư lệnh quân đoàn 3, nha cảnh sát miền Đông, bộ tư lệnh dã chiến 2, bộ tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ, tổng kho liên hợp Long Bình, kho Thành Tuy Hạ, các căn cứ Nước Trong, Hóc Bà Thúc, Hoàng Diệu, căn cứ trung đoàn thiết giáp 11 Mỹ, sân bay quân sự Biên Hòa...

Đối với cách mạng, Biên Hòa – Đồng Nai có vị trí đặc biệt quan trọng. Đồng Nai có địa thế ba vùng: vùng rừng núi nối liền rừng cực nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Bình Phước và đông nam Cam-pu-chia, đường giao thông thủy bộ...vừa có thể xây dựng căn cứ địa vững chắc, vừa là khu vực chiến trường rất thuận lợi cho các trận đánh lớn, cho phục kích đánh giao thông thủy bộ; tập kích các căn cứ, hậu cứ lớn của địch. Là chiến trường lý tưởng cho cả tác chiến du kích lẫn chính quy.

Vùng đồng bằng nông thôn Đồng Nai rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nơi cung cấp sức người sức của cho kháng chiến, lại không cách xa thị xã, thị trấn, có nhân dân yêu nước, đủ điều kiện để xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài, xây dựng phát triển lực lượng vũ trang, phong trào nhân dân du kích chiến tranh, tạo bàn đạp tiến công địch.

Vùng đô thị với thành phố Biên Hòa và các thị xã, thị trấn khác, dân cư tập trung đông, nhiều cơ sở chính trị, quân sự, kinh tế văn hóa... là nơi cung cấp những hàng hóa, vật dụng cao cấp cho kháng chiến. Vùng ven các đô thị có nhiều chương ngại vật thiên nhiên thuận lợi cho việc trú ẩn quân, xây dựng căn cứ du kích, bần đạp tấn công địch.

Như vậy, với vị trí gồm cả ba vùng chiến lược rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị, Đồng Nai có lợi thế xây dựng ba thứ quân và tổ chức nhiều hình thức tác chiến thích hợp, không chỉ diệt sinh lực địch, mà còn phối hợp nhiều lực lượng, nhiều phương thức tác chiến diệt phương tiện chiến tranh, hỗ trợ đặc lực cho chiến trường chung và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng địa phương.

Ngày 12 tháng 2 năm 1859; liên quân Pháp – Y Pha Nho nổ súng tấn công Gia Định, mở đầu cuộc xâm lược ở Nam Bộ.

Tháng 2 năm 1861, đại đồn Phú Thọ (Chí Hòa) thất thủ. Nguyễn Tri Phương chỉ huy 600 quân triều đình rút về thành Biên Hòa để tổ chức chiến đấu. Cuộc tấn công Biên Hòa của quân Pháp do đại tá Bô – na (Bonard) gồm hai cánh quân thủy, bộ. Ngày 14 tháng 12 quân Pháp tấn công thành Biên Hòa. Quân triều đình chống trả quyết liệt, nhưng đến ngày 16 tháng 12 năm 1861, thành Biên Hòa bị thất thủ.

Ngày 26 tháng 12 năm 1861, nghĩa quân Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của lãnh binh Nguyễn Đức Ứng đã chặn đánh quyết liệt quân Pháp ở Long Thành, gây cho chúng nhiều thiệt hại khi mở rộng lấn chiếm. Do lực lượng vũ khí hạn chế, phòng tuyến bị phá vỡ, lãnh binh Nguyễn Đức Ứng hi sinh.

Mặc dù triều đình nhà Nguyễn đã ký nhượng ba tỉnh miền Đông cho thực dân Pháp (hòa ước Nhâm Tuất 1862), nhưng nhân dân Biên Hòa dưới cờ tự nghĩa của Bình Tây đại nguyên soái Trương Định vẫn kiên quyết chiến đấu liên tục từ năm 1861 – 1865. Nhiều sĩ phu yêu nước như Nguyễn Thành Ý, Phan Trung đã tập hợp nhân dân cùng tham gia xây dựng hai căn cứ Bàu Cá (nay thuộc huyện Thống Nhất), Giao Loan ở Biên Hòa (nay thuộc huyện Xuân Lộc) để tạo điều kiện choc nghĩa quân chiến đấu lâu dài. Đặc biệt đồng bào dân tộc ít người ở Biên Hòa đã tham gia nghĩa quân, bằng nà, tên tằm thuốc độc, gây nhiều khó khăn cho công cuộc bình định của thực dân Pháp ở miền Đông Nam Bộ.

Năm 1865, quân Pháp tập trung lực lượng tấn công, căn cứ Bàu Cá và Giao Loan bị thực dân chiếm đóng. Phong trào kháng chiến ở Biên Hòa tạm lắng lại.

Những năm đầu thế kỷ 20, phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp ở Biên Hòa lại được khôi phục. Năm 1905, nhà nho Đoàn Văn Cừ xây dựng căn cứ ở Bung Kiệu (ấp Vĩnh Cửu phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa) và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Tuy nhiên việc không thành, ông và 16 nghĩa quân hi sinh trong một cuộc đột kích của quân Pháp vào căn cứ.

Ngày 25 tháng 1 năm 1916, một tổ chức yêu nước có vũ trang ở trại Lâm Trung – Biên Hòa đã mở cuộc tấn công đồng loạt vào các nhà làng Tân Trạch, Tân Lương, Tân Triều Tây, khám đường Biên Hòa giải thoát nhiều thanh niên bị thực dân cưỡng ép đi lính, sau đó tập trung tấn công vào dinh tham biện Biên Hòa.

Cuộc nổi dậy vũ trang của trại Lâm Trung tuy không thành nhưng gây tiếng vang lớn. Thực dân Pháp bắt và giết hại nhiều lãnh tụ và nghĩa binh.

Ngày 27 tháng 4 năm 1916, tòa án binh của thực dân Pháp tuyên án tử hình chín người đứng đầu trại Lâm Trung và đưa đi xử bắn tại ngã ba Đốc Sỏi.<sup>(1)</sup> Trước cái chết, cả chín người lãnh tụ nghĩa quân đều thể hiện tinh thần bất khuất của nhân dân Biên Hòa.

Sự thất bại của nghĩa quân trại Lâm Trung đánh dấu sự thất bại của các lực lượng đấu tranh do các sĩ phu, người yêu nước của hệ tư tưởng Nho giáo, phong kiến ở Biên Hòa lãnh đạo.

## II. CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG TIỀN THÂN

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương đánh dấu bước ngoặt của cách mạng nước ta, mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc do lực lượng tiên phong của giai cấp công nhân với hệ tư tưởng Mác – Lênin lãnh đạo.

Đúng ngày Đảng ta ra đời, chi bộ đảng cộng sản ở đồn điền cao su Phú Riềng Biên Hòa<sup>(2)</sup> đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân đòi dân sinh, dân chủ, chống tư bản thực dân Pháp áp bức bóc lột. Cuộc đấu tranh chính trị đã trở thành cuộc đấu tranh nổi dậy có vũ trang. Đội Xích vệ đã tước vũ khí đội lính bảo vệ đồn điền, phát động công nhân nổi dậy chiếm sở, treo cờ búa liềm... Đội Xích vệ Phú Riềng là hình thức tổ chức vũ trang nhân dân hình thành đầu tiên ở Biên Hòa. Đây cũng là cuộc đấu tranh có vũ trang đầu tiên của đội ngũ giai cấp công nhân ở Biên Hòa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào cách mạng của Biên Hòa có những bước phát triển sâu và rộng hơn. Từ hạt giống đỏ Phú Riềng, Bình Phước – Tân Triều<sup>(3)</sup> qua phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, hàng loạt các chi bộ đảng đã được thành lập ở huyện Châu Thành (tức huyện Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa ngày nay), Xuân Lộc, Tân Uyên. Tháng 2 năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập.<sup>(4)</sup>

Tháng 9 năm 1939, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ. Thực dân Pháp ra sức đàn áp phong trào cách mạng ở thuộc địa. Năm 1940, dưới sự hậu thuẫn của phát xít Nhật, Thái Lan gây ra cuộc xung đột biên giới với quân Pháp (Cam – pu – chia – Thái Lan). Xứ ủy Nam Kỳ nhận định đây là thời cơ cách mạng và chủ trương thực hiện cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ để giành chính quyền.

Tháng 7 năm 1940, Tỉnh ủy Biên Hòa thành lập đội vũ trang cách mạng của tỉnh gồm 35 chiến sĩ. Đội vũ trang do đồng chí Huỳnh Liễn, Tỉnh ủy viên phụ trách, Trần Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy. Trang bị của đội phần nhiều là giáo,

---

<sup>1</sup> Chín người lãnh đạo gồm: Lê Văn Sót, Nguyễn Văn Tiết, Nguyễn Văn Nam, Lê Văn Khánh, Tu Văn Phan, Cao Văn Lét, Nguyễn Văn Nhan, Phạm Văn Hậu, Nguyễn Văn Hy.

<sup>2</sup> Nay là công ty cao su Đồng Phú tỉnh Bình Phước

<sup>3</sup> Chi bộ Bình Phước – Tân Triều thành lập tháng 2 năm 1935

<sup>4</sup> Bí thư Tỉnh ủy là đồng chí Trương Văn Bằng

mác, một vài khẩu súng hai nòng tịch thu được của bọn tề, tổng ngụy. Cả đội đứng cân tập luyện ở rừng Tân Uyên tỉnh Biên Hòa. <sup>(1)</sup>

Ngày 23 tháng 11 năm 1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Sài Gòn và một số tỉnh miền Tây Nam Bộ. Do có bọn phản bội bên trong, cuộc khởi nghĩa đã thất bại.

Tại Biên Hòa, thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công vào căn cứ đội vũ trang ở Lạc An. Đội đã tổ chức chống trả quyết liệt, nhưng do vũ khí thô sơ, không chống cự lại được. Đồng chí Huỳnh Liên phụ trách đội bị trọng thương và bị bắt, không chịu cho thực dân Pháp băng bó và hi sinh. Đồng chí Trần Văn Quý (Chín Quý) cho đơn vị rút sâu vào rừng, dựa vào thiên nhiên và sự giúp đỡ của quần chúng trong vùng để tồn tại. Tháng 8 năm 1945, Chín Quý đưa đội vũ trang ra tham gia cướp chính quyền ở thị trấn Tân Uyên, sau đó trở thành một bộ phận của Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Tháng 5 năm 1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong do Xứ ủy Nam kỳ lãnh đạo được thành lập. Tại Biên Hòa, tổ chức Thanh niên Tiền phong do thầy giáo Huỳnh Văn Nghệ đứng đầu, nhanh chóng phát triển ở thị xã, nông thôn, thu hút thanh niên nam nữ đủ các giai cấp, tầng lớp: công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, công, tư chức. Trong các nhà máy như đề pô xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF, các đồn điền cao su ở tỉnh Biên Hòa, tổ chức mang tên *Thanh niên tiền phong ban xí nghiệp*. Vũ khí trang bị chủ yếu là gậy tầm vông, dây thừng, dao mác... làm nhiệm vụ tuần tra canh gác bảo vệ xóm, làng, nhà máy, đồn điền.

Trong lúc đó, tại tỉnh lỵ Biên Hòa, Nguyễn Đình Ưu, <sup>2</sup> một công chức Ngân hàng nông khổ tỉnh có tư tưởng yêu nước, qua quen biết đã vận động bọn sĩ quan Nhật cho, cất giấu gần 40 khẩu súng các loại, để sau này chuyển giao cho chính quyền cách mạng xây dựng lực lượng vũ trang.

Như vậy có thể nói đội Xích vệ ở đồn điền cao su Phú Riêng năm 1930; đội vũ trang Biên Hòa thành lập tháng 7 năm 1940, lực lượng Thanh niên Tiền phong năm 1945 là những tổ chức vũ trang nhân dân. Tuy thành lập ở những thời điểm khác nhau, trong các điều kiện khác nhau, nhưng đã có vai trò nhất định trong cuộc đấu tranh của quần chúng. Đặc biệt đội vũ trang nông cốt phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Biên Hòa.

Các lực lượng vũ trang quần chúng ở Biên Hòa ra đời trước Cách mạng Tháng Tám là một tất yếu, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh chống áp bức, đấu tranh giành chính quyền từ tay phát xít Nhật, thực dân Pháp. Đó chính là những đơn vị vũ trang trong sơ khai, tiền thân của lực lượng vũ trang Đồng Nai.

---

<sup>1</sup> Nay là huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương

<sup>2</sup> Nguyễn Đình Ưu người quê tỉnh Nghệ An, tốt nghiệp trường Cao đẳng Thương mại Hà Nội



**PHẦN THỨ NHẤT**  
**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI**  
**TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP**  
**(1945 -1954)**

*Chương một*  
**QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ THỐNG NHẤT**  
**CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÁCH MẠNG**  
**(8-1945 – 6-1945)**

**I. CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG KHÁNG CHIẾN ĐẦU TIÊN**

Cách mạng tháng Tám thành công đã đưa nhân dân Biên Hòa nói riêng, cả dân tộc Việt Nam nói chung bước sang kỷ nguyên mới – kỷ nguyên độc lập, thống nhất và tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Biên Hòa hồ hởi bắt tay vào công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống mới trong bầu không khí độc lập, tự do!

Tuy nhiên, thực dân Pháp với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa đã ngang nhiên chà đạp lên nguyện vọng lao động xây dựng hòa bình của nhân dân ta, tìm mọi cách trở lại Việt Nam và Đông Dương. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, được quân Anh và quân Nhật giúp sức, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Thực hiện lời kêu gọi kiên quyết kháng chiến của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, sau đó là huấn lệnh của Chính phủ lâm thời và thư gửi đồng bào Nam Bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay trong sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945, cả Sài Gòn đã nhất tề đứng lên kháng chiến. Lực lượng tự vệ chiến đấu, xung phong công đoàn, các đơn vị vũ trang tự lập cùng nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định tập kích các cứ điểm của địch trong nội ô và xây dựng phòng tuyến trên bốn mặt trận bao xung quanh thành phố. Các tỉnh kế cận Sài Gòn như Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Tân An, các đồn điền cao su ở miền Đông Nam Bộ tổ chức nhiều đội tự vệ chiến đấu về Sài Gòn đánh Pháp. Ở các tỉnh Trung Bộ, Bắc Bộ hàng vạn thanh niên xung phong đầu quân vào tổ chức các chi đội Nam tiến hành quân vào Nam giết giặc. Cả nước tập trung kháng chiến tại Sài Gòn.

Tại Biên Hòa, ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập do Hoàng Minh Châu làm chủ tịch, Nguyễn Văn Long phụ trách cảnh sát, Ngô Hà Thành phụ trách quốc gia tự vệ cuộc... Ủy ban khẩn trương chỉ đạo nhân dân thành lập chính quyền cách mạng nhân dân các cấp, xây dựng lực lượng vũ trang, ổn định đời sống nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội từ thị xã, thị trấn đến các thôn ấp.

Vừa thoát khỏi ách nô lệ kéo dài gần một thế kỷ, nhân dân Biên Hòa phải đương đầu với hàng loạt khó khăn: ổn định kinh tế, khắc phục những hậu quả nặng

nề về đời sống văn hóa xã hội do chế độ thực dân cũ để lại. Lính cũ của Nhật, của Pháp, bọn mã tà lính kín của chế độ cũ, cộng với các bè đảng trộm cướp, giang hồ... đứng ra thành lập những toán vũ trang vô chính phủ cát cứ riêng. Các phần tử phản động trong đảng Đại Việt, Trôtkít...ngấm ngấm móc nối với các lực lượng bất mãn phản động khác âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, xóa bỏ thành quả của Cách mạng tháng Tám.

Hơn ai hết, nhân dân Biên Hòa nói riêng, nhân dân cả nước nói chung vô cùng nâng niu trân trọng nền hòa bình độc lập vừa giành được. Nhưng giờ đây, trước hiểm họa mất nước một lần nữa, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Biên Hòa kiên quyết đứng lên kháng chiến. Chính quyền cách mạng vừa mới thành lập cùng với nhân dân các địa phương một mặt triển khai xây dựng chế độ xã hội mới, mặt khác ráo riết chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến chắc chắn sẽ diễn ra trên địa bàn tỉnh trong nay mai.

Tình hình hết sức khẩn trương, cần sự lãnh đạo của tổ chức Đảng thống nhất tại Biên Hòa. Ngay đêm ngày 23 tháng 9 năm 1945, đồng chí Hà Huy Giáp thay mặt Xứ ủy Nam Bộ triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh Biên Hòa. Tại nhà Hội xá Bình Trước quận Châu Thành (nay là nhà Bảo tàng thành phố Biên Hòa), gần 40 cán bộ là những đảng viên từng hoạt động ở Biên Hòa trước năm 1945, một số đồng chí vừa từ nhà tù Côn Đảo trở về hoặc từ Sài Gòn được Xứ ủy lâm thời Nam Bộ giới thiệu về tham gia dự họp. Hội nghị quyết nghị củng cố lại tổ chức tỉnh đảng bộ Biên Hòa từ tỉnh ủy xuống các quận ủy, củng cố ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng Mặt trận Việt minh trong đó gồm các tổ chức nông dân cứu quốc, tổ chức công đoàn và hệ thống ủy ban công nhân tự quản tại các đồn điền cao su. Hội nghị bầu Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh gồm 11 đồng chí (Trần Công Khanh: Bí thư, Hoàng Minh Châu: Phó bí thư, Phan Đình Công: ủy viên thường vụ phụ trách quân sự ...). Cùng với việc củng cố xây dựng hệ thống chính trị, hội nghị đã thể hiện và quyết nghị những nội dung căn bản về việc xây dựng, phát triển đời sống kinh tế, văn hóa xã hội trong toàn tỉnh và thảo luận mọi mặt để chuẩn bị kháng chiến chống Pháp. Hội nghị cũng chỉ rõ một số biện pháp cần khẩn trương tổ chức thực hiện để chuẩn bị cho công cuộc kháng chiến, trong đó nhấn mạnh “tổ chức trường huấn luyện quân sự để xây dựng lực lượng vũ trang kháng chiến”.<sup>(1)</sup>

Hội nghị Bình Trước có một ý nghĩa quan trọng. Nó chẳng những củng cố hệ thống chính trị trong điều kiện lịch sử đặc biệt phức tạp ở Biên Hòa sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, mà còn chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp chuẩn bị tiến hành kháng chiến, đặt tiền đề cho quá trình xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng sau này.

Chấp hành nghị quyết Hội nghị Bình Trước, nhân dân Biên Hòa nỗ lực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến. Ngày 25 tháng 9 năm 1945, hai tổ chức Thanh niên Tiên phong và Thanh niên Cứu quốc hợp nhất lại thành một tổ chức thống nhất, lấy tên là Thanh niên Cứu quốc do Hoàng Bá Bích phụ trách. Nhân dân chuẩn bị tiêu thổ kháng chiến. Người già, phụ nữ và trẻ em tản cư, thực hiện vườn

---

<sup>1</sup> Theo “Lịch sử Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 1930 – 1975, Tập 1 – Nxb Đồng Nai, 1997.



không nhà trống. Thanh niên ở lại sửa sửa vũ khí, luyện tập, xây dựng chướng ngại vật dọc đường giao thông. Công nhân nhà máy cưa BIF Tân Mai, ga xe lửa Biên Hòa... tháo gỡ máy móc thiết bị, rèn giũa vũ khí chuẩn bị chiến đấu ngăn chặn quân Pháp chiếm đóng.

Cùng với lực lượng thanh niên chiến đấu ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ và các chi đội Nam tiến ở Bắc, Trung Bộ, các địa phương, các đồn điền cao su ở Biên Hòa tổ chức nhiều đơn vị tự vệ chiến đấu về tham gia đánh Pháp ở Sài Gòn. Trên các chiến tuyến ở mặt trận phía Đông, có nhiều đơn vị tự vệ chiến đấu của quận Châu Thành, quận Tân Uyên. Đặc biệt có một đại đội người Stiêng, Chơ Ro ở phía bắc Biên Hòa chiến đấu ở khu vực ngã ba Hàng Xanh, cầu Bình Lợi lùi dần về Thủ Đức, Lái Thiêu, Dĩ An, cùng chiến đấu với các bộ đội Trần Cao Vân, Hai Nhỏ, Đào Sơn Tây, Trần Thắng Minh, Thái Văn Lung, bộ đội Nam tiến của Nam Long, Vũ Đức, có nhiều đơn vị tự vệ của quận Châu Thành, nhà máy cưa BIF, đê - pô xe lửa Dĩ An... Nhiều chiến sĩ tự vệ chiến đấu của các địa phương tỉnh Biên Hòa đã anh dũng ngã xuống trong các cuộc giao tranh ngăn chặn không cho quân Pháp đánh nông ra bên ngoài thành phố Sài Gòn. Họ là những chiến sĩ Biên Hòa đầu tiên hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Hoạt động chuẩn bị kháng chiến và tham gia chiến tranh ở Sài Gòn của nhân dân và các đơn vị tự vệ chiến đấu là bối cảnh, là tiền đề cho quá trình hình thành và phát triển các đơn vị vũ trang cách mạng ở Biên Hòa khi thực dân Pháp chọc thủng vòng vây đưa quân địch đánh chiếm các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ.

\* \*

\*

Nhằm gấp rút đào tạo lực lượng vũ trang địa phương theo tinh thần nghị quyết hội nghị Bình Trước, cuối tháng 9 năm 1945, Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa thành lập trại huấn luyện cán bộ quân sự của tỉnh tại ấp Vĩnh Cửu xã Tam Hiệp (nay thuộc phường Tam Hòa, thành phố Biên Hòa). Ban lãnh đạo trại huấn luyện gồm các ông: Phan Đình Công (phụ trách chung), Nguyễn Xuân Diệu (phụ trách nội chính, huấn luyện), Nguyễn Trí Định, Phạm Thiều, Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Đình Ưu, Huỳnh Văn Hón.

Ấp Vĩnh Cửu nằm cách thị xã Biên Hòa khoảng 6 ki - lô – mét về hướng đông, có khoảng vài chục nóc nhà, trước mặt là cánh đồng trồng, sau lưng là khu rừng chồi, rừng già, có suối Linh chảy qua tiện cho việc xây dựng tại trường huấn luyện và phòng vệ. Văn phòng ban chỉ huy trại huấn luyện ở trong nhà thầy giáo Hồ Văn Thế, ngôi nhà ngói duy nhất của ấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 1945, trại huấn luyện khai giảng khóa học đầu tiên. Học viên khắp các địa phương tỉnh Biên Hòa và các khu vực lân cận tự nguyện về học tập, quân số lên gần 70 người, gồm:

- Lực lượng chiến đấu ở Tân Phong (do Nguyễn Chức Sắc chỉ huy, khoảng một phân đội).

- Lính Nhật ở Tân Vạn theo kháng chiến (một tiểu đội).
- Công nhân xe lửa Sài Gòn (bảy người).
- Lực lượng tự vệ chiến đấu ở hộ 6 Sài Gòn (20 người).
- Thanh niên, học sinh và công nhân cao su ở các địa phương tỉnh Biên Hòa.

Khóa huấn luyện được trang bị 78 súng các loại. Số súng này lấy từ nhiều nguồn:

- Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời chuyển giao từ số súng tịch thu của Pháp (20 súng sẵn).
- Đoàn thanh niên cứu quốc Biên Hòa mang đến (4 súng trường).
- Tiểu đội lính Nhật theo kháng chiến mang theo (10 súng trường).
- Ông Nguyễn Đình Ưu, nguyên giám đốc Ngân khố ngân hàng Biên Hòa – OICAM – lấy được của Nhật (40 súng trường, bốn súng phóng lựu, nhiều đạn, lực đạn, gươm sĩ quan Nhật).

Giảng viên của khóa huấn luyện phần đông là những cán bộ cốt cán của Đảng Cộng sản, đầy nhiệt huyết cách mạng, có trí thức về chính trị, quân sự. Giảng dạy chính trị có Phạm Thiều, Thanh Sơn. Huấn luyện quân sự có Nguyễn Xuân Diệu, Nguyễn Trí Định. Ngoài ra còn có tiểu đội lính Nhật tham gia thị phạm những thao tác trong luyện tập đội ngũ, kỹ chiến thuật chiến đấu.

Khi bộ đội Nam tiến của Nam Long vào đến Biên Hòa, trại huấn luyện được bổ sung thêm một số giảng viên đã tốt nghiệp trường Quân chính Việt Bắc như Đỗ Hy Vọng, Mạnh Liên, Quang Phục...

Nội dung huấn luyện quân sự gồm: huấn luyện đội ngũ, kỹ thuật chiến đấu cá nhân, cách sử dụng các loại vũ khí như súng trường, trung liên, phóng lựu, lựu đạn, chiến thuật chiến đấu tổ ba người, tiểu đội. Nội dung học tập chính trị gồm các bài: năm bước công tác cách mạng (điều tra, tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức, đấu tranh); đạo đức cách mạng (hy sinh vì Tổ quốc, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, dân chủ và kỷ luật, quan hệ với dân), lịch sử Việt Nam, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng dân chủ nhân dân.

Các học viên ăn ở phân tán trong các nhà dân, vừa học tập vừa làm công tác vận động quần chúng và tham gia chiến đấu ở mặt trận phía đông thành phố Sài Gòn. Giữa tháng 10 năm 1945, để bảo đảm an toàn địa điểm huấn luyện, trại chuyển về Bình Đa tiếp tục công việc huấn luyện và tuyển giảng khóa mới. Đến cuối tháng 10 năm 1945, khi thực dân Pháp có thêm viện binh, đưa quân chọc thủng các phòng tuyến xung quanh Sài Gòn, đánh chiếm Biên Hòa, Thủ Dầu Một và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, trại huấn luyện chuyển về Sở Tiêu, Đất Cuốc (quận Tân Uyên), căn cứ của bộ đội Huỳnh Văn Nghệ, và sau đó là Bộ Tư lệnh Khu 7. Từ đây, trại huấn luyện được từng bước mở rộng, phát triển thành trường Quân chính khu 7.

Sau hơn hai tháng thành lập, trại Vĩnh Cửu – Bình Đa đã mở được hai khóa huấn luyện, mỗi khóa 15 ngày cho tổng cộng 100 cán bộ quân sự. Mặc dù thời gian hết sức khẩn trương, chương trình huấn luyện sơ lược, chắp vá, nhưng với nỗ lực chung của cả thầy và trò trong “khí thế ngất trời” của những ngày đầu kháng chiến, các học viên tốt nghiệp đều được trang bị những kiến thức hết sức cần thiết về kỹ chiến thuật chiến đấu, về quản lý chỉ huy bộ đội, và đặc biệt về nhận thức chính trị trong tình hình cách mạng mới. Đó chính là những kiến thức về một quân đội nhân dân kiểu mới do Đảng ta xây dựng và lãnh đạo, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu.

Trên 100 cán bộ tốt nghiệp trại huấn luyện Vĩnh Cửu – Bình Đa nhanh chóng tỏa về các địa phương tỉnh Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Một số trở thành cán bộ cốt cán trong phong trào du kích ở các địa phương. Số đông khác trở thành những cán bộ quân sự nòng cốt trong các đơn vị vũ trang chiến đấu ở các huyện hoặc các chi đội Vệ quốc đoàn như Chi đội 10 Biên Hòa, Chi đội 16 Bà Rịa... sau này. Trại huấn luyện Vĩnh Cửu - Bình Đa trở thành trường quân chính đầu tiên của tỉnh Biên Hòa, và là tiền thân của trường Quân chính khu 7 trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

\* \*

\*

Cùng với hoạt động của trại huấn luyện Vĩnh Cửu – Bình Đa, khắp các địa phương tỉnh Biên Hòa, các đơn vị vũ trang cách mạng được thành lập.

Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng các quận đã đặt vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Các quận Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên, mỗi quận thu được từ bảy đến tám súng trường của lính mã tà để trang bị cho đơn vị tự vệ bảo vệ ủy ban nhân dân cách mạng.

*Tại quận Châu Thành*, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành lập một đơn vị vũ trang do quận quản lý. Đơn vị gồm 5 tiểu đội, có 30 súng trường các loại do Đội Nghiệp sau là Lê Văn Ngọc chỉ huy. Quận còn thành lập đội thiếu niên cảm tử gồm 30 em, do Nguyễn Văn Ký chỉ huy. Ngoài ra trên địa bàn quận còn có các đơn vị vũ trang khác của nhà máy cưa BIF, đề pô xe lửa Dĩ An, bộ đội Hồ Văn Giàu, bộ đội Nguyễn Chức Sắc...

*Tại quận Long Thành*, lực lượng vũ trang quận được xây dựng trên cơ sở hợp nhất đơn vị cộng hòa vệ binh Long Thành (77 người, 11 súng), cộng hòa vệ binh Thủ Đức (50 người, 12 súng), công nhân thành Tuy Hạ (20 người, 18 súng), trại huấn luyện Vĩnh Cửu – Bình Đa (11 người, 11 súng), với nhiều thanh niên là công nhân, nông dân khác từ các sở cao su Balăngxi, Hêlêna, các xã Tam Phước, Phú Hữu, Phước An, Phước Thọ... Đến thời điểm trước khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Vệ quốc đoàn Long Thành phát triển lên gồm 200 người với hơn 50 súng các loại, tổ chức thành bốn phân đội:

- Phân đội 1, do Nguyễn Văn Toàn chỉ huy.
- Phân đội 2, do Võ Minh Như chỉ huy.

- Phân đội 3, do Nguyễn Văn Mỹ chỉ huy.
- Phân đội 4, do Dương Ngọc Thạch chỉ huy.

Chỉ huy chung Vệ quốc đoàn Long Thành do Đội Giám, Nguyễn Tam Nguyên, Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Văn Long lần lượt chỉ huy.

*Tại quận Xuân Lộc*, Ủy ban nhân dân cách mạng các đồn điền cao su thành lập các đơn vị công nhân chiến đấu trang bị bằng giáo mác và một số súng trường, súng thu được của bọn chủ đồn điền, mã tà, hương quân. Quân thành lập một đơn vị vũ trang tập trung, quân số 30 người với 20 súng các loại.

*Tại quận Tân Uyên*, lực lượng vũ trang phát triển mạnh mẽ hơn cả. Nơi đây, vốn có sẵn một đơn vị vũ trang địa phương do Nguyễn Văn Quý (Chín Quý) chỉ huy tồn tại từ sau sự kiện Nam Kỳ khởi nghĩa 23 tháng 11 năm 1940, quân số khoảng một tiểu đội với ba súng trường, ba súng săn. Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Ủy ban kháng chiến miền Đông Nam Bộ tan rã, Huỳnh Văn Nghệ - thành viên của ủy ban- cùng với một số chiến sĩ khác khoảng 40 người, 30 súng cùng một đoàn tàu thủy – ghe máy (một tàu sắt, ba ghe máy với 15 thủy thủ) về vùng Tân Tịch, Mỹ Lộc quê hương ông. Trên cơ sở quân số hiện có, cộng với tiểu đội Nguyễn Văn Quý, Huỳnh Văn Nghệ từng bước chỉ huy phát triển lực lượng vũ trang kháng chiến. Lần lượt, các bộ phận vũ trang nhỏ lẻ về qui tụ trong lực lượng của ông. Tự vệ chiến đấu thuộc các xã Tân Uyên về gia nhập bộ đội Huỳnh Văn Nghệ ngày một đông. Tổng thư ký Ủy ban kháng chiến quận Tân Uyên Cao Văn Bồ đưa về bảy súng mát. Đào Văn Quang cùng tiểu đội công nhân hàng hải ở Sài Gòn về với gần 10 súng các loại. Trại huấn luyện quân sự Sở Tiêu của tỉnh Biên Hòa chuyển toàn bộ số học viên tốt nghiệp về gồm 40 người, 13 súng. Sau khi cơ quan Bộ Tư lệnh Khu 7 dời căn cứ từ chiến khu Đ về Giồng Dinh ven Đồng Tháp Mười, khu bộ trưởng Nguyễn Bình để lại một phân đội chiến đấu cùng các bộ phận quân giới, quân y, quân trang... Toàn bộ lực lượng nêu trên gọi là Vệ quốc đoàn Biên Hòa, tổ chức thành năm phân đội chiến đấu như sau:

- Phân đội 1: do các đồng chí Trần Ngọc Ngô, Hoàng Phùng Đức làm phân đội trưởng; Nguyễn Văn Đước – chính trị viên. Địa bàn hoạt động: Lạc An, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Tân Hòa, Thường Lang.

- Phân đội 2: do các đồng chí Nguyễn Văn Lắm, Lê Học Sinh làm phân đội trưởng; Nguyễn Văn Khoa – chính trị viên. Địa bàn hoạt động: Bình Chánh, Thái Hòa, Tân Ba, Phước Thành.

- Phân đội 3: do các đồng chí Trần Quang Khải, Nguyễn Văn Nhiều làm phân đội trưởng; Nguyễn Đình Vị - chính trị viên. Địa bàn hoạt động: Đồng Lách, Đại An, Tân Định.

- Phân đội 4: do các đồng chí Lê Thoa, Nguyễn Văn Quảng làm phân đội trưởng; Mạnh Xuân Tám - chính trị viên. Địa bàn hoạt động: Bình Đa, Vĩnh Cửu, Tân Mai, tân Phong, Tam Hiệp.

Bên cạnh các phân đội chiến đấu, còn có các đơn vị trực thuộc khác như:

- Ban trinh sát: Võ Văn Mến – trưởng ban, Bùi Trọng Nghĩa – chính trị viên.
- Ban liên lạc: Phan Thị Loan – trưởng ban.
- Binh công xưởng: Bùi Cát Vũ – giám đốc, Nguyễn Cao, chính trị viên.
- Quân y viện: Nguyễn Anh Tài, sau là Võ Cương phụ trách.
- Ban quân nhu: Nguyễn Văn Lượng – trưởng ban.
- Bảo vệ căn cứ: Nguyễn Văn Qui phụ trách.

Ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa gồm Huỳnh Văn Nghệ (chỉ huy trưởng, phụ trách xây dựng lực lượng, chiến đấu, diệt tề trừ gian), Đỗ Ngọc Lạn (phụ trách huấn luyện quân sự), Đào Văn Quang (phụ trách quản trị), Cao Văn Bỏ (phụ trách văn thư, thường trực). Sở chỉ huy đóng tại xã Tân Tịch. Gọi là Vệ quốc đoàn Biên Hòa, nhưng bộ đội Huỳnh Văn Nghệ chủ yếu chỉ hoạt động trong phạm vi quận Tân Uyên và một phần quận Châu Thành.

Như vậy, đến trước thời điểm các đơn vị vũ trang Biên Hòa tập hợp thành một hệ thống tổ chức thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo tập trung của Đảng Cộng sản, trên toàn tỉnh bên cạnh những đơn vị tự vệ chiến đấu ra đời khắp các xã ấp và đồn điền cao su, đã hình thành lực lượng bộ đội tập trung tại các quận. Thành phần hợp thành các bộ đội nói trên chủ yếu là nông dân ở các xã ấp, công nhân các đồn điền cao su và các cơ sở công nghiệp, học sinh trí thức, và một bộ phận là lính cũ của Pháp, Nhật. Bên cạnh người Kinh, có cả thanh niên các dân tộc S'tiêng, Chơ Ro, Mạ. Họ đa số là cư dân địa phương, tuy nhiên có không ít người đến từ Sài Gòn, các tỉnh lân cận và các tỉnh ở Bắc Bộ, Trung Bộ. 100 % cán bộ chiến sĩ đều tự nguyện gia nhập Vệ quốc đoàn, đều căm thù đế quốc phong kiến, có tinh thần tự trọng dân tộc và tấm lòng tha thiết yêu nước. Tinh thần đoàn kết nghĩa hiệp, ý chí bất khuất trước mọi gian khổ hy sinh, nhiệt tình cách mạng pha nhuôm chút ít sắc thái lãng mạn là những đặc điểm phổ biến về tính cách của cán bộ chiến sĩ Vệ quốc đoàn trong những ngày đầu thành lập.

Ra đời trước nhu cầu bức bách nhằm bảo vệ chính quyền nhân dân sau Cách mạng tháng Tám và chiến đấu chống quân xâm lược Pháp bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa giành được, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, các đơn vị vũ trang nêu trên đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đó chính là những đơn vị Giải phóng quân (từ cuối tháng 9 năm 1945 là Vệ quốc đoàn) đầu tiên của tỉnh Biên Hòa, nhân cốt của lực lượng bộ đội địa phương các quận và Chi đội 10, Trung đoàn 310 sau này.

## **II. BIÊN HÒA KHÁNG CHIẾN, CHI ĐỘI 10 MÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG DU KÍCH ĐỊA PHƯƠNG.**

Ngày 23 tháng 10 năm 1945, sau khi có thêm viện binh, tướng Leclerc tổng chỉ huy lực lượng quân Pháp ở Viễn Đông thực hiện kế hoạch phá vây, đưa quân đánh chiếm các tỉnh xung quanh Sài Gòn, tạo bàn đạp đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Ngày 25 tháng 10, một đơn vị thuộc binh đoàn kỵ binh thiết giáp do đại tá Massu chỉ huy có sự hỗ trợ của quân Anh, Ấn, theo quốc lộ 1 tiến

chiếm thị xã Biên Hòa. Từ ngày 25 đến 30 tháng 10, chúng tiếp tục đánh chiếm Long Thành, Xuân Lộc, Tân Uyên.

Biên Hòa kháng chiến! Nhân dân thị xã, thị trấn tổ chức đưa người già, trẻ em tản cư về vùng nông thôn. Công nhân đê-pô-xe lửa Dĩ An, hãng cưa BIF đốt gỗ, xăng dầu, tháo dỡ máy móc đem cất giấu. Công nhân các đồn điền cao su đốt mù bành, phá hủy các kho thành phẩm, phương tiện vận tải. Cả Biên Hòa thực hiện tiêu khổ kháng chiến.

Khắp các ngã đường hành quân của địch, lực lượng tự vệ chiến đấu phối hợp với các đơn vị Vệ quốc đoàn ở quận tổ chức chặt ngã cây, đào phá đường, đánh sập cầu cống và phục kích chặn đánh địch.

Trên dọc quốc lộ 1, tự vệ chiến đấu quận Châu Thành phối hợp với bộ đội Nam tiến, học viên trại huấn luyện Vĩnh Cửu – Bình Đa, công nhân xe lửa chặn đánh địch từ Thủ Đức, suối Lò Ô lên đến thị xã Biên Hòa. Đội thiếu niên cảm tử Châu Thành tập kích diệt nhiều tên tay sai ác ôn hậu thuẫn cho giặc Pháp. Nhiều em chiến đấu rất dũng cảm và đã hy sinh oanh liệt như Mạnh, Cháy, Phát... Lực lượng tự vệ chiến đấu Xuân Lộc cùng bộ đội Nam tiến, bộ đội Phan Thiết chặn đánh địch quyết liệt ở An Lộc, Suối Tre, núi Thị, Bàu Sao, ngã ba Tân Phong, Hàng Gòn... Tại Suối Tre, núi Thị, quân Pháp không tiến lên được, phải dựa vào quân Nhật tìm đường vòng để vượt qua.

Dọc quốc lộ 20, tự vệ chiến đấu chặt ngã cây, phá cầu cống lập chướng ngại vật từ ngã ba Dầu Giây lên đến Định Quán. Đội du kích Võ Đồng lúc ẩn lúc hiện dùng ná có tên tẩm thuốc độc và bẫy đá tiêu diệt nhiều tên Pháp. Dọc đường hành quân đánh chiếm, lính Pháp sợ hãi chui hết vào xe trong thiết giáp, khi gặp chướng ngại vật không dám ra khỏi xe để khắc phục vì sợ trúng tên độc.

Dọc quốc lộ 15, tự vệ chiến đấu Long Thành cùng với bộ đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Mạnh từ mặt trận phía Nam Sài Gòn rút về tổ chức đánh địch nhiều trận gây tiếng vang lớn. Ngày 27 tháng 10, tự vệ chiến đấu phục kích diệt một tiểu đội địch ở Phước Thiên, thu chín súng. Ngày 28 tháng 10 Vệ quốc đoàn quận dùng du kích Tam Phước, Phước Tân chặn đánh địch ở Dốc 47, bắn cháy một xe chở quân. Công nhân Bình Sơn lấy cao su bành, chà gai tấp hai bên đường, tổ chức nhiều trận địa phục kích trên dọc đoạn đường từ ngã ba Vũng Tàu xuống đến thị trấn Long Thành.

Dọc tỉnh lộ 16 và sông Đồng Nai khu vực Tân Uyên, Vệ quốc đoàn Biên Hòa tổ chức nhiều trạm canh gác và trận địa phục kích. Các cuộc hành quân đánh chiếm quận lỵ Tân Uyên của quân Pháp đều bị Vệ quốc đoàn Biên Hòa chặn đánh bẻ gãy. Riêng trong cuộc chiến đấu ngăn chặn địch tiến chiếm Tân Uyên ngày 24 tháng 1 năm 1946, Vệ quốc đoàn Biên Hòa đã tiêu diệt 220 tên Pháp, thiêu hủy sáu xe cam nhông, bắn chìm hai xuồng đổ bộ.

Trong điều kiện tương quan lực lượng chênh lệch, trước kẻ thù là một đội quân xâm lược nhà nghề, có thiết giáp, pháo binh, không quân yểm trợ, lực lượng vũ trang Biên Hòa sau những trận chiến đấu quyết liệt, buộc phải rút lui để bảo



toàn lực lượng. “Quân địch đã áp dụng chiến lược tốc quyết, tiến công dồn dập, chiếm lĩnh các đô thị và đường giao thông quan trọng, rồi lan tràn ra khắp các thôn quê rộng rãi. Quân ta sau một thời gian chiến đấu anh dũng tại Sài Gòn – Chợ Lớn và vùng phụ cận, trước cuộc tấn công mãnh liệt của địch, bị tan vỡ hầu khắp các mặt trận. Những nguyên nhân lớn của sự tan vỡ ấy là: Chính quyền nhân dân mới thành lập chưa được củng cố, quân đội chỉ mới thành lập trên danh nghĩa, thành phần lại phức tạp, công tác chuẩn bị không có, sự luyện tập và kinh nghiệm chiến đấu thiếu hẳn, chúng ta quá chủ quan đối với thái độ quân Đồng minh, cho nên không chuẩn bị để chiến đấu, khi chiến sự bùng nổ, chưa có một đường lối chiến lược, chiến thuật, cơ quan lãnh đạo không nắm được bộ đội.”<sup>(1)</sup>

Hoạt động chiến đấu nêu trên của Vệ quốc đoàn và du kích các địa phương Biên Hòa mặc dù cuối cùng không ngăn chặn được hành động xâm lược cả quân đội viễn chinh Pháp, nhưng đã góp phần tiêu hao sinh lực và làm chậm bước tiến quân của chúng. Nó biểu thị ý chí quyết chiến đấu xâm lược, khích lệ tinh thần kháng chiến của toàn dân. Đồng thời tích lũy những bài học kinh nghiệm ban đầu về tổ chức lực lượng và kỹ chiến thuật chiến đấu.

\* \*

\*

Đến đầu năm 1946, thực dân Pháp đã đánh chiếm hầu hết các địa phương tỉnh Biên Hòa. Do vị trí đặc biệt về địa lý quân sự - vùng đất án ngữ phía đông Sài Gòn – chúng ưu tiên bố trí lực lượng chiếm đóng ở đây tương đối mạnh. Toàn tỉnh Biên Hòa được quân đội Pháp tổ chức thành một tiểu khu do trung đoàn bộ binh thuộc địa thứ 22 (22 RIC) phụ trách. Tiểu khu Biên Hòa chia làm ba chi khu: Tân Mai, Xuân Lộc, Long Thành. Mỗi chi khu có một tiểu đoàn. Riêng tại Phước Hòa, chúng đặt thêm một chi khu do một tiểu đoàn thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa thứ 11 (11 e RIC) phụ trách. Bên cạnh lực lượng chiếm đóng, thực dân Pháp bố trí tại Biên Hòa lực lượng ứng chiến gồm một tiểu đoàn cơ giới, một tiểu đoàn pháo binh, một đội thiết giáp, hai đội Com-măng-đô (commandos). Khi cần, chúng có thể yêu cầu không quân, thủy quân và lực lượng ứng biến cơ động miền Nam Đông Dương là bán lữ đoàn lê dương thứ 13 (13 e DBLE) chi viện. Ngoài lực lượng chính quy, chúng còn bắt thanh niên các địa phương, kể cả thanh niên các dân tộc thiểu số tổ chức các đội thân binh trấn giữ những đồn nhỏ lẻ ở ngoại vi, tuần tra canh gác, kèm kẹp nhân dân.

Với lực lượng nêu trên, thực dân Pháp tập trung bố trí tại các cứ điểm, đồn bót ở thị xã, các thị trấn quận lỵ, các đồn điền cao su và dọc đường giao thông quan trọng. Từ đây, chúng tỏa quân chiếm đất, chiếm dân, lập tề, xây dựng lực lượng thân binh và đặc biệt tổ chức các cuộc tiến công càn quét nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và lực lượng vũ trang cách mạng.

---

<sup>1</sup> Những tài liệu chỉ đạo cuộc đấu tranh vũ trang của Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy – Bộ Tổng tham mưu, năm 1963, T1, tr. 323.

Trong lúc đó, tại Biên Hòa nói riêng, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Nam Bộ nói chung, lực lượng vũ trang vẫn tồn tại trong tình trạng manh mún, thiếu sự thống nhất về tổ chức và hệ thống lãnh đạo, chỉ huy. Riêng ở Biên Hòa, lực lượng Vệ quốc đoàn vẫn do các quận thành lập, nuôi dưỡng và chỉ huy. Bộ đội Huỳnh Văn Nghệ mặc dù mang tên Vệ quốc đoàn Biên Hòa có phạm vi ảnh hưởng lớn, nhưng thực chất chỉ hoạt động trên địa bàn quận Tân Uyên, một phần quận Châu Thành và không nằm trong sự quản lý chỉ huy của Tỉnh ủy lâm thời Biên Hòa. Bên cạnh đó, một số đơn vị vũ trang do các phần tử cơ hội giả danh cách mạng, vô chính phủ chỉ huy rút chạy trước hành động xâm lược của quân Pháp và gây không ít khó khăn cho phong trào kháng chiến ở địa phương. Vấn đề xây dựng thống nhất lực lượng vũ trang cách mạng đặt ra hết sức cấp thiết.

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, tại Thiên Hộ (xã Hậu Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho), Xứ ủy lâm thời Nam Bộ triệu tập hội nghị mở rộng đề ra nhiệm vụ lãnh đạo đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tại Nam Bộ. Hội nghị phê phán những sai sót trong xây dựng lực lượng cộng hòa vệ binh và đề ra các biện pháp nhằm củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng và đặt lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng. Kế đó ngày 20 tháng 11 năm 1945, Nguyễn Bình, một cán bộ quân sự cao cấp được Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch cử vào Nam Bộ, triệu tập hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ tại An Phú Xã (quận Hóc Môn, tỉnh Gia Định). Hội nghị đã thảo luận về kế hoạch thống nhất quân đội, thống nhất chỉ huy, phân chia khu vực hoạt động của đơn vị vũ trang. Nguyễn Bình nhận trách nhiệm tổng tư lệnh và đề cử Vũ Đức giữ cương vị chính ủy Giải phóng quân Nam Bộ. Cuối năm 1945, ngày 10 tháng 12 tại Bình Hòa Nam (Đức Hòa, Chợ Lớn), Xứ ủy lâm thời Nam Bộ họp hội nghị mở rộng lần thứ hai nhằm đề ra chủ trương nhằm đẩy mạnh kháng chiến tiến tới. Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam, chia Nam Bộ thành ba khu 7, 8, 9, chỉ định khu trưởng và ủy viên chính trị khu, đồng thời đề ra các biện pháp nhằm củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng các chi đội vệ quốc đoàn và căn cứ địa kháng chiến.<sup>(1)</sup>

Nghị quyết các hội nghị Thiên Hộ, An Phú Xã, Bình Hòa Nam đã đặt cơ sở về lý luận và thực tiễn trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tạo điều kiện để củng cố và thống nhất lực lượng vũ trang, đặt lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sau hội nghị Bình Hòa Nam, Khu 7 được thành lập gồm các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Gia Định, Tây Ninh và thành phố Sài Gòn, do Nguyễn Bình làm Khu bộ trưởng, Trần Xuân Độ làm Chính ủy Khu. Lần lượt các chi đội Vệ quốc đoàn được thành lập trên toàn Nam Bộ.

Nhằm đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp “đã thanh toán xong lực lượng kháng chiến”, đánh dấu sự thống nhất của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Đông Nam Bộ, cổ vũ tinh thần kháng chiến của toàn dân, Tư lệnh Khu 7 quyết định tổ chức tập kích qui mô lớn vào thị xã Biên Hòa.

Thị xã Biên Hòa được thực dân Pháp xây dựng tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ với nhiều

---

<sup>1</sup> Ngày 10 tháng 12 trở thành ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu 7.



cứ điểm quân sự quan trọng. Vệ quốc đoàn Biên Hòa nhận nhiệm vụ trinh sát, nghiên cứu tình hình địch. Phân đội 4 (Nguyễn Chức Sắc chỉ huy), phân đội 5 (Lê Thoa chỉ huy) cùng tổ quân báo (Bùi Trọng Nghĩa chỉ huy) nhiều lần tổ chức đột nhập vào nội ô thị xã nghiên cứu kỹ các mục tiêu như hệ thống đồn bót cứ điểm, thành xăng đá, sở hiến binh địch...

Cuối tháng 12 năm 1945, công tác chuẩn bị cho trận đánh hoàn tất. Lực lượng tham gia trận tập kích gồm Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn Châu Thành, Liên chi đội 2-3 Bình Xuyên và Giải phóng quân liên quận Hóc Môn – Bà Điểm – Đức Hòa tập kết về các vị trí áp sát xung quanh thị xã trên các hướng Tân Phong, Hóa An, Bình Đa.

Tiếng súng tập kích vào thị xã Biên Hòa nổ vào lúc quân địch bất ngờ nhất, 0 giờ đêm rạng ngày 2 tháng 1 năm 1946. trên bốn hướng bao quanh thị xã, lực lượng tiến công nhanh chóng cơ động tiến sát mục tiêu, đồng loạt nổ súng vào thành xăng đá, các bót gác ở đầu cầu Ghềnh, nhà máy cưa BIF, sở hiến binh, nhà bưu điện, nhà ga, hãng dầu, nhà lồng chợ và các công sở khác. Cả thị xã chìm trong tiếng nổ và lửa khói. Quân địch, sau cơn choáng váng vì bị tấn công bất ngờ đã tổ chức dựa vào các công sự kiên cố để bắn trả, cố thủ chờ viện binh từ Sài Gòn ra vào sáng hôm sau. Tác giả Nguyễn Văn Quảng, một chiến sĩ của phân đội 4 Vệ quốc đoàn Biên Hòa, người trực tiếp tham gia cuộc tập kích mô tả: “Khắp bầu trời thị xã như sôi lên sùng sục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đem theo tiếng nổ ùng ùnh như pháo đại. Những nơi ta định đến đều đến được, trừ một số hầm nhà cố thủ của bọn địch, ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lại lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trói dẫn lêch thếch theo đoàn quân...”<sup>1</sup>

Do tương quan lực lượng chênh lệch, lại thiếu vũ khí và kinh nghiệm chiến đấu, quân ta sau khi tiến công và làm chủ nhiều nơi trong thị xã đã buộc phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Mặc dù chỉ tiêu diệt được một số tên địch và bắt sống một số tên khác, nhưng trận tập kích thị xã Biên Hòa đầu năm 1946 có ý nghĩa lịch sử quan trọng. Nó không những góp phần đập tan luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, góp phần cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân Biên Hòa nói riêng, mà còn đánh dấu bước phát triển mới của lực lượng vũ trang cách mạng. Lần đầu tiên, Vệ quốc đoàn tỉnh Biên Hòa chiến đấu trong đội hình phối hợp nhiều lực lượng với qui mô lớn, chiến đấu vận động tiến công tại địa bàn đô thị. Đó là cuộc tập dượt trong quá trình các đơn vị vũ trang Biên Hòa tiến tới xây dựng thành lực lượng tập trung thống nhất và tiến hành những trận đánh lớn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ.

\* \*

\*

Để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tập trung, một vấn đề đặt ra hết sức cấp thiết là phải xây dựng căn cứ địa, nơi trú ẩn, huấn luyện và xuất phát,

---

<sup>1</sup> Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển – Nxb Đồng Nai, 1998, tr.363.

tiến công địch. Chấp hành nghị quyết Hội nghị Bình Hòa Nam về “xây dựng các khu Lạc An, Đồng Tháp, U Minh làm căn cứ cho các chiến khu”<sup>(1)</sup>, ngày 17 tháng 12 năm 1945, Khu bộ trưởng Nguyễn Bình cùng toàn bộ cơ quan Khu bộ Khu 7 chuyển về xây dựng hệ thống phòng thủ tại Tân Uyên, nơi đứng chân của Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Tân Uyên từ đây trở thành căn cứ địa của Khu 7, sau đó là của Xứ ủy và Bộ Tư lệnh Nam Bộ.

Tân Uyên là huyện nằm ở phía bắc tỉnh Biên Hòa, trải dọc sông Đồng Nai bên hữu ngạn, một vùng đất trong toàn bộ triền rừng thoải từ chân cao nguyên miền Trung và Nam Tây Nguyên xuống giáp với các đô thị lớn: thị xã Biên Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, thành phố Sài Gòn. Địa hình chủ yếu là vùng bán bình nguyên, đồi liên tiếp nối nhau được phủ xanh bằng rừng cây nhiều tầng, ngút ngát. Hàng trăm suối chi lưu của sông Đồng Nai chảy tạo thành những tuyến hòa phòng thủ thiên nhiên. Đặc điểm địa hình nêu trên làm cho Tân Uyên, đặc biệt các xã Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An có một vị trí đặc biệt lợi hại về đại lý quân sự. Dựa vào đại thế hiểm yếu nơi đây, các đơn vị vũ trang có thể trú **đoàng** bảo toàn lực lượng, xây dựng các cơ sở hậu cần kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, diễn tập, đồng thời xuất phát tiến công địch trên các chiến trường phụ cận.

Đứng chân trên địa bàn Tân Uyên, ngoài lực lượng Vệ quốc đoàn Biên Hòa, cơ quan Khu bộ Khu 7, còn có các cơ quan kháng chiến và đơn vị vũ trang từ nhiều địa phương ở miền Đông Nam Bộ lần lượt chuyển về. Đến đầu năm 1946, vùng rừng các xã dọc sông Đồng Nai bên hữu ngạn ở thành một “thủ đô” kháng chiến nổi tiếng ở miền Đông Nam Bộ.

Sau khi có thêm quân tăng viện, thực dân Pháp đưa quân đánh đòn bót chiếm đất giành dân, đồng thời thực hiện các cuộc hành quân càn quét hòng tiêu diệt các cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang cách mạng. Căn cứ Tân Uyên trở thành mục tiêu “ưu tiên” của chúng. Liên tiếp trong hai ngày 20 và 22 tháng 1 năm 1946, quân Pháp tổ chức các đoàn tàu chiến theo sông Đồng Nai tiến lên Tân Uyên. Các phân đội Vệ quốc đoàn Biên Hòa tổ chức trận địa phục kích ở hai bên bờ sông, thả neo bè cây giữa dòng để buộc tàu địch chạy sát mép nước, sau đó dùng lựu đạn và súng trường bắn hạ địch. Kết quả, trong hai trận phục kích, bộ đội Huỳnh Văn Nghệ bắn hỏng một tàu, tiêu diệt và làm bị thương 30 tên địch.

Sau hai cuộc hành quân thăm dò bị thất bại, ngày 24 tháng 1 năm 1946, quân Pháp huy động một lực lượng lớn có phối hợp thủy lục không quân gồm 4.000 tên, bốn máy bay, bốn tàu xuồng và nhiều xe cơ giới tiến công lên căn cứ Tân Uyên. Từ bốn hướng (Phước Hòa xuống Bình Mỹ, Thủ Dầu Một sang Tân Long, Tân Phong qua Cây Đào, Tân Ba lên thị trấn theo lộ 16 và sông Đồng Nai), bộ binh, xe cơ giới, tàu chiến và máy bay Pháp ào ạt tiến công. Lần đầu tiên đương đầu với cuộc càn mà lực lượng và vũ khí của địch áp đảo, các phân đội Vệ quốc đoàn Biên Hòa cùng đơn vị bảo vệ căn cứ Khu 7 đã chiến đấu rất anh dũng. Dựa vào địa thế hiểm trở của căn cứ, có cây rừng rậm rạp che khuất, bộ đội ta bí mật xây dựng các trận địa phục kích với nhiều chướng ngại vật nguy hiểm bất ngờ; vừa kiên quyết

---

<sup>1</sup> Lịch sử Chiến khu D. Nxb Đồng Nai, 1987, tr.34

chặn đánh địch vừa mưu trí, linh hoạt phân tán cơ động buộc địch đánh theo ý định của ta. Tại Tân Hòa, các chiến sĩ của ta nhảy ra mặt đường dùng gươm, mã tấu đánh giáp lá cà với địch. Trận đánh diễn ra quyết liệt từ 6 giờ sáng đến 5 giờ chiều cùng ngày. Quân ta tiêu diệt 220 tên địch, đốt cháy sáu xe cam nhông, bắn chìm hai xuồng chiến đấu, thu nhiều vũ khí, đạn dược; sau đó rút về căn cứ an toàn. Đây là trận chống càn lớn đầu tiên của Vệ quốc đoàn Biên Hòa.

Sau trận càn ngày 24 tháng 1, quân Pháp lập chi khu Tân Uyên bên bờ phải và chi khu Cây Đào bên bờ trái sông Đồng Nai. Lực lượng kháng chiến rút sâu vào rừng các xã Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An. Trước nhu cầu bức bách về việc xây dựng căn cứ đứng chân, ngày 20 tháng 2 năm 1946, tại rừng Lạc An, Bộ Tư lệnh Khu 7 họp hội nghị bất thường để ra nhiệm vụ “xây dựng địa bàn đứng chân, phân bố quy định các khu vực, bố trí hệ thống phòng thủ nhiều tầng, nhiều vùng bảo đảm chiến đấu ngăn chặn địch, bảo vệ an toàn căn cứ”.<sup>(1)</sup> Hội nghị thành lập ban căn cứ địa Tân Uyên do Nguyễn Văn Quý chỉ huy và “trung đội danh dự gương mẫu” làm nhiệm vụ lưu động bảo vệ căn cứ. Toàn bộ vùng căn cứ được chia thành nhiều khu vực mang mật danh A, B, C, Đ... Đ là mật danh chỉ huy khu vực Hồ Ngải Hoang (xã Lạc An), nơi đặt “Tổng hành dinh” của Bộ Tư lệnh Khu 7. Từ đây, danh từ Chiến khu Đ ra đời!

Dần về sau, mật danh Chiến khu Đ được mọi người dùng để chỉ luôn cả căn cứ địa Tân Uyên và vượt ngoài phạm vi Tân Uyên, bao gồm vùng đất rộng lớn, phía tây lấy đường 16, phía nam lấy sông Đồng Nai làm ranh giới và phát triển mãi lên phía bắc, đông bắc. Chiến khu Đ trở thành căn cứ của không chỉ riêng tỉnh Biên Hòa, mà còn của Thủ Dầu Một, của Khu 7, của Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với riêng lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa, sự ra đời của Chiến khu Đ có ý nghĩa quan trọng. Nó trở thành một căn cứ vững chắc để các đơn vị bộ đội tập trung các quận, rồi Chi đội 10, Trung đoàn 310, Liên trung đoàn 310 – 301, đến tiểu đoàn tập trung 303, cùng các đơn vị vũ trang địa phương xây dựng, phát triển và chiến đấu thắng lợi.

Nhằm xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng thành một tổ chức mạnh, thống nhất, chấp hành nghị quyết Hội nghị Bình Hòa Nam, từ giữa tháng 12 năm 1945, khu bộ trưởng Nguyễn Bình ra chỉ thị hủy bỏ nội dung cuộc họp An Phú Xã ngày 20 tháng 11 năm 1945 để xây dựng các chi đội Vệ quốc đoàn lần lượt ra đời.<sup>(2)</sup>

Cuối tháng 4 năm 1946, Bí thư Khu uỷ Khu 7 Nguyễn Đức Thuận về Biên Hòa triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh. Hội nghị diễn ra tại Cù Lao Vịt (xã Bình Hòa quận Châu Thành, nay thuộc huyện Vĩnh Cửu), có đầy đủ cán bộ kháng chiến của

---

<sup>1</sup> . Võ Bá Nhạc: Lịch sử cơ quan Khu bộ Khu 7 - bản viết tay. Phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, HK - 3, tr. 6)

<sup>2</sup> . Gồm Chi đội 1 (Thủ Dầu Một), Liên chi đội 2 và 3 (Bình Xuyên Dương Văn Dương), chi đội 4 (Bình Xuyên Huỳnh Văn Trí), chi đội 6 (Gia Định), chi đội 7 (Bình Xuyên Mai Văn Vĩnh), chi đội 9 (Bình Xuyên Lê Văn Viễn), chi đội 11 (Tây Ninh), chi đội 12 (Gia Định), chi đội 13 (Công nhân Sài Gòn), chi đội 14 (Tân An), chi đội 15 (Chợ Lớn), chi đội 16 (Bà Rịa), chi đội 21 (Bình Xuyên Nguyễn Văn Ty), chi đội 25 (Bình Xuyên Nguyễn Văn Hoành), cùng một số đơn vị khác.

tỉnh và các quận tham dự. Kiểm điểm tình hình xây dựng tổ chức Đảng trong điều kiện Đảng Cộng sản tuyên bố “tự giản tẩn” về danh nghĩa, tình hình lãnh đạo công cuộc kháng chiến tại địa phương, hội nghị đã chỉ ra những thiếu sót trong việc xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong một số đơn vị vũ trang, việc chậm trễ đưa lực lượng vũ trang vào guồng máy kháng chiến chung do Đảng lãnh đạo. Hội nghị quyết nghị giải thể Ban chấp hành tỉnh ủy lâm thời, thành lập tỉnh ủy chính thức Biên Hòa, xây dựng hệ thống tổ chức Đảng các cấp từ tỉnh xuống các địa phương và đơn vị lực lượng vũ trang, củng cố các tổ chức đoàn thể kháng chiến. Các đồng chí Trần Minh Trí, Huỳnh Văn Lũy được chỉ định giữ chức vụ Bí thư và Phó Bí thư Tỉnh ủy. Chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hòa Huỳnh Văn Nghệ được cử giữ trách nhiệm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính kiêm Ủy viên Quân sự tỉnh.

Tiếp theo hội nghị Cù Lao Vịt, tháng 5 năm 1946, tại Xóm Đền (xã Tân Hòa, quận Tân Uyên), Tỉnh ủy Biên Hòa triệu tập hội nghị quân sự toàn tỉnh và quyết nghị hai vấn đề lớn: “1 - Thống nhất các lực lượng vũ trang gồm du kích Sở Tiêu, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, Vệ quốc đoàn Biên Hòa, lấy tên Vệ quốc đoàn Biên Hòa. 2 - Xây dựng Chiến khu Đ thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh”.<sup>(1)</sup>

Hội nghị Cù Lao Vịt và hội nghị Xóm Đền đã tạo đặt những cơ sở quan trọng cho việc thống nhất các đơn vị vũ trang tập trung toàn tỉnh Biên Hòa thành một tổ chức thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và duy nhất của Đảng Cộng sản.

Sau khi đánh chiếm lập chi khu đồn bót tại các vị trí then yếu ở thị xã, thị trấn, dọc đường giao thông quan trọng, các làng mạc sầm uất và đồn điền cao su, từ đầu năm 1946, quân Pháp liên tục tổ chức với quy mô lớn cấp tiểu đoàn và trên tiểu đoàn, có xe thiết giáp, pháo binh và không quân hỗ trợ. Các đơn vị vũ trang tập trung cùng với lực lượng dân quân du kích ở Tân Uyên, Châu Thành, Long Thành, Xuân Lộc vừa tranh thủ củng cố xây dựng lực lượng vừa tổ chức chặn đánh địch gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đáng kể nhất là các trận chống càn tại Long Thành và Chiến khu Đ. Tháng 3 năm 1946, Vệ quốc đoàn Long Thành cùng du kích địa phương chặn đánh cuộc hành quân của địch gồm 500 tên có xe thiết giáp và máy bay yểm trợ vào vùng lòng chảo Nhơn Trạch – Phước Thọ - Phước An. Các chiến sĩ của ta liên tục di chuyển chia cắt địch ra từng mảng, dụ chúng vào địa hình có lợi và bất ngờ tập kích, bắt sống bảy tên lính lê dương, phá hủy một số xe GMC. Cùng thời gian này, ngày 15 tháng 3, Vệ quốc đoàn Biên Hòa và di kích vùng Chiến khu Đ tổ chức chặn đánh cuộc càn của địch gồm 5.000 quân có tàu chiến và máy bay yểm trợ vào trung tâm Chiến khu Đ. Do lực lượng địch quá mạnh, các quân đội của ta chia nhỏ cơ động trong vùng rừng căn cứ, bất ngờ tập kích đánh tiêu hao từng bộ phận nhỏ quân địch dọc sông Đồng Nai, đường 16 và các khu vực Bình Hóa, Đất Quốc, Nhà Nai, Lạc An.

Tháng 6 năm 1956, chấp hành chỉ thị của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 7, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bao gồm Vệ quốc đoàn Biên Hòa cũ và Vệ quốc đoàn Châu Thành) và Vệ quốc đoàn Long Thành xác nhập lại thành Chi đội 10. Chi đội là tổ

---

<sup>1</sup> . Theo Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 1930 – 1995. Tập 1 – Nxb Đồng Nai, 1997, tr. 130)

chức vũ trang tương đương cấp trung đoàn, trực thuộc Bộ Tư lệnh Khu 7, đứng chân và hoạt động chủ yếu trong phạm vi tỉnh Biên Hòa, do Tỉnh ủy Biên Hòa trực tiếp lãnh đạo và bảo đảm cung cấp hậu cần.

Tổ chức của chi đội gồm ba đại đội (mỗi đại đội tương đương một tiểu đoàn ngày nay) như sau:

\* Đại đội A:

- Ban chỉ huy: Nguyễn Văn Quang (đại đội phó), Nguyễn Đình Vị (chính trị viên).

- Địa bàn hoạt động: vùng hữu ngạn sông Đồng Nai thuộc quận Tân Uyên.

- Tổ chức đại đội có ba trung đội (tương đương đại đội ngày nay):

+ Trung đội 1: Ban chỉ huy gồm Trần Ngọc Ngộ (trung đội trưởng), Hoàng Phụng Đức (trung đội phó), Nguyễn Văn Được (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở vùng Lạc An, Thường Lang, Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch khu vực trung tâm Chiến khu Đ.

+ Trung đội 2: Ban chỉ huy gồm Nguyễn Văn Lắm (trung đội trưởng), Hoàng Lập Trung (trung đội phó), Hoàng Đình Cận (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở vùng Bình Chánh, Thái Hòa, Tân Ba, Phước Thành.

+ Trung đội 3: Ban chỉ huy gồm Nguyễn Khải (trung đội trưởng), Nguyễn Văn Nhiều (trung đội phó), Nguyễn Thanh Đạm (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở vùng Bình Hóa, Tân Dân, Bình Mỹ.

\* Đại đội B:

- Ban chỉ huy: Lê Văn Ngọc, (đại đội trưởng), Đinh Quang Ân, Lê Thoa, (đại đội phó), Nguyễn Văn Khoa (chính trị viên).

- Địa bàn hoạt động: vùng tả ngạn sông Đồng Nai, thuộc quận Xuân Lộc và quận Châu Thành.

- Tổ chức đại đội có ba trung đội:

+ Trung đội 4: Ban chỉ huy gồm Đinh Quang Ân (kiêm trung đội trưởng), Lê Văn Chùng (trung đội phó), Ngô Đình Tiêu (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở quận Xuân Lộc.

+ Trung đội 5: Ban chỉ huy gồm Lê Thoa (kiêm trung đội trưởng), Nguyễn Văn Quảng (trung đội phó), Mạnh Xuân Tâm (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở Vùng Bình Đa, Vĩnh Cửu, Tân Phong, Tân Mai (quận Châu Thành) và Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Cây Gáo, Cây Đào (quận Tân Uyên).

+ Trung đội 6 do Vũ Văn Vũ làm trung đội trưởng; hoạt động chủ yếu ở quận Xuân Lộc.

\* Đại đội C:

- Ban chỉ huy: Lương Văn Nho (đại đội trưởng), Nguyễn Văn Toàn (đại đội phó), Lưu Văn Phảng (chính trị viên).

- Địa bàn hoạt động: chủ yếu ở quận Long Thành.

- Tổ chức đại đội có hai trung đội:

+ Trung đội 7: Ban chỉ huy gồm Võ Minh Như (trung đội trưởng), Nguyễn Diệng (trung đội phó), Nguyễn Dự (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở vùng Nhơn Trạch, Phước Thái, Phú Mỹ.

+ Trung đội 8: Ban chỉ huy gồm Nguyễn Văn Mỹ (trung đội trưởng), Nguyễn Hữu Nhân (trung đội phó), Trần Trọng Đức (chính trị viên); hoạt động chủ yếu ở vùng Tam An, Long Bình Tân.

Ngoài ba đại đội nêu trên, trực thuộc chi đội còn có cơ quan, đơn vị:

- Văn phòng chi đội, kiêm luôn công tác tài chính (Cao Văn Bỏ phụ trách).

- Chi quân báo (Bùi Trọng Nghĩa: chi trưởng). Chi xây dựng hệ thống quân báo ở các địa phương gồm mỗi quận có một tổ, riêng thị xã Biên Hòa có hai tổ, khu vực Chiến khu Đ có hai tổ. Ngoài ra còn một trung đội trinh sát do chi trưởng trực tiếp chỉ huy.

- Ban quản trị (Đào Văn Quang phụ trách), gồm:

+ Tiểu ban quân nhu (Nguyễn Văn Lượng phụ trách).

+ Tiểu ban quân trang (Biên Ngọc Hưng phụ trách).

+ Tiểu ban quân y (Nguyễn Anh Tài phụ trách).

+ Tiểu ban sinh sản tự túc (Nguyễn Văn Quỳ phụ trách).

- Binh công xưởng (Bùi Cát Vũ: giám đốc, Đặng Sĩ Hùng: phó giám đốc, Nguyễn Cao: chính trị viên).

- Quân y viện (Võ Cương phụ trách). Mỗi đại đội có một trạm xá có nhiệm vụ cứu chữa điều trị và chăm sóc sức khỏe cho bộ đội ở tuyến đại đội và cho nhân dân nơi đơn vị đứng chân.

- Tổng quân số của Chi đội 10 lúc mới thành lập gồm 800 người, trang bị 150 súng trường, 15 súng lửa, bốn súng máy, 16 súng lục và 200 lựu đạn.<sup>(1)</sup> Ban chỉ huy chi đội gồm: Huỳnh Văn Nghệ (chi đội trưởng), Huỳnh Văn Đạo, kế đó là Nguyễn Văn Lung (chi đội phó), Phan Đình Công (chính trị viên).

Mặc dù tổ chức chi đội chưa hoàn chỉnh, chưa có các cơ quan tham mưu, chính trị, nhưng sự ra đời của Chi đội 10 đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong lịch sử xây dựng và chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa. Từ các đơn vị chiến đấu riêng lẻ trở thành một tổ chức lực lượng thống nhất, đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ huy của khu, của tỉnh, Chi đội 10 đã tạo dựng một cơ sở cơ bản và vững chắc ban đầu cho quá trình xây dựng, phát triển và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu về sau. Đến đây, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa đã hình thành hai “loại” tổ chức vũ

---

<sup>1</sup> . Báo cáo tình hình quân sự Khu 7 (25/8/1945- 6/1949)- Tài liệu LS.68, Phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, tr. 77.

trang: lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh là Chi đội 10 và lực lượng vũ trang không thoát ly sản xuất (dân quân, du kích) ở các quận, xã, đồn điền cao su.

\* \*

\*

Là tỉnh có phong trào cách mạng diễn ra sớm và mạnh mẽ, Biên Hòa bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược một cách tự tin và được chuẩn bị trước. Trong bối cảnh ấy, các đơn vị vũ trang tập trung lần lượt ra đời, lần lượt củng cố và thống nhất lại thành một tổ chức duy nhất. Lực lượng dân quân du kích địa phương hình thành sớm và phát triển mạnh mẽ ngay từ đầu cuộc kháng chiến. Đây là giai đoạn hình thành, thống nhất và đặt cơ sở cho sự phát triển lực lượng vũ trang ba cấp của tỉnh Biên Hòa trong giai đoạn lịch sử tiếp theo.

**Chương hai**  
**XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG VÀ DÂN**  
**QUÂN DU KÍCH, ĐẨY MẠNH TÁC CHIẾN TIÊU DIỆT ĐỊCH**  
**(6 – 1945 – 5 – 1951)**

**I. TỪ QUẬN QUÂN SỰ ĐẾN TỔ CHỨC TỈNH ĐỘI DÂN QUÂN BIÊN HÒA.**

Ngày 6 tháng 3 năm 1946, thực hiện chủ trương “hòa để tiến”, Chính phủ ta ký kết với Pháp hiệp định sơ bộ, theo đó quân đội hai bên ngừng bắn và ở nguyên vị trí chờ cuộc đàm phán nhằm thực hiện các điều khoản của hiệp định. Mặc dù vậy, Ceildille, ủy viên cộng hòa Pháp tại Nam Bộ ra tuyên ngôn đại ý: hiệp ước mới được ký kết không dính dáng gì đến Nam Bộ(!) Cuộc đàm phán Thiện Tân giữa phái đoàn Pháp ở Nam Bộ và đại diện Vệ quốc đoàn Khu 7<sup>(1)</sup> nhằm thực hiện các điều khoản của hiệp định không đạt được kết quả, Tướng Nyo vừa lên thay Valluy làm tư lệnh quân viễn chinh Pháp tại miền Nam Việt Nam (tháng 3 năm 1946) ra lệnh đẩy mạnh hoạt động quân sự hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến trong thời gian ngắn.

Tại Biên Hòa, quân Pháp tiến hành hàng loạt cuộc càn quét với qui mô lớn, dồn đẩy cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang cách mạng vào sâu trong các căn cứ xa dân, không có nguồn tiếp tế cung ứng hậu cần. Đặc biệt, ngày 18 tháng 4, hai ngày sau cuộc thương thuyết Thiện Tân kết thúc, chúng mở cuộc hành quân càn quét với qui mô lớn chưa từng có vào chiến khu Đ. Toàn bộ lực lượng địch tại Biên Hòa cùng với các đơn vị lê dương từ Sài Gòn, Buôn Ma Thuột được huy động tham gia. Mục đích cuộc hành quân nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não, đè bẹp lực lượng kháng chiến ở miền Đông Nam Bộ như lời đe dọa của chúng trong cuộc thương thuyết. Với lực lượng 8000, do Loclers trực tiếp chỉ huy, quân Pháp chia làm bốn cánh bao vây vùng Phước Hòa, Tân Uyên, Cây Đào, các xã Tân Tịch, Thường Lang, An Lạc, cắt đứt và cô lập toàn bộ khu căn cứ. Sáng sớm ngày 19 tháng 4 từ các khu vực ém quân, các mũi tiến công của Pháp có xe thiết giáp, tàu chiến, máy bay yểm trợ tiến công ồ ạt vào vùng trung tâm chiến khu Đ. Trước sức mạnh áp đảo của địch, đêm 22 tháng 4 toàn thể cơ quan Khu bộ Khu 7, các đơn vị bộ đội cùng cơ sở hậu cần kỹ thuật của khu bí mật vượt vòng vây chuyển về căn cứ Vườn Thơm, rồi căn cứ Đông Thành (Chợ Lớn). Chiến khu bị tàn phá nặng nề. Quân Pháp đóng thêm nhiều đồn bót ngay giữa căn cứ Nhà Nai, Tân Lợi, dọc hai bên bờ sông Đồng Nai như Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, Rạch Đông, dọc đường đóc Bà Nghĩa, Cổng Nhà Thiết, Bình Cơ, Bình Mỹ, Cổng Xanh, hình thành một vành đai bao vây Chiến khu Đ cả từ hai phía tây và nam. Tại Long Thành, quân Pháp đánh chiếm và đóng đồn bót ở hầu khắp các xã sầm uất. Chúng

---

<sup>1</sup>. Diễn ra từ 10 đến 16 tháng 4 năm 1946 tại miếu Bà Cô, xã Thiện Tân, Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa.



liên tục đưa máy bay quần đảo bắn phá và tổ chức cuộc càn nông, lấn dũi sâu vào vùng căn cứ của ta ở Rừng Sác.

Hoạt động càn quét bán phá của địch gây cho ta rất nhiều khó khăn. Chiến trường bị chia cắt.<sup>(1)</sup> Sự chỉ đạo liên lạc vận chuyển bị ngưng trệ, gián đoạn. Các cơ quan kháng chiến và đơn vũ trang buộc phải chuyển sâu vào vùng căn cứ, không nhận được sự tiếp tế nuôi dưỡng trực tiếp của nhân dân. Chính quyền địa phương chưa bảo đảm được việc cung cấp hậu cần cho bộ đội. Nguồn lương thực thực phẩm cạn dần. Trong lúc đó, tại các vùng tạm bị chiếm và vùng tranh chấp, phong trào chiến tranh du kích còn yếu. Lực lượng dân quân du kích chưa được tổ chức một cách có hệ thống và chặt chẽ, thiếu kinh nghiệm và phương tiện chiến đấu.

Trước tình hình đó, sau khi đưa ra thảo luận, cân nhắc kỹ lưỡng trong ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Huỳnh Văn Nghệ quyết định tổ chức các quận quân sự trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, thay cho tổ chức ủy ban kháng chiến các quận trên thực tế không còn nữa.

Quận quân sự là một tổ chức quân sự - hành chính được bố trí theo khu vực thuận tiện cho hoạt động kháng chiến, làm nhiệm vụ xây dựng phát triển lực lượng dân quân du kích và tổ chức cho lực lượng này canh gác nắm địch, diệt tề trừ gian, độc lập phối hợp với lực lượng của trên chiến đấu tại địa phương, đồng thời thực hiện một phần công tác của chính quyền như thu thuế, vận động nhân dân đóng góp tiếp tế cho bộ đội, thu tuyền quân...

Theo quyết định trên, trên địa bàn tỉnh, lần lượt, chín quận quân sự được thành lập:

- Quận quân sự 1: khu vực gồm các xã Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang, Lạc An (quận Tân Uyên), do Trừ Sùng Thới phụ trách.

- Quận quân sự 2: khu vực gồm các xã Bình Hóa, Bình Chánh, Tân Dân, Mỹ Quới, Tân Ba, Phước Thành, Bình Mỹ, Thái Hòa, An Thành, Mỹ Hòa (quận Tân Uyên), do Phạm Văn Anh, Phạm Văn Thăng, Cổ Tấn Chương phụ trách.

- Quận quân sự 3: khu vực gồm các xã Bình Long, Lợi Hòa, Cây Đào (quận Tân Uyên), do Lê Ngọc Có, Lê Công Thính phụ trách.

- Quận quân sự 4: khu vực gồm các xã Bình Hòa, Tân Mai, Tân Phong (quận Châu Thành), do Trần Văn Xã phụ trách.

- Quận quân sự 5: khu vực gồm các xã Tân Hạnh, Hóa An, Bửu Hòa, Tân Hiệp, Tân Vạn, Bình Trị (quận Châu Thành), do Châu Ngọc Đức phụ trách.

---

<sup>1</sup>. Quân Long Thành buộc phải chia địa bàn thành bốn khu vực để dễ hoạt động:

- Khu vực 1: gồm bảy xã dọc lộ 17 từ Phước Thiện tới Phước Lý; do Trương Minh Kỳ phụ trách.

- Khu vực 2: gồm năm xã dọc lộ 19 từ Phước Kiên tới Phước Thọ; do Huỳnh Văn Đạo và Võ Văn Truyền phụ trách.

- Khu vực 3: gồm bốn xã vùng Rừng Sác, Phước An, Phước Khánh, Phước Thành, Phú Hữu và một phần xã Phước Lý; do Trịnh Minh Lý phụ trách.

- Khu vực 4: gồm các xã dọc quốc lộ 15 từ Phước Thiện tới Phước Tân, do Lương Văn Nho phụ trách.

- Quận quân sự 6: khu vực gồm các xã Bình Đa, Vĩnh Cửu, Tam Hiệp (quận Châu Thành), do Hoàng Tam Kỳ phụ trách.

- Quận quân sự 7: khu vực gồm các xã Phước Hòa, Phước Vĩnh, Phước Sang, An Linh (quận Tân Uyên); do Vũ Văn Vũ, Đỗ Bồng Long phụ trách.

- Quận quân sự 9: khu vực từ đồn điền cao su Cây Gáo lên quốc lộ 20 ngã ba Dầu Giây đến Định Quán (quận Xuân Lộc), do Đỗ Thanh Tùng phụ trách.

- Quận quân sự 10: khu vực phía bắc quốc lộ 20 xuống đến tỉnh lộ 2 (quận Xuân Lộc), do Huỳnh Công Tâm (Lê Đình Khuê) phụ trách.

Trong điều kiện cơ quan quân sự chưa ra đời, sự thành lập quận quân sự là một sáng tạo độc đáo của tỉnh Biên Hòa. Nó đặt cơ sở cho quá trình xây dựng hoàn thiện tổ chức cơ quan quân sự địa phương và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương hầu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới.

Để làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng dân quân du kích chiến tranh ở các quận quân sự, Vệ quốc đoàn Biên Hòa đưa lực lượng về đứng chân ở quận, mỗi quận quân sự có từ một đến hai tiểu đội. Ngay sau khi thành lập, các quận quân sự đã tích cực chủ động thực hiện các chức trách được giao. Ngoài việc kết nạp thêm đội viên du kích, củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích ở các xã, các đồn điền cao su, mỗi quận quân sự đều thành lập lực lượng du kích tập trung của quận, quân số từ một đến hai tiểu đội. Các đội du kích đều làm nhiệm vụ quân sự như canh gác, báo động, trinh sát nắm địch, chuẩn bị chiến trường, độc lập hoặc phối hợp tác chiến; vừa làm nhiệm vụ cơ sở, vận động thanh niên tòng quân, vận động đồng bào tham gia kháng chiến, thu thuế, vận chuyển, liên lạc... Phong trào kháng chiến khởi sắc dần và từng bước phát triển ở khắp các địa phương.

\* \*

\*

Nhờ có cơ sở vững ở địa phương, các đơn vị Vệ quốc đoàn Biên Hòa trở lại bám dân hoạt động khắp các địa bàn trọng điểm. Hai trung đội 4 và 6 lên hoạt động ở Xuân Lộc, trung đội 5 về Châu Thành sát thị xã Biên Hòa. Trung đội 1 bám vùng Tân Ba – Tân Hạnh – Tân Vạn. Hai trung đội 2 và 3 thường xuyên trụ vững đánh địch ở chiến khu Đ. Sự tiếp tế cho bộ đội được đảm bảo. Mọi liên hệ trong xây dựng và chiến đấu giữa các đơn vị bộ đội tập trung và lực lượng dân quân du kích ở địa phương ngày càng gắn bó.

Từ cuối tháng 6 năm 1946, guồng máy kháng chiến ở tỉnh Biên Hòa đã đi vào hoạt động khá nhịp nhàng và có hiệu quả. Các quận quân sự, bên cạnh những yếu tố tích cực vừa nêu, đã bộc lộ nhược điểm: chức năng thu thuế, quyên góp chông chéo với nhiệm vụ của chính quyền địa phương. Ban chỉ huy Chi đội 10 họp hội nghị dưới sự chủ trì của Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ, nhận định: đến đây, các quận quân sự đã hoàn thành nhiệm vụ. Hội nghị quyết định chuyển tổ chức các quận quân sự thành ban công tác liên thôn.

Ban công tác liên thôn là tổ chức quân sự trực thuộc và giúp việc cho ủy ban hành chính quận, chịu sự lãnh đạo của quận ủy đồng thời do Ban chỉ huy Chi đội 10 chỉ đạo về ngành dọc, phê duyệt kế hoạch và chỉ huy trong hoạt động quân sự. Theo đó, ngoài chín ban công tác liên thôn chuyển từ quận quân sự sang và giữ nguyên phiên hiệu số thứ tự, có thêm năm ban công tác liên thôn mới được thành lập, gồm:

- Ban công tác liên thôn 8: phụ trách vùng đất đỏ (quận Long Thành) và khu vực Trảng Bom, Bàu Cá (quận Xuân Lộc), do Đỗ Duy Tú làm trưởng ban.

- Ban công tác liên thôn 11: phụ trách khu vực các xã An Lợi, Tam An, Tam Phước, Phước Tân, Thanh Nguyên (quận Long Thành), do Nguyễn Văn Xuất làm trưởng ban.

- Ban công tác liên thôn 12: phụ trách khu vực các xã Long Tân, Phú Hội, Phước Thiện, Long Điền (quận Long Thành) do Phạm Tự Do làm trưởng ban.

- Ban công tác liên thôn 13: phụ trách khu vực các xã Phước Kiển, Phước Long, Phước Lai, Phước Thọ, Phước An (quận Long Thành) do Nguyễn Trọng Trường làm phụ trách.

Như vậy, trên địa bàn toàn tỉnh có 14 ban công tác liên thôn. Dưới ban công tác liên thôn, ở những xã có phong trào kháng chiến phát triển mạnh đều lập ban công tác xã. Các ban công tác có nhiệm vụ: tiếp tục nhiệm vụ của quận quân sự (trừ việc thu thuế thuộc chức năng của chính quyền); tăng cường công tác phá hoại cầu đường, kho xưởng, phá hoại kinh tế địch; xây dựng lực lượng dân quân du kích và vận động gia đình nguy quân nguy quyền tham gia kháng chiến.

Đến cuối năm 1946, việc xây dựng các ban công tác mới hoàn tất. Ban công tác liên thôn (thực chất là liên xã) và ban công tác xã là tổ chức tiền thân cơ quan quân sự liên xã và cơ quan quân sự xã. Cũng đến cuối năm 1946, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa đã hình thành ba hình thức tổ chức lực lượng vũ trang: Chi đội 10, các đội du kích và du kích xã. Đây là tiền đề hết sức quan trọng để tỉnh Biên Hòa xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba cấp trong những năm tiếp theo của cuộc kháng chiến.

Đồng thời với việc chỉ đạo xây dựng hệ thống ban công tác liên xã và xã, Ban chỉ huy Chi đội 10 nỗ lực xây dựng hoàn thiện tổ chức của chi đội, đặc biệt về công tác hậu cần và công tác kỹ thuật.

Trong điều kiện Ủy ban kháng chiến tỉnh Biên Hòa và cơ quan quân nhu Khu 7 chỉ cung cấp được khoảng hai phần ba nhu cầu ăn, mặc, chữa bệnh cho bộ đội, các đại đội của Chi đội 10 một mặt dựa vào sự nuôi dưỡng của nhân dân nơi đóng quân, mặt khác chủ động tạo ra nguồn cung cấp bằng nhiều con đường khác nhau. Các tổ công tác được cử về thành phố và vùng nông thôn tạm bị chiếm để vận động hoặc quyên góp hoặc dùng tiền Đông Dương ngân hàng mua lương thực, thực phẩm, vải vóc, thuốc men, dụng cụ văn phòng... rồi tổ chức vận chuyển về chiến khu. Mỗi đại đội đều tổ chức bộ phận sản xuất, lập trại trồng lúa, trồng khoai

mỳ dọc và sông Đồng Nai, Sông Bé, và có kế hoạch tự túc lương thực ba tháng trong một năm.

Về y tế, ngoài quân y viện của chi đội, mỗi đại đội có một trạm xá, mỗi trung đội có một y tá và mỗi phân đội có một cứu thương viên. Quân y viện mở liên tiếp các lớp đào tạo y tá (học viên phần đông là các nữ học sinh sinh viên từ vùng địch hậu vào chiến khu) để cung cấp đủ nhân viên y tế cho các đơn vị, đặc biệt ở những chiến trường trọng điểm. Nguồn thuốc men dựa vào sự vận động quyên góp và mua từ nội thành. Ngoài ra, còn tổ chức lấy cấp ở nhà thương điên và các cơ sở y tế khác trong thị xã Biên Hòa. Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, cứu chữa bệnh cũng là một mặt trận vô cùng quyết liệt. Nhiều chiến sĩ, đôi khi hàng loạt đồng chí bị hy sinh vì sốt rét ác tính, vì mất máu, viêm nhiễm không có thuốc và phương tiện y tế phù hợp. Tại quân y viện chi đội, có trường hợp bác sĩ không có cura chuyên dụng để cura tay chân. Thương binh trong khi chịu đựng cuộc phẫu thuật không có thuốc gây tê, gây mê đã hát vang bài Tiến quân ca và những ca khúc cách mạng khác để vượt qua đau đớn.

Tiếp quản một bộ phận binh công xưởng do Khu 7 để lại, vừa tổ chức gom nhặt tháo gỡ nguyên liệu ở rải rác khắp nơi, vừa móc nối mua hoặc lấy của địch tại các nhà máy vùng tạm bị chiếm, cơ sở binh công xưởng của chi đội phát triển thành một cơ sở quân giới mạnh, công nhân đông đến 300 người. Từ việc sửa chữa súng trường, nhồi lại đạn, binh công xưởng tiến tới sản xuất lựu đạn, mìn, súng cối và đạn súng cối, súng lục, súng Bazoka...

Sự phát triển của lực lượng dân quân du kích trong cả nước đặt ra nhu cầu cần tổ chức thành một hệ thống thống nhất từ trung ương xuống các phường xã. Tháng 3 năm 1947, Chính phủ ra quyết định đổi tên Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia thành Bộ Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân tự vệ; đồng thời thành lập các chỉ huy tỉnh đội, huyện đội, xã đội dân quân thuộc ủy ban kháng chiến các cấp. Ngày 24 tháng 5 năm 1947, tại Chiến khu Việt Bắc, hội nghị dân quân du kích toàn quốc lần thứ nhất thống nhất đặt tổ chức dân quân tự vệ và du kích thành một bộ phận trong các lực lượng vũ trang nhà nước, do cơ quan quân sự địa phương chỉ huy. Chấp hành mệnh lệnh của Chính Phủ, ngày 3 tháng 11 năm 1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ<sup>(1)</sup> lập Phòng dân quân Nam Bộ do Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn trực tiếp phụ trách. Bộ Tư lệnh Khu 7 lập ban dân quân do Lê Minh Định làm trưởng ban. Tổ chức quân sự địa phương (tỉnh đội bộ dân quân, huyện đội bộ dân quân, xã đội bộ dân quân) được lần lượt thành lập trên địa bàn Đông Nam Bộ.

Tháng 11 năm 1947, chấp hành chỉ thị của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, Tỉnh đội dân quân Biên Hòa được thành lập. Ban chỉ huy Tỉnh đội gồm; Cao Văn Bô (tỉnh đội trưởng), Nguyễn Văn Lai (chính trị viên), Nguyễn Văn Trị và Nguyễn Thị Nguyệt (tỉnh đội phó). Các huyện trong tỉnh đều thành lập cơ quan huyện đội bộ trên cơ sở sáp nhập các ban công tác liên thôn tại địa bàn huyện, cụ thể:

---

<sup>1</sup> . Tháng 7 năm 1947, Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến các cấp hợp nhất lại thành Ủy ban kháng chiến hành chính. Ở địa bàn nông thôn, tổ chức hành chính cấp quận đổi thành huyện.

- Các ban công tác liên thôn 1, 2, 3, 7 nhập thành huyện đội dân quân huyện Tân Uyên; Ban chỉ huy đội gồm Cổ Tấn Chương (huyện đội trưởng), Lê Huyền (chính trị viên), Trần Công Đạo (huyện đội phó).

- Các ban công tác liên thôn 4, 5, 6 lập thành huyện đội dân quân huyện Châu Thành; Ban chỉ huy huyện đội gồm Trần Văn Xã (huyện đội trưởng), Châu Ngọc Đức (chính trị viên), Phạm Văn Cẩm (huyện đội phó).

- Các ban công tác liên thôn 9, 10 nhập thành huyện đội dân quân huyện Xuân Lộc; Ban chỉ huy huyện đội gồm Võ Văn Đức (huyện đội trưởng), Huỳnh Công Tâm và Trần Văn Lộc (huyện đội phó).

- Các ban công tác liên thôn 8, 11, 12, 13, 14 nhập thành huyện đội dân quân huyện Long Thành; Ban chỉ huy huyện đội gồm Phạm Tự Do (huyện đội trưởng), Hoàng Viễn Trí (chính trị viên), Nguyễn Trọng Trường (huyện đội phó).

Các đội du kích tập trung của ban công tác liên thôn hợp nhất thành lực lượng du kích tập trung của huyện, mỗi huyện từ một đến hai trung đội. Đến đây, tổ chức ban công tác liên thôn kết thúc nhiệm vụ. Tại các xã đều hình thành cơ quan xã đội bộ. Mỗi xã có từ một đến hai tiểu đội du kích bán tập trung.

Đến cuối năm 1947, hệ thống tổ chức cơ quan quân sự địa phương tỉnh Biên Hòa được xây dựng xong từ tỉnh xuống huyện, xã.

## II. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIAO THÔNG DỊCH.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Sáng ngày 20 tháng 12, Đài tiếng nói Việt Nam Phát đi lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm dùng quốc, thuồng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước<sup>(1)</sup>. Trước đó, ngày 16 tháng 12, Xứ ủy lâm thời Nam Bộ nhận được điện của Trung ương Đảng trong đó chỉ rõ: “Nhiệm vụ của Nam Bộ là không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được của Nam Bộ ra đánh Trung, Bắc”<sup>(2)</sup>. Từ đây, lực lượng vũ trang Biên Hòa bước vào cuộc chiến đấu trong bối cảnh cùng lực lượng vũ trang cả nước kháng chiến.

Nằm trong kế hoạch chung mở rộng cuộc chiến tranh ra toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, “tách Nam Kỳ ra khỏi cuộc chiến tranh”, miền Bắc Bộ thành chiến trường chính, tướng Valluy chủ trương tập trung hoàn thành việc bình định Nam Bộ vào mùa thu năm 1947. Bình định Nam Bộ trở thành khâu then chốt trong chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp. Để triển khai kế hoạch trên, tại Biên Hòa nói riêng, tướng Nyo đẩy mạnh hoạt động bình định một cách toàn diện. Về chính trị chúng dùng mọi thủ đoạn lôi kéo tập hợp các phe phái tôn giáo, đảng phái phản động, lập mặt trận quốc gia giả hiệu, các khu quốc gia, khu an ninh nhằm tạo thêm cơ sở xã hội, chia rẽ hàng ngũ kháng chiến, vô hiệu hóa căn cứ kháng chiến của ta. Về kinh tế, chúng duy trì các cơ sở kinh tế ở thị xã Biên Hòa, đặc biệt đẩy

<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh toàn tập – Nxb Sự Thật. H. 1984, t4

<sup>2</sup>. Văn kiện quân sự của Đảng – Nxb Quân đội nhân dân, H. 1976, t.2, tr.72.

manh hoạt động khai thác cao su tại các đồn điền ở Long Thành, Xuân Lộc. Về quân sự, tướng Nyo tổ chức lại lực lượng, bỏ bớt những đồn bót lẻ ở các khu vực không quan trọng để tập trung lực lượng bên trong và xung quanh khu vực thị xã, dọc các quốc lộ 1, 20, 15, và các đồn điền cao su; phát triển nguy quân, phát triển chiến tranh gián điệp; mở các cuộc hành quân lớn vào sâu các căn cứ của ta ở Chiến khu Đ, Rừng Sác. Để thuận tiện cho việc kiểm soát, cơ động binh định, Nyo bố trí lại chiến trường không theo gianh giới hành chánh mà căn cứ vào yêu cầu phòng thủ quân sự, nhập các khu vực Biên Hòa, Xuân Lộc, Bà Rịa, Thủ Đức thành một tiểu khu, gọi là tiểu khu<sup>(1)</sup>. Sau đó lại chia nhỏ thêm, gọi là tiểu khu Biên Hòa chỉ gồm Biên Hòa, Bà Rịa.<sup>(2)</sup>

Cuối tháng 1 năm 1947, tại Chiến khu Đ, Ban chỉ huy Chi đội 10 họp hội nghị triển khai kế hoạch năm 1947. Hội nghị mở rộng đến trung đội trưởng và chính trị viên của trung đội. Phân tích tình hình địch, hội nghị cho rằng, do phải tập trung quân đội ra chiến trường miền Bắc, quân địch buộc phải rút bỏ nhiều vị trí trú đóng để thành lập lực lượng ứng chiến cơ động. Lưu lượng người và xe của địch trên các đường giao thông tăng lên nhiều so với trước đây. Đánh địch trên đường giao thông, bằng cách bí mật chuẩn bị sẵn trận địa phục kích, dùng hỏa lực và xung lực bất ngờ tiến công địch rồi nhanh chóng rút lui về căn cứ sẽ phù hợp với khả năng hiện có của chi đội hơn. Trong lúc đó việc tập kích vào đồn bót ngày càng khó khăn do địch xây dựng hệ thống công sự cố thủ vững chắc. Việc đánh địch trên đường giao thông, do đó vừa có khả năng đạt hiệu quả cao, lại lấy được vũ khí và đồ quân dụng trang bị cho bộ đội và du kích. Hội nghị quyết định triển khai đợt đánh giao thông địch nhằm hưởng ứng chỉ thị “đẩy mạnh đánh giao thông địch” của Bộ Tư lệnh Khu 7 và lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch.

Địa bàn tác chiến được chọn là huyện Xuân Lộc, nơi có quốc lộ 1 và đường sắt Bắc Nam nằm lọt giữa hai bên rừng dày, lượng tàu xe lưu thông lớn và quân địch tương đối sơ hở. Chọn đánh đường sắt Sài Gòn – Nha Trang và quốc lộ 1 còn có ý nghĩa hạn chế việc chuyển quân, tiếp tế của địch từ Nam Bộ ra chiến trường chính theo chỉ đạo của Trung ương.

Để chuẩn bị cho đợt đánh giao thông ở Xuân Lộc, lực lượng vũ trang địa phương tích cực chuẩn bị chiến trường, điều tra nghiên cứu tình hình và quy luật hoạt động, đi lại của địch, tìm chọn trận địa phục kích, địa điểm tập kết trú quân của ta, tích trữ lương thực, thực phẩm đủ cho bộ đội chiến đấu dài ngày. Mặt khác, đề nghị binh đánh lạc hướng chú ý của địch, đại đội A của chi đội nhận nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động tác chiến ở khu vực ngoại vi quận lỵ Tân Uyên. Tháng 3 năm 1947 đại đội tập kích tiêu diệt đồn Đất Cuốc nằm giữa Chiến khu Đ do một trung đội địch đóng giữ. Tiếp đó, đại đội tập kích luôn bót Thái Hòa. Lực lượng vũ trang

---

<sup>1</sup>. Toàn Nam Bộ có 3 tiểu khu và Đặc khu Sài Gòn – Gia Định. Tiểu khu 1: gồm Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công. Tiểu khu 3: gồm Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Xuyên.

<sup>2</sup>. Từ 3 tiểu khu 1, 2, 3 và Đặc khu Sài Gòn – Gia Định chia làm 6 tiểu khu mang tên các địa danh và Đặc khu Sài Gòn. Tiểu khu Thủ Dầu Một (chỉ gồm Thủ Dầu Một). Tiểu khu Gia Định (gồm Gia Định, Tây Ninh). Tiểu khu Vàm Cỏ (gồm Chợ Lớn, Tây An, Mỹ Tho). Tiểu khu Vĩnh Long (gồm Tiền Giang, Bến Tre). Tiểu khu Nam (gồm Hậu Giang).

ở Châu Thành hoạt động mạnh ở vùng ven thị xã Biên Hòa, diệt bót Vĩnh Cửu (Tam Điệp).

Ngày 19 tháng 5 năm 1947, kỷ niệm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, đại đội B nổ súng đánh đoàn tàu hỏa của địch trên đoạn đường sắt Bảo Chánh, mở màn đợt đánh giao thông của Chi đội 10 trên chiến trường Xuân Lộc. Các chiến sĩ quân giới dùng đầu đạn đại bác 75 ly không nổ thu được của địch cải tạo thành mìn chôn ở giữa đường ray. Trận đánh diễn ra theo đúng theo kế hoạch tác chiến. Khi đầu tàu vừa tới địa điểm phục kích, bộ đội ta châm điện cho mìn nổ. Xe lửa bị trật bánh, buộc phải dừng lại. Toàn đại đội xung đồng loạt xung phong diệt gọn bọn lính áp tải thu hết số vũ khí đạn dược trên tàu trong đó có một đại liên, sau đó rút lui an toàn về căn cứ núi Chứa Chan.

Đúng lúc Chi đội 10 vừa đánh xong trận Bảo Chánh, Bí thư lâm thời Xứ ủy Nam Bộ Lê Duẩn trên đường từ Việt Bắc về Đồng Tháp Mười đã ghé thăm căn cứ núi Chứa Chan. Sau khi nghe chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ báo cáo tình hình bộ đội, đồng chí đã nán lại Xuân Lộc để quan sát và tìm hiểu trình độ chiến đấu của chi đội trong trận đánh tiếp theo.

Đầu tháng 6 năm 1947, Chi đội 10 tiếp tục tổ chức đánh đoàn tàu quân sự của địch. Trận địa phục kích được chọn tại đoạn đường sắt Trảng Táo – Gia Huynh. Lực lượng tham gia trận đánh gồm hai đại đội. Vì chưa chế tạo kịp mìn, các chiến sĩ quân giới đã bí mật tháo sẵn hết các bù long cố định thanh ray với tà vẹt, buộc dây kéo sẵn sàng kéo thanh ray trật khỏi vị trí cũ. Khi đầu máy kéo đoàn tàu vừa vào đúng vị trí phục kích, bộ đội ta kéo dây. Đoàn tàu bị trật một bên bánh nhưng vẫn tiếp tục chạy trên tà vẹt, bánh trong bánh ngoài, đến trên 2 ki – lô – mét nữa mới dứt lại một đoạn có va – gông bọc thép hộ tống, còn đầu tàu và các toa đầu chạy được đến ga Gia Huynh. Quân ta dọc hai bên bìa rừng chạy đuổi theo đoàn tàu diệt gọn lực lượng hộ tống trong va – gông bọc thép, thu nhiều súng trong đó có hai đại liên và hàng nghìn viên đạn các loại.

Sau trận Trảng Táo, tại hội nghị rút kinh nghiệm trận đánh, đồng chí Lê Duẩn đã biểu dương tinh thần khắc phục khó khăn, chủ động tấn công địch và hành động mưu trí dũng cảm trong chiến đấu của cán bộ chiến sĩ Chi đội 10. Bên cạnh đó, đồng chí nhắc nhở cán bộ các cấp của chi đội cần quan tâm đầy đủ vấn đề chiến thuật, kỹ thuật và kỷ luật quân sự, đồng thời quan tâm đến việc tham gia xây dựng phát triển lực lượng dân quân du kích, duy trì và phát huy tốt mối quan hệ giữa chi đội với dân quân du kích địa bàn chi đội đứng chân hoạt động. Ý kiến của đồng chí Bí thư lâm thời Xứ ủy có tác dụng cổ vũ tinh thần hăng hái chiến đấu của cán bộ chiến sĩ Chi đội 10, đồng thời chỉ ra những nội dung chi đội cần phấn đấu rèn luyện trong thời gian tới.

Tiếp theo trận Trảng Táo, cũng trong tháng 6 năm 1947, Chi đội 10 tổ chức phục kích đánh tàu quân sự của địch tại địa điểm cũ – Bảo Chánh. Binh công xưởng chi đội sử dụng một quả bom 50 ki- lô-gam của địch bị lép làm mìn điều khiển bằng điện. Bị đánh nhiều lần, địch thay đổi quy luật chạy tàu. Mỗi lần chạy, có hai đoàn tàu cùng đi, để yểm trợ lẫn nhau khi bị tiến công. Mỗi đoàn tàu có hai

đầu tàu một kéo một đẩy để phòng một trong hai đầu tàu bị đánh hỏng. Theo kế hoạch, lực lượng phục kích sẽ để cho đoàn tàu thứ nhất đi qua và chỉ đánh vào đoàn tàu thứ hai, khi đoàn tàu thứ nhất có thể do hoảng sợ sẽ bỏ chạy luôn. Giai đoạn đầu của trận đánh diễn ra đúng như ý định của ta. Các chiến sĩ quân giới chờ cho đoàn tàu thứ nhất chạy qua mới cho mìn nổ. Chiếc đầu máy bị cắt khỏi đoàn tàu và bay mất một nửa. Đoàn tàu thứ nhất bỏ chạy luôn. Nhưng ngay sau đó, quân ta mới phát hiện ra mìn đã nổ nhằm vào đầu máy thứ hai của đoàn tàu thứ nhất, trong lúc đó đoàn tàu thứ hai đang tiến dần vào trận địa phục kích. Lực lượng phục kích buộc phải vận động chạy theo đoàn tàu để đánh. Một phân đội men theo đường ray nhảy được lên va-gông bọc thép diệt toán lính áp tải, thu vũ khí. Bất ngờ, đoàn tàu đổi hướng, chạy lùi về phía Bảo Chánh. Các chiến sĩ ta buộc phải bỏ tàu nhảy xuống và rút lui về căn cứ.

Trận đánh xe lửa thứ tư của Chi đội 10 trong năm 1947 diễn ra đúng ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14 tháng 7, tại đoạn đường sắt Bàu Cá. Trận địa phục kích được tổ chức thành hai khu vực A và B tại hai ngọn đồi cách nhau khoảng 300 mét nhằm để đánh cùng lúc hai đoàn tàu của địch. Hai quả bom lép 50 ki-lô-gam được chế tạo thêm hai quả mìn đặt ở hai vị trí thích hợp. 2 giờ trưa, hai đoàn tàu chở quân từ Sài Gòn ra tới khu vực phục kích. Đoàn tàu thứ nhất vượt qua trận địa B tiến vào trận địa A. Mìn nổ. Quân ta tung lựu đạn và ô ạt xung phong, diệt gần 200 tên địch trên đoàn tàu, thu 60 súng (có một trung liên, 14 tiểu liên, năm súng lục) và ba máy thông tin VTĐ. Hai chiến sĩ hy sinh trong khi đọ súng với địch. Ở trận địa B, đoàn tàu của địch chưa tới khu vực phục kích, thấy đoàn tàu phía trước bị đánh, vội vã chạy lùi về phía Trảng Bom. Lực lượng phục kích rút lui về căn cứ.

Sau bốn trận đánh đường sắt tại Xuân Lộc, Chi đội 10 hành quân về Chiến khu Đ tổ chức huấn luyện. Từ thực tiễn chiến đấu trên các chiến trường, đặc biệt qua đợt đánh giao thông địch và từ ý kiến của đồng chí Bí thư Xứ ủy, ban chỉ huy chi đội xây dựng chương trình huấn luyện nhằm nâng cao trình độ quản lý chỉ huy của cán bộ, trình độ kỹ chiến thuật chiến đấu của chiến sĩ, nâng cao nhận thức chính trị và tổ chức kỷ luật của bộ đội. Về quân sự, bộ đội huấn luyện tổ chức hành quân (ban ngày, ban đêm, vượt sông, vượt đường cái), chuyển từ đội hình hành quân thành đội hình triển khai chiến đấu trong mọi điều kiện địa hình. Về chính trị, bộ đội học tập kỷ luật chiến trường, chính sách đối với tù hàng binh, công tác vận động quần chúng... Đây là đợt huấn luyện đầu tiên của Chi đội 10, kể từ ngày thành lập. Chi đội phó Nguyễn Văn Lung nhận xét: “Đến cuối năm 1947, sau đợt huấn luyện, chi đội có bước tiến bộ vượt bậc so với trước. Hành quân đạt đến mức trật tự khá cao, hai đơn vị đi ngược chiều nhau trong rừng không phát hiện ra nhau ở khoảng cách 50 mét”.<sup>(1)</sup>

Sau đợt huấn luyện, nhờ số máy thông tin VTĐ chiến lợi phẩm, Chi đội 10 thành lập tổ thông tin liên lạc chuyên môn kỹ thuật gồm cả hữu tuyến và vô tuyến.

---

<sup>1</sup> . Nguyễn Văn Lung. Lịch sử Chi đội 10 và Trung đoàn 310 – bản viết tay, Phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, HK. 10 tr. 49



Binh công xưởng của chi đội học cách chế tạo mìn lồm của kỹ sư Lê Hiền (vừa từ Pháp trở về) dùng thuốc nổ lấy từ bom đạn lép của địch sáng chế loại mìn lồm, gọi là Bazomin.

Tháng 12 năm 1947, thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Khu 7 về việc “Đẩy mạnh hoạt động quân sự phối hợp với chiến dịch thu đông Việt Bắc”, Chi đội 10 hành quân lên khu vực Đồng Xoài tỉnh Thủ Dầu Một đánh địch trên đường giao thông bộ. Đúng ngày kỷ niệm toàn quốc kháng chiến 19 tháng 12 năm 1947, chi đội tổ chức trận phục kích trên đường 14. Tám trung đội chia thành ba bộ phận phục kích đoàn xe địch gồm 26 chiếc. Bazomin nổ nhưng do lượng thuốc ít (từ 1 đến 2 ki-lô-gam) không phá hủy được xe thiết giáp hộ tống. Các chiến sĩ xông thẳng lên mặt đường dùng lựu đạn, chai xăng ném vào đoàn xe. Kết quả, ta thiêu hủy một xe chở xăng, chín xe chở lính, diệt 60 tên, bắt sống một tù binh, thu hai trung liên, một số vũ khí khác và một máy VTĐ.

Từ kinh nghiệm đợt đánh giao thông ở Xuân Lộc và trận đánh ra quân ở Đồng Xoài sau đợt huấn luyện, Ban chỉ huy Chi đội 10 nhận xét trình độ tổ chức chỉ huy, kỹ chiến thuật thực hành chiến đấu và ý thức kỷ luật chiến trường của bộ đội đã có bước tiến bộ cơ bản, có thể tiến lên đánh một trận phục kích có quy mô lớn hơn. Trận đánh phải đạt hai mục đích: tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch, tạo tiếng vang chính trị, giáng một đòn vào âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Trận địa phục kích được chọn là quốc lộ 20.

Quốc lộ 20 là con đường chiến lược nối Sài Gòn với Đà Lạt. Từ Đà Lạt có nhiều con đường nối với các tỉnh phía bắc, sang trung hạ Lào và xuống các cửa biển. Đoạn đầu của quốc lộ 20 nối từ quốc lộ 1, tại ngã ba Dầu Giây lên có nhiều đồn điền cao su, tiếp theo là rừng rậm bạt ngàn. Ở ki-lô-mét 101 là cầu La Ngà và ki-lô-mét 115 là thị trấn Định Quán, mỗi nơi có một đồn binh Pháp đóng giữ.

Sau nhiều ngày trinh sát, Ban chỉ huy Chi đội 10 quyết định chọn trận địa phục kích từ ki-lô-mét 104 (cách đồn La Ngà 3 ki-lô-mét về phía Đà Lạt). Quãng đường dài 9 ki-lô-mét này chạy vắt theo sườn đồi, khúc khuỷu, quanh co. Về phía đông, dốc thoải xuống thung lũng, có chỗ là vực sâu. Về phía tây, đường chạy theo sườn dốc cao, cách sông Đồng Nai 7 ki-lô-mét, có những quãng rừng già chạy thông đến chiến khu Đ. Đây là một trận địa vừa thuận lợi cho việc phục kích và vận động bất ngờ từ trên cao đánh xuống mặt đường. Sông Đồng Nai ở hai phía tây sẽ là hào chắn thiên nhiên bảo đảm cho bộ đội ta rút lui an toàn sau chiến đấu.

Công tác chuẩn bị cho trận đánh được ráo riết thực hiện ngay từ đầu năm 1947. Rút kinh nghiệm trận Đồng Xoài, binh công xưởng chi đội sản xuất mìn Bazomin với lượng thuốc đủ để phá hủy xe thiết giáp của địch. Huyện đội Xuân Lộc được phân công chuẩn bị lương thực cho bộ đội. Cán bộ, chiến sĩ của huyện lặn lội về những buôn sóc hẻo lánh vận động đồng bào dân tộc thiểu số góp từng lon gạo, trái bắp. Công nhân các đồn điền cao su tìm cách vượt qua sự kiểm soát gắt gao của địch để gom góp, vận chuyển gạo đến khu vực tập kết hậu cần. Một bộ phận chiến sĩ của Chi đội 10 tổ chức đánh bắt cá trên sông La Ngà, xé phơi khô dự trữ dài ngày. Trong lúc đó, lực lượng quân báo của chi đội qua nhiều ngày trinh sát đã

tổng kết được quy luật hoạt động của địch. Hàng tuần, có bốn chuyến xe quân sự qua lại trên đường: hai chuyến đi từ Sài Gòn lên Đà Lạt vào thứ hai và thứ năm, hai chuyến ngược lại trong các ngày thứ ba và thứ sáu. Mỗi chuyến có khoảng từ 40 đến 70 chiếc. Xe này cách xe kia khoảng 100 mét, xe quân sự đi xen kẽ với xe chở hành khách và xe vận tải tư nhân. Tốc độ trung bình của đoàn xe từ 20 đến 25 ki-lô-mét/giờ. Một đại đội bộ binh hộ tống đoàn xe có tăng cường trung liên và đại liên đặt trên xe mui trần được bố trí vào mỗi đầu và cuối mỗi đoàn xe, cùng với nhiều xe thiết giáp khác. Khi đoàn xe di chuyển, thường có máy bay trinh sát đi kèm.

Đến cuối tháng 2 năm 1947, mọi công tác chuẩn bị cho trận đánh hoàn tất. Kế hoạch tác chiến được phê duyệt. Lực lượng tham gia trận đánh gồm Chi đội 10, Liên quân 17<sup>(1)</sup>, quốc vệ đội Xuân Lộc cùng dân quân du kích các huyện Châu Thành, Xuân Lộc. Trận địa phục kích bố trí thành ba khu vực.



## **TRẬN PHỤC KÍCH LA NGÀ**

*(Ngày 01 tháng 03 năm 1948)*

Tại khu vực A (từ ki-lô-mét 111 đến ki-lô-mét 113 phía Định Quán), lực lượng phục kích gồm đại đội B, quốc vệ đội và dân quân du kích huyện Xuân Lộc, do đại đội trưởng Lê Văn Ngọc chỉ huy, có nhiệm vụ khóa đầu đoàn xe, tiêu diệt bộ phận hộ tống mở đường và chặn đánh bọn lính từ Định Quán xuống tiếp viện.

---

<sup>1</sup> . Tháng 2 năm 1947, Tư lệnh Khu 7 Nguyễn Bình thành lập năm liên quân đặc nhiệm mang phiên hiệu A, B, C, 17, 18, làm nhiệm vụ ngăn chặn hành động đánh phá của quân đội Cao Đài phản động, đồng thời cơ động tác chiến trên các chiến trường. Liên quân 17 thành lập trên cơ sở tập hợp một số phân đội thuộc các chi đội 1, 6, 10, do Đào Sơn Tây làm chỉ huy trưởng, hoạt động chủ yếu ở khu vực Thủ Đức, Dĩ An, Lái Thiêu, Châu Thành, Tân Uyên.

Tại khu vực B (từ ki-lô-mét 107 đến ki-lô-mét 111 đoạn giữa), một bộ phận của đại đội C cùng Liên quân 17 do Hoàng Minh Chánh chỉ huy, làm nhiệm vụ chia cắt tiêu diệt toàn bộ quân địch đang di chuyển trong khu vực.

Tại khu vực C (từ ki-lô-mét 104 đến ki-lô-mét 107, phía cầu La Ngà), đại đội A của chi đội do đội trưởng Nguyễn Văn Quang chỉ huy nhận nhiệm vụ khóa đuôi, tiêu diệt địch và đánh quân tiếp viện từ đồn La Ngà lên.

Một tổ đặc nhiệm của chi đội xây dựng trận địa nghi binh cách 4 ki-lô-mét phía đông đường 20 nhằm đánh lạc hướng máy bay địch. Các bộ phận hậu cần đặt ở tả ngạn sông Đồng Nai, cách sở chỉ huy khoảng 6 ki-lô-mét.

Lực lượng dân quân du kích huyện Châu Thành cùng một trung đội thuộc đại đội C làm nhiệm vụ quấy rối ngăn chặn nghi binh địch trên dọc quốc lộ 1 từ Hồ Nai đến ngã ba Dầu Giây, buộc địch phải giảm tốc độ hành quân, sao cho đoàn xe đến khu vực trận địa phục kích vào khoảng từ 15 đến 16 giờ (thông lệ là 12 – 13 giờ), là thời điểm trời về chiều, nhiều sương mù, máy bay địch khó hoạt động và viện binh của chúng từ Biên Hòa không thể lên kịp trước khi trời tối.

Toàn bộ lực lượng tham gia trận đánh đặt dưới sự chỉ huy của chung của Chi đội phó Nguyễn Văn Lung. Sở chỉ huy đặt tại đồi 100 ở ki-lô-mét 107, liên lạc với các khu vực trận địa bằng điện thoại, với Bộ Tư lệnh Khu 7 bằng vô tuyến điện.

Tin quân báo của chi đội từ Sài Gòn cho biết: đầu tháng 3 năm 1948, địch tổ chức cuộc hội nghị tại Đà Lạt thảo luận việc thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Cuối tháng 2 năm 1948, Ban chỉ huy chi đội nhận được tin cụ thể: sáng ngày 1 tháng 3 năm 1948, đoàn xe quân sự của địch trong đó có nhiều quan chức cao cấp Pháp sẽ xuất phát từ Sài Gòn. Ngay đêm 26 tháng 2 để lại một lực lượng nghi binh và bảo vệ chiến khu Đ, đại đội A và đại đội C của Chi đội 10 cùng Liên quân 17 bí mật hành quân vượt 80 ki-lô-mét đến Suối Cát, vị trí tạm dừng gần trận địa phục kích. Chiều 28 tháng 2 toàn bộ lực lượng chiếm lĩnh xong trận địa. Đại đội B của Chi đội 10 cùng quốc vệ đội Xuân Lộc từ hướng đông vượt sông La Ngà và lộ 20 đến vị trí tập kết khu vực A.

Sáng 1 tháng 3, đúng như tin tình báo của ta, đoàn xe địch gồm 70 chiếc xuất phát sớm từ Sài Gòn. Vừa qua khỏi thị xã Biên Hòa, đoàn xe phải dừng lại nhiều lần để khắc phục chướng ngại vật do du kích bố trí hoặc để đối phó với hoạt động bắn tỉa của bộ đội và du kích trên từng chặng. Đến khu vực La Ngà thì trời đã ngã chiều (chậm 3 giờ so với thông lệ), đoàn xe vừa hành quân vừa bắn thị uy vào hai bên đường.

Gần 15 giờ, bộ phận đi đầu lần lượt đi qua trận địa phục kích khu vực C, rồi khu vực B. Đúng 15 giờ 2 phút, chiếc thiết giáp mở đường vào đúng chỗ gấp khúc ngoặt trái của khu vực phục kích A, ba quả địa lôi hất tung chiếc xe thiết giáp cùng hai xe chở lính hộ tống. Viên chỉ huy đoàn xe cùng bộ phận thông tin tan xác tại chỗ. Mất liên lạc vô tuyến, các xe phía sau vẫn tiếp tục nối đuôi nhau tiến lên và dồn đóng tại khu vực trận địa A, một số chiếc chồng lên nhau, có chiếc rơi xuống vực. Các chiến sĩ đại đội B cùng quốc vệ đội Xuân Lộc dùng hỏa lực diệt tiếp

chiếc xe chở lính hộ tống thứ ba và đồng loạt xông ra mặt đường. Quân địch bị tê liệt hoàn toàn.

Tại khu vực B, các xe địch lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, lúng túng chống đỡ. Các chiến sĩ của ta chủ động tiến công áp đảo địch ngay từ đầu, đốt cháy 28 xe, tiêu diệt 55 tên lính hộ tống.

Tại khu vực C, cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Sau 10 giao tranh, các chiến sĩ đại đội A phá hủy 16 xe chở lính, vô hiệu hóa 13 xe vận tải và diệt một số tên địch. Số còn lại dạt xuống phía đông đường 20 và chạy lui về đồn La Ngà. Cùng lúc ấy, tốp cuối cùng có xe thiết giáp hộ tống vừa tới trận địa phục kích, gặp sức tiến công mãnh liệt của ta, vội quay chạy trở lui về phía La Ngà.

Trận đánh kết thúc lúc 15 giờ 57 phút. Quân ta đưa hơn 200 tù hàng binh cùng số hành khách đi theo đoàn xe về phía sông Đồng Nai. 17 giờ, khi toàn bộ lực lượng phục kích và đoàn người đang trên đường đến khu vực Suối Cát, ba máy bay địch từ sân bay Biên Hòa mới lên ứng cứu, bắn như vãi đạn vào những đồng lúa ta đốt ở khu vực nghi binh phía đông đường 20. Tại khu vực tập kết, bộ đội tổ chức nói chuyện về tình hình kháng chiến và chính sách cách mạng, chăm sóc vết thương cho số tù hàng binh và hành khách. “Chủ” và “khách” cùng ăn cơm vắt, cá khô nướng, uống nước sông. Đêm 2 tháng 3, các chiến sĩ liên lạc đưa số tù hàng binh được phóng thích, cùng hành khách ra quốc lộ 20 đón xe về lại Sài Gòn. Cũng ngay trong đêm ấy, các lực lượng tham gia trận phục kích khẩn trương trở về căn cứ.

Nhằm chặn đường hành quân trở về chiến khu Đ của Chi đội 10, phá nát căn cứ trong khi không còn lực lượng phòng bị tại chỗ, bộ chỉ huy quân đội Pháp tại Sài Gòn tổ chức quốc phản kích. 8 giờ ngày 5 tháng 3 chúng tổ chức một cánh quân có không quân yểm trợ hành quân bịt chặn đường sông Đồng Nai, Sông Bé và quần nát khu vực Bù Cháp, Lý Lịch, Hàn Dài. Đồng thời, 5 máy bay vận tải thay phiên đổ quân xuống Đất Cuốc 1.000 lính bộ binh và 50 xe cơ giới chia làm hai gọng kìm vây tròn khu vực trung tâm căn cứ ở Tân Hòa, Mỹ Lộc.

Đoán trước ý đồ của địch, Ban Chỉ huy Chi đội 10 một mặt khẩn trương hành quân về chiến khu Đ chuẩn bị đánh địch phản kích, mặt khác tách ra một bộ phận kết hợp với lực lượng dân quân du kích hoạt động mạnh ở các địa phương. Đại đội B về Xuân Lộc. Liên quân 17 về Tân Ba. Các đơn vị còn lại về đến chiến khu Đ trước khi quân Pháp triển khai lực lượng chặn đường. Tại chiến khu, lực lượng vừa tham gia trận La Ngà cùng với phân đội ở lại phối hợp với dân quân du kích tại chỗ phân tán ra nhiều nơi vừa đánh tiêu hao địch, vừa để bảo toàn lực lượng. Sau một tuần lũng súc, không tìm được lực lượng chủ lực, lại bị đánh tiêu hao ở khắp mọi nơi, cả ngày lẫn đêm, quân Pháp buộc phải chấm dứt cuộc càn, mang theo gần 100 xác chết.

Trận La Ngà là chiến thắng quân sự lớn nhất của lực lượng bộ đội tập trung ở miền Đông Nam Bộ tính từ đầu cuộc kháng chiến đến thời điểm đầu năm 1948. Đoàn xe quân sự gồm gần 70 chiếc bị đánh tan, 59 chiếc bị tiêu hủy. Quân ta đã tiêu diệt tại chỗ 150 lính lê dương hộ tống, 25 sĩ quan chỉ huy (trong đó có đại tá

De Saringé chỉ huy bán lữ đoàn lê dương số 13, đại tá Pauruist, phó tham mưu trưởng thứ nhất quân viễn chinh Pháp ở Nam Đông Dương, thiếu tá chỉ huy khu Hóc Môn và đại úy quân sự.

Sự kiện La Ngà gây chấn động sâu sắc trong dư luận ở Sài Gòn, ở trong nước, và sang cả nước Pháp. Quốc hội Pháp chất vấn chính phủ về trận La Ngà, viên đại tá Talles chỉ huy trưởng khu vực Đồng Nai Thượng buộc phải tự tử. Số tù hàng binh được thả và hành khách đi theo đoàn xe, trong đó có nhiều trí thức, doanh nghiệp Pháp sau đó đã tuyên truyền rộng rãi về cuộc kháng chiến chính nghĩa của Việt Minh.

Cùng với các trận đánh giao thông ở Bảo Chánh, Trảng Táo, Bàu Cá, Đồng Xoài, trận La Ngà đã góp phần có hiệu quả vào nỗ lực chung của quân và dân miền Đông Nam Bộ trong nhiệm vụ đẩy mạnh hoạt động đánh địch chia lửa với chiến trường chính. Chiến thắng La Ngà đã đánh dấu một bước phát triển quan trọng về chất của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa nói chung, chi đội 10 nói riêng. Từ đánh nhỏ lẻ, chi đội đã vươn lên tổ chức trận đánh có quy mô lớn trên một phạm vi trận địa rộng và cách xa căn cứ với trình độ tổ chức hợp đồng chính xác, ý thức chiến thuật cao và kỷ luật chiến trường chặt chẽ.

### **III. VỪA CÙNG CỐ VỪA PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, VỪA GÓP PHẦN XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ KHÁNG CHIẾN.**

Từ giữa năm 1947, Chi đội 10 và lực lượng dân quân du kích các huyện xã đang có những bước chuyển biến lớn, cả về tổ chức lực lượng và trình độ chiến đấu. Tuy nhiên số lượng đảng viên trong các đơn vị vũ trang còn rất hiếm hoi. Chi đội 10, đến tháng 7 năm 1947, chỉ còn hai đảng viên (Phan Đình Công, Nguyễn Văn Qui). Vai trò của chính trị viên và công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang chưa được triển khai một cách đều đặn và có hệ thống. Sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đối với lực lượng vũ trang do đó bị hạn chế, thậm chí đôi lúc đôi nơi để xảy ra sự thiếu thống nhất giữa sự lãnh đạo của tỉnh ủy và ban chỉ huy đội. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang trong tỉnh nói chung và Chi đội 10 nói riêng. Vấn đề xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa trở nên cấp thiết.

Trước đó, ngày 15 tháng 2 năm 1947, tại chiến trường Việt Bắc, Trung ương Quân ủy triệu tập hội nghị chính trị ủy viên khu và chính trị viên trung đoàn. Đây là hội nghị chính trị viên đầu tiên của quân đội ta. Hội nghị đã đề ra 10 nhiệm vụ công tác chính trị trong quân đội, trong đó nhấn mạnh: “Dù trong trường hợp nào cũng phải nắm cho vững bộ đội, củng cố và mở rộng cơ sở Đảng, thi hành cho được nhiệm vụ quân sự”.<sup>(1)</sup> Tháng 7 năm 1947, tại chiến khu Đồng Tháp Mười, Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ mở rộng được triệu tập dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn. Hội nghị đã quyết định thành lập Xứ ủy Nam Bộ chính thức thay cho Xứ ủy lâm thời, chỉ định bổ sung một số ủy viên Xứ ủy mới và bầu đồng chí Lê Duẩn làm

---

<sup>1</sup> . Nghị quyết Hội nghị chính trị viên lần thứ nhất – Theo lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, H, 1994, tr.212.

bí thư. Ngày 28 tháng 7 năm 1947, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ ra chỉ thị về “Phát triển Đảng”. Sau khi vạch rõ những thiếu sót về việc chậm phát triển Đảng, về “thái độ hoài nghi dè dặt đối với các phân tử tốt, cương quyết phân đấu và đã được thử thách qua hai năm kháng chiến”<sup>(1)</sup> trong công tác phát triển Đảng, bản chỉ thị đã nêu rõ tiêu chuẩn, thủ tục kết nạp và nội dung giáo dục đảng viên mới trong các cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang. Bản chỉ thị cũng nhắc nhở cần cảnh giác với các phân tử cơ hội, xu thời len lỏi vào hàng ngũ của Đảng để “lợi dụng thanh danh của Đảng mà thỏa thích lòng riêng của họ”.<sup>(2)</sup>

Cuối tháng 7 năm 1947, Tỉnh ủy Biên Hòa triệu tập hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh lần thứ hai tại Mỹ Lộc, chiến khu Đ. Chấp hành chỉ thị của trên, hội nghị đã quyết định chuyển Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp, đồng thời đề ra chủ trương, biện pháp nhằm thúc đẩy công tác phát triển đảng viên và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong toàn tỉnh. Hội nghị quyết định củng cố lại tổ chức nhân sự trong Đảng (chỉ thị đồng chí Nguyễn Văn Ký giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, Huỳnh Văn Lũy Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm chủ tịch Mặt trận Việt Minh, Huỳnh Văn Nghệ quyền Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính và kiêm ủy viên quân sự tỉnh), củng cố lại các đoàn thể cứu quốc (thanh niên, phụ nữ, nông dân), và thành lập một số ty trực thuộc ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh (kinh tế, tài chính, thông tin tuyên truyền, giáo dục, y tế). Tại hội nghị, chỉ bộ cơ quan Tỉnh ủy đã đặc cách kết nạp đồng chí Võ Cương, giám đốc quân y viện Chi đội 10 vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sau hội nghị Mỹ Lộc, công tác phát triển Đảng được triển khai mạnh mẽ khắp các địa phương, cơ quan, đơn vị vũ trang của tỉnh Biên Hòa. Lần lượt, các thành viên trong Ban Chỉ huy Chi đội 10 được kết nạp vào Đảng. Đồng chí Võ Cương giữ trách nhiệm chính trị viên chi đội (thay Phan Đình Công về làm Chính trị viên Chi đội 16) và bí thư chi đội. Hàng loạt cán bộ chiến sĩ ưu tú tại các phân đội được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Tháng 10 năm 1947, Chi đội 10 tổ chức một đợt kết nạp Đảng trong toàn chi đội. Hầu hết các trung đội, cơ quan trực thuộc chi đội đều có chi bộ Đảng. Ở địa phương, cơ quan tỉnh đội dân quân, huyện đội, trung đội, du kích đều thành lập chi bộ.

Đến cuối năm 1947, hệ thống tổ chức Đảng được xác lập trong toàn bộ lực lượng vũ trang tỉnh. Sự lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang được củng cố một bước quan trọng.

Bước sang năm 1948, công cuộc kháng chiến của quân và dân cả nước đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Tại Nam Bộ, sự trưởng thành của lực lượng vũ trang, đặc biệt của các đơn vị bộ đội tập trung đặt ra nhu cầu cần được tổ chức lại ở mức độ cao hơn hầu đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Đầu năm 1948, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ ra chỉ thị xây dựng các trung đoàn bộ đội tập trung trên toàn xứ. Ngày 27 tháng 3 năm 1948, Khu ủy Khu 7 họp

---

<sup>1</sup> . Chỉ thị phát triển Đảng của thường vụ Xứ ủy Nam Bộ - Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7 LS47, tr.2.

<sup>2</sup> . Chỉ thị phát triển Đảng của thường vụ Xứ ủy Nam Bộ - Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7 LS47, tr.2.

hội nghị thảo luận việc xây dựng các trung đoàn trên địa bàn miền Đông Nam Bộ. Hội nghị quyết định trên cơ sở các chi đội sẵn có, sẽ phát triển thành các trung đoàn. Mỗi trung đoàn có ba tiểu đoàn thực binh, một đại đội trợ chiến và các ban tham mưu, chính trị, quản trị. Ban chỉ huy trung đoàn có trung đoàn trưởng và hai trung đoàn phó. Địa bàn hoạt động của trung đoàn vẫn chủ yếu trong phạm vi của tỉnh.

Sau trận phục kích La Ngà, Chi đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ được đề bạt chức vụ Khu bộ phó Khu 7. Chi đội 10 tập trung thực hiện Chỉ thị của Khu bộ trưởng Khu 7 về việc xây dựng trung đoàn. Toàn chi đội phát triển thành trung đoàn, mang phiên hiệu 310. Trung đoàn có ba tiểu đoàn khinh binh và một đại đội trợ chiến (trọng liên 12,7 ly, súng cối 82 ly). Một tiểu đoàn có ba đại đội khinh binh và một trung đội trợ chiến (đại liên và súng cối 60 ly). Mỗi đại đội có ba trung đội khinh binh và một tiểu đội trợ chiến. Mật danh của tiểu đoàn mang tên các danh nhân quân sự và của đại đội mang tên các địa danh lịch sử. Theo đó, Trung đoàn 310 có:

*1. Tiểu đoàn Lê Lợi (phát triển từ đại đội A).*

- Ban chỉ huy: Nguyễn Văn Lắm (tiểu đoàn trưởng), Hoàng Phùng Đức (tiểu đoàn phó), Hoàng Lập Trung (chính trị viên).

- Tiểu đoàn có ba đại đội khinh binh gồm:

+ Đại đội Thái Nguyên.

+ Đại đội Đồng Đa.

+ Đại đội Chi Lăng.

*2. Tiểu đoàn Quốc Tuấn (phát triển từ đại đội B)*

- Ban chỉ huy: Đinh Quang Ân (tiểu đoàn trưởng), Lê Văn Thoa (tiểu đoàn phó), Nguyễn Văn Khoa (chính trị viên).

- Tiểu đoàn có ba đại đội khinh binh, gồm:

+ Đại đội Lạc An.

+ Đại đội Bắc Sơn.

+ Đại đội La Nha (phát âm theo tiếng Pháp địa danh La Ngà).

*3. Tiểu đoàn Quang Trung (phát triển từ đại đội C)*

- Ban chỉ huy: Lương Văn Nho (tiểu đoàn trưởng), Nguyễn Văn Toàn (tiểu đoàn phó), Lưu Văn Phảng (chính trị viên).

- Tiểu đoàn có hai đại đội khinh binh, gồm:

+ Đại đội Đô Lương.

+ Đại đội Lam Sơn.

Ngoài ra còn các cơ quan, đơn vị trực thuộc:

- Đại đội trợ chiến.

- Ban tham mưu.
- Ban quân báo.
- Báo quân nhu.
- Binh công xưởng.
- Quân y viện, trại an dưỡng thương bệnh binh.
- Trường thiếu sinh quân.

Ban chỉ huy trung đoàn gồm: Nguyễn Văn Lung (trung đoàn trưởng), Võ Cương (chính trị viên), Nguyễn Văn Quang, sau là Đinh Quang Ân (trung đoàn phó phụ trách tác chiến), Đào Văn Quang (trung đoàn phó phụ trách quản trị).

Cộng chung, quân số trung đoàn có 2.200 người, với 800 súng trường, 40 tiểu liên, 16 trung liên, sáu đại liên, hai cối 60 ly, một cối 81 ly, một pháo.<sup>(1)</sup> So với ngày đầu thành lập, lực lượng của Trung đoàn 310 đã có bước phát triển mạnh. Cụ thể<sup>(2)</sup>:

Thời điểm	Quân số	Vũ khí					
		Súng lửa	Súng trường	Súng máy	Súng lớn	Súng lục	Lựu đạn
20-11-1945	300	40	2		6	30	
01-2-1946	500	15	115	3		10	300
20-2-1946	800	15	130	3		10	600
4-1946	800	15	150	4		16	200
19-12-1946	1.100	10	380	35	4	Không thống kê	Không thống kê
7-1947	1.900		600	45	7	Không thống kê	Không thống kê
27-3-1948	2.200		800	56	10	Không thống kê	Không thống kê

Sự thành lập trung đoàn 310 không chỉ đơn thuần thay đổi tên gọi mà biểu thị sự phát triển, thay đổi về chất, từ cơ cấu tổ chức, qui mô đơn vị đến trình độ, năng

<sup>1</sup>. Tình hình Nam Bộ 1945 – 1949 – Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS. 18, tr. 53.

<sup>2</sup>. Báo cáo tình hình quân sự Khu 7 (25/8/1945-6/1949)- Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7 LS.68, tr.74, 75, 76, 77, 78.



lực của cán bộ, chiến sĩ. Nó tạo điều kiện để từng bước đưa dần đơn vị lên trình độ xây dựng, tổ chức huấn luyện và chiến đấu ngày một cao hơn.

\*        \*  
\*

Sau thất bại ở Việt Bắc thu đông năm 1947, thực dân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược chiến tranh từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh kéo dài, quay trở lại bình định vùng đã chiếm đóng và lần chiếm vùng tự do của ta. Trên cơ sở nhận định Nam Bộ có tầm quan trọng về kinh tế, nơi có vựa lúa ở đồng bằng sông Cửu Long và nguồn xuất khẩu cao su ở các tỉnh miền Đông, lại xa trung tâm đầu não kháng chiến, thực dân Pháp chủ trương bình định Nam Bộ, biến Nam Bộ thành trung tâm dự trữ chiến lược của chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”.

Tại Biên Hòa, bộ máy chiến tranh của địch đẩy mạnh bình định trên tất cả các lĩnh vực. Về quân sự chúng tăng thêm quân (lấy từ lực lượng mới bổ sung năm tiểu đoàn từ Bắc Bộ vào Sài Gòn), phát triển nguy binh, đóng thêm một số đồn bót ở các khu vực trọng yếu, liên tục tổ chức càn quét, mở rộng vùng tranh chấp, đặc biệt ở hướng Xuân Lộc, Long Thành. Về chính trị, chúng tổ chức gom dân về các khu vực xung quanh đồn bót địch củng cố bộ máy nguy quyền tay sai, khuếch trương những tổ chức chính trị phản động, phát triển chiến tranh gián điệp, xúc tiến thành lập chiến khu quốc gia giả hiệu ở Rừng Sác – Long Thành. Về kinh tế, chúng tăng cường khai thác xuất khẩu cao su, mặt khác không chế ngăn chặn các nguồn vận chuyển tiếp tế và đánh phá hoạt động sản xuất của ta trong căn cứ. Về văn hóa, thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, dùng thủ đoạn truyền bá lối sống hưởng lạc để mua chuộc, lôi kéo cán bộ kháng chiến.

Chỉ trong thời gian ngắn, hàng loạt khu vực tranh chấp trên địa bàn tỉnh trở thành vùng tạm bị chiếm. Nhiều khu vực căn cứ bị biến thành vùng tranh chấp (một phần hai khu vực căn cứ huyện Châu Thành, ba phần tư khu vực căn cứ huyện Xuân Lộc, một phần ba khu vực căn cứ huyện Long Thành). Lực lượng dân quân du kích ở một số địa phương giảm xuống. Nhiều vùng trắng xuất hiện xung quanh chiến khu Đ làm ngăn cách sự liên hệ giữa bộ đội với nhân dân. Các ngã đường về chiến khu bị kiểm soát gay gắt. Binh công xưởng, nông trại sản xuất, trâu bò, cơ sở kho tàng trạm trại trong căn cứ bị thiệt hại nhiều do máy bay địch bắn phá và gián điệp phá hoại. Lực lượng vũ trang tập trung phát triển, trong khi đó công tác bảo đảm hậu cần kỹ thuật không theo kịp. Nhu cầu bảo vệ và phát triển nền kinh tế kháng chiến đặt ra cấp thiết.

Từ tháng 12 năm 1947, trong bốn ngày từ 16 đến 20. Xứ ủy Nam Bộ họp hội nghị đánh giá một năm đầu cùng cả nước kháng chiến và đề ra nhiệm vụ cho năm 1948. Dự đoán chính xác âm mưu sắp tới của địch, hội nghị đề ra nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh đấu tranh kinh tế với địch kết hợp với đấu tranh quân sự, không cho chúng biến Nam Bộ thành “sân sau”, thành trung tâm dự trữ của cuộc chiến tranh. Tiếp đó, đầu năm 1948, tại Cây Cày chiến khu Đ, Tỉnh Biên Hòa tổ chức hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh. Quán triệt nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung

ương Đảng họp ngày 15 tháng 7 năm 1948 về phương châm “du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ... Phá kinh tế tài chính địch, thực hiện khẩu hiệu tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, cải thiện dân sinh”. Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 1947, hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cho thời gian tới, trong đó nhấn mạnh: “ Phát triển du kích chiến tranh, kết hợp ba thứ quân để phát huy sức mạnh lực lượng vũ trang bảo vệ căn cứ, tăng cường hoạt động vùng du kích, đánh giao thông, phá hoại cơ sở kinh tế của địch, xây dựng kinh tế kháng chiến...”<sup>(1)</sup>. Hội nghị một lần nữa, củng cố lại Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, bầu đồng chí Phạm Văn Thuận làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm trưởng ty công an, Huỳnh Văn Lũy làm Phó bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh.<sup>(2)</sup>

Chấp hành chỉ thị của Xứ ủy Nam Bộ và Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa, Trung đoàn 310 cùng với lực lượng dân quân du kích trong toàn tỉnh đẩy mạnh hoạt động tác chiến trên khắp ba vùng kháng chiến. Tinh đội dân quân củng cố lại hệ thống dân quân du kích ở các địa phương, đặc biệt ở các xã vùng tranh chấp xung quanh chiến khu Đ, dọc quốc lộ 15, quốc lộ 1. Đến giữa năm 1948, toàn tỉnh phát triển được 12.000 đội viên du kích với 233 súng cái loại. Trung đoàn 310 đưa các phân đội xuống hỗ trợ với du kích địa phương tiến đánh các đồn bót nhỏ lẻ, đánh giao thông, giành quyền chủ động về chiến thuật. Tiểu đoàn Lê Lợi chỉ để lại một đại đội bảo vệ chiến khu Đ, đưa một đại đội ra hoạt động áp sát thị trấn Tân Ba và sở cao su Phước Hòa; một đại đội khác vượt sông Đồng Nai phối hợp với đại đội Bắc Sơn của Tiểu đoàn Quốc Tuấn hoạt động ở vùng ngoại vi của thị xã Biên Hòa, hướng Tân Phong, Bình Ý. Hai đại đội còn lại của tiểu đội Quốc Tuấn hoạt động sát vào thị trấn Xuân Lộc và các cơ sở cao su Bình Lộc, An Lộc. Tiểu đoàn Quang Trung chuyển lên hoạt động sát thị xã Biên Hòa phía Bình Đa. Các đội biệt động ở thị xã Biên Hòa, thị trấn Long Thành, thị trấn Xuân Lộc tổ chức nhiều cuộc phục kích, tập kích vào các cứ điểm quân sự và các toán quân tuần tiểu của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Chỉ tính riêng tại khu vực huyện Tân Uyên, trong sáu tháng cuối năm 1948, bộ đội tập trung và du kích địa phương đã đánh đồn hai trận, đột nhập vào huyện lỵ năm trận, đánh giao thông sáu trận, đánh quấy rối 11 trận, chống càn hai trận, đánh các cơ sở cao su năm trận, phục kích 31 trận, tao ngộ chiến hai trận, thu 28 súng trong đó có một đại liên, hai trung liên và nhiều đồ dùng quân sự khác.

Trung đoàn 310 còn phân công hai đại đội thường xuyên phối hợp với dân quân tự vệ trong các đồn điền cao su tham gia “mặt trận cao su chiến”, phá hoại cao su của tư bản thực dân Pháp. Ngoài ra, trung đoàn còn trang bị vũ khí cho liên đoàn cao su tỉnh để thành lập các đội tự vệ đặc nhiệm chuyên phá hoại cao su. Tính chung cả năm 1948, lực lượng phá hoại cao su tại các đồn điền cao su Biên Hòa phá được 1.952 mẫu trên tổng số 4.000 mẫu khai thác (tổng diện tích các đồn điền cao su tại Biên Hòa khoảng 25.000 mẫu) bằng các biện pháp vặt vỏ, chặt sâu quá nửa thân cây, tiện gốc cây, băm nát da cây và đốt cháy. Đốt và đổ 252.797 ki-lo-gram mủ. Đốt và phá trên 150 nhà xưởng, nhà chứa mủ cùng nhiều máy móc thiết

<sup>1</sup> . Theo lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai 1930 – 1995 – Nxb Đồng Nai, 1997, t.1, tr.146.

<sup>2</sup> . Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ giữ chức này đến khi làm nhiệm vụ Khu bộ trưởng Khu 7 tháng 6 – 1948.

bị khác. Đập bể 25.000 chén hứng mưa, 10.000 máng hứng mưa. Đưa về chiến khu hàng trăm thùng đựng mưa, các bộ phận máy móc cơ khí, dụng cụ văn phòng...<sup>(1)</sup>

Hoạt động của lực lượng vũ trang tại vùng bị tạm chiếm và du kích đã gây thiệt hại lớn về kinh tế cho địch (riêng các đồn điền cao su thiệt hại tính chung hơn 7.000 đồng tiền Đông Dương ngân hàng), bổ sung cho ta nhiều vũ khí đạn dược, nguyên liệu cho binh công xưởng, thuốc men và đồ dùng quân sự, đồng thời làm giảm áp lực của địch đối với các vùng căn cứ, vùng tranh chấp. Hoạt động vận chuyển liên lạc của ta trên các tuyến giao thông từ đô thị và vùng nông thôn tạm bị chiếm về căn cứ và giữa các căn cứ với nhau nhờ thế được duy trì. Trung đoàn 310 cùng lực lượng du kích các huyện đảm nhiệm bảo vệ đường dây vận chuyển thực phẩm từ Bà Rịa, gạo từ Đồng Tháp Mười, nguyên hóa liệu cho binh công xưởng và thuốc men từ Sài Gòn vào thị xã Biên Hòa về chiến khu Đ tương đối an toàn.

Trong các căn cứ lớn như chiến khu Đ, Rừng Sác, Long Thành, Trung đoàn 310 cùng lực lượng du kích tại chỗ kiên quyết chiến đấu chống địch càn quét bảo vệ căn cứ, bảo vệ sản xuất. Các phân đội xây dựng hệ thống công sự phòng thủ, tổ chức phòng canh gác bảo vệ nông dân làm mùa, mở lò rèn sản xuất nông cụ đổi lúa cho nông dân, mặt khác, tổ chức sản xuất nông nghiệp và các mặt hàng tiêu thụ công nghiệp. Các nông trại mở rộng phạm vi canh tác trên dọc vàm Sông Bé. Tại chiến khu Đ, Trung đoàn 310 xây dựng một lò đường ở Lạc An; một xưởng thuộc da (sản xuất thắt lưng, bao đạn, dây súng, giày da, xác cốt, cặp tài liệu) và một cơ sở may đo quần áo cho bộ đội ở Mỹ Lộc, một lò chén (sản xuất chén đĩa ăn cơm, tách trà, vỏ lựu đạn, vỏ mìn bằng sành) tại Đất Quốc. Trung đoàn còn xây dựng một **xa nước** phát điện tại Suối Sâu, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của binh công xưởng (tồn tại đến năm 1951).

Kết quả hoạt động sản xuất nêu trên cộng với sự chu cấp không định kỳ của phòng quân nhu Khu 7 (chủ yếu bằng tiền Đông Dương ngân hàng), của ban kinh tài, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa (chủ yếu bằng vật phẩm) và từ nguồn thu trong các trận phục kích giao thông, các trận tập kích sở Cao Su... đã góp phần ổn định chế độ cung cấp trong lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa. Trung đoàn 310 và tỉnh đội bộ dân quân bước đầu tiêu chuẩn hóa chế độ cung cấp trong lực lượng và tiền phụ cấp đối với cán bộ, chiến sĩ (trung bình mỗi quân nhân được cấp một ngày một kg gạo và một đồng tiền thức ăn, mỗi người được cấp 10 đồng tiền tiêu vật)<sup>(2)</sup>

#### **IV. CHỐNG CHIẾN THUẬT BAO VÂY CỦA ĐỊCH.**

Bước sang năm 1949, trước cuộc kháng chiến đang ngày càng phát triển của nhân dân ta, tại Nam Bộ, thực dân Pháp lâm vào tình trạng hết sức khó khăn. Tài chính thiếu hụt trước nhu cầu quá sức của cuộc chiến tranh. Mặc dù được tăng viện (thêm 30.000 quân trên cả nước, đưa tổng số quân cuối năm 1948 lên 160.000

---

<sup>1</sup> . Báo cáo chung niên năm 1948 về tình hình cao su ở Biên Hòa – Phòng tư liệu Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, **cấp** 1948, tr.9.

<sup>2</sup> . Theo lịch sử ngành quân nhu (1945 – 1954) – Tổng cục hậu cần, bản đánh máy, tư liệu Viện lịch sử quân sự Việt Nam, L, 166, tr. 49.

trong đó có 85.000 Âu Phi), chúng vẫn lúng túng trước mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán, một mặt muốn tập trung bình định dứt điểm Nam Bộ và mặt khác muốn đưa quân ra chiến trường Bắc Bộ. Trong cuộc hội nghị về phòng vệ Đông Dương ngày 4 tháng 1 năm 1949 tại Sài Gòn, cao ủy Pignon thẳng thắn với chủ trương: dồn nỗ lực quân sự vào Nam Bộ, tập trung bình định, thực hiện chiêu bài lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Theo đó, kế hoạch bình định Nam Bộ được hoàn thiện thêm một bước trên cơ sở phát triển kế hoạch năm 1948, trong đó bổ sung nhấn mạnh việc thực hiện chiến thuật De Latour.

De Latour (Pierre Boyer de Latour du Moulin) là một trong những viên tướng nổi tiếng của Pháp, có kinh nghiệm về bình định lãnh thổ, được đưa từ Ma-rốc sang Sài Gòn từ tháng 7 năm 1947 thay tướng Nyo hầu “có thể nhanh chóng vẫn hồi được an ninh cho Nam Việt theo kỳ vọng của Pháp”<sup>(1)</sup>. Kế hoạch “văn hồi” của De Latour gồm ba giai đoạn với sáu biện pháp,<sup>(2)</sup> trong đó bao gồm biện pháp chiến thuật đồn bốt tháp canh. Nội dung của chiến thuật tháp canh là tổ chức phòng vệ vững chắc các trục lộ giao thông và vùng kinh tế quan trọng, tạo thành một hệ thống ô vuông liên hoàn, có thể hỗ trợ lẫn nhau làm nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên đường giao thông, vùng khai thác kinh tế, bảo vệ các đoàn xe và chia cắt lãnh thổ không chế hoạt động của đối phương.

Tháp canh có cấu trúc hình vuông, mỗi cạnh dài khoảng 3 mét, tường xây bằng gạch cao trung bình 10 mét, nóc lợp tôn hoặc ngói. Tháp canh gồm 3 tầng, tầng trên cùng có lỗ châu mai. Xung quanh mỗi tháp bao một lũy đất dày cao 2 mét có vách ken bằng các loại cây như dừa, tre. Bên ngoài có nhiều lớp hào lũy, kìm gai, chông mìn, thả chó ngỗng và hệ thống đèn chiếu sáng vào ban đêm. Cửa ra vào hẹp và quanh co, đóng kín bằng các ngựa trụ và buổi tối thường được gài kèm lựu đạn. Các tháp canh cách nhau 1 ki-lô-mét, có khi gần hơn (300 – 500 mét) tùy địa hình miễn sao giáp nối được khoảng cách quan sát và yểm trợ lẫn nhau khi bị tiến công. Giữa 5 – 7 tháp canh có một tháp canh mẹ. Tháp canh mẹ đóng ở những điểm trọng yếu, được xây dựng kiên cố hơn, thường có một phần ngầm dưới đất, giữa có lô cốt chỉ huy. Lực lượng trong mỗi tháp canh có từ một tiểu đội đến một tiểu đội tăng cường, do một hạ sĩ hoặc trung sĩ chỉ huy, được trang bị súng trung liên, phóng lựu, vũ khí cá nhân và nhiều lựu đạn. Riêng tháp canh mẹ (chỉ huy nhiều tháp canh con) có thêm hỏa lực cầu vòng để bắn yểm trợ và trang bị máy truyền tin chỉ huy. Ngoài các chức năng đã nêu ở trên, hệ thống tháp canh còn làm chỗ dựa để từ đó địch tổ chức càn quét sâu vào căn cứ kháng chiến, mở rộng vùng chiếm đóng, mở rộng đến đâu đóng thêm tháp canh đến đó, theo lối “tằm ăn dâu” hay “vét dầu loang”.

<sup>1</sup> Lê Văn Dương: Quân lực Việt Nam Cộng hòa trong giai đoạn hình thành (1946-1955) – Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, 1972, tr.61.

<sup>2</sup> Ba giai đoạn: 1. Thời kỳ đẩy lui đối phương (các tiểu đoàn chính quy Pháp đẩy lùi các đơn vị chủ lực Việt Minh, phá hủy các căn cứ địa); 2. Thời kỳ củng cố (đặt các đồn bốt trên một vành đai an ninh mới); 3. Thời kỳ tiêu trừ (tái lập sinh hoạt, xây dựng các cơ sở hành chính xã ấp, tổ chức hương đồng, bảo đảm an ninh vùng chiếm đóng). Sáu biện pháp: 1. Rút bỏ những khu vực hẻo lánh khó cầm giữ; 2. Dùng công giáo vũ trang chống Việt Minh; 3. Mua chuộc sự hợp tác của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên; 4. Dùng chiến thuật đồn bốt tháp canh; 5. Bao vây căn cứ Đồng Tháp; 6. Bao vây căn cứ Hậu Giang.

Thực hiện chiến thuật De Latour từ đầu năm 1948, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, thực dân Pháp bắt đầu triển khai xây dựng tháp canh. Đến cuối năm 1948, toàn tỉnh Biên Hòa có 78 đồn bót và nhiều tháp canh <sup>(1)</sup>. Bước sang năm 1949, đồng thời với việc phát triển nguy binh, chúng xây dựng ồ ạt thêm nhiều tháp canh trên dọc các quốc lộ 1, 15, 20, các tỉnh lộ 24, 16, 2, các lối dẫn vào đồn điền cao su. Nhiều đồn bót tháp canh cũ được xây dựng nâng cấp kiên cố hơn. Đến mùa thu năm 1949, khi thực dân Pháp đã triển khai xong hệ thống tháp canh, toàn tỉnh Biên Hòa có 79 đồn và hàng trăm tháp canh khác. <sup>(2)</sup>

Hệ thống đồn bót tháp canh của địch, với các hoạt động của nó đã gây cho ta rất nhiều khó khăn. Việc di chuyển đi lại của các đơn vị vũ trang không còn được như trước. Một phân đội của Trung đoàn 310 đang làm nhiệm vụ ở Tân Ba bị lính tháp canh địch phát hiện báo cho lực lượng từ thị xã Biên Hòa sang tập kích gây thiệt hại nặng. Việc tiêu diệt tháp canh với hệ thống công sự phòng thủ kiên cố trong điều kiện quân ta chỉ có vũ khí thô sơ trở nên khó thực hiện. Chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh Khu 7 về việc nghiên cứu cách đánh tháp canh địch, một số đơn vị trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đã thử áp dụng nhiều cách đánh nhưng chưa có hiệu quả.

Sau khi nghiên cứu kỹ cấu trúc tháp canh và quy luật hoạt động của lính gác, đội du kích huyện Tân Uyên do Trần Công An (Hai Cà) chỉ huy tìm ra một cách đánh: sử dụng lực lượng nhỏ, bí mật đột nhập vào chân tường tháp canh, dùng thang leo lên thả lựu đạn vào trong tháp. Như thế, yếu tố có ý nghĩa quyết định là quá trình tiếp cận và leo lên tường tháp phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, an toàn. Tại căn cứ, đội du kích Tân Uyên bí mật tổ chức luyện tập cách đánh tháp canh. Các chiến sĩ chỉ mặc quần cụt, bôi bùn kín người cho hòa với màu đất. Thời cơ tiếp cận là lúc lính canh đổi gác hoặc bật lửa hút thuốc. Đầu thang leo có bọc vải để tránh gây tiếng động khi tiếp xúc với tường gạch. Trên một ngọn cây độc mộc làm tháp canh giả tưởng, người ngồi ở trên dùng đèn soi quét xuống các hướng phải không phát hiện được du kích đang bò vào.

Đêm 18 rạng 19 tháng 3 năm 1948, tổ du kích Tân Uyên gồm bốn chiến sĩ và một cơ sở mật tổ chức đánh tháp canh cầu Bà Kiên trên tỉnh lộ 16. Vũ khí mang theo gồm một súng, 10 lựu đạn (một của Mỹ, chín tự tạo) và một thang tre (dùng để hái trái, mượn của dân). Trận đánh diễn ra đúng như phương án tập luyện. Ba chiến sĩ xung kích Trần Công An, Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên leo lên thả lựu đạn qua lỗ châu mai vào cả trong ba tầng tháp. Bên ngoài, du kích Nguyễn Văn Ai cầm súng gác ở đầu cầu sẵn sàng bắn chi viện và Trần Văn Hối (cơ sở mật) giữ cửa mở. Kết quả, tường tháp không đổ nhưng cả 11 tên lính bị tiêu diệt. Ta thu 8 súng và 20 lựu đạn.

---

<sup>1</sup>. Báo cáo gửi Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam của Đoàn đại biểu quân sự Khu 7 năm 1949 – Phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS.15, tr.11.

<sup>2</sup>. Báo cáo gửi Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam của Đoàn đại biểu quân sự Khu 7 năm 1949. Tài liệu đã dẫn, tr.8.

Chiến thắng cầu Bà Kiên gây tiếng vang lớn. Nó chẳng những đánh dấu lần đầu tiên tháp canh địch bị tiêu diệt, mà quan trọng hơn đã gợi mở ra một lối đánh mới chống lại có hiệu quả chiến thuật De Latour.

Tháng 11 năm 1949, Bộ Tư lệnh Khu 7 phối hợp với Tỉnh đội Biên Hòa tổ chức hội nghị chuyên đề đánh tháp canh. Sau khi nghe báo cáo kinh nghiệm trận cầu Bà Kiên ngày 19 tháng 3 năm 1948, phân tích những thay đổi đối phó của địch, hội nghị quyết định: có thể sử dụng phương pháp bí mật đột nhập, dùng một loại mìn đặc biệt để tiêu diệt tháp canh. Khoa quân giới Khu 7 được giao nhiệm vụ sản xuất một loại mìn có thể đánh sập tường tháp. Tỉnh đội Biên Hòa có trách nhiệm tổ chức các tổ đánh tháp và triển khai ngay công tác luyện tập.

Cuối năm 1949, tại khu vực Bà Đã, Chiến khu Đ, 300 chiến sĩ du kích ưu tú được tuyển chọn từ các địa phương tỉnh Biên Hòa bước vào đợt luyện tập. Dưới sự chỉ huy của tỉnh đội phó Bùi Cát Vũ và sự hướng dẫn của đội tập mẫu du kích Tân Uyên, các chiến sĩ chia thành năm tổ (mỗi tổ sáu người) tập kỹ chiến thuật đột nhập tháp canh và sử dụng mìn. Khoa quân giới Khu 7 cải tiến một loại mìn lôm (bazomin), đem nổ thử đạt kết quả tốt.

Sau ba tháng tập luyện thành thục, đêm 21 rạng 22 tháng 3 năm 1950, 300 chiến sĩ du kích chia thành 50 tổ đồng loại đánh 50 tháp canh trên quốc lộ 1, 15, tỉnh lộ 24, 16. Kết quả, cả 50 tháp canh đều thủng một lỗ lớn đường kính 0,6-1,5 mét nhưng không cái nào bị sập. Phần lớn bọn lính trong tháp đều bị chết hoặc bị thương. Số còn sống cùng với bọn lính trên nóc tháp sử dụng hỏa lực để chống cự, đối phó với lực lượng tiến công.

Từ loạt đánh 50 tháp canh, Bộ Tư lệnh Khu 7 và tỉnh ủy Biên Hòa họp hội nghị rút kinh nghiệm, bổ sung hoàn chỉnh cách đánh, bằng cách sẽ thả bồi thêm một quả mìn vào trong tháp canh sau khi tường đã bị thủng. Khoa quân giới Khu 7 hoàn thiện loại mìn phá tường (gọi là FT) và chế tạo mới loại mìn mới để đánh sập tháp (gọi là Beta).

Đêm 18 rạng 19 tháng 3 năm 1950, tổ đánh tháp canh do huyện đội trưởng Tân Uyên, Trần Công An chỉ huy có sự tham gia của tỉnh đội phó Bùi Cát Vũ, với hai quả mìn FT và beta đã đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai. Kế đó, đầu tháng 5 năm 1950, tổ du kích Tân Uyên đánh sập tháp canh Vàm Giá trên lộ 4, diệt một trung đội lê dương, thu 27 súng các loại và nhiều đạn dược, quân dụng. Phát huy thắng lợi trận Bà Kiên, trận Vàm Giá, lực lượng vũ trang Biên Hòa liên tục đánh đồn bót tháp canh khác trên địa bàn toàn tỉnh (An Chử, Cống Xanh, Lô 10, Rạch Tre, Tân Hạnh, Rạch Sỏi...) và sang cả các tỉnh bạn như Thủ Dầu Một, Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Tân An, Mỹ Tho...

Với trận cầu Bà Kiên lần thứ hai và trận Vàm Giá, cách đánh tháp canh được hoàn thiện. Tại hội nghị tổng kết chiến dịch Bến Cát cuối tháng 11 năm 1950, cách đánh bí mật tiếp cận dùng mìn để hủy diệt mục tiêu được gọi là cách đánh đặc công. Từ đây cách đánh tháp canh được phổ biến rộng rãi ra toàn chiến trường Khu 7, Nam Bộ, Trung Bộ và cả nước, đồng thời vận dụng không chỉ diệt tháp canh mà

cả trong các mục tiêu khác của địch. Các đơn vị vũ trang được biên chế thêm bộ phận đặc công.

Tân Uyên – Chiến khu Đ trở thành nơi khởi phát, thành quê hương của cách đánh đặc công. Du kích Tân Uyên, về sau thành lập đại đội bộ đội địa phương Nguyễn Văn Nghĩa, được công nhận là đại đội đặc công đầu tiên của cả nước. Chiến sĩ Trần Công An sau này được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

\* \*

\*

Để tiến hành kháng chiến thắng lợi, Đảng ta xác định “phải có lực lượng vũ trang hùng hậu”<sup>(1)</sup> từ du kích chiến tiến lên vận động chiến, từ chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính qui. “Vận động chiến là cách đánh nhằm quân chính qui hoặc quân du kích kết hợp lại thành đội tương đối lớn phối hợp với quân chính qui”<sup>(2)</sup> Tháng 11 năm 1949, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập hội nghị quân sự nhằm kiểm điểm toàn diện công cuộc kháng chiến trong bốn năm qua và đề ra nhiệm vụ trong thời gian tới. Tại hội nghị, Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn đọc một báo cáo quan trọng, trong đó đề ra sáu nhiệm vụ trước mắt: “Gấp rút chỉnh đốn lại bộ máy chỉ huy quân sự các cấp, xây dựng ba thứ quân, tổ chức lại bộ máy quân giới, quân nhu, gia tăng công tác chính trị, địch vận, tuyên truyền đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công”.<sup>(3)</sup> Ngày 18 tháng 11 năm 1949, Bộ Tư lệnh Nam Bộ ra chỉ thị số 137 thành lập các liên trung đoàn trên toàn chiến trường Nam Bộ.

Thực hiện chỉ thị của trên, giữa năm 1949, Tiểu đoàn Quốc Tuấn của Trung đoàn 310 được xây dựng thành tiểu đoàn chủ lực. Hai tiểu đoàn còn lại (Lê Lợi, Quang Trung) vẫn giữ là tiểu đoàn địa phương. Tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn 310 có ba đại đội khinh binh gồm: đại đội Lạc An, đại đội Bắc Sơn và đại đội Bạch Đằng. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm Phạm Quang Thuận (tiểu đoàn trưởng), Lê Văn Chùng (tiểu đoàn phó), Nguyễn Đình Vị (chính trị viên). Đây là đơn vị chủ lực đầu tiên trên chiến trường tỉnh Biên Hòa.

Cuối tháng 12 năm 1949, Trung đoàn 310 hợp nhất với Trung đoàn 301 (Thủ Dầu Một) thành lập Liên trung đoàn 301 – 310, do Nguyễn Văn Thi làm Liên trung đoàn trưởng, Nguyễn Quang Việt chính trị viên, Nguyễn Văn Lung và Đinh Quang Ân làm Liên trung đoàn phó. Trung đoàn 310 mà tiền thân là các chiến sĩ vệ quốc thuộc các địa phương tỉnh Biên Hòa – đơn vị từng sinh ra, trưởng thành và chiến đấu gắn bó với mảnh đất Biên Hòa quê hương – giờ đây không còn mang phiên hiệu cũ, không bó hẹp phạm vi hoạt động trong tỉnh Biên Hòa. Cán bộ, chiến sĩ của Chi đội 10, Trung đoàn 310 đang đứng trong đội hình một đơn vị quân sự lớn hơn

<sup>1</sup> . Kháng chiến nhất định thắng lợi – Nxb Sự thật, H. 1967, tr. 103.

<sup>2</sup> . Tài liệu đã dẫn, tr. 30.

<sup>3</sup> . Văn kiện hội nghị Xứ ủy Nam Bộ 9-1949 – Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS.49, tr. 16.

về qui mô tổ chức, với trách nhiệm nặng nề hơn trong cuộc chiến đấu còn rất gian lao phía trước.

Cũng từ mùa thu năm 1949, Tỉnh đội Biên Hòa sắp xếp, củng cố lại tổ chức cơ quan quân sự địa phương và lực lượng vũ trang các huyện. Tỉnh đội được bổ sung thêm một số cán bộ từ bên Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh và Trung đoàn 310 chuyển sang đã xây dựng đủ biên chế cơ quan ban chỉ huy tỉnh đội và các bộ phận: văn phòng, ban chính trị, ban quân y, ban quân sự, ban quân nhu tài chính, lớp quân chính, binh công xưởng và các đơn vị trực thuộc. Các huyện đội bộ cũng được củng cố lại, quân số trên dưới 100 người, gồm các bộ phận: văn thư, tiểu ban quân sự, tiểu ban chính trị, tiểu ban quân nhu tài chính, quân y xá, công trường. Các xã đội bộ có xã đội trưởng, chính trị viên xã đội, xã đội phó và các tổ: tin tức, tuyên huấn, do thám, liên lạc.<sup>(1)</sup>

Sang năm 1950, lực lượng du kích tập trung của huyện có sự bổ sung của các đại đội thuộc Trung đoàn 310 cũ phát triển thành đại đội địa phương. Theo đó, tỉnh Biên Hòa có:<sup>(2)</sup>

- Tân Uyên: một đại đội địa phương (Nguyễn Văn Nghĩa).
- Vĩnh Cửu: một đại đội địa phương, một trung đội du kích tập trung.
- Long Thành: một đại đội địa phương.
- Xuân Lộc: năm tiểu đội vũ trang tuyên truyền.
- Sông Bé: hai trung đội vũ trang tuyên truyền.
- Thị xã Biên Hòa: một trung đội vũ trang tuyên truyền, một trung đội biệt động đội.

Đến đây, có thể nói lực lượng vũ trang ba cấp chính thức hình thành tại tỉnh Biên Hòa, bao gồm tiểu đoàn chủ lực, các tiểu đoàn và đại đội bộ đội địa phương và dân quân du kích. Hệ thống cơ quan quân sự địa phương cũng được xây dựng hoàn chỉnh từ tỉnh xuống huyện, xã.

Cùng với việc củng cố xây dựng cơ quan quân sự địa phương và các đơn vị vũ trang, lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa nỗ lực giữ vững thế chủ động tiến công địch trên khắp ba vùng kháng chiến.

Tại Tân Uyên, bộ đội và du kích liên tục chiến đấu chống địch càn quét vào chiến khu Đ, trong trận chống càn tháng 3 năm 1949 diệt bốn xe tăng địch, trận chống càn tháng 12 năm 1949 diệt một số xe thiết giáp và 10 lính Âu Phi.

Tại Vĩnh Cửu, du kích địa phương cùng đơn vị chuyên đánh xe lửa của bộ đội tỉnh liên tục đánh địch trên đoạn đường sắt Biên Hòa – Trảng Bom. Tính riêng sáu tháng đầu năm 1949, đánh tổng cộng 15 trận, phá hủy 13 đầu máy. Ngày 11 tháng 2 năm 1950 diệt một đoàn xe quân sự do một tiểu đội lê dương áp tải tại cầu Ông

---

<sup>1</sup> . Báo cáo tình hình quân sự chiến trường Khu 7 1950 – Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS. 70, tr. 16, 17.

<sup>2</sup> . Tài liệu đã dẫn, tr. 13.



Tửu. Ngày 22 tháng 4 năm 1950 đánh xe lửa tại Trảng Bom, phá hủy đầu máy, hai va-gông diệt 20 lính áp tải. Ngày 12 tháng 7 năm 1950, diệt một tiểu đội lính Cao Đài phản động ở Tân Hưng. Ngày 11 tháng 8 năm 1950, đánh lật một đầu máy xe lửa tại Trảng Bom, diệt sáu lính áp tải. Ngày 30 tháng 8 năm 1950, tập kích bót Bến Gỗ, diệt và bắt sống một trung đội lính Cao Đài phản động. Trong tháng 11 năm 1950, diệt một tiểu đội lính tuần tra đường sắt tại Cây Gáo, đánh sập tháp canh Bình Hòa.

Tại Xuân Lộc, các đội vũ trang tuyên truyền đi sâu vào các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các đồn điền cao su vừa tuyên truyền, xây dựng cơ sở vừa hỗ trợ với du kích tại chỗ diệt ác phá kềm. Bộ đội và du kích phục kích diệt từng toán địch đi lẻ ở núi Thị, Dầu Giây, Hàng Gòn. Tháng 5 năm 1949 tập kích đồn Tân Lập, thu 20 súng và nhiều đạn dược.

Tại Long Thành, tháng 6 năm 1949, du kích Phước Thiện, Phú Mỹ phối hợp với bộ đội diệt 15 lính nguy trên lộ 17. Du kích Tam Phước, Phước Tân đánh liên tục bốn trận, diệt 20 tên địch, thu năm súng. Tháng 7 năm 1949, 400 thanh niên trong huyện đăng ký tòng quân đánh Pháp. Đầu năm 1950, du kích Tam Phước, Tam An phục kích giết chết tên đồn trưởng Tam An. Tháng 8 năm 1950, đội biệt động thị trấn đánh liên tiếp ba trận, diệt bảy tên địch, thu sáu súng, du kích Tam An diệt 17 lính Cao Đài phản động ở U Trâu, thu 10 súng.

Tại thị xã Biên Hòa, hòa cùng phong trào đấu tranh chính trị diễn ra mạnh mẽ tại Sài Gòn, đội vũ trang tuyên truyền đẩy mạnh hoạt động xây dựng cơ sở, phát triển lực lượng dân quân tự vệ. Ngày 27 tháng 3 năm 1950, đội biệt động thị xã tập kích kho xăng dầu Biên Hòa, đốt cháy hàng triệu lít. Đêm 19 rạng 20 tháng 5 năm 1950, truyền đơn và khẩu hiệu kháng chiến rải, giăng khắp thị xã. Cờ đỏ sao vàng xuất hiện tại nhiều điểm trên các đường phố. Tháng 8 năm 1950, lực lượng vũ trang thị xã đánh phá trại giam Thủ Đức, giải thoát 120 tù chính trị đưa về Chiến khu Đ an toàn. Đêm chủ nhật 17 tháng 12 năm 1950, đội biệt động tập kích nhà hàng Kim Hoa (khu vực Vườn Mít), nơi ăn nhậu của sĩ quan Pháp và bọn ta sai giết và làm bị thương bốn tên.

Hoạt động nêu trên của các lực lượng vũ trang Biên Hòa đã góp phần thúc đẩy phong trào du kích chiến tranh trong toàn tỉnh, tạo điều kiện để các đơn vị chủ lực “vận động chiến tiến tới”, tổ chức những trận đánh lớn phối hợp với chiến trường toàn Miền và cả nước vào thu đông 1950.

Tháng 6 năm 1946 đến 1950 là giai đoạn lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa nỗ lực củng cố phát triển lực lượng, xây dựng bộ đội địa phương (trong đó có đơn vị chủ lực) và lực lượng dân quân du kích, xây dựng các đơn vị vững mạnh về chính trị, tổ chức, giỏi về khả năng quản lý, chỉ huy bộ đội, về trình độ kỹ chiến thuật thực hành tác chiến.

Với lối đánh sắc bén, táo bạo, độc đáo, hiệu quả cao, lực lượng vũ trang Biên Hòa đã góp phần quan trọng lần lượt đánh bại các thủ đoạn chiến thuật của thực dân Pháp, đưa Biên Hòa thành tỉnh dẫn đầu phong trào đánh giao thông địch, thành tỉnh quê hương của cách đánh đặc công.

Có thể nói đây là giai đoạn phát triển cao nhất về qui mô tổ chức lực lượng và tổ chức hiệp đồng tác chiến của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

**Chương ba**  
**TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG PHÙ HỢP VỚI**  
**ĐIỀU KIỆN CHIẾN TRƯỜNG, DUY TRÌ VÀ ĐẨY MẠNH**  
**CHIẾN TRANH DU KÍCH, GÓP PHẦN**  
**ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1951 – 7. 1954)**

**I. CÙNG CỐ SẮP XẾP LẠI LỰC LƯỢNG TRONG ĐIỀU KIỆN CHIẾN TRƯỜNG BỊ CHIA NHỎ.**

Dưới tác động của những yếu tố quốc tế thuận lợi, chiến dịch Biên giới và đợt hoạt động phối hợp của quân và dân ta trên khắp các chiến trường vào cuối năm 1950 và đẩy thực dân Pháp từ thế chủ động chuyển sang bị động về mặt chiến lược. Giới phản động hiếu chiến Pháp, trong xu thế ngày càng lún sâu vào vực thẳm của cuộc chiến tranh, vẫn ngoan cố dựa hẳn vào đế quốc Mỹ, tiếp tục đeo đuổi cuộc chiến với phương châm “cứ tiến lên bằng đại bác”. Ngày 6 tháng 12 năm 1950, chính phủ Pháp cử tướng 5 sao Delattre de Tassigny, sang giữ chức tổng tư lệnh quân viễn chinh kiêm cao ủy Pháp ở Đông Dương. Delattre khẩn trương vạch ra kế hoạch trong đó nhấn mạnh việc củng cố quân đội viễn chinh, phát triển quân nguy, đẩy mạnh bình định trong vùng kiểm soát, sử dụng viện trợ Mỹ, gấp rút chuẩn bị mọi mặt tiến tới phản công giành quyền chủ động về chiến lược.

Tại Biên Hòa, tướng Chanson they De Latour chỉ huy quân viễn chinh Pháp tại Nam Đông Dương và kế đó là tướng Bondis thay Chanson từ (tháng 8 năm 1945) tiếp tục đẩy mạnh bình định, phối hợp đòn tấn công quân sự và kinh tế để chia cắt địa bàn thành từng mảnh nhỏ, bao vây cô lập vùng căn cứ kháng chiến nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang và ngăn chặn nguồn vận chuyển tiếp tế của ta. Mặc dù liên tục bị rút quân chuyển ra miền Bắc,<sup>(1)</sup> chúng vẫn thiết lập thêm các điểm chốt chặn dọc các quốc lộ 1, 15, 20 khu vực có đồn điền cao su; tổ chức càn quét liên tục vào khu vực xung quanh sân bay Biên Hòa, thị trấn Xuân Lộc, và các căn cứ địa ở Tân Uyên, Long Thành. Lực lượng Bình Xuyên ly khai đánh phá ác liệt khu vực căn cứ Rừng Sác và các xã ven quốc lộ 15.

Hoạt động của địch làm cho tình hình kháng chiến trong tỉnh từ cuối năm 1950, đầu năm 1951 gặp nhiều khó khăn. Nhiều cơ sở kháng chiến và các phong trào hũ gạo nuôi quân, tòng quân giết giặc... trong vùng tạm bị chiếm lắng xuống ở nhiều nơi. Xu hướng phát triển lực lượng chủ lực mạnh (xây dựng trung đoàn chủ lực Đồng Nai, bộ đội tập trung tỉnh) để “vận động chiến tiến tới” trong khi lực lượng vũ trang tại chỗ chưa đủ mạnh càng làm suy yếu thêm hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang và hoạt động quân sự ở cơ sở. Tại các căn cứ, việc thiếu lương

---

<sup>1</sup> . Đầu năm 1951, tại Nam Bộ, Pháp rút thêm bảy tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn pháo binh, chỉ còn lại 28 tiểu đoàn và các đơn vị binh chủng.

thực, thực phẩm, vải vóc để cung cấp cho bộ đội, nguyên hóa liệu cho sản xuất vũ khí, thuốc men trong cứu chữa bệnh... trở nên thường xuyên. Một hạt gạo từ Đồng Tháp Mười về đến Chiến khu Đ, đến Rừng Sác phải đổi bằng máu. Sự chỉ đạo, thông tin liên lạc từ khu xuống tỉnh, từ tỉnh xuống huyện xã và ngược lại bị gián đoạn. Một số huyện, liên huyện sát vùng tạm bị chiếm thiếu căn cứ đứng chân cho cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang. Tình hình trên đặt ra yêu cầu cần phải bố trí lại chiến trường, tổ chức lại lực lượng cho phù hợp.

Tháng 2 năm 1951, tại chiến khu Việt Bắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng được triệu tập. Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ nhằm “đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”. Đối với lực lượng vũ trang, nghị quyết đại hội nhấn mạnh: “Phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố công tác chính trị và quân sự trong bộ đội ta. Phải nâng cao giác ngộ chính trị, nâng cao chiến thuật và kỹ thuật, nâng cao kỷ luật... Đồng thời phải phát triển và củng cố dân quân du kích về mọi mặt: tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo và sức chiến đấu. Phải làm cho lực lượng dân quân du kích thành những tầm lưới sắt rộng rãi và chắc chắn, chằng khắp mọi nơi”.<sup>(1)</sup>

Từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 2 năm 1951, Xứ ủy Nam Bộ họp hội nghị thường vụ mở rộng nhằm đánh giá kết quả hoạt động và đề ra phương hướng nhiệm vụ nhằm tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến ngày càng trở nên đặc biệt khó khăn. Sau đại hội lần thứ hai của Đảng, Xứ ủy Nam Bộ đổi thành Trung ương Cục miền Nam. Trung ương Cục chủ trương sắp xếp tổ chức lại lực lượng vũ trang, bố trí lại chiến trường cho phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Theo đó, Nam Bộ chia làm hai Phân liên khu, miền Đông và miền Tây. Các tỉnh ở miền Đông Nam Bộ điều chỉnh lại tổ chức địa giới, trên cơ sở sáp nhập hai tỉnh thành một. Trung đoàn Đồng Nai giải thể. Phân liên khu miền Đông thành lập các tiểu đoàn chủ lực. Các tỉnh lập tiểu đoàn tập trung. Các huyện lập đại đội địa phương.

Từ giữa năm 1951, các cơ quan, đơn vị, địa phương Biên Hòa tập trung thực hiện việc bố trí lại địa giới hành chính và tổ chức lực lượng vũ trang. Tỉnh Biên Hòa hợp nhất với tỉnh Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Biên. Tỉnh Thủ Biên gồm bảy huyện: Hớn Quản, Bến Cát, Lái Thiêu, Thủ Đức, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và hai thị xã Thủ Dầu Một, Biên Hòa, do đồng chí Nguyễn Quang Việt làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Minh Chương làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh. Các huyện thuộc tỉnh Biên Hòa cũ cũng có những về tổ chức địa giới. Huyện Long Thành và một phần huyện Xuân Lộc chuyển về tỉnh Bà Chợ (gồm tỉnh Bà Rịa và tỉnh Chợ Lớn cũ nhập lại). Huyện Sông Bé giải thể, cùng với các xã Bông Lau, An Linh của huyện Tân Uyên chuyển nhập vào huyện Hớn Quản. Các xã Chánh Hưng, Vĩnh An. Lý Lịch của huyện Tân Uyên chuyển nhập về huyện Xuân Lộc. Tám xã vùng trung tâm căn cứ chiến khu Đ gồm Tân Hòa, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An, Cộng Hòa, Chánh Hưng, Dân Chủ thành lập một huyện mới gọi là huyện Căn Cứ Đồng Nai.

---

<sup>1</sup>. Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp, 12 (1951 – 1954). Nxb Sự thật, H. 1988, tr. 27

Như vậy, các huyện của tỉnh Biên Hòa cũ trong tổ chức tỉnh mới được tổ chức lại theo khuynh hướng phù hợp với điều kiện chiến trường bị chia cắt, khắc phục được tình trạng bị động do địch phong tỏa địa bàn, đảm bảo giao thông tin liên lạc thuận lợi và làm cho mỗi huyện trong tỉnh đều có đủ căn cứ đứng chân, đủ lực lượng và cơ sở vật chất để tiến hành cuộc kháng chiến một cách chủ động tại địa phương.

\*        \*  
\*  
\*

Việc sắp xếp lại tổ chức hành chính kéo theo sự sắp xếp lại tổ chức quân sự địa phương. Các cơ quan tỉnh bộ đội, huyện bộ đội, xã bộ đội được củng cố lại với sự tăng cường của cán bộ quân sự từ các cơ quan đơn vị cấp trên chuyển về.

Tư lệnh Khu 7 Huỳnh Văn Nghệ về giữ nhiệm vụ Tỉnh đội trưởng Thủ Biên. Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Quang Việt kiêm chính trị viên tỉnh đội. Lê Hồng Lĩnh phó chính trị viên tỉnh đội. Các tỉnh đội phó gồm: Tùng Lâm (Trịnh Văn Tạo), Đinh Quang Ân, Thanh Tâm (Nguyễn Văn Trục). Nhiều cán bộ của khu về bổ sung vào cơ quan quân sự tỉnh, tỉnh về huyện, huyện về xã. Huyện đội Tân Uyên do Nguyễn Văn Tư làm huyện đội trưởng kiêm chính trị viên. Huyện đội Vĩnh Cửu do Lê Thoa làm huyện đội trưởng, Ngô Bá Cao chính trị viên. Huyện đội Xuân Lộc do Nguyễn Duy Khoát làm huyện đội trưởng, Nguyễn Hy Vọng chính trị viên. Huyện đội Long Thành do Phạm Tự Do làm huyện đội trưởng, Hoàng Viễn Trí chính trị viên.

Tỉnh Thủ Biên xây dựng một tiểu đoàn bộ đội tập trung lấy phiên hiệu Tiểu đoàn 303. Tiểu đoàn 303 được thành lập (tháng 4 năm 1951) trên cơ sở tách cơ quan tiểu đoàn bộ và một đại đội đầy đủ của Tiểu đoàn 303 (bộ đội lưu động Khu 7, sau đó là tiểu đoàn chủ lực thuộc Trung đoàn chủ lực Đồng Nai) cùng với một số đơn vị, bộ phận từ tiểu đoàn bảo vệ căn cứ 295 và các cơ quan khác. Cụ thể: <sup>(1)</sup>

- Cơ quan tiểu đoàn bộ Tiểu đoàn 303 – Trung đoàn Đồng Nai: 180 người.
- Đại đội 55 thuộc Tiểu đoàn 303 – Trung đoàn Đồng Nai: 200 người.
- Một địa đội bộ đội Thủ Dầu Một: 98 người.
- Các cơ quan gián chính chuyên về: 171 người.
- Đại đội 60 (Bạch Đằng) thuộc Tiểu đoàn 295: không rõ số lượng.
- Một bộ phận pháo phòng không: không rõ số lượng.
- Du kích các xã chuyển lên: 80 người.
- Một trung đội thuộc đại đội 2767 Thủ Đức: 29 người.
- Đội vũ trang tuyên truyền thị xã Thủ Dầu Một: 6 người.

Cộng chung có 764 người với đầy đủ vũ khí trang bị (chưa tính số chuyển về từ tiểu đoàn 295). Trong số họ có rất nhiều cán bộ đảng viên từng công tác chiến

---

<sup>1</sup>. Báo cáo chung năm 1951 của Tỉnh đội Thủ Biên – Hồ sơ 01, Phòng Nam Bộ, tờ 5, Lưu trữ Bộ Quốc phòng

đầu từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp trên chiến trường Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Vừa xây dựng ổn định biên chế mới, tiểu đoàn vừa tổ chức huấn luyện, kết hợp huấn luyện tân binh (80 người) với cán bộ chiến sĩ cũ. Nội dung huấn luyện gồm cả kỹ thuật (đâm lê, ném lựu đạn, bán súng) và chiến thuật (tiểu đội, trung đội, đại đội đánh cứ điểm, đánh vận động, chống càn, phòng thủ căn cứ, hành quân, trú quân...). Đến tháng 11 năm 1951, Tiểu đoàn 303 biên chế đủ ba đại đội bộ binh (phiên hiệu 55, 60, 65), một đại đội trợ chiến (phiên hiệu 70), một trung đội trinh sát, đặc công và các bộ phận trực thuộc khác. Cụ thể:

Đại đội 55: Trần Nam Sơn đại đội trưởng, Nguyễn Văn Nhuận chính trị viên.

Đại đội 60: Đoàn Hồng Hải đại đội trưởng, Lê Thành Nhảm chính trị viên.

Đại đội 65: Võ Minh Như đại đội trưởng, Đặng Văn Kỳ chính trị viên.

Đại đội 70: Nguyễn Hồng Vân đại đội trưởng, Cao Duy Thiệu chính trị viên.

Trung đội trinh liên đặc công: Nguyễn Văn Hiến trung đội trưởng, Nguyễn Khắc Dũng chính trị viên.

Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm Lê Văn Ngọc, sau là Thanh Tâm (tiểu đoàn trưởng), Quang Văn Bảy (chính trị viên), Tạ Minh Khâm (tiểu đoàn phó).

Ngoài Tiểu đoàn 303, tỉnh còn tổ chức các đội binh chủng chuyên môn (chủ yếu sử dụng địa lôi đánh giao thông địch trên các đường 1, 13, 14), các biệt động đội (hoạt động chủ yếu ở các thị xã, thị trấn), các đội bảo vệ giao thông (chiến khu Đ – Long Nguyên, khu chiến Đ – Thủ Đức, Chiến khu Đ – Thuận An Hòa, chiến khu Đ – Bà Rịa).

Các huyện xây dựng hoàn chỉnh đại đội địa phương trên cơ sở sáp nhập đại đội độc lập với đơn vị du kích tập trung huyện hoặc củng cố hoàn thiện bộ đội địa phương huyện có sẵn. Theo đó, các huyện thuộc tỉnh Biên Hòa cũ mỗi huyện có một đại đội địa phương, những huyện, thị xã vùng địch hậu lập đội vũ trang tuyên truyền hoặc bộ đội địa phương làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền.

- *Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa* (huyện Tân Uyên): xây dựng trên cơ sở phát triển đơn vị du kích tập trung của huyện (sau khi đại đội Bạch Đằng được rút chuyển lên trên xây dựng lực lượng chủ lực) có bổ sung các đội viên du kích xuất sắc từ các xã ấp. Quân số của đại đội gồm 120 người tổ chức thành 3 trung đội hoạt động trên 3 khu vực của huyện. Ban chỉ huy đại đội gồm Trần Công An (đại đội trưởng), Nguyễn Văn Ước, sau là Lã chính (chính trị viên).

- *Đại đội Lam Sơn* (huyện Vĩnh Cửu): xây dựng trên cơ sở sáp nhập đại đội độc lập Lam Sơn (160 người) với trung đội du kích tập trung huyện (40 người) và 15 tân binh tuyển chọn từ du kích các xã. Ban chỉ huy đại đội gồm Lê Thoa (đại đội trưởng), Ngô Bá Cao (chính trị viên).

- *Đại đội Hồ Văn Long* (huyện Long Thành): xây dựng trên cơ sở tuyển chọn các đội viên du kích xuất sắc từ xã lên nhập với đội du kích tập trung của huyện, quân số 140 người. Ban chỉ huy đại đội gồm Nguyễn Văn Toàn (đại đội trưởng), Lê Phái (chính trị viên).

- *Đại đội vũ trang tuyên truyền* (huyện Xuân Lộc): xây dựng trên cơ sở sáp nhập các đội vũ trang tuyên truyền cũ với lực lượng công an xung phong của huyện. Quân số gồm 103 người (trong đó có 10 đội viên người ChơRô), được tổ chức thành năm tiểu đội chiến đấu, một bán đội binh chủng chuyên môn và các bộ phận văn phòng, cứu thương, nông binh (cung cấp). Ban chỉ huy đại đội gồm Nguyễn Duy Khoát (đại đội trưởng), Nguyễn Hy Vọng (chính trị viên).

- *Trung đội vũ trang tuyên truyền* (thị xã Biên Hòa) gồm một trung đội vũ trang tuyên truyền và một đội biệt động thị xã. Trung đội vũ trang tuyên truyền tổ chức thành bốn đoàn thâm nhập vào bốn đầu cầu thị xã. Mỗi đoàn có một tổ chức chiến đấu hoạt động trong nội ô để phối hợp với lực lượng ở vùng ven. Chỉ huy chung lực lượng vũ trang tuyên truyền và biệt động đội do ban chỉ huy thị đội thị xã phụ trách, do Bùi Trọng Nghĩa làm thị đội trưởng kiêm chính trị viên thị đội.

Ở các xã, lực lượng dân quân du kích cũng được củng cố lại phù hợp với đặc điểm của từng vùng. Tại Tân Uyên, toàn huyện có 18 xã chia thành ba khu vực.<sup>(1)</sup> Trung bình mỗi xã có từ hai đến ba tiểu đội du kích thoát ly sản xuất. Huyện Vĩnh Cửu có 13 xã tổ chức thành ba khu vực,<sup>(2)</sup> bình quân mỗi xã có từ sáu đến 12 người trang bị từ ba đến sáu súng trường, riêng xã Tam Long có một trung đội. Các xã thuộc khu 3, du kích tập trung lại thành một đơn vị du kích tập trung của khu làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền sâu vào vùng địch hậu. Huyện Long Thành có 22 xã tổ chức thành năm khu vực.<sup>(3)</sup> Mỗi xã trung bình có từ một đến bốn tiểu đội du kích.

Việc củng cố lại lực lượng vũ trang tỉnh Thủ Biên với sự sắp xếp hợp lý hơn các cơ quan, đơn vị và sự tăng cường cán bộ từ cấp trên xuống, một lần nữa, hoàn thiện thêm một bước tổ chức vũ trang ba thứ quân của tỉnh, khắc phục được tình trạng “hẫng chân” ở cơ sở do khuynh hướng dồn sức xây dựng lực lượng chủ lực trước đó, tạo điều kiện để lực lượng vũ trang tỉnh chủ động tác chiến thực hiện nhiệm vụ được giao trong giai đoạn khó khăn từ năm 1951.

\* \*

\*

Vừa tiến hành sắp xếp tổ chức lại lực lượng, các đơn vị vũ trang, vừa nỗ lực đẩy mạnh hoạt động tác chiến trên khắp các chiến trường.

Tiểu đoàn 303 một mặt tổ chức chiến đấu phòng thủ bảo vệ Chiến khu Đ, mặt khác đưa các tổ trinh sát – đặc công xuống huyện vừa để hỗ trợ cho phong trào du kích chiến tranh ở địa phương vừa để nghiên cứu tình hình, chuẩn bị địa bàn tác chiến. Các đại đội phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích đánh giao

<sup>1</sup> . Khu 1: An Hòa, Tân Bình, Ba Đình, Mỹ Hiệp. Khu 2: Phước Thành, Tân Hội, Thái Hội, Thái Hòa, Bình Chánh, Bạch Đằng, Tân Dân. Khu 3: Bình Mỹ, Chánh Hòa.

<sup>2</sup> . Khu 1: Định Tân, Tân Bình, Vĩnh Tân, Thạnh Phú, Đại An, Trảng Bom. Khu 2: Tam Long (Tam Hiệp, Long Bình), Hiệp Hòa, Tân Vạn, Hưng Hòa, Phước Long (Phước Tân, Long Hưng). Khu 3: Tân Bửu (Tân Thành, Bửu Long), Bình Hòa, Tân Phước (Tân Bình, Bình Phước).

<sup>3</sup> . Khu 1: Phước Nguyên, An Lợi, Tam An, Phước Tân. Khu 2: Phước Thiện, Phú Mỹ, Mỹ Hội, Long Tân. Khu 3: Phước Thành, Phú Hữu, Phước Khánh, Phước Lý. Khu 4: Bình Thạnh, Phước An, Phước Long, Phước Thọ. Khu 5: Phước Kiển, Phước Lai, Long An, Tuy Long, Tập Phước, Thái Thiện.



thông địch, các cứ điểm tháp canh và chông càn quét khủng bố. Ngay sau khi thành lập, tiểu đoàn quyết định tổ chức một trận đánh ra mắt nhằm gây tiếng vang lớn, đột phá một mắt xích quan trọng trong hệ thống đồn bót kiểm tỏa của địch ở khu vực xung quanh thị xã Biên Hòa. Đối tượng được chọn là chi khu Trảng Bom.

Chi khu Trảng Bom là một căn cứ quân sự quan trọng của địch án ngữ quốc lộ 1 cách thị xã Biên Hòa 20 ki-lô-mét về phía đông, vừa để bảo vệ từ xa thị xã Biên Hòa và thành phố Sài Gòn, vừa để kiểm soát ngăn chặn hành lang liên lạc vận chuyển của ta từ chiến khu Đ về Long Thành, Bà Rịa, đồng thời làm căn cứ xuất phát để đánh phá vùng Đại An, Định Tân huyện Vĩnh Cửu. Thường xuyên đóng tại đây có một đại đội lính Âu Phi quân số khoảng 200 tên. Cấu trúc chi khu gồm một đồn lớn, ở bốn góc có bốn lô cốt kiên cố, xung quanh có hàng rào kẽm gai nhiều tầng.

Công việc chuẩn bị cho trận đánh được tiến hành rất công phu. Đội trinh sát đặc công của Tiểu đoàn 303 phối hợp với đại đội Lam Sơn của Vĩnh Cửu và cơ sở nội tuyến trong chi khu tổ chức đo đạc vẽ bản đồ toàn bộ căn cứ chi khu và quy luật hoạt động của địch. Lực lượng tham gia trận đánh gồm ngoài Tiểu đoàn 303, có đội đặc công biệt động và đội pháo binh tỉnh Thủ Biên, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, đại đội Lam Sơn, du kích huyện Vĩnh Cửu, lực lượng vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc. Theo kế hoạch, du kích huyện Vĩnh Cửu sẽ phá đường, lập chướng ngại vật trên quốc lộ 1 từ Hố Nai đến Trảng Bom và chiến đấu chặn viện từ Biên Hòa lên. Đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc phá đường trên quốc lộ 1 khu vực An Lộc, Dầu Giây và chiến đấu chặn viện từ Xuân Lộc xuống. Đội pháo binh tỉnh bắn vào Hố Nai. Đại đội bộ đội địa phương Lam Sơn nhận nhiệm vụ tập kích tiêu diệt đồn nguy binh ở sân banh thị trấn Trảng Bom, hỗ trợ cho du kích thị trấn tuyên truyền diệt ác. Một trung đội thuộc đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, một trung đội thuộc đại đội 55 Tiểu đoàn 303 cùng đội biệt động tỉnh sẽ hóa trang giả làm công nhân cao su đi trên xe cam nhông của sở cao su tập kích từ cổng chính. Đại đội 60 của Tiểu đoàn 303 sẽ ém quân tại bìa rừng cách chi khu 500 mét và vận động xung phong đánh chiếm chi khu khi lực lượng tập kích cổng chính nổ súng. Thời điểm trận đánh được chọn vào lúc 16g 45 phút, khi bọn lính trong chi khu được nghỉ ngơi, ra sân banh hoặc chợ trong thị trấn. Tỉnh đội trưởng Huỳnh Văn Nghệ trực tiếp chỉ huy trận đánh.

Chiều 15 tháng 7 năm 1951, lực lượng tham gia trận đánh hành quân đến vị trí tập kết đúng quy định. 16 giờ, theo thường lệ, hai xe cam nhông chở 75 công nhân (25 chiến sĩ đại đội Nguyễn Văn Nghĩa, cán bộ chiến sĩ đại đội 55 Tiểu đoàn 303 và đội biệt và đội biệt động tỉnh Thủ Biên) đi làm về từ Bàu Cá chạy về hướng Trảng Bom. 16 giờ 15 phút, bọn lính trong chi khu tỏa ra sân banh đá bóng. Hai xe cam nhông tới ngang cổng chi khu liền bất ngờ dừng lại. Bộ đội nhanh chóng nhảy ra khỏi xe, giết tên gác cổng và xông vào dùng bộc phá đánh các lô cốt, chiếm xe bọc thép. Cùng lúc, trong tiếng kèn đồng giục giã, đại đội 60 ào lên đánh chiếm các vị trí trong khu trung tâm, đại đội Lam Sơn đánh chiếm đồn lính nguy canh sân banh. Bị bất ngờ, quân địch trong chi khu và ngoài sân banh không kịp chống trả bỏ chạy tán loạn. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta tiêu diệt 50 lính Âu Phi, bắt sống

50 tên khác phá hủy một xe tăng, thu 200 súng các loại (trong đó có ba đại liên, sáu trung liên, hai súng cối 81 ly) hàng chục tấn đạn dược, lương thực thực phẩm và năm ngàn đồng tiền Đông Dương ngân hàng. Các chiến sĩ dùng xe cam nhông chở toàn bộ chiến lợi phẩm về Chiến khu Đ an toàn.

Chiến thắng Trảng Bom gây tiếng vang lớn trên chiến trường Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Tiểu đoàn 303 chỉ sau một thời gian ngắn củng cố, đã lập một chiến công xuất sắc. Đây là trận đánh lớn của bộ đội tập trung tỉnh kể từ sau chiến thắng La Ngà năm 1948.

Sau trận Trảng Bom, Tiểu đoàn 303 tiếp tục tổ chức nhiều trận đánh khác trên khắp các chiến trường. Tính đến hết năm 1951, Tiểu đoàn 303 đã đánh tổng cộng ba cứ điểm (Nhà Thờ, Nhà Cơ, Ký Vĩnh), bốn tháp canh (Cầu Định, Trà Vũ, Máy Nước, Bông Dâu), sau trận chống càn (Giáp Lạc, Nhà Nai, Tân Dân, Mả Trắng, Cộng Hòa, Phú Thọ), một trận giao thông (Cây Gáo – Trảng Bom). Kết quả, tiểu đoàn diệt 216 tên địch, bắt sống 17 tên khác thu 8 súng đại liên và trung liên, 107 súng khác và 15 tấn đạn.<sup>(1)</sup>

Bộ đội địa phương các huyện phối hợp với bộ đội tập trung tỉnh và du kích địa phương chủ động đánh địch càn quét và tổ chức nhiều trận tập kích, phục kích nhỏ lẻ.

Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa chống càn diệt tên chỉ huy Pháp Parel tại chiến khu Đ (tháng 6 năm 1951). Tính đến cuối năm 1951, đại đội đã đánh tổng cộng 22 trận (bảy trận giao thông, sáu trận phục kích, năm trận đánh tháp canh, bốn trận đánh cứ điểm).<sup>(2)</sup>

Đại đội Lam Sơn tập kích đồn Long Điền, bót Rạch Đông, bót Bình Long. Tính đến cuối năm 1951, đánh tổng cộng 54 trận (16 trận chống càn, 23 trận phục kích, ba trận pháo kích, bốn trận đánh cứ điểm, tám trận đánh giao thông).<sup>(3)</sup>

Đại đội Hồ Văn Long phục kích đánh địch dọc đường 15, chống càn ở Bàu Bông, Phước An, Phước Thiện, Phú Mỹ, tập kích bót Cầu Xéo gây cho địch nhiều thiệt hại. Đại đội còn cùng với lực lượng của trên tham gia vận chuyển xưởng quân giới Nam Bộ từ căn cứ Phú Mỹ về chiến khu Đ an toàn.

Các đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc đi sâu vào các buôn sóc đồng bào dân tộc thiểu số và các đồn điền cao su xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng du kích và phong trào du kích chiến tranh. Nhiều cơ sở Đảng được khôi phục và hoạt động có hiệu quả ở Suối Tre, Hàng Gòn, Dầu Giây, An Lộc, Bảo Chánh. Tính đến cuối năm 1951, đại đội đã đánh tổng cộng 19 trận (hai trận đánh cứ điểm, hai trận phá hoại kinh tế địch, một trận trừ gian, một trận pháo kích, 13 trận chống càn).<sup>(4)</sup>

Các đội vũ trang tuyên truyền và biệt động đội thị xã Biên Hòa xây dựng được 15 đầu mối tin tức, 43 cơ sở dân vận, bốn đầu cầu liên lạc vào nội thành, bảy căn

---

<sup>1</sup>. Báo cáo chung niên năm 1951 của Tỉnh đội Thủ Biên. Hồ sơ 01, Phòng Nam Bộ, tờ 11, Lưu trữ Bộ Quốc Phòng.

<sup>2</sup>. Tài liệu đã dẫn, tờ 12, 13.

<sup>3</sup>. Tài liệu đã dẫn, tờ 12, 13.

<sup>4</sup>. Tài liệu đã dẫn, tờ 14, 15.

cứ bí mật vùng bàn đạp ở ngoại ô thị xã. Ngoài ra, đội biệt động còn đánh năm trận tập kích vào các nhà hàng có nhiều sĩ quan Pháp, công sở và tháp canh địch.<sup>(1)</sup>

Vừa tác chiến tiêu diệt tiêu hao quân địch, các đơn vị trong tỉnh đẩy mạnh công tác địch nguy vận. Trong năm 1951, toàn tỉnh đã: buộc hàng 38 tên (năm Pháp, 33 Việt Gian), bắt sống 30 tên (6 Bắc Phi, 5 Pháp, 19 Việt Gian), vận động đào bỏ ngũ 205 tên, hàng chục binh sĩ nguy xin gia nhập lực lượng kháng chiến.

## **II. LÀM NÒNG CỐT TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC**

Bước sang năm 1952, mặc dù bị động trên chiến trường cả nước, buộc phải tiếp tục rút quân ở Nam Bộ ra Bắc Bộ và Trung Bộ, tướng Bondis vẫn giữ nguyên số quân Âu Phi ở Thủ Biên; đồng thời ráo riết bắt lính, đào tạo cấp tốc các loại lính biệt kích, Cao Đài phản động, Công giáo phản động, lính làng... nhằm tăng cường quân nguy hầu có thể thay thế dần lính Âu Phi. Trên cơ sở đó, chúng dời một số tiểu khu và chi khu dần về các vùng tranh chấp, lập thêm một số đồn bót, tháp canh áp sát vùng căn cứ của ta. Bên cạnh lực lượng đồn trú, chúng thành lập các đội biệt kích và lực lượng ứng chiến cơ động. Ngoài một tiểu đoàn ứng chiến cơ động (Âu Phi) đóng ở Biên Hòa, mỗi tiểu khu có một đại đội ứng chiến, mỗi chi khu có từ một đến hai trung đội ứng chiến.

Với lực lượng nêu trên, thực dân Pháp đẩy cao cường độ đánh phá ta cả về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa, tụt chung ở các mặt hoạt động sau đây:

- Lấn chiếm sâu vào vùng căn cứ kháng chiến (đóng bót Bà Miêu, bót Bình Đa (Vĩnh Cửu), bót Phước An, bót Long Tân (Long Thành). Đánh phá càn quét liên miên vào khu căn cứ với lực lượng nhỏ gọn, có lính biệt kích và bọn chỉ điểm dẫn đường (tính chung cả năm 1952 có 39 lần càn quét với lực lượng từ một đại đội đến ba tiểu đoàn, 220 lần biệt kích đột nhập, 311 lần máy bay oanh tạc, 75 lần pháo kích).<sup>(2)</sup>

- Bình định vùng du kích và vùng tạm bị chiếm đô thị, các đồn điền cao su, dùng biện pháp đàn áp khủng bố dã man để uy hiếp tinh thần quần chúng, gom dân sâu vào vùng tạm bị chiếm, phát triển lực lượng chỉ điểm, cảnh sát.

- Sửa chữa nâng cấp các đường giao thông phục vụ cho lực lượng ứng chiến cơ động (đường số 8 Tân Khánh chi khu Tân Long – Tân Uyên, đường số 16 Tân Ba – Tân Uyên, đường xe lửa Trảng Bom – Cây Gáo, các đường lô trong vườn cây cao su và các quốc lộ, 15, 20). Đồng thời ngăn chặn các hành lang vận chuyển liên lạc của ta bằng cách đóng thêm tháp canh, lập các đội chuyên theo dõi, do thám chỉ điểm, phát quang hai bên đường giao thông từ 300 mét đến 500 mét.

- Đẩy mạnh chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý. Tổ chức nội gián, trinh sát sâu vào hàng ngũ kháng chiến để vừa theo dõi, lấy tin tức, chỉ điểm đánh

<sup>1</sup>. Tài liệu đã dẫn, tờ 14, 15.

<sup>2</sup>. Báo cáo chung niên năm 1952 của tỉnh đội Thủ Biên – Phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7 LS. 52, tr. 16.

phá, vừa tuyên truyền xuyên tạc, dụ dỗ gây hoang mang dao động và kêu gọi đầu thú. Mặt khác đẩy mạnh tuyên truyền xuyên tạc, gây mất đoàn kết nội bộ trong lực lượng vũ trang, xúi dục, ép buộc nhân dân trong vùng tạm bị chiếm kêu gọi con em bỏ hàng ngũ trở về đầu giặc.

- Vừa phát triển kinh tế của chúng như cạo mủ lại những sở cao su bỏ hoang, thu thêm nhiều thứ thuế mới, khuếch trương các sở làm đá (Bửu Long, Châu Thới), làm cây (Trảng Bom, Định Quán), cho quân nguy khai thác củi dọc đường giao thông; vừa ra sức phá hoại kinh tế của ta, đưa hàng hóa xa xỉ phẩm vào vùng căn cứ kháng chiến, mua giá cao rút trâu bò lúa gạo từ vùng căn cứ ra vùng tạm bị chiếm, dùng máy bay và biệt kích bắn giết trâu bò, ruộng rẫy.

Đầu năm 1952, tại chiến khu Đ, Tỉnh ủy Thủ Biên họp hội nghị mở rộng đề ra chủ trương: “1. Tích cực chống kế hoạch chiếm đóng sâu rộng vào vùng độc lập và các căn cứ du kích từng địa phương. 2. Chống kế hoạch cướp của cướp người, bảo vệ và giành giật dự trữ, đặc biệt chú trọng người ở vùng địch hậu và vùng du kích. 3. Tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, đồng thời bồi dưỡng xây dựng phát triển lực lượng ta. 4. Bảo vệ nền kinh tế, đánh cướp quân nhu địch làm quân nhu ta. 5. Đánh giao thông chiến lược, chiến thuật của địch, đồng thời bảo vệ giao thông ta. 6. Đánh phá các cơ sở cao su của địch. 7. Giữ vững thống nhất chỉ huy tỉnh, huyện, xã”.<sup>(1)</sup>

Để thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh và Tỉnh đội Thủ Biên tiếp tục điều chỉnh chiến trường và lực lượng ở những địa phương và đơn vị chưa thật hợp lý qua hơn nửa năm thực hiện việc nhập tỉnh. Theo đó, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa cũ, thị trấn Trảng Bom tách ra khỏi huyện Vĩnh Cửu do tỉnh trực tiếp chỉ đạo. Ở các huyện, nhiều xã của huyện Tân Uyên được chia nhập về các huyện bên cạnh,<sup>(1)</sup> một số xã thuộc huyện Vĩnh Cửu về huyện Thủ Đức và thị xã Biên Hòa.<sup>(2)</sup> Tại huyện căn cứ Đồng Nai và huyện Vĩnh Cửu, nhiều xã được sáp nhập lại.<sup>(3)</sup>

Đồng thời, tỉnh ủy củng cố lại lực lượng vũ trang, giao chuyển hoặc thành lập một số đơn vị mới. Cụ thể:<sup>(4)</sup>

- Thành lập mới trung đội vũ trang tuyên truyền thị trấn Trảng Bom, trung đội binh chủng chuyên môn B27, trung đội công binh B (từ Bộ Tư lệnh Nam Bộ chuyển sang) và ban dân quân chuyên phụ trách phong trào dân quân du kích.

- Sáp nhập trung đội bảo vệ giao thông đường 16 của tỉnh vào đại đội bộ đội địa phương Lam Sơn, chuyển giao ban tiếp vận của tỉnh về Tiểu đoàn vận tải 320

---

1. Tài liệu đã dẫn, tr.38, 39.

<sup>1</sup> Các xã Mỹ Hiệp, Ba Đình, Thái Hòa và Hòa Chánh về huyện Lái Thiêu. Các xã Thạnh Hội, Bạch Đằng, Dân Chủ về huyện Vĩnh Cửu. Các xã Tân Bình, An Hòa về huyện Thủ Đức.

2. Xã Tân Vạn về huyện Thủ Đức, xã Tân Biều về thị xã Biên Hòa.

3. Huyện Đồng Nai: Chánh Hòa + Bình Mỹ = Chánh Bình, Tân Hòa + Mỹ Lộc = Tân Mỹ, Tân Tịch + Thường Lang = Thường Tân, Tân Khai + An Long = Tân Long, Phước Sang + An Linh = Phước An. Huyện Vĩnh Cửu: Tân Bình + Thạnh Phú = Bình Phú, Hưng Hòa + Phước Long = Hưng Hiệp, Tân Triều + Bình Phước = Tân Phước.

4. Báo cáo chung niên năm 1952 của Tỉnh đội Thủ Biên – Đã dẫn, tr.25.

của Phân Liên khu miền Đông, chuyển giao Viện quân y của tỉnh về quân y viện Nam Bộ, giải tán trại an dưỡng của tỉnh ở Chiến khu Đ.

Ngay sau khi điều chỉnh lực lượng, các đơn vị vũ trang tỉnh Thủ Biên và các huyện Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành, Xuân Lộc, thị xã Biên Hòa nỗ lực chiến đấu chống địch càn quét và xây dựng đơn vị làm trong sạch nội bộ, loại bỏ những phần tử gián điệp, thoái hóa biến chất. Tiểu đoàn 303 tổ chức đợt luyện quân lập công. Đợt 1 từ ngày 19 tháng 5 đến ngày 19 tháng 8 năm 1952, các đại đội luân phiên học tập bốn nội dung: chiến thuật (đại đội đánh du kích, tập kích, vận động tập kích, vận động phục kích, chiến đấu ban đêm), xạ kích, nghi trang và kỷ luật chiến trường. Đợt 2 từ 2 tháng 9 đến 19 tháng 12 năm 1952 luyện tập kỹ thuật (trình sát, công binh, bắn máy bay địch, sử dụng súng moóc-chê), học tập chiến thuật (tổ tam chế trong chiến đấu, nhất điểm lưỡng diện). Kết quả các đợt luyện quân, riêng môn xạ kích, đại đội 55 bắn trúng đích đạt 92 %, đại đội 60 đạt 93 %, đại đội 65 đạt 87 %. Toàn tiểu đoàn ném lựu đạn xa 45 mét trúng đích đạt 20 %, đâm lê đạt 60 %.

Giữa năm 1952, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông quyết định thành lập một đơn vị vận tải làm nhiệm vụ tiếp nhận, vận chuyển hàng hóa của Trung ương từ Liên khu 5 về Chiến khu Đ, nối giữ đường liên lạc từ Trung ương vào đến Nam Bộ, Ngày 27 tháng 5 năm 1952, Tiểu đoàn vận tải chiến lược 320 ra đời, do Nguyễn Văn Lung, sau đó là Nguyễn Văn Bứa làm chỉ huy trưởng. Nhiều cán bộ, chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn 303, Tỉnh đội Thủ Biên (đặc biệt đơn vị quân nhu, trại an dưỡng) được chuyển sang Tiểu đoàn 320 làm nhiệm vụ vận tải. Các đại đội bộ đội địa phương và đội vũ trang tuyên truyền của Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Đồng Nai đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường vận tải trải dài 300 ki-lô-mét từ Hàm Tân Xuyên Mộc về đến Chiến khu Đ và ngược lại. Đồng bào các xã Xuân Lộc, đặc biệt các buôn sóc dân tộc thiểu số S'tiêng, Choro tích cực tham gia các đoàn dân công vận tải, góp phần đưa chuyên hàng chục ngàn tấn súng đạn, nguyên liệu cho sản xuất vũ khí, tài liệu, tiền vàng của Trung ương gửi cho Nam Bộ từ Hàm Tân (Bình Thuận) về Chiến khu Đ và các đoàn cán bộ từ Chiến khu Đ ra Liên khu 5 an toàn.

Đêm 18 tháng 10 năm 1952, một cơn bão lớn bất ngờ ập vào khu vực miền Đông Nam Bộ. Nước sông suối ở các tỉnh Thủ Biên, Gia Ninh đột ngột dâng cao, gây ra nạn úng lụt nghiêm trọng. Trận bão lụt, chỉ trong thời gian ngắn, đã tàn phá nặng nề khu vực các căn cứ kháng chiến của tỉnh Thủ Biên. Nhà cửa, trạm trại, kho tàng, hoa màu bị gió quét hoặc nước cuốn trôi. Nạn đói và kéo theo sau đó là bệnh tật đe dọa đời sống của cán bộ chiến sĩ các đơn vị vũ trang trong căn cứ địa. Bộ đội Tiểu đoàn 303, tiêu chuẩn gạo của chiến sĩ từ 25 ki-lô-gam mỗi tháng tụt xuống còn 2,5 ki-lô-gam. Có đại đội, chiến sĩ mỗi ngày chỉ có 5- 7 hột mít hoặc 3-5 trái bắp nhỏ luộc ăn cầm hơi. Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa mỗi người mỗi tuần chỉ được cấp một lon gạo (250 gam) không đủ để nấu cháo cho thương binh. Số người đau ốm ở các đơn vị tăng lên trên 60 % quân số. Trong lúc đó, thừa lúc ta gặp khó khăn, thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động càn quét vào các căn cứ, bao vây kinh tế, tuyên truyền chiêu dụ cán bộ kháng chiến ra đầu thú, lôi kéo dân bỏ vùng tự do về

vùng tạm bị chiếm. Thiếu gạo và thuốc chữa bệnh, một số ít cán bộ chiến sĩ của Tiểu đoàn 303 và các đại đội bộ đội địa phương không chịu nổi gian khổ, đã hoặc đào ngũ hoặc bỏ về thành đầu hàng giặc.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, các đơn vị vũ trang tỉnh Thủ Biên, một mặt khắc phục hậu quả trận bão lụt, di chuyển chống địch càn quét, mặt khác tích cực tăng gia sản xuất cứu đói. Bộ đội nhanh chóng dựng cất lại nhà cửa, trạm, trại, kho tàng, ổn định nơi ăn ở và làm việc, đồng thời tỏa đi thu hoạch lúa, thu hoạch hoa màu, cứu kho lương thực còn sót lại. Các đơn vị, đặc biệt Tiểu đoàn 303 tổ chức một bộ phận lớn gồm những cán bộ chiến sĩ sức khỏe yếu cần điều trị dưỡng bệnh về dọc vàm sông Đồng Nai, Sông Bé lập trại sản xuất, nuôi gia cầm, trồng cây hoa màu ngăn ngày. Một bộ phận khác đi tải gạo từ đồng bằng sông Cửu Long về để đảm bảo phần lương thực tối thiểu cho bộ đội. Chỉ sau vài tháng, đến cuối năm 1952 đầu năm 1953, cuộc sống của các đơn vị bộ đội được ổn định trở lại. Nạn đói và bệnh tật từng bước được đẩy lùi.

Vừa tổ chức cứu đói, ổn định đời sống, các đơn vị vũ trang vừa chủ động đánh địch ruồng bỏ càn quét. Tiểu đoàn 303 cùng đại đội Nguyễn Văn Nghĩa chặn đánh cuộc càn của địch kéo dài 52 ngày đêm vào chiến khu Đ. Ngay sau ngày bão lụt 10 ngày, ngày 27 tháng 10, Tiểu đoàn 303 tiến công bót Bến Sắn, diệt một đại đội lính ngụy, thu 60 súng (có một đại liên, một ca nông 37 ly, một súng cối 81 ly, sáu trung liên), thu nhiều đạn dược và hàng tấn gạo. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, các đơn vị vũ trang vẫn duy trì kế hoạch huấn luyện, xây dựng đơn vị và tác chiến tiêu diệt địch. Quân số các đơn vị bộ đội của tỉnh và huyện so với năm 1951 vẫn giữ được mức tương đối ổn định:

Đơn vị	Quân số	
	Tháng 1-1952	Tháng 12-1952
<b><i>1. Cơ quan tỉnh đội</i></b>		
- Văn phòng tỉnh đội Thủ Biên	63	87
- Đội hỏa tót	36	31
- Ban quân nhu	239	124
- Ban tham mưu	152	141
- Biệt động đội	76	68
- Ban quân y	67	116
- Ban chính trị	90	105
- Ban giao thông	128	119
- Ban sanh sản (sản xuất)	96	110
- Ban dân quân	Chưa có	11

- Xưởng quân giới	320	270
<b>2. Các đơn vị</b>		
- Tiểu đoàn 303	1.000	698
- Đại đội pháo binh	103	96
- Trung đội binh chủng chuyên môn B27	50	41
- Trung đội công binh B	35	33
- Vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc	73	126
- Vũ trang tuyên truyền thị xã Biên Hòa	116	132
- Vũ trang tuyên truyền Trảng Bom	34	34
- Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa	119	92
- Đại đội Lam Sơn	161	147
<b>3. Các huyện đội</b>		
- Huyện Đồng Nai	404	361
- Huyện Vĩnh Cửu	322	290

Trong năm 1952, lực lượng vũ trang Thủ Biên đã đánh tổng cộng 1.240 trận (Tiểu đoàn 303: 41 trận, binh chủng chuyên môn tinh: 29 trận, bộ đội địa phương và vũ trang tuyên truyền: 403 trận, dân quân du kích: 763 trận), diệt 2.961 tên địch, làm bị thương 942 tên, bắt sống và buộc đầu hàng 56 tên, thu 379 khẩu súng các loại (có năm canon, tám đại liên, 20 trung liên), bảy tấn đạn, 25 tấn quân trang, 31.340 đồng, phá hủy 11 xe tăng, 25 đầu máy xe lửa, một máy bay, một kho xăng, 500.000 lít, 500.000 cây cao su, 15 đôn bót thắp canh, 10.796 mét khối đường giao thông, tám cầu lớn nhỏ...<sup>(1)</sup>

Tiếp tục lợi dụng khó khăn của ta từ sau trận bão lụt, sang năm 1953, thực dân Pháp liên tục tiến công đánh phá vùng chiến khu Đ và vùng Rừng Sác Long Thành. Tại chiến khu Đ, chúng mở rộng phạm vi lấn chiếm dọc lộ 16, khống chế hai xã bàn đạp Vĩnh Lợi và bắc Lái Thiêu, cắt rời các xã vùng căn cứ với các xã tranh chấp, tạm bị chiếm. Tại Long Thành, địch chiếm căn cứ Phú Mỹ, khống chế hai xã bàn đạp Phước An, Phước Thọ, càn quét kiểm soát gặt gao khu vực 22 xã chạy dọc sông Đồng Nai và quốc lộ 15. Trong lúc đó, nhằm thực hiện chỉ đạo của trên về chuyên hướng công tác ở vùng du kích và vùng tạm chiếm, một số địa phương đã hạ thấp tính chất vùng kháng chiến, chuyển sang “trường kỳ mai phục, súc tích lực lượng, chờ đợi thời cơ, đấu tranh có lý có lợi”.<sup>(1)</sup> Tại vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, lực lượng vũ trang tập trung được rút về căn cứ, xã đội bộ

1. Tài liệu đã dẫn, tr.34, 35, 36.

1, Báo cáo chung niên năm 1953 của Tinh đội Thủ Biên – Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS. 53, tr.9.



giải tán, du kích xã chuyển thành du kích mật, một số cán bộ quân sự sang làm công tác dân vận. Thực dân Pháp do được “rảnh tay” ở vùng tạm bị chiếm cùng tập trung bao vây đánh phá căn cứ kháng chiến. Hàng loạt xã từ vùng du kích chuyển thành vùng tạm bị chiếm.

Thực hiện nghị quyết của Hội nghị Tỉnh ủy Thủ Biên tháng 9 năm 1953 về việc uốn nắn lệch lạc trong thực hiện phương châm vùng kháng chiến, Tiểu đoàn 303 tỏa về các huyện đánh sạt vào vùng địch. Phối hợp với bộ đội địa phương huyện và du kích xã, tiểu đoàn đã đánh tổng cộng 226 trận (chống càn: 173, phục kích: 13, tao ngộ chiến: 2, giao thông chiến: 4, tập kích cứ điểm: 5, pháo kích: 4, vũ trang tuyên truyền: 11, diệt tề trừ gian: 11, vận chuyển: 141), diệt 716 tên địch, làm bị thương 307 tên, bắt sống 46 tên (có hai quan tư Pháp), thu 228 súng (có bốn moóc-chê, mười trung liên), 50.000 viên đạn các loại, 100 lựu đạn, ba máy thông tin VTĐ và 10 tấn quân trang (có 500 bộ quân phục ngụy quyền Sài Gòn).<sup>(2)</sup> Tại huyện Đồng Nai, ngày 16 tháng 5 năm 1953, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa phối hợp với công an tỉnh bức hàng bót Gò Lũy do một đại đội lính Hòa Hảo chốt giữ. Tại thị xã Biên Hòa, ngày 19 tháng 5, đội biệt động thị xã tiên công, dùng bộc phá đốt cháy kho xăng gồm hai triệu lít. Tại huyện Long Thành, tháng 7, đại đội Hồ Văn Long phối hợp với đặc công của tỉnh đánh sập tháp canh Bà Trường, diệt một trung đội biệt kích. Tháng 10, du kích Phước Nguyên gài mìn ở cầu Nước Trong và Bến Sắn, diệt bảy tên địch. Lực lượng du kích ở vùng tạm bị chiếm và vùng du kích dần phát triển trở lại. Tổ chức cơ quan quân sự huyện, xã được tái thành lập và củng cố.

Hoạt động của lực lượng vũ trang tập trung tỉnh và bộ đội, du kích ở các huyện xã đã góp phần thúc đẩy phong trào kháng chiến phát triển trở lại ở vùng tạm bị chiếm và vùng du kích. Vùng căn cứ kháng chiến được giải tỏa. Hàng rào ngăn cách giữa đồng bào vùng căn cứ với vùng tạm bị chiếm bị phá vỡ. Chính sách phong tỏa bao vây kinh tế của địch mất dần tác dụng. Cuối năm 1953, tỉnh Thủ Biên được mùa lớn. Bộ đội có lương thực dự trữ được ba tháng cho năm sau. Tại đại hội mừng công Phân liên khu miền Đông tổ chức tại chiến khu Đ, ban quân nhu Tiểu đoàn 303, đại đội Nguyễn Văn Nghĩa có nhiều cán bộ, chiến sĩ thuộc tỉnh Biên Hòa cũ được tuyên dương vì thành tích kiên cường bám trụ chiến đấu và tăng gia sản xuất. năm 1952 và nửa đầu năm 1953 là giai đoạn cam go nhất trong lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân tỉnh Thủ Biên. Ở đó, các lực lượng vũ trang của tỉnh vừa sắp xếp củng cố lực lượng, tổ chức huấn luyện và cơ động chiến đấu trên các chiến trường, vừa nỗ lực chống địch bao vây kinh tế, tăng gia sản xuất để tự nuôi sống bản thân mình trong điều kiện địch đánh phá hết sức quyết liệt và thiên tai tàn phá nặng nề.

\*        \*  
\*  
\*  
\*

---

2. Tài liệu đã dẫn, tr.11, 13.

Sau thất bại ở chiến trường Tây Bắc và Thượng Lào, kế hoạch “Phản công quyết liệt, bình định gấp rút” của thực dân Pháp bị phá sản. Cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và Đông Dương lâm vào bế tắc. Chính phủ phản động Pháp chủ trương cải tổ bộ máy chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương., tìm một “lối thoát danh dự” khỏi cuộc chiến tranh bằng thắng lợi quân sự. Tướng Henri Navarre tham mưu trưởng bộ tư lệnh lục quân Trung Âu thuộc khối quân sự Bắc Đại Tây Dương được cử sang giữ chức tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Dựa vào viện trợ của Mỹ, Navarre định ra kế hoạch gồm hai bước, trong đó từ mùa thu 1953 đến mùa thu 1954 sẽ bình định miền Nam và miền Trung Đông Dương, tạo tiền đề để từ mùa thu 1954 tập trung binh lực tiến công phía bắc vĩ tuyến 18.

Từ mùa thu 1953, mặc dù cần tập trung bình định Nam Bộ như dự kiến, nhưng do thực tế diễn biến trên các chiến trường, thực dân Pháp buộc phải rút quân ồ ạt từ Nam Bộ ra Bắc Bộ và Trung Bộ. Tại Thủ Biên, chúng rút một tiểu đoàn Âu Phi và hai tiểu đoàn quân ngụy. Đến cuối năm, tổng số quân địch trên toàn tỉnh chỉ còn 26.000 tên (bằng ba phần năm quân số năm 1952). Do lực lượng bị thiếu hụt, tướng Bondis một mặt gấp rút phát triển quân ngụy, mặt khác rút bớt đồn bót ở vùng tạm bị chiếm gom quân thành lập những đội ứng chiến cơ động và thành lập thêm một số đồn bót tháp canh mới xung quanh căn cứ kháng chiến. Quân lính ở một số đồn bót ven thị xã Biên Hòa, Xuân Lộc, Long Thành, đồn điền cao su được rút về thành lập một tiểu đoàn cơ động tuần tiểu dọc quốc lộ 1, 15, 20. Tại thị trấn Tân Uyên, chúng lập thêm một chi khu và bảy đội biệt kích. Do lực lượng bị dần mỏng và tác động của tình thế, tinh thần quân ngụy hoang mang dao động. Tình trạng đào bỏ ngũ diễn ra ở nhiều nơi. Mức độ ác liệt của các cuộc hành quân càn quét giảm dần.

Đánh giá đúng âm mưu của địch, tháng 9 năm 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp hội nghị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954. Đối với Nam Bộ, Bộ Chính trị chủ trương “Đẩy mạnh chiến tranh du kích, lợi dụng điều kiện thuận lợi mới do quân địch phải tập trung nhiều lực lượng đi các hướng khác mà tăng cường hoạt động đánh nhỏ ăn chắc, tiêu hao và tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch, đẩy mạnh ngụy vận, mở rộng các căn cứ du kích và khu du kích”.<sup>(1)</sup> Quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phân liên khu ủy miền Đông chỉ thị cho các địa phương “chuẩn bị đón lấy thời cơ mới”, thực hiện ba nhiệm vụ chính “Giữ vững và đẩy mạnh chiến tranh du kích, củng cố và mở rộng căn cứ, đẩy mạnh công tác địch ngụy vận”.<sup>(2)</sup> Đối với lực lượng vũ trang, Phân liên khu ủy nhấn mạnh: Bộ đội chủ lực, các tiểu đoàn tập trung, bộ đội địa phương, du kích, bất cứ trong công tác nào, trong thời gian nào, ở vùng căn cứ du kích hay vùng tạm bị chiếm đều phải tìm mọi cách kêu gọi học tập phát huy tinh thần tích cực đấu tranh chống giặc của quần chúng nhân dân đông đảo, chủ yếu là quần chúng nông dân. Làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân thật rộng rãi bằng mọi hình thức chính trị, kinh tài, quân sự, từ thấp đến cao kết hợp với những hoạt động

1. Võ Nguyên Giáp – Điện Biên Phủ - Nxb Quân đội nhân dân, H.1979, tr.70.

2. Nghị quyết án quân sự năm 1954 của Phân liên khu ủy miền Đông - Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS. 54, tr.21.

quân sự của bộ đội, du kích thành ra một sức mạnh tiêu hao tiêu diệt giặc, phá mọi âm mưu của giặc.<sup>(3)</sup>

Tại Thủ Biên, Tỉnh uỷ họp hội nghị chủ trương đẩy mạnh phong trào kháng chiến trong toàn tỉnh nhằm phối hợp với chiến trường chính trong chiến cuộc đông xuân 1953 – 1954, phấn đấu tranh giải thưởng Hồ Chủ tịch do Phân liên khu miền Đông phát động. Tỉnh uỷ phê phán khuynh hướng “ham ăn to đánh lớn” của bộ đội tập trung tỉnh và các đại đội bộ đội địa phương, chỉ thị cho các đơn vị vũ trang phải bám đất bám dân, vừa hỗ trợ cho dân quân du kích đánh giặc vừa tiến hành công tác địch nguy vận, thực hiện đúng phương châm đề ra “du kích chiến là chính, học tập đánh vận động trong điều kiện thuận lợi”.

Chấp hành chỉ thị của Tỉnh uỷ, lực lượng vũ trang Thủ Biên từ các căn cứ chia tỏa đều về địa phương hoạt động làm nòng cốt cho phong trào du kích chiến tranh.

Tiểu đoàn 303 về các địa bàn yếu để xây dựng, thúc đẩy phong trào kháng chiến. Phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích, từ tháng 9 năm 1953 đến tháng 3 năm 1954, tiểu đoàn đã đánh 137 trận lớn nhỏ, diệt 1.148 tên địch, làm bị thương 194 tên, thu 186 súng các loại, phá hủy 19 xe (có một đầu máy xe lửa và năm xe tăng), đánh sập tám đồn bót tháp canh, bức rút 25 tháp canh khác.<sup>(1)</sup> Tháng 12 năm 1953 đội biệt động tỉnh và đại đội Lam Sơn đánh sập bót Cẩm Vinh (Tân Triều), trên đường hành quân về căn cứ qua sở cao su Bình Ý đánh một toán địch tuần tiễu, giải thoát sáu đồng chí của ta bị chúng bắt, tiêu diệt hai trung đội lính nguy, thu toàn bộ vũ khí. Bộ đội huyện căn cứ Đồng Nai đánh sập bót Miếu Ngói, phục kích diệt một trung đội biệt kích nguy tại cơ sở cao su ông Phủ. Pháo kích vào các cứ điểm quân địch ở Lạc An, đôi Bà Cẩm, Uyên Hưng, Tân Ba. Đội vũ trang tuyên truyền Xuân Lộc về các vùng sâu tuyên truyền giải thích đường lối kháng chiến của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, diệt tề trừ gian, phá bảo an, gây dựng lại cơ sở.

Tại các xã, phong trào du kích phát triển mạnh mẽ. Tỉnh Thủ Biên xây dựng thêm 32 đội du kích xã, đưa số lượng du kích tập trung của tỉnh từ 140 lên 513 người, dân quân tự vệ từ 453 lên 1.862 người, du kích mật từ 219 lên 572 người. Các đội du kích tập trung thường xuyên tuần tiễu, canh gác, diệt tề trừ gian, chống càn quét đột kích và bao vây tiêu diệt đồn bót.

Vừa bung ra chiến đấu, phát triển phong trào du kích chiến tranh, các đơn vị vũ trang vừa tranh thủ rèn cán chỉnh quân, đẩy mạnh hoạt động sản xuất tự túc, đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính trị tư tưởng, văn hóa văn nghệ, giáo dục, y tế.

Các đại đội của Tiểu đoàn 303 luân phiên huấn luyện nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật cho bộ đội. Kết quả kiểm tra môn học kỹ thuật xạ kích, nhiều chiến sĩ thuộc đại đội 55 bắn trúng điểm đen ở cự ly 100 mét. Đại đội 60 đạt thành tích

---

3. Tài liệu đã dẫn, tr.24.

1. Báo cáo hoạt động từ 9 – 1953 đến 3 – 1954 của tỉnh đội Thủ Biên - Phòng Khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7, LS. 55, tr.9.

cao nhất trong môn ném lựu đạn. 100 % cán bộ chiến sĩ của tiểu đoàn đạt yêu cầu các môn huấn luyện quân sự. Về chính trị, các đơn vị chia thành từng nhóm nhỏ nghiên cứu quán triệt các tài liệu: Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, thuế nông nghiệp, công tác địch nguy vận, Hòa Hảo vận... Bộ đội địa phương các huyện Đồng Nai, Vĩnh Cửu, Long Thành, tùy vào điều kiện tác chiến ở địa phương để sắp xếp thời gian học tập chính trị và huấn luyện quân sự. Đại đội Lam Sơn được Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông khen thưởng vì thành tích huấn luyện giỏi.

Tại các “nông trường” dọc vàm sông Đồng Nai, Sông Bé, các ban sanh sản của tỉnh đội, Tiểu đoàn 303 đẩy mạnh trồng lúa, khoai mì và cây hoa màu ngắn ngày, chăn nuôi bò, heo, gà, vịt bảo đảm chỉ tiêu tự túc ba tháng cho từng đơn vị. Các chiến sĩ sức khỏe yếu, thương binh về các “an dưỡng đường” tại các nông trường, vừa nghỉ ngơi chữa bệnh vừa làm nhiệm vụ sản xuất tự túc. Tỉnh đội Thủ Biên lập một xưởng may quần áo cho bộ đội (bằng vải sита chuyển từ Liên khu 5 về) và cắt sửa, vá quần áo cho các đơn vị trong tỉnh. Lò Chén, lò đường, xưởng thuộc da, xưởng giấy chiến khu Đ cung cấp nhiều sản phẩm, đáp ứng một phần nhu cầu của bộ đội.

Chấn chỉnh việc kết nạp Đảng không bảo đảm nguyên tắc, thanh lọc một số phần tử lũng chừng biến chất và gián điệp của địch, các chi bộ tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng, phát triển thêm nhiều Đảng viên mới. Các ban của Tỉnh đội Thủ Biên, các trung đội của Tiểu đoàn 303 và trung đội của các đại đội địa phương huyện đều có chi bộ Đảng, có nơi thành lập Đảng bộ. Các xã đội bộ vúng giáp sát địch duy trì hai hình thức tổ chức chi bộ thoát ly và chi bộ mật. Chế độ sinh hoạt Đảng, kỷ luật Đảng, các công tác tuyên truyền, nhận xét đê bạt, bổ nhiệm có một bước tiến bộ mới trong hầu khắp các chi bộ thuộc lực lượng vũ trang tỉnh.

Liên xưởng quân giới của tỉnh đội, xưởng quân giới của Tiểu đoàn 303, các “công trường” (tên gọi xưởng quân giới) của các huyện nhờ có nguyên hóa liệu của Trung ương chi viện do tiểu đoàn vận tải 320 chuyển về, đã sản xuất được nhiều lựu đạn và nhồi lại đạn các loại súng trường. Khắc phục khuynh hướng muốn nghiên cứu sản xuất các loại súng lớn, súng lục, các xưởng quân giới chuyên hướng sửa chữa và sản xuất các loại vũ khí phục vụ thiết thực cho phong trào du kích chiến tranh như súng trường, lựu đạn, mìn, chông bẫy. Các “công trường” huyện còn tranh thủ rèn các loại nông cụ phục vụ các đơn vị sản xuất và đối với nông dân địa phương lấy lương thực.

Do khả năng kiểm soát của địch bị thu hẹp, đường dây thu mua vận chuyển thuốc men của ta được thực hiện tốt, công tác cứu chữa điều trị thương bệnh binh tại các cơ sở y tế tiến bộ nhiều so với những năm trước. Các đơn vị vũ trang trong tỉnh hưởng ứng phong trào “dùng thuốc nam là yêu nước”, tự tìm kiếm các cây thuốc tự nhiên trong rừng chiến khu để chữa bệnh; mặt khác thực hiện nếp sống vệ sinh phòng bệnh, ăn chín uống sôi, xây dựng nhà vệ sinh đúng qui cách và cách xa doanh trại đơn vị. Sức khỏe bộ đội được nâng lên rõ rệt. Tiểu đoàn 303, trung đội trinh liên, đại đội Hồ Văn Long luôn bảo đảm quân số chiến đấu trên 70 %.

Thực hiện chỉ thị xóa nạn mù chữ trong lực lượng vũ trang của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Tỉnh đội tổ chức các lớp bình dân học vụ cho các đơn vị cơ quan trong tỉnh về học. Từ tháng 9 năm 1953 đến tháng 3 năm 1954, Tỉnh đội mở được 6 lớp bình dân học vụ với tổng số hơn 200 lượt học viên. Do điều kiện tác chiến, việc học tập không đạt được kết quả cao. Tuy nhiên, hầu hết số cán bộ chiến sĩ mù chữ ở cơ quan Tỉnh đội, ở Tiểu đoàn 303 đều biết đọc biết viết. Một số cán bộ chiến sĩ tranh thủ dạy học ở các lớp bình dân học vụ tại địa phương nơi đơn vị đứng chân. Học tập văn hóa phát triển thành phong trào khắp các cơ quan đơn vị trong tỉnh.

Cơ quan huyện đội phối hợp với đại đội địa phương huyện thành lập đội tuyên truyền xung kích đi nói chuyện thời sự, tuyên truyền chủ trương chính sách của Chính phủ kháng chiến và biểu diễn văn nghệ phục vụ bộ đội và nhân dân địa phương, Đội văn nghệ Tỉnh đội Thủ Biên thường xuyên tổ chức các đêm liên hoan văn nghệ tại chiến khu Đ và các thôn ấp vùng tranh chấp. Nội dung chương trình biểu diễn ca ngợi lòng yêu nước, gương chiến đấu dũng cảm, tinh thần khắc phục khó khăn dám xả thân vì nghĩa lớn, môi tình quân dân cá nước, với các hình thức phong phú như cải lương, đọc tấu, ngâm thơ... Nhiều vở cải lương như *Cánh tay vương tá*, *Trần Hưng Đạo bình Nguyên*, những bài hát như *Mùa đông binh sĩ*, *Nhớ chiến khu*, *Nhạc rừng*... được người xem yêu thích yêu cầu biểu diễn nhiều lần. Tờ báo của Phân liên khu miền Đông, thơ Huỳnh Văn Nghệ được các chiến sĩ truyền tay đọc và thuộc lòng nhiều bài. Các đội bóng chuyền, bóng đá, các “lò võ” hoạt động sôi nổi trong vùng căn cứ.

Hoạt động chiến đấu và xây dựng mọi mặt của lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa cũ đã góp phần thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích trên toàn tỉnh, tạo nên cục diện mới trên chiến trường Thủ Biên, Bà Chợ nói riêng, chiến trường miền Đông Nam Bộ và Nam Bộ nói chung.

Từ cuối mùa xuân năm 1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang bước vào thời điểm quyết định. Tại chiến trường chính, từ trung tuần tháng 3 năm 1954, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch hạ lệnh tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Trong khí thế tiến công chung, Tỉnh ủy Thủ Biên chủ trương mở một đợt tiến công quân sự rộng khắp.

Tiểu đoàn 303, các đội đặc công biệt động, đội vũ trang tuyên truyền, các đại đội địa phương tiến sâu vào vùng địch tạm chiếm tổ chức hàng loạt cuộc tiến công tiêu hao tiêu diệt quân địch, đồng thời tổ chức bức rút gọi hàng, vận động binh lính ngụy rời bỏ ngũ. Trong vòng ba tháng, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1954, lực lượng vũ trang tỉnh đã đánh hàng trăm trận tập kích, phục kích, bức rút đồn bót. Khắp nơi, tổ chức chính quyền ngụy rệu rã. Binh lính ngụy trong các đồn bót tháp canh hoang mang cao độ. Nhiều đồn bót binh lính tự động bỏ ngũ mang súng vào chiến khu xin gia nhập lực lượng kháng chiến hoặc trở về nhà. Quân ta làm chủ nhiều cứ điểm, đồn bót, đồn điền cao su, và kiểm soát nhiều khu vực rộng lớn vùng địch tạm chiếm.

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Trong niềm vui chung, Tỉnh đội Thủ Biên tổ chức hội nghị tổng kết đợt thi đua tranh giải thưởng Hồ Chủ tịch và cử đại biểu đi dự Đại hội mừng công toàn Phân liên khu. Hội nghị tuyên dương nhiều đơn vị và cá nhân thuộc Tiểu đoàn 303, đại đội Lam Sơn, biệt động đội thị xã Biên Hòa. Riêng Tiểu đoàn 303, đội trinh liên (trinh sát – liên lạc), đại đội 65 và cá nhân Hoàng Ngọc Phượng (trung đội trưởng), Nguyễn Văn Tăng (tiểu đội phó), Phạm Đình Thông (chiến sĩ) được tuyên dương khen thưởng. Riêng tiểu đội trưởng đội trinh liên Trần Văn Long được bầu chiến sĩ thi đua và cử đi Đại hội mừng công Phân liên khu miền Đông Nam Bộ.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương được ký kết. Ngày 11 tháng 8 năm 1954, lệnh ngừng bắn của Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam – theo tinh thần của Hiệp định Giơ-ne-vơ được thực hiện hoàn toàn trên chiến trường Thủ Biên và miền Đông Nam Bộ.

Ngày 2 tháng 9 năm 1954, giữa lòng chiến khu Đ, hàng ngàn cán bộ chiến sĩ tỉnh Thủ Biên về dự lễ kỷ niệm quốc khánh lần thứ chín. Ôn lại quãng đường chín năm kháng chiến gian khổ và thắng lợi vẻ vang, xác định nhiệm vụ cách mạng trước mắt, toàn thể cán bộ chiến sĩ quê hương tỉnh Biên Hòa cũ xúc động tưởng nhớ đến những đồng đội đã anh dũng ngã xuống trên dọc nẻo đường cuộc kháng chiến, vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Người lên đường tập kết ra miền Bắc xác định: “ra đi là quyết thắng”. Người được giao nhiệm vụ tiếp tục ở lại chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới đồng lòng: “ở lại là vinh quang”.

Lực lượng vũ trang tập kết của tỉnh Thủ Biên tổ chức thành bốn tiểu đoàn: lực lượng vũ trang tập kết của huyện Long Thành (biên chế trong bốn tiểu đoàn của tỉnh Bà Chợ) hành quân về Xuyên Mộc lên tàu tập kết ra miền Bắc. Lực lượng ở lại (trong đó có hai cán bộ tỉnh đội, chín cán bộ huyện đội) làm nhiệm vụ cất giấu vũ khí, tài liệu, bố trí lại lực lượng chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới.

\*            \*  
\*  
\*

Tháng 5 năm 1951 đến tháng 7 năm 1954 là giai đoạn lịch sử đặc biệt ở tỉnh Biên Hòa (trong tổ chức các tỉnh mới: Thủ Biên, Bà Chợ) nói riêng, miền Đông Nam Bộ nói chung. Trong điều kiện bị địch phong tỏa chia cắt chiến trường, thực hành càn quét đánh phá với mức độ rất ác liệt, các lực lượng vũ trang của tỉnh đã không ngừng chấn chỉnh củng cố lại theo khuynh hướng tinh gọn, bám sát địa bàn chiến trường. Đấu tranh vượt qua những khó khăn do thiên tai địch họa gây ra và những biểu hiện lệch lạc hữu khuynh, các đơn vị vũ trang Biên Hòa kiên cường giữ vững lực lượng, đẩy mạnh hoạt động tác chiến nhằm từng bước giành lại thế chủ động, và khi thời cơ đến, hòa với thế tiến công mới của cả nước, vượt lên tiến công mạnh mẽ và đều khắp, góp phần xứng đáng cùng toàn miền và cả nước đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược của các lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa kể từ ngày “nóp với giáo mang ngang vai” tháng 9 năm 1945 đến đây gần tròn chín năm. Trong chín năm ấy, các lực lượng vũ trang của tỉnh vừa xây dựng, tập hợp những đơn vị nhỏ lẻ, tự phát thành một lực lượng thống nhất đặt dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản với đầy đủ ba thứ quân, có hệ thống tổ chức quân sự địa phương chặt chẽ từ tỉnh xuống huyện xã; vừa chiến đấu, lập nên những thành tích quân sự xuất sắc, góp phần thúc đẩy phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, tạo nên sự chuyển biến cục diện chiến trường tiến tới đánh bại thực dân Pháp. Đó là quá trình đi từ không đến có, vừa xây dựng vừa chiến đấu, vừa chiến đấu vừa xây dựng, làm cho lực lượng vũ trang của tỉnh ngày càng lớn mạnh, vững vàng về chính trị tư tưởng, sắc bén về năng lực chiến đấu, đủ sức hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Chín năm xây dựng, chiến đấu và công tác đã hun đúc lực lượng vũ trang Biên Hòa sự kiên cường trong bản lĩnh, ý chí chiến đấu, đồng thời để lại nhiều bài học lịch sử quý giá về xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng hệ thống tổ chức cơ quan quân sự địa phương, về quản lý chỉ huy bộ đội và kỹ thuật, chiến thuật, cách đánh trong thực hành chiến đấu. Và đó là tiền đề hết sức quan trọng để lực lượng vũ trang Biên Hòa vững bước vào giai đoạn lịch sử mới: chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai.

**PHẦN THỨ HAI**  
**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI TRONG**  
**KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC**  
**(1954 - 1975)**

*Chương bốn*

**TÁI XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA**  
**CÁCH MẠNG, PHỤC VỤ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, LÀM NÒNG CỐT**  
**CHO PHONG TRÀO ĐỒNG KHỔ**

**(1954 – 1960)**

**I. TÁI XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, XÂY DỰNG CĂN CỨ,**  
**HỖ TRỢ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, CHỐNG ĐỊCH “TỔ**  
**CỘNG”**

Tháng 7 năm 1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Miền Bắc (từ vĩ tuyến 17 trở ra) hoàn toàn được giải phóng, miền Nam còn tạm thời do đối phương kiểm soát. Hiệp định qui định sau hai năm (ngày 20 tháng 7 năm 1956) sẽ tổ chức tổng tuyển cử trong toàn quốc để thống nhất đất nước.

Lòng tin tất thắng, tin Đảng, tin Bác Hồ của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Biên Hòa – Đồng Nai vẫn trước sau như một, son sắt thủy chung. Tuy vậy tâm tư tình cảm của nhân dân vẫn không khỏi băn khoăn lo lắng khi chính quyền cách mạng không còn, lực lượng vũ trang và phần lớn cán bộ, đảng viên tập kết ra miền Bắc.

Ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Bác Hồ gửi thư cho đồng bào miền Nam, trong thư có đoạn viết “...Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết giác ngộ rất cao. Tôi tin chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích của địa phương, lợi ích lâu dài lên trên lợi ích trước mắt mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc, Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào. Tôi tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi...”<sup>(1)</sup>

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị, Xứ ủy Nam Bộ chỉ thị cho các địa phương chôn lại một phần vũ khí; số cán bộ, du kích ở lại tổ chức thành khung trở về sống trong dân, khi cần có thể tập hợp xây dựng lực lượng vũ trang.

Ngày 22 tháng 8 năm 1954 trên toàn Miền từ rừng núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến đô thị quân và dân ta ngừng tấn công địch theo điều khoản hiệp định qui định. Bộ đội, đảng viên, cán bộ, nhân dân Biên Hòa đều được tổ chức học tập quán

---

<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh toàn tập – Tập 7 – Nxb Sự thật – Hà Nội 1987, tr.3



triệt nhanh nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ và tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng.

Ngày 25 tháng 8 năm 1954, tại Nhà Nai (Chiến khu Đ) hàng vạn người đã tập trung mít tinh chào mừng Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết. Đây cũng là ngày chia tay giữa người ở lại và người ra đi tập kết. Trong không khí bồi hồi xúc động, tiễn đưa đầy lưu luyến nhưng ai cũng xác định “ra đi thắng lợi, ở lại vinh quang”. Trong ánh mắt của mọi người đều lộ rõ niềm tin ngày sum họp, ngày thắng lợi vẹn toàn.

Thời gian tập kết chuyển quân ở miền Đông theo qui định là 80 ngày ở khu Hàm Tân, Xuyên Mộc và 100 ngày ở khu Cao Lãnh, Đồng Tháp Mười. Các đơn vị vũ trang Biên Hòa khẩn trương chuẩn bị và cấp tốc hành quân về Xuyên Mộc ra bến Hàm Tân.

Ngày 5 tháng 9 năm 1954 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, ra Nghị quyết: “Tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách của Đảng”, trong đó phân tích sâu sắc những đặc điểm mới của đất nước từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, nhấn mạnh đặc điểm đất nước bị chia làm hai miền với hai chế độ xã hội khác nhau và sự xuất hiện kẻ thù mới là đế quốc Mỹ.

Với mưu đồ thôn tính đất nước ta từ lâu, trước khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đế quốc Mỹ đã sắp đặt một kế hoạch phá hoại hiệp định, phá hoại hòa bình, hành động đầu tiên của chúng là nhanh chóng hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền tay sai thân Mỹ làm công cụ đàn áp phong trào cách mạng, độc chiếm miền Nam Việt Nam.

Ngày 7 tháng 7 năm 1954 đế quốc Mỹ đưa Ngô Đình Diệm (vốn là tay sai Pháp, Nhật được Mỹ nuôi dưỡng đào tạo ở Mỹ) về miền Nam lập chính phủ bù nhìn. Tiếp đó tháng 11 năm 1954 chúng cử tướng Cô-lin sang miền Nam làm đại sứ và thực hiện kế hoạch sáu điểm của chính quyền Ai-xen-hao nhằm áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng ở vùng Đông Nam Á.

Nhiệm vụ trước mắt của quân và dân ta trên cả hai miền là đấu tranh thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, ra sức củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trên cả nước.

Như vậy cuộc đấu tranh cứu quốc không vì đình chiến mà kết thúc, song về phương châm đấu tranh thì Nghị quyết IX Bộ Chính trị xác định: “Phải thay đổi từ đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị”, mọi “hình thức đấu tranh kịch liệt (như kiểu khởi nghĩa, chiến tranh du kích) cần phải thay đổi ngay...”

Tuy vậy tình hình cách mạng ở Biên Hòa nói riêng và miền Nam nói chung diễn biến ngày càng phức tạp.

Ngày 1 tháng 1 năm 1955 phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ MAAG ở Sài Gòn bắt đầu đảm nhiệm huấn luyện, trang bị cho quân ngụy, thực chất là giành quyền trực

tiếp chỉ huy quân nguy, nắm và từng bước cải tổ, xây dựng bộ máy quân sự của chúng ở miền Nam.

Để loại trừ tận gốc các phe phái chính trị và lực lượng vũ trang thân Pháp, từ tháng 3 năm 1955 đến tháng 3 năm 1957 Mỹ - Diệm đã dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, o ép đến sử dụng vũ lực lần lượt tiêu diệt, thanh toán, sáp nhập và “quốc gia hóa” lực lượng vũ trang các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên.

Tỉnh Biên Hòa là địa bàn chiến lược nằm sát Sài Gòn về phía đông (thủ phủ của Mỹ, nguy), nơi có phong trào kháng chiến mạnh mẽ, có chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác... nổi tiếng trong chín năm chống thực dân Pháp xâm lược, cho nên ngay từ đầu Mỹ - Diệm đã đặc biệt chú ý vạch kế hoạch xây dựng nơi đây thành một tập đoàn cứ điểm quân sự lớn, liên hoàn, đầu não chỉ huy các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Phục vụ cho âm mưu chiến lược đó trong những năm sau này, đế quốc Mỹ ráo riết tập trung đầu tư nâng cấp, xây dựng mới nhiều sân bay, bến cảng kho tàng ở Biên Hòa, Long Bình, Thành Tuy Hạ... hệ thống giao thông thủy bộ cũng được mở rộng để phục vụ cho các hoạt động quân sự. Đặc biệt là tuyến xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn, tuyến đường thủy Biên Hòa - Vũng Tàu - Sài Gòn... bộ tư lệnh vùng 3 chiến thuật nguy đặt sở chỉ huy ở thị xã Biên Hòa. Dịch ra sức xây dựng bộ máy tề nguy các cấp từ tỉnh đến cơ sở xã ấp. Đặc biệt là tập trung mọi nỗ lực để cải tổ, phát triển lực lượng quân sự. Chúng bố trí ở Biên Hòa những đơn vị tinh nhuệ như lính dù, thủy quân lục chiến. Hàng trăm đồn bót, căn cứ quân sự cũng được nhanh chóng xây dựng lại và mở rộng thêm.

Cuối năm 1954 địch cưỡng bức đưa hơn 100.000 đồng bào Thiên chúa giáo ở các tỉnh miền Bắc vào Nam đến Biên Hòa. Chúng bố trí dân định cư dọc theo các trục lộ giao thông chiến lược, <sup>(1)</sup> xung quanh các căn cứ quân sự và sâu vào vùng kháng chiến của ta trước đây ở chiến khu Đ, Phước An, Cẩm Đường... tạo thành vành đai bảo vệ Sài Gòn, Biên Hòa và các cơ quan đầu não của địch, án ngữ các vùng căn cứ kháng chiến, cắt truyền đường giao thông liên lạc, làm lá chắn ngăn chặn phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Đầu năm 1955 địch tiếp tục đưa hàng nghìn đồng bào Hoa Nùng ở Móng Cái, Quảng Ninh (thân nhân của sư đoàn 5 nguy do tên Voòng A Sáng chỉ huy) đến Bảo Bình, Tân Thủy (huyện Xuân Lộc), Bàu Hàm, Sông Mây, Đồng Lách (Trảng Bom), khai phá đất đai, trồng trọt sinh sống. Âm mưu của Mỹ - Diệm là biến số dân cư này thành cơ sở chính trị xã hội trung thành nhất đối với chế độ nguy quyền tay sai.

Để tiến hành tổ chức bộ máy tề nguy các cấp, Mỹ - Diệm gấp rút đào tạo ra một đội ngũ tay sai mới, sử dụng các tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân đưa về các địa phương nắm lấy những chức vụ chủ chốt trong bộ máy tề nguy cơ sở nhất là ủy viên cảnh sát.

---

<sup>1</sup> . Quốc lộ 1 với các điểm: Hồ Nai, Trảng Bom, Long Khánh, Bảo Định, Bảo Toàn...

Quốc lộ 20 với các điểm: Gia Kiệm, Túc Trưng, La Ngà, Định Quán, Phương Lâm. Quốc lộ 15 (51) với các điểm: Tân Mai, Long Bình Tân, Long Thành, Phước Thái

Về quân sự chúng tổ chức các đoàn dân vệ ở các xã ấp, củng cố và cải tạo các đơn vị ngụy binh của thực dân Pháp trước đây, biến nó thành lực lượng nòng cốt của “quân đội quốc gia” dưới sự chỉ huy của cố vấn quân sự Mỹ.

Chỉ trong vòng hai năm 1955 – 1956 bộ máy cai trị các cấp của Mỹ - ngụy đã được tổ chức, xây dựng ở hầu khắp các địa phương trong toàn tỉnh.

\* \*  
\*

Thực hiện chủ trương của Đảng, Tỉnh ủy tỉnh Thủ Biên tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ: tổ chức chuyên quân tập kết, bố trí sắp xếp số cán bộ dân chính Đảng được phân công ở lại miền Nam, triển khai học tập quán triệt các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ, các nghị quyết mới của Đảng, kiện toàn lại tổ chức, hình thành mạng lưới cơ sở Đảng ở các huyện, xây dựng căn cứ, chuẩn bị cho cuộc đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới.

Cuối năm 1954 để phù hợp với tình hình mới, Xứ ủy Nam Bộ và Liên Tỉnh ủy miền Đông quyết định phân chia lại địa bàn các tỉnh. Tỉnh Thủ Biên tách ra hình thành lại hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một.

Tỉnh Biên Hòa gồm có thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Long Thành, huyện Tân Uyên, huyện Xuân Lộc và huyện Bà Rá.

Sau khi ổn định xong bộ máy các cấp, Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa đã họp và đề ra chủ trương đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới: tăng cường đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng, dựa vào pháp lý của Hiệp định Giơ-ne-vơ để đấu tranh chính trị, đòi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, bảo vệ cán bộ, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, chống địch bắt bớ khủng bố cán bộ kháng chiến cũ, đồng thời đẩy mạnh công tác đô thị, công tác binh vận, đưa người của ta vào hoạt động trong hàng ngũ địch, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, gây dựng phong trào cách mạng ở nông thôn.

Về phương châm công tác, Tỉnh ủy chỉ thị mọi hoạt động của cán bộ đảng viên phải bảo đảm nguyên tắc bí mật, phải hoà mình vào trong quần chúng, bám địa bàn, bám dân.

Từ chủ trương đó, các cơ quan của Tỉnh ủy, huyện ủy đều chuyển từ vùng căn cứ ra, đóng ở vùng dân cư. Cơ quan Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa lúc đầu đóng ở Tân Triều (Vĩnh Cửu) sau dời về Bình Hòa, Thạnh Hội, Thái Hòa, Hiệp Hòa...

Song song với công tác tổ chức sắp xếp lại lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới với phương châm, hình thức mới, các cấp bộ Đảng trong tỉnh cũng đã ý thức được vấn đề đấu tranh vũ trang nếu địch phá hoại hiệp định, từ đó một số cấp ủy xã, các huyện ủy đã khẩn trương bí mật chôn dấu một số vũ khí, đạn dược, vẫn duy trì một số căn cứ ở các vùng ven thị xã Biên Hòa, vùng Rừng Sác Long Thành, vùng rừng núi ở các huyện Tân Uyên,

Vĩnh Cửu, Xuân Lộc. Các lổm căn cứ này cũng là nơi hội họp, sinh hoạt Đảng và địa điểm liên lạc với cấp trên.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, từ những tháng cuối năm 1954 đến năm 1956 một phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn được phát động hầu khắp các địa phương trong tỉnh. Hàng chục cuộc đấu tranh diễn ra với các khẩu hiệu đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi Mỹ - Diệm thi hành các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Đặc biệt là các cuộc đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su ở Xuân Lộc và Long Thành, công nhân các nghiệp đoàn xe xích lô, lò gạch, lò gốm... ở Biên Hòa, nông dân ở huyện Long Thành, Vĩnh Cửu. Từ tháng 6 năm 1955 thực hiện sự chỉ đạo của Xứ ủy, khắp nơi trong tỉnh đều dấy lên một phong trào đấu tranh đòi Mỹ - Diệm phải thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Ngày 25 tháng 10 năm 1955, Mỹ - Diệm tổ chức cái gọi là “trung cầu ý dân” truất phế Bảo Đại đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Cũng trong tháng 10 năm 1955 Ngô Đình Diệm ra dụ số 2 tước quyền sở hữu ruộng đất của nông dân, buộc nông dân phải làm khế ước ruộng đất với bọn địa chủ, truy nộp đủ thuế trong những năm kháng chiến, thu hồi số ruộng đất cách mạng đã cấp phát cho nông dân. Với dụ số 2 này, chính quyền Diệm đã tự phơi bày bản chất phản động của chế độ tay sai, đối lập với lợi ích của nông dân lao động.

Ngày 4 tháng 3 năm 1956, Mỹ - Diệm lại tiến hành bầu cử trắng trợn vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ, đi ngược lại nguyện vọng thiết tha của đồng bào ta là hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Diễn biến của tình hình cho thấy kẻ thù đang từng bước đặt trước tình thế cho nhân dân ta là trong đấu tranh không thể chỉ dùng công lý, pháp lý mà không dùng bạo lực.

Từ tháng 5 năm 1955 Mỹ - Diệm bắt đầu phát động chiến dịch “tố cộng”, nhằm đánh phá phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Chúng điên cuồng khủng bố, bắt bớ cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước trong tỉnh bị giết hại, bị bắt tù đày.

Giữa năm 1956 sau khi thanh toán xong các lực lượng giáo phái, các đảng phái đối lập, xây dựng và củng cố bộ máy thống trị từ trung ương đến các địa phương, Mỹ - Diệm công khai tuyên bố không thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, không tham gia tổng tuyển cử, đặt “cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, hô hào “Bắc tiến”, đẩy mạnh các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”.

Ngày 10 tháng 7 năm 1956 Diệm mở chiến dịch “Trương Tấn Bửu” đánh phá phong trào cách mạng các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Chúng huy động hàng sư đoàn quân nguy kết hợp với lực lượng tề nguy địa phương, tập trung mọi nỗ lực đánh phá phong trào cách mạng ở khắp nơi nhất là các vùng căn cứ cách mạng, liên tục trong nhiều tháng liền. Trọng điểm cần quét,

đánh phá của địch ở tỉnh Biên Hòa là chiến khu Đ, huyện Long Thành và các đồn điền cao su ở Xuân Lộc.

Phong trào cách mạng ở Biên Hòa đứng trước một thử thách lớn. Thủ đoạn của kẻ thù vô cùng thâm độc và tàn bạo, trong lúc đó ở nhiều địa phương trong tỉnh nhất là vào thời kỳ đầu ta để lộ về lực lượng, sau đó thực hiện chủ trương “điều lắng” của Xứ ủy Nam Bộ nên nhiều chi bộ, cơ sở trong tỉnh lúng túng, bị động trong chỉ đạo đấu tranh. Nhân dân hàng ngày chứng kiến nhiều cảnh thương tâm. Hàng chục cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng bị địch bắt và đánh đập tra tấn dã man trước mặt mọi người. Không khí đau thương uất hận bao trùm khắp thôn xóm. Bọn ác ôn, chỉ điểm, đầu hàng xuất đầu lộ diện khắp nơi. Chúng ngày càng lộng hành tàn ác. Phong trào đấu tranh cách mạng sa sút. Số cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng bị địch bắt bớ, giết hại tù đày lên tới hàng ngàn người. Hàng chục cơ sở Đảng trong tỉnh bị phá vỡ. Có nơi bị hoàn toàn mất trắng. Ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ sau năm 1954 có 14.365 đảng viên, đến cuối năm 1956 chỉ còn 1.950 đảng viên. Tỉnh Biên Hòa chỉ trong vòng hai tháng (từ tháng 7 năm 1956 đến tháng 9 năm 1956) địch đã giết hại 58 người, bắt giữ 108 người. Đảng bộ huyện Xuân Lộc chỉ trong một thời gian ngắn các cơ sở Đảng từ huyện đến xã hầu như bị địch phá rã, tê liệt hoàn toàn. Trong toàn tỉnh Biên Hòa sau năm 1954 có 1.218 Đảng viên đến cuối năm 1956 chỉ còn lại chưa đầy 100 người...

Khắp nơi trong tỉnh từ vùng đô thị đến các xã nông thôn, các đồn điền cao su phong trào cách mạng bị địch dim trong biển máu.

Mặt khác nhằm thực hiện âm mưu bao vây xé nhỏ tiến tới xoá sạch, tiêu diệt các căn cứ kháng chiến của ta, ngày 22 tháng 10 năm 1956 Diệm ký sắc lệnh 143 NV thay đổi địa giới hành chính các tỉnh, lập thêm một số tỉnh mới như: Phước Long, Bình Long, Phước Tuy, Long Khánh... Đặc biệt chúng thành lập tỉnh Phước Thành nằm ngay trong lòng chiến khu Đ. Ở đây ngoài một ít dân cư bản địa còn lại chủ yếu là dân di cư Thiên chúa giáo. Diệm xem đây là lực lượng chính trị - xã hội đáng tin cậy nhất của chế độ bù nhìn tay sai. Chúng đưa tên thiếu tá Nguyễn Minh Mẫn con nuôi của Diệm về làm tỉnh trưởng tỉnh Phước Thành. Lập ra tỉnh Phước Thành, Diệm tuyên bố là “đã cắm được lưỡi dao giữa lòng chiến khu Đ, từ đây sẽ dẫm nát chiến khu Đ ra từng mảnh vụn”. Với bản chất tay sai, bán nước, khét tiếng chống cộng, Diệm không từ bỏ một hành động gian ác nào để thực hiện mưu đồ dập tắt phong trào cách mạng ở miền Nam.

Từ giữa năm 1955 các giáo phái lần lượt đầu hàng Diệm sau quá trình bị thanh trừng. Xứ uỷ Nam Bộ chủ trương:...Tranh thủ vận động, cải tạo, tập hợp các lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan về với cách mạng, lợi dụng danh nghĩa giáo phái để diệt ác ôn... Ở Biên Hòa khi lực lượng Bình Xuyên bị Mỹ Diệm đánh tan tác ở Rừng Sác (Long Thành), Xứ uỷ cử đồng chí Võ Văn Khánh, Xứ uỷ viên, Phạm Văn Thuận, phó Bí thư Tỉnh uỷ tỉnh Biên Hòa cùng với một số cán bộ binh vận khác của Xứ uỷ đi vào vận động các đơn vị của lực lượng này đi theo cách mạng. Trung tá Võ Văn Môn (Bảy Môn) tham mưu trưởng lực lượng Bình Xuyên – cùng 200 quân thuộc tiểu đoàn 3 được ta tổ chức bố trí đưa về Mã Đà (chiến khu Đ). Huyện uỷ Long Thành cũng nắm được một trung đội do Mười Đôi chỉ huy,

đồng thời tuyển chọn 19 thanh niên cốt cán của các xã Phú Hội, Phú Hữu, Phước Khánh, Tam An... (trong đó có 5 đảng viên) đưa vào đơn vị này, thành lập trung đội vũ trang huyện do đồng chí Nguyễn Quốc Thanh chỉ huy.

Các đơn vị này do Đảng ta lãnh đạo và tổ chức nhưng trong hoạt động vẫn lấy danh nghĩa lực lượng Bình Xuyên công khai để đấu tranh chống Mỹ - Diệm, tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt ác ôn.

Ở huyện Vĩnh Cửu và thị xã Biên Hòa, đầu năm 1955 các đồng chí ở chi bộ xã Hiệp Hòa đã tổ chức diệt hai tên gián điệp của ty công an Biên Hòa đưa về xã để theo dõi tình hình, truy bắt cán bộ, đảng viên. Giữa năm 1955 chi bộ xã Tam Hiệp tiếp tục tổ chức diệt tên cò Phước là cảnh sát xã, tay sai đắc lực cho bọn ác ôn ở nha cảnh sát miền Đông.

Đầu năm 1957 một số đồng chí trong Thị ủy Biên Hòa đã tổ chức diệt tên Sự, một tên ác ôn khét tiếng gây nhiều nợ máu đối với cán bộ và nhân dân các xã vùng ven thị xã Biên Hòa, cuộc diệt ác này đã làm xôn xao dư luận và gây hoang mang cho bọn tề ngụy quanh vùng. Tỉnh ủy Biên Hòa đã phê phán hành động này là manh động, trái với chủ trương của Đảng.

Ở huyện Long Thành tháng 11 năm 1955, với danh nghĩa là lực lượng ly khai giáo phái Bình Xuyên, huyện ủy đã tổ chức diệt tên đại úy Cao Đài ác ôn Lê Thành Khan. Tháng 2 năm 1956 cùng với danh nghĩa “lực lượng ly khai giáo phái Bình Xuyên” ta tổ chức diệt bốn tên thám báo trên sông Ông Kèo xã Phú Hữu.

Đồng thời với công tác bí mật diệt ác ôn, cấp ủy một số địa phương trong tỉnh cũng tiến hành một số cuộc hoạt động vũ trang tuyên truyền chống lại các âm mưu thủ đoạn của địch. Ngày 23 tháng 10 năm 1955 với sự chỉ đạo của đế quốc Mỹ, Ngô Đình Diệm bày trò “trung cầu dân ý” nhằm truất phế Bảo Đại leo lên ghế tổng thống để nắm trọn quyền ở miền Nam Việt Nam. Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 10 năm 1955 một đơn vị vũ trang Biên Hòa với danh nghĩa là bộ đội Bình Xuyên ly khai đã đặt một khẩu súng cối 60 ly tại Truong Cát (bìa sở cao su Phủ Thanh – Tân Phong) bắn mấy phát đạn vào sân bay Biên Hòa. Tiếng nổ của đạn pháo đã tác động đến tinh thần, gây hoang mang bọn tề ngụy địa phương và tạo cơ để nhân dân thị xã đấu tranh với địch không đi bỏ phiếu.

Đầu tháng 12 năm 1955 trên lộ 15 chi bộ các xã Long Phước, Phước Thái kết hợp với lực lượng Bình Xuyên ly khai (lực lượng Mười Đôi) tổ chức một cuộc vũ trang tuyên truyền gây tiếng vang rộng lớn.

Gần 49 xe đò, xe tải, xe du lịch được một tổ vũ trang cải trang lính ngụy chặn trên lộ đưa vào rừng Phước Hòa họp mít tinh. Hơn 800 người trong đó có cả một số sĩ quan và binh lính ngụy đã được nghe cán bộ ta diễn thuyết giải thích các điều khoản của Hiệp định Giơ-ne-vơ, âm mưu phá hoại hiệp định của Mỹ - Diệm và kêu gọi mọi người chung sức đấu tranh đòi Mỹ, ngụy thi thành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Buổi mít tinh kết thúc đã nhanh chóng lan truyền khắp nơi trong vùng Long Thành và cả ở Sài Gòn, Bà Rịa, Vũng Tàu.

Đêm 3 rạng sáng ngày 4 tháng 3 năm 1956 một bán đội võ trang đã đột nhập vào thị trấn Long Thành (huyện Long Thành). Cối 61 ly của ta bắn vào chi khu liên tiếp 12 trái. Súng trung liên đặt tại sân banh khu Kim Sơn bắn vào nhiều loạt đạn vào nhà lầu Kim Sơn. Lính nguy trong chi khu hốt hoảng, chạy tán loạn.

Sáng ngày 4 tháng 3 năm 1956, ngày bầu cử của Diệm ở Long Thành diễn ra trong không khí tẻ nhạt, hoảng hốt và nơm nớp sợ hãi, lính nguy rải khắp các xã, cảnh sát chìm, cảnh sát nổi lảng vảng suốt ngày ở các khu vực bầu cử. Thế nhưng ở nhiều nơi trong huyện cuộc bầu cử vẫn bị gián đoạn, tỷ lệ dân đi bầu cử rất thấp.

Những hoạt động diệt ác, vũ trang tuyên truyền trong thời điểm này tuy còn nhỏ lẻ, diễn ra trong điều kiện, bối cảnh cực kỳ khó khăn, nhưng qua đó cũng thể hiện được tính chủ động, sáng tạo, dũng cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên ở Biên Hòa, đáp ứng được nguyện vọng thiết tha của nhân dân.

\* \* \*

\*

Thực tế tình hình cho thấy cách mạng miền Nam không thể giành thắng lợi bằng con đường đấu tranh chính trị đơn thuần.

Tháng 6 năm 1956 Bộ Chính trị họp xác định: *“vấn đề hết sức quan trọng là phải tranh thủ xây dựng lực lượng cách mạng. Tuy hình thức đấu tranh của ta trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải là đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là không dùng vũ trang hay tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định”*.<sup>(1)</sup> Nghị quyết Bộ Chính trị đã chỉ rõ phương hướng tiến lên của cách mạng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn lúc bấy giờ nên chủ trương trên của Đảng không kịp thời quán triệt đến Xứ ủy và Tỉnh ủy ở Nam Bộ.

Tháng 8 năm 1956 đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ căn cứ vào qui luật cách mạng và thực tiễn phong trào cách mạng ở miền Nam đã khởi thảo ra bản “Đề cương cách mạng miền Nam” làm phương hướng chỉ đạo cho các cấp bộ Đảng.

Tháng 12 năm 1956 Xứ ủy họp nhận định đánh giá tình hình và đề ra chủ trương: *“Do yêu cầu của cách mạng Miền Nam trong chừng mực nào đó cần có lực lượng tự vệ và vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiến tới sau này dùng lực lượng vũ trang đó để làm cách mạng đánh đổ Mỹ - Diệm... Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập các đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ rừng núi...”*<sup>(2)</sup>

Nghị quyết tháng 12 năm 1956 của Xứ ủy là cụ thể hóa và phát triển một bước dự thảo “Đề cương cách mạng miền Nam” của đồng chí Lê Duẩn. Đó là cái mốc đánh dấu sự chuyển biến của cách mạng miền Nam từ giai đoạn đấu tranh chính trị đơn thuần sang giai đoạn đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ.

<sup>1</sup> . Hồ Chí Minh toàn tập – tập 7 – Nxb Sự thật – Hà Nội 1987 trang 3.

<sup>2</sup> . Nghị quyết Xứ ủy Nam Bộ tháng 12 năm 1956. Tài liệu lưu Phòng KHCN MT Quân khu 7.

Trong bối cảnh đó, các chiến sĩ cách mạng và những người yêu nước từ nhà lao Tân Hiệp (Biên Hòa) đã chủ động, nắm bắt tình hình, tích cực chuẩn bị cuộc nổi dậy vượt ngục trở về với cách mạng, với nhân dân.

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là “Trung tâm huấn chính Biên Hòa” có diện tích 3600 mét vuông nằm cạnh quốc lộ I, cách trung tâm thị xã Biên Hòa khoảng 2 ki lô mét về phía đông. Đây là một trong sáu nhà tù lớn của địch ở miền Nam nước ta lúc bấy giờ.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, thực hiện chủ trương “tố cộng, diệt cộng” Mỹ - Diệm đã bắt hàng ngàn cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước từ khắp các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ về giam giữ tại đây. Đến trước thời điểm tháng 12 năm 1956 toàn bộ nhà tù Tân Hiệp có tất cả 1882 “tù nhân”, trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước nổi tiếng như kỹ sư Lê Văn Thả, các nhà báo, nhà văn Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Mại, Phạm Thị Lạng...

Đường dây liên lạc, giữa Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp với Ban Bình vận Xứ ủy được giữ vững đến tháng 10 năm 1956. Xứ ủy đã đồng ý chuyển liên lạc giữa Đảng ủy nhà tù đến Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa. Nhưng có một tình huống ngẫu nhiên xảy ra, do có tình báo chỉ điểm nên khi đồng chí Tư Long đưa đồng chí Út Trắng – người liên lạc của Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa – đến đầu cầu Gành (thị xã Biên Hòa) thì bị địch phát hiện và đồng chí Út Trắng bị sa vào tay giặc, nên Đảng ủy nhà tù không bắt được liên lạc với Tỉnh ủy Biên Hòa. Tuy nhiên đến tháng 11 năm 1956 mọi kế hoạch tổ chức nổi dậy phá khám Tân Hiệp đã được cơ bản hoàn tất. Đảng ủy hạ quyết tâm thực hiện chủ trương đã đề ra. Công tác chuẩn bị được tiến hành tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích được lập gồm những đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên huyện đội phó huyện đội Củ Chi (Sài Gòn) làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có sáu người do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuông được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ.

Giờ G, giờ nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định là vào chiều chủ nhật 2 tháng 12 năm 1956.

Đúng kế hoạch, 17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đã ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ xung kích áp sát những mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được bí mật hoàn toàn.

Lúc này tiết trời se lạnh. Mới 17 giờ 45 phút màn trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần, mặc quần đùi đi lại bên ngoài sân trại và tiếp cận mục tiêu. Số tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước đều đứng hoặc ngồi trước cửa tháp thòm chờ giờ hành động.

17 giờ 50 phút khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vào trại thì tiếng hô xung phong vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu không chế binh lính địch, tịch thu vũ khí. Cánh công nhà tù



được mở, anh em tù nhân từ các trại D, E, G ào ạt tuôn ra. Trước làn sóng người tràn ra như nước vỡ bờ, tên lính gác đang đứng bên ngoài cổng chính giương súng bắn, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Dòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Có một số anh em không được phổ biến trước cũng vội vàng chạy theo. Cả một không gian sôi sục trong tiếng hô xung phong vang dội. Tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bất ngờ vô cùng hốt hoảng, chỉ lo trốn chạy bảo toàn mạng sống nên chưa có hành động nào chống trả.

Theo chủ trương của Đảng ủy là không giết một tên lính nào của địch nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của chúng đối với những người còn lại hoặc không ra được. Khoảng 15 phút sau bọn địch mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi. Trước các làn đạn bắn xối xả, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn, bị thương và hy sinh khá nhiều. Gần 34 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước cổng trại, bên ngoài sân lạnh và ven bờ suối Sơn Máu. Nhà văn, nhà báo Dương Tử Giang cũng bị thương nặng và cố bò đến bên bờ suối thì hy sinh trên tay còn ghì chặt chiếc đàn ghi ta – người bạn và vũ khí của đồng chí suốt những ngày tháng bị giam cầm trong ngục tù của đế quốc. Tên Lộc, một công an, đồng thời là tài xế của giám đốc nhà tù, sau khi hoàn hồn hấn xách súng tiểu liên phóng ra lộ 1 và sân banh bắn chết tám đồng chí đang bị thương nằm rải rác bên ngoài.

Cuộc phá khám của tù nhân diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 8 giờ 30 phút toàn bộ tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, cho binh lính canh giữ nghiêm ngặt. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt, tên phó giám đốc trại giam phải chạy bộ đến bộ tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy một giờ sau cuộc nổi dậy, chúng mới báo động được đến các nơi trong thị xã. Đến 19 giờ binh lính bảo an cảnh sát địch mới đến tiếp cứu, tổ chức ổn định tình hình trại giam.

Khi được bọn chỉ huy trại giam cấp báo, các tên tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4, tiểu khu trưởng tiểu khu Biên Hòa, trưởng ty công an, trưởng ty hiến binh, tỉnh đoàn trưởng bảo an vội vã kéo đến hiện trường và cùng phối hợp lực lượng tổ chức hành quân truy bắt, đồng thời cho gom số bị thương (cả tù và địch) chở vào bệnh viện Biên Hòa cấp cứu và lấy khẩu cung. 19 giờ 30 phút, tên giám đốc công an Nam phần cùng với tên Mai Hữu Xuân, thiếu tướng tư lệnh “chiến dịch Trương Tấn Bửu” đến xem xét tình hình tại chỗ. Bọn chúng ra lệnh cho các lực lượng quân sự, công an các tỉnh, quận nhất là quanh khu vực thị xã Biên Hòa như Trảng Bom, Công Thành, Đức Tu triển khai lực lượng chốt chặn các nơi và tổ chức truy bắt tù nhân. Mặt khác chúng chỉ đạo cho ty hiến binh Biên Hòa gấp rút điều tra ngay các vụ vừa xảy ra liên quan đến cuộc nổi dậy phá khám.

Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí vượt ngục đã chia làm nhiều tốp bí mật tìm về căn cứ và cơ sở cách mạng ở các tỉnh. Trên đường trở về các đồng chí được nhân dân hết lòng đùm bọc, nuôi giấu, tiếp tế. Đây là cuộc nổi dậy phá khám có quy mô lớn nhất và thành công nhất trong tình hình miền Nam lúc bấy giờ. Kẻ địch dùng hỏa lực mạnh và tung lưới khắp nơi để săn đuổi đoàn vượt ngục. Nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh và bị thương, 462 đồng chí thoát được, trong đó có

hai nữ đã trở về được với Đảng và dân. Số vũ khí lấy được của địch gồm 41 khẩu súng các loại và đạn dược đã góp phần trang bị cho lực lượng vũ trang ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ trong những ngày đầu chuẩn bị cho phong trào diệt ác, phá tề, vũ trang khởi nghĩa tiến lên “đồng khởi” miền Nam.

Đầu năm 1957, Đề cương “Đường lối cách mạng miền Nam” và nghị quyết Xứ ủy được Liên Tỉnh ủy miền Đông triển khai quán triệt cho cấp ủy viên và các bộ chủ chốt các tỉnh trong đó có Biên Hòa. Thế nhưng do tình hình khó khăn, một số cấp Đảng trong tỉnh nhất là ở cấp cơ sở chậm được phổ biến, một số cấp ủy viên, đảng viên chưa dám mạnh dạn chuyển hướng đấu tranh.

Tuy vậy suốt mấy năm liền đấu tranh cách mạng đầy máu và nước mắt, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa ngày càng nhận thức rõ ràng hơn âm mưu thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, đồng thời cũng thấy rõ vấn đề đấu tranh vũ trang, sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng trong tỉnh.

Thực hiện chỉ thị 15 của Xứ ủy, tháng 2 năm 1957 Tỉnh ủy Biên Hòa đã tập hợp số cán bộ, đảng viên, đoàn viên lộ và một số cán bộ, chiến sĩ vượt ngục ở trại Tân Hiệp – Biên Hòa thành lập đại đội võ trang tuyên truyền lấy phiên hiệu là đại đội 380 (c380). Quân số ban đầu trên 60 chiến sĩ, biên chế thành hai trung đội. Sau đó bổ sung thêm một số chiến sĩ mới kể cả số 10 chiến sĩ đưa từ Long Thành lên và tổ chức thành ba trung đội, tổng số hơn 100 cán bộ, chiến sĩ. Ban chỉ huy gồm có: đồng chí Huỳnh Văn Viên (Ba Viên) đại đội trưởng, Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) chính trị viên, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) và Bảy Phú đại đội phó, vũ khí trang bị gồm một số súng lấy được từ trại giam Tân Hiệp – Biên Hòa và số súng do đồng chí Trần Văn Quý (Chín Quý) và Bảy Hội chôn giấu sau khi chuyển quân tập kết (1954), Địa bàn đứng chân hoạt động của đơn vị chủ yếu ở các xã Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc (huyện Tân Uyên). Sau khi thành lập đơn vị liên tục tổ chức các đợt võ trang tuyên truyền ở các xã ven chiến khu Đ và mở rộng sang các xã thuộc huyện Vĩnh Cửu và các xã phía nam huyện Tân Uyên.

Cuối năm 1957, Xứ ủy chủ trương xây dựng các khu căn cứ kháng chiến ở miền Đông. Ngoài các căn cứ lớn là căn cứ chiến khu Đ và chiến khu Dương Minh Châu, ở các tỉnh cũng hình thành một số căn cứ vệ tinh như khu căn cứ Rừng Sác ở Biên Hòa, khu căn cứ Mây Tàu, Rừng Lá ở Bà Rịa – Long Khánh...

Từ các khu căn cứ này, các đơn vị vũ trang của cấp trên phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương của tỉnh tổ chức một số trận đánh địch, tạo được tiếng vang lớn, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân đồng thời lấy vũ khí lương thực, tiền bạc của địch trang bị cho ta.

Ngày 10 tháng 3 năm 1957 trong lúc địch mở cuộc càn lớn vào chiến khu Đ, lực lượng vũ trang ta tổ chức tiến công trại Be (Biên Hòa). Đây là cơ sở khai thác gỗ rừng của Trần Lệ Xuân (vợ Ngô Đình Nhu) vừa để làm kinh tế, vừa có âm mưu về quân sự, phá chiến khu, án ngữ một vùng rộng lớn phía nam chiến khu Đ. Từ đây chúng ủa phá, mở nhiều đường để chia cắt vùng căn cứ. Địch sử dụng một tiểu đoàn bộ binh và tổ chức mạng lưới công an thám báo để bảo vệ. Chúng thường xuyên điều động hàng ngàn nhân công vào rừng khai thác gỗ và các loại lâm sản

khác. Quyết đập tan âm mưu phá rừng, phá căn cứ của địch, lực lượng ta tiến công trại Be, đánh tan hai đại đội khác, làm chủ cơ sở trại, phá hỏng và tịch thu 80 xe vận tải, thu vũ khí đủ trang bị cho một trung đội. Nghe chiến sĩ ta tuyên truyền giải thích rõ ràng âm mưu thủ đoạn của địch, đa số đồng bào làm be đồng tình bỏ về nhà.

Tiếp đó tháng 12 năm 1957 các đơn vị vũ trang miền Đông tổ chức phục kích địch ở Lò Than (Biên Hòa) diệt gọn một đại đội, đánh tan một tiểu đoàn khi chúng càn quét sâu vào căn cứ của ta.

Cuối năm 1957 Xứ ủy chủ trương tập hợp thống nhất xây dựng lực lượng vũ trang ở miền Đông. Tháng 1 năm 1958, đại đội 60, đại đội vũ trang tập trung đầu tiên của miền Đông Nam Bộ chính thức ra đời. Tiếp đó các đại đội 50, đại đội 70 cũng được thành lập. Đại đội 50 xây dựng căn cứ ở vùng Bù Cháp, Lý Lịch (Biên Hòa). Trong buổi đầu khó khăn thiếu thốn, đồng bào các dân tộc ChoRo, Stiêng đã hết lòng đùm bọc, cứu mang đơn vị. Họ san sẻ từng củ khoai, trái bắp, cùng bộ đội khai phá nương rẫy, tăng gia sản xuất, đóng góp một phần lương thực nuôi cán bộ, chiến sĩ các đơn vị, các cơ quan của Xứ ủy Nam Bộ và Liên Tỉnh ủy miền Đông. Giữa năm 1958, đại đội 60 tách ra một trung đội về chiến khu Đ hợp nhất với các đội vũ trang của tỉnh Biên Hòa và một bộ phận lực lượng Bình Xuyên thành lập đại đội 250 (c 250). Cũng trong thời gian này đại đội 40 cũng được thành lập tại Suối Cả (Long Thành – Biên Hòa).

Ở tỉnh Biên Hòa ngoài lực lượng vũ trang tập trung, các đội vũ trang các huyện, thị, du kích mật, tự vệ mật các xã cũng lần lượt được tổ chức.

Tháng 6 năm 1958, Bộ Chỉ huy Quân sự miền Đông Nam Bộ (tiền thân của Ban Quân sự Miền) được thành lập do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiên Quốc) chỉ huy, Lâm Quốc Đăng, phó ban.

Đối phó với phong trào và lực lượng cách mạng đang phát triển ở Biên Hòa, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và toàn miền Nam, địch ngày càng dần sâu vào những hành động tội ác vô cùng man rợ. Ngày 1 tháng 2 năm 1958 chúng dùng thuốc độc gây ra vụ thảm sát hàng trăm cán bộ đảng viên và đồng bào yêu nước ở nhà tù Phú Lợi (Thủ Dầu Một). Tháng 5 năm 1959 Ngô Đình Diệm công bố luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”. Chúng lê máy chém đi khắp nơi, chém giết cán bộ, đảng viên không cần xét xử.

Nhưng Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố tàn sát những người yêu nước thì càng làm tăng thêm lòng căm thù của nhân dân ta đối với chúng, ý chí cách mạng của cán bộ đảng viên được trui rèn, thử thách càng thêm kiên định.

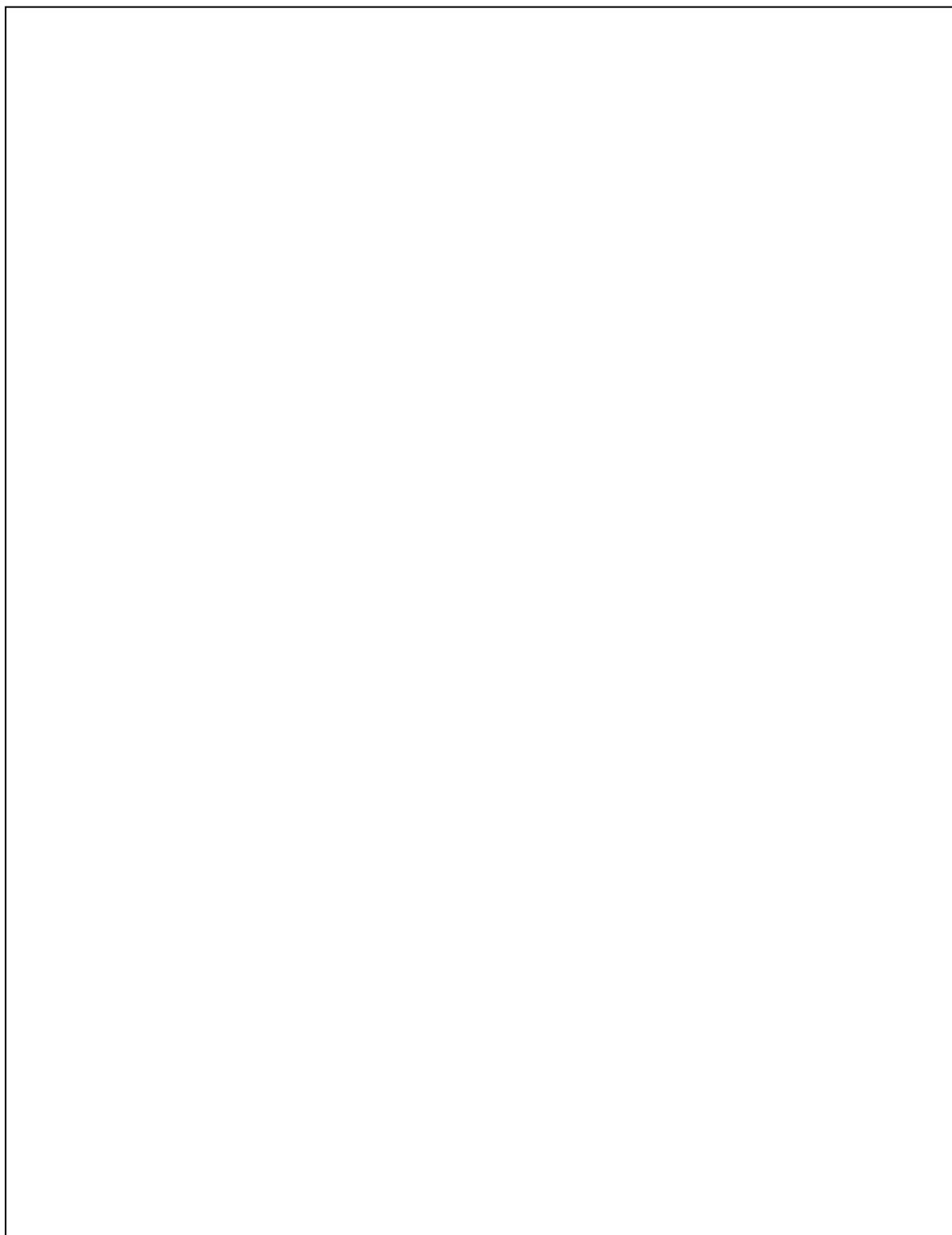
Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Biên Hòa vượt qua đau thương, tổn thất, dũng cảm bước vào cuộc đấu tranh với hình thức và nội dung mới chống trả lại quân thù, góp phần đưa phong trào cách mạng tiến lên.

\* \* \*

\*

**SƠ ĐỒ TRẬN TẬP KÍCH TRỤ SỞ PHẢI BỘ CỐ VẤN QUÂN SỰ MỸ  
(MAAG) Ở TÂN MAI, BIÊN HÒA**

*(Ngày 7 tháng 7 năm 1959)*



Từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) nhất là từ năm 1956 đến năm 1959 là một thời kỳ ác liệt của cách mạng miền Nam. Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã vượt qua những thử thách khắc nghiệt đầy máu và nước mắt. Hàng ngàn đồng bào đồng chí bị bắt bớ tù đày, hàng trăm đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Tuy vậy suốt trong thời gian đó tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn kiên định lập trường, giữ vững ý chí chiến đấu. Trong thực tiễn cách mạng ở địa phương một số đồng chí cấp ủy viên, đảng viên đã tỏ rõ tình chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Điều đó thể hiện qua các trận bí mật diệt ác trừ gian, các hoạt động vũ trang tuyên truyền và đặc biệt là vấn đề chủ động xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ đánh trả quân thù, bảo vệ cơ sở cách mạng, chuẩn bị điều kiện cho cao trào cách mạng ở miền Nam.

## II. LÀM NÒNG CỐT TRONG PHONG TRÀO KHỞI NGHĨA:

Mỹ - Diệm gây ra muôn vàn tội ác đối với nhân dân miền Nam. Sự căm hờn của nhân dân ta đã lên đến tột đỉnh. Đau thương uất hận đã đè nặng lên khắp mọi gia đình, khắp xóm ấp, đồn điền cao su, đô thị... Đã đến lúc phải đứng lên cầm vũ khí chiến đấu giải phóng quê hương. Nguyện vọng thiết tha bức xúc đó đã trở thành ý nguyện của toàn Đảng, toàn dân.

Tháng 1 năm 1959, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15 đề ra đường lối cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Sau khi phân tích tình hình phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam trong những năm qua, xác định rõ bản chất độc tài, hiếu chiến, quân phiệt và tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm tay sai đế quốc Mỹ, nghị quyết khẳng định: *“Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực, theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì đường lối dùng bạo lực là: lấy sức mạnh quân chúng, dựa vào sức mạnh chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhiều hoặc ít, tùy theo tình hình, để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân...”*<sup>(1)</sup>

Tháng 2 năm 1959 đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ nhận được điện của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nội dung cơ bản của Nghị quyết 15.

Tháng 2 năm 1959, trong lúc Nghị quyết 15 chưa được chính thức phổ biến trong các cấp bộ Đảng ở miền Nam, Liên Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Quân sự miền Đông, Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa đã chủ động bàn kế hoạch tổ chức đánh một đòn phủ đầu vào các cơ quan đầu não của Mỹ, ngụy. Điểm được chọn là phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy cưa BIF – thị xã Biên Hòa.

Đại đội 250 được giao nhiệm vụ này. Đây là đơn vị vũ trang chủ lực của Ban Quân sự khu miền Đông. Phần lớn cán bộ, chiến sĩ của đơn vị là con em của tỉnh Biên Hòa.

---

<sup>1</sup>. Trích Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15. Tài liệu lưu Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng Đồng Nai.

Cuối tháng 6 năm 1959 Ban Quân sự miền Đông thông qua phương án trận đánh. Một bộ phận đại đội 250 gồm sáu chiến sĩ do đồng chí Năm Hoa chỉ huy và là mũi chủ công. Lực lượng tự vệ mật thị xã do đồng chí Trương Văn Lễ (Ba Lễ) Bí thư Thị ủy trực tiếp chỉ huy phối hợp ở vòng ngoài giữ nhiệm vụ kiểm chế trung đội lính gác và chặn viện... Thời gian trận đánh được chọn ngày 7 tháng 7 năm 1959 là ngày nguy quyền Sài Gòn tổ chức trọng thể cái gọi là lễ “kỷ niệm đệ ngũ chu niên”, ngày Ngô Đình Diệm được chủ Mỹ đưa về miền Nam làm thủ tướng bù nhìn.

Đêm 5 tháng 7 từ chiến khu Đ, cán bộ, chiến sĩ bộ phận đại đội 250 về đến Gò cây Trâm Muối xã Tân Phong. Đêm 6 tháng 7 ta ém quân ở vạt rừng chòi Gò Me, ấp Tân Thành cách nhà máy cưa BIF (Nhà Xanh) vài trăm mét.

19 giờ tối ngày 7 tháng 7 năm 1959, các chiến sĩ và lực lượng tự vệ mật thị xã đã triển khai đội hình, tiếp cận các mục tiêu đã định, 19 giờ 15 phút trận tập kích bắt đầu. Sau hơn 10 phút nổ súng tiến công ta đã diệt hai tên cố vấn Mỹ và bắn bị thương một số tên khác. Đây là hai quân nhân Mỹ được coi là những người lính chết trận đầu tiên, trong chiến tranh Việt Nam (sau năm 1954).

Trận đánh diễn ra chớp nhoáng, tất cả các đơn vị địch đều không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cơ sở. Theo phương án đã vạch sẵn bộ đội ta rút về chiến khu an toàn. Các tự vệ mật cũng nhanh chóng phân tán về các địa điểm tập kết, giấu vũ khí, thay đổi trang phục trở lại cuộc sống bình thường của người dân phố thị.

Trận đánh Mỹ ở nhà máy cưa BIF (Biên Hòa) là trận đánh Mỹ đầu tiên của quân dân miền nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Cuối năm 1959 phong trào cách mạng ở tỉnh Biên Hòa bước vào một cuộc thử thách lớn, thực lực cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng do sự phản bội, đầu hàng của một số cán bộ, đảng viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 1959, tên B., nguyên phó bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu, trưởng ban giao liên tỉnh Biên Hòa mất khí tiết ra đầu hàng giặc, dẫn bọn ác ôn, công an, cảnh sát nguy truy lùng bắt bớ cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng khắp nơi trong tỉnh.

Trước đó không lâu, các tên Đoàn Tr (Tur), cán bộ binh vận huyện Vĩnh Cửu và Võ Hà T (Tur), bí thư huyện ủy Long Thành cũng đầu hàng giặc. Kết hợp với nhau, bọn chúng nhanh chóng trở thành những tên tay sai đắc lực của giặc, những tên phản bội cực kỳ nguy hiểm đối với phong trào cách mạng ở địa phương. Chỉ trong vòng mấy tháng cuối năm 1959 bọn chúng đã chỉ điểm cho giặc bắt hơn 300 cán bộ, đảng viên và cơ sở cách mạng ở tỉnh Biên Hòa trong đó có cả đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Ngô Bá Cao.

Thực lực cách mạng trong tỉnh bị tổn thất nặng nề. Có thể nói chưa bao giờ phong trào cách mạng ở Biên Hòa khó khăn nghiêm trọng như lúc bấy giờ. Hàng chục cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện bị giặc giết hại, bắt bớ, tù đày, ở hầu hết các

xã, ấp không còn chi bộ, chỉ còn đảng viên lẻ hoạt động trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, ác liệt, sống chết kề bên.

Tháng 9 năm 1959, hội nghị Xứ ủy Nam Bộ mở rộng (đến Bí thư Tỉnh ủy) được triệu tập tại Trảng Chiên vùng căn cứ Bắc Tây Ninh nhằm quán triệt nghị quyết Trung ương lần thứ 15 và đề ra phương hướng thực hiện nghị quyết trong tình hình thực tế ở Nam Bộ. Xứ ủy đề ra cho toàn Đảng bộ Nam Bộ phải nhanh chóng phát triển lực lượng vũ trang để làm nòng cốt cho toàn dân đồng loạt khởi nghĩa.

Tiếp đó những tháng cuối năm 1959 đầu năm 1960, Liên Tỉnh ủy miền Đông trực tiếp là các đồng chí Nguyễn Văn Chí, phó bí thư, Đoàn Văn Chánh, Nguyễn Văn Đào, Lê Văn Cây, ủy viên Liên tỉnh ủy... lần lượt về các tỉnh triệu tập hội nghị Tỉnh ủy mở rộng nhằm triển khai kế hoạch nổi dậy vũ trang khởi nghĩa ở các địa phương.

Nghị quyết đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng đang được nhóm lên ở miền Nam. Phong trào đấu tranh cách mạng như ngọn thủy triều mỗi ngày một dấy lên cuộn cuộn, nhanh chóng chuyển sang thế phản công áp đảo quân thù.

Từ ngày 17 tháng 1 năm 1960, Tỉnh ủy Bến Tre phát động tuần lễ toàn dân “đồng khởi” phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở nông thôn, xây dựng chính quyền cách mạng ở xã ấp. Đặc biệt chiến thắng Tua Hai (Tây Ninh) ngày 26 tháng 1 năm 1960 đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở Biên Hòa. Đầu tháng 2 năm 1960 tại rừng Thái Hòa (Tân Uyên) Tỉnh ủy Biên Hòa họp hội nghị mở rộng để triển khai Nghị quyết 15 và nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ.

Hội nghị đã quán triệt sâu sắc Nghị quyết 15 và nhất trí cao chủ trương xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang, sử dụng lực lượng vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị. Hoạt động vũ trang hỗ trợ quần chúng nổi dậy khởi nghĩa.

Căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh Biên Hòa là địch đã tổ chức, xây dựng bộ máy kềm kẹp mạnh từ tỉnh đến xã ấp, về ta tuy bị tổn thất cán bộ, đảng viên bị địch bắt nhiều nhưng thuận lợi là mỗi huyện và xã vẫn còn một số cán bộ, đảng viên và cơ sở quần chúng nhất là nhân dân thì rất căm thù địch. Tỉnh ủy chủ trương nơi nào có thực lực và có điều kiện ta phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, trấn áp bọn phản cách mạng. Kết hợp lực lượng vũ trang của tỉnh đưa xuống, tổ chức diệt bọn ác ôn có nhiều nợ máu, không diệt tràn lan. Họp dân bắt bọn chỉ điểm, bọn đứng đầu các tổ chức chính trị phản động, bọn tề áp tự thú và xin tha tội trước nhân dân, qua đó hạ uy thế địch. Vận động thanh niên tham gia cách mạng, xây dựng du kích xã, phát triển bộ đội huyện, tỉnh.

Căn cứ vào tình hình trên, Tỉnh ủy chỉ đạo trong lúc địch đang bị căng kéo đối phó ở nhiều nơi, ta cần sử dụng ngay lực lượng vũ trang của tỉnh tiến hành một đợt vũ trang tuyên truyền, trọng điểm là các xã vùng chiến khu Đ thuộc huyện Tân Uyên. Đồng thời khẩn trương chuẩn bị lực lượng mở rộng địa bàn hoạt động xuống vùng giáo ranh huyện Vĩnh Cửu, bắt liên lạc với các đồng chí ở huyện Long Thành.

Đầu tháng 3 năm 1960 với sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, nhân dân các xã Thường Lang, Tân Tịch, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc do đồng chí Ba Tình, Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy huyện Tân Uyên trực tiếp chỉ đạo đã đồng loạt nổi dậy, đốt phá trụ sở tề ngụy, diệt bọn ác ôn. Làn sóng khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng khắp vùng. Chỉ trong một thời gian ngắn ta đã giành quyền làm chủ trên một vùng rộng lớn, tạo được bàn đạp để tiến xuống vùng sâu. Hàng chục nam nữ thanh niên hăng hái gia nhập bộ đội tỉnh, huyện và du kích các xã.

Phát huy thắng lợi, lực lượng vũ trang tỉnh chia làm hai mũi tiến công xuống vùng giáp ranh để hỗ trợ phát động quần chúng nhân dân nổi dậy. Một mũi ở phía Bắc sông Đồng Nai cặp tỉnh lộ 16, tiếp cận thị xã Biên Hòa (Tân Hiệp, Bình Trị, Hóa An, Tân Hạnh...). Một mũi ở phía Nam sông Đồng Nai cặp lộ 24 và sân bay Biên Hòa (Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Bình Hòa, Bình Long, Bình Ý). Mở đầu ta diệt tên xã Phiên ác ôn ở thị xã Bình Trị, tên Báo mật thám địch ở xã Tân Hiệp làm thổi động bọn tề ngụy ác ôn các xã xung quanh, tác động dây chuyền từ xã này đến xã khác.

Thực hiện phương châm “diệt một rã mười”, vừa đánh, vừa khuếch trương lực lượng, phong trào vũ trang khởi nghĩa phát triển nhanh, mạnh, khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân lên cao.

Cũng trong thời gian này đồng chí Nguyễn Trọng Cát (Ba Đắc) phó Bí thư Tỉnh ủy cùng với một tiểu đội vũ trang xuống Long Thành. Tại khu rừng Bàu Bông đồng chí đã phổ biến tình hình, triển khai nội dung Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, nghị quyết của Tỉnh ủy tỉnh Biên Hòa về việc vũ trang khởi nghĩa cho cán bộ, đảng viên chủ chốt của huyện...

Phong trào đấu tranh vũ trang được mở ra đã tạo nên một niềm phấn khởi to lớn trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Huyện ủy chỉ đạo gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang huyện và du kích các xã để làm nòng cốt cho phong trào vũ trang khởi nghĩa. Đơn vị 19/5 (bộ đội địa phương huyện được thành lập). Số vũ khí chôn giấu từ năm 1954 tại cánh đồng Bàu Bùng, kênh Ngọn Bát, kênh Cá Tràm, rạch Bàu Cỏ... được bí mật đào lên để trang bị cho bộ đội và du kích. Các xã trong một thời gian ngắn đều xây dựng được các tiểu tổ du kích từ ba đến năm đồng chí, cá biệt có một số xã như Phước Thọ, Phước An đã phát triển hơn một tiểu đội.

Sau ba tháng tích cực củng cố và phát triển lực lượng cách mạng huyện Long Thành quyết định phát động nhân dân các xã nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, giành quyền làm chủ xã ấp. Mở đầu phong trào diệt ác phá kềm, giữa tháng 8 năm 1960 lực lượng huyện kết hợp với du kích xã Phước An tổ chức diệt tên Mười Hiếm (đại úy an ninh nha đặc cảnh miền Đông). Một tuần lễ sau, du kích xã Phú Hội tiếp tục diệt tên giáo Lưu, một tên chỉ điểm nguy hiểm ở vùng ven lộ 17.

Những trận diệt ác mở màn thắng lợi đã tác động lớn đến phong trào cách mạng trong toàn huyện, tạo được khí thế sôi sục nổi dậy khắp nơi.



Tháng 9 năm 1969 hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một lại được quyết định sáp nhập thành tỉnh Thủ Biên. Đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) được phân công về làm bí thư ban cán sự huyện Vĩnh Cửu kiêm huyện đội trưởng và chính trị viên huyện đội. Các đồng chí Năm Khiết và Tám Sơn huyện đội phó. Một tiểu đội vũ trang tinh do đồng chí Nguyễn Tiến Đạm (Hai Đạm) chỉ huy cũng được tăng cường cho huyện.

Đêm 29 tháng 12 năm 1960 Ban Cán sự huyện Vĩnh Cửu tổ chức một cuộc mít tinh lớn ở xã Thiện Tân để chào mừng sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đại diện nhân dân các xã Tân Định, Lợi Hòa, Đại An, Bình Long, Tân Phú... về dự lễ.

Liên tiếp những tháng sau đó, bộ đội huyện, bộ đội tỉnh mở nhiều đợt võ trang tuyên truyền, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền làm chủ. Hàng trăm nam nữ thanh niên hăng hái thoát ly tham gia kháng chiến. Thực lực cách mạng phát triển nhanh chóng. Các đội du kích kể cả du kích mật, tự vệ mật được tổ chức, xây dựng hầu khắp các xã trong huyện.

Ở thị xã Biên Hòa, đội vũ trang tuyên truyền cũng được củng cố tổ chức lực lượng tự vệ mật được xây dựng và phát triển ở khu vực nội ô thị xã, với hàng chục đội viên.

Sau các trận diệt ác, các đợt vũ trang tuyên truyền rầm rộ của quân và dân ta ở các địa phương trong tỉnh nhất là vùng giáp ranh huyện Vĩnh Cửu, bọn tề ngụy ở thị xã Biên Hòa và các xã vùng ven Hiệp Hòa, Bửu Hòa, Bửu Long, Tân Phong... bị thổi động mạnh. Chúng co lại trong tâm trạng hoang mang lo sợ. Tại xã Hóa An, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tỉnh, quần chúng nhân dân đã nổi dậy bắt bọn tề ngụy và tổ chức mít tinh buộc bọn chúng phải nhận tội trước nhân dân, không làm tay sai cho Mỹ, ngụy.

Phong trào cách mạng ở thị xã Biên Hòa nhanh chóng được phục hồi và phát triển.

\* \* \*

\*

Từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ đến cuối năm 1960 cùng với toàn Miền, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa đã trải qua một thời kỳ đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh với kẻ thù mới là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Từ trong máu lửa của cuộc đấu tranh đó, lực lượng vũ trang tỉnh (bao gồm bộ đội địa phương, du kích và tự vệ mật) đã được hình thành và phát triển do nhu cầu thực tiễn ở địa phương và quy luật vận động của cách mạng.

Ở Biên Hòa mặc dù có nhiều khó khăn phức tạp, nhưng lực lượng vũ trang tỉnh ra đời khá sớm và theo đó là các hoạt động vũ trang tuyên truyền cũng đã xuất hiện dưới nhiều hình thức phong phú đa dạng. Điều đó được thể hiện bằng các chủ trương, nghị quyết của Đảng với tính chủ động, sáng tạo, dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và quần chúng cốt cán.

Quá trình hình thành và phát triển lực lượng vũ trang ở Biên Hòa cũng đi dần từng bước từ nhỏ đến lớn, song cũng có những bước chuyển đột biến, nhất là từ khi Nghị quyết 15 của Đảng ra đời.

Từ đầu năm 1960 với đội ngũ cán bộ, đảng viên ít ỏi và lực lượng vũ trang nhỏ bé ban đầu, quân dân Biên Hòa đã anh hùng nổi dậy, xoay chuyển tình thế, từng bước xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng bao gồm lực lượng chính trị và vũ trang, tiến hành vũ trang khởi nghĩa.

Với lực lượng vũ trang làm nòng cốt, hoạt động vũ trang tuyên truyền làm đòn xeo, quân dân Biên Hòa đã giành nhiều thắng lợi to lớn trong phong trào “đồng khởi”, diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ xã ấp.

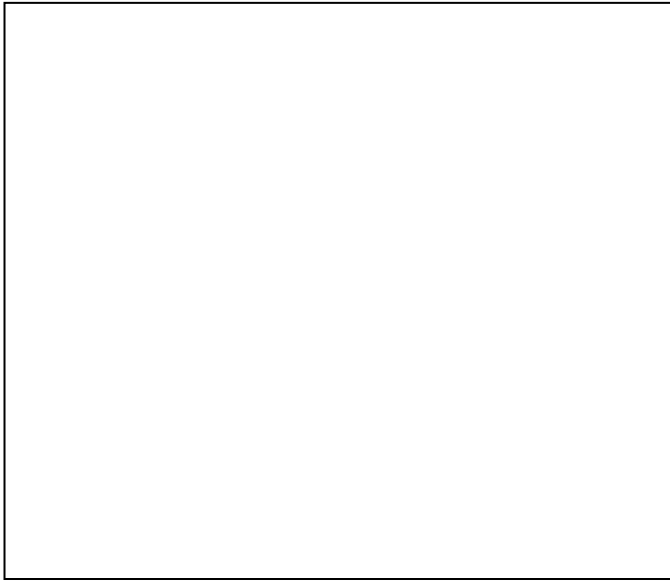
# **I. MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH ĐỒNG NAI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CHỐNG MỸ**



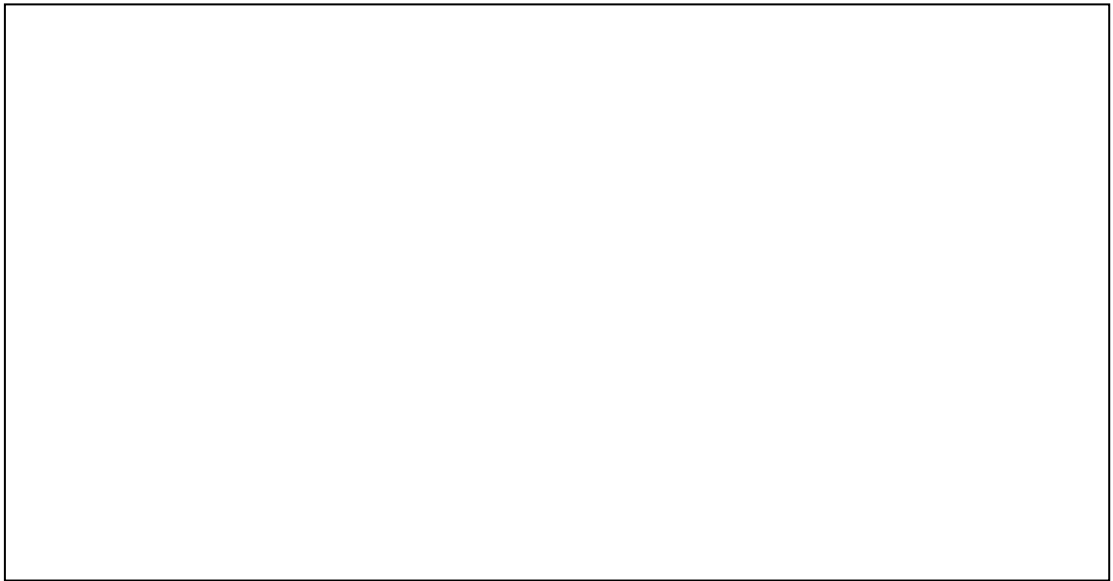
Lực lượng vũ trang Biên Hòa phục kích địch  
tại mặt trận Xuân Lộc đầu năm 1946



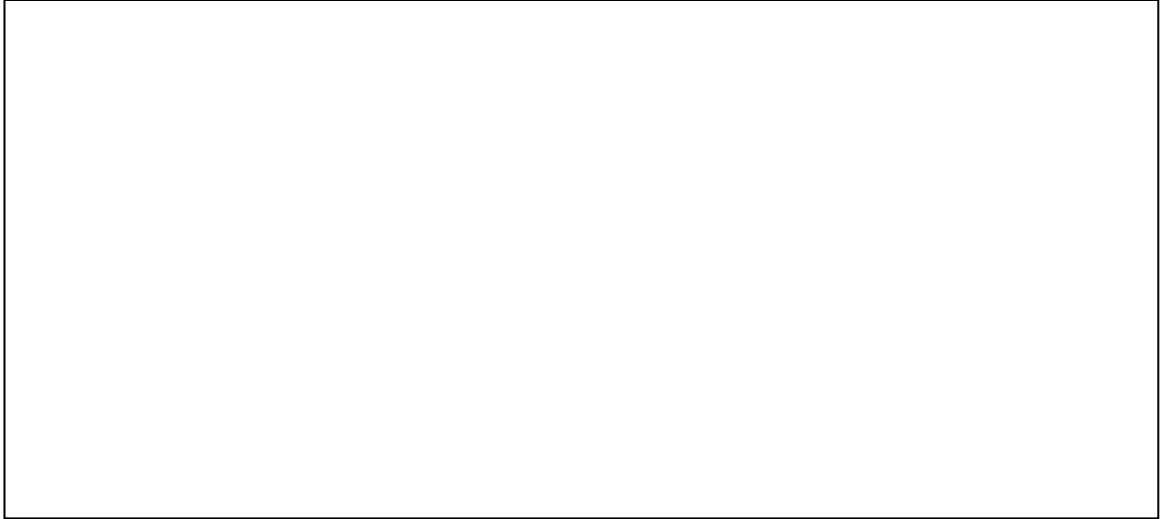
Một buổi luyện tập quân sự của Chi đội 10 tại chiến khu Đ



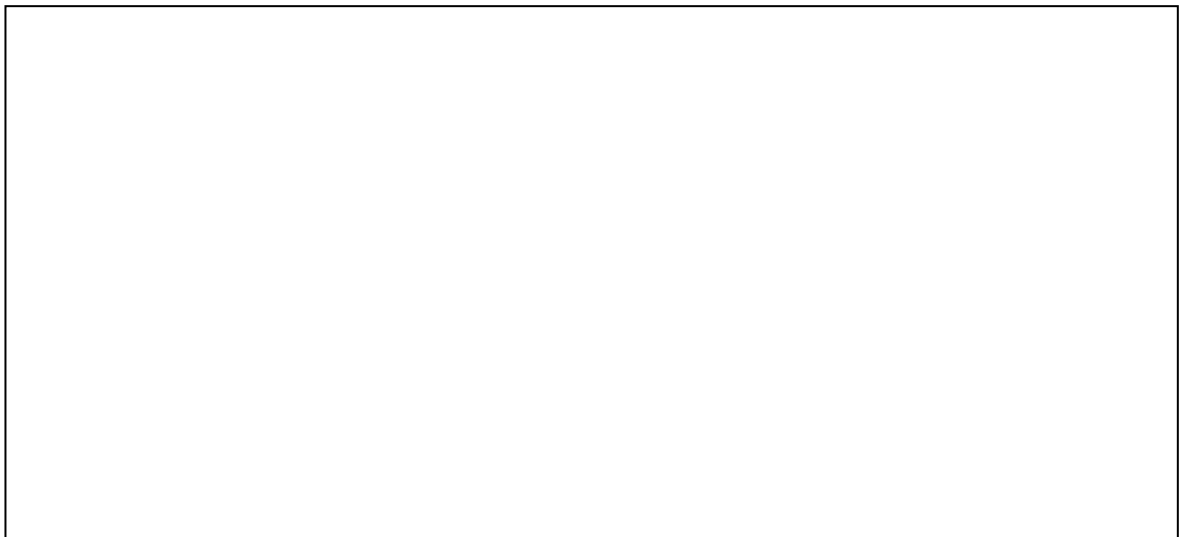
Một số đồng chí nguyên là chỉ huy Chi đội 10 – từ trái: đồng chí Võ Cương, Lê Văn Ngọc, Lương Văn Nho, Cao Văn Bỏ, Nguyễn Văn Lung.



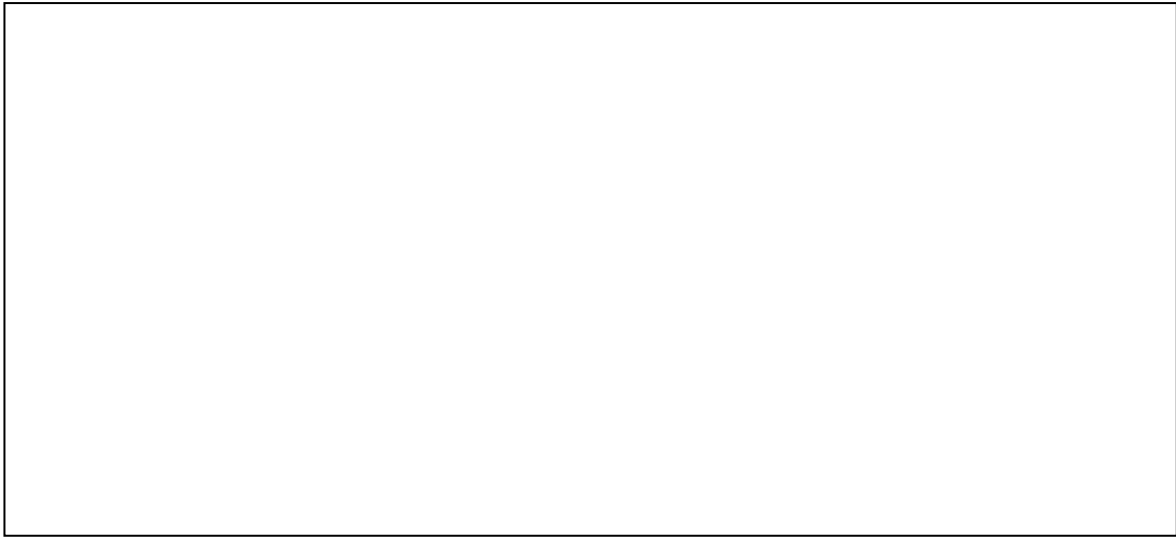
Thu vũ khí trong trận đánh xe lửa ở Bà Cáp 1947.



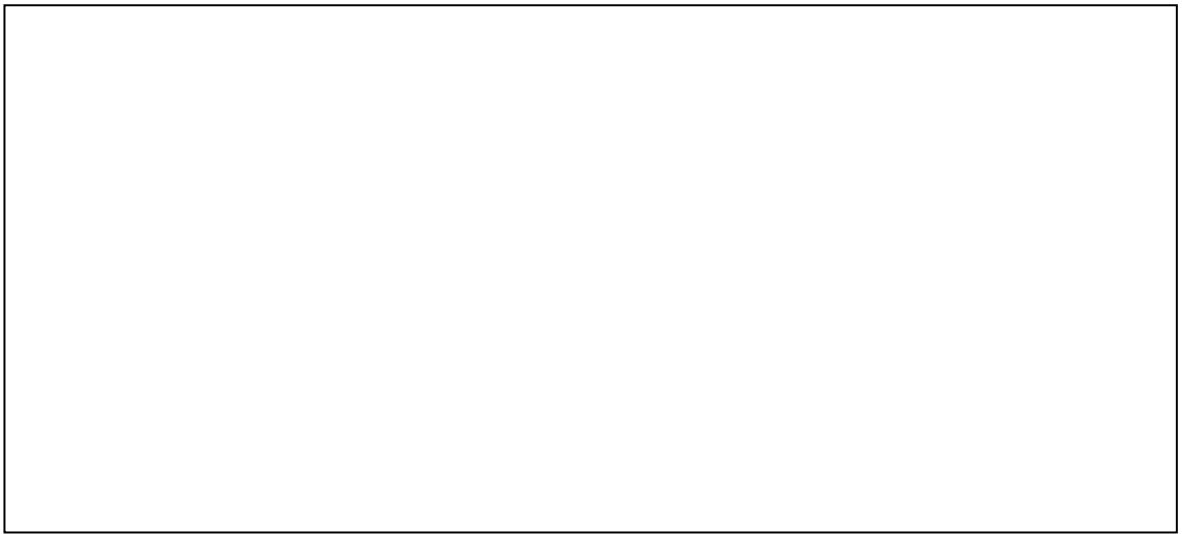
Chuẩn bị trận địa phục kích trong trận đánh xe lửa tại Bảo Chánh năm 1947.



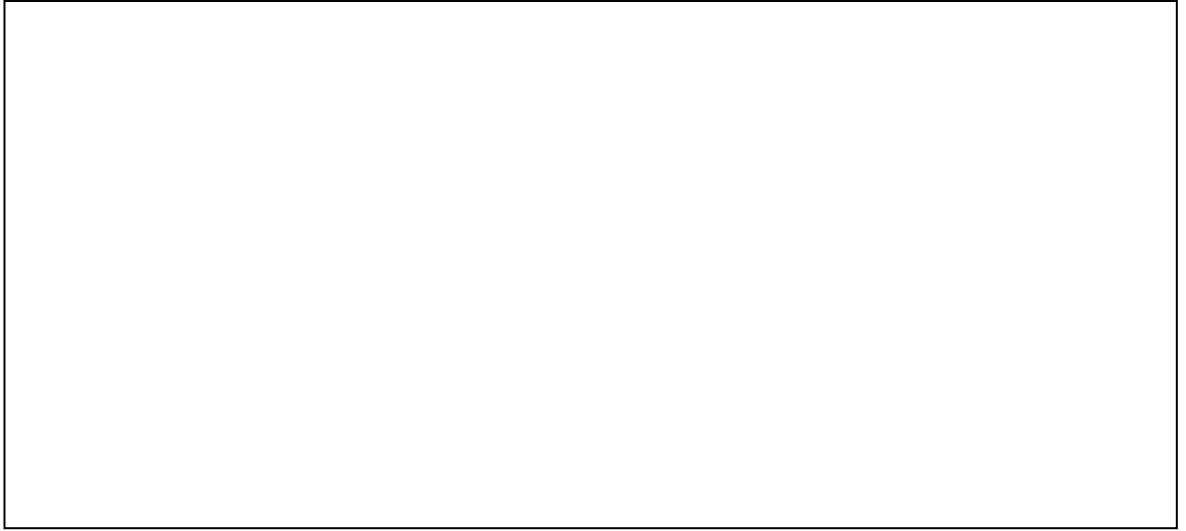
Làm chủ trận địa trong trận tập kích trong trận đánh La Ngà ngày 1 tháng 3 năm 1948.



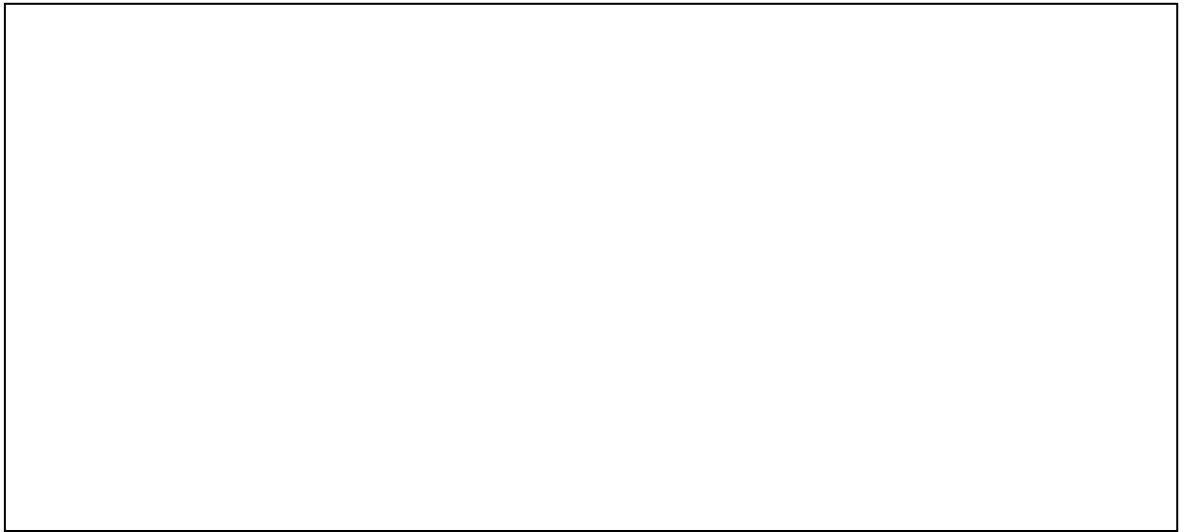
Đồn Ông Quế bị ta tiến công năm 1948

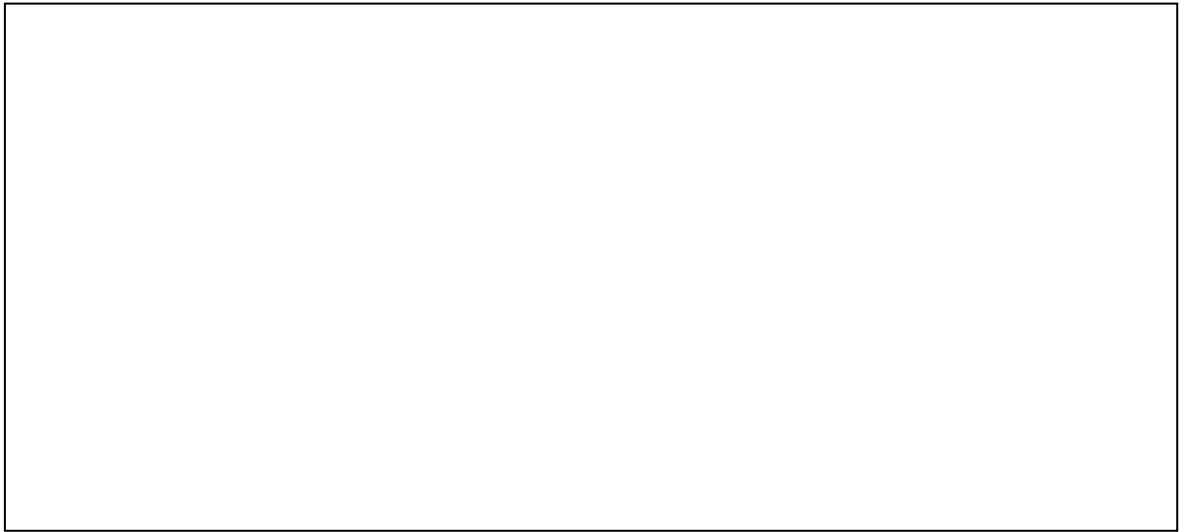


Một buổi họp mặt Vệ quốc đoàn tại chiến khu Đ năm 1949.



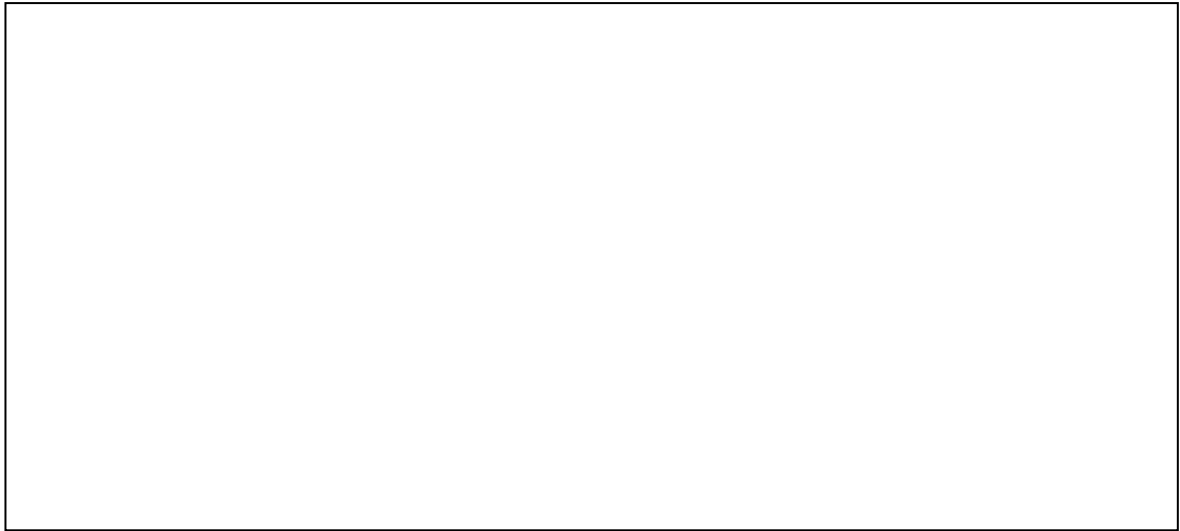
Bộ đội Thủ Biên hành quân từ chiến khu Đ về Xuyên Mộc để tập kết ra miền Bắc, tháng 8 năm 1954.



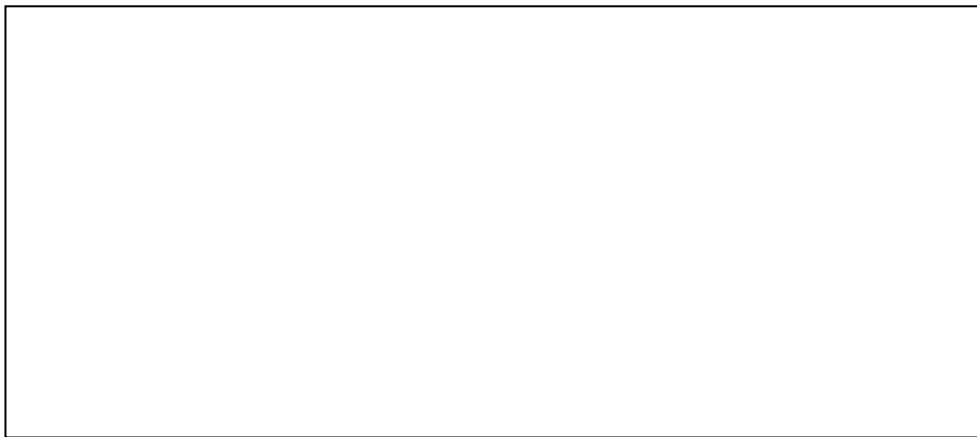


Đội du kích xã Bình Lộc.

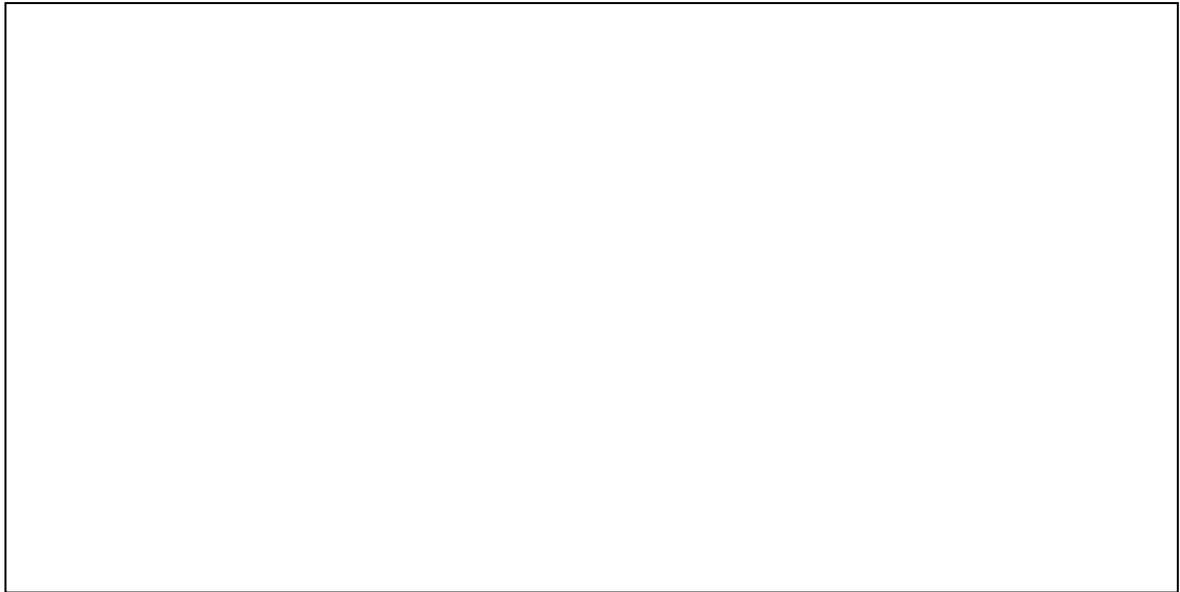




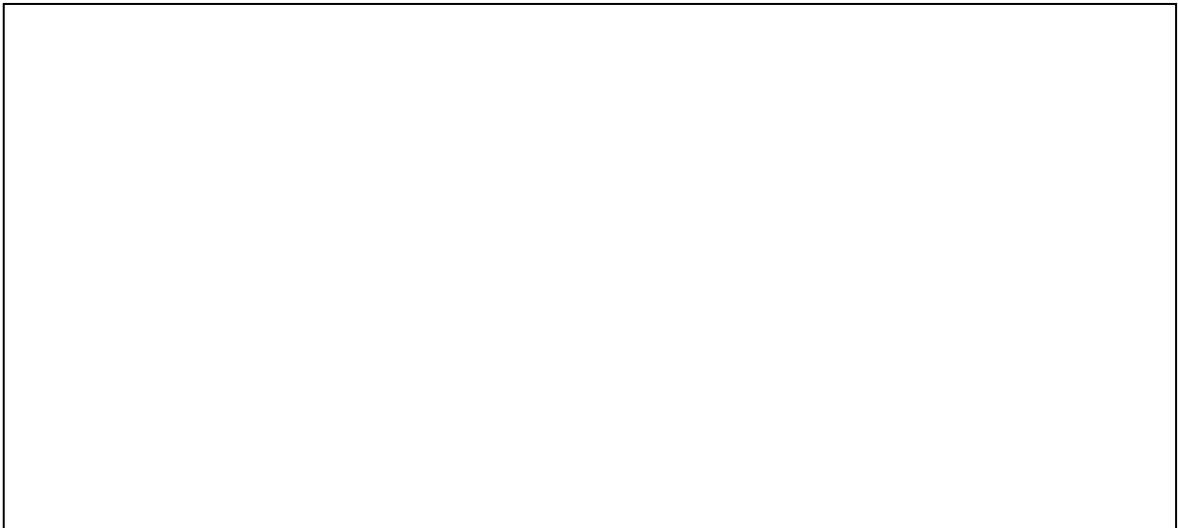
Ban chỉ huy đội Long Khánh, ban chỉ huy xã đội và du kích Bảo Vinh tại căn cứ.



Du kích xã Bảo Chánh lấy đạn địch chế tạo mìn đánh địch



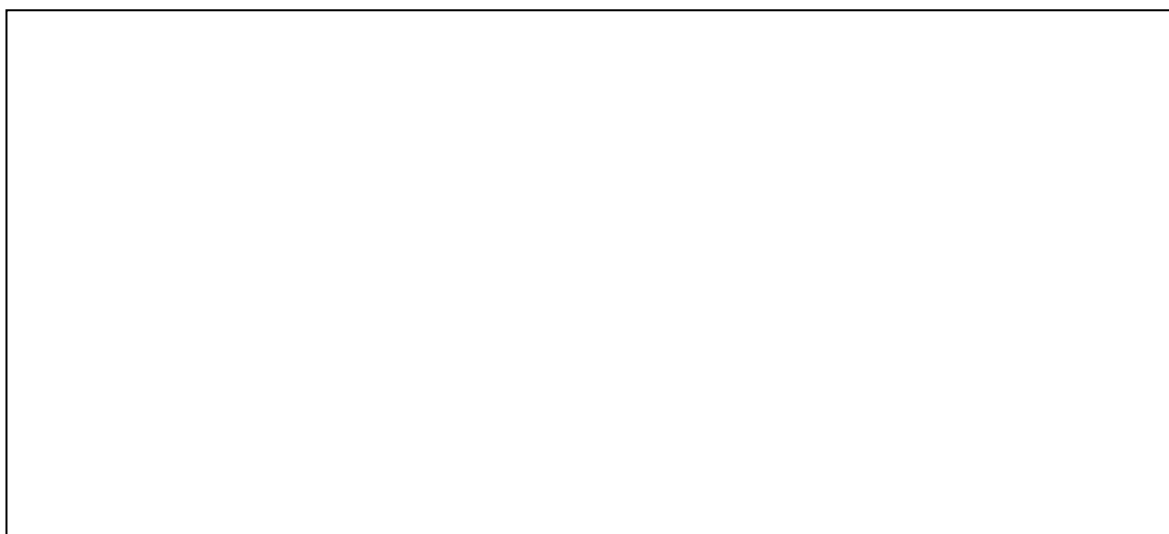
Đảng ủy Bộ Tư lệnh hướng đông nam Sài Gòn tổ chức hội nghị thông qua chiến dịch mùa khô 1974 – 1975.



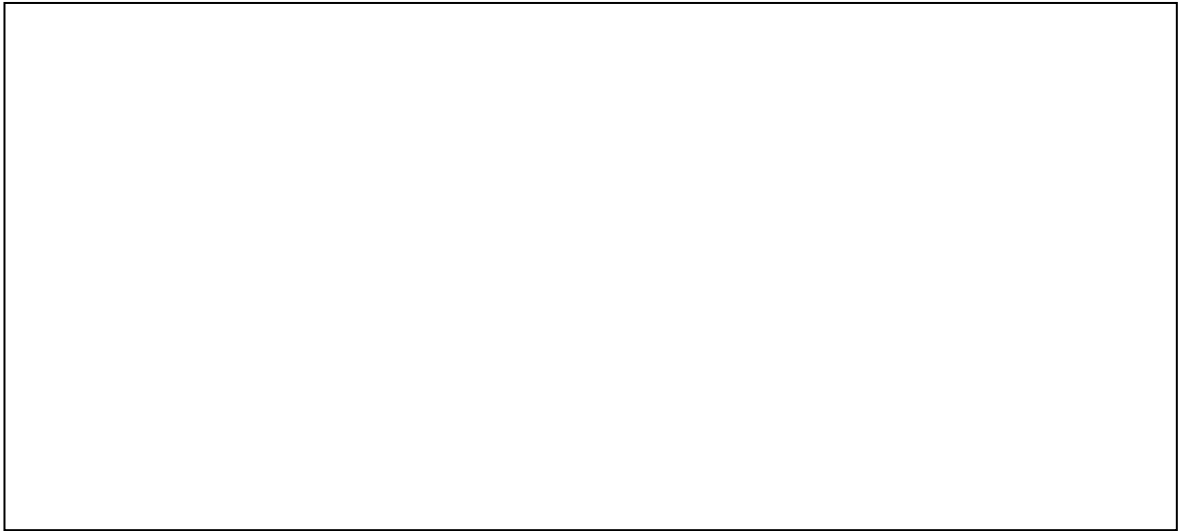
Bộ đội vượt sông La Ngà tiến về mặt trận Xuân Lộc.



Đánh chiếm căn cứ hành quân của quân nguy tại Bình Đa.



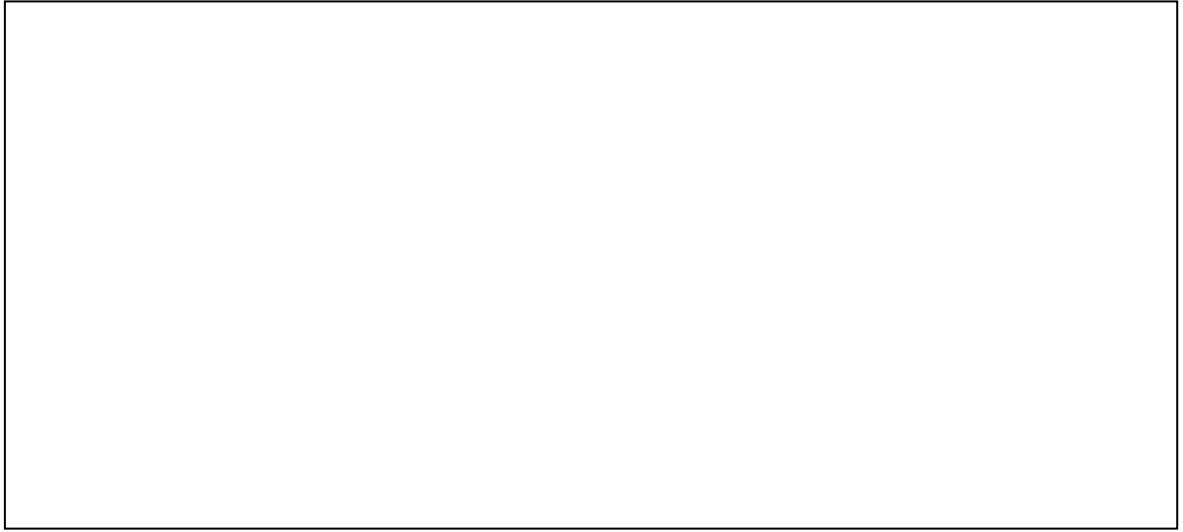
Một số đồng chí trong Ban chấp hành tại Tỉnh ủy Biên Hòa tại chiến khu Đ  
tháng 2 năm 1975.



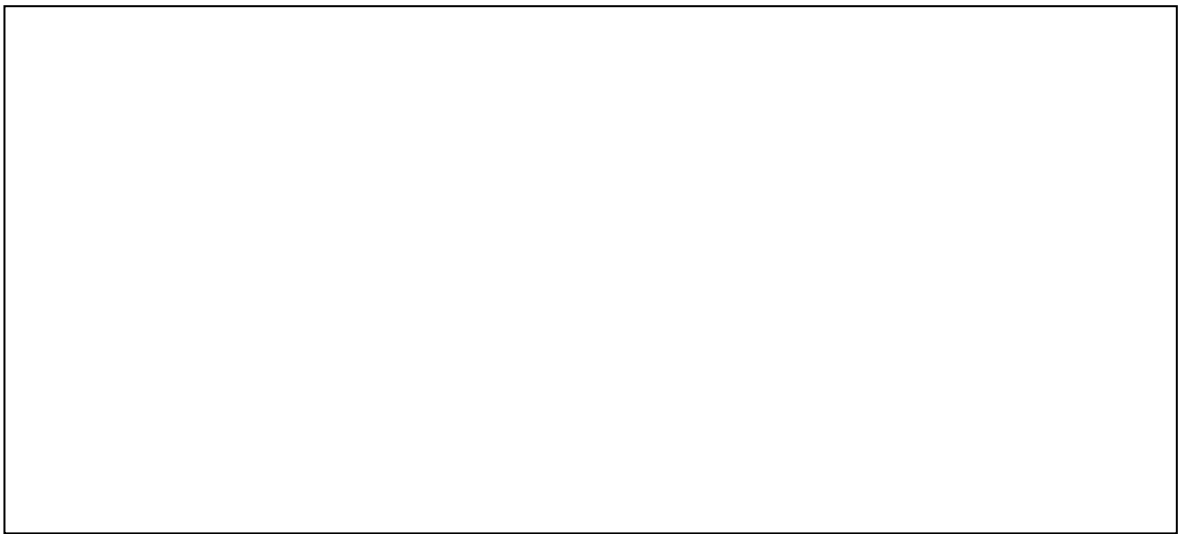
Tiến công giải phóng chi khu Định Quán tháng 3 năm 1975.



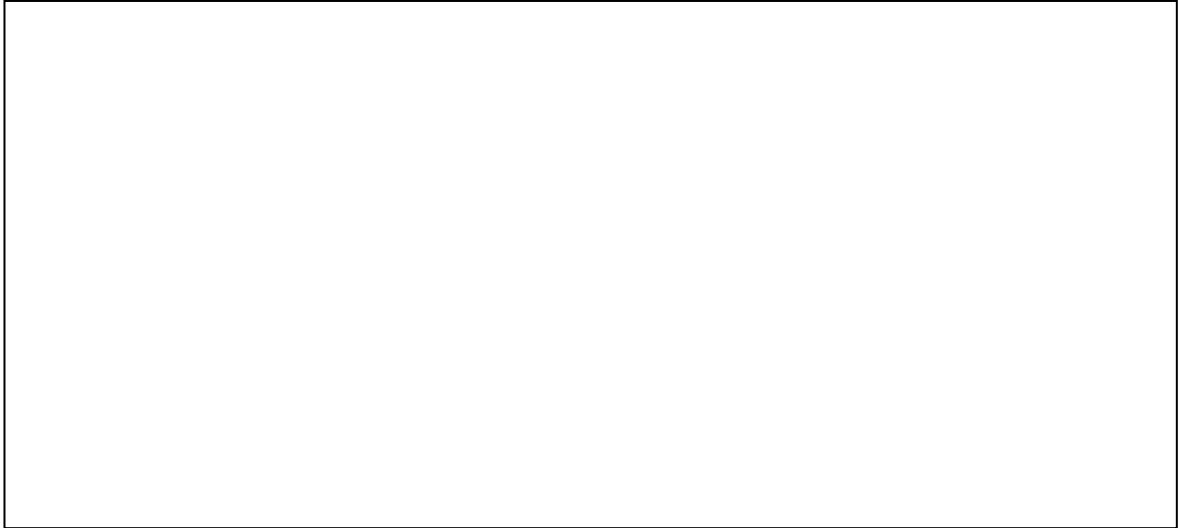
Cắm cờ giải phóng trên nóc cơ quan ngục quyền thị xã Long Khánh ngày 21 tháng 4 năm 1975.



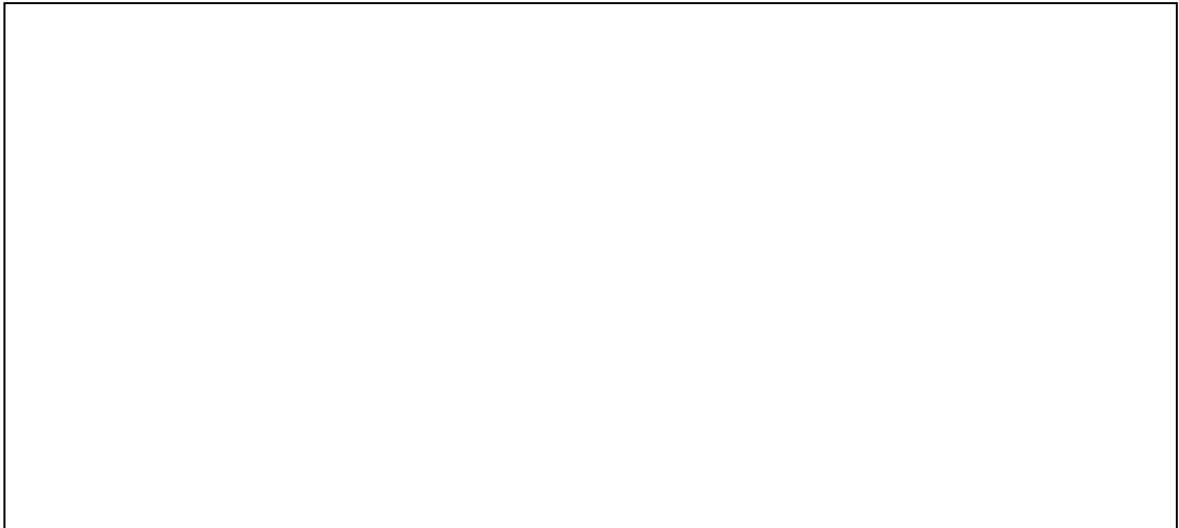
Đánh chiếm thị trấn Long Thành ngày 26 tháng 4 năm 1975.



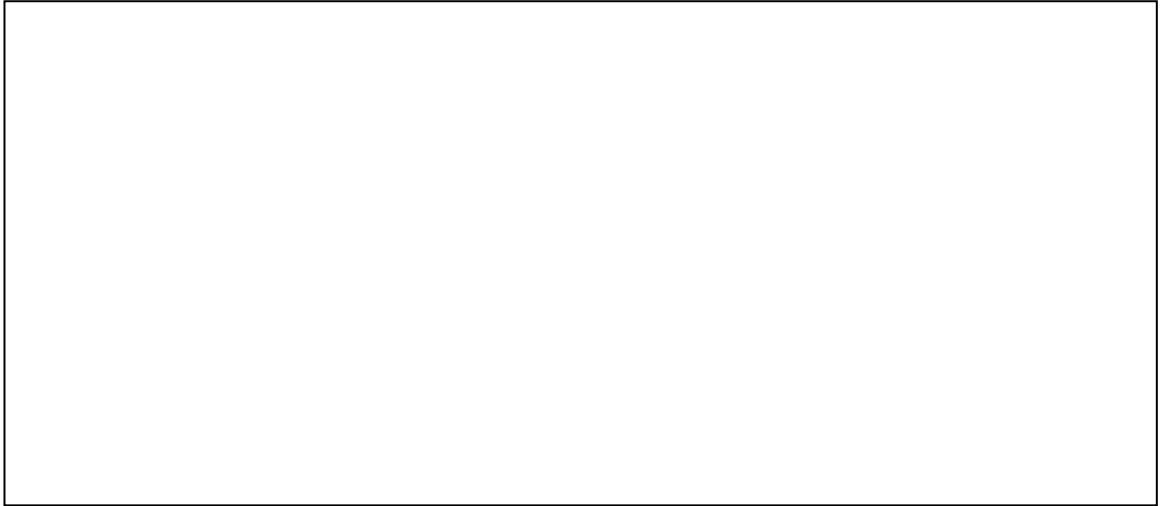
Tiến công sân bay Biên Hòa ngày 30 tháng 4 năm 1975.



Sư đoàn 6 đánh chiếm sở chỉ huy quân đoàn 3 vùng 3 chiến thuật ngụy tại thị xã Biên Hòa ngày 30 tháng 4 năm 1975.



Đánh chiếm toàn hành chính Biên Hòa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

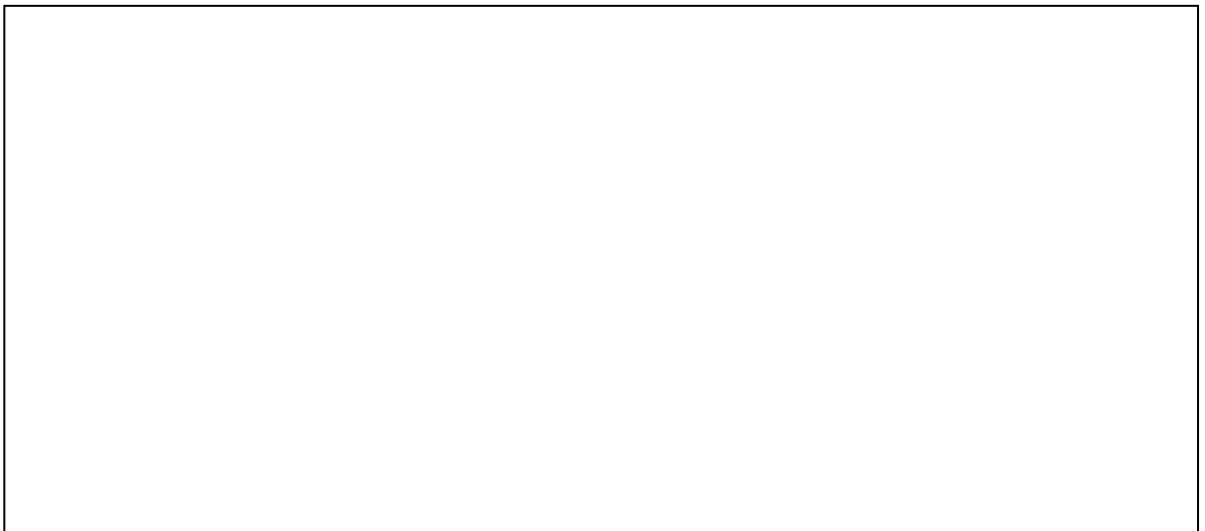


Nhân dân Biên Hòa thu gom vũ khí giao nộp cho chính quyền cách mạng.

## **II. CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC THĂM NHẬN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

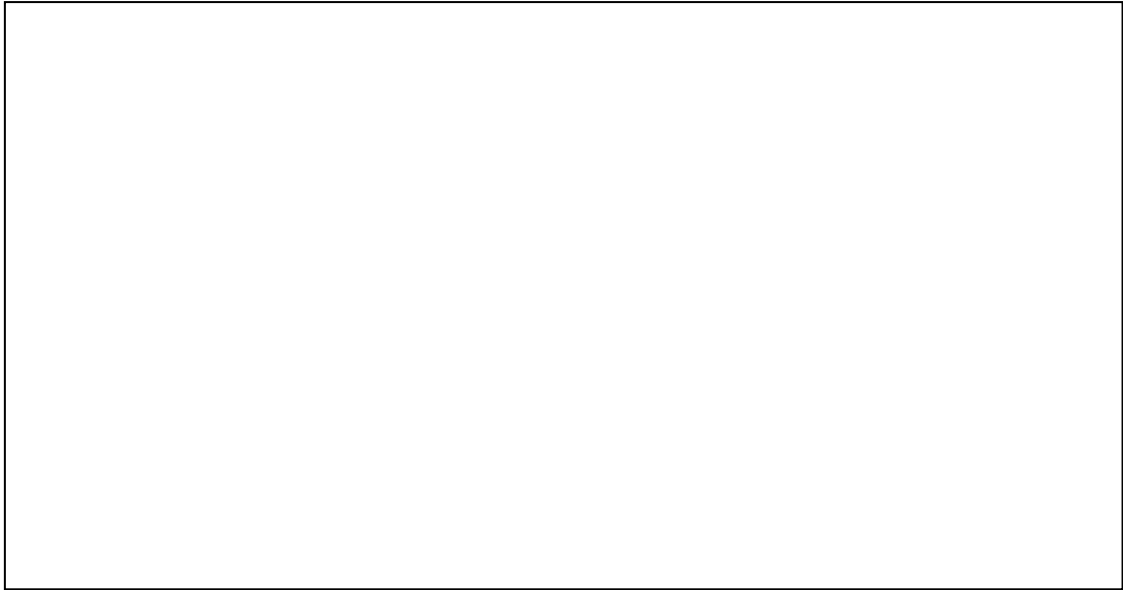


Đồng chí Lê Duẩn. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng thăm lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai.



Đồng chí Trường Chinh - Chủ tịch Hội đồng Nhà nước thăm quân dân tỉnh Đồng Nai.





Đồng chí Nguyễn Hữu Thọ, Phó chủ tịch Nước, thăm lực lượng vũ trang tỉnh  
Đồng Nai.



Đồng chí Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thăm lực lượng vũ  
tranh tỉnh Đồng Nai

**Chương năm**  
**XÂY DỰNG BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG, LÀM NÒNG CỐT TRONG**  
**PHONG TRÀO CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI**  
**CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ.**  
**(1961 - 1965)**

**I. THÀNH LẬP BAN QUÂN SỰ TỈNH, PHÁT TRIỂN BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG VÀ DẪN QUÂN DU KÍCH**

Đề đối phó với cao trào “đồng khởi” của nhân dân và sự lớn mạnh của các lực lượng vũ trang ta ở miền Nam nhằm cứu nguy cho chế độ tay sai Ngô Đình Diệm đang có nguy cơ sụp đổ, đế quốc Mỹ phải chuyển từ cuộc “chiến tranh một phía” còn gọi là cuộc chiến tranh không tuyên bố<sup>(1)</sup> sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt”.

Tháng 11 năm 1961 kế hoạch Stalây-Taylo (Staley-Taylor), kế hoạch cơ bản đầu tiên của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” được tổng thống và hội đồng an ninh Mỹ chính thức thông qua.

Thực hiện âm mưu của đế quốc Mỹ ngày 13 tháng 4 năm 1961 chính quyền Ngô Đình Diệm ra sắc lệnh giải tán các quân khu để thành lập các vùng, các giáp vĩ tuyến 17 như Trị Thiên Huế, Quảng Nam – Đà Nẵng. Vùng II chiến thuật bao gồm miền Trung và Tây Nguyên. Vùng III chiến thuật bao gồm các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Vùng IV chiến thuật bao gồm các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Riêng Sài Gòn – Gia Định là biệt khu thủ đô.

Thời kỳ này quân nguy có chín sư đoàn quân chủ lực và một số lữ đoàn quân tổng trừ bị (lính dù và thủy quân lục chiến). Vùng III chiến thuật được ưu tiên bố trí gần một nửa quân chủ lực nguy.

Ở Biên Hòa và Long Khánh địch phân bố lại địa giới hành chính quân sự, lập thêm một số quận mới, một số đặc khu, yếu khu quân sự trên những địa bàn trọng yếu.<sup>(2)</sup>

Địch thành lập biệt khu Phước Biên bao gồm ba tiểu khu Biên Hòa, Phước Tuy (Bà Rịa) và Long Khánh thuộc vùng III chiến thuật, tạo thành thế “chân kiềng” Biên Hòa – Long Khánh – Vũng Tàu. Địch củng cố mở rộng hàng chục căn cứ,

---

<sup>1</sup>. Cuộc “chiến tranh một phía” do Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đơn phương tiến hành ở miền Nam Việt Nam (1954 – 1960). Xem: Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam – Nxb Quân đội nhân dân – Hà Nội 1996 – trang 171.

<sup>2</sup>. Địch tách một phần quận Long Thành để lập quân Nhơn Trạch. Lập một số yếu khu quân sự như Trảng Bom, Thành Tuy hạ (tỉnh Biên Hòa), Gia Ray, Cẩm Mỹ (tỉnh Long Khánh) và đặc khu Rừng Sác.

hậu cứ, các trung tâm đào tạo, huấn luyện sĩ quan, hạ sĩ quan, thám báo, biệt kích, cán bộ bình định...

Riêng tỉnh Biên Hòa nằm sát Sài Gòn, có chiến khu Đ – căn cứ địa cách mạng của miền Đông Nam Bộ nên Mỹ, ngụy tập trung lực lượng mạnh xây dựng căn cứ quân sự liên hợp như bộ chỉ huy đoàn 3 ngụy, tổng kho Long Bình, xây dựng hệ thống đồn bót kiên cố dày đặc trên các trục lộ giao thông 1, 15, 20, 24... và các địa bàn xung yếu, từng bước mở rộng sân bay Biên Hòa thành căn cứ không quân chiến lược, sân bay quân sự của Mỹ ngụy lớn nhất miền Nam. Thị xã Long Khánh địch cũng tập trung xây dựng thành một cứ điểm quân sự mạnh, tuyến án ngữ bảo vệ Sài Gòn phía đông. Đi đôi với việc mở rộng, xây dựng căn cứ, hậu cứ, đồn bót, các trung tâm huấn luyện, chúng tăng cường đồn quân bắt lính, phát triển quân chủ lực, bảo an, dân vệ và thanh niên chiến đấu ở các xã ấp. Âm mưu của chúng là giành lại thế chủ động trên chiến trường, giữ địa bàn chiến lược về quân sự ở Biên Hòa, Vũng Tàu và Sài Gòn.

Năm chẵn âm mưu thủ đoạn, chiến lược mới của Mỹ, ngụy, ngày 31 tháng 1 năm 1961 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra chỉ thị: *“... thời kỳ thời kỳ tạm ổn của chế độ Mỹ-Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu, các hình thức du kích cục bộ, khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện mà mở rộng cho cao trào cách mạng ngày càng rộng lớn. Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn quyết dùng bạo lực tiêu diệt cách mạng nên con đường tắt yếu sẽ dẫn đến là cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa của nhân dân sẽ bùng nổ lật đổ chính quyền Mỹ – Diệm, giải phóng miền Nam”*.

Về nhiệm vụ cụ thể chỉ thị trên chỉ rõ: *“Ra sức xây dựng mau chóng lực lượng ta cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc giải phóng, phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ trong quần chúng, tích cực tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã chính quyền và lực lượng địch trên một phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại toàn bộ đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, tạo mọi điều kiện và nắm mọi thời cơ để đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, giải phóng miền Nam”*.

Với chỉ thị này đã đánh dấu bước chuyển giai đoạn của cách mạng miền Nam, trong đó đấu tranh quân sự đã được nâng ngang tầm vóc đấu tranh chính trị.

Theo yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (tháng 9 năm 1960) đã quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng được chỉ định làm bí thư.<sup>(1)</sup>

Căn cứ đầu tiên của Trung ương Cục đặt tại chiến khu Đ.

Tháng 2 năm 1961 Trung ương Cục tổ chức một hội nghị quân sự tại chiến khu Đ, bàn việc thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam.

---

<sup>1</sup> . Phạm vi lãnh đạo của Trung ương Cục lúc đầu là toàn miền Nam, sau đó do hoàn cảnh cụ thể, phạm vi được giới hạn từ cực Nam Trung Bộ (gọi là chiến trường B2).

Ngày 15 tháng 2 năm 1961, Quân giải phóng miền Nam, một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo được thành lập. Bộ tư lệnh các Quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 6) <sup>(1)</sup> cùng Ban quân sự ở các tỉnh, huyện thành lập. Ở miền Đông Nam Bộ (Quân khu 1) đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến (Tám Kiến Quốc) được chỉ định làm Tư lệnh kiêm Chính ủy. Đồng chí Nguyễn Hồng Lâm (Hai Búa) phó Tư lệnh. Căn cứ đầu não của khu đặt tại Suối Linh - Chiến khu Đ.

Tháng 2 năm 1961, tiểu đoàn chủ lực đầu tiên của miền Đông được thành lập lấy phiên hiệu là Tiểu đoàn 500 (d500). Ngày 15 tháng 4 năm 1961 tiểu đoàn chính thức ra mắt tại Suối Linh. Về sau tiểu đoàn này chuyển thành Tiểu đoàn 800 (d800).

Với sự ra đời của các đơn vị bộ đội chủ lực Quân khu miền Đông mà địa bàn đứng chân, căn cứ đầu não đặt tại chiến khu Đ đã tác động và ảnh hưởng rất lớn đối với việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang của các tỉnh Biên Hòa.

Tháng 7 năm 1961 tỉnh Thủ Biên được tách thành ba tỉnh: Thủ Dầu Một, Biên Hòa và Phước Thành. Tỉnh Biên Hòa được lập lại bao gồm các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và thị xã Biên Hòa. Đại đội 380 được chia đều làm nòng cốt xây dựng ba đại đội tập trung của ba tỉnh. Lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa lấy tên đại đội c240. Tỉnh được thành lập trong điều kiện còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Lực lượng vũ trang tập trung ở các tỉnh và các huyện còn nhỏ bé, trang bị vũ khí thô sơ. Hầu hết súng đạn là số vũ khí được cất giấu trong thời kỳ chuyển quân tập kết (1954).

Ban chấp hành Tỉnh ủy được Khu ủy chỉ định: đồng chí Lê Quang Chử, Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Trọng Cát (Ba Đắc) phó Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát), Phạm Thị Nghĩa (Mười Nghĩa)... Tỉnh ủy viên.

Tháng 9 năm 1961, Ban quân sự tỉnh Biên Hòa được chính thức thành lập. Đồng chí Nguyễn Văn Luông trưởng ban, đồng chí Nguyễn Thanh Bình phó ban. Ban quân sự các huyện cũng lần lượt được tổ chức. Đến đầu năm 1962 đồng chí Phan Văn Trang thay đồng chí Nguyễn Văn Luông làm Trưởng ban quân sự tỉnh. Ban chỉ huy đại bộ đội tập trung của tỉnh (c240) gồm các đồng chí Tư Ủ, đại đội trưởng, đồng chí Chiến, đại đội phó, đồng chí Bé làm chính trị viên. Lực lượng bộ đội tỉnh phát triển nhanh, chỉ trong vòng ba tháng quân số đã lên đến hơn 100 cán bộ, chiến sĩ. Đặc biệt lực lượng dân quân du kích phát triển nhanh chóng ở hầu hết các xã, các đồn điền cao su Bình Sơn, An Viễn, Sip, Hêlêna. Các xã ở huyện Vĩnh Cửu, huyện Long Thành đều xây dựng được một bán đội đến một tiểu đội du kích thoát ly. Thực lực cách mạng phát triển nhanh mạnh và đều khắp các địa phương trong tỉnh.

Để thuận lợi cho việc chỉ đạo và lãnh đạo phong trào cách mạng trên địa bàn tỉnh tháng 8 năm 1961, Tỉnh ủy Biên Hòa quyết định chuyển căn cứ về đóng tại

---

<sup>1</sup>. Quân khu 1 (Đông Nam Bộ). Quân khu 2 (Trung Nam Bộ), Quân khu 3 (Tây Nam Bộ), Quân khu 4 (Sài Gòn – Gia Định), Quân khu 6 (Nam Trung Bộ). Xem “50 năm QĐND Việt Nam – NXB Quân đội nhân dân” – Hà Nội – 1995 – Trang 169.

đốc Già Râu xã Tân Định huyện Vĩnh Cửu, căn cứ của đại đội 240 bộ đội chủ lực tỉnh cũng đóng tại đây. Năm 1962 căn cứ Tỉnh ủy chuyển về Suối Cả bắc Phước Thái, Chòi Đồng, Cẩm Đường.

Tháng 9 năm 1961 bộ đội chủ lực khu miền Đông Nam bộ đánh trận Phước Thành giành thắng lợi lớn. Lần đầu tiên ở miền Nam, quân giải phóng đánh chiếm một tỉnh lỵ, tiêu diệt hoàn toàn tiểu khu quân sự, đập tan ý đồ bao vây chia cắt chiến khu Đ của địch, mở rộng địa bàn hoạt động, mở rộng căn cứ địa cách mạng. Chiến thắng Phước Thành đã tác động trực tiếp đến địa bàn tỉnh Biên Hòa nhất là vùng giáp ranh Vĩnh Cửu, Bình Phước, Bình Ý - bộ đội tỉnh, huyện liên tục mở các đợt vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kìm, tiến công các đồn bót địch. Hàng chục tên ác ôn bị cách mạng xử lý. Bọn tề nguỵ co lại. Hầu hết các xã ấp trong huyện lực lượng cách mạng làm chủ về ban đêm. Hàng trăm nam, nữ thanh niên hăng hái thoát ly gia nhập các đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương huyện tỉnh và du kích các xã.

Lực lượng vũ trang phát triển mạnh ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh. Ngoài bộ đội địa phương tỉnh, huyện, các đơn vị vũ trang thuộc ban cán sự cao su, ban cán sự di cư cũng được tổ chức xây dựng.

Để mở tuyến hành lang qua lộ 1 về Suối Cả (Long Thành) đại đội 240 tập kích vào yếu khu Trắng Bom, tạo thế cho nhân dân vùng sông Thao, Bàu Hàm, Hưng Lộc nổi dậy diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ.

Ở thị xã Biên Hòa, thực lực cách mạng cũng dần được củng cố trở lại. Hầu hết các địa bàn như Bến Gỗ, Tân Phong, Gò Me, Tân Mai, Lân Thành, Hiệp Hòa, Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An, Tân Hạnh... đều xây dựng được cơ sở, tổ chức được các đội du kích mật và tự vệ mật.

Ở Long Thành và Nhơn Trạch, hai huyện điếm chỉ đạo của tỉnh, phong trào đấu tranh ba mũi chính trị, quân sự, binh vận kết hợp khá chặt chẽ. Được bộ đội tỉnh, huyện hỗ trợ, nhân dân và du kích xã nổi dậy, diệt ác ôn, phá kìm, trấn áp bọn phản cách mạng, hạ uy thế địch, nâng uy thế quần chúng nhân dân lên, tạo thế quần chúng làm chủ các ấp ở các xã Tam An, Tam Phước, Phước Nguyên (huyện Long Thành, Phước An, Phước Thọ, Phước Thiên, Phú Hội, Phú Hữu (huyện Nhơn Trạch).

Cùng với hoạt động mạnh mẽ ở huyện Long Thành, du kích và bộ đội địa phương huyện Nhơn Trạch kết hợp với lực lượng chính trị của quần chúng bao vây, bức hàng đồn Giồng Cát xã Phước An, tiêu diệt đồn Phước Thọ. Phối hợp với một bộ phận bộ đội tỉnh, du kích sở cao su tỉnh Bình Sơn tiến công tiêu diệt một trung đội bảo an nguỵ, tịch thu máy móc nguỵên vật liệu của bọn chủ sở chuyển ra căn cứ Suối Cả xây dựng binh công xưởng sản xuất vũ khí.

Từ một địa bàn (Long Thành và Nhơn Trạch) cơ sở hầu như bị mất trắng trong những năm địch tiến hành các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, đến cuối năm 1961, nhân dân đã làm chủ nhiều xã trong hai huyện, thực lực cách mạng phát triển nhanh và mạnh nhất là lực lượng vũ trang và du kích các xã. Mỗi huyện đều xây

dựng được một trung đội vũ trang với trang bị vũ khí khá tốt tịch thu của địch. Các xã đều tổ chức từ một đến hai tiểu đội du kích làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân. Thế và lực của cách mạng không ngừng lớn mạnh.

Ở Long Khánh, tháng 12 năm 1961, Khu uỷ cử đồng chí Phạm Lạc (Tu Lạc), một cán bộ quân sự đã từng chiến đấu ở Xuân Lộc trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp trở về lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Tại Rừng Lá, Ban cán sự tỉnh Long Khánh<sup>1</sup> được thành lập gồm ba đồng chí do đồng chí Lê Văn Thâm - Bí thư, đồng chí Chín Nhẫn và Phan Thành Phụ - phụ trách Ban quân sự tỉnh. Đồng chí Phạm Lạc phụ trách vũ trang tuyên truyền 150 ở khu vực Định Quán.

Với sự tăng cường chi viện một số cán bộ quân sự khu miền Đông, tỉnh Long Khánh đã thống nhất các tổ công tác của khu và tỉnh Bà Rịa hoạt động trên địa bàn huyện Xuân Lộc thành lập trung đội vũ trang tuyên truyền của tỉnh với hơn 50 cán bộ, chiến sĩ.

Như vậy, mặc dầu có những khó khăn nhất định, cho đến cuối năm 1961, thực lực cách mạng đã phát triển đều khắp trên các địa phương hai tỉnh Biên Hòa và Long Khánh, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện nhất là du kích, tự vệ các xã, các đồn điền cao su, các thị xã, thị trấn thực sự trở thành nòng cốt, là lực lượng chủ công trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân.

## **II. TIẾN CÔNG PHÁ ÁP CHIẾN LƯỢC, BAO BÓ ĐÒN BÓT ĐỊCH, MỞ RỘNG VÙNG GIẢI PHÓNG**

Năm 1962, địch triển khai thực hiện kế hoạch bình định gom dân lập ấp chiến lược rất quyết liệt. Tỉnh Biên Hòa là một trong các tỉnh trọng điểm của Mỹ, nguy.

Để trực tiếp điều hành cuộc chiến tranh, ngày 8 tháng 2 năm 1962 Mỹ chuyển cơ quan viện trợ (MAAG) thành bộ tư lệnh quân sự (MACV). Từ tháng 5 năm 1962 trở đi, bộ tư lệnh MACV được tăng thêm quyền hạn như một bộ tư lệnh tiền phương của Mỹ ở Đông Nam Á. Số lượng cố vấn và lực lượng yểm trợ Mỹ không ngừng được tăng cường theo đà phát triển của quân nguy ngày càng đông và qui mô chiến tranh ngày càng lớn.

Tháng 3 năm 1962 Mỹ-Diệm mở chiến dịch “Mặt trời mọc” đánh vào các tỉnh miền Đông Nam Bộ nhằm đánh bật các lực lượng cách mạng ra bên ngoài dân, giành thế chủ động chiến trường, thực hiện kế hoạch bình định, gom dân lập ấp chiến lược. Chúng tung lực lượng chủ lực kể cả lực lượng quân tổng trừ bị, bảo an, dân vệ, công an, cảnh sát... liên tiếp mở hàng chục cuộc hành quân càn quét với qui mô từ cấp đại hội đến cấp trung đoàn khủng bố, bắn giết nhân dân “dẫm lên căm hờn” gom dân, khoanh dân vào các ấp chiến lược.

Ở các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh tùy theo tình hình đặc điểm dân cư chúng xây dựng nhiều loại hình ấp chiến lược khác nhau: vùng nông thôn, rừng núi, vùng

---

<sup>1</sup>. Tỉnh Long Khánh được nguy quyền thành lập năm 1957 bao gồm hai quận Xuân Lộc và Định Quán. Sau này địch lập thêm quận Kiêm Tân.

giáp ranh, vùng thị xã, thị trấn, vùng đồn điền cao su, vùng đồng bào di cư Thiên chúa giáo, vùng đồng bào dân tộc Hoa Nùng...

Phần lớn các ấp chiến lược ở nông thôn địch gom dân, xúc tát dân về trên các trục lộ giao thông, các khu định cư chung quanh các đồn bót, căn cứ quân sự... Chúng cưỡng bức nhân dân đào hào, dựng rào, đắp đê. Mỗi người dân trong ấp từ 18 tuổi trở lên đều phải nộp cây, chông tre, phải đào từ 3 - 5 mét hào giao thông, sâu 2 mét, rộng 5 mét, đáy 3 mét. Khối lượng đất đào lên được đắp thành một bờ đê cao từ 1m đến 1m50. Bên trên các bờ đê chúng xây dựng các ô, ụ chiến đấu. Bao quanh giao thông hào là hàng rào cao 2 mét, mặt bên trong là hàng rào bằng cây hoặc tre đan chéo thành hình mắt cáo, chĩa mũi nhọn lên trời, mặt ngoài là hàng rào cọc sắt và dây kẽm gai kiên cố. Có nơi còn thả thêm loại kẽm gai bùng nhùng và trồng tre xung quanh ấp. Ở phía dưới giao thông hào địch cắm chông tre, gài mìn, lựu đạn. Mỗi ấp chỉ chừa hai đến ba cổng ra vào, có nhiều vọng gác để kiểm soát chặt chẽ việc đi lại của nhân dân. Bên trong ấp địch tổ chức bộ máy kèm kẹp bao gồm những tên tề nguỵ ác ôn, bọn cán bộ bình định nông thôn. Chúng xây dựng mạng lưới mật vụ dày đặc, lực lượng thanh niên chiến đấu có vũ trang và nhiều tổ chức phản động khác. Chúng tiếp tục phân loại dân, phân ô, phân vùng, cài các tên mật vụ chỉ điểm vào các liên gia để kèm chặt theo sát mọi sinh hoạt của nhân dân. Ở một số nơi chúng tách riêng các gia đình cách mạng và tập trung một khu gọi là “khu biệt lập” để dễ bề khống chế, đồng thời làm “hàng rào thịt” mỗi khi lực lượng ta tiến công vào ấp. Mỗi ấp có hai đến ba đồn bót được xây dựng kiên cố do một tiểu đội đến một trung đội lính bảo an hoặc dân vệ chốt giữ. Ở những ấp “trọng yếu” chúng tăng thêm một tiểu đội đến một trung đội lính đặc vụ Ngô Đình Nhu (lính áo đen) và bọn lính bình định nông thôn về hỗ trợ bọn tề nguỵ trong một thời gian nhất định.

Riêng ở các sở cao su, Mỹ - Diệm buộc chủ sở phải gom công nhân các phân sở nhỏ về các trung tâm đồn điền để xây dựng ấp chiến lược. Cứ 10 công nhân chủ sở phải trả lương cho một lính nguỵ để bảo vệ đồn điền. Toàn bộ kho gạo kết tiền phải giữ ở Sài Gòn hoặc các thị xã. Một số đồn điền như Cẩm Mỹ, An Lộc, Trảng Bom, chúng tập trung lực lượng xây dựng thành các yếu khu quân sự. Ở các vùng dân di cư Thiên chúa giáo, Mỹ - Diệm dùng chiêu bài “chống cộng để bảo vệ đạo” để mê hoặc, lừa bịp đồng bào. Chúng trang bị vũ khí cho hầu hết thanh niên trong ấp, biến các ấp chiến lược thành các “cứ điểm” chống phá cách mạng một cách cuồng tín.

Có một số ấp chiến lược như ở Hồ Nai, Trảng Bom, Gia Kiệm, Bảo Thị, Bảo Định, Phương Lâm chúng tổ chức từ hai đến ba trung đội dân vệ và thanh niên chiến đấu trang bị súng đạn đầy đủ do các tên phản động đội lột lính mục trực tiếp chỉ huy.

Địch kiểm soát gắt gao việc đi lại, lục xét kỹ lưỡng từng đôi quang gánh, gói xách... bắt bớ, giam cầm những ai chúng tình nghi là cơ sở cách mạng. Đồng bào ta sống trong ấp chiến lược như “Cá chậu chim lồng”, bị tước đoạt quyền sống. Ấp chiến lược thực sự là trại giam, là cứ điểm quân sự của địch chống lại cách mạng, chống lại nhân dân ta.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ, ngay tháng 2 năm 1962, Bộ Chính trị họp ra nghị quyết về công tác trước mắt của cách mạng miền Nam: kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự, giành và giữ thế chủ động, đẩy địch vào thế bị động hơn nữa, tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, ra sức phá kế hoạch Stalây-Taylo...

Tháng 4 năm 1962, Thường vụ Trung ương Cục ra nghị quyết về phương hướng tiến lên của cách mạng miền Nam: đẩy mạnh đấu tranh chính trị và vũ trang lâu dài, đánh đổ địch từng phần, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn; xác định ba mặt công tác trọng yếu là kiên quyết phá áp chiến lược gom dân xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân. Trong ba nhiệm vụ, phá áp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Đầu năm 1962 Khu ủy miền Đông quyết định củng cố, sắp xếp bộ máy lãnh đạo tỉnh Biên Hòa. Khu ủy điều động đồng chí Lê Quang Chũ, Bí thư Tỉnh ủy về Khu nhận nhiệm vụ mới, chỉ định đồng chí Nguyễn Sơn Hà (Năm Trị) là Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phan Văn Trang (Năm Trang) Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một về nhận nhiệm vụ phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách quân sự, chỉ định các đồng chí Tỉnh ủy viên là: Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát), nữ đồng chí Phạm Thị Nghĩa (Mười Nghĩa), đồng chí Nguyễn Thanh Bình, đồng chí Lê Văn Trọng (Sáu Trọng) (đồng chí Sáu Trọng...sau một năm trở về Thủ Dầu Một).

Thường vụ Khu ủy, Bộ Tư lệnh quân khu quyết định kiện toàn Ban quân sự tỉnh: đồng chí Phan Văn Trang, trưởng ban, đồng chí Nguyễn Thanh Bình, phó ban. Quân khu điều động đồng chí Nguyễn Hồng Phúc ở Ban Tham mưu quân khu về nhận nhiệm vụ phó Ban quân sự - tham mưu trưởng.

Tỉnh ủy Biên Hòa họp ra nghị quyết: kết hợp chặt chẽ ba mũi chính trị, quân sự, binh vận đánh phá bình định, phá áp chiến lược, phá đi phá lại nhiều lần tạo điều kiện quần chúng bung ra trở về nhà cũ, vườn ruộng sản xuất làm ăn, dù đồn bót địch còn, ta bao bó địch trong đồn bót, giáo dục phát động quần chúng trấn áp bọn phản cách mạng, bố trí lực lượng vũ trang diệt cho được bọn ác ôn đầu sỏ, bọn bình định... Hỗ trợ quần chúng làm chủ xóm ấp; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên và các đoàn thể Công, Nông, Thanh, Phụ. Giáo dục vận động thanh niên tòng quân giết giặc, bổ sung xây dựng lực lượng tỉnh, huyện và du kích xã, vận động tài chính nuôi quân...

Ban quân sự tỉnh họp bàn biện pháp thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy. Trước mắt sử dụng lực lượng tỉnh, huyện, du kích xã, kết hợp chặt chẽ cán bộ các ngành, các đoàn thể tỉnh, huyện phát động quần chúng nổi dậy phá áp chiến lược. Tổ chức đánh địch, buộc địch phải co thun trong các đồn bót, tạo điều kiện cho nhân dân là chủ xóm ấp. Vận động thanh niên tòng quân, bổ sung cho lực lượng tỉnh đủ một đại đội (ba trung đội), mỗi huyện một trung đội mạnh, du kích xã xây dựng một tổ (xã yếu) một bán đội (xã tranh chấp vừa), một tiểu đội (xã tranh chấp mạnh). Tổ chức tự vệ mật, an ninh mật bên trong phục vụ cho lực lượng vũ trang bên ngoài đánh đúng đối tượng.



Hướng triển khai là vùng cao su Bình Sơn, các huyện Long Thành, Nhơn Trạch. Điểm ở Nhơn Trạch là các xã dọc lộ 17, lộ 19. Điểm ở Long Thành là các xã Tam An, Tam Phước, Phước Nguyên...

Thực hiện chủ trương trên, từ giữa năm 1962 phong trào đấu tranh ba mũi được phát động rộng khắp trên địa bàn hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch. Mũi đấu tranh quân sự luôn đi đầu để làm đòn bẩy phong trào. Bộ đội huyện, tỉnh và du kích liên tiếp tổ chức diệt ác ôn, trấn áp bọn phản cách mạng, bắt bọn tề nguỵ phản động đưa ra quần chúng giáo dục, đồng thời tổ chức cho số anh em binh sĩ giác ngộ mang súng trở về với cách mạng, đêm đêm phát loa tác động binh lính nguỵ ở các đồn bót, tuyên truyền chính sách khoan hồng của Mặt trận dân tộc giải phóng.

Phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ khắp các xã đã mở ra cho huyện Long Thành và Nhơn Trạch, cho tỉnh Biên Hòa hướng chỉ đạo sát đúng trong công tác xây dựng phát triển lực lượng cách mạng nhất là lực lượng vũ trang, trong việc vận dụng sáng tạo ba mũi giáp công đánh địch, phá ấp chiến lược, giải phóng xã ấp.

Ở huyện Vĩnh Cửu – địa bàn giáp ranh giữa Chiến khu Đ và thị xã Biên Hòa – địch tập trung lực lượng xây dựng một hệ thống đồn bót dày đặc để bảo vệ vành đai sân bay Biên Hòa và căn cứ hậu cứ của chúng. Huyện ủy chủ trương tập trung lực lượng phá ấp chiến lược Đại An rồi từ đó mở rộng dần ra các xã khác trong toàn huyện.

Cuối tháng 5 năm 1962 bộ đội huyện Vĩnh Cửu (c270) phục kích đánh địch ở Gò Chùa xã Đại An, diệt và làm thương sáu tên địch. Liên tục nhiều đêm, bộ đội huyện bố trí bao bó địch quanh ấp chiến lược, hỗ trợ cho cán bộ, du kích xã đột vào ấp tháo gỡ mìn, lựu đạn, phát động nhân dân bung ra phá ấp chiến lược.

Ở các xã như Thiên Tân, Tân Định, Lợi Hòa... phong trào chống địch gom dân lập ấp chiến lược diễn ra quyết liệt, buộc địch phải tập trung lực lượng kể cả lính chủ lực để đối phó.

Ở thị xã Biên Hòa, từ năm 1962 trở đi, tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng thực sự cách mạng ở thị xã vẫn không ngừng phát triển cả lực lượng bên trong (cơ sở tự vệ mật và lực lượng bên ngoài (cán bộ, chiến sĩ biệt động, du kích thoát ly).

Ở các xã ngoại ô thị xã, ngoài số cán bộ, du kích thoát ly ta đều xây dựng được ít nhất một tiểu đội du kích, tự vệ mật bên trong. Riêng các ấp ở nội ô thị xã, với phương châm hoạt động đô thị, lực lượng tự vệ mật được tổ chức theo từng tổ dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của các đồng chí trong thị ủy. Nhiều gia đình cơ sở cốt cán bộ vào ăn ở, bám trụ hoạt động dài ngày. Trong các năm 1961, 1962, hàng chục nam nữ thanh niên ở thị xã Biên Hòa và các xã vùng ven đã hăng hái thoát ly gia đình, gia nhập các cơ quan, các đơn vị vũ trang cách mạng. Một số cơ sở trong nội ô bị lộ không thể hoạt động hợp pháp cũng được Thị ủy rút ra bên ngoài. Trong số này được bổ sung cho các đội công tác và đơn vị vũ trang thị xã. Cho đến cuối năm 1962, tất cả ba cánh của thị xã (CZ1, CZ, CZ3) đều được bổ sung lực lượng, mỗi cánh có từ 10 đến 15 cán bộ chiến sĩ.

Thực lực cách mạng tỉnh biên Hòa cho đến những tháng cuối năm 1962 đã phát triển khá mạnh. Ngoài đại đội bộ đội tập trung của tỉnh (đại đội 240) ở các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, thị xã Biên Hòa đều có từ một đến hai trung đội bộ đội địa phương tập trung được trang bị vũ khí đầy đủ. Trung đội 207 thuộc Ban cán sự cao su Bình Sơn, đội vũ trang tuyên truyền thuộc Ban cán sự di cư cũng được thành lập gồm 17 đồng chí. Hầu hết các xã vùng nông thôn, các đồn điền cao su đều xây dựng được ít nhất là một bán đội du kích.

Ở Long Khánh từ đầu năm 1962, thực lực cách mạng trong toàn tỉnh bắt đầu phát triển nhanh và mạnh, lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh có một trung đội đóng căn cứ ở Rừng Lá. Du kích các xã, các đội vũ trang tuyên truyền các huyện Xuân Lộc, Định Quán, Cao Su được xây dựng. Đến tháng 10 năm 1962 trung đội vũ trang huyện Xuân Lộc được thành lập với quân số 22 cán bộ, chiến sĩ.

Để làm đòn bẩy cho phong trào đấu tranh cách mạng, các đội vũ trang huyện, tỉnh liên tục tổ chức đánh địch, diệt ác ôn, phá kìm kẹp khắp nơi, trọng điểm là thị xã Long Khánh và các xã vùng ven. Mở màn đầu tháng 2 năm 1962 được cơ sở cung cấp tình hình, đồng chí Phạm Lạc cải trang làm quận trưởng Xuân Lộc trực tiếp dẫn một tiểu đội vũ trang bất ngờ đột nhập vào ấp Bảo Vinh B (ven thị xã Long Khánh) bắt gọn 21 tên tề nguỵ. Cũng trong tháng 2 năm 1962 đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc do đồng chí Phan Thành Phụ (Tám Phụ) chỉ huy tiên công bắt hưng Nghĩa, diệt tên trưởng ấp ác ôn, vận động 10 thanh niên thoát ly ra nhập bộ đội huyện. Ngày 27 tháng 2 năm 1962 một bộ phận của Tiểu đoàn 500 (bộ đội quân khu) phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh tập kích tiêu diệt gọn một đại đội biệt động quân đang đóng dã ngoại ở Tà Lú (Mây Tàu). Tháng 3 năm 1962 đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc cải trang lính bảo an nguỵ ban ngày đột kích vào dinh điền Bình Phú (Xuân Lộc) thu 27 súng, phá đồn và rút về căn cứ an toàn.

Liên tiếp những tháng cuối năm 1962 lực lượng vũ trang tỉnh Long Khánh tổ chức nhiều trận tập kích đột kích vào các đồn bót của địch ở Gia Ray, Suối Cát, Định Quán và các đồn bót dọc theo lộ 2 diệt hàng chục tên địch, thu vũ khí, phát động quần chúng đấu tranh giành quyền làm chủ. Hàng trăm thanh niên các xã, các đồn điền cao su hăng hái ra nhập bộ đội, du kích, phong trào đấu tranh cách mạng được khơi dậy mạnh mẽ. Bộ đội các huyện (lúc này gọi là các H) phát triển dậy nhanh, trang bị vũ khí đầy đủ chủ yếu là tịch thu súng địch trang bị cho ta.

Tháng 11 năm 1962, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền mở hội nghị tổng kết chiến tranh du kích toàn miền Nam tại chiến khu Dương Minh Châu. Hội nghị nhấn mạnh tầm quan trọng của các xã chiến đấu và xác định xã chiến đấu là cơ sở chiến tranh nhân dân, khẳng định lực lượng chính trị của quần chúng là lực lượng vũ trang kết hợp là đòn bẩy đặc biệt quan trọng.

Sau hội nghị, phong trào cách mạng, nhất là phong trào đấu tranh vũ trang phát triển mạnh trên địa bàn hai tỉnh Biên Hòa và Long Khánh. Qua chiến đấu, lực lượng vũ trang địa phương, dân quân du kích không ngừng lớn mạnh cả chất lượng và số lượng.

Cuộc đấu tranh chống địch gom dân lập ấp chiến lược của quân và dân Biên Hòa, Long Khánh diễn ra giằng co quyết liệt trong suốt những tháng cuối năm 1962 đầu năm 1963, đã làm phá sản một bước kế hoạch bình định nông thôn của Mỹ – Diệt trên địa bàn hai tỉnh. Kẻ địch tuy có bị tiêu hao tiêu diệt một số sinh lực nhưng lực lượng ta cũng bị tổn thất không ít. Ấp chiến lược của địch có nơi ta phá đi phá lại nhiều lần nhưng do tương quan lực lượng ta vẫn chưa phá dứt điểm. Địch vẫn tập trung mọi nỗ lực, mọi biện pháp hết sức thâm độc, tàn bạo quyết thực hiện cho bằng được “quốc sách ấp chiến lược” ở trên các vùng trọng điểm nhất là trên các tuyến hành lang chiến lược, các trục lộ giao thông quan trọng.

Cho đến đầu năm 1963 địch đã hình thành được các ấp chiến lược trên địa bàn các tỉnh Biên Hòa và Long Khánh. Tỉnh Biên Hòa có 162 ấp chiến lược và tỉnh Long Khánh có 43 ấp chiến lược, 70 % nhân dân các làng xã nông thôn, công nhân các đồn điền cao su bị dồn vào các “trại tập trung” sống nghệt thở dưới đầu lê mũi súng của Mỹ, ngụy. Vùng giải phóng của ta bị thu hẹp, vùng giáp ranh nhiều nơi là vùng trắng không có dân cư. Địa bàn hoạt động của cán bộ, bộ đội chia cắt. Cán bộ, du kích các xã sống chiến đấu trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, có nơi không liên lạc được với dân, với cơ sở. Một số chi bộ Đảng không bám được trong dân phải dạt về căn cứ hoặc bám trụ ngoài rừng. Bộ đội, du kích không nắm được tình hình, chưa có kinh nghiệm trong việc đột ấp chiến lược dẫn đến tình trạng ở một số địa phương cứ mỗi lần ta tổ chức đột ấp là có thương vong.

Trước tình hình đó, đầu năm 1963 Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông chủ trương sát nhập hai tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên nhằm tạo điều kiện khắc phục những khó khăn về địa bàn, tập trung lực lượng, xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, mở mang, mở vùng Đông và Tây lộ 2, khu lòng chảo Nhơn Trạch, khu vực Trảng Bom, Gia Kiệm. Đồng chí Nguyễn Sơn Hà (Năm Trị) được chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy. Ban chỉ huy tỉnh đội gồm các đồng chí Phan Văn Trang, phó bí thư Tỉnh ủy kiêm chính trị viên tỉnh đội. Nguyễn Thanh Bình, tỉnh đội trưởng, Nguyễn Hồng Phúc, tỉnh đội phó, Út Hoạt, tỉnh đội phó.

Cũng trong tháng giêng năm 1963, quân và dân huyện Cai Lậy tỉnh Mỹ Tho (Tiền Giang) giành thắng lợi lớn ở Ấp Bắc, đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của Mỹ, ngụy. Phát huy thắng lợi này, Trung ương Cục phát động phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” trong toàn miền.

Thường vụ Quân ủy Quân khu 1 (Quân khu miền Đông) chỉ đạo lực lượng vũ trang và nhân dân sôi nổi hưởng ứng, cổ vũ mọi đơi vị, địa phương, mọi người trong toàn quân khu học tập kinh nghiệm và thi đua với Ấp Bắc. Khu ủy miền Đông chỉ đạo các tỉnh tích cực củng cố và phát triển phong trào ba thứ quân, vừa đánh địch càn quét, vừa đánh địch trong đồn bót hậu cứ, tạo nên những quả đấm mạnh, hỗ trợ nhân dân phá ấp chiến lược.

Quyết tâm của các địa phương được củng cố, cán bộ, nhân dân lực lượng vũ trang ra quân với khí thế “nổi dậy làm cuộc đồng khởi lần thứ 2”.

Tỉnh ủy Bà Biên chủ trương: đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phá kế hoạch bình định nông thôn của địch bằng lực lượng chính trị và quân sự, kết hợp 3 mũi

tên công phá áp chiến lược giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt, phát động phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng xã chiến đấu đầy mạnh sản xuất tự túc, giải quyết cơ bản vấn đề lương thực cho cán bộ và chiến sĩ trong tỉnh. Tỉnh ủy còn đề ra nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang trong tỉnh là: ra sức củng cố, nâng cao sức chiến đấu của các đại đội tập trung của tỉnh, tăng cường thực lực các trung đội vũ trang huyện, tổ chức các đội biệt động ở thị xã, phát triển ở mỗi xã ít nhất là 1 tiểu đội du kích. Tích cực xây dựng du kích mật, tự vệ mật bên trong các ấp chiến lược.

Tỉnh Long Khánh do đồng chí Phạm Văn Hy là Bí thư Ban Cán sự Đảng, đồng chí Phạm Lạc làm Trưởng ban quân sự. Lúc này phong trào đấu tranh quân sự cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Lực lượng phát triển nhanh và đặc biệt hình thức tác chiến có nhiều sáng tạo, linh hoạt, táo bạo, bí mật, bất ngờ, thu được nhiều thắng lợi.

Tháng 4 năm 1963 kết hợp hai lực lượng bên trong và bên ngoài, bộ đội huyện và du kích xã tổ chức tiến công tiêu diệt đồn dân vệ, phá banh ấp chiến lược Hưng Nghĩa ở huyện Xuân Lộc tỉnh Long Khánh, bắt sống bọn tề ấp gồm 13 tên, thu 13 súng các loại. Cũng trong thời gian này tại xã Bảo Vinh vùng ven thị xã Long Khánh, du kích và tự vệ mật liên tục tổ chức tiến công địch, phá ấp chiến lược Bảo Vinh C. Sau nhiều lần bị đánh phá, địch bỏ luôn ấp chiến lược này.

Chỉ hơn ba tháng (từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1963) được bộ đội tỉnh, huyện hỗ trợ, du kích các địa phương ở Long Khánh liên tục tiến công, phối hợp nổi dậy của quần chúng phá banh ấp chiến lược Bảo Bình 1, Bảo Bình 2, Bảo Bình 3 và các ấp chiến lược Bàu Sen, Gia Ray, Bảo Chánh.

Tháng 6 năm 1962, trung đội vũ trang tuyên truyền 130 huyện Xuân Lộc cải trang thành lính bảo an ngụy tập kích địch ở xã Suối Cát giữa ban ngày, bắt và làm tan rã hoàn toàn một trung đội dân vệ, tịch thu 13 súng các loại.

Tạo tình Biên Hòa, hoạt động đánh địch, hỗ trợ nhân dân phá ấp chiến lược của các đơn vị vũ trang tỉnh, huyện cũng thu được nhiều thắng lợi quan trọng. Giữa năm 1963 đội vũ trang cao su Biên Hòa (c207) kết hợp với du kích tổ chức chiến lược sở cao su Bình Sơn. Lực lượng du kích các xã thuộc huyện Vĩnh Cửu phối hợp với bộ đội huyện liên tục tổ chức tập kích bọn bảo an dân vệ chốt đóng ở các ấp chiến lược, đánh phá các tua, bót trên các trục lộ giao thông 16, 24, diệt hàng chục tên địch... Ngày 26 tháng 5 năm 1962, lực lượng du kích liên xã Bình Trị, Tân Hạnh, Hóa An đánh bót Hóa An, diệt một tiểu đội dân vệ, gây thôi động mạnh bọn tề ngụy trong vùng.

Qua đấu tranh, lực lượng cách mạng ngày càng trưởng thành, lớn mạnh nhất là lực lượng vũ trang. Thanh niên thoát ly tham gia cách mạng ngày càng đông, chỉ riêng ở đồn điền cao su Cẩm Mỹ (Long Khánh) số lượng công nhân chỉ có khoảng 5.000 người mà trong vòng một năm, từ cuối năm 1963 đến cuối năm 1964 đã có hơn 100 thanh niên tòng quân gia nhập du kích và bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương. Các huyện đều xây dựng được một trung đội tập trung mạnh. Du kích lộ và mật các xã cũng phát triển mạnh. Có một số xã ở huyện Long Thành, Nhơn

Trạch, Vĩnh Cửu phát triển đến một tiểu đội mạnh. Vũ khí được trang bị phần lớn là tịch thu của địch trong các trận đánh càn, diệt đồn, phá ấp chiến lược. Thực lực chính trị, quân sự lớn mạnh nhanh chóng, tạo cơ sở vững chắc để quân và dân Biên Hòa, Long Khánh tiến lên góp phần đánh bại “quốc sách ấp chiến lược”, đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, ngụy.

Tháng 12 năm 1963 Trung ương Cục lại chủ trương tách tỉnh Bà Biên lập tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa. Đồng chí Nguyễn Sơn Hà (Năm Trị) tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa; đồng chí Phan Văn Trang, phó bí thư kiêm chính trị viên tỉnh đội; đồng chí Nguyễn Thanh Bình, tỉnh đội trưởng; đồng chí Nguyễn Hồng Phúc, tỉnh đội phó, tham mưu trưởng.

Sau khi ổn định tổ chức, Tỉnh ủy Biên Hòa đã kịp thời chủ trương: phát động một phong trào đấu tranh quân sự, chính trị kết hợp với công tác binh vận rộng khắp, mạnh mẽ trong toàn tỉnh, kiên quyết phá “bình định”, phá ấp chiến lược của địch, đồng thời tích cực phát triển lực lượng về mọi mặt, đẩy mạnh phong trào du kích chiến, xây dựng xã ấp chiến đấu, mở rộng vùng giải phóng.

Thực hiện quyết tâm đó, ở hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch với sự hỗ trợ đắc lực của đại đội 240 (bộ đội tỉnh Biên Hòa), bộ đội huyện, du kích các xã và quần chúng nhân dân đã đồng loạt nổi dậy bao bó, bức hàng, bức rút hàng chục đồn bót địch, giải phóng một số ấp của các xã Phước An, Phước Thọ, Phước Thiện, Phước Nguyên, Phú Hội, Phú Hữu, Tam An, Tam Phước, đồn điền cao su Bình Sơn, An Viễn...đồng thời phá rã hàng chục ấp chiến lược ở các xã khác. Khu lòng chảo Nhơn Trạch được xây dựng thành khu căn cứ địa cách mạng vững chắc của huyện Nhơn Trạch.

Tại Vĩnh Cửu, huyện ủy chọn xã Đại An làm điểm phá ấp chiến lược. Đêm 24 tháng năm 1963 lực lượng vũ trang huyện, tỉnh và du kích xã đã tổ chức tiến công hỗ trợ nhân dân nổi dậy phá banh hoàn toàn các ấp chiến lược ở xã Đại An.

Phát huy thắng lợi du kích và nhân dân các xã khác trong huyện với sự hỗ trợ của bộ đội địa phương tỉnh, huyện đã nổi dậy tiến công, đánh địch phá rã hàng loạt ấp chiến lược dọc theo trục lộ 24 cho đến vùng giáp ranh thị xã Biên Hòa.

Nổi bật là trận tiến công bức hàng, bức rút đồn Trị An, một vị trí quân sự then chốt của địch án ngữ tuyến hành lang chiến lược, bảo vệ khu vực phía bắc sân bay Biên Hòa.

Chiều ngày 2 tháng 2 năm 1964 bộ đội tỉnh Biên Hòa (c240) do đồng chí Phan Văn Trang trực tiếp chỉ huy kết hợp với bộ đội huyện Vĩnh Cửu và du kích liên xã tiến hành đào công sự sát chân đồn Trị An để ém lực lượng. Chi bộ mật bên trong xã vận động hàng trăm đồng bào kéo ra bao vây đồn kể cả những gia đình có con em đi lính đóng quân ở đồn Trị An. Trên trục lộ 24 du kích then chốt chặn trên và dưới Cầu 20 đợi lệnh. 10 giờ đêm bộ đội nổ súng tiến công đồn. Du kích đốt phá cầu 20 cắt đứt lộ 24. Tiếng loa phóng thanh vang lên: “chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã sụp đổ. Anh em binh sĩ hãy lấy thời cơ trở về với nhân dân”. Tiếng kêu gọi của gia đình binh sĩ, cha gọi con, vợ gọi chồng, anh gọi em quay súng trở

về với cách mạng liên tục vọng vào đồn, tác động mạnh tinh thần binh lính ngụy. Từ đồn Kim Liên bên cạnh địch dùng đủ loại súng bắn xối xả yểm trợ nhưng không dám bung ra cứu viện.

Đến 12 giờ đêm, để tiếp tục đánh mạnh vào tinh thần hoảng loạn của binh lính ngụy, ban chỉ huy chỉ đạo cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân chặt lều ô làm đuốc. Hàng trăm người tay cầm đuốc chia làm nhiều nhóm tuần hành quanh chân đồn Trị An. Bọn lính hoang mang cực độ. Mặc cho bọn chỉ huy ác ôn ngoan cố, nhiều binh lính ngụy đã lên xuống đồn xin hàng cách mạng. Một số khác cố sống cố chết trốn chạy về hướng Đại An.

5 giờ sáng ngày 3 tháng 2 năm 1964, số lính còn lại trên đồn buộc phải liều mạng rút chạy. Hai tên trưởng và phó đồn ác ôn và nhiều binh lính ngụy bị ta bắt sống. Xã Trị An được hoàn toàn giải phóng.

Nhân dân dùng cuốc, xẻng đào phá máy, giật sập cầu, cắt đứt giao thông nhiều đoạn trên lộ tỉnh 24.

Mất đồn Trị An, địa bàn Chiến khu Đ mở rộng, quân dân tỉnh Biên Hòa, trực tiếp là lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích các xã đã tạo được bàn đạp cho lượng bộ đội chủ lực quân khu, bộ đội chủ lực Miền tiến vào hoạt động vùng sâu yếu, trực tiếp là sân bay và thị xã Biên Hòa.

### **III. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TÁC CHIẾN, THAM GIA TRẬN ĐÁNH SÂN BAY BIÊN HÒA VÀ CHIẾN DỊCH BÌNH GIÃ.**

Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam, kế hoạch Stalây-Tay lơ hoàn toàn bị phá sản, nguy quyền Sài Gòn có nguy cơ sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, tháng 3 năm 1964, tổng thống Mỹ Giôn-xon (L.B.Jonhson) đưa ra một kế hoạch mới: Kế hoạch “Giôn-xon – MácNamara” (Johnson – M.c Namara) với âm mưu “bình định” có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm (1964 – 1966). Tỉnh Biên Hòa là một trong những tỉnh nằm trong phạm vi trọng điểm “bình định” của chúng.

Trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, Mỹ, ngụy huy động quân chủ lực kể cả lực lượng lính dù và thủy quân lục chiến tiếp tục tổ chức nhiều cuộc hành quân, càn quét, đánh phá sâu vào vùng căn cứ cách mạng, lấn chiếm vùng giải phóng. Ở phía đông bắc và đông nam Sài Gòn, địch tập trung đoàn vào chiến khu Đ, các huyện Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch... Chúng tăng cường lực lượng, mở rộng và củng cố đồn bót cả hai phía tả và hữu ngạn sông Đồng Nai, hỗ trợ cho bọn tề ngụy địa phương củng cố khôi phục các ấp chiến lược bị ta phá trước đây, tạo vành đai để bảo vệ các căn cứ hậu cứ, sân bay, kho tàng của chúng ở Biên Hòa và đầu não nguy quyền ở Sài Gòn.

Ngay từ đầu năm 1964 địch đã tổ chức các trận càn quét vào căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa ở Suối Cả Long Thành, khu lòng chảo Nhơn Trạch. Chúng đổ quân chiếm lại đồn Kim Liên ở Vĩnh Cửu, đánh chiếm và lập lại đồn Trị An...

Ngày 18 tháng 3 năm 1964 Thường vụ Trung ương cục ra chỉ thị, xác định nhiệm vụ năm 1964. Chỉ thị nêu rõ: các lực lượng vũ trang từ chủ lực đến địa

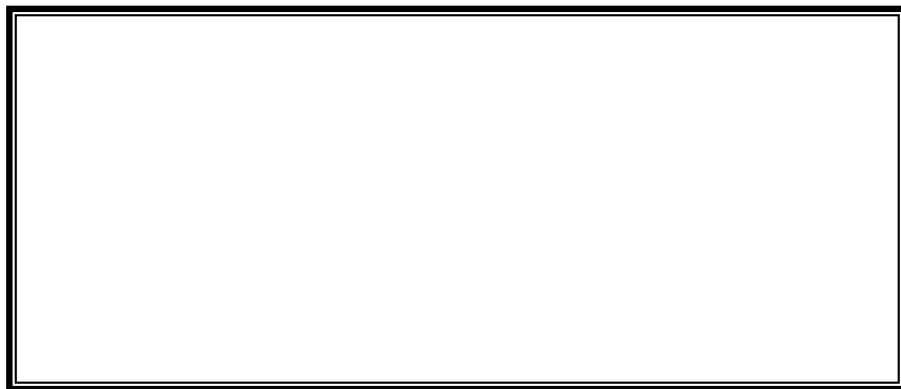
phương cần vận dụng linh hoạt phương châm hai chân ba mũi, ba vùng kết hợp tiến công với nổi dậy, tiêu diệt và làm chủ, sáng tạo nhiều cách đánh phong phú, giải phóng từng vùng rộng lớn ở rừng núi và đồng bằng, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch.

Cũng trong tháng 3 năm 1964 Hội nghị chính trị đặc biệt diễn ra ở Thủ đô Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiệt liệt biểu dương thắng lợi mười năm qua của “miền Nam thành đồng Tổ quốc”. Người khẳng định tình hình hiện nay ở miền Nam chứng tỏ rõ rệt sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ trong cuộc “chiến tranh đặc biệt” này. Như bất kỳ mọi thời điểm hệ trọng đối với vận mệnh Tổ quốc, tiếng nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh mang đến cho đồng bào miền Nam nói chung, quân và dân Biên Hòa, Long Khánh nói riêng niềm tin tất thắng, tạo sức mạnh đấu tranh mới chiến thắng quân thù.

Bước vào năm 1964 lực lượng vũ trang địa phương tỉnh, huyện được tăng cường củng cố tổ chức. Ban chỉ huy tỉnh đội gồm các đồng chí: Châu Văn Lòng (Tu Lòng), Tỉnh đội trưởng; Phan Văn Trang, Chính trị viên; Nguyễn Hồng Phúc, tỉnh đội phó; Phạm Văn Thuận, tỉnh đội phó; Nguyễn Công Hạnh, phó Chính trị viên. Các bộ phận của tỉnh đội được tổ chức gồm các ban tham mưu, chính trị, quân nhu, quân y, quân giới. Ngoài ra tỉnh còn thành lập trường quân sự đào tạo tiêu biểu đội trưởng, tiểu đội phó và huấn luyện tân binh. Ở Biên Hòa ngoài đại đội 240, ta thành lập thêm đại đội 245 và một đại đội công binh đánh xe trên các trục giao thông số 1 và 15, một đại đội (c22) đánh giao thông đường sắt. Đội biệt động thị xã Biên Hòa phát triển hơn 50 đồng chí. Tỉnh Long Khánh ngoài đại đội tập trung của tỉnh, ta xây dựng thêm một trung đội ở thị xã Long Khánh. Các tiểu đoàn chủ lực của quân khu cũng đứng chân hoạt động trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, phối hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương tỉnh, huyện Long Thành, Nhơn Trạch mở nhiều trận tiến công và đánh địch, hỗ trợ nhân dân nổi dậy tiếp tục phá rã, phá banh áp chiến lược, giành quyền làm chủ.

## **CẢNH ĐỒ TRẬN ĐÁNH SÂN BAY BIÊN HÒA**

*(Ngày 31 tháng 10 năm 1964)*



Thực hiện sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông quyết định mở đợt hoạt động hè thu nhằm đánh bại âm mưu bình định, lập ấp chiến lược của địch, phá thế bao vây căn cứ, mở rộng địa bàn đứng chân và củng cố hành lang chiến lược từ Chiến khu Đ về Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh.

Từ ngày 13 tháng 5 đến ngày 15 tháng 6 năm 1964, bộ đội quân khu kết hợp với bộ đội địa phương các tỉnh miền Đông và dân quân du kích đã diệt gọn tiểu đoàn 37 biệt động quân ngụy, giải phóng hàng loạt xã quanh khu vực chiến khu Đ (Bắc sông Đồng Nai).

Tháng 6 năm 1964, quân khu điều Tiểu đoàn 800 vượt sông Đồng Nai tiến xuống huyện Vĩnh Cửu, Biên Hòa.

Đến tháng 7 bộ đội quân khu phối hợp với bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và du kích đánh đồn Cây Gáo, diệt hoàn toàn đại đội lính bảo an, bắt sống

19 tên, tịch thu 40 khẩu súng các loại, giải phóng đồn điền cao su Cây Gáo.

Đêm 20 tháng 7 năm 1964 Tiểu đoàn 800 của quân khu cùng đại đội 240 của tỉnh và đại đội 207 huyện Cao su phối hợp tiến công tiêu diệt đồn An Viễn, diệt một đại đội lính bảo an, tịch thu 64 súng các loại, giải phóng đồn điền cao su An Viễn.

Trên trục lộ 20, một bộ phận của Tiểu đoàn 800 phối hợp bộ đội địa phương huyện Xuân Lộc và du kích tổ chức đánh vào ấp chiến lược Đồng Hiệp xã Túc Trung, bắt sống 10 tên tề ngụy, thu vũ khí, phá banh ấp chiến lược.

Được sự hỗ trợ tích cực của bộ đội chủ lực quân khu, lực lượng vũ trang địa phương và du kích cùng với nhân dân đã nổi dậy tiếp tục phá banh các ấp chiến lược Thanh Giang, Thanh Bình, Phú Cát, Bàu Đồi... tạo thành một vùng giải phóng rộng lớn từ bờ bắc sông Đồng Nai đến Bàu Hàm, Túc Trung (Định Quán), tiếp giáp quốc lộ 1 và quốc lộ 20.

Hòa nhập với những hoạt động mạnh mẽ của bộ đội quân khu, bộ đội địa phương ở vùng tiếp giáp ranh huyện Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, bộ đội tỉnh Biên Hòa (đại đội 240, 245) tập trung đánh địch trên trục lộ 15 và địa bàn hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch, hỗ trợ cho cao trào phá ấp chiến lược của nhân dân trong vùng.

Bộ đội, du kích và nhân dân các xã ven trục lộ 15 liên tục tổ chức đắp mô, gài trái, giao thông địch, có trận đại đội công binh tỉnh phục kích diệt 16 xe quân sự, buộc địch phải luôn luôn bị động đối phó, tập trung lực lượng bảo vệ tuyến giao thông chiến lược này.



Trên tuyến đường sắt xuyên qua địa bàn tỉnh Biên Hòa, đội công binh tỉnh (c22) cũng liên tục tổ chức đánh địch. Từ ngày 1 tháng 1 đến 5 tháng 5 năm 1964 bộ đội ta đã 5 lần đánh các đoàn tàu quân sự địch gây cho chúng nhiều thiệt hại nghiêm trọng về sinh lực và phương tiện chiến tranh. Đặc biệt ngày 14 tháng 5 năm 1964 tại đoạn giữa Hồ Nai và Trảng Bom ta đánh lật đổ đoàn tàu chở nhiên liệu của địch, tiêu hủy hàng trăm tấn xăng dầu.

Tháng 10 năm 1964 đại đội 240 bộ đội tỉnh Biên Hòa tập kích đồn Hưng Lộc, diệt một trung đội lính bảo an, giải tán một trung đội thanh niên chiến đấu, tịch thu 20 súng tiểu liên và hai máy truyền tin VTĐ.

Ngày 10 tháng 10 năm 1964, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho các chiến trường mở một đợt hoạt động mùa khô 1964 – 1965 trên khắp chiến trường miền Nam nhằm tiêu diệt một bộ phận chủ lực, kết hợp tiêu hao rộng rãi, thúc đẩy thêm sự tan rã lực lượng địch, phá áp chiến lược, phá thế kềm kẹp, giành thêm nhiều nhân vật lực, mở rộng vùng giải phóng của ta, thu hẹp vùng kiểm soát của địch. Bộ chỉ huy Quân sự Miền (B2) chủ trương mở chiến dịch tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Hướng tập trung là các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh. Thực hiện chủ trương của Trung ương Cục, của Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo tăng cường phát triển lực lượng biệt động, du kích mật, tự vệ mật trong các thị xã, thị trấn, phục vụ đắc lực cho các hoạt động của bộ đội chủ lực Khu, Miền. Tỉnh ủy cũng xác định: để đánh và thắng Mỹ trên chiến trường Biên Hòa, lực lượng cách mạng nhất là lực lượng vũ trang phải áp sát vào thành phố, thị xã, kéo căng địch ra, động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân đánh Mỹ đều khắp bằng mọi thứ vũ khí hiện có. Kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công chính trị, quân sự, binh vận để tiến công địch trên mọi mặt trận, mọi lúc, mọi nơi.

Tình hình đó đặt ra cho Đảng bộ, quân dân tỉnh Biên Hòa một trách nhiệm vinh quang nhưng hết sức nặng nề. Tỉnh ủy Biên Hòa đã quán triệt nhiệm vụ mới cho cán bộ đảng viên chủ chốt trong tỉnh, đặc biệt là các cấp chỉ huy quân sự và thị ủy Biên Hòa, đồng thời hạ quyết tâm hoàn thành xuất sắc mọi mặt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu mà cấp trên giao phó.

Từ đầu tháng 10 năm 1964 phối hợp với các đơn vị trinh sát Miền, quân khu, Tỉnh ủy, Tỉnh đội và Thị ủy Biên Hòa đã cử cán bộ tổ chức điều nghiên địa hình, bố phòng đóng quân của doanh trại, khu máy bay, kho bom, khu vực đóng quân của sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu. Các cơ sở nội tuyến bên trong sân bay đã cung cấp nhiều tài liệu quan trọng về lực lượng, sơ đồ hệ thống bố phòng của địch ở sân bay cho Bộ Chỉ huy Miền nắm. Mặt khác thực hiện chỉ thị của cấp trên, thị ủy thị xã Biên Hòa, huyện ủy Vĩnh Cửu đã cử các đội công tác đặc biệt hướng dẫn trinh sát pháo binh, bộ đội đặc công đột nhập điều nghiên sân bay và chọn địa hình bố trí trận địa pháo. Công tác chuẩn bị đảm bảo bí mật tuyệt đối. Chiều 31 tháng 10 năm 1964, từ Chiến khu Đ các đơn vị bộ đội ta xuất phát hành quân về Biên Hòa. Được các đội trinh sát biệt động thị xã Biên Hòa, bộ đội du kích huyện Vĩnh Cửu và cơ sở mật phục vụ, hướng dẫn, các đơn vị pháo cối của ta đã bí mật hành quân đến vị trí tập kết, bố trí

trận địa tại Hóc Bà Thúc (Tân Phong) cách sân bay Biên Hòa 1 ki-lô-mét về phía đông bắc.

23 giờ 30 đêm 31 tháng 10 năm 1964 pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn và sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút, 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philippin sang, chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay AD6, một máy bay do thám U2, diệt và làm bị thương 293 tên địch, tiêu hủy và làm nổ tung hai kho bom đạn lớn, một kho xăng, một đài quan sát và 18 trại lính.

Địch không kịp phản kích, lực lượng ta rút về căn cứ an toàn.

Đây là một trận đánh táo bạo bất ngờ. Lần đầu tiên pháo binh Miền đã tận dụng yếu tố bí mật, kết hợp với lực lượng địa phương và phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân luồn sâu vào lòng địch, dùng một lực lượng nhỏ đánh một mục tiêu lớn và quan trọng, đồng thời khắc phục có hiệu quả những hạn chế, nhược điểm của vũ khí đạn dược, cơ động nhanh chóng, bám sát mục tiêu, bắn tập trung đạt hiệu suất cao, mở đầu cho những trận pháo kích, tập kích vào các vị trí mục tiêu chiến lược quan trọng của Mỹ, ngay sau này.

Chiến thắng sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước và bạn bè khắp năm châu. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng nhất, loại huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bác Hồ kính yêu đã viết thơ ca ngợi chiến thắng sân bay Biên Hòa.

*“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*

*Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu*

*Thành đồng chiến thắng lay lâu trắng.*

*Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu” (CS) <sup>(1)</sup>*

Chiến công to lớn này có phần đóng góp không nhỏ của Đảng bộ, quân và dân Biên Hòa, trực tiếp là lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu và thị xã Biên Hòa.

Những thắng lợi to lớn dồn dập của quân và dân ta khắp nơi đặc biệt là chiến thắng sân bay Biên Hòa đã cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh cách mạng của quân và dân trong toàn tỉnh.

Cuộc chiến tranh nhân dân trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Long Khánh được đẩy mạnh. Hàng chục làng xã chiến đấu được xây dựng. Xã Phước An huyện Nhơn Trạch được chọn là điểm tập trung chỉ đạo của tỉnh Biên Hòa.

Với khẩu hiệu “cán bộ du kích bám dân, dân bám đất” bộ đội địa phương huyện, tỉnh, cán bộ du kích và nhân dân xã Phước An khẩn trương bắt tay vào việc đào công sự, xây dựng ổ ụ chiến đấu.

---

<sup>1</sup>. (CS) Chiến sĩ là bút danh của Bác Hồ. Bài đăng trên báo Nhân Dân số 3878 ngày 12 tháng 11 năm 1964.

Với hệ thống công sự kiên cố kết hợp với phong trào quần chúng nhân dân địa phương, đội du kích xã Phước An đã bám trụ đánh địch, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn của địch, giữ vững vùng giải phóng.

Ngày 8 tháng 11 năm 1964 địch huy động hai tiểu đoàn quân chủ lực, hai đại đội lính bảo an do cố vấn Mỹ chỉ huy với sự yểm trợ tối đa của chi pháo, tiến hành càn quét xã Phước An nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của tỉnh, huyện và du kích xã, tạo bàn đạp để chiếm căn cứ lòng chảo Nhơn Trạch.

Bộ đội và du kích xã Phước An đã kiên cường bám trụ chiến đấu suốt hai ngày đêm liền, diệt 72 tên địch. Trong trận này đồng chí Minh du kích xã đã diệt 21 tên địch và đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Những trận đánh ở Phước An, đẩy lùi các cuộc hành quân càn quét của địch từ cấp đại đội đến cấp trung đoàn đã chứng minh sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng trong việc phát động phong trào chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh du kích chiến tranh, xây dựng xã ấp chiến đấu, lấy ít thắng nhiều, lấy thô sơ thắng hiện đại đồng thời bảo tồn lực lượng để chiến đấu lâu dài. Trên cơ sở kinh nghiệm của xã Phước An, Tỉnh ủy Biên Hòa đã phát động lực lượng vũ trang và nhân dân các xã khác trong toàn tỉnh tích cực xây dựng xã ấp chiến đấu, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng.

Cuối năm 1964 Trung ương tiếp tục chỉ đạo: “Liên tục tiến công, kiên quyết làm thất bại kế hoạch MácNamara để tạo ra những điều kiện cần thiết cho năm sau có thể mở ra cục diện to lớn, thúc đẩy phong trào tiến lên giành thắng lợi quyết định.”<sup>(1)</sup>

Thực hiện quyết tâm này, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền (B2) quyết định mở chiến dịch Bình Giã ở Bà Rịa từ cuối năm 1964 đến tháng 1 năm 1965, giành thắng lợi to lớn.

Phối hợp với chiến trường ở Bà Rịa, để đánh lạc hướng sự phán đoán địa bàn chủ yếu của chiến, đồng thời thu hút, phân tán lực lượng địch, đảm bảo bí mật cho việc di chuyển, tập kết các đơn vị bộ đội, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định mở một đợt hoạt động quân sự mạnh ở vùng Long Thành – Nhơn Trạch thuộc tỉnh Biên hòa. Ngày 15 tháng 11 năm 1964 bộ đội Quân khu miền đông phục kích đánh đoàn xe quân sự trên đường 15 (tại xã Phước Hòa) diệt 12 xe quân sự, có bốn xe thiết giáp, thu 52 súng các loại. Đại đội công binh tỉnh Biên Hòa liên tục tổ chức đánh giao thông địch, diệt hàng chục tên giặc.

Được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực quân khu, bộ đội địa phương và du kích các xã ở hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch thọc sâu đánh bọn lính bảo an và dân vệ khắp nơi, diệt hàng chục tên tề ngụy ác ôn. Du kích các xã Tam An, Tam Phước, An Lợi, Phước Nguyên (huyện Long Thành) Phước An, Phú Hội, Phú Hữu (huyện Nhơn Trạch) tổ chức đào công sự, bao bó đồn bót địch, bức hàng, bức rút, làm chủ xã ấp.

---

<sup>1</sup>. Lê Duẩn – Thư vào Nam – Nxb Sự Thật – Hà Nội 1985.

Ở Xuân Lộc, được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, ngay từ những ngày đầu chiến dịch Bình Giã nổ ra, du kích và bộ đội địa phương huyện, tỉnh đã phối hợp tiến công địch ở các xã trên trục lộ số 1 và số 2, giải phóng xã Cẩm Đường, Thừa Đức, Bình Phú, bao vây bức rút một trung đội dân vệ đóng ở đồn Bảo Chánh, bắt sống hàng chục tên dân vệ, tề xã, tề ấp.

Tại Long thành, đại đội vũ trang huyện Cao su và du kích đồn điền Bình Sơn cải trang dùng sáu xe đưa công nhân đi cạo mũ về bất ngờ tập kích đồn lính biệt kích A16 đóng tại sở cao su Bình Sơn bắt sống 19 tên, thu 10 súng các loại, bộ đội huyện Long Thành và du kích tập kích diệt đồn Tam An.

Sau chiến thắng Bình Giã, phong trào thắng lớn của chiến dịch, quân và dân huyện Xuân Lộc tỉnh Long Khánh với sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực Miền đã nổi dậy phá tan các ấp chiến lược ngay sát thị xã Long Khánh và các khu vực trọng điểm bình định của địch ở Bảo Vinh, Bình Lộc, Cẩm Mỹ, Bảo Toàn, Bảo Định...

Đầu tháng 5 năm 1965 phối hợp với chiến dịch Đồng Xoài, quân và dân Biên Hòa, Long Khánh tiếp tục phát triển thế tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng giải phóng.

Từ ngày 7 tháng 5 năm 1965, Trung đoàn 4 (bộ đội chủ lực quân khu) liên tiếp đánh địch và giành thắng lợi lớn ở Tà Lài, Ba Sa, chi khu Định Quán. Ta hoàn toàn làm chủ quốc lộ 20. Địch đưa lực lượng quân chủ lực quân chủ lực từ Long Khánh lên giải tỏa, bộ đội ta phục kích diệt địch. Ngày 15 tháng 5 năm 1965 ta tiêu diệt một tiểu đoàn biệt động quân và một đại đội bảo an, bắn cháy 26 xe quân sự tích thu hơn 100 súng các loại.

Cùng với các mũi tiến công của bộ đội chủ lực quân khu, bộ đội địa phương tỉnh Long Khánh, các huyện Xuân Lộc, Định Quán và du kích tổ chức đánh địch khắp nơi, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giải phóng các xã nằm trên trục lộ số 1 từ Gia Ray đến Rừng Lá. Các ấp Trà Tân 1, Trà Tân 2 (lộ 3) cũng hoàn toàn được giải phóng.

Đêm 8 rạng ngày 9 tháng 6 năm 1965, Trung đoàn 4, bộ đội địa phương huyện Xuân Lộc tập kích vào yếu khu quân sự và trung tâm huấn luyện của địch ở Gia Ray tiêu diệt ba đại đội hạ sĩ quan nguy, một đại đội bảo an và một trung đội dân vệ, tịch thu 150 súng các loại, chiếm lĩnh hoàn toàn yếu khu quân sự và trung tâm huấn luyện của địch. Tiếp theo các xã Bảo Chánh, Bảo Bình, Tân Phong...cũng được giải phóng. Ta hoàn toàn làm chủ trục lộ số 1 từ Tân phong đến Rừng Lá (dài hơn 80 ki-lô-mét). Địch phải co cụm, tập trung hầu như toàn bộ lực lượng về thị xã Long Khánh.

Tháng 2 năm 1965, Bộ Chỉ huy Miền điều động đồng chí Trần Công An (Hai Cà) về Biên Hòa phụ trách thị đội trưởng thị xã Biên Hòa. Cùng về thị xã còn có 50 cán bộ chiến sĩ đặc công giỏi quê ở Biên Hòa hoặc trước đây đã từng chiến đấu trên chiến trường này.

Nhiệm vụ của đơn vị là tổ chức tiến công đánh phá các cơ quan đầu não, các căn cứ quân sự, kho tàng, sân bay của Mỹ, nguy ở thị xã Biên hòa. Đội biệt động

của thị xã được quyết định hợp nhất với sự lực lượng vừa được tăng cường thành lập đại hội đặc công dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thị ủy Biên Hòa.

Bằng ba mũi giáp công đánh địch, được sự hỗ trợ đặc lực của bộ đội chủ lực Miền, quân khu, cho đến giữa năm 1965 quân dân Biên Hòa, Long Khánh đã phá rã, phá banh hầu như toàn bộ hệ thống ấp chiến lược của địch, giải phóng hai phần ba vùng nông thôn và các đồn điền cao su trong hai tỉnh.

Thế và lực của cách mạng phát triển một bước nhảy vọt. Phong trào tòng quân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng xã ấp chiến đấu sôi nổi đều khắp. Thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng được củng cố và phát triển vững chắc, sẵn sàng cùng với toàn Miền đương đầu trực tiếp với quân xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai.

## **Chương sáu**

# **SÁNG TẠO CÁC HÌNH THỨC TÁC CHIẾN, LIÊN TỤC TIẾN CÔNG CÁC CĂN CỨ QUÂN SỰ, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI HAI CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ; THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968**

**(7.1965 – 12. 1968)**

## **I. XÂY DỰNG, TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, SẴN SÀNG ĐÁNH QUÂN VIỄN CHINH MỸ VÀ CHUR HẦU.**

Sau thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ về cơ bản đã bị phá sản, chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ. Đế quốc Mỹ tiếp tục mở rộng chiến tranh xâm lược với chiến lược chiến tranh cục bộ ở miền Nam, tăng cường cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, ráo riết thực hiện âm mưu “tìm diệt” và “bình định”, đánh phá phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 1 tháng 4 năm 1965, đế quốc Mỹ quyết định đưa quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu ồ ạt vào miền Nam, thay quân nguy trên chiến trường, thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

Ngày 5 tháng 5 năm 1965 lữ đoàn dù 173 Mỹ đổ bộ vào Vũng Tàu, sau đó đến Biên Hòa. Lực lượng này triển khai quân trên địa bàn hai tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa.

Quân và dân Biên Hòa, Long Khánh cùng với dân quân toàn miền Nam đứng trước một thử thách mới: đối đầu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ và bè lũ chư hầu. Bước vào thực hiện chiến lược chiến tranh cục bộ, địch tổ chức bố trí lại chiến trường, chúng lập khu 33 chiến thuật bao gồm các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh và Bình Tuy. Lực lượng chủ lực cơ động là sư đoàn 10 bộ binh sau này đổi tên thành sư đoàn 18. Chúng mở rộng sân bay chiến lược Biên Hòa và xây dựng hàng chục sân bay quân sự dã chiến khác. Ngày 21 tháng 7 năm 1965, Mỹ lập bộ tư lệnh hậu cần số 1, bộ tư lệnh lục quân Mỹ đóng tại Long Bình, xây dựng Long Bình thành tổng kho liên hợp quân sự lớn nhất ở miền Nam có nhiệm vụ cung ứng hầu như toàn bộ các phương tiện chiến tranh, bom đạn... của Mỹ ở miền Nam. Sau đó chúng tiếp tục xây dựng mở rộng các căn cứ quân sự, các trại huấn luyện như kho bom đạn Thành Tuy Hạ, khu căn cứ Nước Trong (Long Thành, Biên Hòa), khu căn cứ thiết giáp Suối Râm (lộ 2 Long Khánh)... Thị xã Biên Hòa, thị xã Long Khánh trở thành những căn cứ quân sự lớn.

Quân Mỹ và chư hầu đổ bộ vào miền Đông ngày càng nhiều với những phương tiện chiến tranh hiện đại đã có tác động bước đầu đến tư tưởng một bộ phận cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta. Nhưng với ý chí quyết tâm cao độ, quân dân Biên Hòa, Long Khánh cùng với cả nước đã không hề nao núng, sẵn sàng đánh Mỹ và thắng Mỹ trong chiến tranh cục bộ.

Ngày 20 tháng 7 năm 1965 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi khẳng định quyết tâm đánh Mỹ của toàn dân ta. Người nói: “*Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng kiên quyết chiến đấu, dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn*”<sup>(1)</sup>

Trước tình hình mới Trung ương Cục Miền Nam nhận định: miền Đông có vị trí chiến lược trong đó có Biên Hòa, Long Khánh có vị trí đặc biệt quan trọng. Đối với địch đây là trung tâm đầu não quân sự và là hậu phương trực tiếp của Sài Gòn. Với cách mạng, đây là địa bàn chuyển tiếp nối liền cực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Trung ương, đồng thời là chiến trường tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh có tính chất quyết định.

Từ nhận định đó, tháng 9 năm 1965 Trung ương Cục quyết định thành lập U1 (một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh) bao gồm thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu. Đồng chí Nguyễn Sơn Hà (Năm Trị) Khu ủy viên dự khuyết được chỉ định làm Bí thư U ủy, đồng chí Trương Văn Lễ, phó bí thư. Đồng chí Trần Công An (Hai Cà), tỉnh đội trưởng. Đại đội 238 được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Bảo (Tám Bảo) chỉ huy. Đây là đơn vị trực thuộc tỉnh đội phần lớn là những chiến sĩ đặc công trình độ kỹ thuật chiến đấu tốt, trang bị vũ khí đầy đủ. Nhiệm vụ trọng tâm là tổ chức đánh vào các căn cứ đầu não, sân bay, kho tàng của Mỹ, nguy ở Biên Hòa, Long Bình.

Lực lượng vũ trang của U được bố trí làm ba chốt, chốt 1 ở xã Thiện Tân, chốt 2 ở Bàu Hàm, Hưng Lộc, chốt 3 ở xã Hóa An.

Đến giữa cuối năm 1965 trên địa bàn Đồng Nai tồn tại ba đơn vị cấp tỉnh là: tỉnh Biên Hòa, U1 và tỉnh Long Khánh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy miền Đông: “...*Chủ động đánh địch trong mọi tình huống, đồng thời thấy rõ thời cơ chiến lược, nỗ lực tấn công tiêu diệt địch, khẩn trương xây dựng phát triển lực lượng ta về mọi mặt nhằm giành một bước thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn...*”

Đặc biệt đối với chiến trường Biên Hòa, Khu ủy nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng là tiêu diệt, phá hủy lực lượng dự trữ của địch theo sự chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng trong thư gửi Trung ương Cục tháng 5 năm 1965: “*Lực lượng dự trữ của địch không chỉ là các đơn vị bộ binh cơ động, mà còn bao gồm cả phi pháo, cho nên ta phải phát triển lực lượng và nâng cao chất lượng bộ đội đặc công đánh vào các sân bay, các trận địa pháo, các kho bom đạn xăng dầu, trừng trị địch ngay tại căn cứ trước khi chúng hành động*”<sup>(2)</sup>

Tỉnh ủy Biên Hòa, Long Khánh và U1 tích cực chuẩn bị địa bàn tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, chính trị sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ và chư hầu.

<sup>1</sup> . Hồ Chí Minh, tuyển tập tập II Nxb Sự Thật Hà Nội, 1980 trang 376.

<sup>2</sup> . Lê Duẩn – Thư vào Nam Nxb Sự thật – Hà Nội trang 109-110.

Ngày 2 tháng 9 năm 1965 tại Chiến khu Đ, Sư đoàn 9, sư đoàn chủ lực đầu tiên của Miền được thành lập gồm ba trung đoàn.

Hai tháng sau, ngày 23 tháng 11 năm 1965 kỷ niệm lần thứ 25 ngày Nam kỳ khởi nghĩa, tại Đất Đỏ - Bà Rịa, Sư đoàn 5, sư đoàn chủ lực thứ hai của Miền được thành lập gồm hai trung đoàn đứng chân hoạt động trên địa bàn Bà Rịa – Long Khánh, vừa tiêu diệt sinh lực địch, vừa hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích ở địa phương.

Cùng với sự phát triển với qui mô càng ngày càng lớn về tổ chức của bộ đội chủ lực Miền, quân khu, tỉnh Biên Hòa đến cuối năm 1965, đại đội 240 có đủ ba đại đội, địa bàn đứng chân là Sông Cả. Riêng tỉnh đội Long Khánh, Tỉnh đội U1 các đại đội đặc công được bố trí đánh sân bay và tổng kho Long Bình. Các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc, Định Quán, cao su Bình Sơn (c 207) cũng xây dựng được một trung đội bộ đội tập trung. Lực lượng bộ đội địa phương tỉnh, huyện đều được trang bị vũ khí đầy đủ với hỏa lực chiến đấu tốt. Trình độ kỹ, thuật chiến, tác chiến ngày càng được nâng cao. Lực lượng du kích các xã, các đồn điền cao su đều phát triển, du kích mật và tự vệ mật phát triển. Mỗi xã đều xây dựng ít nhất là một bán đội du kích và một tổ du kích mật, tự vệ mật.

Bên cạnh các đơn vị bộ đội chủ lực Miền, chủ lực quân khu còn có các Tỉnh ủy, huyện ủy và các đơn vị hậu cần của Miền đứng chân hoạt động trên địa bàn Biên Hòa, Long Khánh. Đoàn 81 ở Biên Hòa và Đoàn 84 ở Long Khánh. Căn cứ của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Biên Hòa đóng tại vùng Suối Cả Bình Sơn (Long Thành). Căn cứ của tỉnh Long Khánh ở khu vực Rừng Lá, đông lộ 2. Căn cứ các huyện: Nhơn Trạch ở khu Lòng Chảo, Long Thành ở Tam An, Tam Phước. Cao su Bình Sơn ở vùng Bình Sơn, An Viễn. Vĩnh Cửu ở căn cứ Đại An (Giang Tói). Trảng Bom ở vùng Bàu Cá. Long Khánh ở khu vực Mây Tàu, Sông Ray.

Dự kiến trước tình hình, thấy rõ vị trí quan trọng của địa bàn Rừng Sác, từ đầu năm 1965 Bộ Chỉ huy Miền (R) đã điều xuống Rừng Sác một phân đội công binh thủy do các đồng chí Cao Thanh Tao và Cù Bạch Yến chỉ huy, hoạt động ven sông Lòng Tàu. Đây là tiền thân của Đoàn 10 Rừng Sác sau này.

Được sự phối hợp, hỗ trợ của bộ đội chủ lực Miền, bộ đội quân khu, phong trào chiến tranh nhân dân ở Biên Hòa, Long Khánh tiếp tục phát triển, vùng giải phóng được mở rộng, làm chủ nhiều tuyến đường giao thông huyết mạch, diệt nhiều đồn bót địch, phát triển nhiều hình thức chiến đấu, đạt hiệu quả cao. Đặc biệt ngày 23 tháng 8 năm 1965 được sự hỗ trợ tích cực của đội biệt động thị xã Biên Hòa, đoàn pháo binh Miền, kết hợp với pháo binh thị xã Biên Hòa lần thứ 2 tổ chức tiến công sân bay Biên Hòa, phá hủy 68 máy bay các loại, tám dàn hỏa tiễn, 30 xe quân sự, 22 bồn dầu, diệt và làm bị thương 300 quân Mỹ, ngụy.

Những thắng lợi đó là đòn đánh phủ đầu quân viễn chinh Mỹ và chur hầu ngay khi chúng vừa đặt chân tới Biên Hòa, Long Khánh, là sự khẳng định của quân dân ta có khả năng đánh Mỹ và thắng Mỹ, giữ vững thế chủ động trên chiến trường.



## **II. KẾT HỢP NHIỀU HÌNH THỨC TÁC CHIẾN CỦA CÁC LỰC LƯỢNG CÔNG BINH, PHÁO BINH, ĐẶC CÔNG, LIÊN TỤC TIẾN CÔNG PHÁ KHO TÀNG, CĂN CỨ QUÂN SỰ ĐỊCH.**

Ngay trong những tháng cuối năm 1965, chuẩn bị cho cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất, quân Mỹ và nguy đã mở liên tiếp hàng trăm cuộc hành quân lớn nhỏ trên địa bàn các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói chung và Biên Hòa – Long Khánh nói riêng. Bom đạn, xe ủi Mỹ đã hủy diệt từng cánh rừng lớn, đốt cháy hàng ngàn héc ta cao su, tàn phá san ủi, phát quang làm thay đổi địa hình nhiều khu vực như vùng tam giác (quốc lộ 1, lộ 15, lộ 2), khu lòng chảo Nhơn Trạch, khu rập ranh chiến khu Đ... nhằm thúc đẩy lực lượng cách mạng, nhất là lực lượng vũ trang ra xa. Hàng trăm thường dân chết và bị thương, hàng nghìn ngôi nhà bị đốt cháy. Nhiều ấp, xã bị triệt hạ, nhân dân bị dồn ra ở các khu vực do địch kiểm soát.

Ngày 11 tháng 11 năm 1965 lữ dù 173 Mỹ có pháo Tân Tây Lan yểm trợ đánh vào căn cứ đồi Gang Tỏi của Tỉnh ủy, tỉnh đội U1. Đại đội 238 dựa vào công sự vững chắc đã bám trụ kiên cường bẻ gãy nhiều đợt xung phong tiến quân của Mỹ, diệt và làm bị thương 78 tên Mỹ.

Trận đọ sức quyết liệt đầu tiên của đặc công U1 Biên Hòa, giành thắng lợi không chỉ mang ý nghĩa quân sự mà có tác động về mặt chính trị rất to lớn. Nó đã động viên cổ vũ quyết tâm đánh Mỹ của quân và dân trong toàn tỉnh đúng như nhận định của đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam: “Cứ đánh Mỹ sẽ tìm ra cách thắng Mỹ”.

Lực lượng vũ trang, dân quân du kích các địa phương trong tỉnh cũng thể hiện tư tưởng chủ động tiến công quân Mỹ, nguy từ đầu. Ở phía bắc thị xã Biên Hòa, quân Mỹ liên tục bị bộ đội đặc công, du kích các xã thuộc huyện Vĩnh Cửu tiến công, đánh mìn, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Tháng 1 năm 1966, quân Mỹ mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất với hai gọng kìm là “tìm diệt” và “bình định”, hòng diệt chủ lực ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường. Chúng lấy miền Đông Nam Bộ làm trọng điểm, bắc Sài Gòn làm hướng chính. Chiến khu Đ là hướng quan trọng. Chúng mở 13 cuộc hành quân cấp sư đoàn, tăng cường đánh vào các cơ quan, căn cứ đầu não của cách mạng, phá kinh tế, ngăn chặn hành lang vận chuyển của ta. Đợt 1 từ tháng giêng đến tháng 5 năm 1966 chủ yếu địch tập trung đánh vào Chiến khu Đ, Chiến khu C và vùng biên giới Bình Phước Long.

Cũng trong tháng 1 năm 1966, Thường vụ Khu ủy miền Đông triển khai nghị quyết Trung ương lần thứ 12 (27 tháng 12 năm 1965) cho các tỉnh. Trên cơ sở phân tích tình hình nhiệm vụ thời kỳ Mỹ chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”, nghị quyết xác định: “Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch không thay đổi lớn, phải giữ

vững và phát triển thế chiến lược tiến công, <sup>(1)</sup> với phương châm: “Kiên trì đấu tranh quân sự kết hợp với chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công...”

Quán triệt quyết tâm của Trung ương Đảng, Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, các Tỉnh ủy Biên Hòa, U1, Long Khánh đã nhanh chóng triển khai lực lượng, phối hợp với chiến trường trọng điểm.

Mặc dù Mỹ đã đổ quân viễn chinh vào chiến trường, nhưng phong trào du kích chiến tranh ở Biên Hòa, Long Khánh vẫn phát triển, nhất là khu vực các xã dọc tỉnh lộ 17, 19 như Phước An, Phú Hội, lộ 24 ở Tân Định, Đại An. Phong trào xây dựng ô ụ chiến đấu phát triển mạnh, du kích bám trụ ô ụ bẻ gãy nhiều trận càn của quân nguy cấp đại đội, tiểu đoàn. Tại Phước An, tháng 3 năm 1966 bộ đội địa phương huyện Nhơn Trạch cùng với du kích xã đã bám địa bàn, dựa vào thế ô ụ chiến đấu bẻ gãy cuộc hành quân càn quét của lữ đoàn 199 Mỹ có hơn 40 xe tăng yểm trợ đánh vào căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa. Tại Phú Hội, Phú Mỹ, Mỹ tổ chức càn quét, xức tát 6.000 dân. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, vận dụng kinh nghiệm ở Phước An, tỉnh đội chỉ đạo lực lượng vũ trang huyện, du kích xây dựng ô ụ chiến đấu, tổ chức bắn tỉa ở đồn Phú Hội liên tục trong một tháng. Cuối cùng địch rút chạy, ta giải phóng xã Phú Hội, Phú Mỹ, ấp Bến Cam (Phước Thiện), ấp Long Hiệu (Long Tân) trên tỉnh lộ 17 và đưa dân về sản xuất.

Mỹ đổ quân vào, nhu cầu về hậu cần, phương tiện chiến tranh ngày càng quy mô, để quốc Mỹ sử dụng tuyến vận tải đường thủy từ biên Đông vào các cảng Nhà Bè, Sài Gòn. Sông Lòng Tàu trở thành tuyến giao thông huyết mạch của địch.

Với nhận thức đánh vào dự trữ của địch không chỉ đánh vào các căn cứ quân sự, kho tàng, mà phải phá hủy ngay các phương tiện chiến tranh của Mỹ trên đường vận chuyển, ngày 16 tháng 4 năm 1966 Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền quyết định thành lập đặc khu Rừng Sác, bao gồm 10 xã Cần Thạnh, Long Thạnh, Đồng Hòa, Lý Nhơn, Bình Khánh (huyện Cần Giờ) Phú Hữu, Phước Khanh (huyện Nhơn Trạch), An Thạnh, Thạnh An, Long Sơn (huyện Châu Đức). Sáp nhập bộ máy lãnh đạo, hành chính huyện Duyên Hải trực thuộc đặc khu quản lý điều hành, Đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) được cử làm Tư lệnh kiêm Chính ủy đặc khu. Đến tháng 6 năm 1966 đồng chí Nguyễn Việt Hoa (Mười Thà) thay làm Tư lệnh, Trần Mân, phó Tư lệnh.

Lực lượng vũ trang đặc khu là đoàn 10 đặc công, bộ đội địa phương và dân quân, du kích, 10 xã Rừng Sác hoạt động hoạt động trên một địa bàn sinh lầy rộng trên 60.000 hécta thuộc các huyện Nhơn Trạch, Cần Giờ, Nhà Bè và xã đảo Long Sơn.

Nhiệm vụ của đặc khu Rừng Sác là đánh phá kho tàng bến cảng của địch: Cát Lở, Rạch Dừa, Nhà Bè, Cát Lái, Thành Tuy Hạ, đánh cháy, đánh chìm các loại tàu chiến, tàu vận tải quân sự, hạn chế đi đến ngăn chặn đường vận chuyển huyết mạch sông Lòng Tàu; đồng thời mở đường giao thông vận chuyển từ khu Rừng Sác về Chiến khu Đ, bằng mọi giá giữ vững địa bàn Rừng Sác, làm bàn đạp áp sát Sài

---

<sup>1</sup> . Một số văn kiện của Đảng về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1986 tập II trang 18.

Gòn – Gia Định, chuẩn bị lâu dài cho cuộc tổng tiến công nổi dậy ở hướng đông nam.

Từ đặc điểm của chiến trường, các Tỉnh ủy Biên Hòa, U1, Bà Rịa – Long Khánh xác định nhiệm vụ trọng tâm của các đảng bộ là: *Quán triệt quyết tâm đánh Mỹ trong toàn quân, toàn dân, xây dựng thực lực cách mạng nhất là lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc các căn cứ địa bàn, phát triển du kích chiến tranh, đặc biệt tăng cường đánh phá vào các kho tàng dự trữ của địch diệt phương tiện chiến tranh và sinh lực cao cấp của chúng. Bám địa bàn, kết hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh ba mũi vũ trang, chính trị, binh vận đấu tranh chống gom dân lập áp chiến lược, chống bắn pháo, chống bắt lính kìm kẹp quần chúng, bảo vệ quyền lợi nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích.*

Thực hiện nhiệm vụ này, các lực lượng vũ trang, chính trị địa phương phối hợp với các lực lượng bộ đội chủ lực quân khu và Miền bước vào đợt chiến đấu mới giành nhiều thắng lợi.

Lúc này ở huyện Vĩnh Cửu giáp ranh thị xã Biên Hòa, lữ đoàn du 173 Mỹ và quân chủ hâu Úc liên tục tổ chức càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang địa phương, đẩy bộ đội ta ra xa, dạt về phía sông Đồng Nai để bảo đảm an toàn cho sân bay và các căn cứ, hậu cứ lớn của chúng ở Biên Hòa. Tuy gặp nhiều hy sinh, thử thách, nhưng các lực lượng bộ đội địa phương huyện, du kích các xã và đặc biệt hơn là đơn vị đặc công U1 vẫn kiên cường, dựa vào dân, đào hầm bí mật bám trụ chiến đấu. Chỉ riêng xã Thiện Tân, bộ đội, du kích trong sáu tháng đầu năm 1966 đã đào được 10 hầm bí mật để ém quân, tạo được bàn đạp đứng chân cho các lực lượng đặc công đánh vào các kho tàng, đầu não của Mỹ, ngay ở Biên Hòa, khu kho liên hợp Long Bình...

Khu kho liên hợp Long Bình cách Sài Gòn 24 ki-lô-mét về hướng đông bắc, rộng hơn 20 ki-lô-mét vuông là tổng kho hậu cần lớn nhất của quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Đây là khu kho tàng trữ, cung cấp đủ loại bom đạn, khí tài chiến tranh phục vụ cho hoạt động của quân viễn chinh Mỹ và chủ hâu. Kho được bố phòng và canh gác rất chặt chẽ, kiên cố với hàng chục lớp hàng rào dây thép gai có gai lựu đạn, mìn. Đường hành lang bên trong kho thường xuyên có xe quân sự tuần tra; có hệ thống báo động tối tân hiện đại cùng nhiều đơn vị bảo vệ cả bên trong và bên ngoài.

Đây là mục tiêu tiến công mà Bộ chỉ huy Miền giao trách nhiệm cho Tỉnh đội U1. Quyết tâm của Tỉnh ủy, Tỉnh đội U1 chỉ đạo đánh vào tổng kho Long Bình, trọng điểm là khu kho đồi 50 và 53.

2 giờ sáng ngày 22 tháng 6 năm 1966 các chiến sĩ đại đội 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Tấn Vàng, Nguyễn Văn Thái (Tur Già) chỉ huy đã dũng cảm, mưu trí vượt qua mọi chướng ngại phòng thủ của địch, dùng mìn có gắn kíp hẹn giờ đánh vào khu kho liên hợp Long Bình, phá hủy 40.000 quả đạn pháp 155 ly của Mỹ. Thắng lợi này đã tác động rất lớn đối với phong trào cách mạng ở Biên

Hòa và Sài Gòn, có tác dụng hỗ trợ và cổ vũ tinh thần đánh Mỹ của quân và dân ta trên các chiến trường.

Trên chiến trường Long Khánh, bộ đội chủ lực Miền (hai trung đoàn 4 và 5 thuộc Sư đoàn 5), bộ đội địa phương và du kích phải đối đầu với một lực lượng địch đông gấp nhiều lần. Ngoài lực lượng quân nguy, lực lượng quân Mỹ và chư hầu trên địa bàn gồm lữ đoàn 199 Mỹ, lữ đoàn 2 sư đoàn 1. “Anh cả đỏ”, tiểu đoàn 3 lữ đoàn 1 Hoàng gia Úc, trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ, một đại đội pháo Tân Tây Lan... Ngày 11 tháng 4 năm 1966 qua nhiều lần giáp chiến quân Mỹ, Trung đoàn 4 đã tập kích tiêu diệt một tiểu đoàn quân Mỹ thuộc lữ đoàn 199, loại khỏi vùng chiến đấu 500 tên, thu 40 súng các loại ở suối Tầm Bó (khu vực ngã ba Tầm Bó – Gia Hoét). Cùng thời gian trên, Trung đoàn 5 cũng liên tục tổ chức đánh địch, hỗ trợ bộ đội địa phương chống địch “bình định” ở khu vực tam giác giữa đường số 1, số 20 và số 2 (Biên Hòa, Long Khánh).

Trong đợt đánh sư đoàn 18 nguy (có trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ yểm trợ) giải tỏa và bình định gom dân dọc theo trục lộ số 20 và số 1, ngày 18 tháng 6 năm 1966, Trung đoàn 5 đã chặn đánh tiêu diệt tiểu đoàn 1, chiến đoàn 52, sư đoàn 18 nguy, bắn cháy 16 xe cơ giới trong đó có sáu xe M113, thu tám súng các loại tại ngã ba Ông Đồn (Xuân Lộc).

Với hàng chục trận đánh quân Mỹ, chư hầu và quân nguy (phối hợp và độc lập), lực lượng vũ trang địa phương dân quân du kích các tỉnh Biên Hòa, Long Khánh ngày càng lớn mạnh về cả số lượng và chất lượng. Trang bị vũ khí ngày càng tốt hơn đặc biệt là kỹ chiến thuật tác chiến được nâng cao, phục kích đánh địch ruồng càn, đánh giao thông, đánh xe tăng và cơ giới địch.

Bị thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ gia tăng cường độ và mở rộng đánh phá miền Bắc.

Ngày 26 tháng 6 năm 1966, Mỹ cho máy bay ném bom Thủ đô Hà Nội, thành phố cảng Hải Phòng, nhằm ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc và tiền tuyến lớn miền Nam.

Ngày 17 tháng 7 năm 1966 từ Hà Nội, trái tim của Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi lịch sử khẳng định quyết tâm chiến thắng giặc Mỹ xâm lược: *“Giôn-xon và bè lũ phải biết rằng: chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Chúng có thể dùng hàng chục nghìn máy bay tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng không lay chuyển được ý sắt đá, quyết tâm chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng...”, “chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. Không có gì quý hơn độc lập tự do”*...<sup>(1)</sup>

Lời kêu gọi của Bác Hồ đã động viên cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước, nâng cao quyết tâm đánh Mỹ của toàn quân toàn dân ta.

<sup>1</sup> .Những sự kiện lịch sử Đảng, Nxb Thông tin lý luận – tập 3, HN 1985 trang 374.

“Hậu phương gọi, tiền tuyến đáp lời”, đó là nhiệm vụ thiêng liêng, là mệnh lệnh trái tim của đồng bào miền Nam trực tiếp là các lực lượng vũ trang giải phóng. Quân dân các Biên Hòa, Long Khánh quyết đạp bằng mọi hy sinh gian khổ cùng đồng bào miền Nam thực hiện xuất sắc lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch.

Tại Rừng Sác ngày 20 tháng 7 năm 1966, đội 4 đặc công thủy (gồm 60 đồng chí) đã chặn đánh bẻ gãy trận càn của một tiểu đoàn thuộc lữ đoàn 199 Mỹ vào căn cứ, diệt và làm bị thương 135 tên.

Ngày 28 tháng 8 năm 1966, bằng một quả thủy lôi K5 (còn gọi là thủy lôi sừng chạm) Đoàn 10 đặc công Rừng Sác đã đánh chìm chiến tàu hậu cứ Baton-Rugio-Victory 10.000 tấn của sư đoàn 4 Mỹ. Trên tàu gồm có 45 thủy thủ, 100 chiến thiết giáp M113, các linh kiện, phụ kiện của ba máy bay phản lực và một khối lương thực thực phẩm đủ cho một sư đoàn lính Mỹ ăn trong một tháng. Đây là chiến công lớn mở màn cho hàng loạt trận đánh thắng lợi sau này của Đoàn 10 vào các bến cảng, kho tàng, căn cứ quân sự Mỹ xuất phát từ địa bàn Rừng Sác.

Ngày 1 tháng 11 năm 1966 một khẩu đội ĐKZ 75 của Đoàn 10 xuất phát từ căn cứ Phước An (Nhơn Trạch) lườn sâu qua Bung Sáu xã – Thủ Đức, tổ chức trận địa bắn chính xác tám quả đạn nổ ngay vào cuộc mít tinh kỷ niệm cái gọi là “quốc khánh Việt Nam cộng hòa” sau nhà thờ Đức Bà (Sài Gòn) trong lúc Nguyễn Cao Kỳ đang huênh hoang đọc diễn văn, gây tiếng vang chấn động trong và ngoài nước.

Cuối năm 1966 cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất của Mỹ thất bại. Chúng tiếp tục tăng quân, củng cố lực lượng và từ giữa tháng 9 năm 1966 mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai.

Cuộc phản công lần thứ 2 bắt đầu với cuộc hành quân Attebro ngày 14 tháng 9 năm 1966 và kết thúc vào đầu tháng 6 năm 1967 với cuộc hành quân Manhattan.

Trong cuộc phản công chiến lược này địch tập trung một lực lượng binh lực lớn hơn và chỉ tập trung vào một hướng chủ yếu là miền Đông Nam Bộ trọng điểm là căn cứ Dương Minh Châu. Đồng thời triển khai mạnh mẽ công tác “bình định nông thôn” ở các vùng trọng điểm.

Tại chiến trường Biên Hòa, Long Khánh, quân Mỹ triển khai lực lượng trên qui mô lớn. Tháng 9 năm 1966 trung đoàn kỵ binh thiết giáp số 11 đóng căn cứ ở Suối Râm (Long Khánh) làm lực lượng cơ động trên chiến trường miền Đông chủ yếu là Biên Hòa, Long Khánh. Tiếp đó tháng 11 và 12 năm 1966, một lữ đoàn bộ binh và một lữ đoàn dù (sư đoàn 101 Mỹ) triển khai ở căn cứ Long Bình, một lữ đoàn thuộc sư đoàn 9 bộ binh Mỹ lập căn cứ ở Nước Trong (tỉnh Biên Hòa).

Địch mở các cuộc hành quân lớn đánh vào các khu tam giác lộ 1, lộ 15, lộ 2 (Bình Sơn, Sông Ray, khu lòng chảo Nhơn Trạch...) chúng sử dụng chất độc hòa học, chất khai hoang để phá địa hình khu vực bắc sân bay Biên Hòa (Vĩnh Cửu, Cây Gáo), kết hợp xe cơ giới ủi phá địa hình, phá rừng, phá cao su dọc theo các tuyến lộ 1, lộ 2, lộ 15... càn quét ác liệt khu căn cứ lòng chảo Nhơn Trạch.

Song song với hoạt động “tìm diệt”, trong đợt phản công chiến lược lần thứ 2, Mỹ, nguy nỗ lực tăng cường “gọng kìm bình định”. Sư đoàn 18 nguy, lực lượng bảo an, dân vệ, cảnh sát liên tục mở các trận hành quân càn quét bình định vòng trong, tiếp tục xúc tát dân gom vào các khu tập trung, lập các ấp dân sinh.<sup>(1)</sup> Các xã vùng giáp ranh Vĩnh Cửu, quân nguy bung ra mở thêm nhiều chốt đóng quân trên trục lộ 24, nam sông Đồng Nai. Lực lượng vũ trang địa phương, du kích các xã bám trụ hoạt động vô cùng khó khăn. Địch quyết tâm đánh tiêu diệt lực lượng vũ trang ở khu vực lòng chảo Nhơn Trạch. Các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và du kích bám đánh Mỹ, nguy kiên quyết không chạy dạt.

Tháng 11 năm 1966 Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới, xác định nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: *“Ra sức đánh bại cuộc phản công mùa khô lần thứ 2 của quân xâm lược Mỹ, làm thất bại các mục tiêu của chúng, giữ vững thế chủ động, bảo tồn và phát huy lực lượng của ta, tạo thời cơ và điều kiện hoạt động tiếp theo, tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa, thực hiện quyết tâm chiến lược của Trung ương, đồng thời ra sức xây dựng cơ sở vững chắc chuẩn bị đánh thắng địch trong điều kiện chiến tranh kéo dài hoặc mở rộng ra cả nước”*.

Đề tạo điều kiện cho quân chủ lực ta tập trung đánh tiêu diệt quân Mỹ, đồng thời đảm bảo tuyến hành lang chiến lược từ các tỉnh nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào, tháng 12 năm 1966, Trung ương Cục miền Nam quyết định sáp nhập ba tỉnh Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hòa thành một tỉnh thống nhất gọi tên là Bà Biên.

Thường vụ Khu ủy chỉ định Ban Chấp hành Tỉnh ủy Bà Biên gồm các đồng chí tỉnh ủy của ba tỉnh. Đồng chí Lê Đình Nhơn (Chín Lê), ủy viên Thường vụ Khu ủy được cử làm bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Văn Hy, Phan Văn Trang, Hai Nhất, phó bí thư.

Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bà Biên gồm: đồng chí Đặng Hữu Thuán (Út Đặng), ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng Lê Đình Nhơn, Chính trị viên; Phan Văn Trang, Chính trị viên phó; các Tỉnh đội phó: đồng chí Phạm Lạc, Châu Văn Lòng; Út Hoạt, Tham mưu trưởng; Ba Cân, Chính trị viên phó; Ba Liên, phó Chính trị viên – Chính trị viên d 445.

Lực lượng vũ trang tỉnh Bà Biên:

Đại đội 240 của tỉnh Biên Hòa đưa về huyện Long Thành (Nhơn Trạch, Long Thành nhập thành huyện Long Thành), Huyện đội trưởng Long Thành: đồng chí Châu Văn Lòng; chính trị viên huyện đội Nguyễn Công Hạnh.

- Đại đội địa phương tỉnh Long Khánh đưa về huyện Xuân Lộc. Huyện đội trưởng đồng chí Phạm Lạc; huyện đội phó đồng chí Nam.

- Tiểu đoàn 445 để lại tỉnh Bà Biên (đến năm 1967, Bộ Chỉ huy Miền điều về cho tỉnh Bà Biên Tiểu đoàn 440 và bố trí chiến đấu trên chiến trường Long Khánh,

---

<sup>1</sup>. Tức ấp chiến lược.

Định Quán). Lực lượng tinh còn lại: đại đội công binh, đại đội đặc công, đại đội trinh sát, đại đội bảo vệ căn cứ.

Để tăng cường huyện, tập trung chỉ đạo huyện, theo đề nghị của Tỉnh ủy, Thường vụ Khu ủy quyết định nhập Long Thành và Nhơn Trạch thành huyện Long Thành. Huyện ủy do đồng chí Nguyễn Văn Thông, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm bí thư.

Huyện Trảng Bom, đồng chí Thái Văn Thái làm bí thư, Nguyễn Hải, phó bí thư. Huyện đội trưởng là đồng chí Sáu Lố.

Đứng chân hoạt động trên địa bàn còn có các đơn vị của Sư đoàn 5 chủ lực Miền.

Tỉnh ủy Bà Biên chủ trương: quyết tâm bám trụ địa bàn nhất là những địa bàn trọng điểm như: Long Đất, Long Thành, khu vực đồn điền cao su, kiên quyết bám dân, bám đất, nhanh chóng khôi phục lại cơ sở mật, các đội du kích tự vệ mật làm cơ sở cho đánh phá bình định. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang, giữ vững căn cứ, từng bước khôi phục vùng giải phóng và thế làm chủ các xã ấp.

Đi đôi với việc củng cố và tăng cường các đơn vị vũ trang hiện hữu. Tỉnh đội Bà Biên chỉ đạo thành lập đội vũ trang chốt Suối Râm gồm 30 chiến sĩ đặc công có nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Nhiệm vụ của đội là sử dụng B40, B41, các loại mìn tự tạo để đánh xe tăng Mỹ ở căn cứ Suối Râm, tạo thành một vành đai diệt xe cơ giới Mỹ trên tỉnh lộ 2 Xuân Lộc – Bà Rịa.

Tỉnh ủy chỉ đạo ban kinh tài tỉnh cùng các huyện phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện để hai đoàn hậu cần 81 và 84 của Miền đang triển khai hoạt động trên các hướng lộ 1, lộ 15, lộ 20, mở các cửa khẩu hậu cần ở Định Quán, cây số 116, 125 (lộ 20), Bình Sơn, Phước Thái (Long Thành), Cây Gáo, Bàu Hàm (Trảng Bom)... hình thành tuyến vận tải Rừng Sác vượt lộ 15 về rừng giồng Hắc Dịch, lên chiến khu Đ.

Trên chiến trường U1, lực lượng vũ trang có hai đại đội đặc công (đại đội 1 và đại đội 2) được bổ sung quân số và trang bị mạnh đủ sức hoàn thành nhiệm vụ đánh vào kho tàng, hậu cứ của Mỹ ngay (đại đội 2), sân bay Biên Hòa (đại đội 1).

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Cục, phối hợp với các chiến trường nhằm đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2, U ủy chỉ đạo cho đặc công U1 đánh vào hai mục tiêu quân sự lớn là sân bay Biên Hòa và Kho tổng kho liên hợp Long Bình, diệt sinh lực, phương tiện chiến tranh hỗ trợ đặc lực cho các chiến trường trọng điểm của Miền.

Với sự phối hợp, giúp đỡ của Thị ủy Biên Hòa, các huyện ủy Vĩnh Cửu, Trảng Bom nhất là lực lượng du kích, tự vệ, cơ sở mật, trong ba tháng liên tiếp là tháng 10, 11 và 12 năm 1966, các đại đội 1 và 2 bộ đội đặc công U1 đã dũng cảm mưu trí sáng tạo đánh vào tổng kho Long Bình ba lần, gây thiệt hại lớn cho địch, phá hủy 353.000 quả bom, pháo các loại. Đại đội 2 được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng hai. Ở huyện Trảng Bom, bộ đội chủ lực Miền phối hợp với bộ đội địa phương tiến công vào chi khu Trảng Bom diệt nhiều sinh lực địch. Đặc biệt là trận

phục kích ở Hưng Nghĩa ngày 21 tháng 11 năm 1966, bộ đội ta đã diệt 140 tên địch, bắn cháy tại chỗ 25 xe quân sự, trong đó có 12 xe thiết giáp.

Tháng 2 năm 1967, trong lúc Mỹ đang khẩn trương chuẩn bị cho cuộc hành quân lớn nhất – cuộc hành quân Gian-xon-xi-ty đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh) thì Tỉnh ủy và Tỉnh đội U1 nhận được điện của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền giao nhiệm vụ cần phải đánh mạnh vào kho Long Bình gây thiệt hại nặng cho địch để hỗ trợ chiến trường chung.

Chấp hành lệnh, 2 giờ 45 phút rạng sáng ngày 4 tháng 2 năm 1967 đại đội đặc công U1 đã dũng cảm bí mật đột nhập vào tổng kho Long Bình, dùng mìn đánh đồng loạt vào 40 kho bom đạn, phá hủy 800.000 quả đạn pháo 105, 155 ly.

Phong trào đánh Mỹ, dành danh hiệu dũng sĩ diệt Mỹ, dũng sĩ diệt xe tăng đẩy lên khắp các xã huyện trên địa bàn tỉnh.

Đội biệt động thị xã Long Khánh liên tục tổ chức thọc sâu vào nội ô thị xã đánh Mỹ, nguy trang trong lòng nội ô thị xã, gây cho địch nhiều tổn thất. Đặc biệt chi bộ Đảng đồn điền cao su Bình Sơn (Long Thành) đã tổ chức xây dựng đội tự vệ mật gồm 35 em thiếu niên từ 13 đến 16 tuổi. Đội đã có nhiều hoạt động xuất sắc; vừa làm công tác giao liên, nắm tình hình, bảo vệ cán bộ, vừa tổ chức đánh địch diệt hàng chục tên Mỹ, nguy.

Hỗ trợ cho phong trào du kích chiến tranh ngày càng phát triển mạnh mẽ ở địa phương, bộ đội chủ lực quân khu, chủ lực Miền bố trí lực lượng đánh địch càn quét, bẻ gãy các cuộc càn của chiến đoàn 52 sư đoàn 10 nguy ở Hưng Nghĩa, Cù Bị, Cẩm Đường, nam Chòi Đòng diệt ba đại đội địch...

Đầu tháng tư năm 1967, tranh thủ thời cơ trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ vừa từ chiến trường bắc Tây Ninh về căn cứ Suối Râm, tinh thần binh lính đang mệt mỏi, Trung đoàn 4 kịp thời tổ chức bố trí trận pháo kích vào căn cứ Suối Râm, phá hủy và làm hư hỏng 146 xe thiết giáp, xe tăng, diệt nhiều sinh lực địch.

Đêm 19 tháng 5 năm 1967 sau nhiều ngày chuẩn bị chiến trường, Trung đoàn pháo DKB 274 Miền do đồng chí Tô Đê chỉ huy cùng hai khẩu DKZ 75 của Tỉnh đội U1 đã tổ chức tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa. Hơn 100 máy bay các loại của Mỹ bị hư hỏng nặng.

Bộ đội Sư đoàn 5 Miền trong những tháng giữa năm 1967 cũng liên tục tổ chức đánh địch ở Gia Ray, Trảng Táo, Bến Nôm, Định Quán tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Hầu hết các chiến đoàn của sư đoàn 10 đều bị thương vong lớn. Địch đổi tên sư đoàn 10 thành sư đoàn 18.<sup>(1)</sup>

Mặc dù tổn thất nặng nề trên các chiến trường nhưng quân Mỹ, nguy và chư hầu vẫn ngoan cố tung quân càn quét, chốt chặn nhiều địa bàn trọng yếu nhất là các khu vực xung quanh thị xã Biên Hòa, trục đường số 1, 15... Trên hướng lộ 2, lộ 1 trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ, bộ binh Mỹ, Úc, nguy liên tục tổ chức càn quét, thả biệt kích hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng, các vùng Cẩm Đường,

---

<sup>1</sup>. Bị thiệt hại nặng cho rằng con số 10 là con số “bù” gặp nhiều xui xẻo nên đã đổi tên thành sư đoàn 18.



Mây Tàu, Rừng Lá... đều trở thành mục tiêu oanh kích tự do của phi pháo địch. Ở hướng bắc thị xã Biên Hòa, biệt kích Mỹ hoạt động liên tục trong rừng, đóng chốt án ngữ ở các tuyến hành lang chiến lược của ta. Trên địa bàn các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Long Thành, ngoài các đồn bót cũ chúng còn bung ra xây dựng nhiều cụm chốt dã ngoại, các trận địa pháo ở Sông Thao, Suối Đĩa, Trảng Bom... Mặt khác lực lượng tề ngụy tăng cường công tác bình định: bên trong các xã ấp, các đồn điền cao su, đặc biệt là chúng tập trung đẩy mạnh chiến tranh tâm lý trong đồng bào gây không ít khó khăn cho việc bám trụ đánh địch của các lực lượng vũ trang.

Tháng 10 năm 1967, sư đoàn bộ binh “Mãng Xà vương” Thái Lan đổ quân triển khai đóng căn cứ ở Nước Trong (Long Thành). Chúng bung ra xây dựng các cụm đóng quân dã ngoại ở Bình Sơn, Phước An, Phước Thọ (thuộc địa bàn huyện Long Thành). Chúng được giao nhiệm vụ là phối hợp với quân ngụy tiến hành càn quét “tìm diệt” lực lượng vũ trang cách mạng, hỗ trợ cho tề ngụy “bình định” các xã trong vùng, bảo vệ tuyến giao thông huyết mạch là quốc lộ 15 nối Sài Gòn – Biên Hòa – Vũng Tàu.

Đến những tháng cuối năm 1967 quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu Úc, Thái Lan đã triển khai lực lượng ngày càng đông đảo trên địa bàn các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh.

Tình hình tuy khó khăn, nhưng các Đảng bộ Bà Biên, U1 vẫn vững vàng trong mọi tình huống. Quyết tâm của các Tỉnh ủy, Tỉnh đội là kiên quyết giữ vững địa bàn bám trụ của các lực lượng vũ trang, tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng nhất là lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích, tổ chức đánh diệt sinh lực địch ở ngay trung tâm đầu não của chúng, cùng đoàn Miền đánh bại cuộc phản công chiến lược lần thứ 2 của Mỹ, chuẩn bị thời cơ mới theo tinh thần nghị quyết Bộ Chính trị tháng 10 năm 1967.

Trên tinh thần đó, các đơn vị chủ lực Miền, chủ lực quân khu, đứng chân hoạt động trên địa bàn, bộ đội địa phương tỉnh, huyện và dân quân du kích, tự vệ (kể cả lực lượng lộ và mật) đều chuẩn bị kỹ càng phương án tác chiến và hoạt động của mình. Đặc biệt lực lượng hậu cần các cấp (đoàn 81, 84 hậu cần Miền, hậu cần Quân khu, hậu cần tỉnh...) đã tích cực chuẩn bị lương thực, thực phẩm phục vụ bộ đội chiến đấu đồng thời xây dựng nhiều kho dự trữ lớn ở các khu căn cứ.

Sau hơn hai năm kiên cường bám trụ đối đầu trực tiếp với quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh ngày càng lớn mạnh về mọi mặt, giành nhiều thắng lợi to lớn đặc biệt là đánh tiêu diệt các phương tiện chiến tranh hiện đại, đánh thiệt hại nặng tổng kho Long Bình, góp phần đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của Mỹ, tiếp tục giành và giữ thế chủ động trên chiến trường sẵn sàng cùng với quân và dân toàn Miền bước vào cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968.

### **III. THỰC HÀNH CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968.**

Trên toàn chiến trường miền Nam, đến cuối năm 1967 quân và dân ta đã giành được thắng lợi to lớn... Đặc biệt ta đã làm thất bại hai đợt phản công chiến lược mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967 của địch.

Tháng 12 năm 1967 hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định: “*Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả hai miền đưa cuộc cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất bằng phương pháp tổng công kích tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định*”. Bộ Chính trị cũng chỉ rõ: “*Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của toàn Đảng, toàn quân toàn dân ở hai miền là thực hiện tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, giành thắng lợi quyết định*”.<sup>(1)</sup>

Căn cứ nghị quyết của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền đã đề ra kế hoạch tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở miền Nam. Trọng điểm của chiến trường B2 (Nam Bộ) là Sài Gòn – Gia Định và miền Đông Nam Bộ. Mục tiêu là đánh chiếm các thành phố, thị xã, làm tan rã đại bộ phận quân nguy, diệt một bộ phận quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, đánh đổ nguy quyền các cấp, làm chuyển biến cục diện chiến trường, tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Trung ương Cục quyết định tổ chức bố trí lại các chiến trường, giải thể các quân khu, thành lập năm phân khu (từ 1 đến 5) tạo thành năm mũi tiến công vào đầu não Mỹ, nguy ở Sài Gòn. Riêng nội đô Sài Gòn – Gia Định, Trung ương Cục quyết định thành lập Phân khu 6.

Khu miền Đông giải thể, tỉnh Bà Biên không còn, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh và tỉnh Biên Hòa được bố trí lại. Các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, cao su Bình Sơn của Biên Hòa được Khu quyết định nằm trong đội hình Phân khu 4. Tỉnh đội trưởng Bà Rịa – Long Khánh, đồng chí Đặng Hữu Thuần. Tư lệnh phân khu 4 đồng chí Lương Văn Nho.

Huyện Trảng Bom nhập về U1 Biên Hòa. Như vậy U1 gồm có thị xã Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Trảng Bom do đồng chí Nguyễn Sơn Hà bí thư, Phan Văn Trang phó bí thư. Ban chỉ huy Quân sự tỉnh Biên Hòa U1 gồm có: Tỉnh đội trưởng – trung tá Trần Công An; chính trị viên tỉnh đội Phan Văn Trang; tỉnh đội phó gồm các đồng chí thiếu tá Ba Tho, Tư Tuất, Hai Tiên.

Thị xã Biên Hòa được Trung ương Cục xác định là trọng điểm của cuộc Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa ở miền Đông. Đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh, tham mưu trưởng Miền đã trực tiếp xuống địa bàn triển khai nghị quyết và kế hoạch tiến công nổi dậy ở Biên Hòa. Một cuộc hội nghị quân sự mở rộng được triệu tập họp tại căn cứ Bàu Sao – bắc Trảng Bom để bàn bạc, thống nhất kế hoạch tiến công và phương án tác chiến kế hoạch phối hợp giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích. Tham dự hội nghị có Bộ Chỉ huy Sư đoàn 5 Miền, Tỉnh ủy, Tỉnh đội U1, các huyện ủy, huyện đội Vĩnh Cửu, Trảng Bom.

Sau khi quán triệt ý nghĩa mục đích, yêu cầu quan trọng của chiến dịch, đồng chí Lê Đức Anh nêu rõ các mục tiêu tiến công cụ thể ở thị xã Biên Hòa là: sân bay,

---

<sup>1</sup>. Những sự kiện lịch sử Đảng NXB thông tin lý luận – T3 Hà Nội 1985 trang 406, 407.

bộ tư lệnh quân đoàn 3 ngụy, khu kho liên hợp Long Bình, bộ tư lệnh dã chiến 2 Mỹ, tòa hành chính tỉnh, ty cảnh sát ngụy, chi khu Công Thanh, chi khu Đức Tu, chi khu Trảng Bom. Ở địa bàn các xã phường, lực lượng biệt động, du kích, tự vệ mật tiến công các đồn bót, trụ sở tề ngụy, diệt ác phá kềm, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ.

Chỉ huy mặt trận Biên Hòa gồm các đồng chí Trần Minh Tâm, sư đoàn trưởng Sư đoàn 5 Miền làm Tư lệnh, đồng chí Trần Công An (Hai Cà), Tỉnh đội trưởng U1 làm phó Tư lệnh, đồng chí Trần Văn An, Chính ủy Sư đoàn 5 làm Chính ủy, đồng chí Phan Văn Trang, phó Bí thư U ủy làm phó Chính ủy. Chỉ huy tiền phương gồm Trần Minh Tâm, Trần Công An, Phan Văn Trang và Nguyễn Thanh Hồng, Tham mưu trưởng Sư đoàn 5.

Tỉnh ủy, tỉnh đội U1 nhanh chóng triển khai kế hoạch cụ thể đến cán bộ, bộ đội các địa phương, đơn vị trong tỉnh, đồng viên toàn cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng bước vào chiến dịch với quyết tâm cao nhất, đồng thời đảm bảo bí mật tuyệt đối, giữ kín các mục tiêu tiến công cho đến giờ hành động.

Các đơn vị hậu cần của Tỉnh ủy, Tỉnh đội U1 triển khai nhanh, khẩn trương việc vận chuyển vũ khí, đạn dược từ chiến khu D về cất giấu ở các kho vừa mới thiết lập quanh thị xã Biên Hòa đồng thời tiến hành thu mua, dự trữ lương thực phục vụ bộ đội chiến đấu dài ngày. Các cánh CZ của thị xã Biên Hòa cùng đội biệt động thường xuyên đột nhập thị xã nắm tình hình, hướng dẫn trinh sát Sư đoàn 5 điều nghiên các mục tiêu. Thị ủy chỉ đạo các chi bộ mật, cơ sở mật chuẩn bị nổi dậy phối hợp, bí mật vận chuyển vũ khí từ căn cứ Bàu Hàm, Hưng Lộc về cất giấu ở Gò Me, Hiệp Hòa, Bình Đa... (nội ô thị xã), xây dựng hầm bí mật để lực lượng biệt động bám trụ chiến đấu...

Ở Phân khu 4 và tỉnh Bà Rịa – Long Khánh <sup>(1)</sup>, Trung ương Cục cử đồng chí Nguyễn Ngọc Tân (Hai Lực) nguyên bí thư Khu ủy miền Đông làm đặc phái viên trực tiếp triển khai nhiệm vụ, kế hoạch tổng công kích tổng khởi nghĩa ở địa phương cũng như phối hợp tiến công vào Sài Gòn.

Giữa tháng 1 năm 1968, đồng chí Hai Lực xuống căn cứ Rừng Sác để triển khai cho các đồng chí lãnh đạo Phân khu ủy Phân khu 4 và đặc khu Rừng Sác. Các mục tiêu tấn công của các đơn vị bộ đội thuộc Phân khu 4 và đặc khu Rừng Sác là: cắt giao thông thủy trên sông Lòng Tàu, đánh quân cảng Nhà Bè, Cát Lái, Sài Gòn, Dinh Độc lập tòa đại sứ Mỹ, bộ tư lệnh hải quân ngụy, cầu Rạch Chiếc, các chi khu Thủ Đức, quận 9, các đồn bót, trụ sở tề ngụy; phát động nhân dân nổi dậy diệt ác, phá tề, giành chính quyền. Bộ Chỉ huy mặt trận Phân khu 4 do đồng chí Lương Văn Nho (Hai Nhã) làm Chính ủy, các đồng chí: Mười Chiến, Bí thư Phân khu ủy, Lê Quang Chử, phó Bí thư Phân khu ủy phụ trách công tác phong trào.

---

<sup>1</sup>. + Phân khu 4 gồm các đơn vị huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch, Quận 9 Sài Gòn, nam huyện Thủ Đức, sở cao su Bình Sơn, Ship.

+ Tỉnh Bà Rịa – Long Khánh gồm các đơn vị: huyện Long Đất, Châu Đức, Xuyên Mộc, Xuân Lộc, Định Quán, Thị xã Bà Rịa, thị xã Long Khánh và thị xã Vũng Tàu.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, huyện Duyên Hải được tách, nhập trở về hệ thống tổ chức Phân khu 4. Đoàn 10 được tăng cường các đơn vị đặc công thủy, bộ từ miền Bắc. Đoàn 10 đặc công Rừng Sác do đồng chí Tám Sơn, Chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Bá Ước (Bảy Ước), chính ủy.

Tiếp theo, ngày 26 và 27 tháng 1 năm 1968, đồng chí Hai Lực về căn cứ Suối Thè (Sông Ray) để phổ biến kế hoạch cho Tỉnh ủy Bà Rịa – Long Khánh.

Mục tiêu của cuộc tổng công kích tổng khởi nghĩa ở Bà Rịa – Long Khánh là tập trung hai thị xã Bà Rịa và Long Khánh, các chi quân sự quận.

Bộ chỉ huy Miền tăng cường cho tỉnh một tiểu đoàn phiên hiệu là d440 và 1600 quả đạn cối 82 ly do đồng chí Hai Tĩnh làm tiểu đoàn trưởng.

Đồng chí Đặng Hữu Thuận (Út Đặng) chỉ huy chung, đồng chí Lê Đình Nhơn (Chín Lê) làm chính ủy trực tiếp chỉ đạo ở thị xã Bà Rịa.

Tiểu đoàn 440 được bố trí triển khai trên địa bàn Long Khánh đánh địch tại Xuân Lộc, Định Quán.

Ban chỉ huy chiến dịch tiến công và nổi dậy ở Long Khánh được thành lập gồm các đồng chí Lê Sắc Nghi (Bảy Nghi), ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Lạc (Tư Lạc), Tỉnh đội phó và các đồng chí bí thư các huyện ủy Xuân Lộc, Định Quán, thị xã Long Khánh...

Lực lượng vũ trang gồm có Tiểu đoàn 440, đội biệt động thị xã, đội trinh sát vũ trang, đại đội địa phương Xuân Lộc (K8) và du kích các xã ven. Riêng ở huyện Định Quán ngoài đại đội địa phương huyện (K9) còn được tăng cường một bộ phận của Đoàn hậu cần 814 Miền.

Ngày 29 và 30 tháng 1 năm 1968, Ban chỉ huy chiến dịch tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa kiểm tra lần cuối toàn bộ kế hoạch tổng công kích – tổng khởi nghĩa ở các đơn vị bên ngoài và bên trong thị xã. Lực lượng vũ trang Miền (Su 5), các lực lượng vũ trang địa phương và phối thuộc tập trung cho mặt trận thị xã Biên Hòa 15.000 quân được trang bị vũ khí mạnh (súng AK, B40, B41, pháo tên lửa...). Sư đoàn 5 phụ trách đánh bộ tư lệnh dã chiến II Mỹ, bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, sân bat Biên Hòa. Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh kho bom Long Bình. Lực lượng huyện Vĩnh Cửu và một trung đội của Su 5 đánh vào quận lỵ Công Thanh. Lực lượng huyện Trảng Bom và một bộ phận chủ lực Su 5 đánh vào yếu khu Trảng Bom. Đội biệt động thị xã Biên Hòa đánh vào ty cảnh sát Biên Hòa, tòa hành chính tỉnh. Trung đoàn pháo tên lửa đặt trận địa pháo ở Hiếu Liêm (bắc sông Đồng Nai) bắn vào sân bay Biên Hòa.

Ở thời điểm này lực lượng địch đóng quân trên địa bàn Biên Hòa, Long Khánh gồm có: ba lữ đoàn quân Mỹ (lữ đoàn dù 173, hai lữ đoàn bộ binh 199 và 314), trung đoàn 11 thiết giáp đóng ở Suối Râm – Long Khánh, bộ tư lệnh dã chiến 2 Mỹ đóng ở Long Bình, các cụm pháo ở Gia Ray, Sông Thao, Trảng Bom, Suối Đĩa..., một trung đoàn quân chư hầu Thái Lan đóng tại Long Thành, Nhơn Trạch. Quân nguy có năm tiểu đoàn thuộc sư đoàn 18, 46 đại đội bảo an, năm tiểu đoàn lính dù và lính thủy đánh bộ hai trung đoàn pháo, một trung đoàn thiết giáp, một sư đoàn

không quân, bảy đại đội trợ chiến, hai tiểu đoàn biệt động quân và hàng ngàn dân vệ, công an, cảnh sát...

Như vậy tương quan lực lượng, quân địch trên địa bàn đông gấp bội với đủ quân binh chủng, trang bị vũ khí hiện đại nhất. Nhiệm vụ tiến công của bộ đội ta thật sự vô cùng nặng nề và phức tạp.

Giờ G ngày N thống nhất toàn Miền theo quy định mật của Bộ Chỉ huy Miền vào đêm 30 Tết Mậu Thân 1968.

Đúng 0 giờ đêm 30 Tết (31 tháng 1 năm 1968) pháo tên lửa của Trung đoàn 724 ĐKB từ trận địa bắc sông Đồng Nai bắn liên tục vào sân bay Biên Hòa 110 quả đạn ĐKB gây thiệt hại nặng cho sân bay, máy bay không cất cánh được. Tên lửa bắn sâu vào sân bay cũng là hiệu lệnh tiến công ở mặt trận Biên Hòa.

Đại đội 1 Tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, Trung đoàn 4 chủ lực đánh chiếm một góc sân bay Biên Hòa. Địch phản kích ác liệt. Máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên ứng cứu bắn phá, ném bom dữ dội, kể cả khu vực hàng rào sân bay để chặn các mũi tiến công của ta. Xe tăng của Mỹ ở căn cứ Hóc Bà Thúc vào tăng viện, bắn vào sườn Trung đoàn 4 để bít lối ra. Cuộc chiến đấu ở sân bay Biên Hòa diễn ra cực kỳ ác liệt. Đại đội 1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phát triển đánh vào khu cư xá của bọn giặc lái và chuyên viên kỹ thuật Mỹ, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, nhưng sau đó cả đại đội đã anh dũng hy sinh (chỉ còn sống sót một đồng chí). Ở hướng quân đoàn 3 nguy, lực lượng biệt động thị xã và một đại đội đặc công của Sư đoàn 5 tiến công chiếm được một góc căn cứ ở phía tây nhưng không phát triển được vì sức kháng cự mạnh của địch.

Ở khu vực Long Bình, sáng 1 tháng 2 năm 1968, Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn 5 và đặc công Sư đoàn 5 đã tấn công vào bãi đậu trực thăng của sở chỉ huy bộ tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ, phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Quân Mỹ cho xe tăng bao vây tiểu đoàn, dùng máy bay bắn rốc két vào đội hình tiến công. Lực lượng Tiểu đoàn 2 và đặc công đã chiến đấu quyết liệt và cũng bị nhiều tổn thất.

Cũng trong đêm 1 rạng 2 Tết Mậu Thân (31 tháng 1 năm 1968), một đại đội của Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tur Già) chỉ huy đột nhập vào kho Long Bình ở cao điểm 53 đánh phá hủy 127 kho chứa bom đạn Mỹ. Tiếng nổ và lửa bốc cháy kéo dài suốt mấy ngày liền làm chấn động cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận.

Bên trong thị xã Biên Hòa, lực lượng du kích, tự vệ mật cũng tổ chức tiến công một số đồn bót của bọn tể nguy, quần chúng cơ sở treo cờ, biểu ngữ rải truyền đơn khắp các xã, ấp.

Sau một ngày đêm tiến công quyết liệt ở mặt trận Biên Hòa, các lực lượng vũ trang giải phóng đã loại khỏi vùng chiến đấu trên 5.000 tên Mỹ, nguy, phá hủy và làm hư hỏng 120 máy bay các loại, 127 kho bom đạn và nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ, nguy. Song lực lượng của ta cũng bị tổn thất lớn. Đồng chí Phan Văn Trang và Trần Công An phải huy động toàn bộ lực lượng quân dân chính

Đảng của U1 để đưa 250 chiến thương vượt sông Đồng Nai về căn cứ dưới sự phản kích của pháo binh, máy bay của địch.

Trước tình hình đó, sáng mùng 3 Tết (2 tháng 2 năm 1968) Bộ chỉ huy mặt trận Biên Hòa ra lệnh các lực lượng vũ trang rút ra ngoài địa bàn thị xã. Sư đoàn 5 bộ đội chủ lực Miền rút khỏi căn cứ điểm ở Biên Hòa triển khai đánh địch dọc lộ 1, lộ 20, củng cố lực lượng, tiếp tục chuẩn bị bước vào đợt 2 của chiến dịch.

Tại Trảng Bom bộ đội huyện tấn công vào yếu khu Trảng Bom, diệt một số sinh lực địch, nhưng do địch phản kích mạnh lực lượng ta chỉ làm chủ một ngày. Tại Hưng Lộc và ngã ba Dầu Giây, một bộ phận bộ đội huyện, đại đội 25 công binh tinh nổ súng đánh các đồn bót, làm chủ ngã ba Dầu Giây và các ấp dọc theo quốc lộ 1 và quốc lộ 20, phát động nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ. Lực lượng ta bám trụ đánh địch suốt ba ngày đêm.

Tại Vĩnh Cửu, bộ đội huyện tấn công vào chi khu Công Thanh và đánh địch phản kích bắn cháy 14 xe tăng, diệt 80 tên Mỹ, ngụy, trong đó có tên quận trưởng. Du kích các xã Tân Phú, Thiện Tân, Tân Định, Lợi Hòa, Bình Hòa cùng nhân dân nổi dậy truy lùng bọn ác ôn, phá rã bộ máy kim kẹp của tên địch, làm chủ thị trấn ba ngày.

Trên mặt trận Phân khu 4, 4 giờ sáng ngày 31 tháng 1 năm 1968, bộ đội ta đồng loạt nổ súng tiến công các mục tiêu. Đoàn 10 Rừng Sác đánh chìm một tàu quân sự trọng tải 10.000 tấn trên sông Lòng Tàu, bắn rơi ba máy bay, bắn cháy tám xe cơ giới. Pháo binh của Đoàn 10 cũng từ Bung Sáu xã – Thủ Đức bắn vào bộ tư lệnh hải quân ngụy ở Sài Gòn, chi khu Thủ Đức.

Đặc công đánh đồn cầu cầu Rạch Chiếc trên xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa, bám trụ bắn trúng năm xe cơ giới và đánh địch phản kích từ nội ô Sài Gòn ra.

Tại Long Thành ta pháo kích vào chi khu, phá sập ba lô cốt, diệt 24 tên địch, đánh sập Cầu Đức, Cầu Phước Tân trên lộ 15. Hầu hết các xã du kích và nhân dân nổi dậy diệt ác phá tề giành quyền làm chủ.

Đại đội 270 cao su Bình Sơn cùng du kích đã bao vây đồn trung tâm ở nhà máy chế biến mủ. Bọn tề xã, tề ấp đều trốn chạy ra Long Thành. Công nhân làm chủ nhà máy, đồn điền suốt ngày liền.

Tại Nhơn Trạch, bộ đội huyện bao vây chi khu, làm chủ thị trấn ba ngày. Chi bộ xã Phước An lãnh đạo du kích nhân dân bao vây bức rút bót Vũng Gấm, làm chủ ấp 10 ngày.

Cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa ở Bà Rịa – Long Khánh chậm hơn một ngày so với mặt trận Sài Gòn, Biên Hòa.

Rạng sáng ngày 1 tháng 2 năm 1968, Tiểu đoàn 440 và đội biệt động thị xã tiến công vào ba mục tiêu: khu 33 chiến thuật, trụ sở CIA Mỹ, Tòa hành chính tỉnh Long Khánh. Lực lượng ta đánh sập 10 lô cốt, phá hủy một xe quân sự. Đại đội 3 Tiểu đoàn 440 và đại đội cối của tỉnh đánh vào căn cứ Hoàng Diệu phá hủy sáu khẩu pháo, diệt một đại đội ngụy.

Nhân dân thị xã Long Khánh đã xuống đường, tiếp lương tải đạn cùng bộ đội chiến đấu. Chi bộ mật xã Bảo Vinh đã chỉ đạo nội tuyến trong trung đội dân vệ xã làm binh chiến đưa trung đội này trở về với cách mạng.

Sáng ngày 2 tháng 2 năm 1968 quân Mỹ đưa hơn 100 xe tăng từ căn cứ Suối Râm xuống giải tỏa thị xã Long Khánh. Lực lượng ta bám trụ bắn cháy 12 xe tăng, diệt 70 tên và trụ lại chống phản kích suốt một ngày trong nội ô thị xã. Trên địa bàn huyện Định Quán, lực lượng ta tổ chức tiến công vào chi khu Định Quán, yếu khu Túc Trưng, diệt một bộ phận sinh lực địch, cắt đứt giao thông lộ 20.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đầu Xuân Mậu Thân 1968 (đợt 1), quân dân toàn miền Nam nói chung, Biên Hòa, Long Khánh nói riêng đã gây cho địch những tổn thất nặng nề.

Đòn Tết Mậu Thân trở thành sự kiện vang dội trong và ngoài nước, báo trước sự thất bại thảm hại của chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên do tương quan lực lượng, các cuộc tiến công vào các mục tiêu quân sự trọng yếu của địch ở Biên Hòa chưa đạt được mục đích yêu cầu như kế hoạch đã đề ra. Lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương bị nhiều thiệt hại. Một số cơ sở do chủ quan, mất cảnh giác đã bị lộ và ảnh hưởng đến phong trào cách mạng trong thời gian sau này.

Sau đợt 1 Xuân Mậu Thân, địch tập trung lực lượng tiếp tục thực hiện âm mưu, kế hoạch “bình định cấp tốc”. Bên ngoài các thành phố, thị xã, các đơn vị lính Mỹ, chư hầu, lính nguy tiến hành nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm đánh lật lực lượng vũ trang của ta ra xa. Chúng dùng chất độc hóa học, thuốc khai quang, dùng xe ủi phá rừng, phá căn cứ, phá địa bàn đứng chân của các đơn vị bộ đội. Bên trong nội ô các thị xã, thị trấn địch tăng cường lực lượng, củng cố, xây dựng thêm nhiều đồn bót, lùng sục truy tìm cán bộ, lực lượng vũ trang bám trụ, bắt bớ khủng bố nhân dân nhất là những gia đình chúng tình nghi là cơ sở cách mạng. Các cuộc đánh phá liên tục của địch đã gây cho ta nhiều khó khăn khi bước vào đợt 2 của chiến dịch.

Thực hiện sự chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền khẩn trương tiếp tục mở đợt 2 của chiến dịch. Bộ chỉ huy Miền xác định ý định tác chiến trong đợt hai là: sử dụng một bộ phận chủ lực cùng các tiểu đoàn mũi nhọn tiến công vào nội thành Sài Gòn trên năm hướng, phối hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ và biệt động, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, sử dụng phần lớn chủ lực và các binh chủng đánh địch ở vùng ven, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của Mỹ, hỗ trợ cho lực lượng tiến công vào nội thành, mở rộng địa bàn giải phóng xung quanh đô thị.

Tiếp sang đợt 2 Mậu thân 1968, Biên Hòa cũng là một trọng điểm tiến công địch trên chiến trường B2. Ta có thuận lợi là giữ được cơ sở mật, lực lượng biệt động, trinh sát còn bám trụ được bên trong nội ô thị xã Biên Hòa, nhưng không còn giữ được yếu tố bất ngờ đối với địch. Chúng đã thay đổi, tăng cường kế hoạch phòng thủ, tăng cường tuần tra kiểm soát gắt gao.

Ngày 5 tháng 5 năm 1968 cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa đợt 2 mở màn. Trung đoàn 274 (tên lửa) bắn 21 quả ĐKB loại khởi vòng chiến đấu ba tiểu đoàn Mỹ tại sân bay dã chiến Trảng Bom (một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn tăng, một tiểu đoàn pháo), tạo thuận lợi cho việc xây dựng trận địa pháo bắn 21 quả ĐKB vào cao điểm 50, 53 kho Long Bình phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch ở tổng kho Long Bình.

Các lực lượng bộ binh Phân khu 4 đánh cầu Bình Lợi, cầu Thị Nghè, phá hư cầu xa lộ Sài Gòn làm gián đoạn giao thông địch.

Trung đoàn 4 Sư đoàn 5 Miền đánh diệt gọn tiểu đoàn 2 trung đoàn 43 sư đoàn 18 trên quốc lộ 20 (đoạn cầu La Ngà), đồng thời tiến công diệt yếu khu Túc Trưng.

Trên hướng Rừng Sác, Đoàn 10 đặc công dùng đạn ĐKB cải tiến mang đầu thuốc nổ 100 ki-lô-gam bắn trúng tàu quân sự 10.000 tấn trên sông Lòng Tàu, bắn chìm một tàu quân sự 7.000 tấn khác. Vào đợt 3 cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa (tháng 8 năm 1968) nhiệm vụ của lực lượng vũ trang Phân khu 4, U1, Long Khánh là hoạt động hỗ trợ cho chiến dịch trọng điểm của Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền trên hướng Tây Ninh – Bình Long. Trong các tháng 8 và 9 năm 1968 các lực lượng vũ trang Miền và địa phương đã tập trung đánh vào các trục lộ giao thông của địch, đặc biệt là trên trục lộ số 2 để ngăn chặn, kìm chân trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ ở Suối Râm.

Đêm 22 tháng 8 năm 1968, bộ đội tinh cùng bộ đội K8 huyện Xuân Lộc tiến công vào thị xã Long Khánh; bộ đội K9 huyện Định Quán tấn công vào yếu khu Túc Trưng; Trung đoàn 33 của Ban cán sự T7 tấn công Gia Ray và nhiều đồn bót khác dọc theo trục lộ số 1 và 20, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp tân sinh của địch, giành quyền làm chủ.

Qua một năm liên tiếp tấn công và nổi dậy, quân và dân Biên Hòa, Long Khánh phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực đã đồng loạt đánh vào hậu cứ, bộ chỉ huy, sân bay, kho tàng, các chi khu, yếu khu, tiêu diệt, tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ, nguy góp phần vào chiến thắng chung của quân và dân toàn miền Nam, làm cho ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ lung lay, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt ném bom phá hoại miền Bắc, ngồi vào đàm phán với ta ở Pari.



*Chương bảy*

**BÁM TRỤ ĐỊA BÀN CÙNG CỐ LỰC LƯỢNG,  
THAM GIA CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC 1972  
TẠO THỂ CHO PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ  
(1969-1973)**

**I. ĐỢT TIẾN CÔNG XUÂN KỶ DẬU 1969.**

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam là đòn tấn công chiến lược đánh mạnh vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc địch phải xuống thang chiến tranh, điều chỉnh chiến lược từ “chiến tranh cục bộ” sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Nghị quyết lần thứ 8 Trung ương Cục miền Nam (tháng 10 năm 1968) đánh giá: *“Những thắng lợi của đợt đầu xuân 1968 là bước nhảy vọt mới về chiến lược và những thắng lợi của hai đợt tiếp theo đã tạo ra những điều kiện vô cùng thuận lợi cho cách mạng miền Nam lớn mạnh nhanh chóng để tiến lên giành những thắng lợi quyết định”*.<sup>(1)</sup>

Ngày 20 tháng 1 năm 1969, Ních-xon lên nhận chức tổng thống Hoa Kỳ, đề ra học thuyết Ních-xon (M.Nixon) với mục tiêu là giảm bớt các *“cam kết quốc tế”* của Mỹ, đòi hỏi các đồng minh *“chia xẻ trách nhiệm”* với Mỹ chống lại phong trào cách mạng thế giới, tiến hành chiến tranh xâm lược bằng máu của người khác, ổn định tình hình nội bộ, duy trì lực lượng quốc phòng để giữ thế cân bằng và răn đe, chia rẽ, lôi kéo các nước lớn, mua chuộc, uy hiếp, đánh tĩa các nước nhỏ.<sup>(2)</sup>

Học thuyết Ních-xon áp dụng vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam được gọi tên là *“Việt Nam hóa chiến tranh”*<sup>(3)</sup> nhằm sử dụng *“sức mạnh tối đa về quân sự kết hợp với những thủ đoạn về chính trị, ngoại giao rất xảo quyết hòng giành thế mạnh, cô lập và bóp nghẹt cuộc kháng chiến của nhân dân ta”*. Bốn mục tiêu của *“Việt Nam hóa chiến tranh”* là:

- Xây dựng quân đội nguy hùng mạnh đủ sức đương đầu với quân cách mạng.
- Bình định cho được nông thôn, kiểm soát được tuyệt đại bộ phận đất đai và dân số.
- Ra sức củng cố hệ thống quyền các cấp vững mạnh, kết hợp với ổn định tình hình kinh tế, chính trị trong nội địa Nam Việt Nam.

---

1. Nghị quyết 8 Trung ương Cục miền Nam, lưu phòng nghiên cứu lịch sử Đảng.

2. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, tập II, Nxb Chính trị quốc gia 1995, trang 427.

3. Kế hoạch *“Việt Nam hóa chiến tranh”* của Mỹ chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn 1 từ 1969 đến tháng 7-1970 nhằm kiểm soát nông thôn, tăng cường sức mạnh quân nguy, làm suy yếu ta và rút một bộ phận quân Mỹ. Giai đoạn 2 từ tháng 6-1970 đến tháng 6-1971 nhằm kiểm soát đại bộ phận vùng đông dân, quân nguy đảm nhiệm hầu hết nhiệm vụ trên chiến trường, rút đại bộ phận quân Mỹ về nước. Giai đoạn 3 từ tháng 6-1971 đến tháng 6-1972, cơ bản hoàn thành *“Việt Nam hóa”*. Nghị quyết 8 Trung ương Cục miền Nam, lưu phòng nghiên cứu lịch sử Đảng. 3. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, tập II, Nxb Chính trị quốc gia 1995, trang 427.3. Kế hoạch *“Việt Nam hóa chiến tranh”* của Mỹ chia làm ba giai đoạn. Giai đoạn 1 từ 1969 đến tháng 7-1970 nhằm kiểm soát nông thôn, tăng cường sức mạnh quân nguy, làm suy yếu ta và rút một bộ phận quân Mỹ. Giai đoạn 2 từ tháng 6-1970 đến tháng 6-1971 nhằm kiểm soát đại bộ phận vùng đông dân, quân nguy chiến tranh”.

- Thực hiện “*bóp nghẹt*” các bàn đạp chiến lược của cách mạng, nhất là ở Cam-pu-chia, đường Trường Sơn và các khu bàn đạp trong nội địa.

Trên chiến trường miền Nam, từ chiến lược “tìm diệt và bình định”, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “quét và giữ” nhằm đẩy lực lượng vũ trang cách mạng ra khỏi các đô thị và vùng ven, đi đôi thực hiện “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt” để đánh phá cơ sở cách mạng, nhanh chóng kiểm soát các vùng nông thôn. Đi đôi với việc mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương phá bàn đạp của cách mạng Việt Nam, Mỹ từng bước rút quân, đi đôi tăng cường binh lính đôn quân củng cố và tăng cường quân nguy. Đế quốc Mỹ “xuống thang” chiến tranh, nhưng để tạo thế mạnh cho quân nguy tay sai đủ sức đương đầu với cách mạng, chúng dồn sức liên tục tăng cường hành quân cần quét<sup>(1)</sup>, cường độ đánh phá rất ác liệt bằng bom B52, pháo bầy, chất độc hóa học, chất khai quang càng được sử dụng với mức độ cao, hủy diệt các vùng núi căn cứ cách mạng như bắc Trảng Bom, tây bắc lộ 15, nam bắc lộ 1, nam bắc chiến khu Đ; đánh phá các cửa khẩu hậu cần cách mạng, phong tỏa kinh tế kháng chiến. Bên trong các áp chiến lược, nguy tăng cường bình định nông thôn, dùng những biện pháp phát xít nhất để kiểm soát, khống chế, đánh phá cơ sở cách mạng.

Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, địch tăng cường nguy quyền và bộ máy kìm kẹp, liên tục tiến hành các kế hoạch bình định, chiêu hồi, chiêu hàng, giành dân lấn chiếm những vùng ta mở ra trước và trong Mậu Thân 1968. Hoạt động đánh phá của Mỹ; nguy gây cho ta rất nhiều khó khăn, tổn thất.

Trên chiến trường U1, Long Khánh, Phân khu 4, sau ba đợt tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, lực lượng vũ trang (cả chủ lực Sư đoàn 5, Đoàn 10 đặc công Rừng Sác và bộ đội địa phương như Tiểu đoàn 1, 2 đặc công U1, các tiểu đoàn (445, 440....) bị nhiều thương vong và việc bổ sung quân số, trang bị gặp nhiều khó khăn. Ta nhanh chóng củng cố lực lượng, bổ sung quân số, học tập nâng cao tư tưởng với quyết tâm “dù phải hy sinh cũng phải đánh Mỹ đến cùng”.

Bộ Chính trị chỉ đạo: trong năm 1969, Đảng bộ miền Nam phải chuẩn bị đợt “*công kích và khởi nghĩa*” mùa xuân, đợt “*công kích và khởi nghĩa*” mùa hè và những đợt tiếp theo nhằm xoay chuyển cục diện chiến trường có lợi cho ta.

Tháng 1 năm 1969, trong thư chúc mừng năm mới gửi đồng bào, chiến sĩ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại. Quân và dân ta trong cả nước, thừa thắng xông lên, nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn*”.

“Vi độc lập, vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào

Tiến lên chiến sĩ đồng bào

Bắc – Nam sum họp, xuân nào vui hơn”<sup>(2)</sup>

1. Ở miền Đông Nam Bộ, trung bình mỗi tháng địch mở 377 cuộc hành quân.

2. Hồ Chí Minh tuyên tập. Nxb Sự Thật Hà Nội. 1980, trang 747.

Thư chúc mừng năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh có sức cổ vũ mạnh mẽ toàn quân, toàn dân ta bước vào đợt tiến công mới.

Thực hiện nhiệm vụ, phương hướng của Bộ Chính trị, đầu năm 1969, Thường vụ Trung ương Cục miền nam ra chỉ thị 71/CTTV.TWC chỉ đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tiếp tục “*xóc tới đẩy mạnh tổng công kích – tổng khởi nghĩa trên cả vùng...*”. Nhiệm vụ của đợt xuân 1969 là: *tiêu diệt, tiêu hao sinh lực, phương tiện chiến tranh và cơ sở hậu cần của Mỹ ngụy, làm tan rã một phần quân ngụy; đẩy mạnh hoạt động nông thôn, diệt ác phá kềm, phá thế chia cắt, bao vây; đánh âm mưu bình định, mở rộng vùng làm chủ; đưa phong trào đấu tranh chính trị, binh vận ở đô thị lên một bước, đẩy mạnh công tác binh vận và xây dựng lực lượng mật. Phương châm, tư tưởng của đợt tiến công xuân Kỷ Dậu 1969 là: “Tích cực, kiên quyết, linh hoạt, táo bạo, vững chắc, kết hợp hai chân ba mũi, ba thứ quân trên cả ba vùng.”*

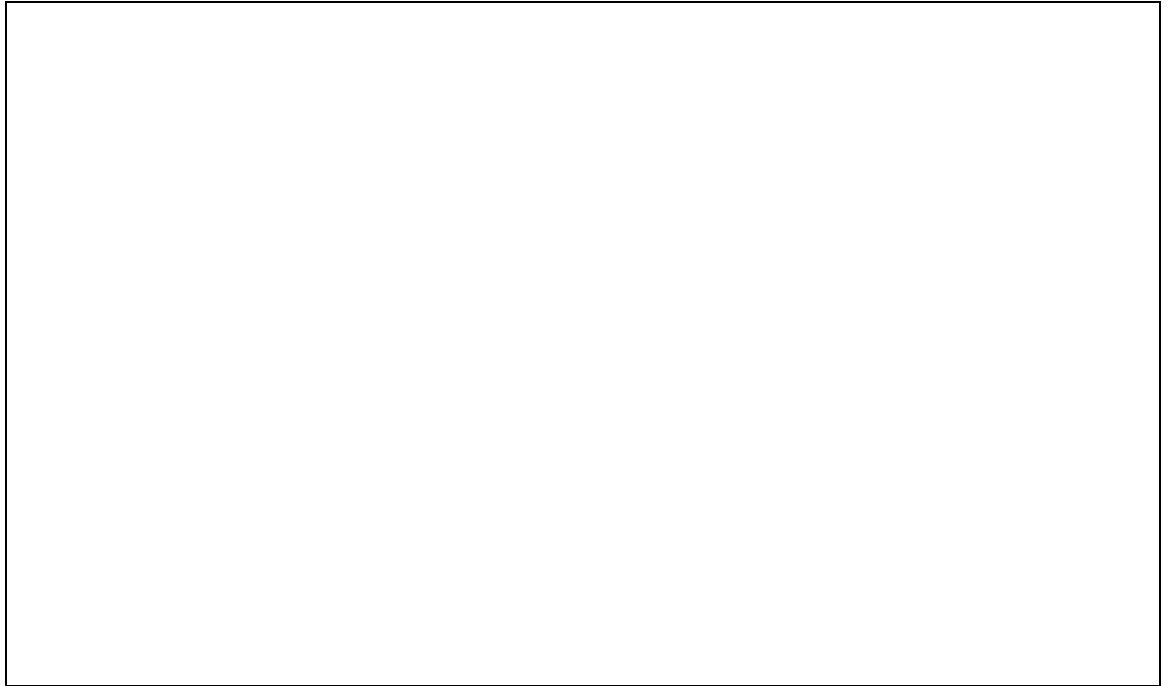
Tháng 1 năm 1969, Tỉnh ủy U1 tổ chức hội nghị mở rộng tại Bàu Sao. Đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư tỉnh ủy và Trần Công An, tư lệnh U1 phổ biến nghị quyết của Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền về chủ trương mở đợt tiến công xuân Kỷ Dậu cho Ban Chấp hành Tỉnh ủy và cán bộ các ngành. Trong hội nghị, các đồng chí đều nhất trí tuy có khó khăn, nhưng hạ quyết tâm thực hiện chỉ đạo của cấp trên.

Hội nghị nhất trí nhận định sau Mậu Thân 1968, địch phản kích mạnh, đánh phá vùng căn cứ ác liệt; xung quanh đô thị và vùng ven, các căn cứ kho tàng được phòng thủ chặt chẽ. Tuy vậy nếu ta có cách bám trụ lại trong thị xã vẫn tấn công được.

Sau Mậu Thân, Bộ Chỉ huy Miền bổ sung quân số đủ hai tiểu đoàn đặc công (d1 và d2); đội biệt động thị xã, lực lượng các huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom được củng cố thêm, du kích bại lộ và mật được phát triển. Mặc dù Ban cán sự 2 và 5 chi bộ Đảng ở 5 khu phố bị địch phá vỡ, nhưng các chi bộ Bửu Long, Hiệp Hòa và nhiều cán bộ, đảng viên, cốt cán vẫn còn hoạt động tốt. Ban cán sự 1 còn bám trụ ở Hiệp Hòa, cơ sở khu Kỹ nghệ còn nguyên.

Thường vụ Tỉnh ủy U1 phân công đồng chí Trần Công An, tỉnh đội trưởng trực tiếp cùng đồng chí Nguyễn Thành Đạo (Sáu A), đội trưởng đội biệt động thị xã Biên Hòa tổ chức đào hầm bí mật để ém quân trong nội thành.

**TRẬN TẬP KÍCH TY CẢNH SÁT BIÊN HÒA  
CỦA ĐỘI BIỆT ĐỘNG THỊ XÃ BIÊN HÒA VÀ ĐẠI ĐỘI 3 SƯ ĐOÀN 5  
(Ngày 23 tháng 02 năm 1969)**



Tháng 12 năm 1968, đồng chí Sáu A và một số cán bộ chiến sĩ biệt động được cử vào nội thành Biên Hòa với nhiệm vụ bằng mọi cách dựa vào cơ sở bên trong đào hầm để chủ lực và biệt động ém quân vào bên trong, chuẩn bị sẵn sàng đến giờ G ngày N là đánh được ngay. Đồng chí Sáu A vào được nội thành (ấp Lân Thành) đã cùng các cơ sở Năm Lũy, Trần Văn Hai tổ chức đào được 10 hầm bí mật đoạn từ trạm bơm nước lên nhà máy giấy Tân Mai (mỗi hầm chứa một tiểu đội).

Thị xã Biên Hòa được Trung ương Cục xác định là trọng điểm của miền Đông Nam Bộ trong đợt xuân Kỷ Dậu 1969. Đồng chí Lê Trọng Tấn, phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền trực tiếp về bắc sông Đồng Nai chiến khu Đ để triển khai nhiệm vụ, kiểm tra công tác chuẩn bị cho cuộc tiến công. Các mục tiêu được xác định gồm: sân bay quân sự Biên Hòa, bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, tổng kho Long Bình, bộ tư lệnh dã chiến II của Mỹ, phá hủy phương tiện chiến tranh của chúng; đánh ty cảnh sát Biên Hòa, các chi khu Trảng Bom, Công Thành, đồng thời kết hợp phát động quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, phát triển cơ sở bên trong nội ô thị xã.

Bố trí lực lượng: đợt Xuân Kỷ Dậu 1969, lực lượng ta không tổ chức phối thuộc nhau, không có chỉ huy chung như đợt Xuân Mậu Thân 1968. Lực lượng chủ

lực Miền, lực lượng của Ban Cán sự T7 và lực lượng U1 tổ chức chỉ huy đánh theo mục tiêu chỉ định, nhưng phải kết hợp chặt chẽ nhau. Chủ lực Sư đoàn 5 cùng với Tiểu đoàn 1 đặc công U1 đánh sân bay Biên Hòa và bộ tư lệnh quân đoàn 3. Trung đoàn 4 (T7) và Trung đoàn 33 (Miền) do đồng chí Lương Văn Nho, Tư lệnh T7 chỉ huy đánh vào tổng kho Long Bình. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 đánh khu kho đồi 50, 53. Đội biệt động thị xã Biên Hòa cùng đại đội 25 (Sư 5) ém quân bí mật trong nội thành tấn công vào ty cảnh sát Biên Hòa. Tiểu đoàn 4 (Miền tăng cường) đánh vào trại tù binh suối Sơn Máu. Bộ đội hai huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom cùng du kích các xã phá ấp chiến lược dọc lộ 24, lộ 1 như Đại An, Tân Định, Hưng Nghĩa, Hưng Lộc, Bàu Hàm, Bàu Cá, Sông Thao. Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo Ban công vận thị ủy dùng cơ sở, tự vệ mật gây nổ trong khu Kỹ nghệ hỗ trợ quần chúng diệt ác ôn bên trong.

Trong vòng 10 ngày (12 đến 22 tháng 2 năm 1969) cơ sở mật, giao liên công khai, đưa được 40 biệt động thị xã và 80 chiến sĩ thuộc Sư đoàn 5 vào ém trước trong các hầm bí mật ở Gò Me. Các mẹ, các chị cơ sở các cấp Tân Thành xã Bình Trước đã gói bánh, chuẩn bị lương thực để tiếp tế cho lực lượng vũ trang.

Nhưng ngày 21 tháng 2, tên Th, phó ban tác chiến Sư đoàn 5 đã dao động ra hàng giặc, địch nắm được một phần kế hoạch của ta. Quân Mỹ, quân ngụy tăng cường tuần tra, bố phòng ở những đầu mối vào các hậu cứ và thị xã.

Ngày N của đợt tấn công Xuân Kỷ Dậu được quy định thống nhất toàn Miền là 23 tháng 2 năm 1969 (nhằm mùng 7 Tết).

Đúng giờ G (2 giờ sáng) ngày N (23 tháng 2 năm 1969), đội biệt động thị xã và một đại đội của Sư đoàn 5 do đồng chí Châu Văn Lòng chỉ huy đánh diệt đại đội lính bảo an gác ở ga Biên Hòa và ty cảnh sát Biên Hòa. Địch phản kích quyết liệt, ta không chiếm được ty cảnh sát, lực lượng bị thương vong. Đồng chí Sáu A, đội trưởng đội biệt động bị thương nặng nằm tại trạm xe cứu hỏa (nay là công viên Biên Hùng). Địch phát loa kêu gọi đầu hàng, đồng chí bình tĩnh hủy toàn bộ giấy tờ, tiếp tục nổ súng đánh trả địch đến viên đạn cuối cùng và hy sinh anh dũng.

Đại bộ phận Sư đoàn 5 không qua được Đồng Nai. Đến đêm 25 tháng 2, sư đoàn mới qua nam sông Đồng Nai vào được ấp Tân Hiệp. Tại suối Sơn Máu, sư đoàn đánh diệt hai tiểu đoàn biệt động quân ngụy. Do không vào được sân bay, căn cứ quân đoàn 3 và không đánh được mục tiêu chính sân bay Biên Hòa, Sư đoàn 5 phải chuyển sang chiến trường lộ 20, Định Quán để như đánh tiêu diệt sư đoàn 18 ngụy.

Trung đoàn 4 và 33 (T7), tiêu diệt được một số cụm dã ngoại của địch ở nam lộ 1, Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bàu Cối ven kho Long Bình (không vào được kho). Tiểu đoàn 3 và đại đội hỏa lực ĐKB diệt gọn một đại đội địch ở xã Tam An, tổ chức đánh vào cụm kho phía tây bắc, bắn cháy một kho quân trang ở tổng kho Long Bình. Tiểu đoàn 4 đặc công của Miền tăng cường cho U1 được lệnh đánh vào trại giam Tân Hiệp để giải thoát các đồng chí, đồng bào đang bị địch giam giữ tại đây, nhưng bị lọt vào vòng phục kích của địch ở suối Sơn Máu. Tiểu đoàn đánh

trả quyết liệt, 72 đồng chí hy sinh, năm đồng chí bị địch bắt, trong đó có đồng chí Chương tiểu đoàn phó.

Đại đội 9 – Tiểu đoàn 2 đặc công U1 tấn công vào khu kho ở cao điểm 53 trong tổng kho Long Bình, phá hủy hàng chục dây kho bom đạn của Mỹ. Lực lượng Mỹ bao vây vòng ngoài, Đại đội 9 đặc công không ra được, máy bay trực thăng vũ trang của địch vừa soi đèn vừa phản kích quyết liệt. Đại đội đã phân tán từng tổ, dựa vào các dây kho còn lại đánh địch quyết liệt suốt bảy ngày đến viên đạn cuối cùng, chỉ còn một đồng chí thoát khỏi vòng vây.

Lực lượng còn lại đánh chiếm đồn bảo an nhà ga xe lửa để đơn vị bám trụ giữ đường tiến quân của Sư đoàn 5. Số chiến sĩ bị thương vong được điều về Gò Me để cứu chữa. Tại đồn bảo an, ta đánh trả quyết liệt với bọn địch đến giải tỏa.

17 giờ cùng ngày tiếng súng trong thị xã thưa dần. Đỗ Cao Trí, tư lệnh quân đoàn 3 ngự ngòi trên xe thiết giáp tiến vào ga để thị sát chiến trường. Theo sau là các sĩ quan tùy tùng và phóng viên nhà báo đi theo quay phim nhằm xuống động viên tinh thần binh sĩ nguy. Đỗ Cao Trí xuống xe đang chỉ chỗ khoác loác cùng đám nhà báo thì từ trong ga các chiến sĩ ta nổ súng, tên lái xe chết ngay tại chỗ. Trí hốt hoảng cùng đồng bọn quay lưng bỏ chạy.

Tự vệ mật thị xã thực hiện diệt ác ôn ở Tân Mai, rải truyền đơn khu vực Gò Me, Tân Mai. Dù sống trong vùng địch tạm chiếm, nhưng lòng dân thị xã luôn hướng về cách mạng. Hàng chục chiến sĩ trinh sát Sư 5 đi lạc, bị thương được đồng bào, cơ sở mật ấp Gò Me băng bó, tiếp tế lương thực và tìm cách đưa ra căn cứ an toàn. Đơn vị C25 trinh sát Sư 5 được cơ sở dẫn đường theo ngã Tân Mai về ấp Núi đất, Tân Hiệp ra ngã tư Lò Than trở về đơn vị. Số chiến sĩ bị thương, được các gia đình cơ sở Lê Thị Tám, má Hai, chị Tư Xinh... băng bó vết thương tiếp tế lương thực và che giấu an toàn ở Rạch Vàm Tàu (nay thuộc phường Thống Nhất thành phố Biên Hòa). Đội biệt động thị xã sau khi hoàn thành trận đánh, số còn lại đã vượt sông về bám trụ ở cù lao Hiệp Hòa.

Đợt 1 Xuân 1969 với quyết tâm cao, các lực lượng vũ trang Biên Hòa, Sư đoàn 5 (một đại đội) đã tấn công vào các mục tiêu địch trong nội ô thị xã, kết hợp với chiến trường toàn Miền gây tiếng vang lớn, phá hủy một số phương tiện chiến tranh của Mỹ, Ngụy. Nhân dân Biên Hòa và nhân dân thị xã đã thể hiện tinh thần yêu nước, ủng hộ, giúp đỡ tích cực các lực lượng vũ trang vào đợt đúng theo kế hoạch chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền.

Trong hội nghị tổng kết đợt tiến công Xuân Kỷ Dậu 1969 tại Suối Ràng (khu A), đồng chí Lê Trọng Tấn, phó Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền đã kết luận: lực lượng vũ trang, cán bộ, chiến sĩ thị xã Biên Hòa đã hoàn thành nhiệm vụ theo ý đồ chiến lược của Trung ương Cục. Bộ chỉ huy Miền, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng hai cho quân và dân thị xã Biên Hòa, U1.

Trong lúc đó, trên hướng Nhơn Trạch, Mỹ dùng xe cơ giới ủi phá sâu vào khu vực Lòng chảo và Rừng Sác. Sáng 29 tháng 2, Mỹ đổ một tiểu đoàn thuộc lữ 199

càn quét mạnh khu vực Phú Hữu, Phước Khánh sau đó đóng chốt tại ngã ba Giồng Sắn.

2 giờ sáng ngày 30 tháng 2, du kích Phú Hữu do đồng chí Nguyễn Quyết Chiến chỉ huy đã bí mật dùng tạc đạn và mìn tự tạo bất ngờ tấn công vào cụm dã chiến của Mỹ, tiêu diệt một trung đội Mỹ. Đến ngày 4 tháng 3, khi địch thay quân ở chốt bằng một tiểu đoàn biệt động quân, du kích xã Phú Hữu lại bất ngờ tập kích, diệt gọn một trung đội địch.

Tháng 3 năm 1969, Trung ương Cục miền Nam quyết định mở đợt 2 Xuân Kỷ Dậu, mục đích là kéo địch đang tập trung ở hướng đông bắc Sài Gòn ra ngoài để tiêu diệt trên hai hướng Tây Ninh – Bình Long, Long Khánh, góp phần đánh bại cuộc hành quân **có tên** “Át lát” của địch ở Tây Ninh, Dầu Tiếng.

Ngày 14 tháng 3, tiểu đoàn 1 – Trung đoàn 5 (Sư 5) tập kích tiểu đoàn 2, trung đoàn 43 (Sư 18) tại yếu khu Túc Trưng (quốc lộ 20). Sau hai giờ chiến đấu quân ta diệt gọn một đại đội địch. Đặc công sư đoàn tấn công diệt 50 lính bộ binh và công binh Mỹ ở suối Rạt.

Đêm 15 tháng 3, Trung đoàn 5 tiếp tục đánh bồi vào yếu khu Túc Trưng, tiêu diệt một đại đội địch, đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 2, trung đoàn 43. Trung đoàn 33 hoạt động ở hướng bắc Trảng Bom (quốc lộ 1), trong ba ngày đã đánh bảy trận cấp tiểu đoàn, diệt và làm bị thương hàng trăm tên, bắn cháy hai máy bay.

Ngày 20 tháng 3 năm 1969, Mỹ đưa lữ 3 kỵ binh không vận cùng sư đoàn 18 nguy, biệt kích “Mai phốt” càn quét giải tỏa khu vực Bàu Hàm, Bàu Giang Bai và dọc tuyến quốc lộ 20 đoạn La Ngà - Định Quán. Nắm ý đồ địch, Bộ Tư lệnh sư đoàn đã bố trí đội hình triển khai lực lượng chặn đánh địch.

Ngày 25 và 25-3, Tiểu đoàn 1, tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 5) bao vây diệt đơn vị biệt kích “Mai phốt” tại suối Long, thu 23 súng các loại. Ngày 27 tháng 3, Trung đoàn 174 phục kích tại phía tây La Ngà, diệt hàng trăm địch.

Trên hướng Xuân Lộc, Long Khánh, đội biệt động trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh được cơ sở mật trong thị xã cung cấp tình hình, liên tục tập kích bọn địch trong nội ô thị xã, trong đó có trận du kích Lê A (xã Bình Lộc) dùng tạc đạn đánh bọn địch đang tụ tập ở quán Ngọc Hương diệt và làm bị thương 40 tên.

Hướng quốc lộ 1 từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 1969, Sư đoàn 5 Miền được du kích, cơ sở mật tại chỗ tạo điều kiện, tấn công chi khu Gia Ray, Tầm Bung, Suối Cát, ngã ba Ông Đồn... đánh thiệt hại nặng chiến đoàn 52 sư 18 nguy.

Thắng lợi của Sư đoàn 5 trên quốc lộ 1 cổ vũ rất mạnh phong trào du kích chiến tranh ở các xã, nhiều ấp chiến lược của địch ở các xã Bảo Chánh, Suối Cát, Tân Phong, Bảo Liệt... bị du kích và quần chúng nổi dậy phá tan.

Trên hướng Long Thành, Nhơn Trạch, địch kết hợp bộ binh càn quét với pháo binh từ chi khu Long Thành bắn phá liên tục vào khu vực Bà Ký, xóm Hố, Bình Sơn, Long Phước. Huyện ủy, huyện đội Nhơn Trạch một mặt chỉ huy chống càn, một mặt phát động phong trào du kích, nhân dân sưu tầm bom pháo lép của địch để

công trường chế tạo các loại mìn ĐH đánh địch quyết liệt. Trong hai tháng từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1969, đội pháo binh nữ Bình Sơn đã tập kích bằng pháo vào cụm xe của địch phá hủy sáu xe quân sự, trong đó có hai xe ủi.

Ở khu vực Rừng Sác, tuy địch càn quét, phong tỏa ác liệt, các chiến sĩ Đoàn 10 đặc công đã kiên cường bám trụ, chế tạo các loại mìn, thủy lôi để đánh địch. 1 giờ 30 phút sáng 25 tháng 5 năm 1969, Đoàn 10 đánh chìm tàu chở dầu trọng tải 13.000 tấn. Sau trận đánh, Mỹ tổ chức càn quét, bắn phá ác liệt khu Rừng Sác. Trong hai ngày 24 và 25 tháng 6 năm 1969, trên một đoạn sông Ông Kèo dài 2 ki-lô-mét, đội 1 và 2 của Đoàn 10 đặc công dưới thảm bom B52, pháo binh của Mỹ, đã tổ chức ba trận địa dọc sông, bắn cháy, chìm ba tàu đổ bộ, cháy và hỏng bảy tàu. Đặc biệt trong ngày 24 tháng 6, bằng vũ khí cá nhân, chiến sĩ Đoàn 10 bắn hạ một máy bay trực thăng đang chuẩn bị đáp xuống hạm tàu trên sông Ông Kèo.

Cuộc tiến công Xuân Kỷ Dậu 1969 của bộ đội chủ lực Miền và các lực lượng vũ trang U1, Long Thành, Nhơn Trạch, Bình Sơn (thuộc Phân khu 4), Long Khánh, Xuân Lộc đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, đã hỗ trợ cho phong trào đấu tranh ở cơ sở. Cuộc tiến công thể hiện được tinh thần kỷ luật, chấp hành nghiêm sự chỉ đạo của Trung ương Cục, tinh thần và ý chí chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương.

## **II. KIÊN CƯỜNG BẮM TRỤ, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH**

Từ giữa năm 1969, đế quốc Mỹ thực hiện các kế hoạch “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt”, kế hoạch phụng hoàng đánh phá cơ sở cách mạng... Để chuẩn bị cho việc từng bước rút quân viễn chinh Mỹ, địch càng tăng cường hành quân càn quét, đánh phá các vùng nông thôn, vùng căn cứ chiến khu Đ, Rừng Sác, nam bắc lộ 1, lộ 20, đông tây lộ 15 nhằm đẩy các lực lượng chủ lực và địa phương ta ra xa các thị xã, thị trấn. Mức độ bom pháo, chất độc hóa học được địch sử dụng ngày càng tăng. Đặc biệt địch tăng cường đánh phá các cửa khẩu hậu cần, nhằm cắt đứt đường vận chuyển để phong tỏa kinh tế kháng chiến. Vùng tạm chiến và vùng ven, địch nông thôn, phát triển tình báo, phụng hoàng đánh phá cơ sở cách mạng.

Khi leo thang và xuống thang chiến tranh, quân Mỹ và các quân chư hầu Úc, Thái đều đánh phá ác liệt địa bàn Biên Hòa, Long Khánh. Các lữ đoàn 173, lữ 199 Mỹ, biệt kích Mỹ, Úc luôn rùng rợn ngăn chặn, phục kích, gài mìn kết hợp pháo bầy, xe tăng, cơ giới ủi phá rừng quyết liệt, từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến nam lộ 1, lộ 2 bắc Trảng Bom, Thiện Tân, Giang Tới, Cây Gáo. Nhiều cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang phân khu 4, U1, Long Khánh hành quân vượt các lộ này bị lọt vào các ổ phục kích của địch hy sinh.

Sau đợt Xuân Kỷ Dậu 1969, lực lượng vũ trang của ta trên chiến trường bị nhiều thiệt hại, việc bổ sung quân số tại chỗ gặp nhiều khó khăn<sup>(1)</sup>, các căn cứ cách

---

1. Cả Nam Bộ chỉ được tuyển 100 chiến sĩ mới, trong khi năm 1968 tuyển được 16.000. Nguồn “Lịch sử Đảng cộng sản” tập II (1954-1975) NXB Chính trị Quốc gia 1995, trang 442.



mạng bị đánh phá liên tục, nhiều vùng nông thôn lực lượng ta bị đánh bật, lực lượng chính trị và vũ trang đều bị tổn thất.

Địa bàn đứng chân của các tỉnh ủy, tỉnh đội, huyện đội, các lực lượng vũ trang của Ban Cán sự miền Đông (T7), U1, Long Khánh, Phân khu 4 luôn bất ổn định, phải thường xuyên di chuyển, gặp nhiều trở ngại trong chỉ đạo chiến đấu. Đường hành lang vận chuyển tiếp tế bị ngăn chặn, các đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn (như Sư đoàn 5, Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, Đoàn 10 Rừng Sác...), lực lượng vũ trang địa phương thường xuyên thiếu lương thực, phải ăn lá rừng, củ rừng, chuối, đậu xanh, đậu nành... sức khỏe bị giảm sút. Đặc biệt khó khăn là các lực lượng vũ trang đứng chân ở Rừng Sác, không chỉ thiếu ăn, mà thiếu cả nước ngọt, bị địch bao vây đánh phá bằng cả không quân, pháo binh, bộ binh và tàu chiến.

Về tư tưởng cán bộ, chiến sĩ, sau những đợt tổng tiến công và nổi dậy không giành được thắng lợi hoàn toàn, các mục tiêu đề ra quá cao không đạt được, đã có hiện tượng dao động, ngại chiến đấu, sợ ác liệt. Một số cán bộ, chiến sĩ không chịu đựng được gian khổ, khó khăn đã ra chiêu hồi. Thực tế lúc này đặt ra cho các tỉnh ủy, tỉnh đội là: nên phân tán lực lượng vũ trang về các địa phương để chống bình định, giành quân, đồng thời bảo đảm được hậu cần, bảo toàn được lực lượng; hoặc là tiếp tục tấn công địch hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, nhưng khó khăn là làm sao bảo đảm được vật chất, hậu cần cho các đơn vị.

Trước tình hình đó, mùa thu 1969, Bộ Chính trị chỉ đạo các chiến trường: *“chuyển hướng hành động nhằm đánh mạnh vào kế hoạch bình định của địch”*. Hội nghị Trung ương Cục miền Nam lần thứ 9 tháng 7 năm 1969 chủ trương: *“đẩy mạnh tiến công quân sự và xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân; tăng cường công tác dân vận làm cơ sở và mở rộng căn cứ địa”*<sup>(1)</sup>. Nghị quyết vạch rõ nhiệm vụ quan trọng nhất của mặt trận nông thôn là phải *“giành dân, giành đất, phát triển thế lực của ta”*<sup>(2)</sup>.

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn cho cả dân tộc ta. Trước khi đi xa, Bác còn để lại bản Di chúc lịch sử cho đồng bào và chiến sĩ cả nước, trong đó có đoạn: *“Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn. Đế quốc Mỹ nhất định sẽ cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”*<sup>(3)</sup> .... Bộ chính trị Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam đã phát động phong trào làm theo di chúc của Bác, biến đau thương thành hành động cách mạng trong toàn quân, toàn dân.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 18 (tháng 1 năm 1970) đã vạch rõ khả năng đế quốc Mỹ sẽ mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn Đông Dương, xác định Đông

1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, sđd trang 445.

2. Sđd như trên

3. Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb trẻ 1999, trang 42.

Dương là một chiến trường; đề ra nhiệm vụ đoàn kết chiến đấu giữa ba dân tộc Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia đánh bại âm mưu xâm lược của Mỹ.

Thực hiện Nghị quyết trung ương lần thứ 18, Trung ương Cục miền Nam, Quân ủy Miền quyết định mở cuộc tiến công xuân hè 1970, thực hiện tiến công đồng loạt mở mang, mở vùng nông thôn đồng bằng, nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang, chính trị, khôi phục phong trào chiến tranh nhân dân, khôi phục vùng làm chủ, giải phóng trước Mậu Thân làm biến đổi cục diện chiến trường, tạo thời cơ tiến lên giành thắng lợi cao nhất. Trọng điểm đánh phá bình định là vùng đồng bằng sông Cửu Long; miền Đông Nam bộ là chiến trường căng kéo phân tán địch để ta tiêu diệt.

Trong lúc quân dân ta đang tích cực chuẩn bị cho đợt hoạt động hè, thì ngày 18 tháng 3 năm 1970, Mỹ chủ mưu đảo chính, lật đổ Xi-ha-núc ở Cam-pu-chia, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Mục tiêu trước mắt của Mỹ là đánh phá vùng biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia, cắt hành lang vận chuyển chiến lược của ta qua đất Cam-pu-chia, phong tỏa kinh tế cách mạng Việt Nam.

Ở miền Đông Nam Bộ, trên chiến trường Biên Hòa, Long Khánh, Nhơn Trạch, Bình Sơn (Phân khu 4), Long Khánh, địch mở các cuộc hành quân đánh vào Long Khánh, Xuân Lộc, Định Quán và khu vực đông – tây lộ 15, ủi phá các vạt rừng khu vực sông Buông, suối Cả (Long Thành), Đại An, Tân Định, Thiện Tân (Vĩnh Cửu) lên giáp Hồ Nai... Các địa bàn đứng chân của các lực lượng vũ trang không ổn định.

Lực lượng vũ trang không chỉ bám địa bàn đánh địch, mà còn phải làm nhiệm vụ bảo vệ cấp ủy và căn cứ. Tại Long Thành, Nhơn Trạch, Bình Sơn, lực lượng vũ trang Phân khu 4 và đại đội 207 cao su Bình Sơn (Long Thành) phải trinh sát, bố trí lực lượng, bám sát xe tăng, cơ giới của quân Mỹ, Thái, nguy đang cần quét khu vực rừng Bình Sơn để bảo vệ an toàn cho đại hội Phân khu 7 tổ chức tại Bàu Ngỗng (Bình Sơn) ngày 19 tháng 3 năm 1970.

Trước tình hình mới, tháng 3 năm 1970, Ban Cán sự T7 (khu miền Đông) mở hội nghị quân sự tại Rừng Lá (Xuân Lộc). Hội nghị quyết định mở đợt tiến công lấy tên “chiến dịch CD” từ ngày 26 tháng 3 đến tháng 7 năm 1970 để phối hợp với chiến trường Đông Dương và chiến trường Tây Ninh, Bình Long, lấy Xuân Lộc làm trọng điểm. Ban cán sự T7 tăng cường Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, Tiểu đoàn 6 đặc công, các lực lượng biệt động, trinh sát vũ trang và du kích các xã để vào đợt tiến công đánh phá bình định. Tỉnh đội Bà Rịa – Long Khánh chỉ đạo lực lượng vũ trang ngoài nhiệm vụ chống càn, bảo vệ căn cứ, cần thọc sâu vào khu vực thị xã, thị trấn, tấn công diệt bọn ác ôn, bọn bình định hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng.

Tháng 4 năm 1970, hai chiến sĩ trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh lườn sâu vào nội ô, dùng tạc đạn đánh diệt 70 tên bình định và cảnh sát. Đêm 25 tháng 4 năm 1970, ba du kích mật xã Bình Lộc đánh bọn địch đang ăn nhậu trong quán ăn Ba Thế (thị xã Long Khánh) diệt và làm bị thương 40 tên Mỹ, nguy. Hai trận đánh này hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng xã Suối Cát, Bảo Vinh A, B và

khu vực nội ô thị xã Long Khánh. Liên tục trong ba tháng (từ tháng 4 đến tháng 7), Trung đoàn 4, Đại đội K8, đội nữ pháo binh Xuân Lộc liên tục tấn công các đồn bốt địch, phát động quần chúng nổi dậy phá các ấp chiến lược Bảo Bình, Suối Tre, Tân Phong, Bảo Bình A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Gia Ray, Suối Cát, Bình Lộc...

Ngày 23 tháng 7 năm 1970, Tiểu đoàn 6 đặc công (T7) kết hợp cùng bộ đội K8 huyện Xuân Lộc, đội pháo binh nữ Xuân Lộc tập kích trường huấn luyện biệt kích ở Núi Thị, tiêu diệt 175 tên, phá hủy năm xe tăng một xe GMC, bắn rơi một máy bay lên thẳng.

Trên hướng Định Quán (quốc lộ 20), bộ đội huyện (K9) trinh sát vũ trang huyện được Trung đoàn 33 (T7) hỗ trợ phục kích đánh diệt một trung đội bảo an ở bìa sở cao su Túc Trung, tổ chức tấn công các đồn 110, 114, 116, 125 hỗ trợ tích cực phong trào quần chúng đấu tranh chống bắn pháo bừa bãi vào xóm ấp, chống vào phòng vệ dân sự có kết quả.

Tại Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Trảng Bom trong tình hình lương thực khó khăn địch bao vây phong tỏa kinh tế, Tỉnh ủy chủ trương không chạy dạt kiên quyết bám trụ địa bàn, chỉ đạo. Tỉnh đội có biện pháp cụ thể tổ chức đánh địch để tồn tại. Tiểu đoàn 1, 2 đặc công bố trí thành các chốt, bám trụ vùng ven thị xã Biên Hòa, vùng bàn đạp Hưng Lộc, Hưng Nghĩa Thiện Tân vừa móc ráp cơ sở, vừa điều nghiên các mục tiêu. Các lực lượng vũ trang phải luôn trong tư thế sẵn sàng chống càn diệt địch bảo vệ căn cứ. Thiếu vũ khí, công binh xưởng của tỉnh, của huyện đã tung lực lượng đi sưu tầm bom pháo lép của địch để sản xuất các loại mìn ĐH, bộc phá để đánh xe tăng, xe cơ giới Mỹ đang ủi phá rừng ở phía bắc thị xã Biên Hòa. Gần một chục xe cơ giới của địch đã bị phá hủy ở đồi Ông Bình, Hóc Ông Tạ, cầu 17, 19...

Trên hướng Rừng Sác, mặc dù bị địch đánh phá liên tục bằng máy bay trên không, tàu chiến trên sông, thiếu cả nước ngọt, nhưng Đoàn 10 đặc công vẫn kiên quyết bám trụ, sưu tầm từng quả bom, pháo lép của địch để chế tạo các loại bộc phá, mìn ĐH để đánh tàu chiến trên sông Lòng Tàu, Đồng Môn.

Chính trong giai đoạn khó khăn này, mới thấy hết tấm lòng của nhân dân dù khó khăn gian khổ, đối mặt với cái chết do địch khủng bố, vẫn hướng về cách mạng. Công nhân các sở cao su như Bình Sơn, Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Bình Lộc, Suối Tre... đã không ngừng đấu tranh chống địch tra xét để mang cơm ăn trưa ra lô tiếp cho bộ đội, du kích; đấu tranh buộc địch bỏ lệnh trữ gạo trong nhà. Đặc biệt ở Bình Sơn, công nhân đấu tranh quyết liệt với bọn lính Thái, chống xét hỏi công nhân khi ra lô cạo mủ. Chi bộ mật lãnh đạo được cơ sở quan hệ, vận động bọn lính Thái bán lại gạo cho công nhân để có cơ sở tiếp tế. Nhân dân Hưng Lộc, Bàu Hàm dành cả những vườn chuối, vườn đậu nành để cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang như Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 ăn thay cơm mà không đặt vấn đề tiền bạc. Nhân dân Tam An, Phước Thái (Long Thành), Thiện Tân (Vĩnh Cửu) khi gặt lúa giấu lại ngoài ruộng để lực lượng vũ trang mang về căn cứ. Nhân dân không chỉ giúp cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang vượt qua khó khăn, đó còn là sự thể

hiện tình cảm, niềm tin vào cách mạng, động viên cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang thêm quyết tâm chiến đấu, giành thắng lợi.

Hướng Nhơn Trạch (Phân khu 4) tháng 3 năm 1970, một trung đoàn quân Thái cùng quân ngụy mở một cuộc hành quân liên tục 12 ngày vào vùng căn cứ Phú Mỹ, Phước Thiện. Lực lượng du kích các xã cùng bộ đội Trung đoàn 4 bám trụ chiến đấu, bẻ gãy trận càn của địch, nhưng bị tổn thất nặng<sup>(1)</sup>. Ở khu vực Lòng chảo, địch dùng máy bay lên thẳng OH6 bay thấp, dùng cánh quạt để làm tróc các ngụy trang trên nóc hầm. Khu Lòng chảo bề ngang 8 ki-lo-mét dài 12 ki-lo-mét rừng chồi, nhưng có lúc địch sử dụng đến 70 xe ủi, xe tăng càn phá, gây cho lực lượng ta nhiều thiệt hại.

Tại huyện Long Thành, bộ đội huyện, du kích các xã Tam An, Tam Phước, An Lợi, Phước Nguyên tuy bị nhiều thiệt hại không bổ sung được, nhưng số còn lại vẫn kiên quyết bám trụ địa bàn không chạy dạt.

Cuối tháng 7 năm 1970 tuy lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn song vẫn bám trụ các địa bàn Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bàu Hàm, Suối Cả, Sông Buông... Chiến dịch CD tuy diệt địch không nhiều, nhưng đã góp phần phát triển lại phong trào du kích chiến tranh, buộc địch phân tán, hỗ trợ đặc lực cho chiến trường bạn. Đặc biệt ở thị xã Long Khánh, đội biệt động và trinh sát vũ trang, đội nữ pháo binh Xuân Lộc thường xuyên bám trụ ở vùng ven liên tục thọc sâu đánh vào những nơi địch thường tập trung gây cho chúng nhiều thiệt hại.

### **III. BỔ TRÍ LẠI CHIẾN TRƯỜNG, CÙNG CÓ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, THAM GIA CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC NĂM 1972.**

Những tháng đầu năm 1971, theo chỉ đạo của Trương ương Cục miền Nam, Quân ủy Miền, bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp cùng với bộ đội cách mạng Lào và Cam-pu-chia đánh bại các cuộc hành quân của Mỹ, ngụy ở đông bắc Cam-pu-chia và nam Lào gây nhiều thiệt hại cho địch, mở nhiều vùng giải phóng giúp cách mạng hai nước phát triển.

Do những thất bại trên, đồng thời nhằm đẩy mạnh việc thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh, trên chiến trường Biên Hòa, Long Khánh, quân Mỹ và chư hầu bắt đầu rút quân khỏi địa bàn (như sư bộ binh số 9, lữ dù 199, lữ dù 173 Mỹ, Trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ, quân Úc, Thái). Trong khi đó, đại bộ phận sư 18 ngụy vẫn bị choon chân trên chiến trường Cam-pu-chia (chỉ còn lại hai tiểu đoàn bảo vệ hậu cứ ở Xuân Lộc).

Để tăng cường đánh phá bình định, tháng 5 năm 1971, Thường vụ Trương ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường ở miền Đông. Phân khu 5 và tỉnh U1 sáp nhập thành Phân khu Thủ Biên. Hai huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom nhập lại thành huyện Vĩnh Cửu do đồng chí Thái Văn Thái làm bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Đạm, phó bí thư, huyện đội trưởng.

---

1. Theo báo cáo của huyện Nhơn Trạch năm 1970, ta hy sinh 116 bộ đội, du kích, 162 cán bộ cơ sở ra chiêu hồi, 21 đồng chí bị địch bắt.

Ban chấp hành Phân khu Thủ Biên được Trung ương Cục chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Trung (Sáu Trung) làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Trang (Năm Trang) phó Bí thư kiêm Bí thư Thị ủy Biên Hòa. Đồng chí Nguyễn Hồng Lâm (Hai Búa) phó Bí thư; Tư lệnh Phân khu, đồng chí Trần Công An (Hai Cà) Ủy viên thường vụ, phó Tư lệnh kiêm Thị đội trưởng Biên Hòa. Lực lượng vũ trang Phân khu đứng chân ở Khu A (chiến khu Đ). Thị ủy, Thị đội Biên Hòa, Huyện ủy, Huyện đội Vĩnh Cửu đứng chân thường xuyên ở khu vực bắc Trảng Bom, Bàu 17. Bào Sau, Bào Sinh, Giang Tới, Đại An và nam lộ 1 Hưng Lộc, Hưng Nghĩa. Lực lượng vũ trang có hai tiểu đoàn đặc công ở Biên Hòa: d1 phụ trách sân bay Biên Hòa, d2 phụ trách tổng kho Long Bình, biệt động phụ trách thị xã Biên Hòa. Bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu (lúc này huyện Vĩnh Cửu và huyện Trảng Bom nhập lại lấy tên là Vĩnh Cửu) gồm một đại bộ binh, một đại công binh.

Tỉnh Bà Rịa – Long Khánh nhận thêm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thủ Đức, Bình Sơn thành Phân khu Bà Rịa.<sup>1</sup> Bí thư Phân khu là đồng chí Lê Đình Nhơn (Chín Lê); Thường vụ Phân khu ủy, tư lệnh Phân khu là đồng chí Trần Sơn Tiêu (Năm Lê); đồng chí Phạm Lạc (Tư Lạc) phó tư lệnh Phân khu. Bộ đội địa phương phân khu gồm ba tiểu đoàn bộ binh: 445, 440, 240. Trung đoàn 4, Trung đoàn 33, Tiểu đoàn 6 công binh T7 được tăng cường cho hai phân khu Thủ Biên và Bà Rịa. Thường xuyên bám trụ, hoạt động trên địa bàn còn có Đoàn 10 đặc công Rừng Sác, Đoàn hậu cần Miền 814 hoạt động trên các quốc lộ 1, 20, 15 và liên tỉnh lộ 2; Trung đoàn pháo 274 ĐKB Miền (có ba tiểu đoàn, một tiểu đoàn tăng cường về cho Phân khu Thủ Biên).

Thực hiện chỉ thị 01 (tháng 4 năm 1971), của Trung ương Cục miền Nam, Phân khu Thủ Biên và Phân khu Bà Rịa đã đề ra nhiệm vụ tập trung là: củng cố, phát triển lực lượng, kết hợp chặt chẽ ba thứ quân để đánh phá bình định, nhằm phá lỏng, phá rã thể kim kẹp của địch ở nông thôn; mở rộng vùng làm chủ, nâng thể tranh chấp, mở hang lang căn cứ, tạo thể bám trụ vùng ven các thị xã, thị trấn, hỗ trợ cho quân chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận.

Thực hiện chủ trương của Phân khu ủy, bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa, tập trung hai trung đoàn 4 và 33, Tiểu đoàn 6 công binh kết hợp bộ đội địa phương các huyện dọc lộ số 2, mở đợt hoạt động vũ trang tập trung tuyến lộ số 2 và quốc lộ 20 nhằm củng cố, mở rộng địa bàn đứng chân, giữ vững tuyến hành lang chiến lược Bà Rịa – Long Khánh và chiến khu Đ. Đồng thời Phân khu ủy và Bộ Tư Lệnh Phân khu Bà Rịa còn thành lập Đoàn hậu cần 500, để phối hợp cùng đoàn hậu cần Miền 814 làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, hàng chiến lược từ nam đường Hồ Chí Minh (quốc lộ 14) để phục vụ chiến dịch, chiến đấu.

Mở đầu cho đợt hoạt động, sau nhiều ngày điều nghiên, đêm 15 tháng 6 năm 1971, đội biệt động thị xã Long Khánh gồm 10 chiến sĩ do Nguyễn Thanh Mừng đội trưởng và Nguyễn Hồng Nở, chính trị viên chỉ huy, hóa trang lính ngụy bắt ngờ tấn công bằng B40, thủ pháo vào tiểu khu 33 tình báo ngụy đóng trên đường Hùng

---

1. Phân khu Bà Rịa có chín huyện: Xuân Lộc (gồm cả Định Quán). Cao su, Châu Đức, Long Đất, Xuyên Mộc, Long Thành, Nhơn Trạch, Duyên Hải, Thủ Đức và ba thị xã Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu.

Vương thị xã Long Khánh. Trận đánh táo bạo, bất ngờ nhanh chóng giành thắng lợi (trận đánh diễn ra từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút), ta diệt và làm bị thương 33 tên, bắn sập một lô cốt và ba dãy nhà. Trận đánh sâu trong thị xã của biệt động gây tiếng vang lớn, đặc biệt là đã đánh đúng đối tượng là cơ quan chỉ huy bình định của địch ở Long Khánh, Bà Rịa.

Trong lúc đó, Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 kết hợp cùng với bộ đội huyện Cao su tấn công hầu hết đồn bót, trụ sở cảnh sát của địch dọc tuyến lộ 2 như Hàng Gòn, Ông Quế, Cẩm Mỹ, Tân Lập... Bầy đội phòng vệ dân sự của địch bị phá tan.

Tháng 8 năm 1971, du kích Bình Lộc do đồng chí Lê A, chỉ huy dùng mìn tự tạo ĐH chặn đánh bọn lính ở đồn Bình Lộc đi càn quét, phá hủy một xe quân sự, diệt 8 tên làm bị thương 9 tên khác. Bộ đội huyện Xuân Lộc K8 cùng du kích xã Bảo Chánh xây dựng công sự, liên tục gài trái chống địch càn quét, trong bảy trận chống càn đã loại khỏi vòng chiến đấu trên 100 tên bảo an. Trong hai ngày 15 và 16 tháng 9 năm 1971, Tiểu đoàn 7, Tiểu đoàn 33 tổ chức phục kích trên đường Hàm Ninh đi Bảo Chánh, bắn cháy, bắn hư tám xe quân sự, diệt 46 bảo an, dân vệ.

Đêm 18 tháng 9 năm 1971, nhờ cơ sở bên trong nắm tình hình, đội du kích xã Bình Lộc một lần nữa dùng tạc đạn đánh vào bọn lính Mỹ, nguy đang xem hát trong rạp hát Đồng Tâm, thị xã Long Khánh. Ta diệt 47 Mỹ, nguy. Toàn đội du kích Bình Lộc được tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng hai.

Cùng với đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, du kích Bình Lộc là một điển hình trong việc dùng cách đánh đặc công, biệt động thọc sâu đánh đúng đối tượng và có hiệu suất chiến đấu cao. Bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa đánh giá: “Bản thân du kích Bình Lộc tự lực tấn công diệt tua (nhỏ hơn bót) đánh đúng đối tượng, làm chủ tình hình, thu vũ khí, phá rã phòng vệ dân sự gây cho địch hoang mang bỏ chạy, tạo sơ hở cho ta tiến công chuyển thế phong trào cách mạng, tự lực giải quyết khó khăn, tạo thời cơ mới cho địa phương, đã giúp bài học tốt về chỉ đạo và khả năng đánh phá bình định cho toàn lính”.

Trên quốc lộ 20, đêm 17 tháng 9 năm 1971, Tiểu đoàn 6 đặc công của phân khu tập kích vào chi khu Định Quán, diệt và làm bị thương 90 tên. Trận đánh hỗ trợ tích cực phong trào quần chúng đấu tranh trong toàn huyện, tạo điều kiện để các đoàn hậu cần 500 và 814 mở cửa khẩu trên quốc lộ 20.

Trong tháng 10 năm 1971, Trung đoàn 4, Trung đoàn 33 của phân khu liên tục chống càn, tập kích địch trên hai hướng lộ 1 và 2 như Trà Tân, Bảo Bình, Tân Phong, pháo kích căn cứ Hoàng Diệu, đánh thiệt hại tiểu đoàn 4 chiến đoàn 43 sư 18 nguy bắn rơi một máy bay, chặn đánh diệt gần 100 bảo an, dân vệ, bắn cháy nhiều xe quân sự của địch.

Hoạt động vũ trang ở huyện Xuân Lộc (gồm cả Định Quán) đã nâng lên thế làm chủ của quần chúng ở các xã Bảo Bình 1, Bảo Bình 2, Bảo Vinh A, B, Suối Cát, Trung Lương, Trung Nghĩa, Tân Thủy, Bình Lộc, cây số 110, 116, 125..., đồng thời cổ vũ mạnh phong trào quần chúng ở thị xã Long Khánh đấu tranh làm thất bại cuộc bầu cử độc diễn của nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu (ngày 3 tháng 10

năm 1971). Điều quan trọng là hành lang chiến lược trên địa bàn phân khu đã được mở và giữ vững từ chiến khu Đ qua Định Quán (lộ 20), Mây Tàu, “mả con Đầm” (lộ 2) về khu tam giác lộ 1, lộ 2, lộ 15. Trung ương Cục miền Nam và bộ chỉ huy Miền đã bổ sung cho Phân khu Bà Rịa 260 tân binh, 44 chiến sĩ đặc công nước từ hậu phương miền Bắc vào. Hoạt động vũ trang của các đơn vị trên chiến trường Xuân Lộc trong đợt đã được Bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa đánh giá cao: “Nhìn chung trong đợt Xuân Lộc hoạt động nổi nhất, toàn diện nhất, diệt nhiều địch, thu nhiều vũ khí, giải tán nhiều đội phòng vệ dân sự, phá rã nhiều bộ máy kìm kẹp của địch tại xã ấp”.

Tình hình ở khu vực Biên Hòa và các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu gặp nhiều khó khăn hơn. Địch càn quét, chà xát liên tục, đẩy mạnh bình định nông thôn kết hợp tình báo, gián điệp để đánh vào cơ sở cách mạng, gây cho ta nhiều khó khăn. Riêng huyện Vĩnh Cửu trong hai năm 1970, 1971 đã có 10 đồng chí cấp ủy huyện, xã hy sinh. Theo chỉ đạo của Phân khu ủy Thủ Biên, Bộ Chỉ huy phân khu quyết định đưa lực lượng vũ trang về huyện, xã để hỗ trợ cho phong trào đánh phá bình định, phá thế kìm kẹp của địch ở cơ sở, bổ sung các đội du kích xã, diệt ác ôn; đồng thời bố trí các chốt đặc công tiếp tục nghiên cứu tấn công các mục tiêu căn cứ, kho tàng quân sự của địch.

Thị ủy Biên Hòa đã huy động hầu hết cán bộ, chiến sĩ cơ quan Đảng, đoàn thể tham gia tải đạn từ chiến khu Đ qua lại sông Đồng Nai, tải đạn về phục vụ cho pháo binh bắn vào sân bay Biên Hòa. Trong hai đêm 20 và 25 tháng 9 năm 1971 đội pháo thị xã Biên Hòa đã pháo kích vào sân bay Biên Hòa phá hủy ba máy bay. Đêm 2 tháng 10 năm 1971 đội pháo thị xã cùng với Tiểu đoàn pháo binh 174 ĐKB tiếp tục bắn pháo vào sân bay Biên Hòa, bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy phá hủy nhiều máy bay và phương tiện chiến tranh, loại khỏi vòng chiến đấu 107 tên địch.

Bộ đội huyện Vĩnh Cửu cùng với du kích các xã tổ chức nhiều trận đánh bọ bảo an, dân vệ khu vực Bàu Hàm, Hưng Nghĩa, Đại An và diệt ác ôn ở vùng sâu Tân Phú, Bình Long... Đến cuối năm 1971, lực lượng vũ trang huyện Vĩnh Cửu, du kích các xã diệt ác phá kềm, phá ấp chiến lược nâng thế tranh chấp từ tranh chấp yếu lên tranh chấp ngang ở ấp 12 thuộc các xã Bình Ý, Lợi Hòa, Bình Long, Tân Phú, Thiện Tân, Tân Định, Đại An.

Đặc biệt khó khăn là khu vực Rừng Sác, nơi đứng chân của Đoàn 10 đặc công. Địch càn quét, phong tỏa liên tục, đơn vị thiếu lương thực, nước ngọt, thiếu cả vũ khí đánh địch. Trong ba năm từ 1969 đến 1971 đơn vị hy sinh trên 300 cán bộ, chiến sĩ. Tuy nhiên toàn đơn vị vẫn bám trụ với quyết tâm: “Rừng Sác là nhà, kho tàng bển cảng là trận địa, sông Lòng Tàu là quyết chiến điểm” và khẩu hiệu hành động: “Có lệnh là đi, hoàn cảnh nào cũng đánh, đã đánh là thắng” đã trở thành truyền thống và ăn sâu vào tiềm thức của cán bộ chiến sĩ Đoàn 10.

Trận càn của địch vào tháng 6 năm 1971 đơn vị bị nhiều thiệt hại, sở chỉ huy bị đánh mất cả thông tin điện đài, đứt liên lạc với cấp trên, vũ khí chỉ còn lại bốn quả ĐKB. Chỉ huy trưởng Đoàn 10 quyết định đưa hai quả ĐKB lên Phước Khánh, tổ chức trận địa bắn vào Dinh Độc Lập trung tâm đầu não của ngụy quyền Sài Gòn

gây tiếng vang, vừa là hình thức nối liên lạc, báo cáo với cấp trên đơn vị vẫn còn tồn tại và hoạt động.

Thời gian 1969 – 1971 là giai đoạn cực kỳ khó khăn của các lực lượng vũ trang Biên Hòa, Long Khánh. Tuy nhiên với những nỗ lực cao, đặc biệt tinh thần bám trụ kiên cường, liên tục chống càn quét, tổ chức tấn công địch khi có thời cơ, đánh mạnh vào âm mưu bình định nông thôn của địch, làm lỏng rã thể kim kẹp của địch, nâng thế làm chủ cho quần chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở lại các cửa khẩu hậu cận (Bình Sơn, Phước Thái, 116, 125...) mở hành lang chiến lược, tạo được thế đứng tương đối vững chắc, củng cố tổ chức, bổ sung trang bị, học tập rèn luyện các đơn vị lực lượng vũ trang để chuẩn bị bước vào chiến dịch Nguyễn Huệ 1972.

Thất bại của Mỹ, nguy trên mặt trận Cam-pu-chia và Nam Lào trong năm 1970, 1971 đã làm bộc lộ những khó khăn của địch: lực lượng phải dàn trải, quân nguy dù quân số tăng lên trên một triệu, nhưng tinh thần, tư tưởng tiếp tục sa sút, kế hoạch bình định ở nông thôn bị chững lại.

Từ tháng 5 năm 1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ giành thắng lợi quyết định trong năm 1972. Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ cần kíp cho quân và dân ta là: “Kịp thời nắm lấy thời cơ lớn, trên cơ sở phương châm chiến lược đánh lâu, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và cả trên chiến trường Đông Dương, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Cam-pu-chia và Lào giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài”.

Cụ thể hóa chủ trương này, Quân ủy Trung ương đã nêu ra quyết tâm trong hai năm 1971 – 1972 là tập trung mọi cố gắng, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị trên cả ba vùng chiến lược ở miền Nam Việt Nam. Đòn tiến công của chủ lực sẽ tiến hành đồng thời trên ba hướng chiến lược: Trị Thiên, Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ trong đó có miền Đông là hướng tiến công chủ yếu.

Tháng 10 năm 1971, Trung ương Cục miền Nam mở Hội nghị lần thứ 11 để quán triệt chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương về việc mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam. Thường vụ Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã đề ra kế hoạch tiến công năm 1972 nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại chương trình kế hoạch bình định nông thôn của địch, giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên chiến trường, tạo thế cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta ở bàn hội đàm Paris.

Triển khai nhiệm vụ này, Bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa quyết định mở đợt hoạt động, lấy tên đợt cao điểm 15 ngày. Kế hoạch của đợt là tập trung cả lực lượng phân khu với bộ đội địa phương, du kích đánh mạnh trên các địa bàn then chốt (trong đó có Xuân Lộc) diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giải phóng một số xã, ấp, chi khu, mở vùng mở mang, đặc biệt trên lộ số 2 và 23. Điểm của đợt hoạt động gồm có huyện Xuân Lộc, Cao su và Long Thành.



Phục vụ cho đợt, Đoàn hậu cần 500 của phân khu đã tiếp nhận và chuẩn bị hàng ngàn tấn vũ khí, lương thực trên các khu vực căn cứ lộ 1, lộ 20 để đáp ứng yêu cầu chiến đấu của lực lượng. Ở các địa phương Long Thành, Xuân Lộc, Định Quán, cơ sở cách mạng cũng chuyển tải, thu mua nhiều hàng hóa, lương thực cho địa phương.

Cuối tháng 1 năm 1972, Bộ Tư lệnh Phân khu Bà Rịa đưa Trung đoàn 33 về đứng chân hoạt động ở khu vực Xuân Lộc, và một tiểu đoàn của Trung đoàn 4 về Long Thành. Nhiệm vụ của hai đơn vị là kết hợp chặt chẽ với bộ đội huyện, du kích đánh diệt, hỗ trợ cho vùng trọng điểm của Phân khu.

Liên tục từ 28 tháng 1 đến 17 tháng 2 năm 1972 Trung đoàn 33 của phân khu hoạt động trên một tuyến rộng từ Cẩm Mỹ (lộ 2) lên Túc Trưng, Định Quán (lộ 20). Trung đoàn đã tấn công nhiều đồn bót, chi yếu khu, căn cứ chiến đoàn 48, 52, sư 18 ở Long Khánh. Trong đợt, đơn vị đánh thiệt hại năm đại đội, bốn trung đội. Chiến đoàn 48, chiến đoàn 52 nguy lúng túng, bị động đối phó.

Bộ đội K8, K9 huyện Xuân Lộc cùng với biệt động du kích các xã tấn công vào các trụ sở tê xã, các tua bót, phá rã nhiều bộ máy tay sai địch ở Bình Phú, Bình Lộc, Bảo Bình, Gia Kiệm, Túc Trưng, cây số 116, 125.

Tại Long Thành, huyện đội phối hợp chặt chẽ cùng với các đoàn thể và cơ sở cách mạng, tổ chức vận động trên 300 thanh niên tòng quân, tổ chức một đại đội mới lấy phiên hiệu c241 do đồng chí Hai Bền làm đại đội trưởng, Tư Hồng chính trị viên. Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 4 kết hợp cùng với c241 đánh tiêu diệt một trung đội bảo an càn quét khu vực Phước Thái, phá rã hầu hết các toán phòng vệ dân sự trên quốc lộ 15. Thắng lợi của lực lượng vũ trang giúp cho huyện Long Thành có điều kiện xây dựng xã giải phóng, xã hậu phương tại chỗ của huyện, phân khu. Đó là xã Thái Bình nằm trên đường Cầu Dạt trong địa phận xã Phước Thái.

Đặc công thị xã Biên Hòa từ bàn đạp Thiện Tân bí mật vượt rào đánh vào hai kho đạn ở Bình Ý (phía tây sân bay Biên Hòa) phá hủy 10 tấn đạn và rốc két. Bộ đội, du kích Vĩnh Cửu diệt ác ở Bàu Hàm, chặn đánh bọn bảo an, dân vệ tuần tiễu ở Hưng Lộc, hỗ trợ cho nhân dân bung ra sản xuất. Trong thị xã Biên Hòa, Thị ủy chỉ đạo xây dựng du kích mật, huấn luyện giao đội trái nổ, kíp nổ chậm, tổ chức đánh bọn ác ôn trong nội thành. Đồng thời Thị ủy tăng cường cán bộ bám trụ vào nội thành và khu kỹ nghệ Biên Hòa, củng cố xây dựng cơ sở nội tuyến trong quân đoàn 3, tinh đoàn bảo an, tòa hành chánh ngục, củng cố các tổ biệt động bên trong.

Như vậy những tháng đầu năm 1972, lực lượng ngục trang Phân khu Bà Rịa, Phân khu Thủ Biên vừa tổ chức đánh địch, vừa hỗ trợ tích cực xây dựng cơ sở, mở mang, tạo điều kiện để tham gia chiến dịch 1972.

Cuối tháng 3 năm 1972 cuộc tiến công chiến lược của ta nổ ra ở khu vực Trị Thiên và bắc Tây Nguyên.

Ở miền Đông Nam Bộ ngày 1 tháng 4 năm 1972 chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở Tây Ninh và hướng Lộc Ninh (5 tháng 4 năm 1972). Quân ta đánh chiếm chi khu Lộc Ninh bao vây cô lập thị xã An Lộc (Bình Long). Địch ở quân đoàn 3 phải huy

động lực lượng trừ bị lớn cùng sư đoàn 18 từ Biên Hòa lên Bà Rịa để giải tỏa. Đây là chính là thời cơ để lực lượng vũ trang hai phân khu phát huy sức mạnh 3 thứ quân đánh phá bình định, mở lại vùng giải phóng.

Bước vào chiến dịch, Trung đoàn 33 Phân khu Bà Rịa một mặt nghiên cứu các mục tiêu trên lộ số 2, vừa kết hợp bộ đội K8 huyện Xuân Lộc tấn công bứt rút năm tua Trường Sơn, Cầu Mới, Bảo Bình, Gia Lào, cầu Nam Hà, phát động quần chúng nổi dậy cùng du kích giải phóng các ấp Nam Hà, Bảo Liệt, Bảo Bình 2. Trung đoàn 33 đánh thiệt hại nặng liên đội bảo an 323 và một đại đội bảo an đồn Lạc Sơn, bứt rút đồn Gia Lào.

Trên quốc lộ 20, bộ đội K9 (Định Quán thuộc huyện Xuân Lộc) kết hợp du kích tấn công các tua, trụ sở tề ở Túc Trung, Bền Nôm, cây số 116... làm chủ nhiều đoạn đường trên lộ 20.

Tại thị xã Long Khánh, biệt động thị xã tấn công các cơ quan đầu não địch, làm nổ tung kho đạn của sư 18 nguy. Hướng quốc lộ 1 từ 21 tháng 4 đến 10 tháng 5 năm 1972, bộ đội K8 cùng với du kích xã xây dựng thế trận đánh càn quét, cắt giao thông, bứt rút tua Nam Hà, giải phóng phần lớn xã Bảo Bình. Bọn địch ở đồn Bảo Chánh, Suối Cát, cố thủ trong đồn không dám ra ngoài. Để giải tỏa lộ 1, địch tăng cường bảo an, sư 18 lên chi viện. Chiến cuộc diễn ra hết sức quyết liệt ở khu vực Bảo Bình, Bảo Chánh, Gia Ray.

Huyện ủy, huyện đội Xuân Lộc trên cơ sở nhận định đúng chủ trương, sử dụng lực lượng ba mũi quân sự, chính trị, binh vận để tấn công địch trong đồn Bảo Bình 1. Đêm 19 tháng 6 ta đào công sự bao vây, đồng thời phát loa kêu gọi địch buông súng. Địch trong đồn hoang mang, đêm 20 tháng 6, chúng bỏ đồn rút chạy về Nam Hà. Ta huy động nhân dân phá đồn, thu nhiều vũ khí. Xã Bảo Bình được giải phóng.

Cùng trong đêm 19 tháng 6, bộ đội K8 kết hợp du kích xã tấn công đồng loạt vào ấp Bảo Chánh và ba ấp khác của yếu khu Gia Ray, đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an

Đêm 30 tháng 6 đội du kích xã Bình Lộc do đồng chí Lê A chỉ huy dùng mìn tự tạo, lựu đạn tấn công đồn Bình Lộc diệt 14 bảo an, thu 11 súng. Trong trận đánh, đồng chí Lê A, xã đội trưởng Bình Lộc đã hy sinh khi vừa tròn 19 tuổi. Tấm gương dũng cảm chiến đấu và hy sinh anh dũng của anh được đồng đội và nhân dân vô cùng khâm phục.<sup>1</sup>

Ở vùng ven thị xã Long Khánh, đội biệt động và du kích xã Bảo Vinh đã hoạt động rất tích cực. Ngày 19 tháng 8 năm 1972, đơn vị tổ chức tập kích đồn Bảo Vinh A, đồng thời bố trí lực lượng chặn địch từ thị xã Long Khánh lên tăng viện đánh diệt 39 bảo an, bị thương năm tên, bắt sống một tên, thu hai súng. Sau đó, đơn vị tiếp tục nghiên cứu và chuẩn bị phương án đánh chiếm đồn cầu Bốn Thước trên đoạn đường xe lửa bắt qua Suối Rét. Đồn xây dựng khá kiên cố với nhiều lô

---

1. Năm 1978, đồng chí Lê A được Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang.

cốt, hàng rào, giao thông hào, mìn gai... Đội biệt động do đồng chí Nguyễn Thanh Mừng chỉ huy quyết định tập kích bí mật.

Rạng sáng 15 tháng 9 năm 1972, đội biệt động thị xã tổ chức hai mũi vượt qua chướng ngại vật, dùng lựu đạn tập kích các mục tiêu trong đồn. Bọn địch hoàn toàn bị bất ngờ trước cách đánh của biệt động. Đồn bị tiêu diệt, 26 tên chết, 5 tên bị thương, 1 tên bị ta bắt sống. Ta tịch thu ba súng trong đó có một đại liên, một M79, một máy truyền tin, phá nổ một kho đạn.

Trên hướng quốc lộ 15, bộ đội huyện Long Thành c240 tổ chức pháo kích các đồn Bình Lâm, Long Phước, Bình Sơn. Du kích Phú Hội diệt tên cảnh sát T ác ôn, du kích xã Phước Tân diệt cảnh sát Th; du kích các xã Bình Sơn, Tam An... liên tục diệt ác, tấn công các toán địch đi tuần diễu. Trong đợt phối hợp chiến dịch, các lực lượng vũ trang huyện diệt trên 100 tên địch, trừng trị 10 tên ác ôn ở địa phương.

Trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, địch phát triển kho bom Thành Tuy Hạ với một khối lượng dự trữ lớn bom, đạn. Kho được bảo vệ với 14 lớp rào kẽm gai, giữa các vòng rào có nhiều chướng ngại và đường hàng lang tuần tiểu, nhiều chốt gác để bảo vệ. Lực lượng bảo vệ kho thường xuyên có một tiểu đoàn bộ binh, một trung đội cảnh sát, một tiểu đoàn quân khuyến với 100 chó béc-giê. Phía ngoài kho, trên các hướng địch xây dựng nhiều đồn bót trên bộ, các đội giang thuyền trên sông tuần tiểu thường xuyên sẵn sàng ứng chiến, chi viện khi kho bị tấn công.

Để có thể đánh kho bom Thành Tuy Hạ, tháng 3 năm 1972 Bộ Tư lệnh phân khu đưa bảy chiến sĩ đặc công (Miền tăng cường) về cho huyện đội Nhơn Trạch. Đồng chí Võ Nhất Quyết, đại đội phó c240 làm đội trưởng đội đặc công, đồng chí Nguyễn Văn Đơ đội phó. Toàn đội 9 đồng chí về đứng chân ở phía nam khu Lòng chảo cách đường ủi Phước Lai 200 mét. Công tác điều nghiên mục tiêu và chuẩn bị vũ khí đánh kho (chất nổ có kíp điện hẹn giờ) được chuẩn bị khẩn trương.

15 giờ ngày 7 tháng 4 năm 1972, đội tổ chức hai mũi xuất phát về phía mục tiêu. Đêm đó, đội vượt qua toàn bộ chướng ngại lọt vào kho bom. Mỗi đồng chí được phân công đánh một kho, cách một dãy đặt một khối nổ.

4 giờ sáng ngày 8 tháng 4 năm 1972 kho bom Thành Tuy Hạ phát nổ. 10.000 tấn bom đạn của địch bị tiêu hủy. Trận đánh của đặc công huyện Nhơn Trạch đã đánh trúng dạ dày chiến tranh của Mỹ, ngụy, một thắng lợi lớn hỗ trợ đắc lực và kịp thời cho các chiến trường bạn. Cho đến tháng 9 năm 1972, Đoàn 10 Rừng Sác đã xây dựng được thế trận chiến đấu dọc sông Lòng Tàu dài trên 40 ki-lô-mét tổ chức đánh liên tục vào các quân cảng Nhà Bè, Cát Lái, bắn vào kho bom Thành Tuy Hạ; khống chế các đường sông Rạch Tràm, Vũng Gấm, Đồng Tranh, Bàn Thạch... đánh chìm, cháy, bị thương 42 tàu, có 20 tàu trên dưới 10 ngàn tấn.

Thắng lợi của Đoàn 10 Rừng Sác là thắng lợi của nỗ lực phấn đấu, của ý chí và tinh thần tự lực tự cường, đã khống chế đường vận chuyển chiến lược của Mỹ, ngụy, gây cho địch nhiều thiệt hại, phối hợp nhịp nhàng cùng với toàn Miền trong chiến dịch Nguyễn Huệ.

Trên hướng đông nam Sài Gòn, thị xã Biên Hòa nơi có các cơ quan chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông Nam Bộ. Việc tập trung lực lượng vũ trang tinh nhuệ xây dựng vành đai diệt phương tiện chiến tranh và sinh lực địch ở thị xã Biên Hòa đã được Trung ương Cục, Quân ủy Miền đặt thành nhiệm vụ chiến lược từ năm 1965.

Ngày 3 tháng 6 năm 1972, Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền quyết định thành lập Đoàn đặc công 113 (lễ thành lập tổ chức tại suối Bà Hào chiến khu Đ). Trung tá Nguyễn Thanh Tùng (Chín Tùng), nguyên phó phòng đặc công Miền, đoàn trưởng Đoàn 429 làm đoàn trưởng; thiếu tá Mai Văn Thoạn, chính ủy đoàn. Trung tá Trần Công An, nguyên tỉnh đội trưởng U1 Biên Hòa được cử làm cố vấn của Đoàn 113. Đoàn 113 gồm có ba tiểu đoàn đặc công và một tiểu đoàn pháo: Tiểu đoàn 9 của Lữ đoàn đặc công 429, tiểu đoàn 1 và 2 đặc công của Biên Hòa chuyển giao, Tiểu đoàn 23 đặc công và Tiểu đoàn 14 pháo đặc công (Trung đoàn 174 Biên Hòa). Nhiệm vụ của Đoàn là tiến công các căn cứ, kho tàng quân sự của địch, trọng điểm là sân bay Biên Hòa và tổng kho Long Bình.

Triển khai nhiệm vụ, Đoàn 113 có nhiều thuận lợi: sự hỗ trợ, giúp đỡ lớn của Thị ủy Biên Hòa, các cơ sở đảng, cơ sở cách mạng ở Biên Hòa, Vĩnh Cửu; trong biên chế của Đoàn lại có hai tiểu đoàn đặc công Biên Hòa, đơn vị chuyên trách đánh sân bay, tổng kho Long Bình giành nhiều thắng lợi trước đây, nhiều cán bộ tinh đội U1 cũng tăng cường về cho Đoàn 113. Đoàn đã nhanh chóng triển khai địa bàn đứng chân ở đồi Bùng Bình (xã Thiện Tân) để nghiên cứu các mục tiêu.

Nhờ Thị ủy Biên Hòa giúp đỡ, cơ sở nội tuyến trong sân bay đã cung cấp tin và sơ đồ sân bay cho Đoàn 113 để lên sa bàn, chuẩn bị phương án tác chiến.

Đêm 1 tháng 8 năm 1972, Tiểu đoàn 14 pháo đặc công đã bắn ĐKB vào sân bay Biên Hòa, phá hỏng 74 máy bay các loại. phá hủy 13 xe quân sự, hai dàn ra đa và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Trước đó, đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tur Già), Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa, cùng đồng đội đã nghiên cứu cao điểm 53 trong Tổng kho Long Bình. Các đồng chí đã tìm ra một con đường bí mật có thể đột nhập vào kho một cách an toàn, và đã lên kế hoạch tấn công vào kho bom của địch. Kế hoạch đánh kho Long Bình được đơn vị chuyển giao cho Đoàn 113 khi đoàn được thành lập.

Cao điểm 53 rộng 1,5 ki-lô-mét gồm 18 dãy với 200 gian chia thành ba khu kho, mỗi khu có sáu dãy cách nhau 100 mét, nhà nọ cách nhà kia 60 mét. Các kho bom, đạn có cửa thép dày 10mm, có khóa sắt điều khiển bằng điện. Phương án tác chiến là đặc công dùng cưa cắt khóa, đặt mìn có kíp nổ hẹn giờ vào kho.

Đêm 13 tháng 8 năm 1972, Đoàn 113 tổ chức 57 cán bộ, chiến sĩ chia làm hai mũi đột nhập vào khu kho 53. Đêm đó đúng kỳ hạn địch mở cửa các kho để xả hơi, nên cửa kho không khóa, một cơ hội thuận lợi cho đặc công nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ. 108 khối nổ hẹn giờ được các chiến sĩ đặt vào các kho (cách một kho đặt một trái). 4giờ sáng 14 tháng 8 năm 1972, toàn bộ khu kho cao điểm 53 bị

nổ tung 130 dãy kho với 150.000 tấn bom, đạn bị phá hủy,<sup>1</sup> 17 nhà lính bị sập hoàn toàn.

Sau trận đánh trên, Mỹ bắt đầu bàn giao sân bay Biên Hòa sư đoàn 6 không quân nguy để chuẩn bị rút về nước. Sân bay Biên Hòa tiếp nhận thêm nhiều máy bay mới và tổ chức các lớp huấn luyện kỹ thuật cho sĩ quan không quân Sài Gòn để tiếp nhận bàn giao của Mỹ.

Đại úy Nguyễn Văn Thôn, sĩ quan quân khí của không quân Sài Gòn từ miền Trung về tập huấn kỹ thuật tại sân bay Biên Hòa. Anh là cơ sở nội tuyến của Ban Binh vận Trung ương cục miền Nam với mật danh H16. Được Ban Binh vận Miền bàn giao, Thị ủy, Thị đội Biên Hòa đặt kế hoạch dùng nội tuyến kết hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài theo phương châm bí mật và bảo vệ an toàn cho cơ sở bên trong.

Binh công xưởng thị đội Biên Hòa đã cưa bom, lấy thuốc chế tạo thành kíp nổ hẹn giờ, dùng cơ sở bí mật trong sân bay chuyển vào cho H16 để gắn vào quả bom dưới cánh máy bay trong khu của sân bay. Kế hoạch khẩn trương hoàn thành thật chính xác.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 10 tháng 9 năm 1972, quả bom phát nổ. Cùng lúc từ dốc Ông Hoàng, Tiểu đoàn 14 pháo đặc công (Đoàn 33) bắn pháo vào sân bay để bắn lạc hướng địch. Sân bay Biên Hòa ngập trong khói và lửa. 175 máy bay A37, C130 bị nổ tung, nhiều sĩ quan, nhân viên kỹ thuật của địch bị chết. Sân bay Biên Hòa bị tê liệt suốt bảy ngày liền.

Trong hai ngày 11 và 12 tháng 9 năm 1972, các hãng thông tấn phương Tây AP, AFP thừa nhận: “đối phương (tức quân giải phóng) đã gây thiệt hại ghê gớm nhất. Trận pháo kích vào sân bay Biên Hòa có giá trị ngang với một trận tập kích bằng máy bay chiến lược.”

Trước và trong chiến dịch Nguyễn Huệ, các lực lượng phân khu Thủ Biên, Phân khu Bà Rịa với những nỗ lực cao đã kết hợp cùng chủ lực liên tục tấn công địch từ vùng nông thôn, vùng ven đến các thị xã, thị trấn, phá được thế kìm kẹp của địch và nâng thế làm chủ cho quần chúng. Đặc biệt những chiến thắng vang dội ở Rừng Sác, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình diễn ra trong lúc chiến dịch Nguyễn Huệ trên toàn Miền đang bước vào giai đoạn quyết liệt nhất, đáp ứng kịp thời yêu cầu chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền là tiêu diệt thật nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ nguy, hỗ trợ đặc lực cho các chiến trường giành thắng lợi.

#### **IV. THAM GIA ĐỢT “CHÒM LÊN” CUỐI NĂM 1972, ĐẦU NĂM 1973.**

Chiến dịch Nguyễn Huệ ở miền Nam giành thắng lợi lớn có ý nghĩa quan trọng, tạo thế mạnh cho mặt trận ngoại giao của ta ở Pa-ri. Để phát huy thắng lợi và chuẩn bị cho đấu tranh vũ trang, chính trị tạo thế khi hiệp định đình chiến được ký kết, tháng năm 1972, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến

1. Địch công bố 5.430 tấn công đạn bị phá hủy cùng 200 tấn thuốc nổ.

trường: Thành lập lại Khu ủy miền Đông Nam Bộ do đồng chí Trần Nam Trung, Bí thư kiêm Tư lệnh, giải thể các phân khu thành lập lại các tỉnh.

Tỉnh Biên Hòa gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Trảng Bom (tháng 10 năm 1973 đổi thành huyện Thống Nhất), Cao su Bình Sơn và thị xã Biên Hòa. Bí thư là đồng chí Nguyễn Việt Hoa (Mười Thà); tỉnh đội phó đồng chí Trần On (Tur On); chính trị viên tỉnh đội đồng chí Nguyễn Công Hạnh (Ba Hạnh). Bộ đội địa phương tỉnh có Tiểu đoàn bộ binh 240 (đại đội 240 được nâng lên thành tiểu đoàn), Tiểu đoàn 6 đặc công (thiếu), các đại đội trực thuộc như đại đội trinh sát, đại đội 27 công binh, đại đội thông tin, bộ đội địa phương các huyện, đội biệt động thị xã Biên Hòa và du kích các xã. Đội đặc công Nhơn Trạch do Võ Nhất Quyết chỉ huy chuyển về thuộc Đoàn 10 (tức đại đội 32 đặc công).

Về công tác Đảng, có đảng ủy quân sự tỉnh do đồng chí chính trị viên tỉnh đội làm bí thư. Các tiểu đoàn có đảng ủy; cơ quan và các đại đội đều có chi bộ Đảng.

Đến tháng 6 năm 1973 Khu ủy miền Đông quyết định tách tỉnh Biên Hòa làm hai: Biên Hòa nông thôn do đồng chí Nguyễn Văn Thông quyền Bí thư, Nguyễn Công Hạnh, Tỉnh đội trưởng; Biên Hòa đô thị tức thành phố Biên Hòa do đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư, Huỳnh Văn Sang (Bảy Sang) Thành đội trưởng.

Huyện Xuân Lộc tách ra làm hai huyện Xuân Lộc và Định Quán, thị xã Long Khánh thuộc tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Lạc (Tur Lạc), Tỉnh đội trưởng. Bộ đội tỉnh có Tiểu đoàn 445, Tiểu đoàn 500 từ Đoàn hậu cần 500 tỉnh chuyển thành, Tiểu đoàn 246 công binh, bộ đội huyện K8 (Xuân Lộc), K9 (Định Quán) biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, du kích các xã.

Tháng 10 năm 1973, Trung ương Cục quyết định thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú do đồng chí Nguyễn Văn Luông (Sáu Phát) làm Bí thư, sau đồng chí Võ Tấn Vịnh (Sáu Vịnh), Tỉnh đội trưởng là đồng chí Nguyễn Thanh Bình. Bộ đội địa phương tỉnh Tân Phú lấy bộ đội huyện Định Quán K9 làm nòng cốt. Đứng chân thường xuyên trên địa bàn có Đoàn hậu cần Miền 814, từ tháng 7 năm 1974 có thêm một bộ phận Quân đoàn 4 của Bộ Quốc Phòng về hoạt động ở phía đông.

Đứng chân hoạt động thường xuyên trên hai tỉnh có các đơn vị chủ lực Miền: Trung đoàn đặc công 113 ở Biên Hòa, Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác ở khu vực Nhơn Trạch, sông Lòng Tàu; Trung đoàn 33, Trung đoàn 4 Quân khu miền Đông. Đầu năm 1974, Bộ chỉ huy Miền điều động Trung đoàn 367 đặc công (phiên hiệu 116) tăng cường xuống áp sát kho Long Bình, trường sĩ quan lục quân, thiết giáp, liên tiếp đánh những trận thổi động vùng Bình Sơn, An Viễn.

Theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu, các tỉnh, các đơn vị vũ trang nhanh chóng tổ chức củng cố các cơ quan tham mưu, hậu cần, chính trị, xưởng quân giới, triển khai các lớp tập huấn tình hình, nhiệm vụ tác chiến chuẩn bị vào đợt 3 chiến dịch Nguyễn Huệ. Nhiệm vụ các lực lượng vũ trang là kết hợp hai lực lượng, ba thứ quân, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ và mở vùng làm chủ, giải phóng

trên các tuyến giao thông quan trọng như lộ 1, lộ 2, lộ 15, lộ 20. Điểm ở Biên Hòa là các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Trảng Bom.

Để thực hiện nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông quyết định bố trí Trung đoàn 33 về đứng chân hoạt động trên quốc lộ 1, Trung đoàn 4 về khu vực Long Thành, Nhơn Trạch (lộ 15) vừa mở rừng, vừa lôi kéo địch để Đoàn 113 đặc công và Đoàn 10 Rừng Sác đánh phá kho tàng căn cứ của địch.

Trong tháng 10 năm 1972, đại đội 240 huyện Nhơn Trạch cùng với bộ đội Trung đoàn 4 quân khu tấn công diệt đồn Vũng Gấm (Phước An) diệt đại đội 52 bảo an ở Phước Thọ; đánh thiệt hại nặng liên đoàn bảo an 3/76 ở Long Phước, Phước Thái... Từ Long An dài lên Phước Thái (lộ 15), du kích các xã Tam An, Phước Nguyên, Bình Sơn, Long An, Phước Thái cùng với cơ sở bung lên mặt đường băm phá, đắp mô, gài trái cắt đứt lộ 15 trong nhiều ngày. Trong lúc đó tại ngã ba Thái Lan, bộ đội huyện Long Thành cùng một bộ phận Trung đoàn 4 đã chốt sẵn để đánh địch bung ra phản kích. Trên mặt trận đường 15, địch tăng cường đến năm tiểu đoàn (một tiểu đoàn biệt động quân, một tiểu đoàn bảo an giải tỏa Lộc An, một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn thiết giáp, một tiểu đoàn pháo binh). Trong ba ngày đêm, trận chiến giữa ta và địch diễn ra hết sức ác liệt trên tuyến đường lộ 15.

Tại Nhơn Trạch, huyện đội cho đại đội 240 phối hợp du kích áp sát các xã Phú Hội, Phú Mỹ, Long Tân, Phước Thiện, Phước Kiển, Phước Lai, Phước Thọ, huy động cơ sở tấn công chính trị gây hoang mang cho địch. Đêm 28 tháng 10 năm 1972, đặc công huyện phá sập cầu Phước Thiện cắt đứt lộ 17 (từ Long Thành vào Nhơn Trạch). Trong ba ngày từ 30 tháng 10 đến 2 tháng 11 năm 1972, địch điều một tiểu đoàn biệt động quân, hai đại đội bảo an tiểu khu Biên Hòa, một đại đội cảnh sát dã chiến lên phản kích, có pháo binh và máy bay yểm trợ. Trong ba ngày địch điên cuồng, đã man phá hủy 456 nhà dân, đốt cháy 3.000 gia lúa, phá hư trên 20 hécta vườn, giết và làm bị thương 12 người dân.

Đêm 11 rạng sáng 12 tháng 11 năm 1972 một tổ đặc công c32 Trung đoàn 10 Rừng Sác đột nhập vào kho Thành Tuy Hạ, dùng mìn gắn kíp hẹn giờ phá nổ toàn bộ kho kho bom na-pan, hóa chất, lửa cháy sáng hai ngày đêm ở phía nam khu kho.

Tuy mục tiêu bị lộ, nhưng do yêu cầu nhiệm vụ chiến dịch và điện chỉ thị của cấp trên, đồng chí Lê Bá Ước, trung đoàn trưởng kiêm chính ủy Đoàn 10 chỉ đạo tiếp tục đột phá đánh bồi trận thứ hai trong một tháng vào kho Thành Tuy Hạ. Đêm 12 tháng 12 năm 1972 với năm chiến sĩ do đồng chí Võ Nhất Quyết (Hai Quyết) đại đội trưởng c32 làm tổ trưởng, đột nhập từ hướng cảng, dưới sông sâu lội lên, ém lại giữa lòng kho trong một ngày đêm để tìm ra khu vực chứa bom. Tổ đặt 30 trái thuốc nổ tự sản xuất, cải tiến các dây kho bom, kho đạn pháo. Đặc biệt sau khi nổ mới biết là kho bom CBU (khi ta mở chiến dịch Xuân Lộc tháng 4 năm 1975, địch chỉ còn lại có hai quả bom CBU).

2 giờ 15 sáng ngày 13 tháng 12 năm 1972, kho bom đạn Thành Tuy Hạ lại bị nổ tung. Tiếng nổ dữ dội liên tục suốt 4 ngày đêm, phá hủy hơn 100 ngàn tấn bom đạn các loại.

Đánh hủy kho Thành Tuy Hạ là một trong những chiến thắng lớn trong đợt ở hướng đông nam Sài Gòn, làm hạn chế sự chi viện hỏa lực của địch trên các chiến trường.

Trên hướng quốc lộ 1, bộ đội huyện Trảng Bom có Trung đoàn 33 quân khu (gồm ba tiểu đoàn 7, 8, 9) hỗ trợ tích cực đã tiến hành hàng loạt trận chiến công địch, mở mảng, mở vùng. Đêm 3 tháng 10 năm 1972, đại đội 24 đặc công (Trung đoàn 33) tập kích diệt gọn đồn Hưng Lộc, tạo điều kiện để bộ đội huyện có một đơn vị Tiểu đoàn 7 hỗ trợ đánh chiếm làm chủ ấp Hưng Lộc. Cùng thời gian, bộ đội huyện cùng Tiểu đoàn 8, du kích bao vây bức hàng đồn Lò Than (Sông Thao). Tiểu đoàn 9 đánh chiếm hai ấp Sông Thao và Bàu Hàm, phá hủy hai khẩu pháo 105 ly, một cối 81 ở trận địa pháo Sông Thao.

Cùng trên hướng quốc lộ 1 thuộc huyện Xuân Lộc, bộ đội huyện K8 kết hợp cùng bộ đội tỉnh là Tiểu đoàn 500, Tiểu đoàn 246 công binh tỉnh, du kích các xã tấn công đánh chiếm và giải phóng các ấp 2, ấp 3 Đồng Tâm, ấp Suối Cát, ấp Rừng Lá, mở ra một vùng giải phóng liên hoàn ở phía đông thị xã Long Khánh.

Cuối năm 1972, những thắng lợi của lực lượng vũ trang Biên Hòa, Long Khánh cùng với toàn Miền đã góp phần làm nên thắng lợi chung của cuộc tiến công chiến lược năm 1972.

Trước thắng lợi của quân dân ta, đế quốc Mỹ đã lật lọng không ký vào hiệp định như thỏa thuận cùng chính phủ ta. Với bản chất hiếu chiến, đế quốc Mỹ đã mở trận tập kích bằng máy bay chiến lược B52 trong 12 ngày đêm vào Thủ đô Hà Nội và Hải Phòng (từ 19 đến 31 tháng 12 năm 1972). Quân dân Thủ đô và thành phố cảng đã chiến đấu anh dũng, bắn rơi nhiều máy bay B52 làm nên chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” vang dội, làm thất bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông, Tỉnh đội Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh tổ chức đợt “*chồm lên chiếm lĩnh*” với qui mô toàn tỉnh, nhằm hợp đồng tác chiến cùng quân dân Thủ đô, đồng thời mở rộng vùng làm chủ, giải phóng nông thôn và vùng ven, tạo điều kiện cho nhân dân đấu tranh khi có giải pháp chính trị ở miền Nam.

Trên tuyến quốc lộ 1 Biên Hòa, Tiểu đoàn 240 tỉnh cùng bộ đội các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Trảng Bom du kích các xã có sự phối hợp của tiểu đoàn 2, 3 thuộc Trung đoàn 4, đồng loạt tấn công gỡ các đồn Hưng Lộc, Hưng Nghĩa, Bàu Hàm, Long An, Long Phước, Lộc An, Phước Thiện... làm chủ 61 ấp, làm chủ hai phần ba thị trấn Trảng Bom.<sup>(1)</sup> Trên hai tỉnh lộ 17, 19 ta làm chủ nhiều đoạn. Đường quốc lộ 15 ta cắt đứt, làm chủ một đoạn thuộc xã Phước Thái.

---

1. Ta đánh chiếm 25 ấp ở huyện Long Thành, 18 ấp ở huyện Nhơn Trạch, 18 ấp ở huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom.



Huyện Xuân Lộc, tiểu đoàn 500 cùng bộ đội K8, biệt động, du kích các xã tấn công đánh chiếm trên 20 ấp. Huyện Định Quán, bộ đội huyện K9, biệt động, du kích xã đánh chiếm tám ấp của năm xã từ cây số 110 đến cây số 125. Quốc lộ 1 từ ngã ba Tân Phong đến ngã ba Ông Đồn dài lên căn cứ 4 (Rừng Lá) ta giải phóng và làm chủ hàng chục ấp.

Từ 1969 đến 1972 là giai đoạn thử thách cực kỳ ác liệt, giai đoạn bám trụ kiên cường vượt qua nhiều khó khăn gian khổ của các lực lượng vũ trang Biên Hòa, Long Khánh. Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang Quân khu miền Đông, của Miền, sự giúp đỡ, ủng hộ của quần chúng nhân dân cơ sở, kết hợp chặt chẽ với mũi đấu tranh chính trị, binh vận, các lực lượng vũ trang địa phương nêu cao quyết tâm, từng bước vượt qua những trở ngại, khôi phục phát triển lực lượng, tiến công tiêu diệt nhiều sinh lực, phương tiện chiến tranh của Mỹ, nguy, thực hiện tốt các đợt hoạt động theo sự chỉ đạo của cấp trên, phối hợp cùng đoàn Miền giành thắng lợi trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pa-ri, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

*Chương tám*  
**KẾT HỢP BA THỨ QUÂN CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM,  
BẢO VỆ VÀ GIỮ VỮNG VÙNG GIẢI PHÓNG, PHỐI HỢP  
TIẾN CÔNG GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH (1973-1975)**

**I. CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM BÌNH ĐỊNH, KHÔI PHỤC, GIỮ VỮNG VÙNG GIẢI PHÓNG.**

Thắng lợi của ta trên chiến trường miền Nam cùng chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” của quân dân Thủ đô Hà Nội và thắng lợi ngoại giao đã buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27 tháng 1 năm 1973. Theo hiệp định, Mỹ phải công nhận độc lập, chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, từng bước rút hết quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tuy nhiên với bản chất hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược ở miền Nam. Từ cuối năm 1972, đầu năm 1973, Mỹ đã ồ ạt, đổ tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh để hiện đại hóa cho quân nguy<sup>(1)</sup>, ráo riết đồn quân<sup>(2)</sup>, tăng cường bắt lính, liên tục mở các cuộc càn quét lấn chiếm vùng giải phóng trước khi có hiệp định, nhằm gom dân lấn đất, mở rộng vùng kiểm soát... phá hoại Hiệp định Pa-ri.

Mỹ, nguy đã vạch ra kế hoạch “Cộng đồng tự vệ và phát triển địa phương” 1973-1975 lấn chiếm vùng giải phóng, đẩy mạnh bình định, thực hiện kế hoạch hậu chiến. Đồng thời tăng cường lực lượng sĩ quan quân đội, cảnh sát, thành lập các phân chi khu quân sự, phân chi khu cảnh sát để tăng cường kìm kẹp nhân dân, tiến hành dồn dân để cô lập không cho liên hệ với cách mạng, đánh phá cơ sở cách mạng.

Ngoài sư đoàn 18 nguy, các lực lượng yểm trợ quân đoàn 3, địch bố trí lực lượng bảo an như sau:

+ *Tiểu khu Biên Hòa*: tiểu đoàn 309 cơ động tiểu khu; liên đội 3/42 bảo an (có bốn đại đội: 137, 296, 646, 289) đóng quanh khu Kỹ nghệ Biên Hòa; liên đội 3/43 bảo an ở Trảng Bom; liên đội 3/80 bảo an ở khu Công thanh (Vĩnh Cửu). Chi khu Long Thành có tiểu đoàn 316 đóng ở Tam An, An Lợi; liên đội 3/79 đóng ở căn cứ Nước Trong; liên đội 3/45 (bốn đại đội: 416, 456, 316, 223) đóng ở Bình Sơn, An

---

<sup>1</sup> . Cuối năm 1972, Mỹ viện trợ cho nguy 700 máy bay, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép, bổ sung dự trữ chiến tranh trên 2 triệu tấn thiết bị. Năm 1973, Mỹ viện trợ cho nguy 2.670 triệu đô la.

<sup>2</sup> . Chỉ tính tháng 9-1973, địch bắt lính ở Biên Hòa là 44 người, Bà Rịa 43 người, xây dựng 1085 phòng vệ dân sự ở Biên Hòa, 113 ở Bà Rịa.

Lợi, Lộc An...; liên đội 3/76 (có 5 đại đội; 755, 571, 572, 573, 574) đóng ở Cô nhi viện Long Thành, cầu Phước Tân, các đồn bót dọc lộ 15. Chi khu Nhơn Trạch có liên đội 3/63 đóng ở Vũng Gấm; liên đội 3/77 ở Phước Thiên, Phước Thọ.

+ *Tiểu khu Long Khánh*: Tiểu đoàn 324 bảo an đóng quanh thị xã Long Khánh, đại đội cơ động 22 đóng ở Ông Quế. Chi khu Xuân Lộc có liên đội 3/23 (có bốn đại đội: 642, 285, 415, 971) đóng từ Bàu Cá đến căn cứ 4; liên đội 3/19 đóng ở Gia Ray. Chi khu Kiệm Tân có liên đội 3/84 đóng tại chi khu. Chi khu Định quán có chi đội 3/60 (có sáu đại đội: 412, 377, 319, 621, 318, 927) đóng tại chi khu.

Sáng 28 tháng 1 năm 1973, địch huy động sư 18 nguy kết hợp bảo an ba tiểu khu<sup>(1)</sup> có phi pháo yểm trợ thực hiện lần chiếm các vùng ta giải phóng, làm chủ trong đợt chồm lên để xóa thế “da beo”. Tập trung của địch là các vùng dọc các trục giao thông như quốc lộ 1 (từ Bàu Hàm lên Dầu Giây) quốc lộ 15,20, các tỉnh lộ số 2, 17, 19, 24... hỗ trợ cho bọn dân vệ, cảnh sát dã chiến... mở các cuộc hành quân lấn chiếm ở các xã, ấp, ngăn phong trào quần chúng nổi dậy và bùng ra. Đi đôi, địch tung thám báo vào các vùng giải phóng để phát hiện ta; đưa di dân vào các khu vực đường 2 như Suối Râm, Suối Nghệ (mỗi nơi 2.000 người), đưa 450 gia đình vào Suối Cát (đường 1) phá rừng làm rẫy, cắm cờ lấn đất, đưa 300 gia đình di dân ở Tam Hiệp về Bắc Hòa, Hồ Nai; đưa 500 gia đình di dân ở Túc Hưng về căn cứ 1, Gia Ray...

Trong các tháng 2, 3, 4, năm 1973 địch tiếp tục giải tỏa các đường giao thông, đi đôi lấy dân từ các tỉnh miền Trung vào Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh thực hiện lấn chiếm. Chúng tăng cường ủi phá rừng mở rộng các khu vực Hồ Nai phía sông Mây, Đồng Lách, nam đường số 1 Trảng Bom; giải tỏa, mở đường 10 Bình Sơn (Long Thành) lên suối Râm (lộ 2) đường Bàu Hàm đi sông Đồng Nai, đường 24 (Thiện Tân đi Trị An); ủi phá đường 15 đoạn Phước Thái - Phú Mỹ đến sông Đồng Nai, Thị Vải...

Sau Hiệp định Pa-ri, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã dự kiến: “*Tình hình có thể phát triển theo hai khả năng: hoặc giữ được hòa bình, hoặc chiến tranh trở lại, không thể có ảo tưởng địch sẽ thi hành một cách nghiêm chỉnh, vì chúng lo ngại trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn*”.<sup>(2)</sup> Trong tháng 1 năm 1973, Quân ủy Trung ương đã xác định nhiệm vụ các lực lượng vũ trang sau khi có Hiệp định, cụ thể là cần chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các cuộc tiến công quân sự của địch, đồng thời cùng toàn dân đấu tranh đòi nguy quyền Sài Gòn nghiêm chỉnh thực hiện hiệp định.

Khu ủy, Quân khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu miền Đông đã đề ra kế hoạch cụ thể cho từng vùng căn cứ giải phóng, vùng tranh chấp nông thôn và vùng thị xã thị

<sup>1</sup> . Tiểu khu Biên Hòa, Long Khánh, Phước Tuy

<sup>2</sup> . Dự thảo nghị quyết Bộ Chính trị gửi Trung ương cục và các Khu cuối tháng 1 năm 1973. Cục lưu trữ văn phòng Trung ương.

trấn. Theo đó, vùng căn cứ giải phóng, vũ trang làm nòng cốt kiên quyết chống càn, giữ vững địa bàn. Vùng nông thôn tranh chấp vận động quần chúng đấu tranh chính trị, binh vận tố cáo tội ác của địch, đòi bồi thường thiệt hại, đòi bung ra sản xuất, vận động binh sĩ nguy “hòa bình rồi, hãy bỏ súng về nhà” vũ trang hỗ trợ diệt ác ôn, đánh bình định. Vùng thị xã, thị trấn lấy đấu tranh chính trị là chính, đòi nguy quyền thi hành Hiệp định, tố cáo địch vi phạm Hiệp định, đấu tranh chống bắt lính đôn quân, đòi tự do dân chủ.

Từ 28 tháng 1 đến giữa tháng 2 năm 1973 trên các hướng quốc lộ 1 (Trảng Bom, bàu Hàm, Dầu Giây), bộ đội tỉnh Biên Hòa (d240) bộ đội huyện Trảng Bom có Trung Đoàn 33 quân khu hỗ trợ đã giáng trả địch những đòn địch đáng khi lần chiếm, gây thiệt hại nặng cho chiến đoàn 43 sư 18 nguy. Bom đạn của địch đã tàn phá hàng trăm ngôi nhà của đồng bào.

Tại Long Thành, Nhơn Trạch (lộ 15, 17, 19) các trận đánh chống địch lần chiếm diễn ra rất ác liệt ở khu vực các xã Tam An, Phước Nguyên, Phước Kiến, Phước Lai, Phước Thọ, Phước An, Phú Hội từ sáng ngày 28 tháng 1. Địch tàn ác bắn hơn 3.000 quả đạn pháo 105 vào xã ấp, gây thiệt hại vườn tược của dân đến 80 %.

Bộ đội K8 huyện Xuân Lộc cùng du kích xã Gia Ray cũng bám trụ, phản kích ác liệt với hai tiểu đoàn bảo an tiểu khu Long Khánh. Du kích xã Bảo Vinh B cùng với biệt động thị xã Long Khánh, liên tục chống hành quân càn quét của một tiểu đoàn biệt động quân và một đại đội bảo an nguy từ 28 tháng 1 đến 15 tháng 2 năm 1973.

Trên lộ số 2, địch điều chiến đoàn 48 sư 18 bộ binh và tiểu đoàn 3 chiến đoàn 43, cùng ba chi đoàn xe tăng lần chiếm vùng giải phóng của ta ở đông – tây lộ 2. Quân khu miền Đông đã tăng cường Trung đoàn 33 (từ lộ 1) và Trung đoàn 4 (từ Long Thành) về phối hợp cùng d445, d500, bộ đội huyện Cao Su 207 chống lần chiếm. Trong tháng 2 lực lượng ta loại 952 tên khỏi vùng chiến đấu, bắn cháy phá hủy 25 xe tăng và tám máy bay. Nhưng do thương vong và thiếu hụt chi viện lực lượng ta phải rút, địch lần chiếm hầu hết vùng làm chủ và giải phóng của ta trên lộ 2 trước khi có Hiệp định.

Dự kiến trước tình hình ngày 19 tháng 1 năm 1973, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đã ra chỉ thị 02/CT-73. Chỉ thị 02 khẳng định Hiệp định Pa-ri “là một thắng lợi lịch sử của cả dân tộc ta, một thất bại lịch sử của chủ nghĩa đế quốc Mỹ xâm lược”, “đánh dấu một bước ngoặt hết sức quan trọng trên con đường tiến lên của cách mạng miền Nam nói riêng và của cả cách mạng Việt Nam nói chung,

*đồng thời nó còn có ý nghĩa quốc tế rất to lớn”<sup>(1)</sup> và “tạo ra những điều kiện rất cơ bản để đưa cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam tiến lên...”<sup>(2)</sup>*

Chi thị 02 đã đề ra phương hướng nhiệm vụ trước mắt của ta khi Hiệp định được ký kết là: *“Động viên toàn Đảng, toàn quân dân phát huy cao độ thắng lợi, đẩy mạnh cao trào chính trị ở cả ba vùng dưới khẩu hiệu “Hòa bình độc lập dân chủ, cơm áo và hòa hợp dân tộc” đòi thi hành hiệp định, làm tan rã và suy sụp nặng nguy quân nguy quyền, chiếm lĩnh nông thôn, giành quyền làm chủ ở cơ sở, đi đôi với xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang và chính trị, xây dựng chính quyền cách mạng và vùng giải phóng vững mạnh về mọi mặt, đập tan mọi âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, kịp thời ngăn ngừa xung đột lớn, nhằm giữ gìn hòa bình, thực hiện tổng tuyển cử theo Hiệp định, đưa cách mạng miền Nam tiến lên hoàn thành mục tiêu đã đề ra. Đồng thời luôn luôn cảnh giác sẵn sàng đối phó với âm mưu gây lại chiến tranh của đế quốc Mỹ”<sup>(3)</sup>*

Chi thị đề ra năm nguyên tắc chiến lược, bốn phương thức hoạt động, trong đó nhấn mạnh phương thức *“Kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị vũ trang và pháp lý hiệp định, lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh vũ trang làm hậu thuẫn, hết sức phát huy tác dụng pháp lý của hiệp định”*.

Về nhiệm vụ lực lượng vũ trang, Chi thị 02 nhấn mạnh: *“Nắm chắc lực lượng vũ trang, tiếp tục củng cố và phát triển cân đối 3 thứ quân... nâng cao ý chí chiến đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng, đứng vững trên địa bàn của mình, giữ vững thế bố trí chiến lược, quyết bảo vệ vùng căn cứ, vùng giải phóng, bảo vệ đảng, chính quyền và bảo vệ nhân dân...nâng chất các lực lượng vũ trang đi đôi với phát triển số lượng, tăng cường giáo dục chính trị rèn luyện kỹ chiến thuật, tăng gia sản xuất, làm công tác dân vận và binh vận, tích cực dự trữ lương thực, đạn dược, bảo vệ hành lang, kho tàng, đảm bảo cho các lực lượng vũ trang của ta sẵn sàng chủ động trong mọi tình huống, sẵn sàng đập tan âm mưu gây chiến trở lại của địch”<sup>(4)</sup>*

Việc triển khai chi thị 02/TWC trên địa bàn Biên Hòa, Bà Rịa-Long Khánh, đặc biệt trong lực lượng vũ trang gặp khó khăn và kéo dài, vì các lực lượng phải phân tán chống địch lấn chiếm.

Trước tình hình địch vi phạm Hiệp định, đẩy mạnh lấn chiếm bình định chiến tranh vẫn ác liệt, một số cán bộ, đảng viên chính trị đã xuất hiện những tư tưởng tiêu cực: không tin tưởng vào hiệu lực pháp lý Hiệp định, chưa thấy hết âm mưu thâm độc của nguy quân, nguy quyền và thắng lợi to lớn của ta. Một số cán bộ,

---

<sup>1</sup> . Chi thị 02/CT-73 của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam. Tài liệu lưu phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

<sup>2</sup> . Như trên

<sup>3</sup> . Như trên

<sup>4</sup> . Như trên.

chiến sĩ trải qua một thời gian chiến đấu lâu dài gian khổ, nay có Hiệp định đã phát sinh tư tưởng ngán ngại chiến tranh, muốn nghỉ ngơi, xả hơi, có ảo tưởng hòa bình dẫn đến chủ quan, dao động, giảm sút ý chí chiến đấu...

Tháng 5 năm 1973 Thường vụ Trung ương Cục lại có điện 934. Chỉ thị xác định: *“phương hướng và nhiệm vụ đấu tranh cách mạng hiện nay là nhằm để buộc địch phải thi hành Hiệp định, do đó nội dung yêu cầu và phương thức đấu tranh của từng mũi cũng nhằm đề đòi địch thi hành hiệp định và chống địch vi phạm hiệp định”*<sup>(1)</sup>

Thực hiện chuyển hướng chỉ đạo chiến lược theo tinh thần chỉ thị 02/TWC công tác chỉ đạo ba mũi tuy có những chuyển biến: Phong trào đô thị (thị xã Biên Hòa, Long Khánh) cơ sở bên trong từng bước được khôi phục và phát triển, quần chúng trong vùng địch kiểm soát bùng ra vùng giải phóng sản xuất ngày càng nhiều; chính quyền cách mạng Biên Hòa, Long Khánh cấp trên 1.000 hecta cho dân sản xuất nhưng nhìn chung tình hình còn nhiều khó khăn: Việc xây dựng thực lực bổ sung còn chậm, lực lượng ba thứ quân chưa cân đối, phong trào đấu tranh ba mũi chưa kết hợp chặt chẽ; việc tổ chức học tập quán triệt chỉ thị 02, điện 775, 934 chưa chu đáo; chưa phát huy được pháp lý hiệp định, chưa thấy hết âm mưu thủ đoạn của địch, tư tưởng hữu khuynh, ngán ngại gian khổ chưa khắc phục kịp thời... Mặt khác mũi vũ trang hoạt động yếu, chưa thật sự làm nòng cốt cho đấu tranh chính trị của quần chúng.

Những nguyên nhân làm tình hình chiến trường còn khó khăn như Thường vụ Khu ủy miền Đông nhận định: *“sự chuyển hướng của Khu, Tỉnh còn chậm, nhận thức sự chuyển hướng chưa thực sâu sắc toàn diện, làm ảnh hưởng đến chuyển hướng của huyện, xã. Nguyên nhân chủ yếu đúng như nhận định của Thường vụ Trung ương Cục, là do đánh giá thắng lợi của hiệp định chưa đầy đủ, sâu sắc, toàn diện nên chưa thấy hết cái mới của tình hình và chưa quán triệt sâu sắc các chỉ thị cơ bản về xây dựng của Thường vụ Trung ương Cục trước đây”*<sup>(2)</sup>. Kết quả là trong sáu tháng đầu năm 1973, nhiều vùng giải phóng của ta trước ngày ký hiệp định đã bị địch lấn chiếm.

Thực hiện các chỉ thị của trên, tháng 5 năm 1973, Tỉnh ủy Biên Hòa đã ra nghị quyết về tình hình nhiệm vụ năm 1973. Nghị quyết nhận định: *“Trạng thái đấu tranh giữa ta và địch tiếp tục diễn ra quyết liệt, phức tạp. Địch quyết giành dân lấn chiếm; ta quyết phá âm mưu đó để chuyển quyền làm chủ tại chỗ, tạo thêm thế mới, lực mới ở các vùng đúng vị trí của từng vùng, mà chủ yếu là vùng tranh chấp”*. Từ đó nghị quyết xác định nhiệm vụ của toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân địa phương là: *“Bám địa phương, bám phong trào, kiên quyết củng cố và phát huy thế chiến lược mới, kịp thời chuyển hướng phương châm, phương thức chỉ đạo tập*

<sup>1</sup>. Điện số 934 Trung ương Cục miền Nam. Lưu phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai

<sup>2</sup>. Báo cáo 6 tháng đầu năm 1973 của Thường vụ Khu ủy ngày 3 tháng 8-1973. Lưu phòng NCLS Đảng Đồng Nai

*trung đưa cho được phong trào chính trị, binh vận, võ trang kết hợp với pháp lý hiệp định, liên tục tấn công bẻ gãy các cuộc hành quân lấn chiếm bình định của địch...Không ngừng phát triển thực lực và các phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng từ thấp đến cao ở các vùng sâu, vùng yếu, giữ vững và mở rộng vùng tranh chấp, giữ vững vùng căn cứ giải phóng, nhanh chóng phát triển thực lực để làm thay đổi tương quan tại chỗ có lợi cho ta, đẩy lùi từng bước âm mưu phá hoại hiệp định của địch, giữ vững hòa bình, không ngừng đưa phong trào cả ba vùng tiến lên”.*

Nghị quyết nhân mạnh: *“Đặc biệt giải quyết các biểu hiện cơ thủ, hữu khuynh, tư tưởng thoát ly quần chúng, thiếu tin tưởng quần chúng...Lấy kết quả thực hiện nghị quyết làm thước đo của sự chuyển biến chỉ đạo ở các cấp trong giai đoạn mới”.*

*“Nói đấu tranh chính trị làm cơ sở với pháp lý hiệp định là phải nắm tinh thần chủ yếu là: Phát động, tập hợp, tổ chức quần chúng thành lực lượng mạnh mẽ trên cơ sở khẩu hiệu hòa bình, độc lập, dân chủ, cơm áo và hòa hợp dân tộc”.*

Về vấn đề đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh kết hợp pháp lý hiệp định, nghị quyết chỉ rõ: *“Phải nắm vững phương châm đấu tranh võ trang làm hậu thuẫn đắc lực, tức là nắm tinh thần sử dụng lực lượng võ trang tập trung, phân tán, linh hoạt, đúng mức, đúng nơi, đúng lúc, đúng đối tượng, có trọng điểm, có lý, có lợi, tạo thế cho phong trào đấu tranh chính trị, binh vận quần chúng, bảo vệ và phát triển thêm thực lực cách mạng; lực lượng vũ trang hiện nay vẫn giữ vững vị trí quan trọng, nhưng phải có mục tiêu rõ ràng và biết kết hợp với các hình thức đấu tranh tấn công địch để làm chuyển biến tình hình”.*

*“Lực lượng vũ trang, bán vũ trang trong tỉnh phải được tập huấn công tác vận động quần chúng... đánh ngay vào những đơn vị ác ôn, cá nhân ác ôn phá hoại hiệp định, trước khi đánh phải tố cáo địch vi phạm hiệp định, vừa đánh vừa tố cáo, tố cáo rồi đánh tiếp...”<sup>(1)</sup>*

- Các Tỉnh ủy đã cử các đồng chí cấp ủy xuống các huyện, xã để triển khai với nhiệm vụ: *“Nâng cao sức mạnh toàn diện của các lực lượng vũ trang địa phương bao gồm ba thứ quân. Phải coi trọng xây dựng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và huấn luyện quân sự, chú trọng công tác xây dựng và huấn luyện, kết hợp với sẵn sàng chiến đấu, coi trọng xây dựng củng cố cả đơn vị và cơ quan trên cả ba vùng chiến lược, đặc biệt là vùng sâu vùng yếu. Phải lấy xây dựng, phát triển phong trào du kích chiến tranh làm nhiệm vụ thường xuyên và cơ bản nhất. Phải làm cho lực lượng này đúng với vị trí của nó là lực lượng “gốc” của các lực lượng vũ trang cách mạng. Phải lấy xây dựng đội ngũ cán bộ làm khâu trung tâm”.*

---

<sup>1</sup>. Trích nghị quyết Tỉnh ủy Biên Hòa. Lưu Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

- Các Tỉnh đội đã mở lớp tập huấn cho 98 đồng chí cán bộ chỉ huy cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn và một lớp cho 15 cán bộ xã đội. Mặt khác Ban hậu cần tỉnh đội đã phát rẫy sản xuất lúa, bắp mì được 22,7 hecta để cải thiện đời sống. Về sản xuất vũ khí, công binh xưởng của tỉnh sưu tầm bom pháo lép của địch sản xuất được 106 quả mìn ĐH và 56 đầu bom pháo thành trái đánh địch.

Đặc biệt, Tỉnh đội tập trung xây dựng lực lượng dân quân du kích ở các xã, xây dựng và củng cố Ban chỉ huy xã đội. Đến cuối năm 1973 hầu hết các vùng tranh chấp mạnh đã tổ chức được Ban chỉ huy xã đội 3-5 đồng chí. Tuy nhiên lực lượng du kích chưa phát triển mạnh mẽ theo yêu cầu.

Đối với các huyện, huyện đội tổ chức lớp chỉnh huấn về tình hình nhiệm vụ và học tập kỹ thuật, chiến thuật. Cuối năm, mỗi huyện đều xây dựng được một đại đội bộ binh từ 40-50 chiến sĩ cùng một số trung đội binh chủng, trợ chiến. Tuy nhiên vẫn hạn chế về tổ chức, tỷ lệ cơ quan còn chiếm đến 50-55 % tổng quân số, hạn chế đến khả năng và sức mạnh tác chiến.

Bộ đội địa phương tỉnh Bà Rịa đến cuối năm 1973 có một tiểu đoàn bộ binh (d445) và một số binh chủng (đặc công, công binh). Bộ đội địa phương tỉnh Biên Hòa có một tiểu đoàn bộ binh (d240) và một số đơn vị binh chủng.

Tính đến cuối năm 1973, tỉnh Biên Hòa không còn xã giải phóng, tỉnh Bà Rịa-Long Khánh chỉ còn lại bốn xã giải phóng với 1980 dân.<sup>(1)</sup>

Ở khu vực Rừng Sác, Ban Chỉ huy Đoàn 10 đã kiên quyết chỉ đạo đánh trả, trừng trị hành động lấn chiếm vùng giải phóng, vi phạm hiệp định của quân nguy. Được Bộ chỉ huy Miền chỉ đạo, tám chiến sĩ đặc công nước c32 do anh hùng Hà Quang Vóc, đại đội phó chỉ huy, từ địa bàn Nhơn Trạch vượt sông Nhà Bè tiếp cận kho xăng dầu của địch.

Đêm 3 tháng 12 năm 1973, các chiến sĩ đặc công nước c32 sử dụng 50 quả mìn tự tạo, áp sát và đánh cháy toàn bộ 52 bồn xăng lớn, nhỏ, lửa bốc cháy dữ dội suốt 12 ngày đêm, 240 triệu lít xăng dầu của địch bị thiêu hủy.

Tháng 7 năm 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp lần thứ 21. Nghị quyết hội nghị khẳng định: *“Con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng, bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”*. Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, *“thực hiện một miền Nam Việt Nam hòa*

---

<sup>1</sup>. Tỉnh Biên Hòa có 5 huyện, 74 xã, 267 ấp, 615781 dân, trong đó vùng tranh chấp 25 xã với 71 ấp có 55181 dân, vùng sâu yếu 49 xã, 211 ấp với 560598 dân. Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh có 5 huyện và 72 xã, 267 ấp với 450505 dân, vùng tranh chấp 41 xã, 127 ấp với 117247 dân, vùng sâu yếu 27 xã, 128 ấp với 331278 dân (4 xã giải phóng là Bầu Lâm, Bình Châu, Phước Bửu ấp 1, 2 xã Bảo Bình, số Xuân Lữ xã Bảo Chánh).



*bình, độc lập dân chủ, trung lập phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.*

Về nhiệm vụ quân sự, Nghị quyết 21 xác định: *“Trong bất cứ tình huống nào, phải nắm vững lực lượng vũ trang, củng cố và tăng cường ba thứ quân thật mạnh, đi đôi với xây dựng lực lượng chính trị mạnh để bảo vệ phát triển những thành quả cách mạng, đưa cách mạng tiếp tục tiến lên”*<sup>(1)</sup>. Năm nhiệm vụ cụ thể của lực lượng vũ trang được Nghị quyết đề ra là:

+ Kiên quyết và chủ động thực hành phản công và tấn công địch, giữ vững, mở rộng và hoàn chỉnh vùng giải phóng, thu hẹp vùng địch, mở rộng vùng ta, giành dân giành quyền làm chủ.

+ Tham gia công tác dân vận và binh vận.

+ Xây dựng ba thứ quân cân đối vững mạnh ở ba vùng.

+ Tích cực chuẩn bị tham gia đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang.

+ Tham gia xây dựng căn cứ cách mạng vững mạnh toàn diện.

Phương châm hoạt động của các lực lượng vũ trang là: *“Đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao một cách hết sức chủ động linh hoạt, tùy theo từng lúc từng nơi mà kết hợp giữa các mặt trận đó cho thích hợp. Phải tiến hành ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược và phối hợp chặt chẽ giữa ba vùng, ba thứ quân, phối hợp giữa các chiến trường”*.<sup>(2)</sup>

Trung ương Cục miền Nam đã ra Nghị quyết 12 để thực hiện Nghị quyết 21 Trung ương. Nghị quyết 21 Trung ương thực sự đưa cách mạng miền Nam bước sang thời kỳ mới: thời kỳ tấn công, đánh bại bình định lần chiếm của địch, tiến tới đánh bại hoàn toàn, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ.

Công tác học tập, chỉnh huấn Nghị quyết 12 Trung ương Cục đã được Tỉnh đội Biên Hòa, thị xã Biên Hòa, Long Khánh triển khai quán triệt trong tháng 1 và tháng 2 năm 1974. Qua chỉnh huấn, đại đa số cán bộ chỉ huy, chiến sĩ đều nhận thức được con đường cách mạng miền Nam chỉ có thể tiến lên bằng con đường sử dụng bạo lực cách mạng. Từ đó xác định động cơ chiến đấu và tư tưởng tấn công địch.

Đợt tập huấn kết thúc cũng là lúc Khu ủy, Bộ Tư lệnh khu 7 quyết định mở đợt hoạt động *“kiên quyết đánh bại các thủ đoạn đánh phá của địch, bảo vệ vùng căn*

---

<sup>1</sup> . Trích nghị quyết 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng. Tài liệu lưu phòng NCLS Đảng Đồng Nai.

<sup>2</sup> . Như trên

*cứ giải phóng, chống phá âm mưu phong tỏa kinh tế của địch, tích cực bảo vệ giữ vững hành lang cửa khẩu của ta”<sup>(1)</sup>*

Trước khi vào đợt, Ban chỉ huy tỉnh đội chỉ đạo xây dựng và củng cố lực lượng. Trong tháng, bộ đội tỉnh Biên Hòa được bổ sung 40 chiến sĩ, tỉnh Tân Phú bổ sung 50 chiến sĩ. Tỉnh đội Biên Hòa, Tân Phú tổ chức đoàn các bộ xuống trực tiếp các huyện và các đơn vị để làm công tác huấn luyện kỹ chiến thuật, đồng thời quán triệt đường lối quân sự của Đảng và nhiệm vụ quân sự địa phương. Hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến đảm bảo thông suốt từ Ban chỉ huy tỉnh đội xuống các huyện đội.

Chiến trường Biên Hòa: Từ 1 tháng 1 năm 1974, Tiểu đoàn 240 bộ đội tỉnh Biên Hòa, bộ đội huyện Trảng Bom, có sự phối hợp chặt chẽ của Trung đoàn 4 quân khu, đã bám đánh địch quyết liệt ở khu vực nam và bắc lộ số 1, ngăn chặn âm mưu sửa đường sắt và ủi phá rừng ở Nam lộ 1 gây cho địch nhiều thiệt hại. Từ 1 tháng 1 năm 1974 địch điều động hai chiến đoàn 43 và 48 của sư 18 mở cuộc hành quân lấn chiếm vào khu vực căn cứ của tỉnh ở bắc lộ 1 (phía tây núi Võ Đông, bắc xã Bàu Hàm). Trong mười ngày, các lực lượng vũ trang của ta liên tục chống càn quét, chặn đánh diệt gọn một trung đội thám sát của chiến đoàn 43 và nhiều toán biệt kích địch thả vào căn cứ. Từ ngày 4 đến 8 tháng 1 năm 1974, lực lượng ta tổ chức tập kích đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 1 chiến đoàn 43; chặn đánh chiến đoàn 48.

Tại xã Bình Sơn, ngày 10 tháng 1 năm 1974, đại đội 207 huyện Cao Su phối hợp tiểu đoàn 2- Trung đoàn 4 quân khu tấn công đồn Bình Sơn, phá sập hai dãy nhà lính, một nhà kho, ba chòi gác, diệt một trung đội bảo an. Tại Phước Thái, ngày 26 tháng 1, du kích xã có cơ sở bố trí, diệt tên ác ôn là phó chủ tịch hội đồng xã. Du kích Phước Thiên diệt tên trưởng ấp ác ôn Bến Sắn.

Trên các hướng lộ 15, 17, 19 địch xây dựng các hầm ngầm chống tăng, đồng thời càn quét ác liệt vùng Phước Thái, Chòi Đông để phá căn cứ của ta. Tỉnh đội Biên Hòa chỉ đạo bộ đội huyện Long Thành nhanh chóng tăng cường phối hợp chủ lực đánh bại âm mưu của địch. Đêm 27 tháng 3 tiểu đoàn 240 tỉnh kết hợp đại đội 27, tiểu đoàn 6 quân khu và du kích các xã bao vây tấn công đồn trại củi ở ấp Thái Bình xã Thái Thiện, nơi địch vừa điều tiểu đoàn 446 và 349 bảo an về chốt giữ. Từ 23 giờ đến 4 giờ sáng ngày 28 tháng 3, lực lượng ta diệt một trung đội và làm tan rã một trung đội khác, buộc số còn lại phải rút chạy về hướng Quán Chim. Ta phát tan đồn Trại Củi, thu nhiều vũ khí.

Từ ngày 10 tháng 4 bộ đội huyện Long Thành cùng tiểu đoàn 1 Trung đoàn 4 đã bố trí lực lượng kết hợp du kích làm chủ từng đoạn lộ 15, bao vây trung tâm

---

<sup>1</sup> . Báo cáo hoạt động tháng 1 năm 1974 của Bộ tư lệnh Quân khu miền Đông. Tài liệu lưu Phòng NCLS Đảng Đồng Nai.

cộng đồng phát triển của địch ở Phước Hòa. Liên tục trong nhiều ngày, ta kết hợp kêu gọi với pháo kích gây cho trung tâm này bị nhiều thiệt hại về vật chất. Đồng thời Trung đoàn 4 liên tục chặn đánh các lực lượng ứng cứu của địch ở Phước Thái, Phước Hòa, thực hiện kêu gọi nhân dân di tản ra khỏi cộng đồng. Đêm 31 tháng 5 quân ta tổ chức tấn công, đánh sập các tháp canh, nhà lính và nhiều kho tàng bên trong. Trung tâm cộng đồng Phước Hòa hoàn toàn bị phá hủy.

Tại Nhơn Trạch, đại đội hỏa lực Tiểu đoàn 240 hai lần pháo kích vào chi khu, phá hủy sở chỉ huy và nhiều nhà lính; phát triển phong trào du kích chiến tranh các xã Phước Long, Phước Thọ, Phước Lai, liên tục gài trái, vây ép địch không dám bung ra khỏi đồn bót.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Phước Hòa, Phước Thái, tháng 6 năm 1974, Tiểu đoàn 240 Biên hòa được tăng cường thêm quân số (gần 200 chiến sĩ) về hướng Long Thành. Đêm 20 tháng 6 năm 1974, tiểu đoàn du kích xã Tam An, An Lợi tấn công đồn bảo an ở sở cao su Trần Quang An, diệt 13 tên, bắt sống 28 tên, tịch thu toàn bộ vũ khí. Ngày 14 tháng 7 năm 1974 địch tổ chức bầu cử tổng thống nguy quyền. theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội, Tiểu đoàn 240 bộ đội huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Cao Su, du kích các xã dọc lộ 15 liên tục gây nổ, hỗ trợ cho đồng bào không đi bầu, làm thất bại cuộc bầu cử mị dân của địch.

Tại thị xã Biên Hòa, để hỗ trợ phong trào công nhân và quần chúng nội thành đấu tranh, ngày 10 tháng 8, đội pháo binh Biên Hòa tổ chức tập kích vào sân bay Biên Hòa, phá hủy năm máy bay chiến đấu F5.

Đêm 26 tháng 8, Đoàn đặc công 113 Miền tập kích vào trường huấn luyện biệt kích Nước Trong (Long Thành) diệt trên 200 tên, trong đó có hai trung tá, ba thiếu tá. Tại thị xã Biên Hòa, ngày 7 tháng 10 năm 1974, một tổ đặc công ba đồng chí Thông, Thường, Thường đã bí mật dùng cảm dùm khối thuốc nổ 700 ki-lo-gam đánh sập một nhịp cầu Hóa An (cầu mới). Ở huyện Vĩnh Cửu, đoàn đặc công 113 đã triển khai thành công việc xây dựng căn cứ ở đồi Bùng Bình Thiện Tân có thể triển khai tấn công địch ở sân bay Biên Hòa và các căn cứ lớn khác.

Ngày 7 tháng 11 năm 1974, Tiểu đoàn 19 trung đoàn đặc công 116 tập kích hậu cứ chiến đoàn 43 sư 18 nguy tại ga Long Lạc sát ngay tổng kho Long Bình, diệt 300 tên, phá hủy 8 xe tăng. Sau đó, đơn vị hóa trang lính bảo an bắt sống tên đại tá Kiệt, thanh tra quân đoàn 3 nguy cùng tên lính bảo vệ khi hấn vào thăm rẫy mía ở ấp Đá Mài (Kiệt có hàng chục hec-ta mía trồng ở đây).

Tổng kết hoạt động vũ trang trong 6 tháng đầu năm 1974, các lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa đã đánh 293 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 601 tên (chết 363 tên, bị thương 238 tên); phân ra, lực lượng tỉnh đánh 58 trận, loại 221 tên; lực lượng huyện đánh 50 trận loại 197 tên; du lịch xã đánh 76 trận, loại 114 tên; du kích mật đánh 6 trận loại 13 tên.

Trên chiến trường Long Khánh, Tiểu đoàn 445 Bà Rịa phối hợp cùng Trung đoàn 33 Khu đánh địch trên lộ số 2. Bằng nhiều hình thức tác chiến tập kích, pháo kích, phục kích, ta bẻ gãy cuộc hành quân lấn chiếm lộ 2, diệt và làm bị thương trên 200 tên.

Đặc biệt trong đợt, bộ đội tỉnh, huyện, xã đã kết hợp chặt chẽ, vận dụng nhiều hình thức tác chiến linh hoạt, táo bạo, dùng mìn trái, trái gài vừa chống càn vừa diệt ác hỗ trợ phong trào của quần chúng. Đêm 17 tháng 2, bộ đội huyện Cao Su cùng du kích Hàng Gòn bí mật ém sát tại chợ, nổ súng diệt 7 dân vệ vào quán ăn sáng. Đội công tác di dân của tỉnh (gọi là T1) phát động quần chúng khu căn cứ 3, căn cứ 4 (lộ 1) chống đi đào hào, diệt ác ôn giành quyền làm chủ. Du kích Hàng Gòn, Suốt Cát, chiến đấu bẻ gãy các cuộc càn quét vào xã, giữ vững được lổm giải phóng, bảo đảm cho các lực lượng bám trụ.

Từ 26 tháng 3 đến 31 tháng 4 năm 1974, Tiểu đoàn 445 tỉnh cùng các lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp chặt chẽ cùng hai trung đoàn 4 và 33 của quân khu, mở chiến dịch thu hồi vùng giải phóng lộ 2. Chỉ huy trưởng chiến dịch là đồng chí Lê Văn Ngọc, Tư lệnh quân khu, phó Tư lệnh đồng chí Phạm Lạc, Chỉ huy trưởng Tỉnh đội Bà Rịa - Long Khánh. Trong chiến dịch, trong khi Trung đoàn 33 tấn công đồn Kim Long (lộ 2), du kích xã Cẩm Mỹ kết hợp trung đoàn 4, đánh chiếm các tua bót địch trên lộ 2, chốt chặn phía bắc đồn Kim Long để Trung đoàn 33 hoàn thành nhiệm vụ. Ngày 31 tháng 4 năm 1974, ta thu hồi vùng giải phóng dài trên 10km từ Kim Long đến sở Bà Cùi, bức hàng, bức rút 12 đồn bót.<sup>(1)</sup>

Để phối hợp với chiến dịch lộ 2 và chống địch lấn chiếm Long Tân Long Phước, Tỉnh đội Bà Rịa - Long Khánh chỉ đạo các lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc và thị xã Long Khánh đẩy mạnh hoạt động đánh phá bình định, phá kèm diệt ác ở các xã để thu hút địch.

Chiều 18 tháng 5, bộ đội huyện Xuân Lộc (K8) phối hợp cùng du kích Nam Hà (xã Bảo Bình) đã thực hiện trận đánh bất ngờ vào đại đội thám sát 133 tiểu khu Long Khánh đóng tại ấp Nam Hà, bằng phương thức đặc công biệt động.

Trong lúc đó, bộ đội chủ lực Miền đánh và tiêu diệt nhiều vị trí quan trọng của địch ở Bến Cát (Thủ Dầu Một), buộc địch phải tăng cường một bộ phận sư 18 nguy về hướng này. Bộ chỉ huy chiến dịch lập tức điều trung đoàn 4 từ lộ 2 lên lộ 1 để cùng với bộ đội huyện Xuân Lộc (K8) vào đợt cao điểm tháng 5.

Rạng sáng ngày 24 tháng 5 năm 1974, một tiểu đoàn của trung đoàn 4 quân khu tập kích ở ấp 2 xã Bảo Bình. Cũng trong đêm, bộ đội K8 và du kích Bảo Bình đánh chiếm ấp 1. Cuộc chiến đấu giằng co trong năm ngày liền, lực lượng ta trụ

---

<sup>1</sup> . Trong chiến dịch, ta loại khỏi vòng chiến đấu 890 tên địch, bắt sống 37 tù binh (có 1 trung tá, 6 đại úy), thu trên 200 súng và 20 máy thông tin, bắn cháy 17 máy bay, nhiều xe tăng, thu hai tấn đạn các loại.

bám đánh bật các cuộc phản kích của ba tiểu đoàn bảo an và hai đại đội biệt lập của địch từ tiểu khu Long Khánh lên tăng cường, giải tỏa. Các đội du kích Bảo Bình, Bình Phú, Suối Cát luôn sẵn diệt nhiều tên ác ôn, vận động quần chúng nổi dậy phá tan hai nông trường số 5 và 9 của địch lập ở nam Suối Cát. Chỉ tính riêng trong tháng 5 năm 1974, ta giải phóng hai ấp của xã Bảo Bình với 3.000 dân, giải tán hai nông trường của địch, mở được vùng làm chủ sát thị xã Long Khánh.

Ngay sau đợt mùa khô, Bộ Tư Lệnh quân khu quyết định mở tiếp một đợt hoạt động mùa mưa nhằm tạo thêm thế và lực cho hoạt động mùa khô 1974-1975. Quân khu miền Đông chọn Xuân Lộc làm chiến trường trọng điểm. Từ ngày 10 đến ngày 17 tháng 6 năm 1974, Trung đoàn 33 quân khu cùng bộ đội huyện Xuân Lộc, du kích các xã đánh diệt một trung đội bảo an của tiểu đoàn bảo an 358 biệt lập, diệt hai đại đội của tiểu đoàn 342 bảo an tiểu khu Long Khánh lên ứng cứu ở căn cứ 3 (lộ 1). Địch đã tung vào chiến trường thêm chiến đoàn 8 sư 5 nguy từ Bình Dương, liên đoàn biệt cách 81 dù, một tiểu đoàn của liên đoàn 7 biệt động quân và 2 tiểu đoàn bảo an 330, 332 từ Long An lên tăng cường, nhưng không kết quả. Ta vẫn giữ được vùng giải phóng Bảo Bình, hỗ trợ bộ đội huyện và du kích mở thêm tám lổm giải phóng ở vùng ven thị xã Long Khánh, phát triển trên 100 cơ sở cách mạng.

Trên hướng lộ 20 tỉnh Tân Phú, bộ đội địa phương Tỉnh và Huyện Định Quán kết hợp chặt chẽ cùng các tiểu đoàn binh chủng quân khu (Tiểu đoàn 18 đặc công, Tiểu đoàn 22, 24 công binh) đã tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng diệt ác ôn, phát triển phong trào du kích chiến tranh, bảo vệ hành lang chiến lược từ Vĩnh An qua lộ 20. Đặc biệt đội du kích căn cứ tổ chức bảy trận đánh diệt 26 tên địch bảo vệ an toàn căn cứ Cao Cang, Đồng Hiệp. Lực lượng quân khu cùng binh đoàn địa phương huyện, tỉnh, triển khai lực lượng trên tuyến lộ 20, bảo vệ an toàn hành lang chiến lược và cửa khẩu hậu cần của ta ở cây số 116, 125.<sup>(1)</sup> Tiểu đoàn 18 đặc công quân khu tập kích diệt đồn Đa Kai xã Phương Lâm, kết hợp bộ đội huyện Định Quán (K9) chốt chặn làm chủ một đoạn lộ 20 dài 2 kilomet.

Những thắng lợi trong đợt hoạt động mùa khô 1973-1974 và đợt mưa 1974 của lực lượng vũ trang địa phương có sự hỗ trợ đặc lực của bộ đội quân khu đã mở được vùng đứng chân tương đối vững chắc, giữ được hành lang quan trọng nối liền từ chiến khu Đ qua lộ 20 về lộ 1, lộ 15; xây dựng phát triển cơ sở, mở vùng làm chủ cho quần chúng, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho phát triển trong mùa khô 1974-1975.

## **II. THAM GIA CHIẾN CUỘC MÙA KHÔ 1974 - 1975**

### *1. Thu hồi vùng giải phóng, tạo thế và lực mới:*

---

<sup>1</sup> . Kết quả hoạt động trong đợt: Trung đoàn 4 tác chiến một trận, diệt 10 tên bảo an; Trung đoàn 33 tác chiến 3 trận, diệt bảy tên thu ba súng; các lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa tác chiến 34 trận, loại 311 tên, bắt sống 48 tên, phá hủy 30 xe quân sự, thu 40 súng các loại

Ngày 9 tháng 8 năm 1974, Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị 08/CT.74 “Tích cực hoàn thành kế hoạch năm 1974 và phương hướng, nhiệm vụ, yêu cầu và công tác cấp bách năm 1975”. Trong đó chỉ thị nhấn mạnh nhiệm vụ “...phấn đấu trong năm 1975 tạo được một bước thắng lợi lớn, toàn diện có ý nghĩa quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”<sup>(1)</sup>. Về công tác quân sự, chỉ thị 08 đề ra: “hết sức chú ý phát triển dân quân du kích, đặc biệt là du kích mật, tự vệ mật...luôn sâu xã ấp, diệt ác phá kềm tạo điều kiện cho bên trong hoạt động; phát triển đặc công, biệt động thủy bộ; đánh kho tàng, sân bay, cơ giới, phương tiện chiến tranh của địch...”.<sup>(2)</sup>

Tiếp đó, trong hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã chỉ đạo như sau: “Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng đưa cuộc chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch, cũng như tất cả các thành thị khác, đánh đổ nguy quyền ở trung ương và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thống nhất nước nhà.” và “Ngay từ bây giờ phải tiến hành mọi công việc thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất thật đầy đủ nhất để đánh mạnh đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong hai năm 1975, 1976”.<sup>(3)</sup>

Từ ngày 18 tháng 10 đến 28 tháng 10 năm 1974, Khu ủy miền Đông mở hội nghị quán triệt chỉ thị 08 của Trung ương Cục, đồng thời đề ra nhiệm vụ mùa khô 1974-1975 phối hợp với chiến trường chính trong chiến cuộc mùa khô trên hướng trọng điểm đường 14 Phước Long. Ngày 8 tháng 11 năm 1974, Thường vụ Khu ủy quyết định thành lập Đảng ủy và Ban chỉ huy chiến dịch tổng hợp, gồm các đồng chí:

*Đảng ủy:*

1. Nguyễn Văn Trung, Thường vụ khu ủy, bí thư.
2. Nguyễn Văn Siêu, Khu ủy viên, phó Bí thư.
3. Đặng Ngọc Sỹ, Khu ủy viên, Ủy viên thường trực.
4. Nguyễn Đăng Mai, Khu ủy viên, Ủy viên.
5. Lê Thành Ba, Khu ủy viên dự khuyết, Ủy viên.
6. Lê Văn Vịnh, bí thư tỉnh ủy Tân Phú, Ủy viên.
7. Tạ Hồng Sinh, Tỉnh ủy viên Bà Rịa-Long Khánh, Ủy viên.

<sup>1</sup> . Trích chỉ thị 08/CT74/TWC. Lưu Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai

<sup>2</sup> . Tài liệu đã dẫn ở 18

<sup>3</sup> . Lê Duẩn, Thư vào Nam, trang 368-369 Nxb Sự Thật, Hà Nội-1985.

*Ban chỉ huy chiến dịch:*

1. Đặng Ngọc Sỹ, Chỉ huy trưởng
2. Nguyễn Văn Trung, Chính ủy.
3. Nguyễn Đăng Mai, Chỉ huy phó.
4. Nguyễn Văn Siêu, Chỉ huy phó.
5. Lê Thành Ba, Chỉ huy phó.<sup>(1)</sup>

Phạm vi điểm của chiến dịch theo chỉ đạo của Thường vụ khu ủy là huyện Định Quán và huyện Xuân. Vùng diện của chiến dịch là Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, Thống Nhất...

Căn cứ chỉ đạo của Thường vụ khu ủy và Bộ Tư lệnh quân khu, Tỉnh đội Biên Hòa đã đề ra nhiệm vụ mùa khô 1974-1975 của các lực lượng vũ trang tỉnh như sau: “*Đẩy lùi, đánh bại âm mưu bình định giành dân của địch, giành quyền làm chủ, giành lại vùng địch lấn chiếm, mở khu lòng chảo Nhơn Trạch; ngăn chặn đẩy lùi âm mưu ulti phá của địch ở phía đông Phước Thái; xây dựng căn cứ khu Lòng Chảo, tạo thế đứng chân vững chắc; thọc sâu tiến công vùng sâu yếu của địch, uy hiếp phía đông nam Sài Gòn (lộ 15), sông Lòng Tàu và Kho Thành Tuy Hạ*”. Đồng thời, để có thể đảm đương nhiệm vụ trên hướng quan trọng, Tỉnh đội lưu ý: “*Khẩn trương xây dựng huấn luyện đạt chỉ tiêu đề ra để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mùa khô*”<sup>(2)</sup>

Điểm của tỉnh trong đợt là huyện Nhơn Trạch, điểm của huyện Nhơn Trạch là hai xã Phước Thọ, Phước Long. Diện của tỉnh là huyện Long Thành, điểm của huyện Long Thành là xã Tam An; huyện Thống Nhất, điểm là xã Bàu Hàm, huyện Vĩnh Cửu điểm là xã Đại An; huyện Duyên Hải điểm là xã Long Thanh, Đồng Hòa.

*Phương châm tác chiến được đề ra là:* kết hợp ba mũi trong đánh phá bình định, phát huy sức mạnh ba thứ quân trong tấn công địch. Kết hợp tấn công vũ trang với nổi dậy của quần chúng giành quyền làm chủ. Tấn công phía trước đồng thời xây dựng phía sau. Tác chiến phải đi đôi với huấn luyện xây dựng, lấy thực tiễn tác chiến để học tập.

*Phương thức tác chiến:* đánh địch trong công sự, kết hợp bao bó, bao vây, bức rút bức hàng kết hợp đánh chặn viện, sẵn sàng đánh địch bung ra càn quét vùng ven, vùng sâu và căn cứ. Vùng sâu, vùng yếu, vùng kèm phải dùng đặc công kết hợp hỏa lực tập kích vào các phân chi khu, trụ sở cảnh sát để làm lỏng rã bộ máy

<sup>1</sup> . Quyết định số 222/QĐ ngày 8 tháng 11 năm 1974. Tài liệu lưu Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

<sup>2</sup> . Báo cáo tổng kết chiến dịch mùa khô 1974-1975 của Tỉnh đội Biên Hòa. Tài liệu lưu Phòng Nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

kèm của địch. Phục kích, gài trái để đánh xe, ngăn chặn địch ủi phá địa hình. Hóa trang thọc sâu diệt ác, đẩy mạnh hoạt động du kích hỗ trợ phong trào.

Tỉnh đội xác định khâu chuẩn bị có vị trí rất quan trọng. Do đó đã chỉ đạo cho các ban tham mưu, chính trị, hậu cần tích cực chuẩn bị cho chiến dịch. Các chiến sĩ quân báo của tỉnh, huyện kết hợp cơ sở bí mật bên trong vẽ toàn bộ sơ đồ các đồn, bót, tua, cầu và các mục tiêu quan trọng để phục vụ cho chủ lực tấn công, nắm chắc lực lượng địch từng vị trí và phân loại vị trí kìm kẹp của địch, lập được binh yếu địa chí toàn tỉnh về bố trí binh lực của địch. Các điểm của tỉnh, huyện đều được điều nghiên chu đáo và lên phương án cụ thể. Về chính trị, tỉnh đội mở một đợt công tác chính trị về nhiệm vụ mùa khô, động viên khí thế cán bộ chiến sĩ trước khi vào chiến dịch.

*Về chuẩn bị vật chất:* ban Chỉ huy Tỉnh đội chỉ đạo và hoàn thành đường hành lang vận chuyển từ bắc sông Đồng Nai qua Cây Gáo về Bàu Hàm, qua lộ 1 về Hưng Nghĩa, đường 10 Bình Sơn xuống Phước Thái qua Lộ 15 về Nhơn Trạch.

Hậu cần tỉnh chuẩn bị kho trạm ở bắc sông Đồng Nai, Bàu Hàm, Hưng Nghĩa, đường 10, Phước Thái và lòng chảo Nhơn Trạch. Tỉnh đội thành lập đội vận chuyển nghiệp 23 đồng chí có bảy xe thồ tải hàng từ nam sông Đồng Nai qua lộ 1. Từng tháng tỉnh huy động cán bộ, chiến sĩ các cơ quan, dân công từ 20 đến 50 người mỗi đợt đi tải phục vụ cho hai tiểu đoàn phía trước (d240 và d6). Đến giữa chiến dịch các đoàn tải được tăng cường xe cơ giới chuyển hàng từ lộ 25 về Phước Thái. Trước chiến dịch, hậu cần tỉnh nhận được nhiều chuyến hàng chi viện của Khu và Trung ương Cục miền Nam.

Đại đội 27 công binh của tỉnh, công binh các huyện đã sưu tầm được hàng trăm quả pháo lép, thu trên một tấn thuốc để công binh xưởng chế tạo các loại trái gài đánh địch.

Về quân y, ở hướng trọng điểm Nhơn Trạch, tỉnh tăng cường đội phẫu thuật và chuẩn bị bệnh xá 40-50 giường để phục vụ thương binh. Hậu cần tỉnh, tổ chức nhiều đoàn thu mua lúa gạo dự trữ từ ba đến năm tháng ăn cho Tiểu đoàn 240 và Tiểu đoàn 6.

Ban chỉ huy Tỉnh đội thành lập bộ phận tiền phương của tỉnh chỉ đạo vùng điểm gồm các đồng chí: Nguyễn Công Hạnh, chính trị viên tỉnh đội, đồng chí Trần On và đồng chí Hiệp, có đủ bộ phận tham mưu, chính trị, hậu cần, thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo.

Tháng 11 năm 1974, Sư đoàn 6 bộ binh quân khu miền Đông được thành lập, gồm Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33, một số đơn vị binh chủng hỏa lực. Đầu tháng 12 năm 1974, Sư đoàn 6 được Bộ Tư lệnh quân khu điều về đứng chân trên



chiến trường trọng điểm lộ 1 (Tánh Linh-Hoài Đức) để phối hợp cùng Khu 6 nhằm mở mang mở vùng, nối liền vùng giải phóng Khu 6 với Bà Rịa-Long Khánh.

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên hòa, Bà Rịa - Long Khánh nhằm tạo điều kiện cho chiến cuộc mùa khô trên chiến trường, Ban Chỉ huy tỉnh đội Biên hòa, Bà Rịa, Tân Phú chủ trương mở đợt hoạt động vũ trang kết hợp tấn công chính trị, binh vận, mở rộng địa bàn phía bắc và đông thị xã Long Khánh, phía đông bắc thị xã Biên Hòa và bắc lộ 20.

Trên hướng lộ 20 tỉnh Tân Phú, trước khi vào đợt hoạt động, Tỉnh đội chỉ đạo sáp nhập lực lượng vũ trang tỉnh và huyện Định Quán; rút một số biên chế các cơ quan để tăng cường cho phía trước. Quân khu cũng tăng cường cho tỉnh Tiểu đoàn 74 (thiếu) bộ binh và một bộ phận đặc công thủy.

Đêm 5 rạng 6 tháng 12 năm 1974, bộ phận đặc công thủy của quân khu tăng cường, đánh cầu La Ngà trên quốc lộ 20. Cùng trong đêm, tiểu đoàn 74 quân khu đánh thiệt hại nặng hai bót ở phía Nam đầu cầu, phát triển đánh chiếm làm chủ ấp La Ngà, sau đó trụ lại đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an, thu 11 súng.

Phía Bắc lộ 20, bộ đội tỉnh cùng với đội trinh sát tỉnh và du kích xã tiến hành bao bố đồn bảo an, kết hợp cán bộ phong trào vũ trang tuyên truyền, phát động nhân dân diệt ác ôn, giải tán đội phòng vệ dân dự xã 125.

Đến 20 tháng 12, trên chiến trường Định Quán (lộ 20), ta loại khỏi vòng chiến đấu 358 tên, thu 18 súng, đưa được 4.000 dân ở các ấp La Ngà, Quảng Khánh... ra vùng giải phóng, bao bố địch trong các đồn bót 110, 114, 116, 125, làm chủ nhiều đoạn đường 20.

Ngày 24 tháng 12 năm 1974, chiến dịch lộ 3 (bắc Xuân Lộc) của quân khu mở màn. Ta giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh (Khu 6) gồm 4 xã Lạc Tánh, Hiếu Tiên, Huy Khiêm, Gia An và một quận lỵ với 17.000 dân; giải phóng hai xã Võ Su, Chính Nghĩa của huyện Hoài Đức với 10.000 dân. Ngày 29 tháng 12, địch điều hai tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 43 sư 18 từ Bình Dương lên Gia Ray và triển khai sang lộ 20, tổ chức các cụm hỏa lực, căn cứ hành quân để trực tiếp chi viện giải tỏa áp lực của ta ở chi khu Hoài Đức và giao thông trên đường 20.

Theo chỉ đạo của quân khu và tỉnh đội, bước vào cao điểm tháng 1 năm 1975, các lực lượng vũ trang tiếp tục tấn công địch hỗ trợ cho mặt trận Hoài Đức (lộ 3). Sư đoàn 6 đã tăng cường cho Tân Phú một tiểu đoàn đặc công để đánh giao thông địch trên lộ 20.

Tại Tỉnh Biên Hòa, lực lượng vũ trang tham gia cuộc tiến công mùa khô 1974-1975 gồm có:

- Tiểu đoàn 240: quân số 142 đồng chí.
- Tiểu đoàn 6: quân số 56 đồng chí.
- Đại đội công binh: quân số 26 đồng chí.
- Các cơ quan bảo đảm thuộc tỉnh: đại đội trinh sát 20 người; đại đội thông tin 41 người; đội phẫu thuật 6 người; trinh sát kỹ thuật 8 người.
- Bộ đội huyện Long Thành: c1, quân số 95 đồng chí.
- Bộ đội huyện Nhơn Trạch: c240, quân số 84 đồng chí.
- Bộ đội huyện Vĩnh Cửu: c26 đồng chí.
- Bộ đội huyện Thống Nhất: c2, quân số 55 đồng chí.
- Huyện Xuân Lộc: quân số 105 đồng chí (gồm các đơn vị cối, đặc công, công binh, công trường 8, quân y, huyện đội, hậu cần, bảo vệ, sản xuất)
- Thành phố Biên Hòa: quân số 117 (ngoại thành có ban chỉ huy 3 đồng chí, văn phòng 13, cơ quan 18, biệt động 21, du kích 17; bên trong có du kích mật 26, tư vệ mật 13, biệt động mật 6. Ngoài ra ta nắm 9 đội phòng vệ dân sự (159 sơ sở) trong nội thành, Ngoại thành và tám nội tuyến: Anh Bến bảo trì sân bay, anh Bình, trưởng đài VTĐ quân đoàn 3 ngụy anh Xi trong tỉnh đoàn bảo an, anh Đeo trong sư đoàn 18 ngụy, anh Út, anh Lượm trong biệt động quân, chị Lâm Thị Hai, ủy viên ban chấp hành liên hiệp nghiệp đoàn tỉnh, anh Thành trong kho Long Bình).
- Du kích toàn tỉnh: có 154 du kích lộ và 95 du kích mật.

Như vậy so với yêu cầu biên chế đơn vị, từ bộ đội huyện, du kích các xã của tỉnh đều thiếu về số lượng. việc tổ chức chỉ huy vẫn chưa chặt chẽ. Nhưng với lực lượng du kích chỉ có 32 xã có ban chỉ huy xã đội từ hai đến ba đồng chí; 55 xã không có ban chỉ huy xã đội; có 13 xã không có xã đội và du kích. Tỉnh đội Biên Hòa chỉ đạo: trong quá trình tham gia chiến dịch, tất cả các đơn vị chiến đấu phải tiếp tục củng cố, phát triển và huấn luyện tốt chiến sĩ, đảm bảo quá trình phát triển chiến dịch cũng là quá trình nâng cao số lượng và chất lượng chiến đấu.

Ngày 5 tháng 1 năm 1975, đặc công quân khu tập kích gây thiệt hại nặng các trận địa pháo và chỉ huy sở chiến đoàn 43 ở khu vực cây số 116, 125 và cây số 3, cây số 7 (đường Trà Cỏ). Bộ đội địa phương tỉnh Tân Phú (K9) cùng lực lượng trinh sát tỉnh đánh giải phóng các xã cây số 110, 114, 116, 125. Thắng lợi của các lực lượng vũ trang tỉnh và quân khu trên đường 20 đã góp phần thu hút cầm chân chủ lực địch hỗ trợ cho chiến dịch trên hướng lộ 3; đồng thời bảo vệ được căn cứ, kho tàng triển khai trên hướng lộ 20.

Hướng nam lộ 20, ngày 10 tháng 12 năm 1974, du kích xã Bàu Hàm cùng một trung đội trinh sát phục kích đoạn ngã ba Dầu Giây lên áp Nguyễn Thái Học, đánh thiệt hại nặng một đại đội thám sát chi khu Kiệm Tân, cắt đứt giao thông lộ 20 suốt cả ngày.

Cuối tháng 12 năm 1974, chiến dịch đường 14 Phước Long của Miền mở đầu cho chiến cuộc mùa khô. Ngày 6 tháng 1 năm 1975, quân ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam nhận định về khả năng của Mỹ, nguy và bổ sung thêm quyết tâm chiến lược trong năm 1975. Chiến thắng đường 14 giải phóng Phước Long cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của các lực lượng vũ trang ở miền Đông Nam Bộ.

Đến 20 tháng 1 năm 1975, ngoài việc giải phóng huyện Tánh Linh, bao vây huyện Hoài Đức, Sư đoàn 6 đã đánh thiệt hại và bức rút 82 đồn bót, chi khu. Chiến dịch giải phóng huyện Tánh Linh đã thu hút một lực lượng lớn quân nguy ở quân đoàn 3, căng kéo và giam chân sư đoàn 18 nguy ở phía Đông Bắc Sài Gòn; tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang Biên Hòa, Long Khánh, Tân Phú có điều kiện tấn công địch.<sup>(1)</sup>

Trên hướng lộ 1, lộ 2, bộ đội huyện Cao Su kết hợp 3 mũi bao vây đánh thiệt hại nặng đại đội 319 bảo an ở đồn Ông Quế, tổ chức đánh chặn viện gậy thiệt hại nặng tiểu đoàn 342 và 343 bảo an tiểu khu Long Khánh lên giải tỏa, buộc chúng rút lui.

Đội trinh sát vũ trang, tự vệ mật và biệt động thị xã Long Khánh liên tục tấn công địch trong thị xã, đạt hiệu suất cao. Đặc biệt trong các ngày 6, 9, 13 tháng 12 năm 1974, biệt động, tự vệ mật đánh các căn cứ sư 18, các quán ăn có đông sĩ quan địch, diệt và làm bị thương 103 tên, có nhiều sĩ quan cấp tá, cấp úy.<sup>2</sup>

Đêm 5 rạng 6 tháng 12 năm 1974, các lực lượng vũ trang đồng loạt tấn công sáu điểm: Phước Thọ, Phước Long, Phước Lai, Vũng Gấm, Phú Hội, Giồng Ông Đông, bao vây đồn Phước Long, Phước Thọ; đồng thời vận động nhân dân xuống đường đắp mô, gài trái cắt đứt lộ 17 và 19. Trong hai ngày từ 8 đến 10 tháng 12, đại đội 4 tiểu đoàn 240 tinh cùng du kích Phước Thiện liên tục chống cản bẻ gãy các mũi phản kích của tiểu đoàn 345 bảo an và giải tỏa, đánh thiệt hại nặng một đại đội và một trung đội bảo an, diệt 78 tên.

Trên hướng diện (các huyện Long Thành, Thống Nhất...), bộ đội huyện Long Thành (c1), du kích các xã tấn công các bót và trụ sở tề xã Tam An, Phước Nguyên; đồng thời vũ trang tuyên truyền, diệt ác, phá rã hoàn toàn đội phòng vệ dân sự ấp Long An; tấn công và làm thiệt hại nặng phân chi khu quân sự Phước Thái. Bộ đội huyện Thống Nhất (c2) và du kích xã tấn công địch ở bót Lò Than (Bàu Hàm) và bót Sông Thao; đồng thời kết hợp cùng công binh quân khu cắt đứt

---

<sup>1</sup> . Trong chiến dịch Sư đoàn 6 đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.380 địch, thu 1.032 súng các loại (trong đó có 5 pháo 105 và 155 ly, phá hủy 20 pháo 105 và 175 ly), bắn rơi và bị thương 23 máy bay. Ta tiêu diệt tiểu đoàn 355 bảo an, một chi khu quân sự, ba đại đội (thuộc tiểu đoàn 720, 878 bảo an, đ32 biệt động quân), đánh thiệt hại nặng d1, d2 chiến đoàn 48 sư 18 nguy... Theo báo cáo đợt 1 chiến dịch mùa khô của quân khu miền Đông. Tài liệu lưu phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

<sup>2</sup> . Trận ngày 13 tháng 12, nữ trinh sát vũ trang Hồ Thị Hương, Nguyễn Thị Thọ với cách đánh biệt động vào một quán ăn diệt 33 tên.

làm ngưng trệ từng thời gian trên quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đến Hưng Lộc. tại huyện Vĩnh Cửu, ngày 31 tháng 12 năm 1974, đại đội 26 bộ đội huyện đánh địch tại xã Đại An, diệt một tiểu đội của tiểu đoàn 315 bảo an, hỗ trợ cho du kích các xã tiến hành vũ trang tuyên truyền diệt ác vùng nam lộ 24, vận động quần chúng bung ra vùng giải phóng sản xuất.

Sau đợt hoạt động tháng 12 năm 1974, Tỉnh đội Biên Hòa, Long Khánh chỉ đạo các huyện, các đơn vị tiến hành củng cố lại lực lượng, trang bị, tăng cường thu mua, tiếp nhận vật chất để đảm bảo cho đợt hoạt động tháng 1 năm 1975. Du kích các huyện theo chỉ đạo liên tục hoạt động đánh lẻ, đào đường đắp mô phá giao thông, gây khó khăn cho địch trong việc củng cố, vận chuyển giao thông.

Về sử dụng lực lượng, ban chỉ huy Tỉnh đội Biên Hòa chỉ đạo bộ đội tỉnh (d240, d6) ở vùng điểm Nhơn Trạch, hướng vào các mục tiêu bao bố, bức hàng đồn Phước Thọ, đánh chặn viên địch từ Phước Long xuống Phước Thọ. Đại đội 240 huyện Nhơn Trạch bao bố chốt Phú Hội (mục tiêu bao bố đồn Vũng Gấm do đoàn 10 và du kích phối hợp). Đại đội 1 huyện Long Thành có một bộ phận đoàn đặc công 116 bao diệt bức hàng bót Tam An. Đại đội 2 huyện Thống Nhất bao bố bức hàng bót Lò Than (có một bộ phận của quân khu phối hợp). Đại đội 26 huyện Vĩnh Cửu đánh bót Đại An và trận địa pháo Nông Chùa (có một bộ phận đoàn 113 phối hợp).

Rạng sáng ngày 6 tháng 1 năm 1975, đợt cao điểm đồng loạt tháng giêng bắt đầu. Các đơn vị vũ trang d240 (bộ đội địa phương huyện Nhơn Trạch) cùng du kích cắt đứt đường 17 Phú Hội-Phước Thiện và đường 19 Phước Long, cô lập đường Phước Lai; đồng thời tấn công hai phân chi khu quân sự Phước Kiển và Vũng Gấm. Ta diệt và làm bị thương 33 tên, đánh thiệt hại nặng hai trung đội, thu sáu súng. Ta làm chủ hai lộ 17 và 19 đến chiều ngày 12 tháng 1, buộc địch phải tăng cường tiểu đoàn 58 biệt động quân từ tiểu khu lên tăng viện.

Để hỗ trợ hướng này, từ ngày 10 đến 13 tháng 1, du kích các xã trên hai trục đường 17, 19 đã tổ chức 12 cuộc tập kích, phục kích, bắn tỉa, đánh giao thông ở Vĩnh Thạnh, Vũng Gấm, Phú Hội, Phước Thiện... diệt 28 tên, phá hủy hai xưởng chiến đấu. Trong khi đó, bộ đội ta hoạt động trên hướng lộ 15, ngày 13 tháng 1, địch phải điều d58 biệt động quân về tăng cường cho Phước Thái, đồng thời điều tiểu đoàn bảo an 345 về bảo an đường 19 và nam Thành Tuy Hạ.

Tại Long Thành, rạng sáng ngày 6 tháng 1 năm 1975, du kích xã cùng một bộ phận đặc công Đoàn 113 tập kích bót Rẫy Thom (xã Tam An) diệt và bắt sống 16 tên, thu 13 súng. Bộ đội c27 huyện cao su cùng du kích Phước Thái dùng mìn tự tạo và pháo lép chế tạo lại đánh địch ở bãi ủi trong hai ngày 6 và 7 tháng 1, diệt và làm bị thương 18 tên, phá hủy hai xe ủi. Từ ngày 14 đến 24 tháng 1, diệt tăng cường tiểu đoàn 58 biệt động quân, tiểu đoàn 348 bảo an lên giải tỏa và lấn sâu khu vực suối Lê, cầu Vạt. Đại đội 27 huyện Cao Su cùng du kích Phước Thái và

một bộ phận hậu cần của trung đoàn 33-Sư 6 (quân khu) đã tổ chức chống càn, liên tục tổ chức phục kích, tập kích tiêu hao tiêu diệt địch. Đặc biệt ngày 23 tháng 1, ta tổ chức tập kích hai trận Cầu Vạt và Cây Chanh diệt và làm bị thương 26 tên, thu một số súng đạn, buộc địch phải rút ra và co cụm lại. ngày 29 tháng 1, địch tiếp tục ủi phá, trúng mìn gài, năm xe bị phá hủy, âm mưu ủi phá địa hình của địch không thực hiện được.

Trên hướng quốc lộ 1 và 20 huyện Thống Nhất, du kích cùng với công binh quân khu liên tục tấn công địch ở Hưng Nghĩa, phục kích đánh giao thông trên hai tuyến, làm chủ từng đoạn lộ, có tác dụng cản kéo lực lượng địch.

Tính trong toàn tỉnh trong đợt I chiến cuộc mùa khô 1974-1975 (5 tháng 1 đến 30 tháng 1 năm 1975), các lực lượng vũ trang tỉnh đã tác chiến 88 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 296 tên, diệt gọn một trung đội, đánh thiệt hại nặng 5 trung đội bảo an, thu 20 súng các loại, phá hủy 28 xe cơ giới trong đó có hai chiếc thiết giáp M113.

Trên hướng lộ 1, lộ 2 Xuân Lộc, ngày 8 tháng 1 năm 1975, bộ đội huyện Xuân Lộc (K8) tổ chức chống địch càn quét, lấn chiếm vào Bảo Bình, diệt trên 30 tên. Du kích hai xã Bảo Bình, Bảo Định tổ chức thế trận bằng mìn trái, bảo vệ khu vực làm chủ. Ngày 11 tháng 1, du kích phục kích diệt gọn một trung đội trinh sát tiểu khu Long Khánh ở khu vực ấp Nam Hà, thu 9 súng và một máy vô tuyến PRC25. Biệt động và trinh sát vũ trang, du kích mật thị xã Long Khánh liên tục thọc sâu vào nội ô diệt ác phá kềm, tổ chức nhiều trận tập kích địch có hiệu suất cao. Đặc biệt ngày 18 tháng 1, hai nữ chiến sĩ trinh sát vũ trang Hồ Thị Hương và Nguyễn Thị Thận, tập kích quán Viễn Đông, nơi có nhiều binh lính, sĩ quan địch vào ăn nhậu, diệt và làm bị thương nhiều tên cảnh sát.

Tính trong hai tháng 12 năm 1974 và tháng 1 năm 1975, các lực lượng vũ trang Bà Rịa-Long Khánh đã đánh 247 trận, loại khỏi vòng chiến 1.239 tên địch, thu 57 súng các loại, năm máy PRC25, diệt gọn hai trung đội, đánh thiệt hại nặng hai đại đội và ba trung đội bảo an; bức hàng bức bảo Bảo Chánh, giải phóng một xã với trên 1.000 dân.

Nhìn chung đợt 1 chiến cuộc mùa khô 1974-1975 so với kế hoạch đặt ra, tuy ta không đạt yêu cầu chỉ tiêu, nhưng các lực lượng vũ trang diệt được một số sinh lực địch, phá lỏng kềm của địch trên các quốc lộ 20, lộ 1, lộ 15, liên tỉnh lộ 2, tỉnh lộ 17, 19; ngăn chặn và đẩy lùi âm mưu ủi phá lấn chiếm của địch; giải phóng các xã quan trọng như 110, 114, 125 (Định Quán), Bình Sơn (Long Thành), Bảo Chánh (Xuân Lộc), nâng mức làm chủ các xã Đại An, Tân Định, Túc Trưng, La Ngà... Đặc biệt trong đợt, việc kết hợp ba mũi bao bố bức rút, bức hàng đồn bót địch đã thực hiện có kết quả như Bảo Chánh, Ông Quế, góp phần quan trọng cho chỉ đạo của tỉnh và quân khu.

Tháng 1 năm 1975 do yêu cầu khẩn trương chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công mùa xuân, Bộ chỉ huy Miền quyết định cho Sư đoàn 2 đặc công tách làm hai hướng phối hợp với các đơn vị hoạt động: bốn trung đoàn qua hướng tây trong đội hình Đoàn 232 do động chí Chín Mây; Sư đoàn trưởng, Bảy Dững, phó Chính ủy chỉ huy; ở hướng đông thành lập mặt trận đặc công biệt động gồm ba trung đoàn đặc công 10, 113, 116 cùng hai đơn vị biệt động z22, z23, phối hợp Tiểu đoàn 8 địa phương Thủ Đức, do đồng chí Tổng Viêt Dương, Sư đoàn phó làm Chỉ huy trưởng, Lê Bá Ước, Chính ủy, sẵn sàng đảm nhận lệnh phối thuộc, hiệp đồng tác chiến đánh chiếm các đầu cầu, mở cửa cho quân đoàn 4, quân đoàn 2 trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Chuẩn bị bước vào đợt 2 chiến cuộc mùa khô 1974-1975, ngày 7 tháng 3 năm 1975, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đã ra chỉ thị 02-/CT75 đánh giá đợt 1 và những triển vọng tới, đề ra mục tiêu, kế hoạch giành thắng lợi trong đợt 2. Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Thường vụ khu ủy miền Đông (trong chỉ thị ghi Thường vụ Sông Thao) ra chỉ thị: *“phát động hàng vạn quân chúng nổi dậy tấn công phá kiềm kẹp, gỡ đồn, giải phóng xã ấp bằng ba mũi giáp công”*, triển khai thực hiện chỉ thị 02-CT Trung ương Cục. Chỉ thị chỉ rõ nhưng thắng lợi của ta và những điểm yếu của địch sau đợt 1 và khẳng định: *“chúng ta bước vào cao điểm đợt 2 trong tình hình vô cùng thuận lợi, tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường Đông Nam Bộ hiện nay đã khác trước. Chúng ta có khả năng động viên toàn đảng, toàn quân xốc tới giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong những tháng tới, có cơ sở vững chắc để thực hiện vượt mức quyết tâm nhiệm vụ trong mùa khô này”*. Chỉ thị nhấn mạnh: *“Nhân tố quan trọng để giành thắng lợi là phát động được hàng vạn quân chúng vùng lên (mà chủ yếu là nông dân vùng tranh chấp, vùng nông thôn ven) nổi dậy tấn công ba mũi giáp công tại chỗ, kết hợp chặt chẽ với hoạt động của các lực lượng vũ trang diệt ác, phá kềm, gỡ đồn bót, giải phóng xã ấp, đòi đời”*.<sup>(1)</sup>

Trước đó ngày 20 tháng 2 năm 1975, để đảm bảo thực hiện tốt đợt 2 chiến cuộc mùa khô, Thường vụ khu ủy miền Đông có quyết định số 250/QĐ thành lập Đảng Ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch tổng hợp của Khu, gồm các đồng chí:

1. Nguyễn Văn Trung, Thường vụ Khu Ủy, Bí thư Đảng ủy kiêm Chính ủy Bộ Tư lệnh.
2. Nguyễn Văn Ngà (Sáu Ngà), Khu ủy viên, Quân khu ủy viên, quyền Tư lệnh Quân khu 7 làm phó Bí thư Đảng Ủy, Tư lệnh chiến dịch.
3. Nguyễn Văn Siêu, Khu ủy viên, Phó bí thư Đảng Ủy, phó Chính Ủy.
4. Đặng Ngọc Sỹ, Khu ủy viên, Quân khu ủy viên, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 6, Đảng ủy viên, Phó tư lệnh chiến dịch.

---

<sup>1</sup> . Chỉ thị ngày 10 tháng 3 năm 1975 của Thường vụ khu ủy miền Đông. Tài liệu lưu phòng nghiên cứu lịch sử Đảng Đồng Nai.

5. Nguyễn Đăng Mai, Khu ủy viên, Quân khu ủy viên, Chính ủy Sư đoàn 6, Đảng ủy viên, phó Chính Ủy.

6. Phạm Lạc, Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh đội trưởng Bà Rịa-Long Khánh, Đảng ủy viên, phó Tư lệnh chiến dịch.

7. Tạ Hồng Sinh, Tỉnh ủy viên Bà Rịa-Long Khánh, Đảng ủy viên.

Nhiệm vụ bước hai của đợt 2 chiến cuộc mùa khô 1974-1975 của các lực lượng vũ trang Biên Hòa, Long Khánh, Tân Phú là tiếp tục tấn công địch, kết hợp với chủ lực quân khu và chủ lực Miền đánh giai phóng lộ 20, lộ 1, lộ 3, tạo bàn đạp cô lập địch ở thị xã Long Khánh, Biên Hòa, mở đường tiến về tuyến ven biển Đông, đập tan tuyến phòng ngự của địch phía đông bắc Sài Gòn, chuẩn bị cho các quân đoàn chủ lực bước vào trận quyết chiến chiến lược.

Bước vào đợt 2, tình thần địch tuy có hoang mang dao động, nhưng lực lượng chúng còn đông. Bố trí của chúng trên hướng đông bắc Biên Hòa, Long Khánh gồm có sư đoàn 18 bộ binh (với 3 chiến đoàn 43, 48, 52, tổng cộng 12 tiểu đoàn), một lữ đoàn biệt động quân, 18 tiểu đoàn bảo an, hai chi đoàn thiết giáp, bốn tiểu đoàn pháo (hai đại đội). Để phá vỡ tuyến phòng ngự phía đông của địch, Bộ chỉ huy Miền tăng cường một bộ phận Quân đoàn 4 chủ lực (gồm sư đoàn 7, Sư đoàn 341, một tiểu đoàn 21 xe tăng, một đại đội pháo 130 ly với ba khẩu) về chiến trường đường 20, Long Khánh, Biên Hòa cùng phối hợp với các lực lượng của địa phương.

Ngày 17 tháng 3 năm 1975 đợt 2 chiến dịch bắt đầu, mục tiêu chính trên quốc lộ 20 là chi khu Định Quán, hướng phối hợp và núi Tròn, cua chữ C. Lực lượng địch từ chi khu Kiêm Tân đến Phương Lâm có một tiểu đoàn, bốn đại đội biệt lập, ba trung đội cảnh sát, ba trung đội thám báo, 13 trung đội dân vệ, 804 phòng vệ dân sự, hai trung đội pháo với bốn khẩu 105 ly. Tại chi khu Định Quán có đại đội 256, ba trung đội cảnh sát, ba trung đội thám báo, ban chỉ huy nhẹ tiểu đoàn 367 có hai đại đội. Cầu La Ngà có hai đại đội (tiểu đoàn 367), tổng cộng khoảng 1.000 tên địch.

5 giờ 30 phút ngày 17 tháng 3 năm 1975, lực lượng vũ trang tỉnh Tân Phú phối hợp cùng Trung đoàn 1 Sư 7 tấn công chi khu Định Quán. Ta nhanh chóng đánh chiếm chi khu, nhưng địch co cụm vào các hang đá, cao điểm 258 chống trả quyết liệt. Đến 11 giờ 30 phút ngày 18 tháng 3, ta tiêu diệt hoàn toàn bọn địch cố thủ, bắt sống toàn bộ ban chỉ huy chi khu, giải phóng quận lỵ Định Quán. Cùng ngày 17 tháng 3 tiểu đoàn 8 và 9, trung đoàn 209 đánh chiếm khu vực núi Tròn. Tại chi khu Phương Lâm địch chống trả quyết liệt, phải đến 12 giờ 45 ngày 18, Tiểu đoàn 6 Trung đoàn 12 mới chiếm được chi khu Phương Lâm và trận địa pháo của địch. Trong hai ngày 18 và 19 tháng 3, ta tiêu diệt tiểu đoàn 2 chiến đoàn 43 bộ binh lên chi viện ở Phương Lâm.

Đến ngày 20 tháng 3, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 209 có bốn xe tăng hỗ trợ tấn công vào cụm quân địch ở đông-tây cầu La Ngà, tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn 367. Như vậy chỉ sau bốn ngày, bộ đội K9 cùng Sư đoàn 7 của Quân đoàn 4 đã tiêu diệt hoàn toàn chi khu Định Quán và một bộ phận chiến đoàn 43 nguy. Địch co về giữ yếu khu Túc Trưng, dùng không quân đánh phá cầu La Ngà liên tục, dài ngày, nhằm ngăn chặn lực lượng ta từ hướng Định Quán phát triển tiến công xuống quận Kiệm Tân. Lực lượng phòng không cao xạ 37 ly, 57 ly của ta đánh trả quyết liệt bảo vệ cầu an toàn.

-Từ ngày 9 tháng 4, lực lượng tỉnh cùng du kích tiếp tục tiến công địch ở yếu khu Túc Hưng, hỗ trợ quần chúng nổi dậy diệt ác, phá kềm, làm chủ xã Túc Hưng. Địch hoang mang dao động, một số tên bị tiêu diệt, bọn còn lại tháo chạy. Ngày 16 tháng 4 năm 1975, ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Tân Phú, làm chủ quốc lộ 20 từ Phương Lâm đến Kiệm Tân, tạo bàn đạp quan trọng cho Quân đoàn 4 tiến về phía đông.

Trong đợt 2, Sư đoàn 6 quân khu (Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33) được phối thuộc vào Quân đoàn 4 được bộ chỉ huy điều về phối hợp cùng địa phương Xuân Lộc, Long Khánh hoạt động trên hướng lộ số 3 nối liền Xuân Lộc đi Bình Thuận.

Ngày 17 tháng 3, bộ đội huyện Xuân Lộc (K8) cùng với Sư đoàn 6 tấn công ba mục tiêu ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan và đồi 52. Ngày 19 tháng 3 trung đoàn 4 đánh chiếm đồi 52, Trung đoàn 33 chiếm yếu khu Gia Ray, bộ đội huyện cùng du kích các xã tấn công các ấp Lều Xanh, Suối Cát, Việt Kiều, Mai Thọ Bích, Bình Phú... giải phóng hoàn toàn các xã Gia Ray, Bảo Bình, Bảo Định, cắt đứt hoàn toàn quốc lộ 1 dài trên 5 ki-lô-mét đẩy lùi các đợt phản kích của hai tiểu đoàn 332, 324 từ tiểu khu Long Khánh lên ứng cứu. Được sự hỗ trợ của chủ lực, đội công tác di dân T1 cùng du kích phát động quần chúng đánh chiếm chi khu lưu vong Lộc Vinh, thu 81 súng, có 9 cối 81 và 60 ly, giải phóng hoàn toàn gần 10.000 dân bị địch dồn ép vào khu dồn dân này; giải phóng hoàn toàn lộ 3 từ Trà Tân 1, Trà Tân 2 đến ngã ba Ông Đồn.

Sáng 21 tháng 3, trước tình hình rệu rã của địch, du kích các xã dọc lộ 1 cùng quần chúng nổi dậy cùng Sư đoàn 6 giải phóng hoàn toàn các xã từ ngã ba Ông Đồn đến căn cứ 5 (giáp Thuận Hải). Trên quốc lộ 2, Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa cùng bộ đội huyện Cao su, du kích tiến công ba mũi giải phóng các xã Ông Quế, Cẩm Mỹ, Hàng Gòn, đưa lực lượng áp sát vào phía thị xã Long Khánh.

Nắm thời cơ lực lượng địch bị thu hút trên chiến trường 20, lộ 1, lộ 3, Bộ tư lệnh chiến dịch chủ trương mở đợt tấn công ba mũi, bao bọc bức rút địch, làm chủ các địa bàn vùng ven thị xã Long Khánh. Đội trinh sát vũ trang, biệt động thị xã kết hợp cùng du kích, tự vệ mật liên tục nổ súng, đồng thời liên tục tấn công chính trị, binh vận làm tan rã địch. Đến cuối tháng ba, bằng tiến công ba mũi ta giải phóng và làm chủ các ấp Bình Lộc, Bảo Vinh A, B, Suối Chồn ở hướng bắc thị xã Long Khánh.



Trên đường lộ 15, 17, 19 vùng điểm của tỉnh Biên Hòa, đầu tháng 3, địch cho liên đoàn 7 biệt động quân càn quét 12 ngày liền vào khu vực Lòng chảo. Tỉnh phải điều Tiểu đoàn 240, Tiểu đoàn 6 về cùng các lực lượng địa phương chống càn ở Phước Long, Phước Thọ, Phú Hội, Phú Mỹ, Phước Thiện. Đồng thời chỉ đạo huyện đội triển khai công tác huấn luyện bổ sung và chuẩn bị các mục tiêu.

Đêm 21 tháng 3 năm 1975, tiểu đoàn 6 của tỉnh tấn công chốt Phú Hội. Đêm 22 tháng 3, Tiểu đoàn 240 tấn công chốt Cây Mẻ ở Phú Mỹ. Tuy nhiên do địch có công sự vững chắc, ta chỉ đánh thiệt hại hai trung đội thuộc tiểu đoàn 349 bảo an không chiếm được chốt. Ban chỉ huy tỉnh đội chỉ đạo chuyển sang dùng ba mũi kết hợp với mìn gài, pháo kích, phục kích bao vây hai chốt này; đồng thời du kích liên tục phá đường, đắp mô, bắn tỉa...ngăn chặn địch lên chi viện. Trong năm ngày cả hai chốt địch đều không dám bung ra, có 19 tên trong chốt đào ngũ.

Trên hướng Long Thành, đại đội 27(Cao su), đại đội 1 (Long Thành) cùng với du kích Phước Thái có một bộ phận Đoàn 10 hỗ trợ liên tục chống địch càn quét, ủi phá khu vực Suối Cù và cầu Vạt. Lực lượng ta kết hợp mìn gài, phục kích, tập kích bộ binh, có ngày đánh đến hai đến ba trận. Nổ bật ngày 26 tháng 3, đại đội 27 tổ chức hai mũi vận động tập kích diệt và làm bị thương 35 tên, thu 7 súng M72 và nhiều đồ dung quân sự. Hai đại đội trinh sát tiểu khu của địch (c317 và c137), một bộ phận tiểu đoàn 348 bảo an phải rút về Phước Thái.

Tại sở Bình Sơn (Long Thành), du kích kết hợp lực lượng chính trị, binh vận tại chỗ trên 700 quần chúng bao vây tấn công địch trong đồn, buộc địch phải chấp hành quy định của cách mạng: phá bỏ trạm gác ở cửa đồn, ra vào đồn phải xin phép quần chúng. Du kích hoàn toàn làm chủ đường 10 từ thị trấn Long Thành và Bình Sơn.

Tại Trảng Bom, Bàu Cá, du kích tấn công giải tán 27 phòng vệ dân sự, vận động trên 500 quần chúng bung ra sản xuất khu vực Cây Gáo, Bàu Hàm.

Nhìn chung trong bước 2 giai đoạn 1 (từ 17 đến 31 tháng 3 năm 1975). Với sự hỗ trợ tác chiến của chủ lực Miền và quân khu, lực lượng vũ trang tỉnh đã đánh và giải phóng chi khu Định Quán, làm chủ từng đoạn đường 20, giải phóng đoạn lộ 1 từ ngã ba Ông Đồn đến căn cứ 5, làm chủ nhiều cao điểm (như núi Chứa Chan, đồi 52), giải phóng và làm chủ nhiều xã trên đường số 1, giải phóng và làm chủ vùng ven thị xã Long Khánh, giữ được thế đứng chân trên lộ 15, 17, 19...tiếp tục xây dựng phát triển bổ sung lực lượng chuẩn bị bước vào trận quyết chiến.

*2. Đập tan tuyến phòng thủ Xuân Lộc, tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử:*

Cuối tháng 3 năm 1975, sau khi giải phóng Buôn Ma Thuật, quân giải phóng tiếp tục tiến công thần tốc giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên, phát triển tiến công xuống miền Trung, ven biển. Quân đoàn 1 quân khu 1, quân đoàn 2 quân khu 2 của địch hoàn toàn bị đập tan. Chế độ tay sai ở Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn.

Ngày 25 tháng 3 năm 1975, để mong cứu vãn tình hình, Mỹ cử một phái đoàn quân sự như trung tướng Uây-en cầm đầu sang Sài Gòn và thị sát chiến trường miền Đông, nhằm tìm biện pháp cứu nguy cho chế độ Sài Gòn. Địch quyết định chuyển hướng phòng thủ chính từ Tây Ninh về hướng đông bắc Sài Gòn để xây dựng tuyến phòng thủ phía đông từ Phan Rang kéo dài đến Xuân Lộc, lấy thị xã Long Khánh làm điểm phòng ngự chính.

Với quyết tâm tử thủ, ngăn chặn đường tiến của chủ lực quân giải phóng, địch tập trung lực lượng ở trong và ngoài thị xã Long Khánh gồm có: sư đoàn 18 bộ binh (đủ ba chiến đoàn 43, 48, 2) do Lê Minh Đảo chỉ huy, trung đoàn 5 thiết giáp, hai tiểu đoàn pháo binh gồm 4 khẩu (có hai khẩu 175 ly, bốn khẩu 155 ly), tiểu đoàn 82 biệt động quân, bảy tiểu đoàn bảo an, hai đại đội biệt lập, năm đại đội cảnh sát, quân cảnh. Khi chiến dịch nổ ra, địch tăng cường thêm lữ đoàn 1 quân dù, lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp 200 xe tăng án ngữ Trảng Bom – Bàu Cá), ba tiểu đoàn biệt động quân, chiến đoàn 8 sư 5 từ Bình Dương về<sup>(1)</sup>. Lực lượng địch ở tuyến phòng thủ Xuân Lộc có đủ khả năng chặn đứng quân giải phóng hòng tìm ra một giải pháp chính trị khả dĩ duy trì được chế độ tay sai Sài Gòn.

Trong khi đó, trên hướng đông, đông bắc và đông nam Biên Hoà, địch thiết lập hệ thống phòng thủ cách từ 15 đến 20 ki-lô-mét để ngăn chặn ta và bảo vệ sân bay, tổng kho Long Bình, bộ tư lệnh quân đoàn 3 tại thành phố Biên Hoà. Lữ đoàn 285 thủy quân lục chiến với ba tiểu đoàn được bố trí: tiểu đoàn bộ tiểu đoàn 4 ở Tam Hiệp với đại đội 1 ở Tân Định, đại đội 2 ở Đại An; tiểu đoàn 4 có hai đại đội và một pháo đội đóng ở đường Kiểm và Bùng Binh (Thiện Tân); tiểu đoàn 6 có ba đại đội đóng ở Hồ Nai và Đồng Lách. Lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến có ba tiểu đoàn đóng ở khu vực cô nhi viện, ngã ba Thái Lan và đường 15b.

Theo dõi sát và thường xuyên diễn biến nhanh chóng tình hình trên chiến trường, ngày 31 tháng 3 năm 1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng hạ quyết tâm: *“Năm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích – tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4-1975, không thể để chậm”*<sup>(2)</sup>.

<sup>1</sup>. Riêng bên trong thị xã Long Khánh có hậu cứ sư 8 và bộ tư lệnh sư 18, hậu cứ chiến đoàn 2; hậu cứ và chỉ huy sở chiến đoàn 43; hậu cứ trung đoàn 5 thiết giáp; tiểu đoàn 1 và 3 chiến đoàn 43; tiểu đoàn 82 biệt động quân; chi đoàn 1/5 thiết giáp, tám khẩu pháo (hai khẩu 175 và hai khẩu 155) bốn tiểu đoàn bảo an 340, 364, 365, 366), bảy đại đội biệt lập và cảnh sát; ở ngã ba Tân Phong địch có đoàn 3/5 thiết giáp và tám khẩu pháo 105, 5 ly. Từ Tân Phong đến Suối Cát địch có 4 tiểu đoàn (tiểu đoàn 3 tiểu đoàn 48, ba tiểu đoàn bảo an 322, 343, 324). Cao điểm Núi Thi có tiểu đoàn 2 chiến đoàn 43 và 10 khẩu pháo. Tuyến đường 20 từ Kiệm Tân đến Túc Trương có chiến đoàn 52 và hai đại đội, chi đoàn 2/5 thiết giáp.

<sup>2</sup>. “Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 – 1975” Nxb Quân đội nhân dân – Hà Nội, trang 302.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, Bộ chỉ huy Miền chủ trương mở chiến dịch Xuân Lộc với lực lượng gồm Quân đoàn 4, Quân khu 7 và lực lượng địa phương tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, đập tan tuyến phòng ngự của địch ở Xuân Lộc, thị xã Long Khánh, tạo điều kiện cho hướng tiến công về Biên Hoà – Sài Gòn<sup>(1)</sup>. Bộ Tư lệnh chiến dịch Xuân Lộc do Thiếu tướng Hoàng Cầm (Tư lệnh quân đoàn 4) làm Tư lệnh<sup>(2)</sup>. Trong bộ Tư lệnh có đồng chí Phạm Văn Hy, bí thư Tỉnh uỷ và đồng chí Phạm Lạc, tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bà Rịa - Long Khánh. Trong chiến dịch, các đơn vị vũ trang địa phương gồm Tiểu đoàn 44, các đại đội K8 (Xuân Lộc), đại đội 207 (Châu Đức), các đơn vị trợ chiến của tỉnh, huyện được tổ chức thành một đơn vị tương đương trung đoàn do đồng chí Phạm Xuân Cồn, tham mưu tỉnh đội chỉ huy, có nhiệm vụ tấn công hướng Nam Lộc trên lộ 1.

Chuẩn bị bước vào cuộc tiến công chiến lược, ngay từ đầu mùa khô 1974 – 1975, tỉnh đội Biên Hoà đã rất chú trọng đến việc tăng cường bổ sung lực lượng, đồng thời huấn luyện nâng cao chất lượng chiến đấu cho các lực lượng vũ trang của tỉnh.

Trong thời gian chiến dịch nổ ra, tranh thủ thời gian kết thúc từng bước, Tỉnh đội đã mở được hai lớp tập huấn cho 30 cán bộ cấp trung đội, đại đội thuộc các đơn vị của tỉnh và huyện. Thời gian huấn luyện mỗi lớp 25 ngày. Nội dung huấn luyện chủ yếu bài “Đánh địch trong công sự vững chắc” và một số khoa mục về kỹ, chiến thuật tập kích, phục kích từ tiểu đội đến trung đội. Cụ thể như sau:

Tiểu đoàn 6 tổ chức học tập được 15 ngày sáu đêm, với 60 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia. Nội dung huấn luyện: Ôn tập sáu động tác tiềm nhập và gỡ mìn, khắc phục chướng ngại; cách đánh ĐH 10 và liên kết ĐH 10; học cách mở cửa bí mật và mở cửa bằng mìn ĐH 10; chiến thuật tổ chức mũi bí mật mở cửa, tổ mũi thọc sâu đánh địch trong công sự vững chắc, kết hợp đặc công với bộ binh.

-Tiểu đoàn 240 triển khai học tập kỹ, chiến thuật cá nhân, kỹ chiến thuật cho tổ, tiểu đội cho hai đại đội bộ binh trong ba ngày.

-Cùng nội dung huấn luyện, học tập đó, huyện Long Thành, Thống Nhất, Vĩnh Cửu và các đơn vị tổ chức học tập cho 105 cán bộ, chiến sĩ.

Sau đợt huấn luyện bổ sung, đến đầu tháng 4 năm 1975, quân số lực lượng vũ trang tỉnh từ 227 cán bộ, chiến sĩ tăng lên 320; lực lượng vũ trang các huyện từ 337 cán bộ chiến sĩ tăng lên 791<sup>(3)</sup>.

---

<sup>1</sup> . Lực lượng quân đoàn gồm ba sư đoàn 1.7.6 (Quân khu 7 phối thuộc), Trung đoàn 95b độc lập và các đơn vị trợ chiến gồm pháo binh, xe tăng.

<sup>2</sup> . Đồng chí Hoàng Cầm sau này được phong cấp Thượng tướng.

<sup>3</sup> . Báo cáo tổng kết mùa khô 1974 – 1975. Tỉnh đội Biên Hoà. Tài liệu lưu Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng Đồng Nai.

Đợt học tập đã nâng cao tinh thần chiến đấu và lòng tự tin, quyết tâm cho các đơn vị khi bước vào đợt 2 chiến cuộc mùa khô.

Ngày 8 tháng 4 năm 1975, Đoàn đặc công 116 cùng Tiểu đoàn 81 – lữ biệt động 316 tập kích vào căn cứ Nước Trong (Long Thành) đánh huỷ diệt 71 xe quân sự, hầu hết là xe tăng, thiết giáp.

Đúng 5 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Xuân Lộc bắt đầu, sau các loạt pháo chiến dịch bắn cấp tập vào các mục tiêu địch trong thị xã Long Khánh.

Được các chiến sĩ biệt động và trinh sát vũ trang dẫn đường, Trung đoàn 3 Sư đoàn 1 tấn công từ hướng bắc thị xã. Chỉ sau một giờ, trung đoàn đã đánh chiếm và cắm cờ giải phóng trên nóc dinh tỉnh trưởng Long Khánh và phát triển xuống căn cứ biệt động quân của địch, đánh chiếm được căn cứ này và phía tây sân bay thị xã, phía tây khu vực chiến đoàn 43 sư 8 nguy vào sáng 10 tháng 4, sau đó trụ lại chống địch phản kích rất quyết liệt.

Từ phía đông, do địa hình trống trải, Trung đoàn 2 Sư đoàn 7 gặp sự đề kháng rất quyết liệt của địch, nhiều xe tăng bị bắn cháy, nhiều đồng chí bị hi sinh trước khi vào được thị xã Long Khánh. Đơn vị chỉ chiếm được một phần hậu cứ trung đoàn 43 nguy. Ngày 10 tháng 4, Bộ tư lệnh chiến dịch phải tăng cường một bộ phận Trung đoàn 14 (Sư 7) trên hướng này, đánh chiếm được phía đông hậu cứ trung đoàn 52 nguy, đột phá vào hậu cứ sư 18 và chiến đoàn 43. Tuy nhiên địch chống trả rất quyết liệt, lực lượng Sư đoàn 7 không phát triển được vì bị nhiều thương vong (trên 300 đồng chí).

Trên hướng tây thị xã, Trung đoàn 4 Sư đoàn 6 (quân khu) cùng bộ đội huyện Thống Nhất chiếm được ấp Trần Hưng Đạo, chặn viện binh địch tại đèo Mẹ Bồng Con. Trung đoàn 33 đánh chiếm được ngã ba Dầu Giây và thực hiện chốt chặn ở Hung Lộc, Hung Nghĩa. Sư đoàn tổ chức trận địa đánh bật nhiều đợt phản kích của địch tại ngã ba Dầu Giây.

Ngày 11 tháng 4, Sư đoàn 1 tăng cường thêm một tiểu đoàn vào thị xã tiếp tục giữ các điểm đã chiếm được, và phát triển về phía đông để phối hợp với Sư 7, nhưng tình hình vẫn không cải thiện vì địch phản kích rất ác liệt. Trong ngày, Sư 7 tiếp tục tấn công hậu cứ sư 18, chiến đoàn 43, nhưng vẫn không đột phá được.

Trong lúc đó, ở hướng nam thị xã, Tiểu đoàn 445, bộ đội địa phương tỉnh kết hợp Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 209 (Sư 7) đánh chặn và tiêu hao nặng hai tiểu đoàn bảo an 348 và 234 từ Suối Cát về giải tỏa thị xã, bắt nhiều tù binh, giải phóng ấp Bảo Toàn. Một bộ phận Trung đoàn 209 chiếm và bám trụ được ở nam sân bay thị xã.

Liên tục trong ba ngày chiến đấu, lực lượng ta chiếm được các mục tiêu trong thị xã Long Khánh như dinh tỉnh trưởng, Ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, trụ sở tình báo CIA, nhưng lực lượng địch còn dày, hỏa lực chi viện rất mạnh, các hướng đột phá của Sư 1 và Sư 7 không chiếm được mục tiêu cấp trên giao, do đó không phát triển được, lại bị nhiều thương vong do bom, pháo của địch (khoảng 1.100 quân và 9 xe tăng). Địch phản kích mạnh, ngày 11 tháng 4, quân đoàn 3 nguy tăng cường chiến đoàn 8 (sư 5), đổ lữ dù số 1 (có 3 tiểu đoàn sáu khẩu pháo) xuống ngã ba Tân Phong lập trận địa; lữ đoàn 3 kỵ binh (có hai thiết đoàn 322 và 315) chi viện án ngữ từ Trảng Bom đến ngã ba Dầu Giây.

Căn cứ vào tình hình cụ thể, Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo: không tiếp tục tấn công vào thị xã Long Khánh mà chuyển Sư 1 và Sư 7 sang thế bao vây, luân phiên củng cố, chấn chỉnh lực lượng. Đồng thời điều Sư 6 kết hợp cùng Trung đoàn 95b tấn công diệt chiến đoàn 82 sư 18 ở Kiệm Tân và ngã ba Dầu Giây, chiếm cao điểm núi Thị, giải phóng đường 20 từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây, cắt đường số 1, cô lập, bao vây chia cắt địch ở Xuân Lộc với hậu phương của chúng.

Thực hiện chủ trương trên, trong hai ngày 13 và 14, Trung đoàn 33 diệt gọn một tiểu đoàn của chiến đoàn 52 và một chi đoàn xe thiết giáp tại ngã ba Dầu Giây, chiếm núi Thị. Ngày 14 tháng 4, Trung đoàn 4 cùng Trung đoàn 95b kết hợp bộ đội, du kích địa phương diệt gọn hai tiểu đoàn của chiến đoàn 52, một tiểu đoàn pháo binh, một chi đoàn xe bọc thép, thu 12 khẩu pháo, bắt hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Chiến đoàn 52 hoàn toàn bị tan rã. Ta giải phóng quốc lộ 20, đồng thời cắt đứt quốc lộ số 1 từ Trảng Bom, cắt đứt liên lạc của địch với Xuân Lộc. Trong hai ngày 16 và 17 tháng 4, địch tổ chức bộ chỉ huy tiền phương của quân đoàn 3 lên trực tiếp phản kích lực lượng ta đang bao vây Xuân Lộc nhưng vẫn không thay đổi được tình hình. Sư đoàn 6 cùng với Trung đoàn độc lập 95b, bộ đội huyện Thống Nhất, du kích xã Hưng Lộc xây dựng trận địa dọc lộ 1, đẩy lùi các đợt phản kích của chiến đoàn 8 sư 5 nguy và thiết đoàn 315, bắn cháy hàng chục xe tăng địch, diệt hai tiểu đoàn, tiếp tục xiết chặt vòng vây ở Xuân Lộc.

Trên hướng nam thị xã, Tiểu đoàn 445 chốt giữ khu vực Bảo Hoà, Bảo Toàn, đẩy lùi các đợt phản kích của địch, tiến công ở cầu Gia Liêu, Bảo Thị, bắt sống 117 tù binh, thu nhiều vũ khí, quân dụng của địch. Hướng đông nam thị xã Long Khánh, bộ đội huyện Cao Su, du kích các sở cao su như Bình Lộc, Suối Tre cùng nhân dân nổi dậy kết hợp tiến công làm tan rã toàn bộ tề nguy, giải phóng các sở, các xã. Các xã dọc lộ 1 như Hưng Lộc, Bàu Hàm, du kích kết hợp tấn công và kêu gọi hàng giải phóng xã, phát triển vào Thanh Sơn, Gia Kiệm, làm chủ toàn bộ xóm ấp.

Trên hướng quốc lộ 15 Long Thành, đại đội 1, đại đội 27 bộ đội địa phương và du kích liên tục chống địch càn quét, đồng thời thọc sâu vũ trang tuyên truyền ở Phước Nguyên, An Lợi, thị trấn, củng cố lực lượng chuẩn bị phát động quần chúng

khi thời cơ đến. Tại Bình Sơn, du kích và quần chúng tiếp tục bao bố địch trong đồn bót, giải phóng xã.

Ở huyện Nhơn Trạch, đại đội 240 huyện và du kích tiếp tục bao bố địch ở Phú Hội, đắp mô, gài trái, phục kích đánh địch cắt đứt từng đoạn tỉnh lộ 17, 19.

Lộ 20 và lộ 1 bị cắt đứt, địch ở thị xã Long Khánh hoàn toàn bị cô lập, các nỗ lực của địch bằng những lực lượng tinh nhuệ nhất của quân đoàn 3, với những loại vũ khí tối tân (trong đó có cả bom CBU – loại bom phát quang xạ giới) nhằm giải toả Xuân Lộc đều bị thất bại. Ngày 19 tháng 4, tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang bị phá vỡ, toàn bộ chỉ huy **nhẹ** của quân đoàn 3 bị bắt sống. Tinh thần chiến đấu của địch ở Xuân Lộc càng thêm hoảng loạn.

Đêm 20 rạng sáng 21 tháng 4 năm 1975, trước tình thế không thể cứu vãn, toàn bộ sư đoàn 18 ngụy và tiểu khu Long Khánh rút chạy tán loạn về hướng liên tỉnh lộ số 2 với trên 200 xe cơ giới các loại<sup>(1)</sup>. Một số theo đường số 10 tạt qua Bình Sơn về lộ 15.

Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc – Long Khánh hoàn toàn bị đập tan. Thị xã Long Khánh hoàn toàn giải phóng làm cho tinh thần lực lượng ngụy quân, ngụy quyền ở Biên Hoà, Bà Rịa, Vũng Tàu và Sài Gòn thêm rệu rã. Đây là một thắng lợi lớn của các lực lượng vũ trang, có ý nghĩa đối với cục diện chung, mở ra khả năng cùng với toàn Miền tấn công giải phóng miền Nam bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

\* \*  
\*

Chuẩn bị bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Biên Hoà đã tiến hành nhanh việc quán triệt tình hình, nhiệm vụ quan trọng trước mắt. Yêu cầu chung là: *“Năm lấy thời cơ địch đang tan rã, khẩn trương tập trung mọi lực lượng vũ trang, bán vũ trang và quần chúng cùng với lực lượng trên tấn công đồng loạt quét sạch địch trong các chi khu, căn cứ: Long Thành, Nhơn Trạch, Khu kho Thành Tuy Hạ, căn cứ Nước Trong, kho Long Bình, yếu khu Trảng Bom, chi khu Cổng Thanh...và toàn bộ bộ máy kìm kẹp của địch từ ấp, xã, huyện, tỉnh.”*<sup>(2)</sup>. Những mục tiêu còn lại như đồn, bót, tua bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự, các phân chi khu kho...do lực lượng vũ trang tại chỗ phụ trách. Lực lượng tập trung của tỉnh gồm d240, d6 vẫn chịu trách nhiệm khu vực trọng điểm của tỉnh ở Nhơn Trạch. Trung đoàn đặc công chiếm giữ bến cảng, phà Cát Lái đón chờ mũi phát triển vu hồi của quân đoàn 2 vào Sài Gòn.

---

<sup>1</sup>. Trong trận Xuân Lộc, ta tiêu diệt 2.056 tên, bắt sống 2.731 tên (trong đó có đại tá Phúc, tỉnh trưởng Long Khánh), tiêu diệt chiến đoàn 52, đánh thiệt hại sư 18 và lữ đoàn dù số 1, phá hủy 48 xe quân sự và 1.500 súng (có 14 khẩu pháo).

<sup>2</sup>. Báo cáo tổng kết chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 của Tỉnh đội Biên Hoà, Tài liệu lưu Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng Đồng Nai.

Sau khi rút chạy khỏi thị xã Long Khánh, một bộ phận lớn địch đã lui về phòng thủ khu vực Trảng Bom với lực lượng tương đương với ba sư đoàn, nhằm chặn bước tiến của đại quân ta vào Biên Hoà.<sup>(1)</sup>

Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 tấn công diệt tuyến phòng thủ của địch ở Trảng Bom, tiến vào Biên Hoà và Sài Gòn với yêu cầu “Đánh tiêu diệt lớn”. Trung đoàn đặc công 116 sau khi chiếm sở chỉ huy trung tâm khu kho Long Bình, triển khai xuống đánh chiếm và giữ cầu Đồng Nai.

Chiều ngày 26 tháng 4, pháo binh ta bắn vào chi khu Trảng Bom. Sáng ngày 27 tháng 4, lực lượng Sư 7 và Sư 6 tấn công chi khu Trảng Bom. Ta triển khai đánh tiêu diệt được một bộ phận quân nguy, số còn lại rút chạy, lực lượng ta chiếm chi khu Trảng Bom. Ta triển khai đánh tiêu diệt được trận địa pháo Sông Thao. Địch ở Bàu Cá rút chạy về Hồ Nai. Ở Bàu Hàm du kích cùng quần chúng nổi dậy giải phóng xã. Bộ đội huyện Thống Nhất tấn công các đồn bót bảo an, dân vệ giải phóng các xã, truy kích địch từ chi khu Kiệm Tân chạy về bắt sống hàng trăm tên. Ngày 29 tháng 4, ta giải phóng hoàn toàn huyện Thống Nhất. Lực lượng vũ trang huyện, du kích, chi bộ và các ngành của huyện, xã nào tiếp quản xã đó, thu súng, tài liệu, phát động quần chúng phá bỏ khẩu hiệu, cờ ba que của nguy, tổ chức chính quyền cách mạng để ổn định ngay đời sống quần chúng

Ở Long Thành ngày 26 tháng 4, theo mệnh lệnh hợp đồng chiến đấu, lúc 17 giờ, lực lượng pháo binh của Quân đoàn 2 đặt ở đồi Ông Hoàng, Bình Sơn bắn cấp tập vào chi khu Long Thành, căn cứ Nước Trong gây cho địch nhiều thiệt hại. Sư đoàn 304 cùng xe tăng tấn công căn cứ Nước Trong đánh chiếm và làm chủ khu trường sĩ quan thiết giáp, phát triển đánh chiếm khu vực trường sĩ quan bộ binh. Sư đoàn 325 và xe tăng đánh chiếm chi khu Long Thành, du kích các xã bao vây, tấn công bọn dân vệ, phòng vệ dân sự giải phóng các xã trên tỉnh lộ 17. Sáng 27 tháng 4, Quân đoàn 2 chủ lực Miền phát triển về Nhơn Trạch, tiểu đoàn 240, kịp thời đánh chiếm khu vực cầu Xéo và ngã ba Phước Thiện, tạo hành lang cho chủ lực tiến về Nhơn Trạch để vào Sài Gòn. Ngày 29 tháng 4, tiểu đoàn 240 cùng Sư đoàn 325 đánh chiếm làm chủ chi khu Nhơn Trạch. Du kích các xã Phước Lai, Phước Long, Phước Thọ, Phước An kết hợp cùng quần chúng nổi dậy giải phóng xã. Chiều ngày 29, chủ lực tấn công làm chủ khu kho Thành Tuy Hạ. Đại đội 240 Nhơn Trạch đánh chiếm đồi Bình Phú (Long Tân). Từ đồi Bình Phú, chiều ngày 29 pháo ta đã bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Sư đoàn 325 được nhân dân địa phương hỗ trợ các loại ghe, thuyền để vượt sông tiến vào Sài Gòn.

Tại Sở cao su Bình Sơn, bộ đội huyện, du kích cùng nhân dân nổi dậy bao bố tiểu đoàn 347 bảo an rút chạy khỏi đồn điền. Bộ đội huyện cùng du kích truy kích

---

<sup>1</sup>. Tại khu vực phòng thủ Trảng Bom, địch có Sư đoàn 18 bộ binh (ba chiến đoàn sau khi được củng cố, bổ sung), lữ 3 kỵ binh, hai lữ đoàn thủy quân lục chiến và nhảy dù, hai tiểu đoàn biệt động quân, các đơn vị bảo an của tiểu khu Biên Hoà, bộ phận chỉ huy quân đoàn 3 và chỉ huy sư đoàn 3 không quân cùng các đơn vị trực thuộc.

bất sống 704 tên địch từ Bà Rịa chạy về, sau đó cùng quần chúng nổi dậy giải phóng hoàn toàn xã Long Phước, Phước Thái, Long An, Lộc An...

Ở hướng huyện Vĩnh Cửu, ngày 29 tháng 4, Đoàn đặc công 113 đánh chiếm căn cứ Hóc Bà Thúc. Đại đội 26 huyện cùng du kích tấn công đánh chiếm các xã Đại An, Tân Định. 6 giờ sáng ngày 30 tháng 4, bộ đội huyện đánh chiếm chi khu Công Thanh, các cơ quan huyện vào tiếp quản, lực lượng huyện cùng du kích triển khai kêu gọi dân vệ các xã Bình Long, Tân Phú, Lợi Hoà, Bình Hoà, Bình Phước...buông súng ra hàng, giải phóng các xã. Toàn huyện được giải phóng vào 9 giờ sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Để đảm bảo đường tiến công, Bộ Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ cho các đơn vị đặc công đánh chiếm và giữ các cây cầu trên đường vào Biên Hoà và Sài Gòn. Ngày 26 và 27 tháng 4, tiểu đoàn 19 đặc công Trung đoàn 116 đánh và chiếm giữ cầu Đồng Nai, hai Tiểu đoàn 40 và 25 cùng du kích xã, biệt động thành phố Biên Hoà phát động quần chúng nổi dậy cùng lực lượng vũ trang tước vũ khí hàng trăm tên phòng vệ dân sự, giải phóng bốn xã Phước Tân, Long Bình, Long Hưng, An Hoà (thuộc thành phố Biên Hoà, ngày 27 tháng 4); Tiểu đoàn 23 Trung đoàn đặc công 113 đánh chiếm giữ cầu Gành, cầu Rạch Cát. Địch chống trả rất quyết liệt, các chiến sĩ đặc công giành đi giật lại với địch từng tấc đất, bị nhiều thiệt hại, nhưng đã hoàn thành nhiệm vụ, giữ vững cầu Đồng Nai, cầu Gành, Rạch Cát không cho địch phá hoại, đảm bảo đường tiến công của bộ đội chủ lực. Sáng ngày 27 tháng 4, trận địa pháo tầm xa (130mm) của chủ lực từ Hiếu Liêm bắn mãnh liệt vào sân bay Biên Hoà, sân bay hoàn toàn tê liệt.

Ngay trong ngày 28 tháng 4, tướng Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh quân khu 3 nguy cùng các tướng tá khác ở quân đoàn rút chạy. Ngày 29, Lưu Yêm, tỉnh trưởng Biên Hoà chạy về Sài Gòn. Là tên rất ngoan cố, khi qua khỏi cầu Hoà An, hắn cho phá sập một nhịp cầu để ngăn chặn đường tiến quân của ta.

Ngày 28 tháng 4, Sư đoàn 6 và Sư đoàn 1 đã làm chủ một đoạn quốc lộ 1 từ ngã ba Dầu Giây đến Trảng Bom, Trà Cỏ, tiếp tục đánh các chốt còn lại ở Hồ Nai. Ngày 29 tháng 4 Sư đoàn 6 trụ lại khu vực nhà thờ Bắc Hoà. 15 giờ ngày 29, địch ở Kẽ Sặt – Hồ Nai và bọn lính gác nhà tù Tân Hiệp bỏ chạy. Tù nhân ở Tân Hiệp phá khám thoát ra đi theo quốc lộ 1, đến 22 giờ được lực lượng ta đưa về sở chỉ huy Sư đoàn 6. Bộ phận lo tiếp nhận anh chị em tù chính trị đưa tất cả về phía sau ở Gia Kiệm để bố trí, sắp xếp cho người ở tỉnh nào về tỉnh nấy. Trên đường vào Biên Hòa đoạn từ Hồ Nai – Tam Hiệp, địch lợi dụng các nhà thờ để xây dựng cứ điểm chống trả rất quyết liệt. Nhiều xe tăng của ta bị bắn cháy, nhiều cán bộ, chiến sĩ hi sinh trước cửa ngõ vào thành phố Biên Hòa.

Những cố gắng cuối cùng của địch không cứu vãn được tình hình. 3 giờ sáng ngày 30 tháng 4, Lữ đoàn xe tăng 203 đến cầu Đồng Nai. Trung đoàn 116 đặc công được lệnh lên xe để hướng dẫn Lữ đoàn 203 tiến về Sài Gòn. 10 giờ 30 phút ngày



30 tháng 4, Trung đoàn 209 Sư đoàn 7 chiếm và làm chủ bộ tư lệnh ngay ở Long Bình. 11 giờ cùng ngày, Sư đoàn 6 và Sư đoàn 1 chiếm bộ tư lệnh quân đoàn 3 và sân bay Biên Hoà.

Trong thành phố Biên Hoà, từ ngày 9 tháng 4 năm 1975, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành uỷ Biên Hoà đã theo đường giao liên công khai vào nội thành triển khai kế hoạch tiến công và nổi dậy giải phóng thành phố. Thành uỷ chỉ đạo thành lập các Ủy ban khởi nghĩa ở nội ô và các xã ven, khu kỹ nghệ Biên Hoà, chuẩn bị băng cờ, khẩu hiệu, loa phát thanh; tổ chức cơ sở nắm được chín đội phòng vệ dân sự, biến tổ chức này thành lực lượng cùng với nhân dân nổi dậy giành chính quyền khi thời cơ đến. Đêm 29 tháng 4, Ủy ban khởi nghĩa Bình Trước đã vận động quần chúng, tự vệ mật phá nhà lao tỉnh Biên Hoà, giải thoát hàng trăm tù nhân. 6 giờ sáng 30 tháng 4, đảng viên mật của chi bộ chợ Biên Hoà là Trương Thị Sáu được cơ sở mật là nội tuyến của ta trong biệt động quân bảo vệ đã hạ cờ ba que, kéo cờ Mặt trận ở cột cờ dinh tỉnh trưởng Biên Hoà. Cùng thời gian, các cơ sở mật bên trong đã thượng cờ Mặt trận ở dinh tư lệnh quân đoàn 3 (nay là Nhà thiếu nhi tỉnh), chi khu Đức Tu, giải phóng hoàn toàn khu kỹ nghệ Biên Hoà.

10 giờ 30 phút, Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Biên Hoà cùng Trung đoàn 5 – Sư đoàn 6 tiến vào toà hành chính Biên Hoà trước rừng người và cờ hoa chào đón hai bên đường Trịnh Hoài Đức (nay là đường 30-4)<sup>(1)</sup>

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, miền Nam nói chung và tỉnh Biên Hoà hoàn toàn giải phóng. Cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc ta kết thúc thắng lợi vẻ vang.

\*            \*  
                  \*  
                  \*

Lực lượng vũ trang Đồng Nai từ nhân dân mà hình thành và phát triển.

Trải qua hai thời kỳ kháng chiến, trên những chặng đường phát triển, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã trải qua muôn vàn khó khăn ác liệt, đôi đầu không cân sức với nhiều đơn vị sừng sỏ của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, đã giành thắng lợi vẻ vang. Lực lượng vũ trang Đồng Nai vừa chiến đấu, vừa xây dựng trưởng thành vững chắc trong sự thương yêu đùm bọc của nhân dân từ rừng núi, nông thôn, đồng bằng đến các đô thị.

Con số tổng kết (chưa đầy đủ) với 289 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, với hơn 8.000 liệt sĩ, hơn 6.000 thương bệnh binh trên địa bàn là những minh chứng của sự hi sinh cao cả, của những ý chí quyết tâm cao vì độc lập dân tộc của Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai.

---

<sup>1</sup>. Kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh, trên địa bàn tỉnh Biên Hoà có 20.580 tên địch ra đầu hàng.

Trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong từng trận đánh lớn nhỏ, trong từng đợt hoạt động, từng chiến dịch của lực lượng vũ trang cấp trên luôn luôn có sự tham gia, trinh sát, dẫn đường, phối hợp hiệp đồng tác chiến của lực lượng quân sự địa phương, của các cơ sở cách mạng nằm trong các ấp chiến lược, trong lòng địch, góp phần tạo nên sức mạnh, tạo nên chiến công cho đến ngày toàn thắng.

Trong những năm bị địch phản kích ác liệt, nhất là thời kỳ 1969 – 1971, trên chiến trường Biên Hoà, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai đã phải chịu đựng sự đánh phá khốc liệt của kẻ thù: bom B52 đánh phá rải thảm liên tục, pháo bầy, trực thăng, phản lực ném bom, bắn phá, chất độc hoá học, bom đạn của kẻ thù hủy diệt môi trường, địa hình, cùng những cuộc hành quân càn quét của bộ binh, biệt kích Mỹ, ngụy, Úc, Thái, làm cho chiến trường Đồng Nai bị chia cắt, không còn nơi nào gọi là an toàn. Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang khi trú quân phải đào hầm, ngủ hầm, hành quân thường bị địch phục kích gây thương vong, tổn thất...

Nhưng với quyết tâm không để mất dân, mất đất, các lực lượng vũ trang Đồng Nai đã hình thành phương thức bám trụ, phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo gắn chặt với quần chúng. Nhờ bám trụ mà tấn công được giặc, nhờ bám trụ mà bảo toàn được lực lượng, và chiến trường Đồng Nai thời kỳ nào, lúc nào cũng vang tiếng súng tấn công. Bám trụ đã trở thành một khái niệm khoa học quân sự độc đáo, thể hiện ý chí, nghệ thuật quân sự của Đảng bộ, quân dân Đồng Nai trong chiến tranh giải phóng dân tộc, nhất là thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Lực lượng vũ trang Đồng Nai là lực lượng nòng cốt cho phong trào nhân dân chiến tranh, chỗ dựa đáng tin cậy của phong trào cách mạng địa phương. Từ những đội du kích trong phong trào Đồng Khởi, lực lượng vũ trang Đồng Nai từng bước phát triển. Chiến trường tỉnh gồm có ba thứ quân. Đứng chân tác chiến cả ở vùng rừng núi, nông thôn, đô thị, gắn bó chặt chẽ cùng nhân dân liên tục tiến công địch, lập nên nhiều chiến công, góp phần cũng toàn Miền đập tan các chiến lược chiến tranh của địch, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng địa phương, đập tan tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc – Long Khánh, góp phần vào sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

# **PHẦN THỨ BA**

## **LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1945 – 1995)**

### **Chương chín**

#### **XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG TÌNH HÌNH MỚI (1975 – 1976)**

#### **I. CÙNG CỐ, CHẤN CHÍNH LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, GÓP PHẦN XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH SAU GIẢI PHÓNG.**

Tổ quốc Việt Nam đã được độc lập, thống nhất. Từ đây, cả nước bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới - khắc phục hậu quả chiến tranh và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, Biên Hòa được hoàn toàn giải phóng. Ngay buổi chiều cùng ngày, các dinh thự khu căn cứ quân sự, công sở của chế độ cũ đã được các tổ chức cách mạng tiếp quản. Khác với các nơi, ở Đồng Nai<sup>(1)</sup> ngoài các công sở, khu căn cứ quân sự của địch còn có khu kỹ nghệ Biên Hòa (khu công nghiệp gồm 94 nhà máy, xí nghiệp công ty) – “cái rốn” của ngành công nghiệp toàn miền Nam cùng hệ thống đồn điền cao su của các nhà tư sản lớn ở Long Khánh, Long Thành, Bà Rịa, Tân Phú... , khu tổng kho quân sự Long Bình, nơi cung cấp vũ khí của địch cho toàn chiến trường Việt Nam và Đông Dương...

Với ý thức trách nhiệm cao, cán bộ, chiến sĩ, lực lượng vũ trang và nhân dân ta đã tiếp quản, thu hồi, bảo quản toàn vẹn vũ khí kho tàng, máy móc của địch để lại, không bị kẻ xấu phá hoại, nhất là các cơ sở điện, nước để phục vụ kịp thời cho nhân dân ngay sau khi tiếng súng chiến tranh vừa chấm dứt.

Nằm trong hệ thống quân quản toàn miền Nam, Ủy ban quân quản các cấp ở Đồng Nai được hình thành.

Ở Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú hình thành ba Ủy ban quân quản cấp tỉnh. Tỉnh Biên Hòa do đồng chí Lê Đình Nhơn làm Chủ tịch. Tỉnh Bà Rịa – Long Khánh do đồng chí Phạm Lạc làm Chủ tịch. Tỉnh Tân Phú do đồng chí Võ Tấn Vịnh làm Chủ tịch. Ngoài ra khu ủy miền Đông, Ủy ban nhân dân cách mạng miền Đông cũng về đứng chân ở Biên Hòa. Khu ủy miền Đông do đồng chí Lê Quang Chử là Bí thư. Ủy ban nhân dân cách mạng miền Đông do đồng chí Nguyễn Văn Hòa làm Chủ tịch.

Công tác tiếp quản vùng giải phóng được hoạch định đồng thời với kế hoạch tác chiến trong Chiến dịch Hồ Chí Minh nên được tiến hành nhanh chóng, và theo

---

<sup>1</sup> . Lúc này tỉnh Đồng Nai vẫn tồn tại ba tỉnh cũ là: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh và Tân Phú.

một nguyên tắc: “Cấp nào của địch thì cấp đó tương đương của ta tiếp quản”. Các cơ quan quân sự tỉnh, quận huyện, xã của địch do các cơ quan tỉnh, huyện xã của ta tiếp quản. Các cấp trên cấp tỉnh cũng do các cấp trên cấp tỉnh của ta tiếp quản.

Trong một thời gian ngắn, Ủy ban quân quản từ cấp quân khu đến tỉnh, huyện được hình thành. Ở xã, ấp thành lập ủy ban cách mạng lâm thời và có tổ chức chặt chẽ. Đặc biệt là cấp huyện, cấp xã. Đây chính là những yếu tố cơ bản đầu tiên để cho ta nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh chính trị từ ngay những ngày đầu giải phóng mà trước đó vốn rất khó khăn, phức tạp.

Ở Biên Hòa, theo số liệu đến 10 tháng 7 năm 1975 có 55 xã với 218 ấp, dân số 620.118 người, chia ra hai vùng: vùng nông thôn 206 ấp với 301.418 dân; vùng thị xã thị trấn có 12 ấp với 18.700 dân. Riêng thị xã Biên Hòa có 13 xã, 41 ấp khoảng 300.000 dân.

Ở Bà Rịa – Long Khánh có 47 xã, 228 ấp với 340.214 dân (chưa tính Vũng Tàu). Tất cả các ấp đều xây dựng được chính quyền cách mạng.

Ở Tân Phú trừ huyện Độc Lập ở chiến khu có 10 xã đã có chính quyền hoàn chỉnh, số còn lại các xã thuộc huyện Định Quán sau giải phóng cũng đã xây dựng được chính quyền từ ấp trở lên.

Tình hình lực lượng vũ trang của ta trên địa bàn tỉnh về cơ bản không có gì thay đổi lớn. Tỉnh Biên Hòa có Tiểu đoàn 240, đứng chân ở tiểu khu Biên Hòa. Tỉnh Bà Rịa – Long Khánh có Tiểu đoàn 445, đứng chân ở Đất Đỏ. Mỗi huyện có từ một trung đội đến một đại đội vũ trang tập trung. Các xã có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các lực lượng vũ trang ta được trang bị khá mạnh, cả vũ khí trang bị mới thu được của địch. Lực lượng du kích toàn tỉnh Bà Rịa – Long Khánh đã có đến 3.094 người. Ở Biên Hòa có 2.546 người.

Lực lượng vũ trang cấp trên có Sư đoàn 6 – Quân khu 7 đứng chân ở hậu cứ sư đoàn 18 nguy cũ ở Long Bình. Trung đoàn 5 – Quân khu 7 đứng chân ở căn cứ Đồng Đa (Thành Kèn) Biên Hòa.

Ngoài ra còn các lực lượng hậu cần của quân khu, của Bộ Quốc phòng đứng chân ở căn cứ hậu cần chiến lược Long Bình. Đến tháng 7 năm 1975 Sư đoàn 6 Quân khu 7 giải thể, còn lại hai trung đoàn là Trung đoàn 4 và Trung đoàn 33 đứng chân tại Biên Hòa, vừa làm nhiệm vụ truy quét bọn tàn binh địch trong rừng vừa đảm nhiệm cải tạo binh lính sĩ quan nguy đã ra đầu hàng trình diện chính quyền cách mạng. Ngày 8 tháng 6 năm 1975 Quân ủy Miền ra chỉ thị số 27 CT 75 về truy quét và cải tạo sĩ quan binh lính địch. Chỉ thị của Quân ủy nêu rõ hai mục đích là “*phải kiên quyết tiến công tiêu diệt bọn ác ôn đầu sỏ của địch còn ngoan cố lẩn trốn trong dân, trong rừng. Đồng thời với chính sách khoan hồng của cách mạng, mở các trại cải huấn giáo dục sĩ quan binh lính nguy, nguy quyền làm đường lạc*

*lời để trở thành người công dân lương thiện*”. Quân ủy Miền cũng đã phân các trại cải tạo làm ba cấp khung trại: cấp Miền quản lý cải tạo từ cấp thiếu tá địch trở lên. Cấp quân khu tổ chức các liên trại cải tạo từ cấp thiếu úy đến đại úy. Cấp tỉnh tổ chức các trại và liên trại cải tạo từ hạ sĩ quan đến chuẩn úy. Về bảo đảm vật chất, Quân ủy Miền chỉ thị cung cấp các chế độ cho binh lính sĩ quan địch khi đi cải tạo. Tiêu chuẩn lương thực thực phẩm bằng 75 % tiêu chuẩn ăn hàng ngày của bộ đội ta. Những ngày lao động nặng nhọc ăn bằng tiêu chuẩn của bộ đội. Về mặc, mỗi tù binh được hai bộ quần áo dài, hai bộ quần áo lót mỗi năm, mũng màn, giày dép, áo mưa, bát đũa (như tiêu chuẩn bộ đội).

Chỉ thị còn nhấn mạnh: chế độ tiêu chuẩn của tù binh địch nêu trên chỉ áp dụng cho năm đầu cải tạo, từ năm thứ hai trở đi các trại cải tạo phải tự túc hoàn toàn lương thực thực phẩm. Kết quả sản xuất kinh tế sau khi hạch toán, tù binh sẽ được hưởng 20 % để cải thiện đời sống sinh hoạt.

Thực hiện chỉ thị của Quân ủy Miền, ngày 10 tháng 6 năm 1975, Bộ Chỉ huy Miền xây dựng “kế hoạch B” để chỉ đạo các quân khu, các tỉnh thực hiện tốt chỉ thị của Quân ủy Miền. “Kế hoạch B” đã đề ra cụ thể vị trí thành lập các liên trại, các trại cải tạo tập trung ở từng địa phương. Đồng thời vạch ra cụ thể từng bước thu gom tù binh, kế hoạch vận chuyển từng đối tượng đưa tới các trại. Ban quân quản các cấp ra thông báo thời gian, địa điểm tập trung, nêu rõ mục đích yêu cầu tập trung học tập làm cho người đi học tập và cả gia đình họ an tâm, động viên chồng con, em đi học tập đạt kết quả tốt.

Cục Chính trị Miền cấp tốc soạn thảo các tài liệu giáo dục chính trị tư tưởng cho từng đối tượng sĩ quan, hạ sĩ quan địch. Công việc triển khai công tác cải tạo rất khẩn trương. Nhờ vậy đến ngày 20 tháng 6 năm 1975 nhà cửa, lán trại đã xây dựng xong. Đến ngày 5 tháng 7 năm 1975 ta đã triển khai đón nhận các đối tượng đến học tập cải tạo theo đúng chương trình, kế hoạch.

Trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn đầu hình thành hai khu liên trại cải tạo. Khu vực 1 ở Biên Hòa có một liên trại gồm ba trại: một trại ở cô nhi viện Long Thành lộ 15; một trại ở Nông Chùa; một trại ở dốc Ông Hoàng huyện Vĩnh Cửu. Khu vực ở Bà Rịa – Long Khánh có một liên trại gồm bốn trại ở khu vực thành Hoàng Diệu (hậu cứ trung đoàn 43 sư đoàn 18 ngụy cũ) và một trại ở khu vực sau núi Chứa Chan và khu vực Rừng Lá xã Xuân Hòa giáp Bình Tuy, khu Suối Râm. Để bảo đảm công tác cải tạo tù binh được chặt chẽ và có kết quả tốt, Bộ chỉ huy Miền chỉ thị cho các quân khu, các tỉnh cứ 10 ngày sơ kết việc thu gom tù binh và giáo dục cải tạo một lần. Chỉ riêng đợt 1 và đợt 2 năm 1975 (đến 5 tháng 8 năm 1975) ở Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh đã thu nhận hàng chục nghìn hạ sĩ quan, sĩ quan của địch đến các trại cải tạo của tỉnh, gửi về quân khu và Miền cải tạo đạt kết quả tốt<sup>(1)</sup>.

---

<sup>1</sup> . Đến 20 tháng 6 năm 1975:

\* Ở Biên Hòa mở được 43 lớp gồm 4.506 học viên.

Thực hiện chỉ thị của Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền, cán bộ chiến sĩ và nhân dân Biên Hòa, Tân Phú, Bà Rịa – Long Khánh đã dốc sức dốc lòng sử dụng mọi biện pháp vừa kêu gọi, vừa truy lùng trấn áp tàn quân địch để họ ra trình diện đưa về các trại cải tạo. Nhờ vậy tình hình an ninh chính trị đến cuối năm 1975 ở các địa phương vẫn giữ vững. Số hạ sĩ quan địch sau ba tháng cải tạo được trả lại quyền công dân trở về sinh sống với gia đình, vợ con. Đa số những người này yên tâm phấn khởi làm ăn và chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Nhiều người tiếp tục phối hợp với nhân dân, du kích và lực lượng vũ trang cách mạng tích cực kêu gọi, truy lùng những phần tử ngoan cố khác còn ẩn náu để ra trình diện.

Song song với việc truy lùng trấn áp tàn quân địch còn ngoan cố ẩn náu, làm tốt công tác cải tạo, các lực lượng vũ trang và nhân dân ta đẩy mạnh công tác rà phá bom mìn ở các khu căn cứ địch trên tất cả các vùng thành thị, nông thôn, rừng núi để bảo đảm an toàn cho nhân dân đi lại làm ăn, mở rộng đất canh tác.

Phòng công binh Quân khu 7, ban công binh tỉnh thường xuyên vạch ra các kế hoạch rà phá bom mìn ở các địa bàn, trực tiếp cử cán bộ xuống các huyện, các xã hướng dẫn bộ đội, dân quân du kích và nhân dân kỹ thuật rà phá bom mìn. Các lớp đào tạo ngắn hạn của các cấp quân khu, cấp tỉnh, cấp huyện, liên tiếp được mở để hướng dẫn kỹ thuật công binh.

Ngoài ra quân khu, tỉnh thường xuyên tăng cường xuống huyện, các địa bàn, các đội, tổ kỹ thuật rà phá bom mìn để kết hợp lực lượng vũ trang tập trung, dân quân du kích và nhân dân, cả lực lượng của địch ra trình diện tham gia tháo gỡ bom mìn giải phóng đất sản xuất.

Đến cuối năm 1975 đầu năm 1976, trên địa bàn tỉnh đã rà phá gỡ xong 118 vị trí đồn bót địch có chôn mìn trên 270 vị trí cần xác định tháo gỡ. Giải phóng được 8.947.300 mét vuông đất. Tuy vậy mới đạt được 44 % kế hoạch cần rà phá tháo gỡ<sup>(1)</sup>.

Đến cuối năm 1975, do ta làm tốt công tác quân sự, chính trị, xã hội trên mọi địa bàn, tâm lý tư tưởng nhân dân, nhất là những gia đình binh sĩ nguy ngày càng

---

\* Long Khánh 44 lớp với 8.071 học viên.

\* Tân Phú 5 lớp 1.591 học viên.

Đến 5 tháng 8 năm 1975, Biên Hòa có thêm 1.157 học viên, Long Khánh thêm 1.576 học viên. (Theo báo cáo của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 – tháng 8 năm 1975).

<sup>1</sup>. Đến đầu năm 1976 đã phá được:

\* 103 mìn chống tăng, 18.962 mìn bộ binh, 11.230 đạn cối gần bằng 113 tấn.

\* Lực lượng tham gia có 41 bộ đội tỉnh, 196 bộ đội huyện, 514 du kích, 236 nguy quân, 1.320 nhân dân.

Số người thương vong khi rà mìn:

+ Chết: 4 bộ đội, 5 du kích, 4 lính nguy, 59 dân thường.

+ Bị thương: bộ đội 1, du kích 2, lính nguy 7, nhân dân 85.

(Theo số liệu báo cáo tháng 11 năm 1976 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai).

ổn định, tin tưởng vào cuộc sống mới mà cách mạng đã đem lại. Gia đình binh sĩ chế độ cũ, kể cả những phần tử ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân dần dần đã hiểu được chính sách khoan hồng của cách mạng, không còn lo bị trả thù, bị “tắm máu” như những luận điệu xuyên tạc của địch trước ngày giải phóng.

Tình hình quân sự, chính trị, xã hội ngày càng ổn định, nhân dân các địa phương trong tỉnh phấn khởi bắt tay vào lao động sản xuất xây dựng cuộc sống mới.

Song song với công tác cấp bách lo ổn định tình hình chính trị, xã hội Ủy ban quân quản các cấp chú trọng đến việc chỉ đạo sản xuất nông, công nghiệp trong toàn tỉnh để nhanh chóng phục hồi sản xuất.

Các vùng lúa Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Vĩnh Cửu... được chú trọng phục hồi, tăng năng suất và diện tích canh tác. Tuy phải vượt qua nhiều khó khăn thử thách ban đầu nhưng bà con nông dân và chính quyền các cấp đã nỗ lực để giành một vụ mùa bội thu.

Hàng chục nhà máy trong khu kỹ nghệ Biên Hòa bắt đầu hoạt động trở lại. Những mặt hàng thiết yếu, hàng tiêu dùng tiếp tục được sản xuất, phát triển góp phần khắc phục những khó khăn về vật chất ban đầu sau giải phóng.

Một số đồn điền cao su ở Long Khánh – Bà Rịa, Long Thành, Tân Phú được củng cố. Ban giám đốc điều hành mới tiếp tục hoạt động trở lại, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho công nhân. Chỉ tính trong vòng tháng 5, tháng 6 năm 1975 về nông nghiệp ta đã đưa 213.031 dân về làng cũ làm ăn, cấp 1.393 héc-ta đất cho 1.057 gia đình.

Về công nghiệp ta khôi phục được các nhà máy chế biến mủ trong các đồn điền cao su, bốn lò gốm, 27 xí nghiệp nhà máy, đưa 12.000 công nhân trở lại làm việc.

Cùng với việc củng cố bộ máy công đoàn các cấp bảo đảm quyền lợi cho giai cấp công nhân, Ủy ban quân quản các cấp đã chú trọng tổ chức, sắp xếp lại lực lượng tự vệ các nhà máy, xí nghiệp công nông trường vừa để tự quản, bảo vệ được cơ quan đơn vị mình, vừa góp phần tích cực bảo đảm an ninh chính trị chung cho toàn xã hội.

## **II. TRUY QUÉT TÀN QUÂN ĐỊCH, TIÊU DIỆT CÁC NHEN NHÓM PHẢN ĐỘNG, BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN XÂY DỰNG CUỘC SỐNG MỚI.**

Tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh trước 30 tháng 4 năm 1975 là nơi đồn trú của nhiều lực lượng đặc biệt, tinh nhuệ, thiện chiến và nguy hiểm của chế độ Sài Gòn như quân đoàn III, vùng III chiến thuật, các lữ đoàn dù, các lữ đoàn thủy quân lục chiến, biệt động, biệt kích... Song song với các lực lượng quân đội trên còn là một bộ máy cảnh sát, tề điệp, tình báo phương hoàng, thiên nga... rất nguy hiểm của một vùng chiến thuật cửa ngõ đông – bắc Sài Gòn. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 địch đã ra trình diện (tính chung toàn Miền) là 389.000 người, trong đó

có 30 cấp tướng, 6.528 cấp tá và 36.493 cấp úy. Trên địa bàn Quân khu 7 (chủ yếu là khu vực Biên Hòa) trước ngày 26 tháng 4 năm 1975 lực lượng địch có khoảng 215.970 tên. Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 ta bắt và làm tan rã 35.514 tên. Sau ngày giải phóng địch ra trình diện 94.307 tên trong đó có khoảng 4.000 sĩ quan cấp úy, tá và tướng. Còn lại 86.749 tên chiếm khoảng 45 % chưa ra trình diện.

Lực lượng địch chưa ra trình diện chủ yếu là bọn sĩ quan ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân, các sắc lính nguy hiểm, cảnh sát đặc biệt. Địch lợi dụng vùng tôn giáo phức tạp để dễ ẩn náu, trọng điểm là khu vực Hồ Nai, Dầu Giây, Kiệm Tân, Phương Lâm...; các khu rừng rậm ở Định Quán, Xuyên Mộc, Gia Ray... cũng là những địa bàn tốt để co cụm xây dựng căn cứ, tổ chức lực lượng để chống phá cách mạng.

Những ngày đầu giải phóng, địch chưa hình thành được cơ quan đầu não chỉ huy chung và từng khu vực. Nhưng âm mưu thủ đoạn chủ yếu của chúng lúc này là bằng mọi cách bám lực lượng trong dân và trong rừng, cố gắng đẩy mạnh các hoạt động phá hoại nhỏ để thu hút lực lượng và gây thanh thế trên một số vùng trọng điểm.

Đến tháng 7 năm 1975, hoạt động phá hoại của địch chỉ tính trên địa bàn Quân khu 7 đã xảy ra 240 vụ với các hình thức chủ yếu là ám sát, gài mìn phá hoại, tung tin thất thiệt, tuyên truyền xuyên tạc chính sách chế độ ta.

Địa bàn Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh là một trọng điểm hoạt động phá hoại của địch, riêng trong tháng 5 xảy ra 62 vụ nguy hiểm.<sup>(1)</sup>

Ngày 18 tháng 5 địch dùng thuốc độc ám sát ba cán bộ ta ở Vũng Tàu, làm chết một, ngộ độc nặng hai đồng chí. Ngày 20 tháng 5 địch âm mưu phá kho bom Long Bình và phá cầu Hóa An (cầu Mới) Biên Hòa nhưng bị ta phát hiện và đập tắt ngay ý đồ. Ngày 26 tháng 5 địch phục kích ám sát hai cán bộ quân đội ta ở nghĩa địa Bình An (tây chợ Đồn Biên Hòa).

Đặc biệt đêm ngày 30 tháng 5 năm 1975, địch dùng súng AR 15 bắn vào quần chúng nhân dân khi đang họp ở ấp Bình An thành phố Biên Hòa làm chết và bị thương chín người trong đó có hai em nhỏ và hai đồng chí bộ đội.

Thực hiện chỉ thị của Quân ủy Miền là trong một thời gian ngắn phải truy quét toàn bộ tàn quân địch ẩn náu trong rừng, Bộ chỉ huy Miền và Bộ tư lệnh Quân khu 7 đã tăng cường lực lượng quân chủ lực mạnh cho Biên Hòa – Bà Rịa – Tân Phú để truy quét địch.

---

<sup>1</sup>. Gồm 14 vụ phá cầu cống kho tàng, 38 vụ giết người, cướp của, 10 vụ tuyên truyền phản cách mạng.



+ Lực lượng quân khu 7:

Trung đoàn 4 bộ binh được tăng cường một đại đội xe tăng, hoạt động trên địa bàn chủ yếu là lộ 1, lộ 2, lộ 3 từ thị xã Long Khánh đến căn cứ 4, từ Gia Huỳnh đến ngã ba Ông Đồn (lộ 3) từ Đức Thạnh đến ngã ba Tân Phong (lộ 2). Nhiệm vụ của Trung đoàn 4 là cùng lực lượng vũ trang địa phương truy quét địch trên địa bàn được phân công, cùng lực lượng liên trại bảo vệ các trại cải tạo ở Long Khánh và trại cải tạo của Miền ở suối Râm.

Trung đoàn 33 bộ binh hoạt động ở thành phố Biên Hòa.

+ Lực lượng cấp trên quân khu:

Sư đoàn 325, một trung đoàn đứng chân ở Đại An (nam lộ 24 – bắc lộ 1). Một trung đoàn đứng chân ở căn cứ Nước Trong (Long Thành).

Sư đoàn 673, một trung đoàn đứng chân ở Hố Nai, Sư đoàn bộ và một trung đoàn đứng chân ở Tam Hiệp (Biên Hòa). Trung đoàn 205 gồm ba tiểu đoàn và trung đoàn bộ đứng chân ở Định Quán, Dầu Giây, Gia Kiệm.

Lữ đoàn 164 đứng chân ở Trảng Bom. Một tiểu đoàn xe tăng (của Miền) đứng chân ở Tam Hiệp. Tiểu đoàn xe tăng của Quân khu 5 đứng chân ở Ngã ba Dầu Giây.

Có sự kết hợp chặt chẽ các lực lượng Miền, quân khu, tỉnh, huyện, xã ... lại được trang bị các phương tiện cơ giới vũ khí hiện đại, phối hợp cùng với các lực lượng tình báo, quân báo, tình báo nhân dân, cả lực lượng tù binh khai báo ta mở các đợt truy quét dài ngày liên tục, cắt đứt nguồn tiếp tế lương thực từ cơ sở địch trong dân, nên chỉ sau ba tháng, các lực lượng địch trong rừng hầu hết tan rã, chỉ còn các nhóm từ ba đến năm tên hoạt động lén lút.

Tháng 11 năm 1975, Bộ Chỉ huy Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và ban chỉ huy quân sự các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh mở bước hai chiến dịch truy quét tàn binh. Lúc này từ nguồn tin của các lực lượng tình báo, quân báo, nhân dân và kết quả khai thác tù hàng binh, ta đã xác định ba khu trọng điểm trong rừng còn tàn quân địch ẩn náu hoạt động.

- Khu vực “Chiến khu Đ” (từ suối Bà Hào đến 12 Ống Cống) còn nhiều nhóm tàn binh hoạt động lẻ từ ba đến năm tên. Không có các đơn vị tổ chức lớn.

- Khu vực phía tây quốc lộ 20, qua khai thác hàng binh có một lực lượng địch tổ chức khá đông do tên đại úy Méo chỉ huy.

- Khu vực phía nam huyện Long Thành ta đã phát hiện còn nhiều nhóm tàn quân địch hoạt động nhỏ từng cụm thuộc lực lượng “biệt kích cánh doi” lữ đoàn 148 thủy quân lục chiến, trường biệt kích Nước Trong.

Các toán vũ trang của địch trong rừng chủ yếu là những phần tử ác ôn ngoan cố, hy vọng bám chắc vào rừng để chống phá cách mạng đến cùng. Nhưng khó khăn nhất của chúng lúc này là thiếu lương thực, thực phẩm để tồn tại. Địch không còn con đường nào khác là lén lút mò về xóm ấp, chủ yếu là những nơi gia đình chúng sinh sống hoặc khu dân cư vốn đã từng thù ghét cách mạng, hy vọng được sự cứu mạng của dân chúng.

Hiểu rõ khó khăn của địch trong lúc này, hơn nữa ta đã có nhiều kinh nghiệm bám ấp, bám dân thời chiến tranh nên lực lượng ta đa tổ chức đón lõng, bắt sống nhiều tên khi mò về xóm ấp, nhất là khu Hố Nai, Gia Kiệm, Phương Lâm...

Những hoạt động của địch trong rừng, trong năm 1975 không đem lại kết quả, bởi lẽ chúng mượn rừng rú làm nơi trú chân để tổ chức lực lượng về chống phá cách mạng. Nhưng lương thực thiếu, bệnh tật nhiều, khó khăn đói rét chồng chất, tàn quân địch nguyên là những tên lính đánh thuê lấy tiền và quen hưởng lạc, không được nhân dân ủng hộ, nên chán nản, tự rệu rã, đa số mò dần về xóm ấp để kiếm ăn, chủ yếu để lánh nạn, sợ bị ta phát hiện trả thù.

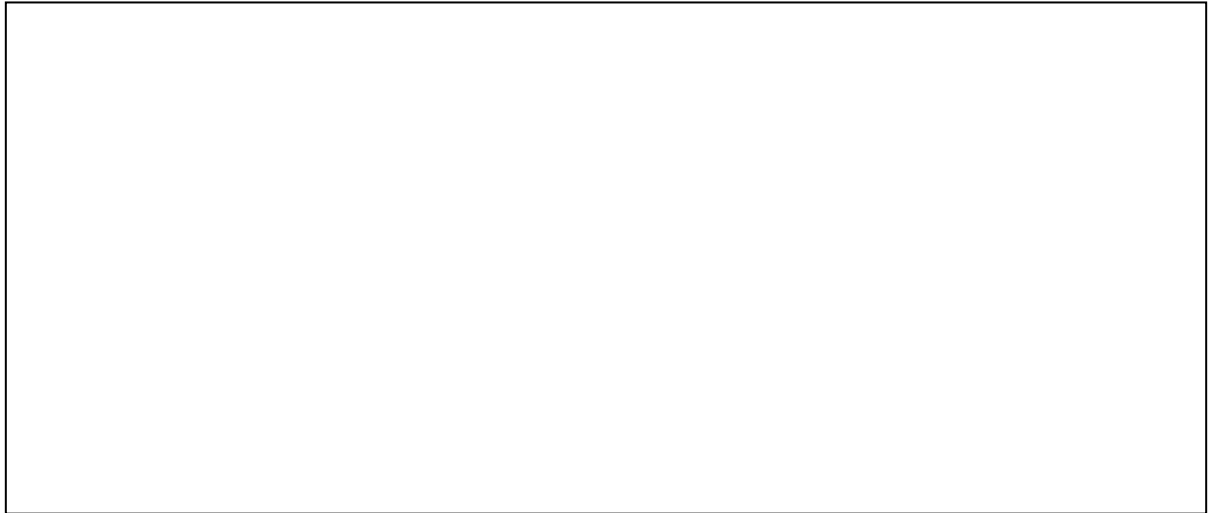
Một số tên có “vỏ bọc” tương đối thuận lợi tiếp tục hoạt động phá hoại chống đối. Hình thức hoạt động chủ yếu của chúng là ám sát cán bộ nòng cốt cách mạng khi có thời cơ, tuyên truyền kích động nhân dân tiếp tục thù oán cách mạng, để xây dựng lực lượng chống đối lâu dài.

Địch tiếp tục gây ra một số vụ ám sát cán bộ cách mạng, đặt mìn phá trụ sở ủy ban quân quản cấp xã, phường ở Bình An, Hố Nai, Gia Kiệm, Dầu Giây... Nhưng chúng thường bị ta phát hiện và bắt ngay sau khi gây án hoặc khi chuẩn bị hành động. Cuối năm 1975 thực hiện chỉ thị của Bộ Chỉ huy Miền, Quân khu 7 mở đợt 3 chiến dịch truy quét địch.

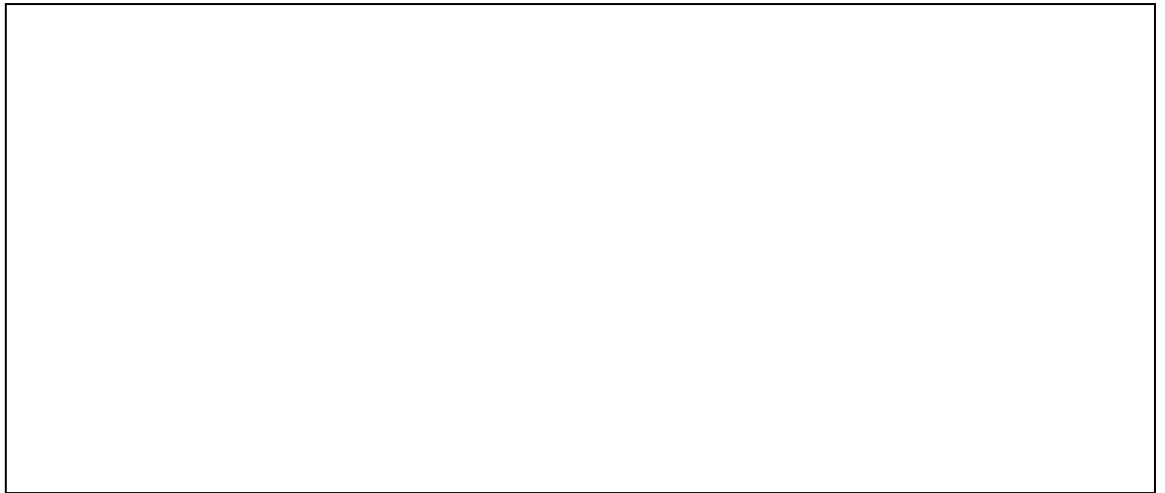
Địa bàn Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh được chia làm bốn khu vực trọng điểm:

Khu vực 1: Hố Nai, Dầu Giây, Gia Kiệm.

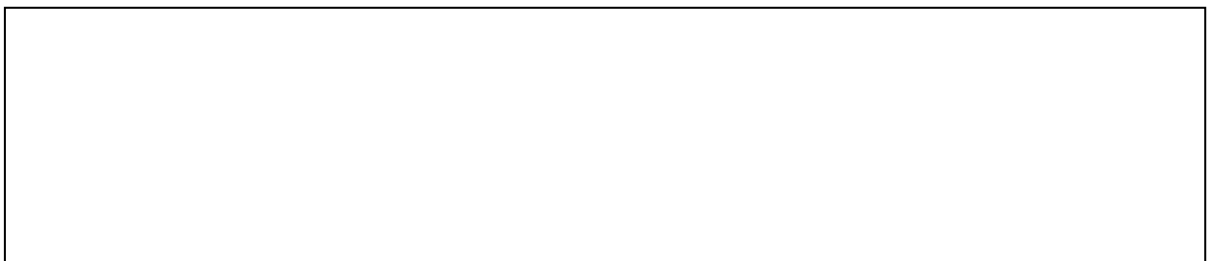
## **II. MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TỈNH ĐỒNG NAI**



Dân quân du kích huyện Long Thành phối hợp cùng cùng bộ đội tháo gỡ bom mìn khu Thành Tuy Hạ.



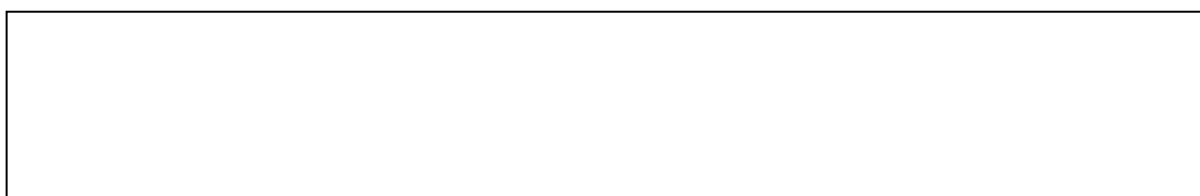
Bộ đội công binh tỉnh Đồng Nai tháo gỡ bom mìn mở rộng diện tích sản xuất.



Đồng chí Nguyễn Văn Trung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai động viên các chiến sĩ lên đường bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc.



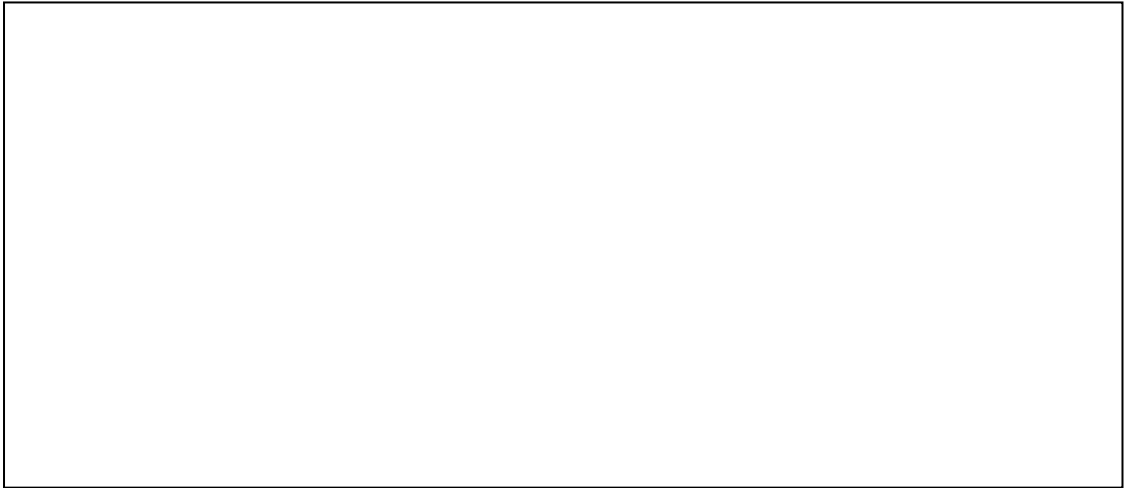
Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Đồng Nai động viên chiến sĩ Tiểu đoàn 141 lên đường làm nghĩa vụ quốc tế.



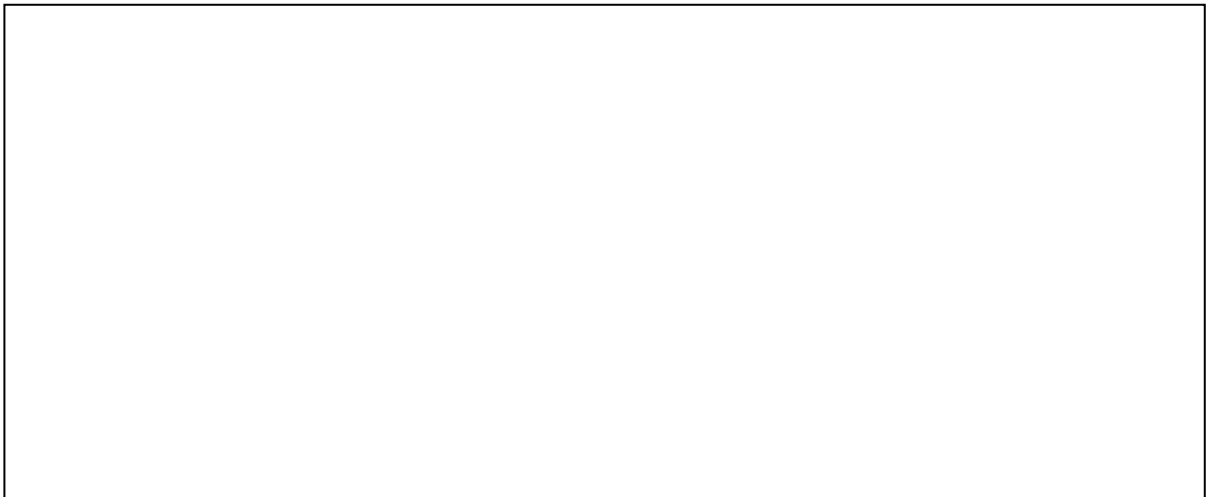
Các đồng chí lãnh đạo quân, dân, chính, đảng tỉnh Đồng Nai động viên các chiến sĩ lên đường làm nghĩa vụ quốc tế tại Cam-pu-chia



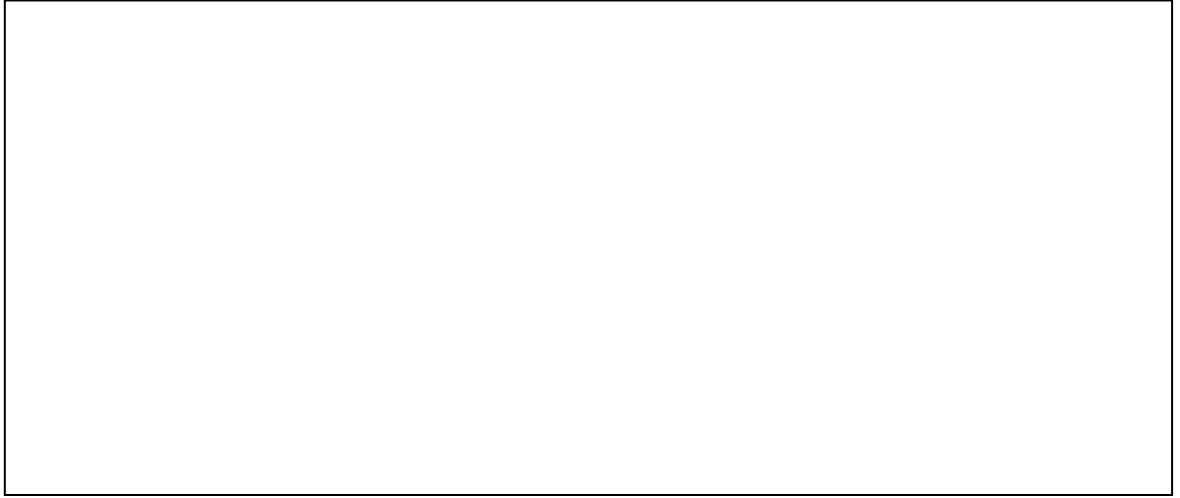
Các đồng chí trong Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai tiếp đoàn đại biểu tỉnh Công-pông-thom (Cam-pu-chia)



Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai đón nhận Huân chương Quân công của Hội đồng Nhà nước tặng năm 1985



Nhân dân Cam-pu-chia tiễn đưa lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai hoàn thành nhiệm vụ quốc tế trở về Tổ quốc năm 1989.



Đồng chí Huỳnh Ngọc Đẩu, chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai tại cơ sở chỉ huy diễn tập chống địch đổ bộ đường biển.



Trung đoàn 5 bộ binh – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai tham gia diễn tập chống địch đổ bộ đường biển.

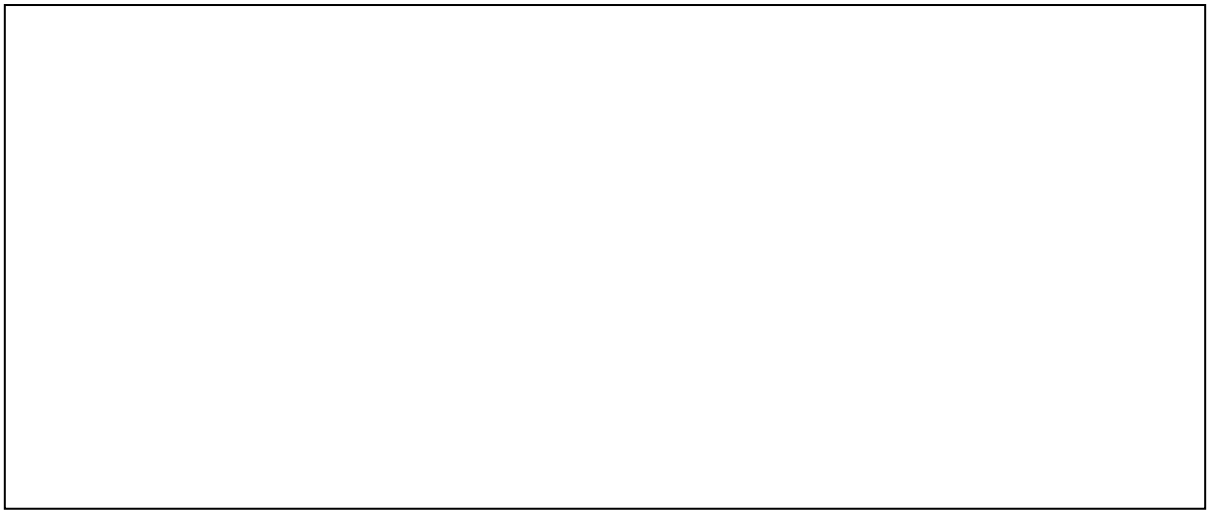


Bộ đội tăng thiết giáp tỉnh Đồng Nai thực hành sẵn sàng chiến đấu.



Một trong 10 tiểu đội bắn giỏi của Tiểu đoàn 41 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai

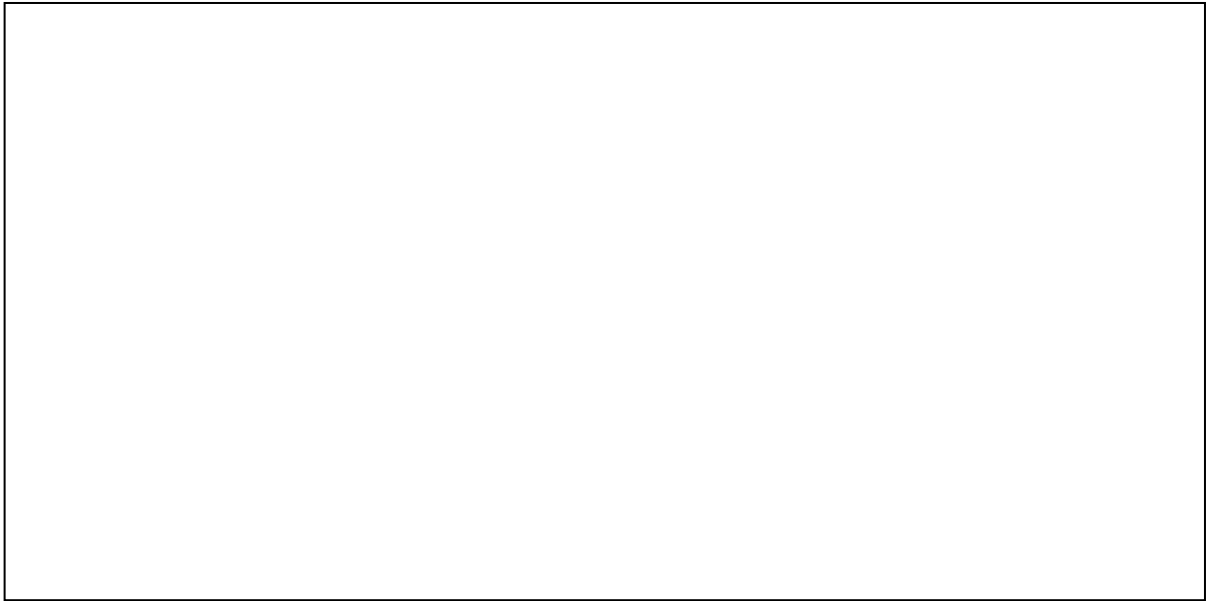




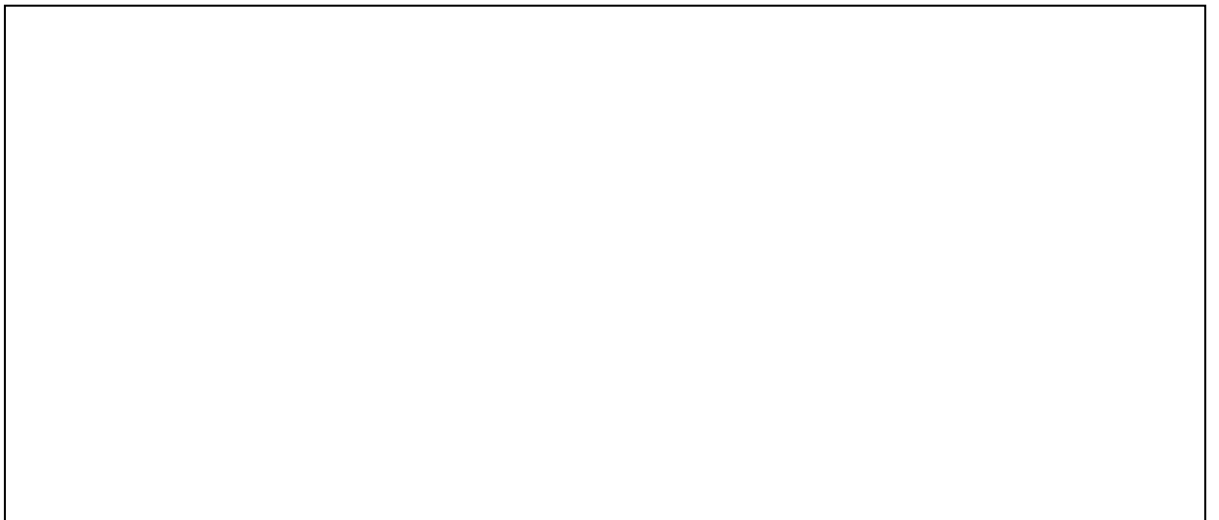
Thực hành đào bếp Hoàng Cầm trong điều kiện dã ngoại năm 1995.



Tổ kỹ thuật cấp cứu tham gia hội thao hậu cần năm 1995.



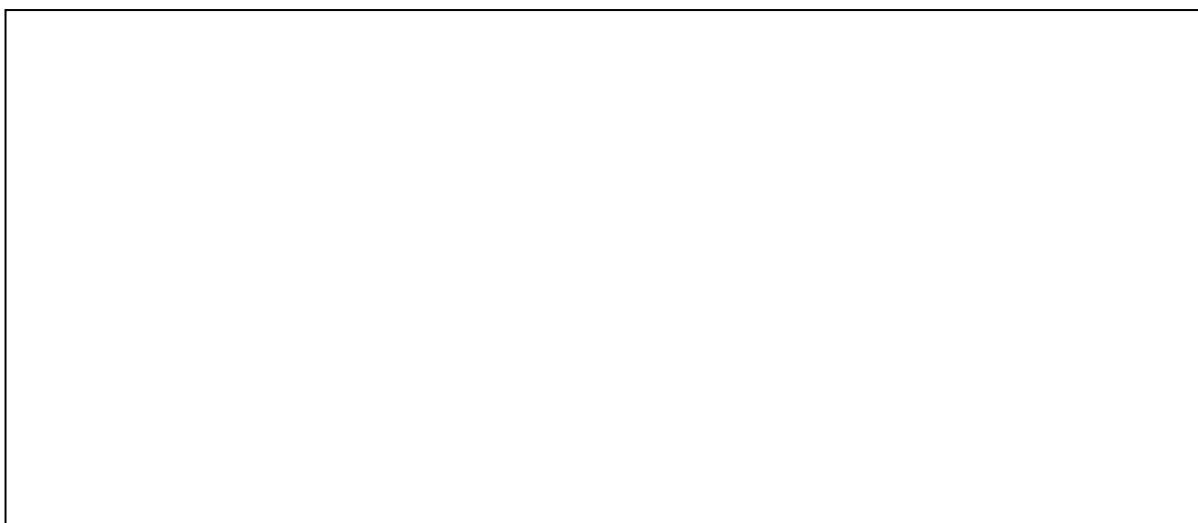
Hội thi vũ khí trang bị kỹ thuật tốt lần thứ nhất của lực lượng vũ trang tỉnh  
Đồng Nai.



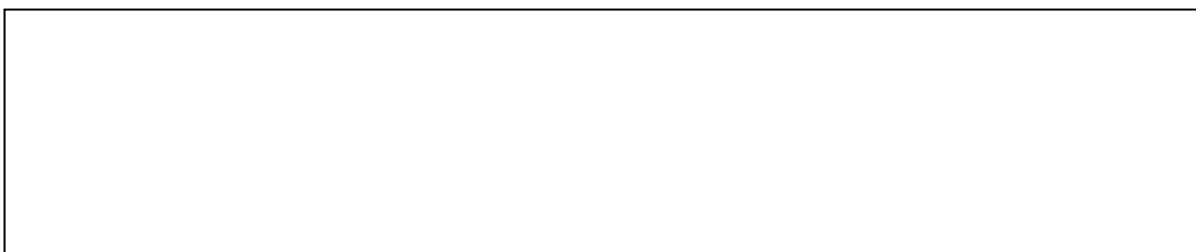
Tự vệ Công ty Cao su Đồng Nai.



Nữ tự vệ phường Quang Vinh – thành phố Biên Hòa



Bộ đội, dân quân tự vệ tỉnh Đồng Nai tuân tra bảo vệ công trình thủy điện Trị An.



Lực lượng vũ trang huyện Nhơn Trạch giúp dân sửa chữa nhà, làm đường liên  
ấp



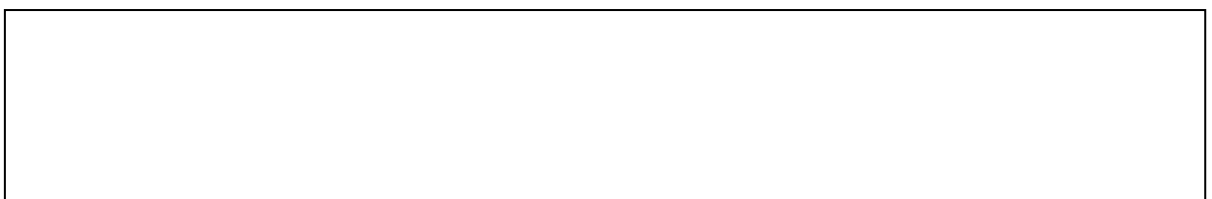
Lực lượng vũ trang huyện Long Khánh trợ cấp gạo cho đồng bào dân tộc  
ChoRo.



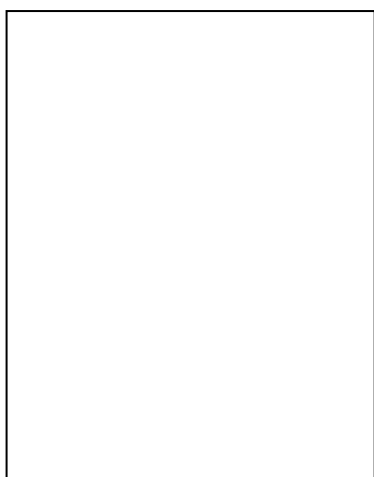
Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai năm 1995.



Đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai (hàng trước, thứ ba từ trái sáng), chụp hình lưu niệm với các đoàn đại biểu về dự Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai lần thứ VII (nhiệm kỳ 1995 – 2000).



Hội nghị khoa học lần thứ ba thông qua bản thảo “Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai 1945 – 1995” ngày 29 tháng 10 năm 1999.

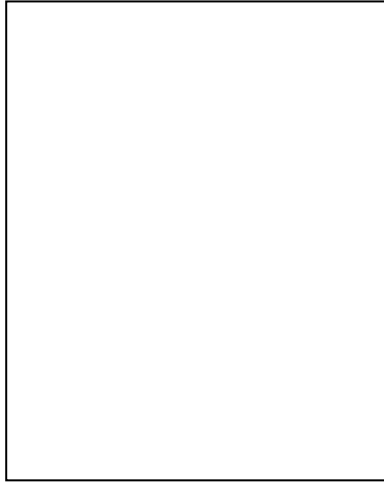


**HUỲNH VĂN NGHỆ**  
Chi đội trưởng Chi đội 10.  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Thủ Biên

**VI. MỘT SỐ CÁN BỘ NGUYÊN LÀ  
LÃNH ĐẠO CHỈ HUY LỰC LƯỢNG  
VŨ TRANG TỈNH ĐỒNG NAI QUA  
CÁC THỜI KỲ <sup>(1)</sup>**

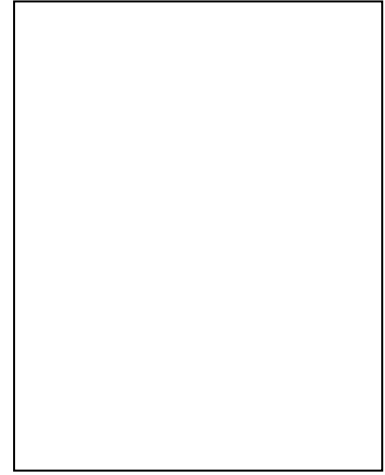
---

<sup>1</sup>. Xin xem thêm phụ lục danh sách cán bộ



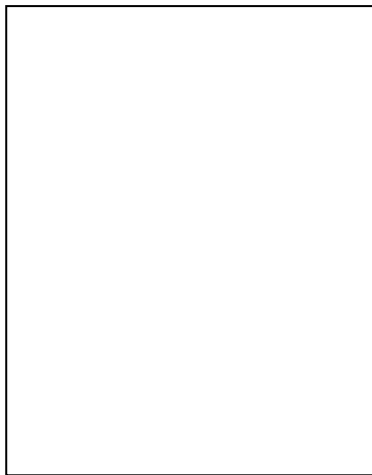
**PHAN ĐÌNH CÔNG**  
Chính trị viên Chi đội 10

310

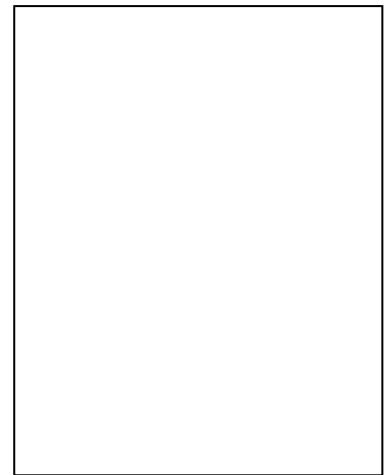


**NGUYỄN VĂN LUNG**  
Chi đội phó Chi đội 10  
Trung đoàn trưởng Trung đoàn

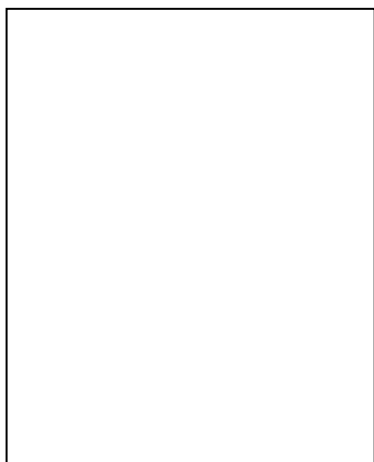
Liên trung đoàn phó 301 - 310



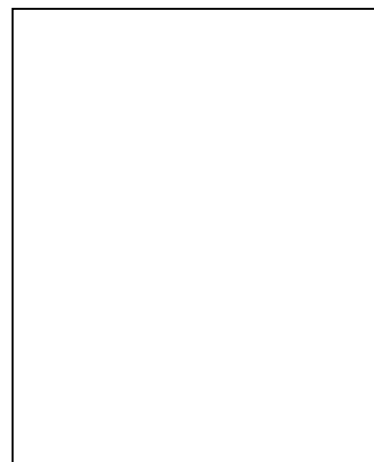
**CAO VĂN BỒ**  
Tỉnh đội trưởng  
Tỉnh đội dân quân Biên Hòa



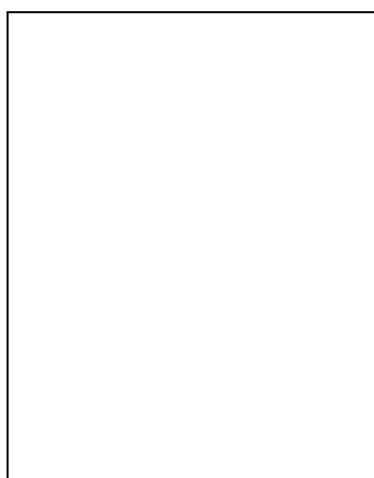
**VÕ CƯỜNG**  
Chính trị viên Chi đội 10  
Chính trị viên Trung đoàn 310



LƯƠNG VĂN NHO  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Biên Hòa  
Tư lệnh Phân khu 4



LÊ VĂN NGỌC  
Tiểu đoàn trưởng  
Tiểu đoàn tập trung 303

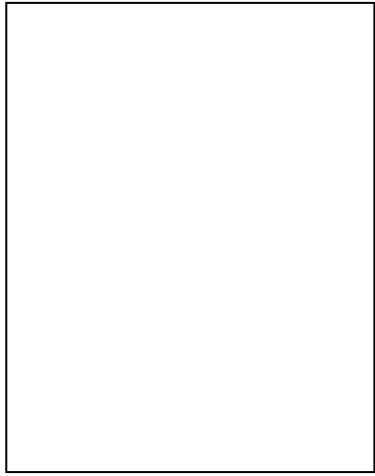


PHAN VĂN TRANG  
Trưởng ban quân sự  
Tỉnh đội Biên Hòa  
Chính trị viên Tỉnh đội Bà Biên  
Tỉnh đội U1  
Chính trị viên Thành đội Biên Hòa

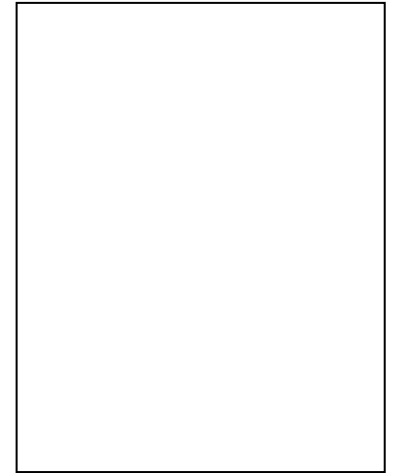


NGUYỄN VIỆT HOA  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bà Rịa  
Phó Chỉ huy trưởng BCHQS  
tỉnh Đồng Nai

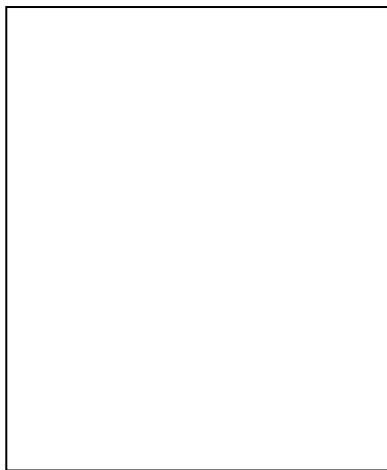




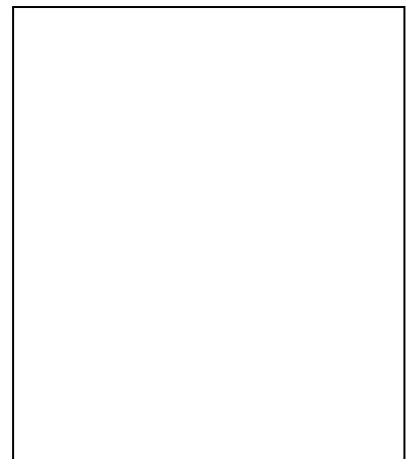
**PHẠM LẠC**  
Trưởng ban quân sự LK  
Tỉnh đội phó Tỉnh đội Bà Biên  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội BR-LK  
Phó tư lệnh Phân khu BR  
Phó chỉ huy trưởng BCHQS tỉnh ĐN



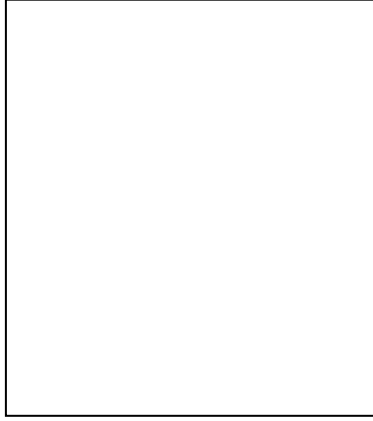
**PHẠM VĂN HY**  
Trưởng ban quân sự  
Tỉnh đội Long Khánh  
Chính trị viên Tỉnh đội Bà Rịa-  
Long Khánh



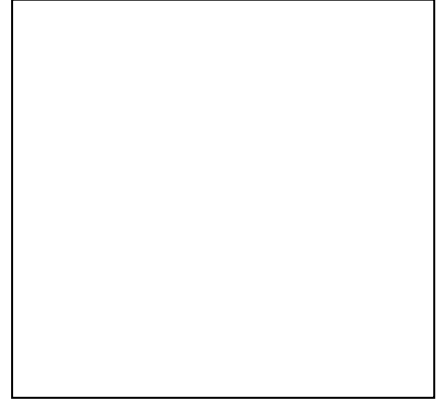
**CHÂU VĂN LÒNG**  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Biên Hòa  
Tỉnh đội phó Tỉnh đội Bà Biên  
Tỉnh đội phó U1 Biên Hòa



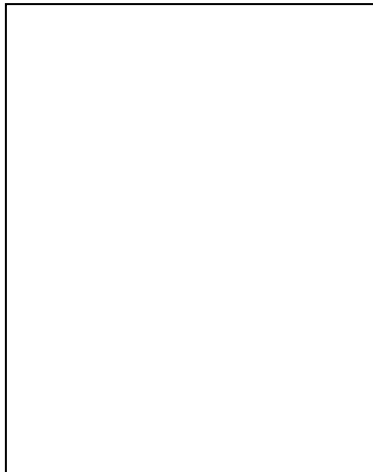
**ĐẶNG HỮU THUẬN**  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bà Biên



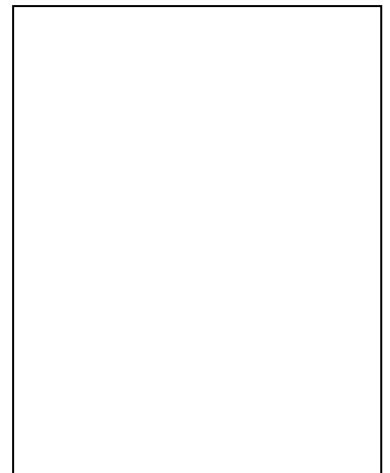
**LÊ ĐÌNH NHƠN**  
Chỉnh trị viên Tỉnh đội Bà Biên  
Chính ủy Phân khu Bà Rịa



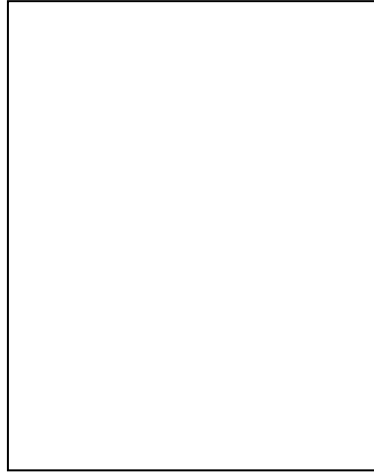
**TRẦN CÔNG AN**  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội U1 Biên Hòa  
Phó Tư lệnh Phân khu Thủ Biên



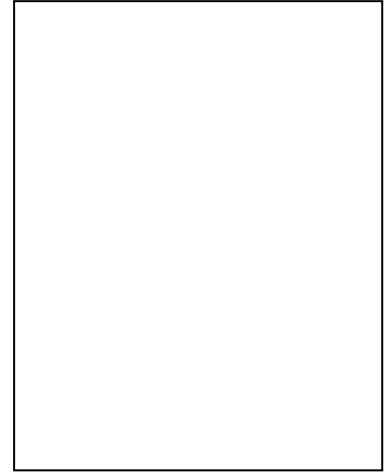
**NGUYỄN VĂN TRỊ**  
Chỉnh trị viên Tỉnh đội U1 Biên Hòa



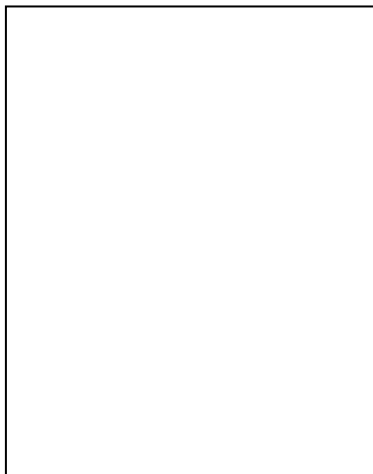
**ĐẶNG QUANG LONG**  
Chính ủy Phân khu 4



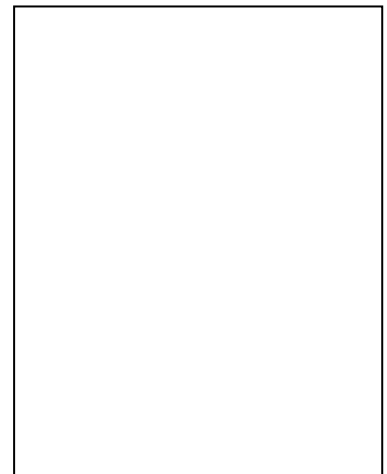
**TRẦN SƠN TIÊU**  
Tur lệnh Phân khu Bà Rịa



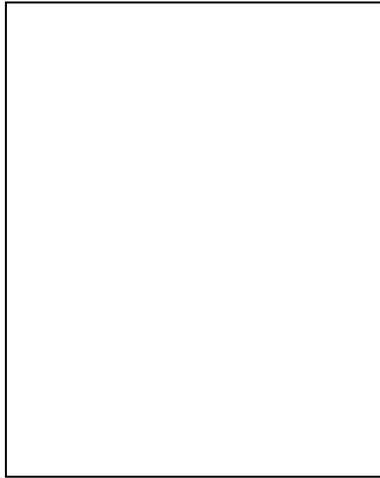
**NGUYỄN VĂN TRUNG**  
Chính ủy Phân khu Thủ Biên



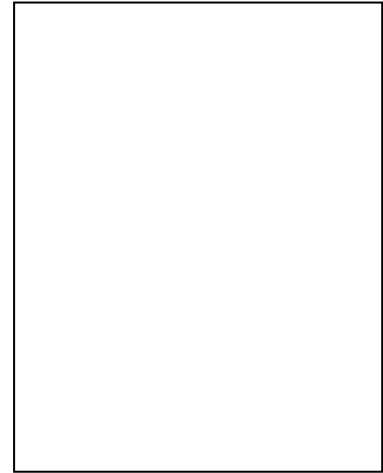
**NGUYỄN CÔNG HẠNH**  
Chính trị viên Tỉnh đội Biên Hòa  
Phó chỉ huy trưởng BCHQS  
tỉnh Đồng Nai



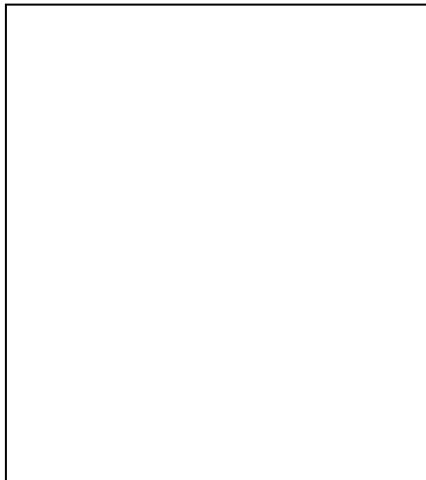
**VÕ CHẤN**  
Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Tân Phú



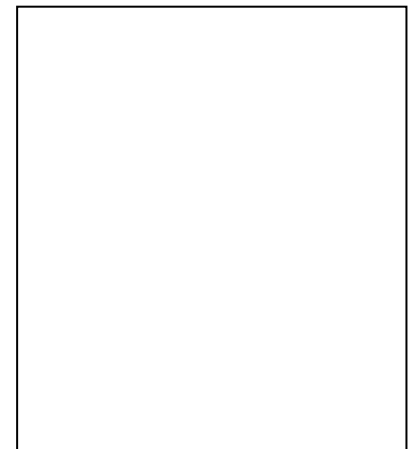
**HUỲNH NGỌC ĐÁU**  
Chỉ huy trưởng BCHQS  
tỉnh Đồng Nai



**NGUYỄN ĐĂNG MAI**  
Chính ủy BCHQS tỉnh Đồng Nai



**NGUYỄN THANH TÙNG**  
Phó chỉ huy trưởng  
Tham mưu trưởng  
Chỉ huy trưởng BCHQS  
tỉnh Đồng Nai



**NGUYỄN TRÍ THỨC**  
Phó chỉ huy trưởng  
Tham mưu trưởng  
Chỉ huy trưởng BCHQS  
tỉnh Đồng Nai (từ 1995)

Khu vực 2: Lộ 2 Long Khánh, ngã ba Ông Đồn.

Khu vực 3: Lạc An, Đại An, Tân Uyên, Sinh Bà Đã.

Khu vực 4: Núi Dinh, Thị Vải, Vũng Tàu.

Tại khu vực 1, ngày 30 tháng 10 năm 1975, một bộ phận của Sư đoàn 673 và du kích Gia Kiệm bao vây một toán địch thuộc lực lượng biệt đoàn 12 ở khu Bàu 17 tiêu diệt nhiều địch, bắt ba tên, có một thiếu úy và thu được nhiều vũ khí. Sau khi khai thác tên thiếu úy bị bắt ngày 30 tháng 10, ta phát hiện khu vực Bàu 17 có một đơn vị tàn quân do tên đại úy Phúc chỉ huy, kết hợp với cả đơn vị của tên đại úy Méo.

Ngày 5 tháng 11 ta sử dụng Tiểu đoàn 7 và Tiểu đoàn 9 của Trung đoàn 33 hành quân truy quét địch, nhưng địch đã đánh hơi được, di chuyển chỗ ở ta không phát hiện được chúng.

Khu vực 2, ngày 2 tháng 10 khi truy lùng ta bắt sống tên Thật. Tù binh này đã khai tại Ship có một lực lượng địch gồm 30 tên ngoài rừng và 20 tên trong dân. Ta sử dụng ngay Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 18 cùng đại đội 1 và du kích Long Thành truy lùng địch. Khi đến nơi thì chúng đã rút chạy chỉ còn lại dấu vết. Cách một ngày sau đó tên tù binh Thật dẫn ta đến bắt bảy tên ẩn náu trong dân trong số 20 tên lẫn trốn.

Sáng ngày 6 tháng 11, một bộ phận trinh sát Trung đoàn 18 cùng du kích xã Gia Kiệm bao vây bắt hai tên địch ở Gia Tân. Sau đó hai tù binh này đã đưa lực lượng ta đi bao vây, truy lùng một toán địch ở phía nam núi Võ Đông 1 ki-lô-mét. Sau ba ngày lùng sục, ta phá tan toán tàn quân này bắt thêm hai tên, thu nhiều súng.

Cùng ngày 6 tháng 11, một bộ phận thuộc Trung đoàn 101 bao vây truy quét địch ở phía nam sông Nhạn (đoạn ngã ba Cây Khô đường 25), ta đã phá tan bộ phận tàn quân này của địch bắt bốn tên thu nhiều vũ khí, trang bị.

Trên các khu vực 3 và 4 ta cũng đã phối hợp các lực lượng truy lùng cả trong và ngoài địa hình, nhưng ở ngoài địa hình (trong rừng) không phát hiện được gì. Chủ yếu chỉ bắt được một số lực lượng địch ẩn náu trong dân.

Kết quả công tác truy lùng cả trong và ngoài địa hình cho thấy: ở bên ngoài mặc dù ta đã sử dụng lực lượng lên đến cấp tiểu đoàn để truy quét, nhưng kết quả bắt địch không cao. Khu vực 1 trong chiến dịch đợt 3 bắt tổng cộng 72 tên chỉ có 7 tên ngoài địa hình (trong rừng)<sup>(1)</sup>. Trong tổng số 196 tên bị bắt trên địa bàn toàn tỉnh thì có 178 tên ẩn náu trong dân. Kết quả phát động quần chúng có 112 tên ra đầu thú.

---

<sup>1</sup>. \* Khu vực 2 bắt 23 tên (có một tên trong rừng).

\* Khu vực 3 bắt 15 tên.

\* Khu vực 4 bắt 26 tên.

\* Khu vực thị xã Biên Hòa bắt 30 tên.

(theo số liệu báo cáo của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 11 năm 1975).

Công tác phát động quần chúng nhân dân phát hiện, tố giác, tự đưa con em ra trình diện với chính quyền cách mạng đóng một vai trò rất quan trọng. Ngay từ những ngày đầu giải phóng chỉ thị của Quân ủy Miền và “kế hoạch B” của Bộ chỉ huy Miền đã xác định công tác phát động quần chúng là một trong ba nhiệm vụ quan trọng trong chiến dịch truy lùng địch trong rừng, trong dân.

Thực hiện chỉ thị của Quân ủy, Bộ Chỉ huy Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã chỉ đạo cho các tỉnh đẩy mạnh công tác phát động quần chúng hơn lúc nào hết. Trong tất cả các khu vực trọng điểm, song song với việc tổ chức phối hợp với các lực lượng giữa cấp miền, cấp quân khu, tỉnh, huyện, xã truy quét địch trong rừng phải tổ chức các lực lượng làm công tác quần chúng trong nhân dân. Lực lượng này cũng có sự phối hợp chặt chẽ từ trên xuống dưới.

Cấp tỉnh, huyện tiếp tục thành lập ban chỉ đạo phát động quần chúng và hình thành lực lượng đồng bộ: quân đội, công an, quân dân, du kích... dưới sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp. Yêu cầu, phương châm hoạt động của công tác phát động quần chúng là truy lùng bắt hết các lực lượng địch ẩn náu trong dân; xây dựng chính quyền vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, giữ gìn trật tự an ninh; từng bước nâng cao đời sống nhân dân, tổ chức quản lý, nắm chắc dân, thanh lọc từng đối tượng rõ ràng; lấy phát động quần chúng làm gốc để phát hiện đánh địch trong dân; kết hợp chặt chẽ truy quét địch cả trong dân và ngoài địa hình; kêu gọi địch ra hàng, đầu thú, sau đó mới trấn áp, trừng trị; kiên quyết xử lý những tên đầu sỏ ngoan cố để làm gương cho kẻ khác.

Mũi phát động quần chúng trên toàn địa bàn phối hợp có hiệu quả tốt. Ngoài lực lượng bộ đội, công an du kích, ta còn tổ chức các đoàn cán bộ tuyên truyền, gồm các đồng chí có trình độ, nói năng lưu loát, để tuyên truyền vận động nhân dân. Thông qua các tổ tuyên truyền này đại đa số nhân dân có con em tham gia tàn binh chống phá cách mạng hiểu rõ được những tội lỗi, sai lầm của con em mình đã lầm đường lạc lối theo giặc chống đối lại Tổ Quốc, nhân dân. Hiểu được chính sách khoan hồng của cách mạng, không có trả thù kẻ cả những người có nợ máu với nhân dân. Từ đó nhân dân đã phối hợp với các đoàn công tác có hiệu quả.

Sự kết hợp với các lực lượng từ quân khu xuống đến tỉnh, huyện, xã làm công tác phát động quần chúng đã mang lại thắng lợi lớn. Nhiều gia đình trước đây hiểu lầm cách mạng thì nay đã ăn năn, hối cải tự giác vận động đưa con em mình ra trình diện, phối hợp với lực lượng cách mạng để lập công chuộc tội.

Áp An Bình Trảng Bom là một trong những khu vực trọng điểm trong công tác phát động quần chúng truy quét địch. Tại đây nhân dân đã chỉ cho ta bắt được hai tên chui vào chính quyền cách mạng âm mưu hoạt động lâu dài và trường hợp ở các ấp Trà Cổ, Gia Tân, Bù Chu, có cả lực lượng CIA nằm vùng. Các ấp dọc quốc lộ 15 (khu vực Long Thành – Bà Rịa) nhân dân cũng chỉ cho ta bắt 14 phần tử xấu lọt vào chính quyền xã, ấp. Cũng trên địa bàn này quần chúng nhân dân còn vận

động 122 tên địch ẩn náu trong dân dưới nhiều hình thức ra trình diện chính quyền địa phương. Chỉ tính trong tháng 10 và tháng 11 năm 1975 trên địa bàn tỉnh, ta đã tổ chức phát động quần chúng tới 35.363 lượt người<sup>(1)</sup>. Công tác này đóng một vai trò, đặc biệt quan trọng. Chẳng những ta đã phát hiện ra hàng trăm trường hợp ẩn náu trong dân, mà nhân dân còn chỉ cho ta những phần tử nguy hiểm chui vào đoàn thể, chính quyền cách mạng âm mưu phá hoại cách mạng lâu dài.

Cuối năm 1975, do ta làm tốt công tác phát động quần chúng, truy lùng địch ngoan cố ẩn náu trong dân, đồng thời phối hợp chặt chẽ lực lượng vũ trang từ cấp Miền xuống đến xã, áp truy quét tàn quân địch trong rừng nên tình hình an ninh chính trị ngày một ổn định hơn. Tuy vậy một số nơi ta truy quét không hết, địch bắt đầu khôi phục hình thành một số lực lượng có tổ chức chặt chẽ hơn và âm mưu ý đồ lâu dài hơn. Ta đã phát hiện kịp thời và tiêu diệt tổ chức tự xưng là lực lượng biệt đoàn 12 ở khu vực Kiệm Tân và khung của tiểu đoàn Quyết Thắng. Nguy hiểm hơn là địch đã hình thành tổ chức lấy tên là “lực lượng vũ trang phục quốc” do tên đại tá Đề làm chỉ huy trưởng và một tên đội lột linh mục làm chủ tịch “hội đồng lãnh đạo tối cao phục quốc Việt Nam”<sup>(2)</sup> Sự phát hiện và đập tắt, đập tan các tổ chức nhen nhóm đầu não của địch ngay khi mới hình thành cuối năm 1975 là một thắng lợi lớn của sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang và nhân dân ta trên địa bàn tỉnh. Thắng lợi đó có tác dụng lớn ngăn chặn kịp thời ý đồ phá hoại, chống đối âm mưu thủ đoạn lâu dài của địch về sau này.

### **III. GÓP PHẦN XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.**

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, việc cải tạo quan hệ sản xuất ở miền Nam mới bắt đầu. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi cùng một lúc tích cực phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, phát huy tác động nòng cốt của nó đối với nền kinh tế quốc dân, đồng thời tích cực cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa.

Ngày 10 tháng 9 năm 1975, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam công bố chính sách khôi phục, phát triển kinh tế ở miền Nam trong đó có nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là “*xóa bỏ ngay tàn tích chiếm hữu và bóc lột phong kiến, quốc hữu hóa ngay những cơ sở công thương nghiệp của giai cấp tư sản mại bản, của bọn phản quốc và bọn chạy ra nước ngoài*”.

Chính sách kinh tế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam được đại đa số quần chúng nhân dân hết lòng ủng hộ. Thực hiện chính sách của

---

<sup>1</sup>. \* Khu vực 1 phát động 12.515 lượt người.

\* Khu vực 2 phát động 60 gia đình.

\* Khu vực 3 phát động 22.788 lượt người.

<sup>2</sup>. \* Theo báo cáo của Bộ Tư Quân khu 7. Số 02/BC ngày 31 tháng 12 năm 1975 do đại tá Lê Văn Ngọc ký gửi Bộ Tổng Tham mưu.

\* Tài liệu lưu trữ tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.

Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, Khu ủy miền Đông và Ủy ban quân quản cấp tỉnh lúc bấy giờ là: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú tập trung lãnh đạo tổ chức thực hiện hai nhiệm vụ trọng tâm cấp bách: chiến dịch X2 và chiến dịch X3.

X2 là chiến dịch cải tạo tư sản mại bản. Lực lượng chính tham gia chiến dịch gồm quân đội, cán bộ dân chính Đảng, dân quân kích, tự vệ các nhà máy, xí nghiệp và nhân dân vùng trọng điểm.

X3 là chiến dịch đổi tiền, hủy bỏ hệ thống tiền tệ của chính quyền Sài Gòn cũ, đổi sang tiền tệ cách mạng – do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Hai chiến dịch trên được gắn bó chặt chẽ với nhau dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân ủy, Bộ chỉ huy Miền và Khu ủy miền Đông. Ban chỉ đạo chiến dịch được thành lập từ cấp khu, tỉnh, huyện và xã. Lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự trong hai chiến dịch trên.

Địa bàn trọng điểm trong hai chiến dịch trên là thành phố Biên Hòa. Ban chỉ đạo chiến dịch X2 đã xác định được danh sách bảy đối tượng là tư sản mại bản ở Biên Hòa cần được cải tạo. Ủy ban quân quản tỉnh Biên Hòa đã thành lập ra bảy tiểu ban và sáu đội công tác là lực lượng chuyên trách của chiến dịch, lực lượng yểm trợ là của các đại đội bộ binh và các tiểu đội du kích trong thành phố. Quân chúng nhân dân là lực lượng chính trị nòng cốt để trấn áp trực tiếp tinh thần bọn tư sản mại bản và những phần tử chống đối.

Chiến dịch X2 được triển khai sáng ngày 11 tháng 9 năm 1975. Mũi chính trị đã huy động được hàng ngàn nhân dân ở thành phố Biên Hòa xuống đường mang theo băng cờ, khẩu hiệu rầm rập tiến theo các ngã đường chính trong thành phố hô vang khẩu hiệu ủng hộ chính quyền cách mạng. Đả đảo bọn tư sản mại bản đầu cơ tích trữ, bóc lột nhân dân. Các lực lượng vũ trang cách mạng, công an và nhân dân bao vây chặt dinh thự của bảy đối tượng chủ yếu, cùng các thành viên đội công tác dân chính là cán bộ ngân hàng, thương nghiệp, kiểm kê toàn bộ tài sản, tịch biên thu về cho ngân quỹ quốc gia. Bảy đối tượng là tư sản mại bản đã được đưa đi cải tạo, để họ thấy rõ chính sách của chính quyền cách mạng sau đó trở về làm ăn chân chính.

Ngày 12 tháng 9, Ủy ban quân quản Biên Hòa đã triệu tập trên 800 nhà tư sản, kinh doanh thương nghiệp, tổ chức cho họ học tập về chính sách kinh tế của xã hội mới. Mục đích, nội dung của các lớp học này là giúp cho các nhà tư sản, thương nghiệp tiểu thương hiểu rõ những vấn đề cơ bản về chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Qua đó kêu gọi họ mang tinh thần, vật chất tích cực sản xuất góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân sau chiến tranh. Đa số những người trong lớp học đã phát biểu hưởng ứng tích cực chiến dịch vận động của chính quyền và hứa góp phần



tích cực trong việc ổn định khôi phục nền sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong tình hình mới để nhanh chóng phát triển sản xuất. Trong dịp này toàn tỉnh đã triển khai hàng trăm điểm bán lẻ từ cấp tỉnh đến huyện, xã, ấp, bước đầu phục vụ đáp ứng yêu cầu cho nhân dân.

Ngày 22 tháng 9 năm 1975, chiến dịch X3 được tiến hành. Chiến dịch diễn ra trong một ngày, được triển khai tuyệt đối bí mật và an toàn trên toàn miền Nam.

Mục đích của chiến dịch X3 là xây dựng nền tiền tệ độc lập, tự chủ, nhằm ổn định đời sống kinh tế, xã hội trên toàn miền Nam, bảo vệ tài sản của công dân và Nhà nước, ngăn chặn không cho các đối tượng khác sử dụng tiền cũ (tiền Sài Gòn) để lũng đoạn kinh tế, tài chính và chính trị; khắc phục hậu quả lạm phát tiền tệ do địch để lại; thúc đẩy sản xuất, lưu thông phân phối hàng hóa, ổn định nâng cao đời sống nhân dân.

Trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Tân Phú, Bà Rịa – Long Khánh. Ủy ban quân quản các cấp đã hình thành 750 bàn thu đổi tiền. Các bàn đổi tiền đều có các lực lượng bộ đội, công an, du kích làm công tác bảo vệ chu đáo, cả vòng trong và vòng ngoài.

Công tác thu đổi tiền rất bí mật về thời gian và phương pháp tiến hành, có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng và Ủy ban quân quản, trong việc tập huấn cho cán bộ các cấp, sự phối hợp của lực lượng vũ trang trong thu đổi tiền là điều rất mới mẻ. Ngoài việc tổ chức các tiểu đội, trung đội bảo vệ trực tiếp các bàn thu đổi tiền, ta còn có lực lượng tập trung cấp đại đội, tiểu đoàn bố trí ở các khu vực trọng điểm, để sẵn sàng đối phó mọi tình huống. Các phương án tác chiến cấp đại đội, tiểu đoàn trong chiến dịch X3 cũng đã được tập dượt chu đáo. Tiểu đoàn 240 Biên Hòa, Tiểu đoàn 445 ở Bà Rịa, Tiểu đoàn 440 ở Long Khánh cùng các đại đội cấp thành phố, thị xã đã nỗ lực, khẩn trương nắm địch tình các mặt, chuẩn bị cơ sở vật chất chiến đấu. Ngoài ra các lực lượng cấp trung đoàn, sư đoàn của Quân khu 7 và Miền, một bộ phận lực lượng Quân đoàn 2 của Bộ v.v... cũng đã được tăng cường để truy lùng địch còn ẩn náu lén lút móc nối với các tổ chức trong địa hình hoạt động phá hoại trên các địa bàn trọng điểm như Gia Kiệm, Hồ Nai, Phương Lâm, Rừng Lá...

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong chiến dịch X3 đã đảm bảo an toàn tuyệt đối trên các khu vực. Không có một hiện tượng, tình huống xấu nào xảy ra.

Chỉ thị 01/TD của Trung ương cũng đã quy định cụ thể cho các giá trị mệnh giá của đồng tiền ngân hàng mới. Một đồng ngân hàng mới có giá trị bằng năm trăm đồng tiền Sài Gòn (1 đồng = 500 đồng). Các loại tiền Sài Gòn có mệnh giá nhỏ như 50, 20, 10,5 đồng được tiếp tục lưu hành để thay thế tiền 1 hào, 1 xu mới.

Lúc này theo quy định, các hộ độc thân được đổi 15.000 đồng, hộ gia đình được đổi tối đa 100.000 đồng. Các hộ kinh doanh được đổi từ 200 đến 500 ngàn đồng.

Các đơn vị thu đổi tiền trên các địa bàn tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú đã hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của công tác chỉ đạo <sup>(1)</sup>.

Ngay ngày hôm sau (23 tháng 9 năm 1975), Ủy ban Vật giá Trung ương đã niêm yết quy định giá cả thống nhất của 19 mặt hàng thiết yếu nhằm ổn định giá cả, khắc phục những khó khăn trong đời sống của nhân dân.

Sau chiến dịch X3 thu đổi tiền, trên toàn miền Nam vẫn song song tồn tại hai loại tiền là tiền miền Bắc và tiền ngân hàng mới ở miền Nam. Do vậy đến tháng 11 năm 1975, thực hiện chỉ thị 353/TTG của chính phủ quy định thống nhất tỷ lệ được quy đổi là một đồng tiền miền Bắc bằng tám hào tiền ngân hàng miền Nam (1 đồng = 0.8 đồng).

Kể từ đây tiền tệ hai miền Nam – Bắc đã được thống nhất. Bước đầu đã khắc phục được phần nào những khó khăn cơ bản, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh trên toàn miền Nam phát triển.

Tháng 11 năm 1975, thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam và Chính Phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, ta chuyển các Ủy ban quân quản tỉnh, huyện, xã thành các Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã. Việc củng cố chính quyền nhân dân các cấp là một bước tiến mới ở miền Nam nói chung và Biên Hòa – Bà Rịa – Long Khánh nói riêng. Nó tạo ra sức mạnh tổng hợp mới trong việc quản lý, lãnh đạo theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và điều hành, các ngành, các tổ chức quần chúng nhân dân thực hiện.

Cuối năm 1975, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Biên Hòa – Bà Rịa – Long Khánh ngày càng được củng cố. Lực lượng vũ trang các cấp đã bám sát nhiệm vụ trọng yếu của mình dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương. Sự ổn định mọi mặt đã góp phần quan trọng cho bước phát triển tiếp theo để tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã mở hội nghị lần thứ 24 (khóa III) vào ngày 29 tháng 9 năm 1975. Tại hội nghị này Trung ương Đảng đã đề ra những quyết định quan trọng cho miền Nam và cả nước là “*Nhiệm vụ hàng đầu trong cả nước là hoàn thành sự nghiệp thống nhất nước, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội... trong cả nước thực hiện*

---

<sup>1</sup>. \* Số tiền ngân hàng mới phát ra quy đổi là 28.405.309 đồng.  
(Riêng thành phố Biên Hòa là: 13.683.529 đồng).  
\* Số tiền cũ thu vào để đổi là: 21.776.649.372 đồng.  
(Riêng thành phố Biên Hòa là: 10.313.667.576 đồng).

*ché độ nhà nước theo bốn cấp trung ương, tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương), huyện và xã...”*

Để thực hiện sự lãnh đạo thống nhất trong cả nước, nghị quyết còn nêu rõ: *“Giải thể Trung ương Cục miền Nam, giải thể các Khu ủy (cả hai miền Nam – Bắc). Đồng thời thành lập Ban đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam...”*. Ngoài ra nghị quyết còn nêu lên một số những nội dung thay đổi địa lý hành chính, sáp nhập một số địa phương với quy mô cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1 năm 1976, Trung ương đã thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh cũ là Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh và Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai gồm có 10 huyện thị, thành phố<sup>(1)</sup>. Dân số toàn bộ tỉnh lúc này có 1.223.683 người.

Các cán bộ chủ chốt của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai do Trung ương chỉ thị: đồng chí Lê Quang Chử, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phạm Văn Hy, phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Trung, phó Bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Về Đảng ngoài các Đảng bộ, huyện, thành phố trực thuộc Tỉnh ủy còn thành lập các Đảng bộ thuộc các khối: Đảng bộ khối công nghiệp, Đảng bộ khối dân chính Đảng, Đảng bộ quân sự... và các Ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy như Ban Tổ chức, Tuyên giáo, Ủy ban kiểm tra, Ban Nội chính v.v...

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai lúc này do đồng chí Lê Văn Ngọc làm chỉ huy trưởng. Đồng chí Nguyễn Đăng Mai làm chính ủy. Các đồng chí: Nguyễn Việt Hoa, Phạm Lạc, Nguyễn Văn Chúc làm chỉ huy phó, đồng chí Lê Đăng là phó chính ủy.

Sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý và điều hành của nhà nước đã thống nhất trên phạm vi toàn quốc và toàn tỉnh. Để điều hành, lãnh đạo được một bộ máy quan trọng các cấp, vấn đề công tác cán bộ đóng một vai trò hết sức quan trọng và cấp bách. Nhiều tướng lĩnh, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội được chuyển ngành sang làm công tác Đảng, chính quyền và biệt phái. Trên địa bàn Đồng Nai lúc này hàng ngàn cán bộ chiến sĩ đã được chuyển sang làm nhiệm vụ mới, tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống tốt đẹp của “anh bộ đội Cụ Hồ”, nỗ lực vươn lên hoàn thành mọi nhiệm vụ trong thời kỳ đầu xây dựng chính quyền cách mạng, góp một phần rất quan trọng tạo nên vững chắc cho sự phát triển bền vững lâu dài của các ngành, các cấp trong toàn tỉnh sau này.

---

<sup>1</sup> . Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuân Lộ, Tân Phú, Duyên Hải, thị xã Vũng Tàu.

**Chương mười**  
**PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG - CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ**  
**QUỐC VÀ LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ**  
**(1976 – 1989)**

**I. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG.**

Tỉnh Đồng Nai là một trong những tỉnh lớn ở miền Đông Nam Bộ. Nó có vai trò vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong cả thời chiến cũng như thời bình. Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh, các ngành, các đoàn thể cách mạng tiếp tục được củng cố phát triển, hình thành một hệ thống từ tỉnh đến các cơ sở, địa phương hoàn chỉnh. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong việc chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới - cả nước cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, ban chỉ huy quân sự các huyện được củng cố kiện toàn. Các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy trưởng, chỉ huy phó cấp tỉnh, huyện hầu hết là các đồng chí có phẩm chất, năng lực tốt, dày dặn kinh nghiệm về chỉ huy lãnh đạo trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Lúc này ta vẫn thực hiện chế độ “hai thủ trưởng”. Đó là thủ trưởng chính trị và thủ trưởng quân sự. Cấp tỉnh có chính ủy và chỉ huy trưởng. Cấp huyện, xã có chính trị viên và chỉ huy trưởng hoặc xã đội trưởng. Các cấp phó bố trí theo năng lực chuyên môn của ngành dọc (theo hệ thống chính trị hoặc quân sự).

Các cơ quan chuyên môn cũng được củng cố kiện toàn theo ba hệ thống ngành dọc, làm tham mưu cho chỉ huy các cấp. Đó là cơ quan tham mưu, chính trị hậu cần. Cấp tỉnh được gọi là phòng (phòng tham mưu, phòng chính trị, ban hậu cần).

Dưới các phòng cấp tỉnh có các ban (ban quân lực – phòng tham mưu, ban tuyên huấn – phòng chính trị, ban quân nhu – phòng hậu cần .v.v...). Dưới các ban cấp huyện có các bộ phận hoặc tổ. Đội ngũ cán bộ trưởng phòng, ban và các trợ lý được chọn lọc tương đối theo hệ thống theo nghiệp vụ ngành dọc, chuyên sâu hơn. Có một số các đồng chí được đào tạo chính quy, nhưng đa số là trưởng thành từ thực tế chiến đấu lên. Bước đầu phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ đã đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ.

Đầu năm 1976 lực lượng vũ trang của tỉnh Đồng Nai được bổ sung thêm Trung đoàn 5 từ Quân khu 7 đưa về. Trung đoàn 5 có năm tiểu đoàn và bốn đại đội trực thuộc (d1, d174, d18, c17, c18, c19, c20), đứng chân ở thị xã Biên Hòa.

Lực lượng vũ trang xã, phường, tự vệ nhà máy xí nghiệp được củng cố và phát triển mạnh. Cấp xã, phường đều hình thành ban chỉ huy xã đội, phường đội. Xã đội

trưởng chịu trách nhiệm chính về chỉ huy quân sự. Chính trị viên xã đội chịu trách nhiệm về công tác Đảng, công tác chính trị.

Cán bộ xã, ấp nhiều đồng chí là những người đã tham gia hoạt động trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp hoặc chống Mỹ, đã hoàn thành nhiệm vụ được trở về địa phương, vẫn được tin nhiệm, tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang xã, phường.

Đội ngũ dân quân, du kích hầu hết là lực lượng trẻ khỏe đang ở tuổi thanh niên, cũng có một số lực lượng bộ đội phục viên, xuất ngũ, về địa phương tiếp tục xây dựng dân quân du kích, làm tiểu đội trưởng, trung đội trưởng...

Đến cuối năm 1975 đầu năm 1976, hầu hết các xã trong tỉnh đã xây dựng hoàn chỉnh lực lượng dân quân, du kích và lực lượng tự vệ trong các nhà máy, nông trường xí nghiệp. Việc nỗ lực xây dựng các lực lượng dân quân du kích, tự vệ đều khắp trên các địa bàn xã ấp, phường, nhà máy, xí nghiệp ở khắp các địa bàn nông thôn, thành thị đã góp phần đặc lực trong việc bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong xóm, ấp phố phường.

Theo số liệu báo cáo Quân khu 7, đến cuối năm 1975, lực lượng xã đội, ấp đội, dân quân du kích trên toàn tỉnh có 8.688 người, trong đó xã đội có 388 đồng chí, ấp đội có 270 đồng chí, du kích xã 2.572 đồng chí, du kích ấp là 4.105 đồng chí<sup>(1)</sup>.

Lực lượng dân quân du kích và tự vệ trên toàn tỉnh đã có bước củng cố về chất lượng, số lượng. Người được tuyển chọn đã được chú trọng nâng cao thêm về phẩm chất, năng lực.

Ngoài ra chế độ học tập, huấn luyện cho cán bộ xã đội, ấp đội, dân quân du kích, tự vệ bắt đầu được duy trì thực hiện theo hai hình thức cơ bản: học tập huấn luyện tại chỗ và triệu tập về huyện, về tỉnh để học tập huấn luyện hằng năm.

Nhờ công tác tuyển chọn khá chặt chẽ và công tác huấn luyện quân sự địa phương được áp dụng trong thời bình nên chất lượng cán bộ xã đội, ấp đội dân quân du kích, tự vệ trong toàn tỉnh có bước phát triển rõ nét, năng lực được nâng lên. Trong công tác huấn luyện học tập của dân quân du kích tự vệ, giáo án huấn luyện, kế hoạch huấn luyện đã được thông qua huyện đội, tỉnh đội chặt chẽ. Nhiều nơi trong huấn luyện đã tổ chức bắn đạn thật để sát hạch cuối khóa. Tuy vậy về số lượng dân quân du kích, tự vệ còn thiếu nhiều so với yêu cầu, nhất là các địa bàn quan trọng.

---

<sup>1</sup> . \* Tỉnh Biên Hòa có 2.689 du kích.

\* Tân Phú có 1.023 du kích.

\* Bà Rịa – Long Khánh có 3.094 du kích.

\* Riêng thị xã Biên Hòa có 1.082 du kích, tự vệ.

Tháng 11 năm 1976, toàn tỉnh thực hiện đợt lấy nghĩa vụ quân sự đầu tiên khi nhà nước thống nhất. Đây là đợt thực hiện nghĩa vụ quân sự đầu tiên trong hòa bình nên còn nhiều khó khăn bở ngỡ. Để hạn chế những sai sót, ngay từ ban đầu kế hoạch được Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thi hành chu đáo, đồng thời có sự phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể địa phương. Căn cứ vào mệnh lệnh chỉ thị của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu, các kế hoạch hướng dẫn của Phòng Quân lực Quân khu 7, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã lập kế hoạch tuyển quân trong toàn tỉnh, giao chỉ tiêu số lượng cho các xã phường. Các xã phường đã bắt đầu có kế hoạch nắm độ tuổi thanh niên (từ 18 đến 22) kêu gọi, hướng dẫn họ đăng kí nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe và tuyển chọn. Công tác tuyển quân được tổ chức khá chặt chẽ chu đáo ở từng cấp, do vậy kế hoạch, chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ năm đầu tiên của tỉnh đã hoàn thành theo yêu cầu đặt ra đạt 103 %. Toàn tỉnh đã có 6.000 thanh niên nam nữ lên đường làm nghĩa vụ quân sự, bổ sung cho quân chủ lực và lực lượng công an vũ trang trong toàn Quân khu và Bộ Quốc phòng. Thời hạn nghĩa vụ quân sự là ba năm. Khi hết nghĩa vụ những chiến sĩ đủ sức khỏe, phẩm chất, năng lực được đưa đi đào tạo sĩ quan phục vụ quân đội lâu dài. Số còn lại được trở về địa phương, cơ quan, xí nghiệp mình trước đó đã ra đi. Nhiều đồng chí được ưu tiên sắp xếp công việc làm thích hợp và được đưa vào làm cán bộ nòng cốt trong lực lượng dân quân, du kích tự vệ, ở xã phường, xí nghiệp.

Công tác đào tạo hạ sĩ quan, sĩ quan giai đoạn này đã được chú trọng. Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã căn cứ vào căn cứ vào tiêu chuẩn các trường đào tạo hạ sĩ quan, sĩ quan của Quân khu, của Bộ Quốc phòng để cử người đi học, từng bước đáp ứng yêu cầu của lãnh đạo chỉ huy từng cấp. Đội ngũ hạ sĩ quan, cán bộ tiểu đội, trung đội bước đầu được huấn luyện đào tạo khá cơ bản. Đội ngũ cán bộ đại đội, tiểu đoàn, trợ lý chuyên ngành cấp huyện, tỉnh được luân phiên cử đi tập huấn, bổ túc ở các trường của quân khu, của bộ (chủ yếu là theo hệ ngắn hạn ba tháng, sáu tháng sau đó lại trở về đơn vị của mình). Việc tập huấn, đào tạo đơn vị các cấp (trung đoàn, sư đoàn, cấp tỉnh, huyện và tương đương) cũng đã được chú trọng quan tâm. Nhiều đồng chí đủ tiêu chuẩn được cử đi tập huấn, đào tạo tại các trường của Bộ như Học viện Lục quân Đà Lạt, Học viện Chính trị quân sự, Trường Sĩ quan lục quân...

Cùng với việc chú trọng xây dựng lực lượng dân quân du kích, tự vệ, cán bộ xã đội, ấp đội, củng cố lực lượng vũ trang tập trung cấp trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội của huyện và tỉnh, công tác tuyển quân, công tác bổ túc, đào tạo sĩ quan v.v... công tác phát động quần chúng trong toàn tỉnh không ngừng được đẩy mạnh, nâng lên cả phương pháp và hiệu quả. Trung đoàn 5, Tiểu đoàn 240, Tiểu đoàn 445, Tiểu đoàn 440 của tỉnh và các đại đội huyện, luôn luôn được sử dụng khoảng một phần ba lực lượng của mình đi làm công tác phát động quần chúng để xây dựng chính quyền, xây dựng lực lượng truy quét địch ẩn náu trong dân. Chính nhờ làm tốt công tác phát động quần chúng và kết hợp xây dựng các lực lượng quân sự địa phương, mà ta đã kịp thời dập tắt các âm mưu, nhen nhóm lực lượng địch trong các vùng dân cư trọng điểm ở cả địa bàn nông thôn, rừng núi và đô thị.

Công tác củng cố xây dựng Đảng trong tình hình mới được chú trọng quan tâm. Đại hội đại biểu Đảng bộ quân sự tỉnh lần thứ nhất (vòng một) tiến hành từ 29 tháng 10 đến 3 tháng 11 năm 1976 là đại hội đầu tiên của Đảng bộ tiến hành trong không khí cả nước hòa bình, độc lập, thống nhất. Đại hội làm việc với ba nội dung chính :

- Một là - quán triệt ý nghĩa, mục đích của đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, thảo luận đóng góp ý kiến xây dựng điều lệ sửa đổi của Đảng.

- Hai là - đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ giữa nhiệm kỳ, đề ra phương hướng lãnh đạo đến Đại hội Đảng bộ quân sự (vòng hai)

- Ba là - bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất

Đại hội đảng bộ quân sự tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất (vòng hai) diễn ra tháng 6 năm 1977. Đồng chí đại tá Nguyễn Đăng Mai, chính ủy được bầu làm bí thư Đảng ủy. Thượng tá Huỳnh Ngọc Đẩu - chỉ huy trưởng, được bầu làm phó bí thư Đảng ủy. Ban thường vụ có 5 đồng chí <sup>(1)</sup>. Nhiệm kỳ của đại hội thứ nhất là ba năm (10 năm 1976 – 6 năm 1979).

Ngày 11 tháng 11 năm 1976 đại hội tỉnh của Đảng bộ Đồng Nai lần thứ nhất đã khai mạc. Số đại biểu chính thức tham dự đại hội lần này là 420 đồng chí, thay mặt cho 6.810 đảng viên trong số 17 Đảng bộ huyện, thành phố, bảy Đảng bộ ngành trực thuộc và 509 chi bộ Đảng cơ sở. Đại hội đã đánh giá những thắng lợi to lớn về mọi mặt của cán bộ, nhân dân sau một năm thành lập tỉnh. Trong đó đại hội cũng đánh giá cao những thành tích xây dựng lực lượng vũ trang từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng của lực lượng vũ trang tỉnh nhà. Đặc biệt là công tác phát động quần chúng nhân dân, truy quét địch toàn diện, đảm bảo được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành nhiệm kỳ 1 gồm 41 đồng chí. Đồng chí Lê Quang Chử được bầu là Bí thư Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Mai, đại tá Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ngoài ra hai đồng chí Lê Văn Ngọc, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và đồng chí Nguyễn Công Hạnh, Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Biên Hòa, cũng được bầu vào Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ.

Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh lần thứ II tiến hành từ đầu tháng 6 năm 1979. Về phương pháp tổ chức đại hội cũng diễn ra hai vòng. Vòng một bầu các đồng chí đi dự đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Đồng Nai vòng hai. Vòng hai bầu Ban chấp hành

---

<sup>1</sup> . Ngoài hai đồng chí bí thư và phó bí thư, Ban thường vụ còn lại ba đồng chí là - thượng tá Phạm Lạc – phó chỉ huy trưởng. Trung tá Lê Bá Ước – phó chính ủy, Trung tá Lê Đăng – phó chính ủy.

và ra nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ tới. Đồng chí đại tá Huỳnh Ngọc Đẩu, Chỉ huy trưởng được đại hội bầu làm Bí thư Đảng ủy. Đồng chí thượng tá Lê Bá Ước, phó Chỉ huy trưởng chính trị được bầu làm phó Bí thư. Ban thường vụ 5 đồng chí<sup>(1)</sup>. Nhiệm kỳ của đại hội lần thứ II Đảng bộ Quân sự tỉnh là ba năm (tháng 6 năm 1979 – tháng 12 năm 1982).

Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai lần thứ III nhiệm kỳ là ba năm (tháng 12 năm 1982 – tháng 9 năm 1986). Đại hội diễn ra trong tình hình đất nước vừa có hòa bình, vừa phải đương đầu với chiến tranh phá hoại nhiều mặt của thế lực phản động quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng vô cùng phức tạp. Có thể nói đây là thời kỳ khó khăn nhất có ý nghĩa mang tính sống còn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cũng chính từ thời kỳ này, vượt lên mọi khó khăn thử thách bằng những kinh nghiệm thực tế và trí tuệ của mình, Đảng ta khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đất nước.

Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai lần thứ III đã bầu ra Ban Chấp hành 15 đồng chí. Ban thường vụ gồm 5 đồng chí<sup>(2)</sup> Thiếu tướng Huỳnh Ngọc Đẩu, Chỉ huy trưởng được bầu làm Bí thư, đại tá Nguyễn Văn Trọng (mới được bổ sung về làm phó Chỉ huy trưởng chính trị) làm phó Bí thư.

Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai lần thứ IV nhiệm kỳ tháng 9 năm 1986 đến tháng 12 năm 1988, bầu Ban chấp hành gồm 15 đồng chí<sup>(3)</sup>. Đại tá Lê Bá Ước, phó Chỉ huy trưởng chính trị được bầu làm Bí thư Đảng ủy. Đại tá Nguyễn Thanh Tùng (mới được bổ sung về làm phó Chỉ huy trưởng – Tham mưu trưởng) được bầu làm phó Bí thư.

Xuất phát từ đặc điểm Đồng Nai là một địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng trong chiến tranh, nên công tác chính sách, công tác hậu phương quân đội cũng đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Vấn đề thương binh, liệt sĩ, chính sách... liên quan tới nhiều đối tượng ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam, bởi chiến trường Đồng Nai gồm đủ cán bộ chiến sĩ trong cả nước về chiến đấu trên địa bàn. Những vấn đề tồn đọng sau chiến tranh là công tác vừa mang ý nghĩa chính trị - xã hội, vừa mang ý nghĩa tình cảm, tấm lòng đối với những người đã anh dũng hy sinh công hiến máu xương của cải vật chất cho quê hương đất nước suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ anh dũng. Hầu hết các huyện và nhiều xã trọng điểm đã xây dựng được nghĩa trang liệt sĩ. Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh cũng được xây dựng khang trang trên một khu đồi cao, thoáng đãng thuộc phường Tân Biên thành phố Biên Hòa. Sau 20 năm giải phóng, ta vượt qua nhiều khó khăn tảo di các chiến trường quy tụ được 8.297 ngôi

<sup>1</sup>. - Thượng tá Nguyễn Thanh Hồng – phó chỉ huy trưởng - tham mưu trưởng ủy viên thường vụ.

- Thượng tá Tổng Viết Dương – phó chỉ huy trưởng - ủy viên thường vụ.

- Thượng tá Nguyễn Công Hạnh – phó chính ủy - ủy viên thường vụ.

<sup>2</sup>. Ban Thường vụ ngoài các đồng chí cũ ra, còn được bổ sung đồng chí Cao Đình Thanh – trung tá, chủ nhiệm chính trị làm ủy viên thường vụ.

<sup>3</sup>. Ban Thường vụ gồm một số đồng chí như nhiệm kỳ II bổ sung thêm hai đồng chí là: Đại tá Phạm Ngọc Nghi – phó Chỉ huy trưởng – chủ nhiệm hậu cần - ủy viên thường vụ. Đại tá Phan Am, Sư đoàn trưởng sư đoàn Sư 310 (mới được cắt từ Quân khu 7 về Đồng Nai) - ủy viên thường vụ.



mộ liệt sĩ về các nghĩa trang, xác nhận và quản lý 10.550 liệt sĩ ở địa phương. Làm các thủ tục và giải quyết chế độ chính sách cho 2.113 đồng chí thương binh. Tuy kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng các cấp các ngành đã chú trọng công tác đền ơn, đáp nghĩa. Việc xây nhà tình nghĩa cho các gia đình liệt sĩ, thương binh có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, đã được phát động trong toàn tỉnh. Nhiều tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh tế, cơ quan, ban ngành... đã đóng góp tiền lương tiền quỹ để xây nhà tình nghĩa. Hàng trăm căn nhà tình nghĩa đã được xây dựng để cấp cho các đối tượng. Đó là những việc làm thiết thực nhất để đáp lại những cống hiến hy sinh vô giá của những người có công với nước, phần nào xoa dịu đi những nỗi đau mà hậu quả chiến tranh để lại.

Phong trào văn hóa văn nghệ - thể dục thể thao luôn được đẩy lên trong lực lượng vũ trang kể cả lực lượng tập trung cũng như dân quân tự vệ, các nhà máy xí nghiệp, công ty, trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu, có tác dụng hỗ trợ đắc lực cho công tác Đảng, công tác chính trị xây dựng lực lượng và phát động quần chúng. Có một thời kỳ giữa những năm 80, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã xây dựng được đội bóng đá bán chuyên nghiệp, được xếp vào hạng đội mạnh của Quân khu 7. Hầu hết các đợt hội diễn văn nghệ quần chúng lực lượng vũ trang quân khu từ thời kỳ 1981 về sau này, đội văn nghệ quần chúng vũ trang Đồng Nai đều đoạt giải cao toàn đội, và được đánh giá là một trong những đội mạnh của quân khu.

## **II. THAM GIA BẢO VỆ CÁC KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI XÂY DỰNG KINH TẾ, KẾT HỢP VỚI QUỐC PHÒNG, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG QUÂN ĐỘI.**

Sau năm 1977 tình hình an ninh chính trị, kinh tế, xã hội trên toàn tỉnh càng được ổn định và có bước phát triển thuận lợi mới.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và nghị quyết Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp tục xác lập, phân vùng kinh tế, chính trị, xã hội, trọng điểm trên các địa bàn để có kế hoạch tác chiến cụ thể.

Nhiệm vụ quân sự và các mục tiêu trọng yếu trên địa bàn tỉnh thời gian này nổi lên là: bảo vệ tuyến đường sắt Bắc – Nam đi qua tỉnh dài 78 ki – lô – mét và tuyến bờ biển từ Bình Châu đến Vũng Tàu dài trên 70 ki – lô – mét . Bảo vệ an toàn cho các cơ quan, đơn vị, của tỉnh và cấp trên đóng trên địa bàn, khu vực kho tàng, sân bay, khu công nghiệp trọng điểm phía Nam. Thường xuyên truy quét, đánh tan các toán phản động FULLRO; mặt khác có biện pháp ngăn ngừa, chống bạo loạn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Từ việc xác lập các mục tiêu trọng điểm cần được bảo vệ an toàn tuyệt đối, vị trí đứng chân cơ bản của các huyện, các tiểu đoàn, trung đoàn (cấp tỉnh) và các sư đoàn của quân khu, của Bộ trên địa bàn tỉnh cũng đã được hoạch định vừa bảo đảm được yêu cầu tác chiến trước mắt và lâu dài để sẵn sàng hỗ trợ chi viện cho nhau.

Các kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kế hoạch tác chiến các cấp, đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Ty Công an. Sự phối hợp này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc nắm địch và sử dụng các lực lượng trên địa bàn tác chiến, truy quét địch làm trong sạch địa bàn.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, một bộ phận quan trọng sĩ quan, hạ sĩ quan ở Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và ban chỉ huy quân sự các huyện được biệt phái sang Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để làm tham mưu cho việc chỉ đạo quân sự. Bộ phận này nằm trong các phòng kế hoạch, ban kế hoạch của tỉnh và huyện. Ở tỉnh gọi là phòng 1 thuộc Ban kế hoạch tỉnh. Ngoài ra khu công nghiệp Biên Hòa đã được xác định là khu kinh tế trọng điểm của tỉnh, đã hình thành một bộ phận chỉ huy quân sự giúp các công ty, xí nghiệp làm tốt công tác quân sự ở khu công nghiệp. Bộ phận này được gọi là Ban cán sự.

Đến đầu năm 1977 trên toàn tỉnh còn 38 toán vũ trang của địch và các nhen nhóm phản động khoảng 948 tên, lẫn trốn trong dân 554 tên và ngoài rừng 423 tên, khoảng 272 súng các loại.

Tổ chức địch nổi lên ba lực lượng chính:

- Lực lượng FULLRO bao gồm vài chục sĩ quan và binh lính ngụy cũ, bị đánh dạt từ Lâm Đồng xuống Đồng Nai.
- Lực lượng tàn quân ngụy, do tên Lý Phá Sáng cầm đầu.
- Lực lượng tàn quân ngụy do Vinh Sơn cầm đầu.

Cả ba lực lượng địch nói trên đều nằm trên địa bàn Định Quán, Tân Phú, Long Khánh (phía đông và tây lộ 20). Riêng huyện trọng điểm Tân Phú có 15 toán vũ trang khoảng 210 tên.

Một số nhen nhóm tổ chức địch hình thành với ý đồ hoạt động lâu dài, có sự tiếp tay của lực lượng tình báo CIA Mỹ. Mục tiêu của chúng là trương lên ngọn cờ “phục quốc”, “ái quốc” để chống phá cách mạng.

Lực lượng FULLRO đầu năm 1977 bị lực lượng vũ trang ta ở Lâm Đồng truy quét mạnh đã dạt xuống Đồng Nai, hoạt động chủ yếu ở địa bàn Tân Phú, nổi bật là các xã Phú Túc, Phú Hoa, Phú Lâm. Từ cuối năm 1976 chúng đã hình thành “Mặt trận giải phóng FULLRO”, đã vẽ cả mẫu cờ mặt trận.<sup>(1)</sup>

Đặc biệt ở Xuân Lộc địch đã hình thành “phong trào cách mạng quốc gia”, do Nguyễn Huy Chương, nguyên là đại úy – tuyên úy ngụy cầm đầu. Về tài liệu, địch

---

<sup>1</sup> . Cờ nền đỏ, hình chữ nhật, góc trái phía trên có hình mặt trời xanh, góc phải có ngôi sao trắng năm cánh, ở giữa có bốn hàng chữ: Nhật, Thái Lan, Mỹ - Nguyễn Cao Kỳ - Fullro.

đã dự thảo xong “tuyên ngôn”, “lời kêu gọi”, “thông báo gửi đồng bào”. Trong tuyên ngôn của cái gọi là “phong trào cách mạng dân tộc” do Nguyễn Huy Chương ký có 18 điều. Địch đã lập ra “ủy ban trung ương”, sách lược đối nội, đối ngoại, điều lệ và trụ sở đặt tại Sài Gòn.

Lực lượng tình báo CIA mỹ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động để chỉ đạo phối hợp với các nhen nhóm phản động hình thành các lực lượng. Sau thất bại 1975 tình báo Mỹ bố trí một số lực lượng nằm lại Việt Nam cả người Mỹ lẫn người Việt núp dưới nhiều danh nghĩa, là các chuyên viên kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học...

Mặt khác bằng con đường thông qua các phái đoàn Quốc tế, tổ chức Quốc tế tham quan, du lịch, các cơ quan báo chí..., lực lượng tình báo địch tiếp tục xâm nhập trở lại Việt Nam. Địch tập trung chỉ đạo phá hoại ta về kinh tế, văn hóa và tổ chức xây dựng lực lượng chống phá lâu dài. Địch cố kích động tâm lý để lực lượng “nằm vùng” của chúng tin tưởng Mỹ quay trở lại.

Với tinh thần cảnh giác cao và nắm vững âm mưu thủ đoạn địch, ta đã phát hiện bắt một nhân viên tình báo địch gài ở bệnh viện Tâm thần Biên Hòa và một số tên ở nhà thờ Vinh Sang. Tại đây ta đã thu được tài liệu, đài phát thanh bí mật, hệ thống truyền tin liên lạc...

Với tin tức tình báo và khai thác tù binh, tàn binh địch qua các cuộc truy quét, ta đã nắm chắc được lực lượng địch để từ đó khoanh vùng trọng điểm tiến công. Về mặt tổ chức ta đã hình thành ba tuyến đánh phá địch:

- Tuyến một (nằm trong dân) là lực lượng phát động quần chúng bao gồm du kích, bộ đội, công an và các đoàn công tác quần chúng... có nhiệm vụ bóc gỡ địch ngay tại thôn ấp.

- Tuyến hai (trung gian) cũng là lực lượng tham phát động quần chúng, vừa giúp dân sản xuất, bảo vệ nương rẫy vừa phát hiện, ngăn chặn địch móc nối với “cơ sở”, tiếp tế ra ngoài... Đồng thời là lực lượng sẵn sàng cơ động kết hợp lực lượng bên trong, bên ngoài truy quét địch khi cần thiết.

- Tuyến ba (tuyến sâu trong rừng), bao gồm các lực lượng chủ lực của quân khu, bộ đội tỉnh - huyện phân tán thành các phân đội nhỏ - phối hợp truy quét liên tục, dài ngày.

Địa bàn trọng điểm tiến công địch của cả quân khu và tỉnh vẫn là địa bàn huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc, Long Khánh.

Tháng 4 năm 1977 bộ đội địa phương và du kích Xuân lộc, Long Khánh phối hợp với công an phá các tổ chức nhen nhóm của địch ở khu vực Xuân Lộc – Cẩm Đường – Bảo Định.

Tháng 8 năm 1977 ta tập trung phá một số tổ chức nhen nhóm hết sức quan trọng của địch cũng trên địa bàn Long Khánh – Xuân Lộc, trong đó có tổ chức “phong trào cách mạng quốc gia” do Nguyễn Huy Chương cầm đầu.

Chuyên án này được chia làm hai đợt. Đợt 1 bắt đầu từ ngày 2 tháng 8. Sau gần một tháng phối hợp giữa các lực lượng công an, bộ đội, du kích và nhân dân, ta đã bắt được 15 tên đầu xỏ của “phong trào cách mạng quốc gia”.

Đợt 2 từ 30 tháng 8, ta tập trung phá hai tổ chức khác của địch là “Mặt trận nhân quyền” và “Liên bang Đông dương”. Tổ chức “Mặt trận nhân quyền” của địch hình thành từ 20 tháng 6 năm 1976. Chúng đã trải qua các vùng hoạt động như Nha Trang, miền Tây, Sài Gòn, và sau cùng là Đồng Nai (Xuân Lộc). Chúng đã thảo ra tôn chỉ, mục đích, điều lệ, quốc ca...

Toàn bộ lực lượng “Liên bang Đông dương” bị bắt gọn. Chúng khai đã móc nối, mua chuộc được hai chiến sĩ thuộc bộ đội huyện, một số nhân viên trong các cơ quan ngân hàng, bệnh viện, cao su, thương nghiệp của ta.

Song song với việc đánh phá mạnh mẽ có trọng điểm các tổ chức nhen nhóm địch ở tuyến một, ta liên tục mở các đợt tiến công truy quét địch trên tuyến ba (trong rừng). Quân khu tăng cường cho Đồng Nai hai tiểu đoàn (d3 và d5) và đại đội công an vũ trang thuộc Bộ Nội vụ. Tỉnh tăng cường Tiểu đoàn 445 cho địa bàn rộng điểm Tân Phú, Thống Nhất. Đây cũng là địa bàn trọng điểm của quân khu. Sang đầu năm 1977, hoạt động của địch tăng với tính chất nguy hiểm hơn. Chủ yếu và mạnh hơn cả vẫn là khu vực trọng điểm Định Quán, Tân Phú mà ta đã xác định. Trên quốc lộ 20 đã xuất hiện từng toán vũ trang địch hoạt động với hình thức chủ yếu là tập kích phục kích, phá hoại, ám sát, chặn giao thông để cướp lương thực, thực phẩm. Chúng đã tập kích vào văn phòng xã đội Phú Thanh, văn phòng ấp Thanh Thọ, trạm thu mua lương thực. Nguy hiểm hơn chúng đã phục kích bắn một cán bộ nông nghiệp. Tại khu vực Phú Lộc, bốn du kích xã bị thiệt mạng. Địch còn treo cờ “đảng Rồng vàng” ở xã Phú Hoa, rải truyền đơn xuyên tạc, kích động nhân dân. Tại khu vực Định Quán, 13 cán bộ nhân dân bị thiệt mạng, chúng cướp đi 20 súng.

Những hoạt động trên của địch đã gây ra tình hình căng thẳng, tác động mạnh đến tâm lý tư tưởng cán bộ, nhân dân trong khu vực. Một số cán bộ ấp, xã xin nghỉ việc hoặc ban đêm không dám ngủ ở trụ sở. Ở các xã Phú Hoa, Phú Thanh, Phú Lâm, Phú Bình, nhiều đồng bào hoang mang không dám vào rẫy làm ăn. Địch còn xuyên tạc kích động thanh niên làm họ sợ sệt không dám tham gia đăng ký nghĩa vụ quân sự. Tại khu vực các xã ở Tân Phú có hơn 100 thanh niên trốn vào rẫy, vào rừng không đi nghĩa vụ quân sự. Có một số thanh niên đã nhẹ dạ cả tin nhập vào hàng ngũ bọn tàn quân phản loạn.

Được sự chi viện của lực lượng quân khu và tỉnh, bộ đội địa phương và du kích Tân Phú, Định Quán đã mở nhiều đợt tấn công truy quét địch trong rừng, kết hợp với công tác phát động quần chúng truy quét địch trong dân.

Từ tháng 4 đến cuối tháng 6 năm 1977 ta triển khai đợt truy quét thường xuyên, tập trung các lực lượng vào khu vực chủ yếu Tân Phú, có tiểu đoàn 445 và trinh sát quân khu, cùng bộ đội huyện và an ninh đã phân tán thành nhiều bộ phận nhỏ lẻ, tiểu đội, tổ để cơ động tập kích, phục kích. Ta đã sử dụng những tên đầu hàng, hoặc tù binh để dẫn đường vào các hang ổ của địch.

Trong khoảng hai tháng giữa năm 1977, với sự nỗ lực chung, ta tấn công truy quét liên tục, diệt và bắt hơn 100 tên quân địch, cắt đứt khâu móc nối liên lạc, thông tin, lương thực thực phẩm từ các xóm ấp ra rừng. Do vậy địch ra hàng khá đông, trong đó có ba tên chỉ huy phó của toán Lý Phá Sáng. Bị truy kích mạnh địch chạy về Hồ Nai, Gia Kiệm, một số chạy về Sài Gòn ẩn náu trong dân.

Đợt 2 truy quét bước vào cao điểm từ tháng 5 đến 20 tháng 8 năm 1977 được tổ chức chu đáo chặt chẽ. Từ đầu tháng 5 đến 15 tháng 6 là việc chuẩn bị mọi mặt và tổ chức lực lượng, nắm tình hình, nội dung, bồi dưỡng tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác phát động quần chúng và chuẩn bị tài liệu cho công tác tuyên truyền. Quân khu, tỉnh và cả Bộ Nội vụ cũng đã tăng cường cán bộ cho vùng trọng điểm. (Quân khu 68 đồng chí, Bộ Nội vụ 14 đồng chí và tỉnh 118 đồng chí).

Do làm tốt công tác chuẩn bị, kết hợp đồng bộ giữa phát động quần chúng truy quét địch trong dân, cắt đứt nguồn tiếp tế ra rừng và mở nhiều cuộc hành quân lùng sục các khu rừng trọng điểm, nên đợt 2 truy quét địch năm 1977 ta giành thắng lợi lớn. Riêng khu vực trọng điểm Tân Phú, Thống Nhất, có 18 toán địch, ta đánh tan rã 12 toán trong đó diệt hoàn toàn chín toán (cả đầu sỏ chỉ huy). Tổng số địch bị diệt 214 tên, đầu hàng 14 tên, có 11 tên đầu sỏ.

Tính chung trong tám tháng năm 1977 ta đã mở được 140 cuộc truy quét địch trong rừng, diệt và bắt 614 tên địch trong đó có 16 tên đầu sỏ chỉ huy (trưởng phó ban) đồng thời thu 208 súng các loại.

Tình hình trốn đi nước ngoài sang năm 1977 là khá nghiêm trọng. Nếu như năm 1976 chỉ 59 vụ trốn đi nước ngoài thì năm 1977 đã tăng lên 218 vụ. Tình hình vượt biên trốn đi nước ngoài ngày càng tăng. Phương thức, thủ đoạn của chúng khá đa dạng, táo bạo. Thành phần trốn đi nước ngoài đa số là bọn sĩ quan ngụy có nhiều nợ máu với nhân dân, trốn học tập cải tạo. Dần dần tăng lên cả gia đình của một số sĩ quan các sắc lính quan trọng, cá biệt có cả một số ít bộ đội, công an, nhân viên nhà nước ta đã thoái hóa biến chất bị chúng mua chuộc dụ dỗ. Có những vụ chúng cải trang, giả dạng, cướp tàu, ghe lớn của dân, của cơ quan nhà nước có chứa nhiều nhiên liệu để trốn đi nước ngoài.

Ngay từ đầu năm 1977 ta đã bố trí địa bàn đứng chân lâu dài cho các đơn vị bộ đội tỉnh, Trung đoàn 5 được điều từ Biên Hòa lên đứng chân ở Vĩnh An (bên kia sông Đồng Nai - khu vực trảng Đồng Trường) với nhiệm vụ sản xuất xây dựng

kinh tế - lâm trường. Đến cuối năm 1977 Trung đoàn 5 đã khai phá được 301,4 héc ta rừng để trồng trọt, ước thu được khoảng 30 tấn lương thực.<sup>(1)</sup>

Để đảm bảo cho trung đoàn vừa làm tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng và truy quét đánh địch vừa xây dựng kinh tế, tỉnh và quân khu đã chỉ đạo cho trung đoàn chẳng những phải xây dựng mạnh các đại đội, tiểu đoàn đủ quân số, vũ khí thường trực sẵn sàng chiến đấu, mà còn xây dựng các khung tiểu đoàn để chỉ huy lực lượng thanh niên xung phong làm nhiệm vụ sản xuất xây dựng kinh tế. Hàng ngàn thanh niên xung phong của tỉnh Đồng Nai và khu vực thành phố Hồ Chí Minh đã được đưa lên để xây dựng kinh tế, kết hợp với quốc phòng.

Đầu năm 1978, âm mưu chiến lược của thế lực phản động quốc tế ngày càng rõ nét. Chúng chưa từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam, bằng mọi cách tiếp tục đưa lực lượng trở lại Việt Nam, làm cho Việt Nam ngày càng suy yếu, kinh tế phát triển chậm. Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp, ta đã xác định vị trí chiến lược của địa bàn trong tỉnh nhất là các huyện miền biển, nhiệm vụ chống xâm nhập đường biển là quan trọng. Từ đó các huyện Long Đất, Xuyên Mộc được coi là các huyện điểm của tỉnh để xây dựng lực lượng phòng thủ đường biển. Thuật ngữ “pháo đài quân sự huyện” lần đầu tiên đã được nghiên cứu xây dựng thí điểm ở Đồng Nai. Trên cơ sở kết hợp phòng tuyến, chiến hào, vật cản, bãi chông, bãi mìn để ngăn chặn địch từ xa và cả mép biển, kết hợp với các lực lượng pháo binh, xung lực mạnh đánh địch khi chúng còn ngoài khơi xa chưa đặt chân lên đất liền.

Từ tình hình nhiệm vụ cấp bách trên, tỉnh đã hình thành hai trung đoàn cơ động: một trung đoàn nội địa và một trung đoàn bờ biển. Một nửa Trung đoàn 5 (được chọn lọc) đang xây dựng kinh tế - quốc phòng ở Vĩnh An được đưa xuống Long Hải (Long Đất) xây dựng trung đoàn bờ biển (vẫn lấy tên Trung đoàn 5). Trung đoàn nội địa đứng chân ở Bà Tô (Xuyên Mộc) được gọi là Trung đoàn 746 gồm khung của Trung đoàn 9 đoàn La Ngà và Tiểu đoàn 445, Tiểu đoàn 440 (Tiểu đoàn 440 có từ năm 1968 sau đó giải thể và được thành lập lại vào đầu năm 1978). Sang năm 1981 tỉnh được bổ sung thêm Trung đoàn 19 từ Sư đoàn 477 quân khu đưa về.

Từ đây lực lượng vũ trang Đồng Nai tiếp tục phát triển lên một bước mới và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của quân khu xây dựng tuyến phòng thủ đường biển vững mạnh, sẵn sàng đánh thắng sự xâm nhập đường biển của kẻ thù. Để tạo điều kiện và bảo đảm cho lực lượng vũ trang có đủ sức mạnh đánh thắng địch trong tình hình mới, công tác diễn tập thực binh để phối hợp các ban ngành trong tỉnh cùng lực lượng vũ trang đã được đặc biệt quan tâm. Cuộc diễn tập năm 1981 là một cuộc diễn tập có quy mô lớn trong tỉnh, với số lượng hàng ngàn người tham gia và được Bộ Tổng tham mưu chọn làm thí điểm.

---

<sup>1</sup>. Tổng diện tích khai phá rừng 301,4 héc-ta. Trong đó 79 héc-ta khai phá bằng cơ giới, 22,4 héc-ta khai phá bằng tay. Diện tích gieo trồng gồm 240,8 héc-ta lúa, 89 héc-ta mì, 52 héc-ta bắp, số còn lại là đậu các loại.

Đây là cuộc diễn tập thực binh diễn ra một tuần lễ, từ khi chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, cho đến khi các lực lượng ta hoàn thành nhiệm vụ đánh địch.

Trước khi diễn tập (giai đoạn chuẩn bị) Bộ chỉ Huy Quân sự tỉnh đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho các cán bộ chủ trì các cơ quan thuộc bộ chỉ huy, (tham mưu, chính trị, hậu cần) cán bộ các huyện thị và các đơn vị trực thuộc bộ chỉ huy. Riêng công tác soạn thảo văn bản khá khẩn trương, trong thời gian ngắn đã soạn xong 789 loại văn bản, bản đồ phục vụ cho diễn tập. Đồng thời Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đề nghị lên Ban thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân tỉnh chủ trì nhiều cuộc họp với các huyện thị, ban ngành trong tỉnh để quán triệt mục đích yêu cầu, nội dung diễn tập, giao nhiệm vụ cho từng cơ quan đơn vị, địa phương thực hành diễn tập.

Ngày 22 tháng 8 năm 1981 cuộc diễn tập bắt đầu. Việc chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu ngay bước đầu đã đạt yêu cầu đề ra. Về thời gian chuyển trạng thái, nâng cấp sẵn sàng chiến đấu ở các cơ quan, đơn vị có bước tiến bộ đáng kể.

Việc huy động lực lượng dự bị động viên, bổ sung quân cho khung các tiểu đoàn dự bị động viên hoàn thành đúng kế hoạch thời gian. Trong phạm vi 24 giờ từ khâu phát lệnh động viên, đến cấp phát quân trang quân dụng, vũ khí đạn dược, chuyển từ một người dân thành một người lính và có mặt tại đơn vị để làm nhiệm vụ chiến đấu. Đây là lần đầu tiên từ sau hòa bình, ta huy động được một số lực lượng quân dự bị khá lớn, hoàn chỉnh với tỷ lệ khá cao so với dự kiến ban đầu, đạt tỷ lệ 99,8 %.<sup>(1)</sup>

Ngoài việc huy động nhân lực nhiều ban ngành liên quan như sở Công an, sở Giao thông vận tải, công ty Vật tư... đã huy động hàng trăm chiếc xe vận tải, hàng chục nghìn lít xăng dầu và nhiều phương tiện, vật tư khác cung cấp cho diễn tập, coi đây là một trận chiến đấu thực sự.

Sau khi phát lệnh chuyển trạng thái, phát lệnh động viên các đơn vị tập trung cũng như dân quân tự vệ đã hoàn thành nhiệm vụ đánh địch theo các tình huống dự kiến. Cuộc diễn tập năm 1981 được Bộ Tổng tham mưu đánh giá thành công, có chất lượng.

Phát huy kết quả diễn tập năm 1981, các năm sau đó Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp tục tổ chức các đợt diễn tập tiếp theo đạt kết quả tốt. Mục đích yêu cầu diễn tập của mỗi năm đề ra có khác nhau, huy động, sử dụng lực lượng khác nhau trên

---

<sup>1</sup>. Kết quả huy động lực lượng dự bị động viên của các địa phương tham gia diễn tập.

- Huyện Châu Thành đạt 102.5 %
- Thành phố Biên Hòa đạt 105.5 %
- Huyện Xuân Lộc đạt 99.9 %
- Huyện Long Thành đạt 91 %
- Huyện Thống Nhất đạt 91 %

(Theo báo cáo kết quả diễn tập năm 1981 – tài liệu lưu trữ tại Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai)

cơ sở đặt ra các dự định, tình huống địch tình sát với âm mưu thủ đoạn của kẻ thù. Đây là bước tiến mới trong sự phối hợp, sử dụng các lực lượng, cơ sở vật chất kỹ thuật của địa phương trong điều kiện đất nước vừa có hòa bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh để sẵn sàng đánh thắng kẻ thù.

Từ thời điểm năm 1982 địch tập trung tăng cường phá hoại các mục tiêu kinh tế của ta. Ở nông thôn chúng nhằm đánh phá vào một số tập đoàn sản xuất nông nghiệp như tập đoàn 3 huyện Long Đất, xí nghiệp khai thác nước huyện Xuân Lộc và tập đoàn sản xuất xã Cây Gáo, Bàu Hàm... phá hủy một số máy kéo, xe ủi, nhiều phụ tùng thay thế. Nguy hiểm hơn chúng tuyên truyền xuyên tạc hòng gây hoang mang trong nhân dân, phá hoại chính sách hợp tác hóa của ta. Nhiều nơi dân không dám vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp.

Ở thành thị, địch tập trung phá hoại một số nhà máy thuộc khu Công nghiệp Biên Hòa. Đặc biệt chúng đã tổ chức phá hoại Nhà máy đường Biên Hòa, gây thiệt hại 60 tấn hóa chất lưu huỳnh. Ở nhà máy giấy Tân Mai, chúng gây nổ lò hơi – sản xuất phải ngưng trệ một thời gian.

Cũng thời điểm 1982 – 1983 địch nhiều lần phá hoại các cơ sở điện, nước, khu quân sự ở một số thị trấn, thị xã. Hệ thống đường dây điện thoại Bắc – Nam thường xuyên bị phá hoại, cắt đứt. Đường dây điện cao thế Đa Nhím – thành phố Hồ Chí Minh cũng bị phá hoại, nhất là đoạn chạy qua khu vực Tân Phú – Định Quán. Nhiều khi sự cố xảy ra mất điện ba đến bốn ngày ta mới khắc phục được và tốn nhiều kinh phí cho sửa chữa, đảm bảo an toàn.

Mặc dù ta đã tổ chức các lực lượng phối hợp ngăn chặn đánh phá có hiệu quả âm mưu phá hoại kinh tế của địch, không để xảy ra những vụ việc lớn, nhưng chỉ tính trong năm 1985, địch cũng đã tổ chức 306 vụ phá hoại kinh tế, gây tổn thất nhiều tiền của. Điều đó cho thấy âm mưu “phá hoại nhiều mặt” của địch ngày càng rõ nét và phá hoại kinh tế là một trọng điểm của chúng.

Cuối thập niên 80, những toán tàn quân địch ẩn náu trong rừng hầu như tan rã chỉ còn lực lượng FULLRO nhưng hoạt động cũng yếu dần. Nhiều nhen nhóm tổ chức phản động của địch bị ta phá rã, nhưng chúng vẫn tiếp tục hình thành các nhóm phản động mới cắm sâu trong dân, để chỉ huy các cuộc đánh phá kinh tế, gây bạo loạn, ở những khu vực dân cư phức tạp, đô thị, khu kinh tế, chính trị, quân sự trọng điểm của ta.

Về ta đã có những nỗ lực lớn trong công tác quân sự, an ninh, quốc phòng. Ngoài việc phải duy trì một lực lượng lớn quân thường trực, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật làm nghĩa vụ quốc tế tại Cam – pu – chia, ta đã phối hợp chặt chẽ giữa công an với quân sự và các ngành, giữa cấp tỉnh, huyện, xã với quân khu và Bộ Quốc phòng để đánh địch rất hiệu quả. Ngoài việc phá tan toán tàn quân địch trong rừng, diệt và bắt hàng trăm tên, ta còn phá tan 30 nhen nhóm, tổ chức phản



động của địch. Có thể nói đây là chiến công lớn đánh tan ý đồ gây dựng lực lượng của địch thời kỳ quan trọng nhất 1976 – 1985, làm cho chúng không thể thực hiện được mọi âm mưu toan tính phá hoại trước mắt và lâu dài.

Sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về công tác an ninh quốc phòng, quân sự địa phương đã giúp cho lực lượng vũ trang Đồng Nai có nhiều thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, góp phần to lớn trong nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh, an toàn xã hội có hiệu quả cao. Ta đã vượt qua những khó khăn gay gắt về mọi mặt của xã hội những năm cuối thập niên 80 để cùng cả nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ đổi mới toàn diện trên phạm vi cả nước.

### **III. THAM GIA CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM VÀ LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ TẠI CAM-PU-CHIA.**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc được hai năm, miền Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng đang phải khắc phục hậu quả chiến tranh, tình hình kinh tế, xã hội chưa ổn định thì bọn phản động Pôn-pốt Iêng-xa-ri tiếp tục gây chiến tranh ở biên giới Tây Nam (Việt Nam – Cam-pu-chia).

Ngày 30 tháng 4 năm 1977 nhà cầm quyền Khmer Đỏ đã dẫn năm tiểu đoàn bộ binh tiến công vào 14 đồn công an biên phòng và 13 xã dọc biên giới tỉnh An Giang. Chúng đã giết người cướp của tàn phá xóm làng gây nhiều tội ác với nhân dân ta.

Nguy hiểm hơn, đêm 24 rạng 25 tháng 9 năm 1977 lợi dụng sơ hở của ta, tập đoàn Pôn-pốt-Iêng-xa-ri đã sử dụng hai sư đoàn bất ngờ tiến công sang hai huyện Bến Cầu, Tân Biên tỉnh Tây Ninh. Chúng đã đốt trên 400 căn nhà ở xã Tân Lập và giết chết hơn 1.000 dân thường. Các lực lượng vũ trang Quân khu 7, Quân đoàn 4 đã phải sử dụng lực lượng cấp sư đoàn mới đẩy lùi địch ra khỏi biên giới, nhưng tình hình ngày một diễn biến căng thẳng. Đất nước ta lại bước vào thời kỳ vừa có hòa bình vừa có chiến tranh.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, ngày 5 tháng 1 năm 1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai đã họp để bàn biện pháp phối hợp với các địa phương bạn bảo vệ biên giới.

Ngày 6 tháng 1 năm 1978, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có cuộc họp khẩn cấp với các ngành quân sự, công an, giao thông vận tải, thanh niên... để triển khai tình hình cấp bách hỗ trợ cho các tỉnh biên giới giáp Cam-pu-chia. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai được trên giao hai nhiệm vụ chính:

Một là, tổ chức một tiểu đoàn bộ binh trang bị đầy đủ vũ khí, có khả năng chiến đấu cao, chi viện tỉnh Sông Bé trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới.

Hai là, tổ chức một lực lượng bao gồm cả bộ đội và thanh niên xung phong cùng các phương tiện, vật chất... sang xây dựng tuyến phòng thủ ở khu vực Bù Đốp tỉnh Sông Bé.

Để tạo điều kiện cho việc thống nhất chỉ huy, điều động các lực lượng tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới, Tỉnh Ủy Đồng Nai đã thành lập “Ban chỉ huy thống nhất” ở cấp tỉnh và cấp huyện. Đồng chí bí thư Tỉnh ủy hoặc bí thư huyện ủy làm chính ủy. Đồng chí chính ủy (cấp tỉnh) và chính trị viên (cấp huyện) làm chỉ huy trưởng. Đồng chí chỉ huy trưởng quân sự, trưởng công an làm cấp phó “Ban chỉ huy thống nhất” có quyền chỉ huy điều động mọi lực lượng cơ quan, ban ngành đoàn thể trong cấp mình quản lý để sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Tháng 6 năm 1978, một tiểu đoàn bộ binh hoàn chỉnh được trang bị vũ khí hoá lực mạnh mẽ đã được xây dựng, tổ chức xong lên đường ngay làm nhiệm vụ vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc. Phiên hiệu “Tiểu đoàn Đồng Nai 1” ra đời từ đây.

Tiểu đoàn Đồng Nai 1 hình thành trên cơ sở là các lực lượng nòng cốt của Tiểu đoàn 445 anh hùng và một số đại đội cấp huyện. Tiểu đoàn được biên chế ba đại đội và hai trung đội trợ chiến. Biên chế của tiểu đoàn 300 đồng chí.

Đại đội 1 gồm các cán bộ, chiến sĩ nòng cốt của Tiểu đoàn 445. Đại đội 2 được chọn lọc từ lực lượng vũ trang huyện Xuân Lộc. Đại đội 3 của thị xã Vũng Tàu. Hai trung đội trợ chiến (hỏa lực và thông tin), cùng cơ quan tiểu đoàn bộ (tham mưu, chính trị, hậu cần) được rút từ Tiểu đoàn 445, Thị đội Biên Hòa và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. Đồng chí Huỳnh Văn Tám (Tám Quyết), thiếu tá được cử làm tiểu đoàn trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Bảo (Sáu Bảo), đại úy được cử làm chính trị viên. Hai đồng chí tiểu đoàn phó là Nguyễn Thanh Bình (Tư Bình – Trung đoàn 5), Sáu Phương (Vũng Tàu), chính trị viên phó – đồng chí Bảy Giúp.

Nhiệm vụ chính của Tiểu đoàn Đồng Nai 1 trên đất Sông Bé là phối thuộc của Trung đoàn 4, tấn công tiêu diệt các lực lượng Pôn-pốt lần chiếm sang biên giới nước ta. Phạm vi hoạt động chính từ hướng tây – tây bắc Bù Đốp – từ Cầu Trắng đến ngã ba đường 10 giáp Sông Măng. Chỉ huy sở tiểu đoàn đặt tại thôn 6 Bù Đốp.

Sau khi đứng chân ở Bù Đốp một tuần lễ, khoảng 15 tháng 6 năm 1978 Tiểu đoàn Đồng Nai 1 đã dùng chiến thuật tập kích đánh tan rã một đại đội Pôn – pốt ở Hàm Đá, ngã ba đường 10. Số địch sống sót chạy tháo thân về đất Cam-pu-chia.

Phát huy thắng lợi trận đầu, Tiểu đoàn đã đề nghị với Ban Chỉ huy Trung đoàn 4 cho sử dụng lực lượng nhỏ lẻ luôn sẵn phát hiện địch, sẽ tập kích tiêu diệt (dùng cả hỏa lực và xung lực). Chiến thuật “tiến công trong phòng ngự” của tiểu đoàn đã được chấp nhận.

Tiểu đoàn đã tổ chức một bán đội trinh sát có trang bị máy bộ đàm PRC 25 (máy bộ đàm của Mỹ) do đồng chí Tòng, đại đội trưởng đại đội 1 phụ trách vượt sông Măng luôn sâu 4 -5 ki-lô-mét bám nắm địch. Trinh sát ta đã phát hiện một tiểu đoàn Pôn-pốt ở ngã ba Công Trôn và báo về. Lực lượng sẵn sàng chiến đấu ở nhà được tổ chức thành một đại đội do đồng chí Sáu Phương, tiểu đoàn phó gấp rút hành quân, vòng sau lưng địch tập kích bất ngờ. Địch không kịp đối phó, lớp chết, lớp bị thương tháo chạy về hướng sông Măng. Khi ta truy kích gặp thêm một đại đội Pôn-pốt khác, có hầm hào công sự kiên cố. Đại đội 1 đã chiến đấu ngoan cường đánh bật địch ra khỏi căn cứ của chúng. Khi lực lượng ta rút quân về trinh sát phát hiện trước đường rút có một bãi mìn lớn của địch gài. Địch phát hiện báo cáo của ta qua máy bộ đàm và sử dụng lực lượng lớn định đánh dạt ta vào bãi mìn. Phát hiện ý đồ của địch, đại đội 1 nhanh chóng quay trở lại căn cứ cũ của địch vừa chiếm được và cố thủ trong hầm hào, đồng thời gọi pháo 105 ly của cấp trên chi viện bắn trùm lên trận địa. Địch không có công sự bị pháo ta đập cấp tập, tháo chạy toán loạn, bỏ 30 xác chết. Thu dọn chiến trường xong, cán bộ chiến sĩ đại đội 1 vòng qua bãi mìn trở lại căn cứ Bù Đốp an toàn. Trong trận chiến đấu này Tiểu đoàn Đồng Nai 1 hy sinh 6 đồng chí, 10 đồng chí khác bị thương.

Sau trận thắng lớn, tiểu đoàn đưa đại đội 1 về đóng chốt tại biên giới. Đại đội 2 và 3 lùi về phía sau vừa củng cố huấn luyện, vừa sẵn sàng thay thế đại đội 1 giữ chốt tại biên giới.

Tháng 8 năm 1978 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thành lập Tiểu đoàn Đồng Nai thay chân cho Tiểu đoàn Đồng Nai 1. Đồng chí Sáu Phương và Tư Bình được giao nhiệm vụ tiếp tục ở lại chỉ huy Tiểu đoàn Đồng Nai 2. Khi rút quân về, Tiểu đoàn Đồng Nai 1 ban giao lại cho Tiểu đoàn Đồng Nai 2 một tiểu đội trinh sát, số còn lại được trả về các đơn vị cũ, nơi họ xuất phát ra đi thành lập tiểu đoàn.

Thay chân Tiểu đoàn Đồng Nai 1, Tiểu đoàn Đồng Nai 2 có lợi thế là có nhiều cán bộ chỉ huy, trinh sát viên có dạn dày kinh nghiệm chiến đấu, thông thạo địa hình nên đã phát huy được thế chủ động tiến công địch, cả phòng ngự lẫn chủ động lùng sục “tiên công trong phòng ngự”. Tiểu đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giữ chốt biên giới ngăn chặn không cho các lực lượng Pôn-pốt xâm nhập sang đất ta.

Tháng 10 năm 1978, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp tục thành lập Tiểu đoàn Đồng Nai 3 và tháng 12 thành lập Tiểu đoàn Đồng Nai 4 (cứ ba tháng thành lập một tiểu đoàn và thay phiên nhau ở biên giới Tây Nam). Như vậy đến hết tháng 12 năm 1978, tỉnh Đồng Nai đã thành lập được bốn tiểu đoàn với số quân trên 1.300 người luân phiên chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc.

Để bảo đảm cho trên 1.300 lượt chiến sĩ trực tiếp chiến đấu ở xa địa phương, công tác phục vụ hậu cần đòi hỏi sự nỗ lực lớn. Tỉnh đã cung cấp vận chuyển trên

100 tấn lương thực, vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng... đảm bảo cho các đơn vị chiến đấu thắng lợi.

Cùng với việc thành lập các tiểu đoàn chiến đấu bảo vệ biên giới, tỉnh Đồng Nai còn thành lập, tổ chức một lực lượng lớn bao gồm cả bộ đội và thanh niên xung phong xây dựng tuyến phòng thủ ở Bù Đốp.

Ngày 11 tháng 10 năm 1978 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập “Công trường 15”. Công trường 15 là trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, có tài khoản, con dấu riêng, được trực tiếp quan hệ với mọi cơ quan, đơn vị để giải quyết mọi công việc cần thiết cho công trường.

Lúc này Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai do đồng chí Huỳnh Ngọc Đẩu làm Chỉ huy trưởng. Các đồng chí Nguyễn Việt Hoa (Mười Thà), Nguyễn Thanh Tùng (Mười Tùng) làm Chỉ huy phó. Đồng chí Nguyễn Đăng Mai làm Chính ủy, đồng chí Lê Đăng làm phó Chính ủy. Cũng lúc này toàn tỉnh còn có 17 đại đội bộ binh của các huyện thị, thành phố (mỗi huyện có một đại đội, những huyện điếm có hai đại đội, riêng huyện Xuyên Mộc có ba đại đội).

Cũng lúc này lực lượng dân quân tự vệ tỉnh đã được củng cố khá đông ở các huyện, nhà máy. Các lực lượng trên làm hậu thuẫn đắc lực cho việc tổ chức xây dựng tuyến phòng thủ và bảo vệ vững chắc an ninh chính trị ở địa phương.

Ngày 6 tháng 11 năm 1978, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định bổ nhiệm Ban chỉ đạo công trường 15 và quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn, trực thuộc công trường.

Ban chỉ đạo công trường do đồng chí Dương Ngọc Tân (Sáu Tân), trung tá, phó tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh làm Trưởng ban. Đồng chí Huỳnh Công Trạch, ủy viên Thường vụ Tỉnh đoàn làm Chính trị viên. Các đồng chí Lê Công Trinh, thiếu tá, phó chủ nhiệm hậu cần Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Nguyễn Ngọc Kính, phó Ty giao thông vận tải làm Phó ban. Ngoài trưởng, phó ban chỉ đạo ra còn có 10 đồng chí trưởng phó các ty, hoặc cán bộ một số ngành quan trọng trong tỉnh làm ủy viên.

Công trường có năm tiểu ban chuyên môn trực thuộc: tiểu ban kế hoạch – vật tư – kỹ thuật, tiểu ban chính trị - chính sách; tiểu ban tài vụ; tiểu ban đời sống và tiểu ban hành chính văn thư. Mỗi tiểu ban biên chế từ ba đến bảy người. Quân số của năm tiểu ban là 28 người.

Việc tổ chức lực lượng Thanh niên xung phong của Công trường 15 tỉnh giao nhiệm vụ chủ yếu cho Biên Hòa và huyện Thống Nhất. Thành phố Biên Hòa huy động được 150 thanh niên thành lập được một đại đội Thanh niên xung phong do đồng chí Hai Hoàng phụ trách. Huyện Thống Nhất huy động được 750 thanh niên

thành lập được một tiểu đoàn Thanh niên xung phong do đồng chí Hai Quán phụ trách. Tiểu đoàn của huyện Thống Nhất được biên chế thành năm đại đội trong đó có một đại đội nữ 50 đồng chí.

Ngoài ra huyện Thống Nhất huy động được trên 100 chuyến xe vận tải để chuyên chở lương thực thực phẩm cho công trường và duy trì 25 xe vận tải cỡ lớn để phục vụ liên tục trong quá trình xây dựng tuyến phòng thủ.

Để tạo điều kiện cho Công trường 15 trong thời gian ngắn hoàn thành một khối lượng lớn công trình phòng thủ biên giới, Ủy ban nhân dân tỉnh còn ra quyết định huy động hai đội cơ giới gồm 12 chiếc xe vận tải, bốn xe ủi lớn, bốn chiếc máy cưa của Công ty cơ giới ty nông nghiệp và lâm nghiệp. Đồng thời Ty nông nghiệp còn cử 62 cán bộ nhân viên kỹ thuật lên Bù Đốp xây dựng hai trạm sửa chữa cơ khí phục vụ cho công trường.

Sau khi huy động được một khối lượng lớn sức người, sức của lên Bù Đốp, công trường vừa lo ổn định nơi ăn ở cho người, máy móc vừa bắt tay xây dựng tuyến phòng thủ ngay. Đại đội Thanh niên xung phong thành phố Biên Hòa được giao nhiệm vụ đào đắp 155 ki-lô-mét tuyến phòng thủ, thời gian ba tháng. Số ki-lô-mét còn lại được giao cho tiểu đoàn Thanh niên xung phong huyện Thống Nhất.

Trong lúc cả nước gặp khó khăn về nạn thiếu hụt lương thực cuối năm 1978, mỗi khẩu phần ăn cho cán bộ, chiến sĩ và Thanh niên xung phong chỉ còn 6 lạng lương thực trong đó một nửa là gạo, một nửa bo bo (mì hạt). Thực phẩm chủ yếu là cá khô và đậu phộng rang. Mặc dù đói khổ nhưng với tinh thần quyết tâm cao xây dựng tuyến phòng thủ để ngăn chặn giặc xâm lấn biên giới, cán bộ chiến sĩ và Thanh niên xung phong hăng say lao động ngày đêm. Công trường đã tổ chức cả ba ca lao động suốt ngày đêm không nghỉ. Để kịp động viên khích lệ tinh thần cán bộ chiến sĩ, Thanh niên xung phong ở biên giới, Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho Hội Liên hiệp phụ nữ, Tỉnh đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh liên tục tổ chức các đoàn lên thăm hỏi, tặng quà cho các lực lượng xây dựng tuyến phòng thủ. Ngoài đường, sửa thuốc men các đoàn còn ủng hộ hàng trăm nghìn đồng (tiền năm 1978) để tặng anh chị em ở công trường.

Đến ngày 12 tháng 1 năm 1979 tuyến phòng thủ don Công trường 15 xây dựng ở Bù Đốp đã hoàn thành. Công trường đã đào được hệ thống chiến hào sâu hai mét, rộng bốn mét, dưới có cắm chông và rào kẽm gai. Đất đắp lên thành chiến lũy cao hai mét, rộng bốn mét. Cũng thời điểm này huyện Thống Nhất đã kịp thời vận chuyển đưa lên 10 tấn kẽm gai để rào chiến lũy. Sau khi chiến hào đào xong ta tháo nước từ sông Chiêu vào chiến hào như một con sông nhỏ. Như vậy sau ba tháng vừa tổ chức triển khai công trường 15 đã đào đắp được một hệ thống chiến lũy dài 15 ki-lô-mét tại Bù Đốp, Sông Bé, từ cột mốc số 1 đến cột mốc số 15. Với hệ thống chiến lũy này đã góp phần quan trọng bảo vệ biên cương Tổ quốc phía Tây Nam.

Đáp lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, khẩn thiết yêu cầu Quân đội nhân dân Việt Nam giúp đỡ nhân dân Cam-pu-chia nổi dậy, giải phóng đất nước thoát họa diệt chủng của bè lũ Pôn-pốt Iêng-xa-ri, với tinh thần quốc tế vô sản, Quân tình nguyện Việt Nam, trong đó có lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã cùng lực lượng cách mạng của bạn thực hành tổng tiến công.

Ngày 17 tháng 1 năm 1979 Thủ đô PnômPênh và đất nước Cam-pu-chia được hoàn toàn giải phóng. Sự kiện cách mạng lịch sử này có nhiều ý nghĩa to lớn đối với một dân tộc sau nhiều năm bị bè lũ Pôn-pốt hoành hành gieo bao đau thương tang tóc.

Thực hiện chủ trương của cấp trên, cùng với nhiều tỉnh, thành phố khác kết nghĩa với các tỉnh, thành Cam - pu - chia giúp đỡ nhân dân bạn sớm ổn định và khôi phục cuộc sống tỉnh Đồng Nai kết nghĩa và giúp đỡ tỉnh Công-pông-thom. Ngày 22 tháng 2 năm 1979, đoàn chuyên gia đầu tiên của tỉnh Đồng Nai giúp đỡ tỉnh Công-pông-thom được thành lập do đồng chí Hoàng Vĩnh Phú - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh phụ trách. Đoàn gồm bảy đồng chí của các ngành chủ chốt kinh tế - văn hóa - xã hội. Chuyên đi của đoàn chủ yếu là khảo sát tình hình để về báo cáo với Tỉnh ủy có kế hoạch lãnh đạo. Cùng đi với đoàn chuyên gia khảo sát có bốn xe tải cỡ lớn vận chuyển đồ dùng thiết yếu, dụng cụ, sách vở học sinh và nhu yếu phẩm để cứu trợ khẩn cấp cho nhân dân Cam - pu - chia.

Trong lúc chúng ta đang nỗ lực khẩn trương tổ chức xây dựng nhiều lực lượng ở tỉnh để chi viện cho biên giới Tây Nam và Cam - pu - chia, thì ngày 17 tháng 12 năm 1979 chiến tranh biên giới Việt Nam - Trung Quốc bùng nổ. Thực hiện chỉ thị của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 7, tỉnh Đồng Nai giao cho Trung đoàn 5 gấp rút thành lập Tiểu đoàn 450 để trực tiếp ra biên giới phía Bắc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nhưng sau đó do đặc điểm tình hình chiến trường Tây Nam có những thay đổi nên Tiểu đoàn 450 không được điều ra Bắc mà tiếp tục bổ sung lực lượng cho chiến trường Cam - pu - chia.

Cũng tháng 2 năm 1979, theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai đã điều Tiểu đoàn Đồng Nai 4 từ Bù Đốp lên đứng chân ở tỉnh Kra-tié (Cam-pu-chia). Đồng thời tỉnh tổ chức đoàn quân tình nguyện tỉnh Đồng Nai sang giúp tỉnh Công - pông - thom, lấy tên là đoàn quân sự tỉnh Đồng Nai do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng phụ trách. Cùng đi với đoàn chuyên gia quân sự còn có Tiểu đoàn Đồng Nai 5 mới thành lập và 5 đại đội của các huyện, cùng cán bộ trợ lý của ba cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật làm nòng cốt để thành lập cơ quan của Đoàn 7701 (tháng 6 năm 1980).

Lực lượng ở tỉnh Công-pông-thom bị đánh tan rã nhiều, số bị thiệt hại không bao nhiêu, do vậy chỉ sau hai tháng Cam – pu – chia giải phóng, chúng lại co cụm trong rừng để thành lập lực lượng mới chống lại cách mạng Cam – pu – chia.

Lực lượng vũ trang Đồng Nai sang Công-pông-thom vừa trực tiếp truy quét địch, vừa giúp bạn xây dựng bảo vệ chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang, khắc phục những khó khăn trong cuộc sống. Ta đã giúp bạn đưa hàng chục vạn dân hồi cư về quê cũ làm ăn, vận chuyển ngay 342 tấn gạo và nhu yếu phẩm, thuốc y tế, để kịp thời cứu đói chữa bệnh cho 10.500 lượt người dân trong những tháng đầu giải phóng.

Dưới chế độ diệt chủng Pôn-pốt, Cam-pu-chia đã lâm vào nạn đói trầm trọng. Việc cứu đói cho nhân dân Cam-pu-chia được chính phủ ta đặc biệt quan tâm với phương châm “giúp bạn là tự giúp mình”, “thương người như thể thương thân”. Với quan điểm đó Trung ương đã giao các ngành phối hợp với quân đội trong hai tháng (tháng 6 và tháng 7 năm 1979) phải vận chuyển cho được 50.000 tấn lương thực cứu đói cho nhân dân bạn và 10.000 tấn lúa giống, giúp nhân dân bạn sản xuất. Tỉnh Đồng Nai được giao vận chuyển giúp tỉnh bạn Công-pông-thom 3.000 tấn, ta triển khai vận chuyển cả đường bộ lẫn đường sông.

Trong năm 1979 ngoài viện trợ quân sự với số tiền 600.000 đồng (giá trị 1 đồng gần bằng 2 ki-lô-gam gạo), tỉnh Đồng Nai còn giúp bạn 334.005 đồng để phục vụ cho sản xuất và đời sống. (không tính những viện trợ bằng hiện vật).

Nhờ sự giúp đỡ kịp thời ngay vụ đông xuân 1979 – 1980, tỉnh Công – pông – thom đã gieo cấy được 58.000 héc-ta lúa và trên 1.000 héc-ta hoa màu.

Trong năm 1979 không kể vũ khí đạn dược, khí tài, quân sự, tỉnh Đồng Nai đã vận chuyển lương thực cứu đói, lúa, bắp, giống và nông cụ cho tỉnh Công – pông – thom là 2.650 tấn.

Năm 1980 quy mô viện trợ tỉnh Công-pông-thom do tỉnh ủy Đồng Nai đề ra đa dạng và toàn diện hơn, trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội - quốc phòng.

Về y tế ta đã giúp bạn xây dựng hầu hết mạng lưới y tế ở cấp xã, huyện trọng điểm ở Ba-rai, Săng-tuk, Công-pông-swai, Stong và mạng lưới y tế thuộc thị xã Công-pông-thom.

Về thủy lợi ta cũng đã phối hợp với Trung ương, sửa chữa hai công trình thủy lợi vừa nhỏ, đưa thêm 10 máy bơm với công suất 70 mét khối/giờ. Đồng thời khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi hồ Săng-tuk.

Nhân dịp kỷ niệm ngày giải phóng đất nước Cam – pu – chia, ngày 7 tháng 1 ta đưa đoàn xiếc và một đội chiếu phim sang phục vụ nhân dân tỉnh Công-pông-

thom. Ta giúp bạn làm bộ phim thời sự tài liệu “Công – pông – thom giải phóng” đồng thời ta cũng giúp bạn một số phương tiện vật chất cho ngành văn hóa thông tin và nghiên cứu hỗ trợ bạn sửa chữa rạp hát thị xã Công-pông-thom.

Về giáo dục ta giúp bạn xây dựng một trường cấp 1 ở thị xã và hầu hết dụng cụ học tập cho học sinh thị xã Công – pông – thom; đồng thời tổ chức bồi dưỡng ba lớp cán bộ quản lý, lãnh đạo nền giáo dục.

Trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện... hầu hết các ngành có liên quan của tỉnh Đông Nai đều tổ chức đưa cán bộ sang Công – pông – thom khảo sát nghiên cứu tình hình thực tế những khó khăn của bạn sau đó có kế hoạch cụ thể giúp bạn khôi phục và xây dựng toàn diện các mặt kinh tế - xã hội theo tinh thần giúp đỡ vô tư.

Riêng về xây dựng, ta tổ chức thi công mới, sửa chữa toàn diện 5820 mét vuông nhà ở, với tổng giá trị trên 10 triệu đồng (tiền năm 1980) bao gồm các hạng mục công trình chủ yếu như trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh, nhà khách Ủy ban tỉnh, hội trường Tỉnh ủy và nhà hát thị xã Công – pông – thom.

Với sự nỗ lực cố gắng của bạn, được sự ủng hộ giúp đỡ chí tình của Đảng bộ, quân dân tỉnh Đông Nai, năm 1980 tỉnh Công – pông – thom đã gieo trồng được trên 100.000 héc ta lúa, trên 4.000 héc ta màu (chủ yếu là bắp) vượt kế hoạch chỉ tiêu đề ra. Nạn đói đã được đẩy lùi. Đời sống nhân dân bước đầu ổn định, mức sống được tăng lên.

Tình hình mọi mặt của tỉnh bạn ngày càng ổn định, tháng 1 năm 1981 Thường vụ tỉnh ủy Đông Nai chỉ định số 295/QĐ – TU về nhiệm vụ giúp bạn và trao đổi kinh tế với tỉnh Công – pông – thom. Nội dung cơ bản của nghị quyết đã nhấn mạnh đến tình hình giúp tỉnh bạn trong thời kỳ mới tức là đã qua thời kỳ viện trợ giúp đỡ toàn diện. Từ năm 1981 ta viện trợ theo yêu cầu của bạn những vấn đề thiết yếu. Những gì bạn đã phát triển ổn định thì nâng lên ở mức trao đổi.

Riêng về giúp đỡ quân sự là nhiệm vụ khó khăn nặng nề nhất, vì bạn ổn định an ninh chính trị mới có thể phát triển kinh tế, xã hội các mặt. Tiểu đoàn Đông Nai 5 và các đại đội địa phương được cử lên giúp bạn đã nỗ lực các mặt công tác hỗ trợ bạn làm công tác quân quản thị xã Công – pông – thom, truy quét địch, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Đến cuối năm 1979 đầu năm 1980 toàn tỉnh bạn đã xây dựng trên 800 du kích xã, ấp. 40/70 xã du kích hoạt động tốt. Nhờ công tác tuyển quân được triển khai có kế hoạch tốt nên bạn đã có lực lượng bổ sung cho bộ đội huyện Ba-rài, Săng-tuk, Stong. Tiểu đoàn tập trung của tỉnh Công – pông – thom cũng được củng cố, hiệu suất chiến đấu được nâng lên.



Sang năm 1980, chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai rút các đại đội địa phương huyện về nước chỉ để lại Công-pông-thom Tiểu đoàn Đồng Nai 5 cùng với lực lượng của sư đoàn 317 tiếp tục làm nhiệm vụ giúp bạn trong đội hình đoàn quân sự 7701, đồng thời tăng cường chuyên gia quân sự cho các huyện, để giúp bạn tăng cường lực lượng vũ trang và du kích xã ấp.

Riêng lĩnh vực quân sự, chẳng những Đồng Nai đảm đương giúp tỉnh Công - pông - thom mà thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 7, là luôn luôn xây dựng các tiểu đoàn mạnh sẵn sàng chi viện cho các tỉnh khác ở Cam - pu - chia khi có chỉ thị của Bộ Quốc phòng và quân khu.

Sau khi giải quyết bàn giao một số lực lượng cho Sư đoàn 317 của Quân khu 7, tháng 10 năm 1980, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai điều Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 5 sang hoạt động ở tỉnh Prây-veng, và đến 30 tháng 6 đưa Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 5 sang tỉnh Kra-tié.

Công tác hậu cần chiến đấu có vai trò lớn trong giúp bạn về quân sự. Riêng năm 1980 ta đã điều hành vận chuyển 1.059 chuyến xe quân sự với trọng tải 430.460 tấn vũ khí, đạn dược và 2.321 lượt cán bộ chiến sĩ đi làm nghĩa vụ quốc tế giúp Cam-pu-chia.

Trong các năm 1980 – 1981 – 1982 để giúp bạn ổn định tình hình, quân tình nguyện Việt Nam tại Công – pông – thom liên tục phối hợp với lực lượng vũ trang bạn truy quét địch ngoài địa hình (trong rừng) đánh phá các căn cứ của địch ở rừng sâu. Đồng thời phát động quần chúng phát hoang cải tạo địa hình, ngăn chặn không cho địch đưa lực lượng về bám gần dân. Âm mưu của địch cũng có những thay đổi, chúng chủ yếu né tránh để bảo toàn lực lượng. Đồng thời chúng chú trọng xây dựng các lực lượng ngấm trong dân là vùng nông thôn hẻo lánh.

Nhân kỷ niệm ba năm quốc khánh nước Cam – pu – chia và nhận lời mời của bạn, ngày 7 tháng 1 năm 1982, tỉnh Đồng Nai tổ chức một đoàn đại biểu sang dự lễ quốc khánh của bạn, đồng thời nắm thêm tình hình, những nhu cầu thiết yếu giúp bạn. Đoàn do đồng chí Nguyễn Văn Trung, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dẫn đầu. Thành viên trong đoàn gồm nhiều cán bộ chủ chốt cấp huyện và đầu ngành cấp tỉnh. Bộ Chỉ huy quân sự cử đồng chí Tống Viết Dương, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy Quân sự đi dự. Cùng đi còn có thiếu tá, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Quang và một tiểu đội vệ binh.

Sang năm 1983 – 1984 địch có ý đồ tấn công một số quận lỵ trong tỉnh Công - pông - thom để gây tiếng vang, chỉ riêng năm 1983 hoạt động của địch lên đến 312 vụ, chủ yếu là các hình thức phục kích, tập kích nhỏ, gài mìn, phá cầu cống, tiến công những xã ấp nơi lực lượng bạn yếu ở vùng xa, vùng sâu.

Để tiếp tục đánh địch có hiệu quả, bảo vệ dân, chuyên gia và quân tình nguyện Việt Nam tại Công – pông – thom đã giúp bạn và cùng bạn tổ chức các tổ công tác xây dựng và củng cố cơ sở, phát huy ba phong trào cách mạng của quần chúng (đánh địch, sản xuất và xây dựng lực lượng cách mạng). Phong trào đánh địch năm 1984 được phát huy mạnh mẽ. Kết hợp với đánh địch ngoài rừng, bạn tổ chức nhiều đợt phát động quần chúng bóc gỡ địch ngằm trong dân. Đặc biệt phong trào rào làng chiến đấu được phát triển rộng khắp. Ở các thôn ấp, thị xã, bạn đã huy động được 494.626 lượt người để trồng tre rào làng, đào giao thông hào, đào hào cắm chông... trên nhiều địa bàn trọng yếu để ngăn chặn địch.

Hầu hết các thị trấn, thị xã những thôn ấp quan trọng đều có từ ba đến bốn lớp rào bảo vệ với tổng chiều dài 129.294 mét. Riêng thị xã Công – pông – thom những nơi trọng yếu đều xây dựng được hệ thống rào gai, chiến hào ngăn chặn địch.

Với phong trào toàn dân đánh giặc và “rào làng chiến đấu” này, năm 1984 huyện Stong được Trung ương bạn đánh giá là huyện điển hình toàn quốc về du kích chiến tranh.

Tháng 6 năm 1984, bạn mở đợt truy kích địch ở vùng ven Biển Hồ thuộc tỉnh Công – pông – thom vì ở đây địch lợi dụng địa hình xây dựng nhiều lổm căn cứ. Địch thường xuyên đột nhập vào phum (ấp) để lấy lực lượng xây dựng cơ sở và lôi kéo người ra rừng theo chúng, gây nên tình hình không ổn định.

Lúc đầu bạn tổ chức truy quét bằng quân sự không kết quả. Sau đó ta giúp và cùng bạn đưa lực lượng xuống cơ sở phát động quần chúng nhân dân tích cực phối hợp vừa bóc gỡ địch ngằm trong dân vừa truy quét địch ngoài rừng. Kết quả đến tháng 9 năm 1984 các lổm căn cứ địch bị quét sạch, tổ chức quần chúng và kích các xã ven Biển Hồ được củng cố, tình hình trở lại ổn định.

Năm 1984 hoạt động của địch ở Công – pông – thom tăng lên 491 vụ. Có nhiều vụ quan trọng như chúng đã tập trung lực lượng tập kích huyện Stong đánh phá giao thông nhằm cô lập huyện Săng-đan với tỉnh và tập kích vào Trung đoàn 71 của bạn, gây cho bạn một số tổn thất, nhưng cơ bản tình hình an ninh chính trị chung trên địa bàn vẫn ổn định, có bước phát triển. Các lực lượng ta phối hợp với bạn tổ chức đánh địch 818 lần, loại khỏi vòng chiến đấu 920 tên, gọi hàng 369 tên. Đặc biệt là bạn đã nhiều lực lượng ngằm của địch trong dân, trong lực lượng địa phương với số lượng gần 400 tên.

Năm 1985 ta có chủ trương giúp bạn tập trung tiến công mạnh một số căn cứ và lực lượng quan trọng của địch trên toàn chiến trường Cam – pu – chia nhằm làm cho địch tiếp tục suy yếu, khẩn trương giúp bạn mạnh lên đủ sức tự đảm đương, ta rút dần quân tình nguyện Việt Nam về nước.

Ở Công-pông-thom Tiểu đoàn 445 Đồng Nai được tăng cường từ tỉnh Kra-tié về. Cùng thời gian này tỉnh còn đưa 363 chiến sĩ tăng cường cho Công – pông – Chambers của bạn (theo chỉ thị của Quân khu 7 lực lượng bổ sung lẻ không có phiên hiệu – đơn vị). Lực lượng này do đồng chí Dương Ngọc Tân phụ trách.

Đầu năm 1985 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai cử đồng chí Nguyễn Văn Thông, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy sang Công-pông-thom làm trưởng đoàn chuyên gia Đồng Nai thay thế cho đồng chí Lê Minh Nguyễn đã làm trưởng đoàn trước đó (từ tháng 10 năm 1982 – khi bắt đầu thành lập đoàn chuyên gia công tác lâu dài ở Công – pông – thom). Về đoàn chuyên gia số lượng cũng được rút gọn lại vì một số lĩnh vực bạn đã trưởng thành tự đảm đương được.

Mùa khô năm 1984 – 1985 quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân Cam-pu-chia trên toàn chiến trường giành thắng lợi to lớn, quét sạch hệ thống căn cứ địch dọc biên giới Thái Lan – Cam-pu-chia loại khỏi vòng chiến 12.000 tên địch, thu trên 15.000 súng các loại và hàng ngàn tấn vũ khí, lương thực khác. Tiếp đó ta giúp bạn xây dựng tuyến phòng thủ dài gần 100 ki-lô-mét dọc biên giới Cam-pu-chia – Thái Lan. Tình hình phát triển thế quân sự của bạn có nhiều khả quan.

Tháng 8 năm 1985 tỉnh Đồng Nai có liệt sĩ Bùi Văn Bình sinh năm 1955 tại phường Quang Vinh thành phố Biên Hòa và đồng chí Nguyễn Văn Bình sinh năm 1959 tại Vĩnh An được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì có nhiều thành tích tổ chức, xây dựng lực lượng và trực tiếp chỉ huy chiến đấu diệt nhiều sinh lực địch trong nhiệm vụ truy quét các lực lượng phản động, giúp bạn giữ vững chính quyền, từng bước ổn định tình hình mọi mặt.

Ba năm 1985 – 1987, là thời nỗ lực vượt bậc của chuyên gia, Quân tình nguyện Việt Nam và lực lượng vũ trang bạn. Ta đã cơ bản hoàn thành được các mục tiêu giúp bạn: đánh địch suy tàn, thực lực cách mạng của bạn trưởng thành, tình hình chính trị - xã hội ổn định, kinh tế được khôi phục, đời sống nhân dân bớt khó khăn. Đó là tiền đề để lực lượng vũ trang tình nguyện Việt Nam rút dần về nước. Tại hội nghị Tỉnh ủy Công – pông – thom, đồng chí Sô Hanh, Bí thư Tỉnh ủy đã đánh giá cao những kết quả quân sự, kinh tế, xã hội mà tỉnh Công – pông – thom đã đạt được. Đồng thời đồng chí khẳng định, đánh giá cao việc chi viện chí tình chí nghĩa, không tiếc của cải máu xương của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai đã giúp chính quyền và nhân dân Công – pông – thom ngày càng đứng vững, phát triển về mọi mặt trước những âm mưu phá hoại của kẻ thù.

Những năm 1988 – 1989 chuyên gia và các đơn vị tình nguyện của Đồng Nai làm nhiệm vụ quốc tế tại Cam – pu – chia lần lượt rút quân về nước, Tiểu đoàn 41

là đơn vị rút về sau cùng. Lúc này bạn đã xây dựng được ba Tiểu đoàn tinh và 20 đại đội huyện.

Về chiến sự tuy vẫn còn giằng co quyết liệt ở nhiều nơi, nhưng thế phát triển ổn định của chính quyền và nhân dân tỉnh bạn ngày càng vững chắc. Kẻ thù của nhân dân Cam – pu – chia (cả nội địa và thế lực phản động quốc tế) đã dùng nhiều mưu ma trước quỷ hồng đảo ngược tình thế nhưng hoàn toàn thất bại.

Thắng lợi to lớn do có sự giúp đỡ chí tình, vô tư, kịp thời của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Đồng Nai trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Ngoài sự giúp đỡ mọi mặt cả tinh thần, vật chất cho bạn, chỉ riêng về quân sự, Đồng Nai đã lần lượt cử sang Cam – pu – chia bốn tiểu đoàn, năm đại hội cấp huyện với quân số trên 3.000 người (không tính các lực lượng cán bộ, chiến sĩ bổ sung lẻ). Và trong 10 năm sát cánh chiến đấu công tác cùng với các đơn vị tình nguyện Quân khu 7 và lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh bạn, quân tình nguyện tỉnh Đồng Nai đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, đã cùng bạn chiến đấu hàng trăm trận, loại khỏi vòng chiến đấu 13.828 tên địch, thu 1.574 súng các loại. Đồng thời quân tình nguyện của tỉnh còn tham gia tuyên truyền vận động hàng vạn lượt nhân dân địa phương, thực hiện ba phong trào cách mạng, giúp bạn xây dựng bảo vệ chính quyền ở hầu hết các huyện, thị xã và lực lượng các phum sóc vững mạnh. Ngoài ra quân tình nguyện tỉnh còn triển khai trên 10.000 ngày công giúp nhân dân bạn sản xuất, chống úng, hạn, làm đường, vào các phum sóc sửa sang nhà cửa, trường học, bệnh viện ở nhiều nơi. Tỉnh Đồng Nai còn huy động 12 đợt với 10.845 lượt người sang giúp Cam – pu – chia xây dựng tuyến phòng thủ biên giới phía Tây. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cao đẹp ấy đã có 446 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 891 đồng chí bị thương trên đất Cam – pu – chia.

Với những thành tích to lớn trong công tác giúp bạn, quân tình nguyện Đồng Nai đã được Nhà nước Việt Nam và Cam – pu – chia tặng nhiều phần thưởng cao quý.<sup>(1)</sup>

Để thể hiện sự quan tâm chăm sóc của hậu phương đối với các đơn vị tình nguyện Đồng Nai, Tỉnh ủy. Ủy ban nhân dân và Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã cử đồng chí đại tá Nguyễn Trí Thức phó chỉ huy trưởng, tham mưu trưởng dẫn đầu đoàn đại biểu tỉnh Đồng Nai sang Cam – pu – chia để nắm tình hình mọi mặt các đơn vị quân tình nguyện trở về, để tỉnh có kế hoạch đón tiếp chu đáo.

Ngày 26 tháng 9 năm 1989 đơn vị sau cùng quân tình nguyện Đồng Nai rời khỏi đất bạn về nước. Nhiều cán bộ Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang tỉnh bạn tiễn đưa đoàn về đến tận biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia trong không khí

---

<sup>1</sup>. Một đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (e16)

Hai anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

1.760 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia.

1.050 huy chương hữu nghị và hàng ngàn bằng khen các loại.

tung bừng náo nhiệt, rực rỡ cờ hoa của hàng ngàn nhân dân tỉnh bạn vẫy chào, tạm biệt hai bên đường. Nụ cười và nước mắt chan hòa. Cảnh bù nhìn, xúc động lưu luyến tiễn đưa làm rung động hàng triệu trái tim của quân và dân hai nước Việt Nam, Cam – pu – chia sau nhiều năm sát cánh bên nhau chia ngọt, sẻ bùi trong cuộc chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng.

Tám giờ sáng ngày 27 tháng 9 năm 1989 tại Quảng trường tỉnh Đồng Nai, trên 5.000 cán bộ, nhân dân thành phố Biên Hòa, đại diện lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành các giới và đoàn đại biểu Ủy ban nhân dân tỉnh Công – nông – thom kết nghĩa, hân hoan làm lễ mít tinh chào đón các cán bộ chiến sĩ quân tình nguyện Đồng Nai đợt cuối cùng về nước, kết thúc thời kỳ chiến đấu, xây dựng, giúp bạn, làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của Đảng bộ, quân dân tỉnh Đồng Nai.

*Chương mười một*  
**XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN,  
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN ĐỊA PHƯƠNG  
VỮNG MẠNH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC  
(1989 – 1995)**

**I. XÂY DỰNG TỈNH THÀNH KHU VỰC PHÒNG THỦ VỮNG CHẮC,  
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA LỰC  
LƯỢNG VŨ TRANG THƯỜNG TRỰC.**

Từ tháng 9 năm 1989 lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai nói riêng và các ban ngành của tỉnh nói chung đã hoàn thành nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Cam-pu-chia sau 10 năm đầy gian khổ hy sinh. Từ đây lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai tập trung cho nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng của tỉnh nhà nằm trong kế hoạch phòng thủ bảo vệ Tổ quốc của Quân khu 7 và cả nước.

Cũng từ năm 1989, tình hình chính trị trong và ngoài nước có những diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của lực lượng vũ trang.

- Tình hình ở khu vực quần đảo Trường Sa và vùng thăm dò, khai thác dầu khí của ta có những diễn biến tranh chấp phức tạp.

- Chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc đã làm sụp đổ hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và tiếp theo là sự sụp đổ của Liên Xô, đã tác động rất lớn đến nhận thức tư tưởng chính trị trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nói chung.

- Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo đang tháo gỡ những cơ chế trói buộc thời bao cấp, kinh tế, xã hội bắt đầu khởi sắc, nhưng đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội.

Lợi dụng tình hình đó, các thế lực thù địch âm mưu thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam bằng các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, tác động tư tưởng, gây khủng hoảng niềm tin, đòi đa nguyên đa đảng, nhen nhóm lại các tổ chức phản động..., chuẩn bị khi có thời cơ kết hợp bạo loạn bên trong với can thiệp từ bên ngoài. Từ đó, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của lực lượng vũ trang nhân dân được xác định bao gồm: phải bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc Việt Nam. Trong năm 1989, ngoài công việc thường xuyên hàng năm như truy quét địch, hoàn thành công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng... Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tập trung làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức cho cấp ủy Đảng, cán bộ, chính quyền, cán bộ chủ trì các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, nghiên cứu quán triệt chỉ

thị 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thực hiện nghị quyết 02 của Bộ chính trị về nhiệm vụ quốc phòng trong đó nội dung quan trọng là: “*Bộ Chính trị giao cho các Tỉnh ủy, Thành ủy nhiệm vụ xây dựng các tỉnh, thành phố thành các khu vực phòng thủ vững chắc*”, đồng thời xác định cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng như sau “*Việc xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân trên địa bàn các tỉnh, thành phố, huyện, quận cũng như việc chỉ đạo các lực lượng vũ trang địa phương cùng với các tổ chức khác của Đảng, chính quyền và toàn dân hoạt động bảo vệ địa phương chống mọi âm mưu và hoạt động xâm nhập, xâm lấn và phá hoại của kẻ thù được đặt dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của cấp ủy, dưới sự điều hành của chính quyền địa phương và sự chỉ huy thống nhất của người chỉ huy quân sự*”. Nghị quyết là bước phát triển lớn về lý luận và thực tiễn, có nhiều nội dung mới trong đó nổi lên mấy vấn đề chính như sau:

- Xây dựng tỉnh, thành phố thành các khu vực phòng thủ vững chắc của Tổ quốc theo kế hoạch thống nhất của từng quân khu và chung cả nước.
- Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới.
- Tích cực chuẩn bị thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố.
- Tiếp tục quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược, thấu suốt quan điểm “Toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc; toàn dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước”.
- Tiếp tục khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt sự nghiệp quốc phòng và lực lượng vũ trang.

Trong năm 1989, Bộ Chỉ huy quân sự và lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai đã tiến hành nhiều công việc lớn.

- Tiếp tục tổ chức quán triệt chỉ thị 20/CT-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, chỉ thị của Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về xây dựng khu vực phòng thủ và công tác quân sự địa phương trong tình hình mới.
- Làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh ra nghị quyết và chỉ thị về xây dựng tỉnh, thành phố, huyện thành các khu vực phòng thủ.
- Triển khai lập kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ của tỉnh, xây dựng các phương án tác chiến chống các tình huống chiến tranh xâm lược và chống bạo loạn lật đổ.

Để chuẩn bị lập kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ và các phương án tác chiến, các cấp chỉ huy quân sự của Đồng Nai đã tiến hành khảo sát trên phạm vi toàn tỉnh về các mặt địa lý quân sự, phân bố dân cư, tình hình kinh tế chính trị, xã hội. Đặc biệt đi sâu nghiên cứu những khu vực trọng điểm của khu vực phòng thủ.

Cũng năm 1980, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 chỉ đạo tỉnh Đồng Nai chọn một phương án trong kế hoạch phòng thủ của tỉnh để diễn tập thí điểm.

Quy mô diễn tập gồm lực lượng khối Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang tỉnh, thành phố Biên Hòa và hai huyện trong điểm Thống Nhất và Long Đất (năm 1989 Long Đất còn thuộc tỉnh Đồng Nai).

Để phục vụ cho diễn tập được tốt, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã triển khai tập huấn cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành có liên quan, với khối lượng hàng nghìn lượt người tham dự. Công tác chuẩn bị bản đồ tác chiến, văn kiện diễn tập được chuẩn bị khá chu đáo.

Khác với những lần diễn tập trước, lần này yêu cầu được đặt ra là diễn tập có trọng điểm, sát với thực tế, chỉ thực hành diễn tập những khu vực có khả năng xảy ra các tình huống chiến tranh, không huy động lực lượng tràn lan. Yêu cầu cơ bản là đảm bảo chất lượng, hoàn thành nhiệm vụ đánh địch theo yêu cầu, ít tốn kém về kinh phí các mặt.

Kết quả diễn tập là một bước tiến nhảy vọt về chuyên trạng thái sẵn sàng chiến đấu, huy động lực lượng dự bị động viên nhanh, huy động các phương tiện vật chất bảo đảm thời gian và khối lượng, đáp ứng yêu cầu các tình huống chiến đấu đặt ra. Kết quả diễn tập năm 1989 được đồng chí tổng Tham mưu trưởng quân đội dân Việt Nam đánh giá, nhận xét: “Cuộc diễn tập của Đồng Nai đã thành công tốt đẹp, đạt kết quả sát với yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu của tỉnh. Nội dung và phương pháp làm có sáng tạo, có giá trị đóng góp vào sự chỉ đạo chung”.<sup>(1)</sup>

Từ kết quả cuộc diễn tập năm 1989, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân bổ sung kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh và lần lượt hướng dẫn các huyện, thành phố Biên Hòa làm kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ cấp mình.

Từ năm 1990 đến năm 1992, Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh tiếp tục làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân bổ sung hệ thống các kế hoạch: xây dựng khu vực phòng thủ, kế hoạch phòng thủ và các phương án tác chiến trong khu vực phòng thủ.

Chấp hành chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu 7, ngày 5 tháng 5 năm 1993 tỉnh Đồng Nai tiến hành sơ kết bốn năm thực hiện chỉ thị 20/CT-TW của Ban Chấp hành Trung ương và chỉ thị của Bộ Quốc phòng về xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ. Hội nghị có sự tham dự đông đủ của cấp ủy, chính quyền ban ngành, đoàn thể các cấp trong tỉnh, có đồng chí Tư lệnh quân khu và các đại biểu của cơ quan quân khu, đại biểu các tỉnh, thành phố trong Quân khu 7 cùng tham dự.

---

<sup>1</sup>. Trích báo cáo số 43/BC – tài liệu lưu trữ tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.



Hội nghị đã kiểm điểm đánh giá kết quả bốn năm xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ cụ thể trên các mặt về nhận thức tư tưởng, quán triệt nghị quyết 02/BTC, chỉ thị 20/CT-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các chỉ thị của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 7; kết quả xây dựng về chính trị, về kinh tế, văn hóa, xã hội; về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng thể trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ tỉnh; về vận hành cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, điều hành thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.

Hội nghị đã kết luận những mặt đã làm được, những mặt còn yếu kém và nguyên nhân, đề ra phương hướng nhiệm vụ những năm tiếp theo.

Phát huy kết quả từ hội nghị, từ năm 1993 đến năm 1995, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh vừa tiếp tục hoàn thành hệ thống các kế hoạch cấp tỉnh, vừa chỉ đạo, hướng dẫn các ban chỉ huy quân sự huyện và thành phố Biên Hòa tiến hành xây dựng về mặt quân sự trong khu vực phòng thủ của các địa phương. Cùng với các ban ngành chức năng, làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân quy hoạch tập thể phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng, an ninh trên toàn tỉnh, đặc biệt trên các khu vực trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung. Đồng thời lập kế hoạch tổng thể xây dựng thể trận quốc phòng – an ninh trong khu vực phòng thủ tỉnh gồm các kế hoạch: xây dựng kinh tế địa phương kết hợp với xây dựng căn cứ hậu phương tỉnh, huyện khi có chiến tranh xảy ra; kế hoạch xây dựng các lực lượng vũ trang địa phương trong thời bình sẵn sàng động viên khi có chiến tranh; kế hoạch xây dựng các công trình quốc phòng, trận địa chiến đấu khi có tình huống chiến tranh xảy ra...

- Về xây dựng lực lượng thường trực:

Từ đặc điểm tình hình, nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn cách mạng mới, Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân khu 7 đã xác định nhiệm vụ then chốt của lực lượng vũ trang quân khu là: *“Phấn đấu nâng cao sức mạnh chiến đấu của nền quốc phòng toàn dân, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng – an ninh nhân dân và nâng cao sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang quân khu. Phòng chống có hiệu quả hành động diễn biến hòa bình – bạo loạn lật đổ”, chủ động tiến công làm thất bại mọi thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch quốc tế và bọn phản động tay sai. Giữ vững ổn định chính trị từng địa phương và toàn quân khu, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ độc lập, an ninh chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra. Vừa đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, vừa huy động các lực lượng tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế có hiệu quả thiết thực góp phần nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu và cải thiện nâng cao đời sống bộ đội, đồng thời góp phần xây dựng kinh tế - xã hội của đất nước...<sup>(1)</sup>*

---

<sup>1</sup> . Trích Nghị quyết đại hội Đảng bộ Quân khu 7 lần thứ IV (tháng 9 năm 1991). Tài liệu lưu trữ - phòng khoa học công nghệ môi trường Quân khu 7.

Thực hiện nghị quyết lần thứ 14 của Quân khu 7 và các nghị quyết, kế hoạch an ninh quốc phòng của Tỉnh ủy Đồng Nai, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã từng bước thực hiện quy hoạch quân số, biên chế theo quy định của quân khu, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Về biên chế tổ chức của một số đơn vị bộ đội và cơ quan quân sự có thay đổi. Đối với cơ quan chuyên môn cấp tỉnh nếu như trước đây chỉ có ba phòng là: tham mưu, chính trị, hậu cần thì hiện nay có thêm phòng kỹ thuật (bốn phòng) trực thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; tách ban sản xuất kinh tế trực thuộc phòng hậu cần, nay thành ban kinh tế trực thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh. Đồng thời thực hiện chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể Trường Thiếu sinh quân. Về đơn vị trực thuộc, tỉnh đã nhận Tiểu đoàn 141 từ mặt trận 779<sup>(1)</sup> trở về; Trung đoàn 16 của Mặt trận 479<sup>(2)</sup> và hai khung tiểu đoàn pháo binh của Trung đoàn pháo 75 quân khu về tỉnh. Thực hiện chỉ thị của quân khu, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã giải quyết chế độ chính sách (phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu...) cho gần 1000 chiến sĩ, hạ sĩ quan và sĩ quan của các đơn vị Trung đoàn 15, Trung đoàn 19, Trung đoàn 16 và Tiểu đoàn 141, sau đó rút gọn lực lượng, thành lập Trung đoàn Đồng Nai thực binh và các khung thường trực cấp trung đoàn, tiểu đoàn, sẵn sàng nhận lực lượng dự bị động viên biên chế thành các đơn vị chiến đấu, phục vụ chiến đấu khi cần thiết. Lực lượng thường trực từ trung đội đến đại đội, đồng thời xây dựng các khung thường trực cấp tiểu đoàn, trung đoàn (theo vị trí quan trọng của từng nơi) để sẵn sàng đón nhận lực lượng dự bị động viên hình thành các đơn vị cơ động chiến đấu khi cần thiết. Ngoài ra tỉnh còn chú trọng xây dựng các đơn vị trợ cấp chiến cấp đại đội, tiểu đoàn (pháo binh, phòng không) trực thuộc tỉnh và trong dân quân tự vệ ở một số đơn vị nông trường, xí nghiệp.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, huấn luyện chiến đấu, diễn tập thực binh... nhằm mục đích xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân từng bước tinh nhuệ, chính quy và hiện đại.

Công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang các cấp được chú trọng hơn. Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ chính trị của từng cấp, nghị quyết Đảng từ Trung ương đến chi bộ thường xuyên được quán triệt sâu sắc theo định kỳ ở hầu hết lực lượng vũ trang tập trung cũng như dân quân du kích và lực lượng dự bị động viên. Công tác phát triển đảng viên và chế độ sinh hoạt Đảng ngày càng đi vào nền nếp, có chất lượng. Những cuộc thi tìm hiểu về Đảng do Đoàn thanh niên cộng sản các cấp tổ chức có những bước sinh động, hình thức mới. Phòng Chính trị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, ban chính trị các huyện và trung đoàn đã căn cứ vào các ngày lễ lớn, lịch sử trọng đại của đất nước, dân tộc, để hướng dẫn các hoạt động, phát động các phong trào thi đua thiết thực, bằng hành động cụ thể lập thành tích kỷ niệm các ngày lễ trọng đại đó. Phát huy truyền thống đoàn kết “quân với dân một ý chí” góp phần xây dựng thể trận phòng thủ, Đảng ủy quân sự tỉnh có nghị

<sup>1</sup> . Quân tình nguyện Quân khu 7 giúp bạn Cam-pu-chia.

<sup>2</sup> . Như trên.

quyết hàng năm đảm bảo từ 10 đến 15 % thời gian huấn luyện dã ngoại, kết hợp làm công tác dân vận. Chỉ tính trong khoảng thời gian hai năm 1989 – 1990 các lực lượng tập trung tỉnh, huyện đã tổ chức được hàng chục đợt huấn luyện hành quân dã ngoại để làm công tác dân vận, giúp dân sửa đường xá, cầu cống, sửa nhà, trường học với hàng ngàn ngày công. Đón quân dã ngoại ở đâu các chiến sĩ ta cũng được nhân dân yêu mến tin tưởng. Thiết thực kỷ niệm 50 năm truyền thống lực lượng vũ trang Quân khu 7, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã phát động phong trào thi đua quyết thắng với nhiều nội dung như: xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng nền nếp chính quy, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh... Các phong trào thi đua quyết thắng được đẩy lên ở nhiều cơ quan, đơn vị đã tạo ra sự chuyển biến thiết thực để xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Công tác huấn luyện thực binh, sẵn sàng chiến đấu đã có kế hoạch chu đáo từng năm, từng quý, từng tháng, của từng cấp theo chỉ lệnh huấn luyện của Bộ Tư lệnh Quân khu. Chỉ tính riêng năm 1989 Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã triển khai huấn luyện quân sự cho 2.864 lượt cán bộ, chiến sĩ. Để nâng cao chất lượng quân dự bị động viên chế độ tập huấn, huấn luyện quân sự cho các ban ngành (dân sự) cũng được chú ý. Hàng năm đã có hàng nghìn cán bộ công nhân viên các cấp đã tập trung và nâng cao nhận thức về quốc phòng an ninh, về tổ chức, chỉ huy, kỹ thuật, chiến thuật. Nhiều nội dung mới như phương án tác chiến theo các tình huống giả định chống bạo loạn lật đổ và chiến tranh xâm lược Tổ quốc đã được đưa vào công tác huấn luyện, diễn tập.

Công tác nhà trường được chú trọng quan tâm. Trường quân sự địa phương tỉnh đã được củng cố khá toàn diện từ đội ngũ cán bộ, giảng viên đến doanh trại, phương tiện mô hình học cụ. Đây là trung tâm huấn luyện đào tạo cán bộ xã đội; tập huấn quân dự bị động viên. Việc ổn định công tác nhà trường, việc huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân, tự vệ các nhà máy xí nghiệp ngày càng có nền nếp hơn, nội dung huấn luyện có cải tiến, phong phú nhiều mặt. Các trường phổ thông trung học ở thành phố Biên Hòa và các huyện, hàng năm đã có chương trình giao dục quốc phòng cho học sinh. Nhiều năm liền các trường: Phổ thông trung học Ngô Quyền, Cao đẳng sư phạm, Trung học sư phạm Đồng Nai, được đánh giá là trường có phong trào hoạt động quân sự, an ninh quốc phòng tốt và nhiều lần được Ủy ban nhân dân tỉnh và Tư lệnh Quân khu 7 tuyên dương khen thưởng.

Từ việc xác định các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội cần được bảo vệ và tính chất trọng yếu về quân sự của các địa bàn trong tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự đã phân loại các huyện, xã, thành phố, địa bàn quan trọng để tổ chức xây dựng lực lượng cho phù hợp, không tràn lan, dàn đều, kể cả lực lượng thường trực, dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên. Địa bàn đứng chân cơ bản của các đơn vị thường trực tỉnh, huyện đã được xác định cụ thể, giúp các đơn vị xây dựng doanh trại cố định lâu dài có điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu cơ

động khi có tình huống chiến đấu xảy ra; đồng thời thuận lợi cho tăng gia sản xuất và tham gia xây dựng kinh tế kết hợp với quốc phòng tại địa phương.

Từ năm 1991, sau khi hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ sẵn sàng chiến đấu của tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bắt đầu triển khai cho các huyện, thị, thành phố trực thuộc soạn thảo kế hoạch phòng thủ từng địa phương, hướng dẫn thực hiện và làm tham mưu cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các kế hoạch chiến đấu và bảo đảm chiến tranh của các ban ngành trong tỉnh.

Để kịp thời phát hiện thông báo mọi tình hình vùng giáp ranh, thực hiện chỉ đạo của quân khu, từ năm 1990 cứ theo định kỳ ba tháng một lần, tỉnh Đồng Nai phối hợp với các tỉnh Lâm Đồng, Thuận Hải và Sông Bé tổ chức hội nghị liên ranh. Sau mỗi hội nghị tình hình cùng những khiếm khuyết của mỗi bên trong việc tuần tra, canh phòng được chấn chỉnh. Cũng từ việc tổ chức, duy trì thường xuyên hội nghị liên ranh này mà mỗi huyện giáp ranh của mỗi tỉnh có thêm ý thức cảnh giác, duy trì hoạt động, phối hợp tác chiến giữa các lực lượng ngày càng chặt chẽ hơn.

Sau sự kiện các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, bọn phản động trong nước cũng như thế lực phản động quốc tế cho rằng “thời cơ đã đến”. Chúng ra sức đẩy mạnh các hoạt động chống phá ta bằng mọi thủ đoạn trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... với nhiều phương thức trong chiến lược “diễn biến hòa bình – bạo loạn lật đổ”. Trên địa bàn tỉnh chúng tăng cường các hoạt động xâm nhập tình báo, gián điệp, truyền đơn, tài liệu, văn hóa phẩm đồi trụy, phản động, tuyên truyền kích động biểu tình, lật đổ chế độ, đòi đa nguyên, đa Đảng...

Chúng ra sức phục hồi các tổ chức phản động cũ và hình thành các tổ chức, nhen nhóm phản động mới, để móc nối củng cố xây dựng lực lượng chờ thời cơ (có nhóm đã hình thành khung vũ trang địa phương).

Năm 1990, các toán vũ trang, tàn quân địch ẩn náu trong rừng hầu như không còn tồn tại bởi những năm trước đó ta đã tổ chức nhiều lực lượng truy quét, phân thành từng tuyến để đánh phá khá toàn diện quản lý chặt chẽ những vùng xung yếu làm cho chúng không thể móc nối được với cơ sở trong dân. Gian khổ, thiếu đói trầm trọng chúng tự tan rã và ra đầu thú. Nhưng từ năm 1991, các phần tử phản động ngóc đầu dậy, chủ yếu lợi dụng những vùng tôn giáo phức tạp, lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước ta, chúng mua chuộc, lôi kéo một số người nhẹ dạ hoạt động chống phá ta, nơi bí mật, nơi thì công khai. Đáng chú ý là chúng đã hình thành ba nhen nhóm mới, tổ chức phản động (đầu năm 1992). Cụ thể là các tổ chức “Mặt trận nhân bản tiến bộ”, “Mặt trận Việt Nam tự do”, “Đảng nhân dân Việt Nam”. Nhóm ít nhất có từ 10 đến 12 tên, nhóm nhiều nhất khoảng 40 tên. Với tinh thần cảnh giác cao, nắm được địch tình chặt chẽ, ta đã phá tan **bốn** nhóm, bắt 10 tên đầu sỏ, thu nhiều tài liệu quan trọng của chúng.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng diễn ra khá phức tạp nghiêm trọng. Chỉ tính riêng năm 1992, những vụ xảy ra liên quan đến an ninh quốc phòng 91 vụ, liên quan an ninh chính trị 213 vụ, an ninh kinh tế 147 vụ, trật tự an toàn xã hội 2.988 vụ trong tổng số 3.425 vụ cả năm.

Thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên, các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Đồng Nai luôn chủ động triển khai nhiệm vụ, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, tăng cường các mạng lưới trinh sát, quân báo kết hợp với các lực lượng chuyên chính khác, thường xuyên theo dõi nắm bắt mọi âm mưu, ý đồ hoạt động phá hoại của địch. Ta đã tổ chức lực lượng thường xuyên hoạt động, mở nhiều đợt truy quét bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng, các ngày lễ lớn, các đợt sinh hoạt chính trị của địa phương, truy lùng bọn tội phạm hình sự, giải tỏa có hiệu quả các khu vực phức tạp. Ta đã huy động 25.774 lượt bộ đội và dân quân, tự vệ tham gia hoạt động, xử lý 1.398 vụ, bắt 1.298 đối tượng vi phạm các loại. Do vậy tình hình an ninh chính trị vẫn ổn định, không có gì đột biến lớn xảy ra.

Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với các lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai không ngừng được củng cố và tăng cường. Từ 1975 đến 1995 Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai đã trải qua sáu nhiệm kỳ đại hội.

Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh Đồng Nai lần thứ V (tháng 9 năm 1989 – tháng 12 năm 1991) là đại hội khóa đầu tiên thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Do vậy cơ cấu trong lãnh đạo của Đảng ủy quân sự cũng có sự thay đổi. Theo cơ chế mới thực hiện chỉ thị 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Văn Hy, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Bí thư Đảng ủy quân sự. Đại tá Nguyễn Văn Bảo, phó chỉ huy trưởng chính trị, phó bí thư. Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự 15 đồng chí, trong đó bốn đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy. Ban Thường vụ gồm bảy đồng chí.<sup>(1)</sup>

Nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và lực lượng vũ trang tỉnh được đại hội xác định:

*Tăng cường lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản và phong trào quần chúng, đấu tranh làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Quan trọng hàng đầu là làm thất bại âm mưu hoạt động gián điệp, biệt kích xâm phạm*

---

<sup>1</sup>. – Thiếu tướng Nguyễn Thanh Tùng – Chỉ huy trưởng - Ủy viên thường vụ.

- Đồng chí Huỳnh Văn Bình, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai, Ủy viên thường vụ.

Về sau bổ sung ba đồng chí:

- Đại tá Nguyễn Tri Thức, Chỉ huy trưởng BCHQS Tp. Biên Hòa lên làm phó chỉ huy trưởng tham mưu trưởng.

- Trung tá Nguyễn Văn Chương lên làm phó chỉ huy trưởng.

- Thượng tá Phan Hiểu Tân lên làm chủ nhiệm phòng hậu cần.

(Ba đồng chí mới được bổ sung trên được Tỉnh ủy chỉ định bổ sung vào Ban Thường vụ Đảng ủy quân sự).

vào nội địa. Đập tan các tổ chức nhen nhóm chính trị, vũ trang *o phòng* nâng cao chất lượng toàn diện các lực lượng vũ trang địa phương.

*Tăng cường tiềm lực quốc phòng, tiến tới xây dựng tỉnh, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc, sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô lớn của địch. Tiếp tục hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế...*

Một trong những nội dung đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương là tăng cường các đồng chí trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ vào Đảng ủy Quân sự tỉnh và đồng chí bí thư tỉnh ủy trực tiếp làm bí thư tỉnh ủy trực tiếp làm bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh.

Đại hội lần thứ VI Đảng bộ Quân sự tỉnh diễn ra vào tháng 2 năm 1991. Nhiệm kỳ đại hội là 5 năm (2 năm 1991 – 2 năm 1996). Đồng chí Phan Văn Trang, bí thư Tỉnh ủy được bầu làm bí thư Đảng ủy quân sự. Thiếu tướng Nguyễn Thanh Tùng, chỉ huy trưởng, phó bí thư. Ban chấp hành gồm 13 đồng chí công tác trong cơ quan quân sự tỉnh và ba đồng chí ngoài cơ quan quân sự là bí thư tỉnh ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc sở công an. Ban Thường vụ gồm năm đồng chí.<sup>(1)</sup>

Ngoài những nội dung đổi mới về lãnh đạo đối với cơ cấu cấp ủy trong cơ quan quân sự địa phương, chỉ thị 12 của Ban Bí thư Trung ương Đảng còn nêu rõ nội dung trong cơ chế lãnh đạo, điều hành, công tác quân sự địa phương là: “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu, chỉ huy trưởng quân sự chỉ huy thống nhất các lực lượng vũ trang”.

Từ sự đổi mới về cơ chế trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quân sự địa phương. Về quan điểm, tư tưởng từ người lãnh đạo, điều hành, chỉ huy, đến các cơ quan ban ngành... có thêm nhận thức trách nhiệm của mình đối với công tác an ninh quốc phòng, coi đó là nhiệm vụ của Đảng, của chính quyền, của mỗi cán bộ, đảng viên (không còn như trước có một số người coi công tác an ninh quốc phòng là nhiệm vụ riêng của những người làm công tác quân sự).

Cơ chế trên còn tạo điều kiện ra các văn bản, chỉ thị nghị quyết về an ninh quốc phòng cho tỉnh, để các cấp các ngành phối hợp thực hiện, hợp đồng có trách nhiệm cao, huy động sức người, sức của, cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác quân sự địa phương, kể cả công tác huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu, cũng như lúc thực hiện các nhiệm vụ chiến đấu chống địch tình, thiên tai bão lụt, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có hiệu quả.

---

<sup>1</sup>. Ban thường vụ 5 đồng chí gồm bí thư, phó bí thư và ba ủy viên là:  
- Đại tá Nguyễn Tri Thức – phó CHT – Tham mưu trưởng.  
- Thượng tá Nguyễn Văn Chương – phó chỉ huy trưởng.  
- Thượng tá Lý Thành Trung – chủ nhiệm chính trị.

Công tác diễn tập thực binh, diễn tập trên sa bàn, chuyển trạng thái từ thời bình sang thời chiến thường xuyên được chú trọng quan tâm có bước tiến bộ mới.

Rút kinh nghiệm những lần diễn tập trước, đồng thời chú trọng nâng cao sức mạnh chiến đấu, trình độ chỉ huy, tác chiến cho cấp cơ sở, năm 1995 tỉnh tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ một bên và hai cấp (huyện – xã). Diễn tập chủ yếu diễn ra trong hai huyện Thống Nhất và Long Khánh. Mỗi huyện tập trung diễn tập ở hai bên ba xã. Các cơ quan cấp tỉnh và lực lượng tập trung tỉnh làm nhiệm vụ hỗ trợ, giúp đỡ địa phương thực hành. Riêng Tiểu đoàn 141 tỉnh là lực lượng thực binh được tăng cường cho Xuân Lộc thực hành chiến đấu.

Ngày 13 tháng 11 năm 1995 cuộc diễn tập bắt đầu. Sau khi nhận mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, tại sở chỉ huy của hai huyện tiến hành tập họp ban chỉ huy, họp Đảng ủy quân sự ra nghị quyết lãnh đạo, triển khai các công việc cần làm ngay cho cơ quan quân sự và các ban ngành liên quan làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền chuyển địa phương từ thời bình sang trạng thái có chiến sự. Ngay trong đêm, các ngành Công an, Khôi vận, Mặt trận, y tế, tiến hành làm kế hoạch huy động lực lượng (một đại đội dân quân tự vệ và một đội quân dự bị động viên) trong kế hoạch nhằm sẵn sàng giải quyết, xử lý các tình huống và báo cáo thông qua kế hoạch tại sở chỉ huy thống nhất...

Kết quả diễn tập cho thấy cơ quan quân sự các cấp đã phát huy ngày càng tốt hơn vai trò làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác quốc phòng và quân sự địa phương. Thời gian gấp, công tác dồn dập, khẩn trương song đã làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, ban hành các văn bản pháp quy tạo điều kiện cho diễn tập thắng lợi. Quá trình thực hành diễn tập đã giải quyết xử lý tốt các vấn đề, tình huống cũng như công tác vận hành cơ chế. Việc vận hành cơ chế theo nghị quyết 02 của Bộ chính trị (khóa VI) được tiến hành đúng theo quy định, phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước, vai trò tham mưu của các ban ngành đoàn thể theo chức năng. Người chỉ huy và cơ quan quân sự cơ bản đã nắm được thứ tự động tác, nội dung công việc của từng trạng thái sẵn sàng chiến đấu, nắm được nhiệm vụ, ý định của cấp trên, nên đề ra nhiệm vụ cho cấp mình phù hợp, xử lý các tình huống kịp thời, tác phong chỉ huy nghiêm túc, dứt khoát, thể hiện được vai trò của người chỉ huy trong chuẩn bị diễn tập cũng như trong thực hành chiến đấu. Các đơn vị thực binh như Tiểu đoàn 141 và các đại đội trực thuộc, cơ động lực lượng đến vị trí chiến đấu bảo vệ các mục tiêu an toàn bí mật đúng theo quy định. Cuộc diễn tập năm 1995 do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ huy triển khai cho hai huyện thực hành chiến đấu theo thứ tự các bước đối với cấp huyện, xã đã thành công tốt đẹp.

## **II. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ DÂN QUÂN TỰ VỆ VỮNG MẠNH SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU TRONG MỌI TÌNH HUỐNG.**

Trong điều kiện đất nước hòa bình, tiềm lực kinh tế, quân sự các mặt còn có giới hạn, thì việc xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ vững mạnh là yêu cầu cấp bách, khẩn thiết. Nó tạo cho đất nước ta có được một đội quân dự bị hùng hậu, có chất lượng chiến đấu tốt, sẵn sàng động viên khi cần thiết, để có thể giảm bớt số quân thường trực nhưng không ảnh hưởng đến khả năng phòng thủ bảo vệ Tổ quốc. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ta đang tập trung xây dựng kinh tế thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước thì những người công nhân, kỹ sư, cán bộ, nông dân... vừa hăng say lao động sản xuất, vừa là lực lượng bảo vệ tại chỗ lại vừa sẵn sàng là người lính, người sỹ quan chỉ huy hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Để cho công dân làm tốt hai chức năng đó, vấn đề xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ là một vấn đề quan trọng và khoa học. Năm vững vấn đề trên, nghị quyết Đại hội Đảng bộ quân sự tỉnh lần thứ VI (1991 – 1995) nhấn mạnh: *“Đẩy mạnh công tác đăng ký, quản lý nguồn động viên của nhà nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng, huấn luyện quân dự bị động viên có chất lượng tốt sẵn sàng chiến đấu, quy hoạch động viên phân vùng thích hợp với tình hình mới. Tiếp tục rà soát chất lượng, củng cố tổ chức nhất là các vùng xung yếu, thành phố, thị xã, vùng nông thôn trọng điểm, phấn đấu tăng số lượng quân tự vệ từ 3% trở lên so với tổng dân số. Chú trọng công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng và huấn luyện quân sự, không ngừng nâng cao chất lượng chính trị, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, sẵn sàng chiến đấu giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng”*<sup>(1)</sup>

Thực hiện nghị quyết của Đảng ủy quân sự tỉnh về đẩy mạnh công tác dự bị động viên, xây dựng lực lượng dân quân du kích, và các chỉ thị của Bộ quốc phòng, của Quân khu 7, của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, ban chỉ huy quân sự các huyện và các cơ quan chức năng không ngừng củng cố kiện toàn đội ngũ những người làm công tác dự bị động viên và dân quân. Hệ thống tổ chức này cũng được chú trọng ở hai cấp tỉnh và huyện, cấp tỉnh có phòng động viên tuyển quân, trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh. Ban dân quân trực thuộc phòng tham mưu. Cấp huyện có ban tổ chức động viên trực thuộc ban chỉ huy quân sự huyện và bộ phận dân quân trực thuộc ban tham mưu. Đội ngũ trưởng phòng, trưởng ban, trợ lý làm công tác dự bị động viên và dân quân được chọn lọc chu đáo. Hầu hết là các đồng chí đã được qua trường đào tạo cơ bản hoặc bổ túc, có kinh nghiệm chỉ huy lãnh đạo quản lý, tổ chức điều hành công tác chuyên môn.

Công tác đăng ký quân dự bị động viên đóng một vai trò quan trọng. Hàng năm tỉnh triển khai cho huyện, huyện triển khai xuống xã tiến hành đăng ký lứa tuổi 17 và lứa tuổi 18 đến 27, số chiến sỹ, hạ sỹ quan đã hết nghĩa vụ quân sự và số sỹ quan chuyển ngành, về hưu ở các lứa tuổi. Việc nắm chắc các đối tượng trên giúp công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự hàng năm và công tác đăng ký quân dự bị động viên được thuận lợi. Riêng công tác đăng ký quân dự bị, sau khi nắm chắc các lứa tuổi,

---

<sup>1</sup> . Trích nghị quyết Đại hội Đảng bộ quân sự tỉnh Đồng Nai khóa VI (trang 16) tài liệu lưu trữ tại ban khoa học công nghệ môi trường quân sự - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai.



các đối tượng là bộ đội phục viên, xuất ngũ, sĩ quan về hưu chuyển ngành... Sẽ được phân làm hai loại: Quân dự bị hạng một và quân dự bị hạng hai. <sup>(1)</sup>

Việc xây dựng các đơn vị dự bị động viên là một công tác đòi hỏi người chỉ huy phải tính toán có cơ sở khoa học, từ khả năng xảy ra chiến tranh ở quy mô nào trên phạm vi địa phương để tổ chức lực lượng lao động cần đối phó của mình đồng thời còn huy động lực lượng cho cấp trên.

Căn cứ vào tình hình thực tế, vị trí quan trọng của các địa bàn chiến lược theo từng huyện, thị trấn, thành phố... Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã giao nhiệm vụ cho các địa phương xây dựng các đơn vị dự bị động viên từ cấp đại đội đến cấp trung đoàn. Số lượng các đơn vị dự bị động viên nhiều ít có khác nhau so với vai trò, vị trí quan trọng của từng nơi, không dàn đều.

Năm 1989 trên toàn tỉnh đã xây dựng hoàn thành kế hoạch xây dựng lực lượng dự bị động viên, cả về đầu đơn vị cũng như quân số.

Năm 1990, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, phúc tra, tái phúc tra về công tác quân dự bị động viên. Tiếp tục triển khai công tác đăng ký, năm lứa tuổi để quản lý nguồn động viên; tiến hành đăng ký quân dự bị ở các đối tượng được trên một trăm người, trong đó có 10 % quân dự bị hạng một, số còn lại là hạng hai. Đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh còn chỉ thị cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cho phép nắm và đăng ký các loại phương tiện kỹ thuật của một số ngành, chủ yếu là phương tiện giao thông, các loại xe đủ sức phục vụ cho nhu cầu chiến tranh, thực hiện chỉ thị của trên là kết hợp kinh tế với quốc phòng. Sau khi triển khai ta nắm được hầu hết các phương tiện giao thông cơ bản làm cơ sở cho việc điều hành cơ sở vật chất, kỹ thuật, cho các đợt diễn tập và sử dụng khi thực tế có chiến tranh xảy ra. Bắt đầu từ năm 1991 Quân khu 7 đã quy hoạch lực lượng dự bị động viên 5 năm (từ năm 1991 đến 1995) cho các tỉnh thành. Trên cơ sở đó tỉnh Đồng Nai tiếp tục phân vùng, điều chỉnh kế hoạch bổ sung cho phù hợp với lực lượng hiện tại, tổ chức phúc tra đưa vào biên chế để quản lý huấn luyện theo chương trình quy định và diễn tập hàng năm (những nội dung còn yếu). Dựa vào quy hoạch năm 1991 – 1992 và những năm tiếp theo tỉnh đã tập trung củng cố các tiểu đoàn dự bị động viên bộ binh cấp huyện, các tiểu đoàn, trung đoàn cấp tỉnh. Đặc biệt ta đã chú trọng xây dựng một số tiểu đoàn pháo binh, phòng không. Các đội nữ pháo binh phòng không của một số nhà máy xí nghiệp, huyện thị, đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách trong cuộc sống, vừa sản xuất, vừa hăng say tập luyện quân sự. Nhiều khẩu đội, đơn vị đã đạt thành tích cao trong các lần bắn đạn thật ở tỉnh và hội thao kỹ thuật thao tác, triển khai tác chiến lực lượng pháo binh và phòng không của quân khu.

---

<sup>1</sup>. Quân dự bị hạng 1 là những quân nhân phục viên, xuất ngũ nhưng không phải thương binh bệnh binh đã xếp hạng còn trong độ tuổi quy định. Quân dự bị hạng hai là những quân nhân phục viên xuất ngũ nhưng đã qua tuổi quy định quân dự bị hạng một và số dân quân du kích đã được huấn luyện không còn ở độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự - tham gia quân thường trực.

Năm 1993 công tác dự bị động viên được nâng lên về chất lượng. Trên cơ sở tinh củng cố tốt các đơn vị dự bị động viên của mình, và góp phần sắp xếp biên chế cho một số đơn vị dự bị động viên của quân khu và Bộ Tổng tham mưu trên địa bàn. Công tác tổ chức biên chế, củng cố lực lượng mang tính chuyên sâu về ngành, binh chủng, kỹ thuật. Huyện Thống Nhất tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng các lực lượng bộ binh phòng chống bạo loạn và luyện tập theo các giả định, tình huống. Thành phố Biên Hòa củng cố sắp xếp nâng cao chất lượng một số đơn vị tăng thiết giáp, đi sâu vào chuyên nghiệp quân sự, huyện Long Khánh và Công ty cao su nỗ lực phúc tra bổ sung đủ quân số cho tiểu đoàn công binh (đã có) của quân khu và xây dựng tiếp tiểu đoàn công binh (làm đường).

Các năm 1994 và 1995 về cơ bản các đơn vị dự bị động viên trên địa bàn toàn tỉnh đã được củng cố, kiện toàn đủ số lượng theo yêu cầu quy định của quân khu và Bộ Quốc phòng. Ta không hình thành phát triển các đơn vị dự bị động viên mới, mà trên cơ sở các đơn vị đã có kế hoạch, tăng cường phúc tra để luôn đảm bảo quân số, vũ khí phương tiện, kỹ thuật, luôn đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng. Về công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, mặc dù quân dự bị động viên hầu hết là các quân nhân, sĩ quan đã từng ở trong quân ngũ, đã khá am tường về kỹ thuật, chiến thuật quân sự nhưng vẫn quy định về thời gian học tập, huấn luyện cho quân dự bị động viên ít nhất 30 ngày trong năm, nhất là các sĩ quan chỉ huy để họ nắm thêm tình hình mọi mặt nhất là những thay đổi về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, những kỹ thuật chiến thuật cần bổ sung để phù hợp với tình hình mới. Do tình hình phát triển kinh tế của đất nước, địa phương ngày càng phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên, đã tạo điều kiện cho nhiều công ty, xí nghiệp, cơ quan, đơn vị hỗ trợ cho công tác huấn luyện quân sự đạt kết quả. Điều đáng chú ý là các phương tiện vật tư, kỹ thuật của nhiều địa phương, đơn vị, cơ quan tăng một cách đáng kể. Nếu như năm 1990 – 1991 số lượng đầu các phương tiện vật tư kỹ thuật ở mức trên 5.000, thì năm 1994 – 1995 đã lên đến trên 7.000. Trong đó có 206 phương tiện do cấp trung ương quản lý.

Do làm tốt công tác đăng ký và nắm chắc lứa tuổi của công dân ở từng địa phương, nhất là lứa tuổi 17 nên công tác tuyển quân của tỉnh Đồng Nai hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu giao quân tuyển quân cho lực lượng. Riêng năm 1989 đạt chỉ tiêu giao quân là 94,4 %, còn lại các năm đều đạt chỉ tiêu 100 % trở lên. Sự nỗ lực trong công tác tuyển quân của tỉnh, hàng năm đã bổ sung quân số đáng kể cho lực lượng thường trực từ tỉnh đến quân khu và Bộ Quốc phòng. Tuy việc đào tạo ngũ của chiến sĩ mới đến nay chưa chấm dứt, có năm lên đến trên 10 % nhưng công tác tuyển quân ngày càng có kế hoạch nề nếp, triển khai đồng bộ từ tỉnh đến xã. Đáng chú ý hơn là đã có sự quan tâm chu đáo của các cấp, các ngành trong tỉnh, càng ngày, nhất là những năm gần đây, ngày anh chị em lên đường nhập ngũ đã trở thành ngày “Hội giao quân”, điều đó có sức cổ vũ to lớn về cả tinh thần lẫn vật chất cho lớp trẻ.

Cùng với công tác tuyển quân xây dựng lực lượng thường trực, công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân, tự vệ đóng vai trò hết sức quan trọng. Thực hiện hướng dẫn 238 của Bộ Tham mưu và Quân khu 7 và chỉ thị 49 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cuối năm 1989 Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã chỉ đạo cho các huyện thị thành phố kiểm tra rà soát lại 156/156 xã phường về đội ngũ dân quân, coi đây là lần tổng điều tra, để có kế hoạch xây dựng vững chắc hơn trong thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước của Đảng.

Căn cứ vào tình hình thực tế, ta đã sắp xếp lại tổ chức dân quân tự vệ. Nếu như trước đây tổ chức lực lượng dân quân tự vệ chú trọng ở cấp tiểu đoàn thì nay tập trung xây cấp đại đội, trung đội, tiểu đội bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với thực tế ở cơ sở, địa phương.

Sau khi rà soát kiểm tra lại 100 % phường về thực lực đội ngũ dân quân tự vệ, ngoài những ưu điểm về tổ chức sắp xếp lại bộ máy tổ chức của dân quân tự vệ ở địa phương, khả năng phối hợp tác chiến với các lực lượng để đảm bảo an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ở địa phương, cũng còn bộc lộ những khiếm khuyết. *“Một số nơi việc triển khai chưa chặt chẽ và thiếu đồng bộ. Công tác củng cố lực lượng mới được ở một số xã phường (lực lượng dân quân), khôi phục xí nghiệp công nông lâm trường (lực lượng tự vệ) nhìn chung chưa làm được bao nhiêu. Qua củng cố tuy chất lượng có được nâng lên một bước nhưng chưa vững chắc, chưa chú ý tập trung củng cố vùng trọng điểm và địa bàn xung yếu, nhất là vùng tôn giáo và vùng dân tộc ít người. Đặc biệt chưa chú ý củng cố kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, chỉ huy...”<sup>(1)</sup>*

Năm 1990 sau khi kiểm tra rà soát lại tình hình lực lượng dân quân tự vệ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã làm tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành triển khai các hội nghị về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo chỉ thị 55/BBT của Ban Bí thư, nghị định 29/HĐBT – hội đồng Bộ trưởng, chỉ thị 242 Quân khu 7.

Tỉnh ủy đã triệu tập hội nghị bí thư huyện, thị, thành phố, các khối, ban ngành và xã phường để triển quán triệt triển khai lãnh đạo thực hiện nghị quyết 11 – 12 và 47 – 48/BBT – Ban Bí thư Trung ương Đảng về cơ chế Đảng lãnh đạo sự nghiệp quốc phòng, đã có 425 đại biểu tham dự. Đây là hội nghị Đảng chuyên đề về nhiệm vụ xây dựng quốc phòng địa nhất của tỉnh từ trước đến nay. Từ hội nghị này đã mang lại hiệu quả là sự chuyển biến mới trong công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác quân sự địa phương nói chung.

Như vậy trên địa bàn Đồng Nai đã diễn ra các hội nghị “đầu bờ” nhằm đánh giá ưu khuyết điểm, và rút ra những bài học, những hoạch định phù hợp để đưa

---

<sup>1</sup>. Trích báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quân sự năm 1989 của Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai (trang 4) – Tài liệu lưu trữ tại Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai.

công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ phát triển lên một bước mới. Từ những hội nghị thiết thực trên đã tạo sự chuyển biến tiến bộ trong công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong thời kỳ đổi mới.

Sau các hội nghị lớn về công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn do tỉnh Đồng Nai đăng cai, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đã căn cứ vào đặc điểm các địa bàn trọng yếu, những khâu yếu ở một số địa phương để củng cố kiện toàn lực lượng. Thời kỳ này tỉnh đã lấy thành phố Biên Hòa, huyện Long Đất, Xuyên Mộc, Tân Phú để làm điểm cho công tác rà soát, củng cố lại tổ chức dân quân tự vệ ở xã ấp, cho phù hợp với tình hình.

Năm 1991 – 1992, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trương tập trung xây dựng tạo sự chuyển biến lực lượng dân quân khu vực phường, xã giao chỉ tiêu số lượng, biên chế các tiểu đội, trung đội dân quân thường trực tại xã, phường, ấp, khu phố. Tùy theo vị trí quan trọng của từng xã, phường để duy trì lực lượng dân quân thường trực từ một đến ba tiểu đội. Về qui mô tổ chức lực lượng dân quân chiến đấu vẫn là bốn cấp (tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn). Tuy nhiên việc xây dựng cấp tiểu đoàn dân quân chỉ duy trì ở những khu vực cần thiết.<sup>(1)</sup>

Tỉnh lấy thành phố Biên Hòa là đơn vị điểm xây dựng dân quân cấp phường, khu phố. Thành phố Biên Hòa lấy ba phường: Trung Dũng, Quyết Thắng, Tân Hòa làm điểm cho thành phố. Đến cuối năm 1991, thành phố Biên Hòa đã có 17/23 xã phường xây dựng hoàn chỉnh lực lượng dân quân theo dự kiến.

Về số lượng dân quân giảm trên 10.000 người so với những năm trước vì lý do tỉnh kiên quyết nâng chất lượng dân quân về chính trị, về phẩm chất năng lực thực hiện chủ trương, “ít nhưng tinh”. Cùng với việc này, các địa phương chú trọng phát triển về chất lượng tăng cường công tác phát triển Đảng, đoàn viên trong lực lượng dân quân. Đồng thời dùng mọi biện pháp để khuyến khích bộ đội phục viên xuất ngũ tham gia lực lượng thường trực. Do làm tốt công tác củng cố chất lượng nên tỉ lệ bình quân đảng viên, đoàn viên và bộ đội xuất ngũ trong lực lượng dân quân khá cao.<sup>(2)</sup>

Từ việc củng cố tăng cường chất lượng, sau đó tỉnh tiến hành phúc tra, kiểm tra và trang bị lại vũ khí cho toàn bộ các tổ chức dân quân tự vệ.

Thực hiện việc tách tỉnh, đầu năm 1991 tỉnh Đồng Nai bàn giao tiểu đoàn 445 và ba huyện (Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc) cho tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Từ đó số lượng các mặt nói chung và dân quân tự vệ nói riêng cũng có nhiều thay đổi.

---

<sup>1</sup>. Năm 1991 toàn tỉnh đã xây dựng được lực lượng dân quân chiến đấu khá mạnh gồm 18 tiểu đoàn, 37 đại đội, 296 trung đội, 947 tiểu đội.

<sup>2</sup>. Đảng viên chiếm tỷ lệ: 6,79 % – đoàn viên 22, 38 % và bộ đội xuất ngũ 7,06 % – bình quân tăng 3,93 % về chất lượng Đảng, đoàn, bộ đội xuất ngũ so với năm cũ.

Trên cơ sở thực hiện kiểm tra rà soát, củng cố... làm dứt điểm từng việc, từng phần, từng khu vực địa phương, năm 1993 – 1994 tinh tiến tới củng cố lực lượng tự vệ các nông lâm trường, xí nghiệp, công ty, các cơ quan ban ngành thuộc nhiều khối Đảng, nhà nước, khối kinh tế, hành chính sự nghiệp và củng cố đội ngũ cán bộ xã đội, phường đội. Khu công nghiệp Biên Hòa, Công ty Cao su Đồng Nai được chọn làm điểm. Do đó có phương pháp tiến hành từng bước, có bài bản và sự nỗ lực cố gắng chung của các cấp, các ngành, lực lượng tự vệ trong các nhà máy xí nghiệp, công ty, các cơ quan đã tăng lên đáng kể đạt tỷ lệ 18,58 % so với cán bộ công nhân viên chức toàn tỉnh.

Để nâng cao chất lượng cán bộ xã đội, phường đội, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tăng cường lực lượng sĩ quan, biệt phái trực tiếp làm công tác chỉ huy lãnh đạo quân sự một số phường xã trọng điểm. Đồng thời luân phiên đưa các cán bộ chủ chốt xã, phường đội đi đào tạo sĩ quan chỉ huy tại trường quân chính quân khu, sau đó về làm việc tại xã. Từng bước ổn định đội ngũ cán bộ phường xã đội lâu dài.

Đồng thời với việc củng cố lực lượng tự vệ ở các xí nghiệp, công ty, cơ quan... Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chú trọng xây dựng các đơn vị binh chủng (pháo binh, phòng không) trong lực lượng dân quân, tự vệ. Nhiều đại đội pháo binh mặt đất, pháo phòng không đã được củng cố, kiện toàn và phát triển, đi vào huấn luyện, diễn tập, hội thao... trên địa bàn tỉnh và quân khu có sức cơ động chiến đấu cao.

Năm 1995 tinh tập trung công tác kiểm tra, phúc tra lại 163/163 xã phường và các công, nông lâm trường, công ty, xí nghiệp, các cơ quan... để không ngừng củng cố nâng cao chất lượng, kiện toàn bộ máy, tổ chức hoạt động. Sự tiến bộ hơn hẳn các năm trước là lực lượng bộ đội xuất ngũ tham gia dân quân tự vệ khá đông (13,43 %).

Một bước tiến mới trong công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của năm 1995 là tiến hành khảo sát nghiên cứu để xây dựng lực lượng tự vệ ở một số cơ sở kinh tế ngoài quốc doanh liên doanh với nước ngoài.

Cũng cuối năm 1995 tỉnh triển khai cho tất cả các huyện thị thành phố tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm (1991 – 1995), về hoạt động bảo vệ trị an của lực lượng dân quân tự vệ. Mục đích đợt tổng kết này để rút ra những bài học kinh nghiệm đầy mạnh trong công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ thời kỳ 1996 – 2000.

Tình hình trật tự an toàn xã hội ở tỉnh Đồng Nai khá phức tạp, nhưng do làm tốt công tác quân sự địa phương nói chung, công tác xây dựng lực lượng quân dự bị và dân quân tự vệ đã góp phần tích cực giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các địa phương trong toàn tỉnh.

Từ việc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, đã bảo vệ, hỗ trợ cho xây dựng kinh tế, văn hóa xã hội ngày càng phát triển, Đồng Nai đã trở thành

vùng đất phát triển công nghiệp năng động với 117 khu công nghiệp đã được quy hoạch trong đó có 10 khu công nghiệp đã được chính phủ phê duyệt và đi vào sản xuất. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tạo không khí phấn khởi chung trong toàn xã hội.

Sau 20 năm giải phóng, với công việc bề bộn của một vùng đất vừa thoát khỏi chiến tranh giữ nước lớn nhất từ trước đến nay, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh, sự chỉ đạo, hướng dẫn của quân khu, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng, cán bộ chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên lực lượng vũ trang Đồng Nai đã vượt qua mọi gian khổ hy sinh, khó khăn thử thách, hoàn thành tốt các nhiệm vụ giai đoạn đầu giải phóng, từng bước đi vào ổn định và phát triển.

Lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành nhiệm vụ chính trị từ việc truy quét địch, ổn định đời sống nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền, cải tạo binh sĩ nguy quân, nguy quyền, cải tạo xã hội chủ nghĩa... đến việc tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế cao cả, làm tốt nhiệm vụ tinh thành khu vực phòng thủ vững chắc, bảo vệ công cuộc đổi mới của địa phương, đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Với những thành tựu to lớn về xây dựng lực lượng vũ trang sau hơn 20 năm xây dựng trong hòa bình, chúng ta hoàn toàn tin tưởng và kỳ vọng vào sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang Đồng Nai trong những năm tới. Sự trưởng thành, vững mạnh của lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai chắc chắn sẽ góp phần xứng đáng vào xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam hùng mạnh, quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh như Nghị quyết đại hội lần thứ VIII Đảng cộng sản Việt Nam đã vạch ra.

## KẾT LUẬN

Đồng Nai là một vùng đất mới, hình thành từ cuối thế kỷ 17 khi Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh Chúa Nguyễn Phúc Chu vào xây dựng bộ máy Nhà nước ở phía Nam tổ quốc. Vùng đất và con người Đồng Nai mang đậm bản sắc văn hóa và truyền thống văn hiến hàng ngàn năm của dân tộc.

Mang theo truyền thống dân tộc vào vùng đất mới, trước những thách thức của thiên nhiên khắc nghiệt, các cư dân Việt cùng cư dân bản địa đã ra sức khắc phục, vượt qua những trở ngại, biến một vùng đất hoang vu, rừng rậm đầy thú dữ thành ruộng đồng, xóm làng phì nhiêu.

Với tình yêu quê hương xứ sở cùng với truyền thống yêu nước qua hàng ngàn năm dựng nước, giữ nước đã thành điều kiện, là động cơ để những người dân Đồng Nai vốn yêu chuộng hòa bình sẵn sàng xả thân, cầm vũ khí, trở thành người lính đứng lên chống kẻ thù xâm lược và bè lũ tay sai.

Đồng Nai là một địa phương có vị trí đặc biệt trong khu vực miền Đông và Nam Bộ.

Trong cuộc phân tranh trước đây giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn (1627 – 1672), xứ Đồng Nai là chỗ dựa để các chúa Nguyễn xây dựng lực lượng vũ trang, hậu cần, quốc phòng để chặn đứng quân Trịnh ở Đàng Ngoài. Xứ Đồng Nai cũng từng là bàn đạp quan trọng để nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy ba lần tiến quân đánh bại chúa Nguyễn, đánh chiếm Gia Định.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất, Đồng Nai là căn cứ của nghĩa quân Trương Định. Nhân dân Đồng Nai, những người chân lấm tay bùn, những nho sĩ, người lao động yêu nước không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng, đã tham gia chống giặc ngoại xâm. Nhân dân Đồng Nai chính là nguồn nhân vật lực quan trọng đảm bảo cho cuộc sống kháng chiến lâu dài.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai và chống Mỹ cứu nước, chiến trường Đồng Nai tuy nhiều lần được tổ chức, bố trí lại nhưng luôn có một vị trí chiến lược quan trọng.

Kẻ thù đã tổ chức, xây dựng Đồng Nai thành một tuyến phòng thủ phía Đông của thủ phủ ngụy quyền ở Sài Gòn; một trung tâm đầu não đánh phá cách mạng ở miền Đông Nam Bộ với những cơ quan chỉ huy, căn cứ quân sự, kho tàng lớn.

Dựa vào thế rừng núi, sông nước và địa hình tự nhiên, với lòng yêu nước luôn luôn hướng về cách mạng, Đảng bộ và lực lượng vũ trang Đồng Nai đã xây dựng

được một thế vững chắc, không chỉ tiến quân địch trên địa bàn, mà còn tạo ra một bàn đạp tiến công địch ở Sài Gòn – đầu não Mỹ, ngụy.

Đồng Nai vì vậy trở thành chiến trường rất ác liệt, nơi đối đầu giữa một bên là kẻ thù xâm lược và bè lũ tay sai với một bên là lực lượng cách mạng. Trong các cuộc chiến tranh, kẻ thù bao giờ cũng có ưu thế về quân số trang thiết bị và trang thiết bị chiến tranh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã có các tổ chức vũ trang tiền thân từ rất sớm. Đó là đội Xích vệ hình thành từ đội ngũ công nhân cao su ở Phú Riềng khi được giác ngộ giai cấp; là đội du kích trong khởi nghĩa Nam Kỳ, với nguồn gốc xuất thân là những công nhân địa phương bị bóc lột tận cùng bởi địa chủ, tư bản thực dân.

Trong cao trào Cách mạng tháng Tám 1945, những đội Thanh niên Tiền phong với trang bị thô sơ, được Đảng tổ chức chỉ huy thống nhất, đã nhất tề đứng lên làm nòng cốt phát động toàn dân lật đổ gông xiềng, phát xít của thực dân, cùng cả nước giành độc lập dân tộc – một lý tưởng cao cả của dân tộc trải bao đời tranh đấu và hy sinh.

Trong suốt cuộc trường chinh chống thực dân, đế quốc, lý tưởng độc lập dân tộc từ Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ bao tầng lớp, bao thế hệ cầm súng chiến đấu.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, “tính nhân dân” của lực lượng vũ trang Đồng Nai càng thể hiện một cách rõ ràng và phổ biến.

Tính chất nhân dân đó xuất phát từ tư tưởng truyền thống quân sự của cha ông ta “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”, từ quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê-nin “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, thực hiện lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ, “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, gậy gộc...” để cứu nước.

Vận dụng đường lối của Đảng: “kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện” khi cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ (23 tháng 9 năm 1945), các tầng lớp nhân dân Niên Hòa – Đồng Nai, kẻ gác bút nghiên, người ngừng tay cày, tay búa... thoát ly đi kháng chiến, đáp lời sông núi. Hàng loạt nhóm vũ trang nhân dân, tự vệ do những người yêu nước tổ chức đã hình thành.

Khi Đảng thống nhất lãnh đạo, các nhóm vũ trang đã thống nhất chỉ huy, tổ chức, phiên chế, lực lượng vũ trang cách mạng Đồng Nai chính thức ra đời (tháng 6 năm 1946 với Chi đội 10 Biên Hòa). Đó là lực lượng vũ trang cách mạng của



Đảng, là công cụ bảo vệ thành quả cách mạng, lực lượng nòng cốt trong kháng chiến.

Những đơn vị “bộ đội cụ Hồ” ở Đồng Nai khi thành lập đông đảo là nông dân, công nhân (nhà máy đồn điền cao su), học sinh, trí thức, không phân biệt tôn giáo, dân tộc, đảng phái, tín ngưỡng, thể hiện rõ tính nhân dân.

Mặt khác tính nhân dân của lực lượng vũ trang Đồng Nai còn thể hiện qua cách tổ chức còn rất sớm ba loại hình vũ trang,<sup>(1)</sup> tiền thân của ba thứ quân sau này trên địa bàn (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tính chất nhân dân của lực lượng vũ trang Đồng Nai thể hiện cụ thể hơn qua các công tác tổ chức bộ máy, chỉ huy, huấn luyện, tác chiến và sự phối hợp nhịp nhàng giữa ba thứ quân trong từng đợt hoạt động, từng chiến dịch, thậm chí từng trận đánh.

Tính chất nhân dân của lực lượng vũ trang địa phương còn thể hiện rõ qua các phương thức tổ chức loại hình vũ trang thoát ly và không thoát ly sản xuất, công khai và bí mật. Nhân dân Đồng Nai ở vùng căn cứ, vùng giải phóng, hoặc vùng tạm chiếm, khi cần chiến đấu thì lập tức trở thành chiến sĩ cách mạng có vũ trang có thể tác chiến độc lập (diệt ác phá kiềm), hoặc phối hợp với lực lượng vũ trang cấp trên và địa phương đánh địch. Không chỉ trực tiếp chiến đấu, nhân dân Đồng Nai còn là lực lượng phục vụ chiến đấu đặc lực (nắm tin, giao liên, trinh sát, hậu cần tiếp tế).

Tính chất nhân dân của lực lượng vũ trang Đồng Nai còn thể hiện rất rõ qua kết quả hoạt động tác chiến của lực lượng kháng chiến, nếu không có nhân dân và du kích mật bên trong, không có “tai mắt” nhân dân không thể có được những trận đánh và chiến thắng như trận tập kích đầu tiên vào trung tâm tỉnh lỵ Biên Hòa (1 tháng 1 năm 1946); không có chiến thắng La Ngà (1 tháng 3 năm 1948)... trong chống Pháp, nếu không có nhân dân thì không có sự phối hợp nhịp nhàng để làm nên một trận tập kích vào Nhà Xanh (ngày 7 tháng 7 năm 1959) – một “trận đánh diệu kỳ” (như báo chí phương Tây gọi). Không có nhân dân, không thể tạo ra được bàn đạp, những “căn cứ lòng dân” để các lực lượng vũ trang làm nên những chiến công vang dội ở sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, hay một chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968, chiến dịch Xuân Lộc, đập tan “cánh cửa thép” cuối cùng của Mỹ, nguy ở phía đông Sài Gòn trong mùa Xuân năm 1975, góp phần giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Và nếu không có nhân dân thì chắc hẳn các đoàn hậu cần 81, 84, 814 hậu cần của quân khu, tỉnh không thể xây dựng được những cửa khẩu hậu cần quan trọng trên các tuyến giao thông quốc lộ 1, quốc lộ 15, 20...<sup>(2)</sup> đảm bảo cung ứng lương

<sup>1</sup>. Chi đội 10, quận quân sự, Ban công tác liên thôn.

<sup>2</sup>. Như Bình Sơn, Phước Thái, Cẩm Mỹ, cây số 116, 125...

thực, hàng hóa cần thiết cho các lực lượng kháng chiến không chỉ ở địa phương, mà còn cho các lực lượng cấp trên về hoạt động và phối hợp tác chiến.

Thực tế qua cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc cho thấy, lực lượng vũ trang Đồng Nai từ nhân dân mà hình thành, là lực lượng nòng cốt cho cuộc kháng chiến của tỉnh.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, Tỉnh ủy, Đảng ủy quân sự, Ban chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai luôn luôn quán triệt quan điểm quân sự của Đảng, quan điểm “lấy dân làm gốc” trong việc xây dựng, tổ chức và huấn luyện lực lượng vũ trang.

Trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lực lượng vũ trang Đồng Nai luôn phát huy truyền thống trong kháng chiến, lấy công tác dân vận là một nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, kết hợp chặt chẽ cùng Mặt trận, các đoàn thể chính trị thực hiện đi vào nhân dân bằng những phong trào cụ thể (giúp dân làm nhà, làm đường, giải quyết môi trường...) được nhân dân tin tưởng. Nhờ vậy có thể nói lực lượng vũ trang tỉnh đã hoàn thành được nhiệm vụ đảm bảo an ninh chính trị, an ninh quốc phòng, giữ vững bản chất “anh bộ đội Cụ Hồ”, góp phần tạo điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

*Trung thành với Đảng, tin vào lý tưởng chiến đấu, biết tin và dựa vào dân để vượt qua khó khăn giành thắng lợi là truyền thống và bản chất tốt đẹp của lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai.*

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời không chỉ là bước ngoặt của cách mạng nước ta, đề ra được con đường giải phóng dân tộc, mà còn là bước ngoặt cho vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Đặc biệt từ hội nghị Trung ương lần 8 (tháng 6 năm 1941) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, vấn đề giải phóng dân tộc và phương thức sử dụng bạo lực cách mạng, làm nòng cốt để làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám 1945.

Ở Biên Hòa – Đồng Nai, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, giữ vững nền độc lập còn non trẻ, Tỉnh ủy đã nhận thức rõ vai trò của lực lượng vũ trang cách mạng bằng sự kiện cho thành lập Trại du kích Vĩnh Cửu để đào tạo cán bộ quân sự và lực lượng vũ trang. Đó là trường quân chính đầu tiên ở miền Đông bấy giờ. Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố đầu tiên có tính quyết định cho sự hình thành quân đội cách mạng.

Do điều kiện khách quan, nhiều đơn vị vũ trang đã hình thành ở Biên Hòa khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược. Không phải các đơn vị này đều có Đảng lãnh đạo, nhưng tất cả có chung một điểm là lòng yêu nước, ý chí quyết chiến để bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Khi các lực lượng vũ trang thống nhất (với Chi đội 10 Biên Hòa thành lập tháng 6 năm 1946), Chi ủy Chi đội thành lập là một bước ngoặt quan trọng đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng với lực lượng vũ trang cách mạng.

Những năm đầu kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Biên Hòa – Đồng Nai là nơi sớm hình thành lực lượng vũ trang cách mạng do Đảng lãnh đạo (tháng 2 năm 1957, so với các tỉnh miền Đông lúc đó).

Ba mươi năm chiến tranh giải phóng dân tộc, Biên Hòa – Đồng Nai luôn giữ một vị trí chiến lược quan trọng. Với đế quốc Mỹ và tay sai, Đồng Nai là trung tâm chỉ huy đầu não của địch ở miền Đông với những căn cứ quân sự lớn, những kho tàng, bến cảng quân sự quan trọng, nơi địch tập trung binh lực lớn cả quân viễn chinh Mỹ, các loại quân chư hầu và quân ngụy. Chiến trường Đồng Nai thường xuyên bị chia cắt. Đặc biệt từ sau năm 1969 đến 1971, địch kết hợp phá địa hình với phong tỏa kinh tế, đường giao thông gây cho ta nhiều khó khăn.

Sống và chiến đấu trên một chiến trường khó khăn, gian khổ như vậy, đòi hỏi lực lượng vũ trang địa phương phải luôn phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo và quan hệ chặt chẽ với nhân dân. Lực lượng vũ trang Đồng Nai đã thể hiện rõ bản lĩnh và bản chất “anh bộ đội cụ Hồ”: luôn xác định rõ động cơ và lý tưởng chiến đấu của Đảng vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

Lý tưởng và niềm tin đó đã làm nên sức mạnh tinh thần, giúp cho lực lượng vũ trang địa phương bám trụ địa bàn, chiến đấu kiên cường và vượt qua những thử thách lớn. Đặc biệt trong hai giai đoạn khó khăn 1954 – 1959, 1969 – 1971, lực lượng vũ trang Đồng Nai dù chiến đấu ở vùng ven đô thị, vùng nông thôn đồng bằng hay căn cứ, vẫn luôn thể hiện sự trung thành với lý tưởng chiến đấu, tin và dựa vào dân để vượt qua khó khăn, phát triển lực lượng và chiến đấu.

Không có lý tưởng và động cơ chiến đấu, không có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, không thể phát huy sáng tạo, vận dụng kinh nghiệm chiến đấu ở chiến khu Đ, ở Tam An, Tam Phước, Phước An; không thể có sức sáng tạo ra những loại vũ khí có sức công phá lớn, hiệu quả cao và gây cho địch nhiều bất ngờ (như mìn tự tạo từ bom pháo lép của giặc, chế ngòi nổ bằng phèn chua hẹn giờ để đánh tàu thuyền, bến cảng của địch).

Tin dân và dựa vào dân, nhất là những giai đoạn chiến tranh ác liệt, khó khăn nhất, lực lượng vũ trang Đồng Nai không chỉ giải quyết được lương thực, thực phẩm, các vật dụng cần cho kháng chiến, mà còn tạo ra được nguồn nhân lực to lớn trong dân để bổ sung và phát triển lực lượng.

*Sự đoàn kết gắn bó Quân, Dân, Chính, Đảng là truyền thống được xây dựng từ thực tế chiến đấu.*

Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong quá trình dựng nước và giữ nước. Trong quá trình mở đất phương Nam, truyền thống đoàn kết đó là hành trang chính, để cha ông ta tạo được sự gắn bó chặt chẽ với các cộng đồng dân tộc khác trên địa bàn, xây dựng nên một xứ Đồng Nai trù phú xanh tươi.

Sự đoàn kết gắn bó Quân – Dân – Chính – Đảng ở tỉnh Đồng Nai, trước hết xuất phát từ đặc điểm của dân tộc ta, một đất nước không rộng, dân không đông, nhưng luôn luôn phải đối đầu với những thế lực thù địch và xâm lược lớn mạnh (từ thời phong kiến cho đến thời tư bản thực dân, đế quốc). Chỉ có đoàn kết toàn dân, chung sức chung lòng mới có điều kiện đánh bại các thế lực ngoại xâm.

Sự đoàn kết gắn bó đó còn xuất phát từ lý tưởng và nhiệm vụ cách mạng. Gần một trăm năm bị thực dân đô hộ, Cách mạng tháng Tám dưới sự lãnh đạo của Đảng đã mang lại độc lập, tự do, mang lại quyền làm người cho toàn dân. Độc lập tự do là lý tưởng, là nguyện vọng bao đời của dân tộc, trong đó có nhân dân Đồng Nai. Chính vì thế khi thực dân Pháp trở lại xâm lược, nhân dân Đồng Nai đã không tiếc xương máu, không do dự, sẵn sàng tự nguyện tham gia chiến đấu và phục vụ kháng chiến. Lực lượng vũ trang Đồng Nai từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu do đó, đoàn kết không chỉ là phương châm, nguyên tắc hoạt động của lực lượng vũ trang, mà còn là tình cảm rất tự nhiên trong chiến đấu của mỗi cán bộ, chiến sĩ.

Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tình đoàn kết Quân – Dân – Chính – Đảng được thể hiện cụ thể, thường xuyên thông qua nhiều hình thức, và phong trào vận động rất phong phú. Ngay thời kỳ đầu kháng chiến, các phong trào như “tuần lễ vàng, tuần lễ bạc”, “tiêu thổ kháng chiến”, “mùa đông binh sĩ”, phong trào kết nghĩa giữa các đoàn thể kháng chiến với bộ đội... cho thấy giữa Đảng, nhân dân và bộ đội chỉ có một lý tưởng, một con đường chiến đấu vì độc lập dân tộc. Trong kháng chiến chống Mỹ, dân là tai mắt của lực lượng vũ trang, là nguồn hậu cần thường xuyên, là trinh sát giao liên, là lực lượng bảo vệ cho vũ trang, phối hợp chặt chẽ trong đấu tranh ba mũi giáp công và khi cần, nhân dân có thể và sẵn sàng trở thành chiến sĩ trực tiếp chiến đấu cùng với lực lượng vũ trang.

Sự đoàn kết gắn bó còn xuất phát từ đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là đường lối giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội; đường lối kháng chiến toàn dân toàn diện, lấy chiến tranh nhân dân đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân, đế quốc và tay sai.

Trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang Đồng Nai tích cực tham gia xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng đã góp phần tạo ra một xã hội an ninh trật tự đảm bảo phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa xã hội. Để đạt được những thành tựu đó, lực lượng vũ trang tỉnh luôn gắn bó chặt chẽ cùng các đoàn

thể cách mạng của quần chúng, tạo ra phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc phòng rộng rãi trong toàn dân. Các phong trào lực lượng vũ trang đến với dân, giúp dân trong cuộc sống thường nhật đã tăng cường niềm tin của dân và bộ đội, xiết chặt mối quan hệ chặt chẽ gắn bó giữa Quân với Dân.

*Những truyền thống cơ bản nói trên đã trở thành bản chất, thành một yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh, thành động cơ để lực lượng vũ trang Đồng Nai không ngừng học tập, huấn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

\* \*  
\*

Qua quá trình hình thành, phát triển, chiến đấu và xây dựng lực lượng vũ trang Đồng Nai, trên nề tảng những truyền thống quý báu, có thể rút ra những nguyên nhân tạo nên thắng lợi, nhằm tiếp tục xây dựng, phát triển và nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh nhà là:

*- Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt lực lượng vũ trang, là nguyên nhân cơ bản tạo nên sức mạnh và thắng lợi trong chiến đấu và xây dựng.*

Đây là bài học có tính nguyên tắc trong quá trình, chiến đấu và phát triển của các lực lượng vũ trang Đồng Nai.

Sau cách mạng tháng Tám 1945, do đặc điểm, vị trí của tỉnh có rừng núi, lại sát cạnh Sài Gòn, Biên Hòa là nơi hình thành và đứng chân của nhiều đơn vị vũ trang. Tuy có cùng một mục đích kháng chiến chống thực dân Pháp, nhưng do thiếu sự chỉ huy chung, thiếu một đường lối kháng chiến, các lực lượng vũ trang này chưa có được một sự phối hợp chặt chẽ, giữa các đơn vị vũ trang với các tổ chức chính quyền, đoàn thể cũng chưa có sự phối hợp, hỗ trợ nhau một cách nhịp nhàng, chưa thật sự vững chắc về tư tưởng chính trị và lý tưởng kháng chiến.

Khi lực lượng vũ trang tỉnh chính thức thành lập với Chi đội 10 Biên Hòa, nhất là khi tổ chức Đảng trong đơn vị hình thành (Chỉ huy Chi đội 10) công tác phát triển Đảng được tiên hành có nền nếp, tổ chức Đảng được tổ chức xuống đến các đại đội, trung đội (từ năm 1947), việc lãnh đạo, chỉ đạo với lực lượng vũ trang mới chặt chẽ, đảm bảo sự vững mạnh trong xây dựng và chiến đấu. Từ cuối năm 1947, khi Tỉnh đội bộ, huyện đội bộ dân quân hình thành, ba thứ quân trên địa bàn từng bước được xây dựng, cơ chế chính trị viên trong lực lượng vũ trang được thực hiện, chỉ huy lực lượng vũ trang là thành viên của Ủy ban kháng chiến hành chính, sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với lực lượng vũ trang được xác lập một cách vững chắc.

Chính sự lãnh đạo của Đảng qua công tác giáo dục, học tập, huấn luyện, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang đã xác định rõ ràng mục tiêu lý tưởng cách mạng, phương châm kháng chiến “toàn dân, toàn diện, trường kỳ” Sự quán triệt và thống nhất đường lối kháng chiến, lý tưởng cách mạng đã tạo nên động cơ, động lực chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ làm nên sức mạnh tinh thần để lực lượng vũ trang vượt qua mọi khó khăn gian khổ ác liệt của cuộc kháng chiến để giành thắng lợi như những thời kỳ 1949 – 1950 , sau bão lụt năm Nhâm Thìn 1952, thời kỳ sau Mậu Thân 1968...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cán bộ, chiến sĩ đều quán triệt quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, tin dân, dựa vào dân, từ đó tăng cường đoàn kết Quân, Dân, Chính, Đảng, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh hai chân, ba mũi, đẩy lui địch từng bước, đánh bại địch từng phần, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy đánh bại địch hoàn toàn.

Dựa vào đường lối cách mạng của Đảng, sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng, trong từng giai đoạn chiến lược, từng thời kỳ cách mạng, lực lượng vũ trang Biên Hòa – Đồng Nai kết hợp chặt chẽ cùng các đơn vị cấp trên cùng nhân dân thực hiện các trận đánh, các đợt hoạt động, các chiến dịch... đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng.

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã không ngừng nâng cao giác ngộ lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đã không ngừng học tập, huấn luyện, nâng cao trình độ nhận thức chính trị, trình độ kỹ thuật, chiến thuật từng bước tiến lên chính quy hiện đại, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn.

*- Công tác Đảng, công tác chính trị là yếu tố tạo nên động lực và sức mạnh tinh thần của lực lượng vũ trang.*

Công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhằm tạo nên sự thống nhất về nhận thức chính trị, tư tưởng, ý chí quyết chiến, quyết thắng của lực lượng vũ trang Biên Hòa – Đồng Nai.

Lực lượng vũ trang Đồng Nai từ nhân dân mà hình thành, bao gồm các thành phần giai cấp, các tầng lớp người yêu nước. Do đó để tạo nên sự thống nhất về tư tưởng, mục đích lý tưởng kháng chiến, ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang đã được chú trọng. Để thực hiện công tác này các đơn vị vũ trang tỉnh, huyện đều tổ chức các cơ quan công tác chính trị như: Ban công tác chính trị Chi đội 10, Trung đoàn 310, Phòng chính trị tỉnh đội, Ban tuyên huấn... để phụ trách công tác chính trị. Công tác chính trị được tiến hành bằng nhiều hình thức phong phú như mở lớp huấn

luyện, đào tạo, tập huấn đường lối, học tập nghị quyết, các sinh hoạt nội bộ như văn hóa, văn nghệ..., các đợt thi đua quyết thắng, các đợt chinh quân...

Qua công tác chính trị, các lực lượng vũ trang Đồng Nai luôn luôn nhận thức được đặc điểm tình hình, những khó khăn thử thách, nhiệm vụ chính trị của địa phương và đơn vị trong từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng, từ đó xác nhận được trách nhiệm củng cố quyết tâm chiến đấu, và chiến thắng kẻ thù.

Nhờ thế trong từng chặng đường chiến đấu, đặc biệt ở những giai đoạn khó khăn ác liệt nhất (như thời kỳ 1949 – 1950, sau bão lụt năm 1952 trong chống Pháp; thời kỳ 1962 – 1963, 1969 – 1971... trong chống Mỹ), lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của cấp ủy luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng, kiên cường bám trụ để tấn công địch, dựa vào cơ sở nhân dân để vượt qua mọi gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu và chiến thắng. Hoặc như thời kỳ sau khi có hiệp định Pa-ri (27 tháng 1 năm 1973) để xây dựng quyết tâm chiến đấu tiến công địch, tránh tư tưởng hòa bình, nghỉ ngơi, Tỉnh ủy, Đảng ủy quân sự đã mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn quân nhằm quán triệt Nghị quyết 21 Trung ương, Nghị quyết 12 Trung ương Cục miền Nam, nhờ vậy xác định rõ mục tiêu chiến đấu, tạo ra động lực mới cho lực lượng vũ trang tiếp tục tấn công địch giành thắng lợi hoàn toàn.

Qua công tác chính trị, lực lượng vũ trang Đồng Nai đã luôn phát huy được truyền thống yêu nước, phát huy bản chất anh “bộ đội cụ Hồ”, kiên định lập trường với kẻ thù, nhưng luôn luôn gần dân, được dân tin tưởng và thương yêu.

*- Công tác dân vận trên địa bàn là nhiệm vụ quan trọng của lực lượng vũ trang để phát huy truyền thống đoàn kết Quân Dân.*

Đồng Nai là chiến trường khá phức tạp về cấu tạo dân cư. Đặc biệt trong thời kỳ chống Mỹ, để chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, đế quốc Mỹ và tay sai đã cưỡng ép dân có đạo từ miền Bắc vào, bố trí trên những vùng có tính chiến lược để tạo hậu thuẫn chính trị cho chế độ tay sai; thực hiện gom tát dân miền Trung, miền Đông, Cam-pu-chia... vào lộ 20 lộ 1, lộ 2... Chúng thực hiện nhiều thủ đoạn xuyên tạc, tuyên truyền nói xấu cách mạng, nhiều biện pháp đánh phá, khủng bố, nhằm mục đích tách dân xa cách mạng, làm cho ác lực lượng kháng chiến không vào được trong dân để cô lập và tiêu diệt.

Do đó có thể đánh bại âm mưu của đế quốc tay sai, để xây dựng được cơ sở cách mạng, xây dựng địa bàn đứng chân hoạt động, ngoài nhiệm vụ chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang Đồng Nai phải tiến hành công tác vận động quần chúng luôn được quán triệt là một trong ba nhiệm vụ chính trị thường xuyên quan trọng.

Công tác dân vận được lực lượng vũ trang Đồng Nai thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, hình thức vũ trang

tuyên truyền xây dựng cơ sở trong quần chúng được thực hiện rất phổ biến. Trong kháng chiến chống Pháp, Chi đội 10, Tỉnh đội Biên Hòa đã từng tổ chức những đội vũ trang tuyên truyền vào vùng dân tộc ít người, vùng thị xã thị trấn (như ở thị xã Biên Hòa, Xuân Lộc), vùng cao su (như Trảng Bom), Chính nhờ thế, ta tập hợp được đồng bào dân tộc, xây dựng được cơ sở và huy động được sức dân ủng hộ kháng chiến. Trong chống Mỹ, từ năm 1960, Tỉnh ủy Biên Hòa đã xây dựng Ban cán sự di cư để vận động đồng bào dân tộc, đồng bào có đạo, sau đó chuyển thành Ban Cán sự Đảng, rồi huyện ủy Trảng Bom để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào đấu tranh ở một địa bàn có đông giáo dân và người dân tộc. Năm 1972, khi địch hình thành những khu gom dân trên lộ 1 (chi khu lưu vong Lộc Ninh, An Lộc, Bình Khánh từ căn cứ 1 đến căn cứ 5), Ban Cán sự di dân (đa số là bộ đội chuyển sang) đã được hình thành.

Các đơn vị này đã kiên trì bám vào dân, thọc sâu vùng địch kiểm soát, trên các lộ giao thông giải truyền đơn, tuyên truyền giải thích đường lối kháng chiến, vạch trần âm mưu xâm lược của kẻ thù. Các đơn vị với hình thức “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) gần dân, thân dân, giúp dân, đã từng bước làm thất bại các âm mưu xuyên tạc, nói xấu cách mạng của địch, và bằng hành động thực tế làm chuyển biến nhận thức của đồng bào, từng bước xây dựng cơ sở cách mạng trong dân, mở rộng phong trào quần chúng ủng hộ, tham gia kháng chiến.

Một hình thức vận động quần chúng có hiệu quả trong cả hai cuộc kháng chiến là tổ chức phong trào kết nghĩa giữa các đơn vị vũ trang với các đoàn thể cách mạng, các Hội quần chúng (Hội mẹ, Hội chị, Hội cha chiến sĩ). Qua các phong trào này, các lực lượng vũ trang tạo được niềm tin với dân, xây dựng khối đoàn kết quần dân ngày một bền vững, tạo nên truyền thống gắn bó chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang với nhân dân.

Sau ngày thống nhất đất nước, lực lượng vũ trang Đồng Nai thường xuyên phối hợp với các đoàn thể xuống tận thôn ấp nơi vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, để tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh... Bằng những hành động thiết thực tham gia xóa đói giảm nghèo, giúp dân khắc phục thiên tai (chống lụt bão, chống hạn...) cải tạo môi trường, xây dựng lối sống ở thôn, ấp..., thực sự tạo được niềm tin trong dân.

*- Xây dựng căn cứ địa, hậu phương kháng chiến vững chắc, nơi đứng chân xây dựng lực lượng cách mạng, bàn đạp tiến công của lực lượng vũ trang, là yếu tố quan trọng để giành thắng lợi.*

Vấn đề căn cứ địa, hậu phương cách mạng là một trong những nhân tố thường xuyên có tính quyết định vận mệnh của cuộc chiến tranh. Kế thừa truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc của cha ông, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Biên



Hòa đã từng có căn cứ Giao Loan, Bàu Cá làm nơi đứng chân xây dựng lực lượng và chiến đấu của nghĩa quân Trương Định.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc và bè lũ tay sai, ngay từ đầu khi hình thành lực lượng vũ trang cách mạng, vấn đề xây dựng căn cứ kháng chiến được Tỉnh ủy và các cấp chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương đặt ra. Dựa vào thế địa hình ngập mặn (rừng, núi, sông)..., từ năm 1946, Tỉnh ủy Biên Hòa đã từng bước xây dựng, mở rộng vùng rừng núi Tân Uyên, vùng rừng ngập mặn Nhơn Trạch thành những căn cứ kháng chiến vững chắc, nơi đứng chân của các cơ quan chỉ huy, lãnh đạo (của Biên Hòa – Đồng Nai và của cả cấp trên) là cơ sở hậu cần, nơi huấn luyện, xây dựng bàn đạp tiến công địch của các lực lượng vũ trang.

Thực tế qua 30 năm chiến tranh giải phóng, chiến khu Đ, chiến khu Rừng Sác đã thể hiện được vai trò, vị trí quan trọng trong việc xây dựng hậu cần, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân. Những thắng lợi của các lực lượng vũ trang chiến đấu trên địa bàn Biên Hòa – Đồng Nai trong hai cuộc kháng chiến đều có sự đóng góp to lớn của các căn cứ kháng chiến (như chiến thắng La Ngà, đánh sân bay Biên Hòa, các cuộc tấn công vào tổng kho Long Bình, kho Thành Tuy Hạ, các cơ quan chỉ huy của địch, đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu, đánh các kho tàng quân sự bên cảng, tham gia Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, Kỷ Dậu 1969, và Tổng tiến công nổi dậy năm Xuân 1975, giải phóng toàn tỉnh, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam).

Tùy theo địa hình và điều kiện từng vùng, Biên Hòa còn hình thành nhiều lổm căn cứ, căn cứ du kích <sup>(1)</sup> hợp cùng hai căn cứ lớn nói trên, tạo thành một hệ thống căn cứ liên hoàn, giúp cho các lực lượng vũ trang “tiên có thể đánh, lui có thể giữ”; đồng thời tạo nên một hành lang giao liên rất thuận lợi cho tiếp tế, thông tin, chuyển quân của lực lượng vũ trang.

Ngoài căn cứ kháng chiến xây dựng trên địa hình tự nhiên, Biên Hòa – Đồng Nai còn một loại hình căn cứ rất qua trọng: đó là căn cứ “lòng dân”. Căn cứ đặc biệt này dựa vào lòng yêu nước, căm thù giặc sâu sắc của nhân dân, dựa vào việc phát triển cơ sở cách mạng (cả ở vùng giải phóng, tranh chấp, tạm chiếm). Các căn cứ “lòng dân” này chính là nơi bảo vệ cán bộ, chiến sĩ, nơi bám trụ, ém quân, cất giấu vũ khí, tạo cơ sở cho các lực lượng vũ trang đánh vào các trung tâm chỉ huy đầu não, các hậu cứ, căn cứ quân sự của địch giành thắng lợi.

Trong hai cuộc kháng chiến, căn cứ kháng chiến ở Biên Hòa – Đồng Nai luôn luôn là nỗi sợ của kẻ thù như chúng từng đánh giá “chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất”. Mọi âm mưu đánh phá căn cứ của địch như dùng bom pháo, chất độc hóa học, bộ binh, biệt kích đều bị các lực lượng vũ trang đánh bại. Sự tồn tại và phát

---

<sup>1</sup>. Như Hồ Cạn, Bình Đa, Long Bình, Phước An, Tam Phước, Bình Lộc, Bảo Vinh.

triển của các căn cứ kháng chiến trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc góp phần to lớn vào thắng lợi chung: giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Sau ngày giải phóng, việc xây dựng căn cứ, hậu phương ở Đồng Nai chuyển sang một hình thức mới, phù hợp với hai chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đó là việc xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Lấy việc xây dựng tiềm lực kinh tế phát triển lớn mạnh theo hướng kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và xây dựng thể trận lòng dân vững chắc làm nền tảng và cơ sở để xây dựng nên quốc phòng toàn dân, xây dựng thể trận quốc phòng – an ninh nhân dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, sẵn sàng chiến đấu cao; bảo đảm cho quân dân Đồng Nai sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

*- Tổ chức lực lượng linh hoạt, vận dụng sáng tạo nhiều cách đánh phù hợp với đặc điểm địa bàn là điều kiện giành thắng lợi và xây dựng thể trận phòng thủ khu vực vững chắc.*

Biên Hòa – Đồng Nai là chiến trường có địa hình đa dạng, có nông thôn, đồng bằng, đô thị và rừng núi, nhân dân yêu nước, hoàn toàn có điều kiện để tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân.

Từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhận thức rõ đặc điểm địa lý, kinh tế và dân cư, Ban chỉ huy lực lượng vũ trang Biên Hòa đã sớm hình thành các loại hình tổ chức lực lượng vũ trang,<sup>(1)</sup> tạo cơ sở bước đầu cho việc hình thành hệ thống tổ chức quân sự địa phương của tỉnh sau này. Từ năm 1968, lực lượng vũ trang ở Biên Hòa đã được tổ chức hoàn chỉnh gồm bộ đội tập trung cơ động tỉnh, bộ đội địa phương huyện và du kích xã ấp, đảm bảo việc bổ sung quân từ cơ sở cho trên, tăng cường lực lượng ở trên về hỗ trợ cho cơ sở; đảm bảo thể đứng chân tác chiến của lực lượng ba vùng, phối hợp tác chiến có hiệu quả và hỗ trợ thường xuyên cho phong trào địa phương.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, từ sau Đồng khởi, lực lượng vũ trang Biên Hòa – Đồng Nai nhanh chóng hình thành và phát triển thành các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện, du kích xã ấp, các đơn vị đặc công, biệt động, tự vệ mật trong thị xã và thành phố Biên Hòa. Đồng thời do đặc điểm yêu cầu của chiến trường, trên địa bàn Biên Hòa – Đồng Nai thường xuyên có các lực lượng vũ trang chủ lực Khu, Miền, Bộ về kết hợp tác chiến trong từng đợt hoạt động, từng chiến dịch. Việc kết hợp chặt chẽ giữa quân chủ lực cấp trên với quân địa phương đã phát huy hiệu quả các phương thức tác chiến của của chiến tranh nhân dân địa phương và của các bộ đội, binh đoàn chủ lực; tiêu hao, tiêu diệt lớn sinh lực và

---

<sup>1</sup>. Như các quận quân sự, các Ban công tác liên thôn...

phương tiện chiến tranh của Mỹ, nguy, hỗ trợ chiến trường chung toàn Miền, góp phần làm thay đổi cục diện chiến trường.

Trên cơ sở so sánh tương quan lực lượng ta và địch, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy Biên Hòa – Đồng Nai, lực lượng vũ trang tỉnh trong tác chiến luôn có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chính trị và binh vận tại chỗ, tạo thành thế trận ba mũi quân sự - chính trị - binh vận, kết hợp tiến công và nổi dậy, nổi dậy với tiến công làm tan rã địch.

Đặc biệt, trên cơ sở chiến tranh du kích phát triển cao, tinh thần mưu trí sáng tạo của lực lượng vũ trang tại chỗ, Biên Hòa là nơi ra đời cách đánh đặc biệt: với lực lượng ít, tinh nhuệ, trang bị gọn, mạnh, bí mật luôn sâu đánh hiểm diệt gọn mục tiêu địch, là tiền đề để hình thành chiến thuật đánh đặc công và làm xuất hiện Binh chủng Đặc công của quân đội ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Lực lượng đặc công và cách đánh đặc công trong chống Mỹ trên chiến trường Biên Hòa đã phát triển rất cao và với nhiều hình thức phong phú: đặc công đánh bộ, đặc công đánh thủy, đặc công biệt động, đặc công kết hợp với bộ binh, đặc công kết hợp cơ sở bí mật, nội tuyến, đặc công kết hợp pháo binh...; sáng tạo nhiều loại vũ khí, đặc biệt biết tận dụng các loại bom, mìn của địch chế tạo thành vũ khí đánh diệt tàu thuyền, máy bay và các phương tiện chiến tranh của địch rất hiệu quả. Với các Tiểu đoàn 1, 2 đặc công Biên Hòa, các đội biệt động thị xã (Biên Hòa, Long Khánh), các đơn vị đặc công của tỉnh đội, huyện đội, các đoàn đặc công của Miền như Đoàn 113, 116, Đoàn 10 Rừng Sác, cộng với cách đánh đặc công của du kích, cơ sở mật của Biên Hòa, Long Khánh đã tổ chức được “vành đai diệt phương tiện chiến tranh” của Mỹ, nguy đạt hiệu suất chiến đấu cao, góp phần to lớn trong việc kết hợp và hỗ trợ chiến trường chung.

Sau ngày đất nước thống nhất, Đảng bộ Tỉnh Đồng Nai, Đảng ủy, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh luôn quan tâm xây dựng nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang; củng cố kiện toàn tổ chức, huấn luyện nâng cao trình độ lãnh đạo, tổ chức chỉ huy của cán bộ, trình độ chiến thuật, kỹ thuật tác chiến cho cán bộ, chiến sĩ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đảng, chính quyền, nhân dân, các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội..., góp phần ổn định tình hình và phát triển kinh tế trong tỉnh.

*- Phát huy tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo của lực lượng vũ trang.*

Biên Hòa – Đồng Nai là chiến trường xa Trung ương, thường bị chia cắt, sản xuất lương thực ít, việc chi viện, tiếp tế từ Trung ương, Trung ương Cục và Khu cho chiến trường thường gặp nhiều khó khăn. Cộng vào đó, đây là chiến trường địch đánh phá rất ác liệt, phong tỏa kinh tế, do đó để tồn tại và phát triển, đòi hỏi

cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương phải không ngừng phát huy tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo, đặc biệt trong việc giải quyết hậu cần tại chỗ, đáp ứng nhu cầu kháng chiến.

Trong hai cuộc kháng chiến, vào những thời kỳ khởi đầu cuộc chiến tranh, lực lượng vũ trang Biên Hòa – Đồng Nai đều phải dựa vào sự đóng góp của nhân dân. Tuy nhiên khi cuộc chiến tranh ngày càng ác liệt, địch phong tỏa ngăn chặn, đánh phá bằng những thủ đoạn tách dân với cách mạng, thì một trong những biện pháp giải quyết khó khăn là lực lượng vũ trang và cán bộ, chiến sĩ phải ra sức phát huy tinh thần tự lực, tự cường.

Cả trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Tỉnh ủy Biên Hòa – Đồng Nai đều thực hiện phương châm “vũ khí trong đồn giặc và lương thực trên đường giao thông”, thể hiện không chỉ quyết tâm kháng chiến, tấn công địch mà còn thể hiện tinh thần tự lực. Bằng tinh thần sáng tạo, những binh công xưởng của lực lượng vũ trang Biên Hòa từ việc sửa chữa chúng, tiến lên làm được đạn, chế tạo những loại súng trường, súng cối, mìn, lựu đạn..., để kịp thời đáp ứng nhu cầu chiến trường. Đặc biệt trong chống Pháp, binh công xưởng tỉnh đã chế tạo được mìn FT, bê ta, loại vũ khí lợi hại góp phần phá tan tháp canh của Pháp, góp phần rất lớn trong việc sáng tạo ra cách đánh đặc công.

Thời kỳ sau Đồng Khởi để kết hợp ba mũi đánh địch, khi chưa có vũ khí lớn, các chiến sĩ quân giới đã chế tạo các loại súng gậy nổ bằng khí đá để hù dọa địch có hiệu quả; tiến lên chế tạo các loại bom mìn ĐH, mìn phóng bằng đầu đạn, bằng bom pháo của địch; chế tạo những kíp nổ hẹn giờ (bằng đồng hồ) cho đặc công đánh kho tàng; hoặc chế tạo những kíp nổ phèn chua (Đoàn 10) đánh tàu địch trên sông, trong bến cảng có hiệu quả cao... Tất cả thể hiện sức sáng tạo không ngừng và tinh thần tự lực, tự cường cao của lực lượng vũ trang.

Hoặc như về lương thực, trong cả hai thời kỳ kháng chiến, lực lượng vũ trang đều xây dựng được các khu vực, nông trường sản xuất lúa gạo, khoai, bắp, tự túc một phần lương thực. Hậu cần tỉnh, huyện và các đơn vị vũ trang thể hiện rất cao tinh thần tự lực bằng nhiều hình thức: tác chiến trên đường giao thông đánh chiếm của địch; tổ chức cơ sở thu mua lương thực ở các cửa khẩu hậu cần; tiến lên cao hơn xây dựng các cửa khẩu hậu cần, kho tàng trong căn cứ tiếp nhận chi viện của Trung ương hoặc thu mua trong dân (bằng nhiều hình thức) cả lương thực và thuốc men, phương tiện y tế để dự trữ và cấp phát cho lực lượng vũ trang.

Ở những thời kỳ địch đánh phá ác liệt, không sản xuất được, lực lượng vũ trang phải khai thác nguồn hàng trong dân với sự giúp đỡ nhiệt tình của cơ sở bên trong. Nhờ sáng tạo và phát huy tinh thần tự lực, tự cường, lực lượng vũ trang tỉnh không chỉ bảo đảm hậu cần cho chính lực lượng cơ động đánh địch, mà còn hỗ trợ cho các lực lượng cấp trên.

Sau ngày thống nhất đất nước, lực lượng vũ trang Đồng Nai phát huy truyền thống đã có vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị, đánh địch giữ vững an ninh chính trị, vừa tiếp tục sản xuất tự túc, đáp ứng yêu cầu cải thiện đời sống vật chất cho lực lượng, và còn thiết thực góp phần xây dựng kinh tế tỉnh. Sản xuất tự túc, tự lực tự cường còn là một môi trường rèn luyện tư tưởng và bản lĩnh của lực lượng vũ trang, giữ vững bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”.

- *Quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta, nghiên cứu vận dụng kinh nghiệm truyền thống đánh giặc giữ nước của tổ tiên, tổng kết thực tiễn, học tập có chọn lọc khoa học quân sự tiên tiến của các nước, là yếu tố quan trọng để không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang.*

Trong cả hai cuộc kháng chiến, sau từng trận đánh, sau từng đợt hoạt động, từng chiến dịch, lực lượng vũ trang Đồng Nai đều thực hiện tổng kết đánh giá, kiểm điểm rút kinh nghiệm. Tổng kết thực tiễn, lý luận thực tế là công tác khoa học thiết thực để nâng cao tinh thần, trình độ kỹ chiến thuật, trình độ tổ chức chỉ huy chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ.

Trong kháng chiến chống Pháp, nhờ tổng kết đánh giá giao thông đường bộ, đường sắt những năm 1946, 1947 ta mới có được chiến thắng La Ngà năm 1948. Nhờ tổng kết thực tiễn, lý luận việc đánh tháp canh, đánh bại chiến thuật Đờ La – tua năm 1949 – 1950 mới xuất hiện cách đánh đặc công.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nhờ tổng kết kinh nghiệm xây dựng căn cứ chống Pháp, ta mới xây dựng và phát triển căn cứ địa một cách bài bản, xây dựng hậu phương và bàn đạp tấn công của các lực lượng cách mạng. Trong từng đợt hoạt động (1965 – 1966, 1966 – 1967, Mậu Thân 1968, Kỷ Dậu 1969, các đợt đánh phá áp chiến lược, đánh bình định...), tinh đội, huyện đội các đội vũ trang đều thực hiện tổng kết đánh giá, góp phần giúp Trung ương, Khu ủy có cơ sở đề ra các cách đánh, phương châm thích hợp như “hai chân ba mũi, hai lực lượng”, “vây lấn tấn triệt diệt”, tấn công và nổi dậy, phương châm “ba bám” (bám dân, bám địa bàn, bám địch). Tổng kết kinh nghiệm tốt đã giúp cho lực lượng đặc công Biên Hòa, Đoàn 10 Rừng Sác ngày càng sáng tạo và bản lĩnh hơn trong tác chiến, trong sáng tạo vũ khí độc đáo đánh địch có hiệu quả.

Trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ tổ quốc 1975 – 1995, Đảng bộ Đồng Nai, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai tích cực tiến hành tổng kết chiến tranh, biên soạn lịch sử kháng chiến của các địa phương (tỉnh, huyện và các xã anh hùng), lịch sử các đơn vị lực lượng vũ trang, lịch sử căn cứ, địa đạo, kháng chiến... để giáo dục truyền thống, và kinh nghiệm xây dựng lực lượng, trong chiến đấu và huấn luyện... Tham gia nghiên cứu khoa học – công nghệ ứng dụng trong các mặt: xây dựng lực lượng, nghệ thuật quân sự, hậu cần quân sự... để không ngừng nâng

cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại trong điều kiện mới.

Bên cạnh những vấn đề cơ bản trên, lịch sử 50 năm lực lượng vũ trang Đồng Nai còn nhiều vấn đề cụ thể, sinh động có giá trị khoa học như: kinh nghiệm tổ chức chỉ huy hợp đồng chiến đấu giữa lực lượng chủ lực cấp trên và lực lượng địa phương (như sự chỉ huy hợp đồng chặt chẽ giữa chủ lực Khu, Miền với lực lượng địa phương tinh trong các trận đánh vào sân bay Biên Hòa, đánh vào căn cứ hậu cần chiến lược của địch trong xuân 1968 và xuân 1975); kết hợp lực lượng công khai và bí mật trong chiến đấu ở đô thị và hậu cứ địch; xây dựng hệ thống hậu cần chuyên trách và hậu cần nhân dân đảm bảo chiến đấu ở vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng đô thị; dựa vào lòng dân, lòng đất bám trụ chiến đấu dài ngày trong vùng kiểm soát của địch... (sẽ tổng kết thành chuyên đề sau này).

Những nguyên nhân dẫn tới kết quả 50 năm xây dựng phát triển của lực lượng vũ trang Đồng Nai được hình thành, tích lũy từ xương máu bao đồng bào, cán bộ, chiến sĩ, con em nhân dân trong tỉnh và cả nước về đây chiến đấu trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc lâu dài, gian khổ, đầy hy sinh và cực kỳ anh dũng. Đó là di sản quý giá góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và lòng tự hào của nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh; đồng thời góp phần làm phong phú thêm lý luận khoa học quân sự phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

# PHỤ LỤC

## **PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ**

### **I. TẬP THỂ**

- 01 Huân chương Sao vàng.
- 13 Huân chương Thành đồng hạng nhất, nhì, ba.
- 01 Huân chương Quân công hạng nhất.
- 26 Huân chương Giải phóng hạng nhất, nhì, ba.
- 01 Cờ thưởng của Bộ Quốc phòng.
- 46 Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

### **II. CÁ NHÂN:**

- 08 Huân chương Độc lập.
- 149 Huân chương Quân công (các hạng).
- 143 Huân chương Quân kỳ quyết thắng.
- 4491 Huân chương Chiến công (các hạng).
- 36 Huân chương Chiến công giải phóng.
- 18.199 Huân chương Chiến sĩ giải phóng.
- 258 Huân, huy chương Chiến thắng.
- 5.704 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (các hạng).
- 1.662 Huân, huy chương Chiến sĩ giải phóng (các hạng).
- 1.760 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.
- 1050 Huy chương Hữu nghị.
- 289 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.
- 22 Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.



**ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI <sup>(1)</sup>**

SỐ TT	ĐƠN VỊ	NGÀY TUYÊN DƯƠNG
1	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ BÌNH LỘC	20 – 12 – 1973
2	ĐỘI BIỆT ĐỘNG THỊ XÃ LONG KHÁNH	03 – 06 – 1976
3	ĐỘI TRINH SÁT VŨ TRANG THỊ XÃ LONG KHÁNH	1976
4	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ BẢO VINH	06 – 11 – 1978
5	ĐỘI DU KÍCH CAO SU BÌNH SƠN	06 – 11 – 1978
6	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ THIÊN TÂN	06 – 11 – 1978
7	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ HÙNG LỘC	06 – 11 – 1978
8	LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA LONG KHÁNH	06 – 11 – 1978
9	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ PHÚ HỘI	06 – 11 – 1978
10	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ TAM AN	06 – 11 – 1978
11	ĐỘI DÂN QUÂN DU KÍCH XÃ PHƯỚC AN	06 – 11 – 1978
12	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ LONG PHƯỚC	20 – 12 – 1994
13	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒN ĐIỆN CAO SU CẨM MỸ	20 – 12 – 1994
14	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒN ĐIỆN CAO SU AN LỘC	20 – 12 – 1994
15	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ PHÚ HỮU	20 – 12 – 1994
16	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN	20 – 12 – 1994

<sup>1</sup>. Bản thống kê này tính đến năm 1999.

	DÂN HUYỆN LONG KHÁNH	
17	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THỊ XÃ BIÊN HÒA	20 – 12 – 1994
18	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ HIỆP HÒA	20 – 12 – 1994
19	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG XÃ TÚC TRUNG	30 – 8 – 1945
20	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH	29 – 01 – 1996
21	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN	29 – 01 – 1996
22	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU	29 – 01 – 1996
23	CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒN ĐIỀN CAO SU BÌNH LỘC	29 – 01 – 1996
24	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN PHƯỜNG AN BÌNH	29 – 01 – 1996
25	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN PHƯỜNG THỐNG NHẤT	29 – 01 – 1996
26	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ TAM PHƯỚC	29 – 01 – 1996
27	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ AN PHƯỚC	29 – 01 – 1996
28	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ PHÚ LÝ	29 – 01 – 1996
29	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ BÌNH LỢI	29 – 01 – 1996
30	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ TRỊ AN	29 – 01 – 1996
31	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ LONG THỌ	29 – 01 – 1996

32	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÁI	29 – 01 – 1996
33	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ TÂN AN	22 – 08 – 1998
34	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ TÂN BÌNH	22 – 08 – 1998
35	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ BÀU HÀM	22 – 08 – 1998
36	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THỊ TRẤN TRẮNG BOM	22 – 08 – 1998
37	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ XUÂN LẬP	22 – 08 – 1998
38	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ XUÂN TÂN	22 – 08 – 1998
39	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ PHÚ TỨC	22 – 08 – 1998
40	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ TÀ LÀI	22 – 08 – 1998
41	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN XÃ XUÂN THỌ	22 – 08 – 1998
42	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH	22 – 08 – 1998
43	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG HUYỆN XUÂN LỘC	11 – 06 – 1999
44	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG XÃ BẢO BÌNH HUYỆN XUÂN LỘC	11 – 06 – 1999
45	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG XÃ THẠNH PHÚ HUYỆN VĨNH CỬU	11 – 06 – 1999
46	NHÂN DÂN VÀ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG XÃ BÀU HÀM 2 HUYỆN THỐNG NHẤT	11 – 06 – 1999

**Tổng số : 46**  
**Đơn vị : 14**  
**Huyện : 7**  
**Xã : 25**

**ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY TUYÊN DƯƠNG	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	NGUYỄN VĂN QUANG	17/09/1967	Địa phương	
2	TRỊNH XUÂN BẢNG <sup>1</sup>	20/12/1969	Đặc công đoàn 10	Liệt sĩ
3	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	20/12/1969	Địa phương	
4	BÙI VĂN HÒA	10/02/1970	Địa phương	Liệt sĩ
5	NGUYỄN VĂN CHÍN	19/05/1972	Địa phương	
6	NGUYỄN VĂN TRUNG	15/10/1976	Tình báo	
7	LÊ A	06/11/1978	Địa phương	Liệt sĩ
8	ĐIỀU CẢI	06/11/1978	Địa phương	Liệt sĩ
9	LÊ DUY CHÍN	06/11/1978	Địa phương	
10	NGUYỄN VĂN HUỆ	06/11/1978	Địa phương	
11	TRẦN VĂN NUÔI	06/11/1978	Địa phương	Liệt sĩ
12	TRỊNH XUÂN THIỀU	06/11/1978	Chủ lực	
13	NGUYỄN THANH TÙNG	06/11/1978	Đặc công	
14	TRẦN ĐỐI	06/11/1978	Chủ lực	
15	TỔNG VIẾT DƯƠNG	06/11/1978	Đặc công	
16	TRƯƠNG VĂN HẢI	06/11/1978	Đặc công	Liệt sĩ
17	DƯƠNG VĂN THỈ	06/11/1978	Địa phương	
18	HỒ THỊ HƯƠNG	1980	Biệt động	Liệt sĩ
19	LƯƠNG VĂN XUÂN	28/08/1981	Chủ lực	
20	BÙI VĂN BÌNH	19/08/1985	Chủ lực	Liệt sĩ
21	NGUYỄN VĂN BÌNH	29/08/1985	Chủ lực	
22	NGUYỄN TRỌNG TÂM	30/08/1995	Chủ lực	
23	TRẦN CÔNG AN	23/10/1996	Địa phương	

\*. Những đồng chí được tuyên dương từ đơn vị khác về chiến đấu và công tác ở Đồng Nai.

Trong đó:

- Lực lượng chủ lực 06
- Lực lượng địa phương 11
- Đặc công 03
- Biệt động 01
- Tình báo 01

(Bảng thống kê này tính đến năm 1996).

**BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG  
CỦA TỈNH ĐỒNG NAI**

	<b>Đơn vị</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Bà mẹ có 05 con trở lên là liệt sĩ</b>	<b>Bà mẹ có chồng và con là liệt sĩ</b>	<b>Bà mẹ có 01 con duy nhất là liệt sĩ</b>	<b>Bà mẹ có 02 con duy nhất là liệt sĩ</b>	<b>Bà mẹ là liệt sĩ</b>	<b>Bà mẹ quê ở Đồng Nai</b>
	TP. Biên Hòa	36		20	13	2	1	13
	H. Định Quán	17		13	03	1		07
	H. Long Khánh	33	1	21	10	1		09
	H. Long Thành	65		30	32	1	2	58
	H. Nhơn Trạch	80	1	51	26	2		77
	H. Thống Nhất	17		12	03	2		04
	H. Vĩnh Cửu	23		12	10	1		20
	H. Xuân Lộc	13		08	05			02
	H. Tân Phú	05		03		2		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>289</b>	<b>02</b>	<b>170</b>	<b>102</b>	<b>12</b>	<b>03</b>	<b>190</b>

Bảng thống kê này tính đến tháng 12 năm 1997.

**DANH SÁCH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO CHỈ HUY  
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI  
QUA CÁC THỜI KỲ**

**1. CHI ĐỘI 10 (6/1946 – 3/1948)**

- HUỖNH VĂN NGHỆ : Chi đội trưởng
- PHAN ĐÌNH CÔNG : Chính trị viên
- VÕ CƯƠNG : Chính trị viên
- HUỖNH VĂN ĐẠO : Chi đội phó
- NGUYỄN VĂN LUNG : Chi đội phó

**2. TỈNH ĐỘI DÂN QUÂN BIÊN HÒA (1945 – 1948)**

- CAO VĂN HỒ : Tỉnh đội trưởng
- NGÔ VĂN LAI : Chính trị viên
- NGUYỄN VĂN TRỊ : Tỉnh đội phó
- NGUYỄN THỊ NGUYỆT : Tỉnh đội phó

**3. TRUNG ĐOÀN 310 (3/1948 – 11/1949)**

- NGUYỄN VĂN LUNG : Trung đoàn trưởng
- VÕ CƯƠNG : Chính trị viên
- NGUYỄN VĂN QUANG : Trung đoàn phó
- ĐÌNH QUANG ÂN : Trung đoàn phó
- ĐÀO VĂN QUANG : Trung đoàn phó

**4. LIÊN TRUNG ĐOÀN 301 – 310 (11/1949 – 10/1950)**

- NGUYỄN VĂN THI : Liên trung đoàn trưởng
- NGUYỄN QUANG VIỆT : Chính trị viên
- NGUYỄN VĂN LUNG : Liên trung đoàn phó
- ĐÌNH QUANG ÂN : Liên trung đoàn phó

**5. TỈNH ĐỘI BIÊN HÒA (1949 – 1950)**

- LƯƠNG VĂN NHO : Tỉnh đội trưởng
- HOÀNG TRƯỜNG : Chính trị viên
- TRỊNH VĂN TẠO : Tỉnh đội phó

(Tùng Lâm)

**6. TỈNH ĐỘI THỦ BIÊN (1951 – 1954)**

- HUỖNH VĂN NGHỆ : Tỉnh đội trưởng
- NGUYỄN QUANG VIỆT : Bí thư Tỉnh ủy  
kiêm chính trị viên
- LÊ HỒNG LĨNH : Phó chính trị viên
- NGUYỄN VĂN TƯ : Tỉnh đội phó
- TRỊNH VĂN TẠO : Tỉnh đội phó

- (Tùng Lâm)
- NGUYỄN VĂN TRỰC : Tỉnh đội phó
  - (Thanh Tâm)
  - BUI CÁT VŨ : Tỉnh đội phó,  
tham mưu trưởng
- 7. TIỂU ĐOÀN TẬP TRUNG 303 (4/1951 – 7/1954)**
- LÊ VĂN NGỌC : Tiểu đoàn trưởng
  - NGUYỄN VĂN TRỰC : Tiểu đoàn trưởng  
(Thanh Tâm)
  - QUANG VĂN BẢY : Chính trị viên
  - TẠ MINH KHÂM : Tiểu đoàn phó
- 8. TỈNH ĐỘI BIÊN HÒA (1962)**
- PHAN VĂN TRANG : Trưởng ban quân sự
  - NGUYỄN HỒNG PHÚC : Phó ban quân sự
  - NGUYỄN THANH BÌNH : Phó ban quân sự
- 9. TỈNH ĐỘI BÀ RIÀ (1960 – 1966)**
- LÊ MINH THỊNH : Trưởng ban quân sự
  - NGUYỄN QUỐC THANH : Tỉnh đội phó  
(Ba Thanh)
  - NGUYỄN VIỆT HOA : Tỉnh đội trưởng
- 10. TỈNH ĐỘI BÀ BIÊN (1963)**
- NGUYỄN THANH BÌNH : Tỉnh đội trưởng
  - NGUYỄN VĂN TRANG : Chính trị viên
  - NGUYỄN HỒNG PHÚC : Tỉnh đội phó  
tham mưu trưởng
  - ÚT HOẠT : Tỉnh đội phó
  - NGUYỄN QUỐC THANH : Tỉnh đội phó  
(Ba Thanh)
- 11. TỈNH ĐỘI LONG KHÁNH (1962 – 1964 – 1966)**
- PHẠM VĂN HY : Trưởng ban quân sự
  - PHẠM LẠC : Trưởng ban quân sự
- 12. TỈNH ĐỘI BIÊN HÒA (1964 – 1966)**
- CHÂU VĂN LÔNG : Tỉnh đội trưởng
  - PHAN VĂN TRANG : Chính trị viên
  - NGUYỄN HỒNG PHÚC : Tỉnh đội phó
  - NGUYỄN VĂN THUẬN : Tỉnh đội phó
  - NGUYỄN CÔNG HẠNH : Chính trị viên phó
- 13. TỈNH ĐỘI BÀ BIÊN (01/1967 – 10/1967)**
- ĐẶNG HỮU THUẬN : Tỉnh đội trưởng
  - LÊ ĐÌNH NHƠN : Chính trị viên
  - PHAN VĂN TRANG : Chính trị viên phó
  - PHẠM LẠC : Tỉnh đội phó
  - BA LIÊN : Chính trị viên phó
  - ÚT HOẠT : Tỉnh đội phó –



- tham mưu trưởng
- CHÂU VĂN LÔNG : Tỉnh đội phó
  - NGUYỄN VĂN THUẤN : Tỉnh đội phó
- 14. TỈNH ĐỘI U1 (BIÊN HÒA) (9/1965 – 5/1971)**
- TRẦN CÔNG AN : Tỉnh đội trưởng
  - NGUYỄN VĂN TRỊ : Chính trị viên
  - PHAN VĂN TRANG : Chính trị viên
  - NGUYỄN VĂN TIÊN : Tỉnh đội phó
  - NGUYỄN VĂN TUẤT : Tỉnh đội phó
  - CHÂU VĂN LÔNG : Tỉnh đội phó
  - BA THO : Chính trị viên phó
- 15. TỈNH ĐỘI BÀ RỊA – LONG KHÁNH (12/1964 – 1976)**
- PHẠM LẠC : Tỉnh đội trưởng
  - PHẠM VĂN HY : Chính trị viên
- 16. PHÂN KHU 4 (10/1967 – 5/1971)**
- LƯƠNG VĂN NHO : Tư lệnh Phân khu 4
  - ĐẶNG QUANG LONG : Chính ủy Phân khu 4
  - MAI VĂN CHÚT : Chính ủy Phân khu 4
  - DƯƠNG VĂN CAM : Phó tư lệnh Phân khu 4
- 17. PHÂN KHU BÀ RỊA (5/1971 – 10/1972)**
- TRẦN SƠN TIÊU : Tư lệnh
  - LÊ ĐÌNH NHƠN : Chính ủy
  - PHẠM LẠC : Phó tư lệnh
- 18. PHÂN KHU THỦ BIÊN (5/1971 – 10/1972)**
- NGUYỄN HỒNG LÂM : Tư lệnh
  - NGUYỄN VĂN TRUNG : Chính ủy
  - NGUYỄN ĐĂNG MAI : Phó chính ủy
  - TRẦN CÔNG AN : Phó tư lệnh
  - BÙI KHÁNH NGƯỜN : Phó tư lệnh
- 19. TỈNH ĐỘI BÀ RỊA – LONG KHÁNH (10/1972 – 12/ 1975)**
- PHẠM LẠC : Tỉnh đội trưởng
  - PHẠM VĂN HY : Chính trị viên
- 20. TỈNH ĐỘI BIÊN HÒA (10/ 1972 – 6/1975)**
- NGUYỄN VIỆT HOA : Tỉnh đội trưởng
  - NGUYỄN CÔNG HẠNH : Chính trị viên
  - TRẦN ON : Tỉnh đội phó
  - NGUYỄN MINH HIỆP : Tỉnh đội phó
- 21. THÀNH ĐỘI BIÊN HÒA (6/1973 – 1975)**
- HUỲNH VĂN SANG : Thành đội trưởng
  - PHAN VĂN TRANG : Chính trị viên
  - NGUYỄN MINH HIỆP : Thành đội phó
- 22. TỈNH ĐỘI TÂN PHÚ (10/1973 – 12/1975)**
- LƯU PHƯỚC ANH : Tỉnh đội trưởng
  - VÕ CHẮC : Tỉnh đội trưởng

- NGUYỄN THANH BÌNH : Tỉnh đội trưởng
  - LƯƠNG VIỆT ANH : Tỉnh đội phó
- BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐỒNG NAI (1976 – 1995)**

**(Từ 1976 đến 1979)**

- LÊ VĂN NGỌC : Chỉ huy trưởng
- HUỖNH NGỌC ĐẤU : Chỉ huy trưởng
- NGUYỄN ĐĂNG MAI : Chính ủy
- NGUYỄN VĂN CHƯỚC : Phó chỉ huy trưởng  
Tham mưu trưởng
- NGUYỄN THANH TÙNG : Phó chỉ huy trưởng  
(Mười cơ) Tham mưu trưởng
- LÊ BÁ ƯỚC : Phó chính ủy
- LÊ ĐĂNG : Phó chính ủy  
Chủ nhiệm chính trị
- PHẠM LẠC : Phó chỉ huy trưởng
- NGUYỄN VIỆT HOA : Phó chỉ huy trưởng
- TÔNG VIỆT DƯƠNG : Phó chỉ huy trưởng

**(Từ 6 năm 1979 đến 12 năm 1982)**

- HUỖNH NGỌC ĐẤU : Chỉ huy trưởng
  - NGUYỄN ĐĂNG MAI :
  - NGUYỄN CÔNG HẠNH : Phó chỉ huy trưởng  
Động viên tuyển quân
  - CHÂU THÁI HÙNG : Phó chỉ huy trưởng
  - TÔNG VIỆT DƯƠNG : Phó chỉ huy trưởng
  - NGUYỄN THANH HỒNG : Phó chỉ huy trưởng  
Tham mưu trưởng
  - LÊ THÁI : Phó chỉ huy trưởng –  
Chủ nhiệm biên phòng
  - NGUYỄN CÔNG HẠNH : Phó chỉ huy trưởng
- (Từ 12 năm 1982 đến 9 năm 1986)**
- HUỖNH NGỌC ĐẤU : Chỉ huy trưởng
  - NGUYỄN VĂN TRỌNG : Phó chỉ huy trưởng chính

trị

- LÊ BÁ ƯỚC : Phó chỉ huy trưởng  
Tham mưu trưởng
- TÔNG VIỆT DƯƠNG : Phó chỉ huy trưởng
- NGUYỄN CÔNG HẠNH : Phó chỉ huy trưởng
- LÊ BÁ ƯỚC : Phó chỉ huy trưởng chính

trị

- DƯƠNG NGỌC TÂN : Phó chỉ huy trưởng
- NGUYỄN THANH TÙNG : Phó chỉ huy trưởng  
Tham mưu trưởng

**(Từ 9 năm 1986 đến 12 năm 1988)**

-NGUYỄN THANH TÙNG	:	Phó chỉ huy trưởng Tham mưu trưởng
- LÊ BÁ ƯỚC	:	Phó chỉ huy trưởng chính
trị - PHẠM NGỌC NGHI	:	Phó chỉ huy trưởng Chủ nhiệm hậu cần
- NGUYỄN CÔNG HẠNH	:	Phó chỉ huy trưởng
- TẠ ĐIỀN	:	Phó chỉ huy trưởng Tham mưu trưởng
- TRẦN ON	:	Phó chỉ huy trưởng Động viên tuyển quân
- NGUYỄN HUY THÂN	:	Phó chỉ huy trưởng
<b>(Từ năm 1989 đến 12 năm 1991)</b>		
- NGUYỄN THANH TÙNG	:	Chỉ huy trưởng
- NGUYỄN VĂN BẢO	:	Phó chỉ huy trưởng
- NGUYỄN TRÍ THỨC	:	Phó chỉ huy trưởng Tham mưu trưởng
- NGUYỄN VĂN CHUÔNG	:	Phó chỉ huy trưởng
- HUỖNH VĂN TAM	:	Phó chỉ huy trưởng
- ĐỖ TIẾN ĐẬM	:	Phó chỉ huy trưởng
<b>(Từ năm 1989 đến 12 năm 1991)</b>		
- NGUYỄN THANH TÙNG	:	Chỉ huy trưởng
- NGUYỄN TRÍ THỨC	:	Phó chỉ huy trưởng Tham mưu trưởng
- NGUYỄN VĂN CHUÔNG	:	Phó chỉ huy trưởng
- LÝ THÀNH TRUNG	:	Phó chỉ huy trưởng
- NGUYỄN TRÍ THỨC	:	Chỉ huy trưởng
- NGUYỄN TẤN DANH	:	Phó chỉ huy trưởng Tham mưu trưởng
-NGUYỄN TRỌNG TIẾT	:	Phó chỉ huy trưởng

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	3
<i>Chương mở đầu</i> .....	6
<b>CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG TIỀN THÂN</b> .....	6
<b>I. VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VŨ TRANG CỦA NHÂN DÂN ĐỒNG NAI.</b> .....	6
<b>II. CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG TIỀN THÂN</b> .....	13
<b>PHẦN THỨ NHẤT</b> .....	15
<b>LƯỢC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI</b> .....	15
<i>Chương một</i> .....	15
<b>QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ THỐNG NHẤT</b> .....	15
<b>I. CÁC TỔ CHỨC VŨ TRANG KHÁNG CHIẾN ĐẦU TIÊN</b> .....	15
<b>II. BIÊN HÒA KHÁNG CHIẾN, CHI ĐỘI 10 VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG DU KÍCH ĐỊA PHƯƠNG.</b> .....	21
<i>Chương hai</i> .....	32
<b>XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG VÀ DÂN</b> .....	32
<b>I. TỪ QUẬN QUÂN SỰ ĐẾN TỔ CHỨC TỈNH ĐỘI DÂN QUÂN BIÊN HÒA.</b> .....	32
<b>II. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIAO THÔNG ĐỊCH.</b> .....	37
<b>III. VỪA CỨNG CỐ VỪA PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, VỪA GÓP PHẦN XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ KHÁNG CHIẾN.</b> .....	45
<b>IV. CHỐNG CHIẾN THUẬT BAO VÂY CỦA ĐỊCH.</b> .....	51
<i>Chương ba</i> .....	59
<b>TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG PHÙ HỢP VỚI</b> .....	59
<b>I. CỨNG CỐ SẮP XẾP LẠI LỰC LƯỢNG TRONG ĐIỀU KIỆN CHIẾN TRƯỜNG BỊ CHIA NHỎ.</b> .....	59
<b>II. LÀM NÒNG CỐT TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC</b> .....	66
<b>PHẦN THỨ HAI</b> .....	78
<b>LƯỢC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI TRONG</b> .....	78
<i>Chương bốn</i> .....	78
<b>TÁI XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG, PHỤC VỤ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, LÀM NÒNG CỐT CHO PHONG TRÀO ĐỒNG KHÔI</b> .....	78
<b>I. TÁI XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, XÂY DỰNG CĂN CỨ, HỖ TRỢ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ, CHỐNG ĐỊCH “TỔ CỘNG”</b> .....	78
<b>II. LÀM NÒNG CỐT TRONG PHONG TRÀO KHÔI NGHĨA:</b> .....	91
<i>Chương năm</i> .....	112
<b>XÂY DỰNG BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG, LÀM NÒNG CỐT TRONG PHONG TRÀO CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ.</b> .....	112
<b>I. THÀNH LẬP BAN QUÂN SỰ TỈNH, PHÁT TRIỂN BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG VÀ DÂN QUÂN DU KÍCH</b> .....	112
<b>II. TIẾN CÔNG PHÁ ÁP CHIẾN LƯỢC, BAO BÓ ĐÒN BÓT ĐỊCH, MỞ RỘNG VÙNG GIẢI PHÓNG.</b> .....	116
<b>III. ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TÁC CHIẾN, THAM GIA TRẬN ĐÁNH SÂN BAY BIÊN HÒA VÀ CHIẾN ĐỊCH BÌNH GIÃ.</b> .....	124

<b>Chương sáu</b> .....	132
<b>SÁNG TẠO CÁC HÌNH THỨC TÁC CHIẾN, LIÊN TỤC TIẾN CÔNG CÁC CĂN CỨ QUÂN SỰ, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI HAI CUỘC PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC MÙA KHÔ; THAM GIA TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968</b> .....	132
<b>I. XÂY DỰNG, TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG, SẴN SÀNG ĐÁNH QUÂN VIỄN CHINH MỸ VÀ CHƯ HẬU</b> .....	132
<b>II. KẾT HỢP NHIỀU HÌNH THỨC TÁC CHIẾN CỦA CÁC LỰC LƯỢNG CÔNG BINH, PHÁO BINH, ĐẶC CÔNG, LIÊN TỤC TIẾN CÔNG PHÁ KHO TÀNG, CĂN CỨ QUÂN SỰ ĐỊCH</b> .....	135
<b>III. THỰC HÀNH CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968</b> .....	143
<b>Chương bảy</b> .....	151
<b>BÁM TRỤ ĐỊA BÀN CỨNG CỐ LỰC LƯỢNG, THAM GIA CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC 1972 TẠO THỂ CHO PHONG TRẢO ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ (1969-1973)</b> ..	151
<b>I. ĐỢT TIẾN CÔNG XUÂN KỶ DẬU 1969</b> .....	151
<b>II. KIÊN CƯỜNG BÁM TRỤ, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, CHỐNG CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH</b> .....	158
<b>III. BỔ TRÍ LẠI CHIẾN TRƯỜNG, CỨNG CỐ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, THAM GIA CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC NĂM 1972</b> .....	162
<b>IV. THAM GIA ĐỢT “CHÒM LÊN” CUỐI NĂM 1972, ĐẦU NĂM 1973</b> .....	171
<b>Chương tám</b> .....	176
<b>KẾT HỢP BA THỨ QUÂN CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM</b> .....	176
<b>I. CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM BÌNH ĐỊNH, KHÔI PHỤC, GIỮ VỮNG VÙNG GIẢI PHÓNG</b> .....	176
<b>II. THAM GIA CHIẾN CUỘC MÙA KHÔ 1974-1975</b> .....	187
<b>PHẦN THỨ BA</b> .....	209
<b>LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỒNG NAI TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1945 – 1995)</b> .....	209
<b>Chương chín</b> .....	209
<b>XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG TÌNH HÌNH MỚI</b> .....	209
<b>I. CỨNG CỐ, CHẤN CHỈNH LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, GÓP PHẦN XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH SAU GIẢI PHÓNG</b> .....	209
<b>II. TRUY QUÉT TÀN QUÂN ĐỊCH, TIÊU DIỆT CÁC NHEN NHÓM PHẢN ĐỘNG, BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN XÂY DỰNG CUỘC SỐNG MỚI</b> .....	213
<b>III. GÓP PHẦN XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b> .....	237
<b>Chương mười</b> .....	242
<b>PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG - CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC</b> .....	242
<b>I. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG</b> .....	242
<b>II. THAM GIA BẢO VỆ CÁC KHU VỰC TRỌNG ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI XÂY DỰNG KINH TẾ, KẾT HỢP VỚI QUỐC PHÒNG, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG QUÂN ĐỘI</b> .....	247
<b>III. THAM GIA CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ BIÊN GIỚI TÂY NAM VÀ LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ TẠI CAM-PU-CHIA</b> .....	255
<b>Chương mười một</b> .....	268
<b>XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN</b> .....	268
<b>I. XÂY DỰNG TỈNH THÀNH KHU VỰC PHÒNG THỦ VỮNG CHẮC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ SỨC MẠNH CHIẾN ĐẤU CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG THƯỜNG TRỰC</b> .....	268
<b>II. XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ DÂN QUÂN TỰ VỆ VỮNG MẠNH SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU TRONG MỌI TÌNH HUỐNG</b> .....	277
<b>KẾT LUẬN</b> .....	285
<b>PHỤ LỤC</b> .....	301

